William Boyd

Chờ mặt trời lên

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

William Boyd

Chờ mặt trời lên

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

CHỜ MẶT TRỜI LÊN

WILLIAM P. YOUNG

Nguyễn Quang Huy *dịch*

—★—

• WAITING FOR SUNRISE •

TÁC GIẢ

Sinh năm 1952, William Boyd là một tiểu thuyết gia nổi tiếng người Scotland.

Các tiểu thuyết và truyện ngắn của ông đã được dịch ra hơn 30 ngôn ngữ và dành nhiều giải thưởng lớn trên các văn đàn thế giới, đặc biệt là về truyện trinh thám, điệp viên. Trong đó có *A Good Man in Africa*, đạt giải Whitbread và Somerset Maugham; *An Ice-cream War* đạt giải John Llewllyn Rhys và được đề cử cho giải Booker; *Brazzaville Beach* đạt giải James Tait Black Memorial, *Any Human Heart* đạt giải Prix Jean Monnet; *Restless* đạt giải Costa Novel of the Year...

Vào tháng 4 năm 2012 William Boyd được tổ chức Ian Fleming (tổ chức duy trì và bảo tồn các tác phẩm về James Bond từ khi tác giả Ian Fleming qua đời mời chắp bút cho phần tiếp theo câu chuyện của siêu Điệp viên 007 James Bond. Dự kiến cuốn tiểu thuyết sẽ được công bố vào mùa thu năm 2013, nhân dịp kỷ niệm 60 năm kể từ ngày Ian Fleming ra mắt cuốn tiểu thuyết đầu tiên về Điệp viên 007.

GIỚI THIỆU

1913, chàng diễn viên điển trai ăn mặc bảnh bao người Anh, Lysander Rief đang rảo bước trên những con phố thành Vienna với tâm trạng bồn chồn, rối bời trước buổi trị liệu tâm lí đầu tiên với bác sĩ Bensimon.

1914, Binh nhì Lysander Rief đã tình nguyện nhập ngũ khi chiến tranh Thế giới thứ nhất nổ ra, với nhiệm vụ là tiếp xúc và trấn an các tù binh người nước ngoài bị tạm giam tại Anh.

1915, Đại úy Lysander Rief, một quân nhân được biệt phái đến Bộ Tham mưu của Anh với quyền hạn và nhiệm vụ vô cùng đặc biệt của một điệp viên ngầm giữa thế giới đầy rối ren, nơi ranh giới giữa sự thật và dối trá chỉ mong manh trong chớp mắt. Anh phải tìm ra chìa khóa giải mã bí mật liên quan đến sự an nguy của Anh quốc, và phải sử dụng tất cả các kỹ năng có thể để thế giới tối tăm của những nghi ngờ và phản bội không xâm phạm và làm phương hại đến cuộc sống của anh - mẹ anh, con trai anh, và những người anh yêu thương.

Chờ mặt trời lên là một cuộc hành trình vào miền tâm lý con người, một bức tranh khổng lồ về chiến tranh Thế giới thứ nhất ở châu Âu, một cốt truyện đan xen nhiều tình tiết như một cuộc đua đầy áp lực đến nghẹt thở, và một hồi kết vô cùng bất ngờ nhưng cũng thấm đẫm tính nhân văn sâu sắc.

Điều ngỡ là thật lúc bình minh sẽ là ảo ảnh dưới nắng trưa.

ERNEST HEMINGWAY

Nói dối thật chẳng ra gì; nhưng khi sự thực có nguy cơ gây ra một cú sốc kinh khủng thì nói dối có thể tha thứ được.

SOPHOCLES

“Một siêu phẩm. Đọc truyện của William Boyd giống như mở một chai rượu, châm lửa hút thuốc, ngồi thoải mái trong chiếc ghế bành và chắc chắn rằng tác phẩm này sẽ đưa bạn đến một chuyến đi vô cùng thú vị mà không thể đoán trước được điều gì sắp xảy ra”.

(The Spectator - UK)

“Hơn hết thảy, Chờ mặt trời lên là một dấu mốc điển hình của cách kể chuyện: tinh khôn, khéo léo, hài hước, và luôn luôn cuốn hút... Đây là sự kiện văn học của năm”.

(The Times - UK)

“Một tiểu thuyết về điệp viên đầy gợi mở và có nhịp độ nhanh...”

(The New York Times Book Review)

Dành tặng Susan

PHẦN I

VIENNA
1913 – 1914

1

Một Anh chàng khá Điển trai

MỘT NGÀY HÈ trời trong và rực rỡ tại Vienna. Bạn đang đứng giữa một vùng nắng vàng chanh hình sao năm cánh nghiêng, tại một góc ngoặt giữa đường Augustiner Strasse và đường Augustinerbastei, đối diện nhà hát opera. Bạn đứng đó lười nhác ngắm nhìn cả thế giới trôi qua trước mắt, đợi chờ ai hay điều gì khiến bạn chú ý và run lên vì phấn khích. Không khí của thành phố hôm nay có vẻ lạnh lẽo đến kinh ngạc, gần giống như mùa xuân dù đã qua lâu rồi. Nhưng bạn vẫn nhận ra một chút cái bồn chồn của mùa xuân ở những người đi qua, sự sôi nổi tiềm tàng trong không khí và có thể là cả sự liều lĩnh - dù tại thành Vienna này, chẳng ai dám nói sự liều lĩnh ấy có thể là cái gì... Dù thế bạn vẫn mở to mắt, bình thản đến lạ lùng, sẵn sàng đón nhận bất kì điều gì - một mẩu vụn bánh mì hay một đồng xu lăn - mà thế giới này có thể ném xuống con đường bạn đang đi.

Và rồi bạn thấy- ngay bên phải một thanh niên đang sải bước ra khỏi công viên Hofgarten. Độ ba mươi tuổi, có thể gọi là đẹp trai, nhưng anh ta hấp dẫn bạn vì không đội mũ, một điều bất thường giữa đám đông dân Vienna hối hả này, ai cũng mang mũ, nam cũng như nữ. Và khi anh đi lướt qua, bạn sẽ phải để ý đến mái tóc nâu đẹp nhẹ bay theo gió, bộ vest màu xám nhạt và đôi giày màu máu bò bóng lộn. Anh có vóc người trung bình nhưng đôi vai rộng, khổ người cân đối của dân thể thao. Bạn sẽ nhận ra điều này khi anh chỉ cách bạn hai bước chân. Mày râu nhẵn nhụi - cũng là

một điều lạ ở nơi đây, thành phố của râu ria - và tấm áo choàng được may rất khéo, bó sát eo lưng cùng những nếp gấp tỉ mỉ của chiếc khăn tay lụa màu xanh nhạt nằm hững hờ trên túi áo ngực. Có điều gì đó kĩ tính và thận trọng trong cách ăn mặc - có thể thấy anh khá đẹp trai nên cũng có vẻ là một kẻ biết ăn diện. Bạn quyết định đi theo anh vài phút, vì vô tình bị hấp dẫn và cũng vì chẳng có việc gì hay hơn để làm.

Trên đường vào quảng trường Michaeler Platz, người thanh niên ấy đột ngột dừng bước, nhìn chằm chằm vào cái gì đó trên tấm biển quảng cáo rồi lại đi, gấp gáp, như thể không muốn trễ một cuộc hẹn. Bạn theo anh đi quanh khu phố và rẽ vào đường Herrengasse - vài tia nắng chiếu xiên rọi sáng những chi tiết trên các tòa nhà khổng lồ, vững chắc, phủ bóng đen sắc lạnh, tối om lên các cột tượng đàn bà và các trụ ngạch, trán tường và mái gờ, lan can và dầm đầu cột. Anh dừng chân tại một ki ốt bán báo và tạp chí nước ngoài, chọn mua tờ The Graphic, mở ra đọc các đề mục. À, anh là người Anh - thế mới chán - hết cả hứng tò mò. Bạn quay về chỗ có ánh mặt trời nắm góc lúc nãy, hi vọng sẽ bắt gặp được vài thứ hấp dẫn hơn, bỏ mặc chàng người Anh sải bước đến bất kỳ đâu và gặp bất kì ai anh ta muốn...

Tay lơ đãng vuốt nhẹ mái tóc thẳng đẹp, Lysander Rief trả tiền mua tờ Graphic số ra ba ngày trước (bản nước ngoài), liếc nhìn vào một đề mục - “Hiệp định đình chiến được ký kết tại Bucharest - Kết thúc Chiến tranh Balkan lần Thứ hai”. Cái mũ! Chết tiệt. Anh quên đâu nhỉ? Trên ghế đá ở Hofgarten - dĩ nhiên rồi - nơi anh đã ngồi mất mười phút nhìn chằm chằm một luống hoa trong thế tiến thoái lưỡng nan đầy sợ hãi, bối rối tự hỏi có phải mình đang làm đúng, bất ngờ cảm thấy không tin tưởng vào bản thân với chuyến đi đến Vienna lần này và tất cả những gì được cảnh

báo trước đó. Nếu tất cả là một sai lầm, vô vọng và về cơ bản là vô nghĩa thì sao? Anh nhìn đồng hồ đeo tay. Mẹ kiếp, lại thế rồi. Anh sẽ trễ hẹn nếu quay lại. Anh thích cái mũ rơm vành hẹp với dải lụa màu nâu sẫm, mua ở hiệu Lockett trên phố Jermyn. Người ta sẽ lấy nó ngay thôi, anh chắc chắn - một lý do khác để không cần quay lại thêm lần nữa tự nguyền rủa sự sao nhãng của mình và tiếp tục sải bước lên đường Herrengasse. Qua chuyện này bạn có thể thấy anh căng thẳng, bối rối như thế nào. Rời khỏi chiếc ghế đá và quên biến cái mũ. Rõ ràng sự căng thẳng hoàn toàn dễ hiểu và rõ nét kia vẫn chưa nói hết được sự khiếp đảm, hốt hoảng của anh trước buổi gặp này. Bình tĩnh, anh tự nhủ, lắng nghe tiếng lộp cộp đều đặn của những miếng kim loại hình trăng lưỡi liềm dưới gót giày da khua trên mặt đường lát đá - bình tĩnh, Chỉ là một cuộc hẹn đầu tiên thôi - ta có thể bỏ đi, quay về London - chẳng ai ép ta phải đến đó.

Anh thở mạnh. “Đó là một ngày đẹp trời tháng Tám năm 1913”, anh tự nói thành tiếng nhưng bằng giọng thấp để thay đổi chủ đề và điều chỉnh lại tâm trạng mình. “*Es war ein schöner Augusttag des Jahres..* à năm 1913”, anh lặp lại bằng tiếng Đức, thêm phần ngày tháng bằng tiếng Anh. Lysander gặp rắc rối với những con số - những số dài và ngày tháng. Dù vốn tiếng Đức đang tiến bộ nhanh nhưng anh vẫn phải hỏi ông Barth, giáo viên tiếng Đức trong khoảng một tiếng về những con số, để cố gắng ghim chúng vào đầu. “*Ein schone Augusttag*”. Anh thấy một tấm áp phích khác bị xé trên tường, giống tấm áp phích anh đã để ý khi vào Michaeler Platz - đây là lần thứ ba anh thấy nó kể từ khi rời khỏi phòng trọ sáng nay. Tấm áp phích bị xé nham nhở trên pa nô. Tấm đầu tiên - ngay cạnh trạm chờ tàu điện ngầm gần căn phòng anh đang thuê - anh tập trung nhìn phần cơ thể còn lại (cái đầu đã mất) của một cô gái ăn mặc hở hang. Cô ta

gần như khỏa thân, nằm co rúm, hai tay khum lại như muốn che giấu bộ ngực ngoại cỡ, đường cong mờ ảo nửa kín nửa hở của tấm mạng che tự tạo này chẳng thể che được đường nối đầy đặn ở hai hông cô ta. Sự lõa thể của bức họa này có điều gì đó hấp dẫn một cách đặc biệt, song lại cách điệu hóa bối cảnh xung quanh cô ta (cái tấm mạng bằng tay, nửa kín nửa hở ấy khiến anh phải dừng lại, nhìn gần hơn. Anh không hiểu nội dung bức ảnh này là gì vì mọi thứ khác đều đã bị xé hết. Tuy nhiên, trên tấm áp phích bị xé thứ hai, phần cuối còn thấy một cái đuôi thằn lằn có hình như vảy cá, có răng cưa. Điều này đã giải thích tại sao bức họa nữ thần, nữ chúa kia hay là gì đi nữa lại có vẻ đáng sợ như vậy. Và giờ đây trên tấm áp phích thứ ba chỉ còn một chữ "PERS...", bên dưới là chữ "und" và dưới nữa là "*Eine Oper von Gottlie Toll...*".

Anh suy nghĩ "Pers... Persephone* à? Một vở nhạc kịch về Persephone? Chẳng phải cô ta đã bị lội xuống âm phủ và Narcissus* - đúng không nhỉ? - phải xuống theo để đưa cô ta lên mà không được phép nhìn xung quanh sao? Hay đó là Euridice*? Hay là cái gì đó... Orpheus à? Đây không phải lần đầu tiên anh bực tức trước trình độ kiến thức chắp vá và lập dị của mình. Anh chỉ biết rất rõ một vài thứ và hiếm khi hiểu biết được toàn bộ mọi chuyện. Anh đang từng bước cải thiện tình hình - đọc càng nhiều càng tốt, sáng tác thơ - nhưng cứ thỉnh thoảng sự ngu dốt lại nhìn thẳng vào mặt anh. Một trong những hạn chế đối với nghề nghiệp, anh thừa nhận là vốn kiến thức nhất định về thần thoại cổ đại và những gì liên quan đến nó là một đống hơi lộn xộn trong đầu, nếu không muốn nói là một cái lỗ hổng kiến thức to đùng.

Anh quay lại nhìn tấm áp phích. Toàn bộ bức tranh bị xé gần hết chỉ còn lại nửa trên. Những nét lượn của mái tóc bay phần phật theo gió và

đôi mắt mở to nhìn thẳng ra bờ mép tơi tả của vết rách nằm ngang, như thể cô ta đang nhìn chằm chằm lên phía trên tấm ga giường một cách khiếp đảm, Lysander nghĩ vậy. Ráp các mảnh còn lại của ba tấm áp phích với nhau, trong đầu anh bắt đầu tưởng tượng ra một cơ thể nữ thần. Lysander thấy mình bị kích động một chút, hơi cương cứng. Một cô nàng khỏa thân, trẻ trung, xinh đẹp, dễ bị tổn thương trước sự đe dọa của một con quỷ có vảy nào đó, không nghi ngờ gì nữa, nó có hình thù của dương vật, chuẩn bị hãm hiếp cô nàng... Và chắc chắn đây là nội dung của các tấm áp phích, hơn nữa, chính nó đã thổi bùng lên cơn phẫn nộ của giới tư sản kiểu cách khiến vài công dân ngoan đạo quyết định phá hủy nó. Tất cả đều rất hiện đại - đều rất Vienna - anh cho là vậy.

Lysander tiếp tục sải bước, thận trọng phân tích tâm trạng của mình. Tại sao khi tự suy đoán khả năng người phụ nữ thần thoại bị hãm hiếp trên tấm áp phích kia lại làm anh hưng phấn nhỉ? Có tự nhiên không? Chính xác hơn, anh có liên quan gì đến hình ảnh ấy - đôi tay như che lấy, như ôm lấy bộ ngực mềm mại, nửa gọi mời nửa e ấp? Anh thở dài: ai có thể trả lời được những câu hỏi này cơ chứ? Trí tuệ con người luôn hỗn độn không ngừng nghỉ, phức tạp và bướng bỉnh. Anh tự ngừng lại - phải, phải, phải rồi. Đó chính xác là lí do tại sao anh phải đến Vienna.

Anh băng qua đường Schottenring và khoảng không rộng rãi của quảng trường trước mặt một trường đại học rộng lớn mang màu xám đậm. Đó là nơi anh phải đến để tìm hiểu về Persephone - hỏi một vài sinh viên học chuyên ngành tiếng La tinh và Hy Lạp - nhưng có điều gì đó ngăn cản anh. Tuy nhiên, anh không thể nhớ ra tên con quỷ tham gia vào câu chuyện về Persephone... Kiểm tra những con phố mình đang đi qua -

gần đến rồi - anh dừng lại chờ tàu điện đi qua, rẽ phải xuống đường Berggasse, rồi rẽ trái trên đường Wasgasse. Nhà số 42.

Anh nuốt khan, miệng tự nhiên khô khốc, suy nghĩ: có lẽ mình nên quay đi, gói ghém đồ đạc, trở về London và tiếp tục cuộc sống bình yên, phẳng lặng. Nhưng anh tự nhủ rằng vẫn còn đó vấn đề đặc biệt của riêng mình, chưa được giải quyết... Anh bước qua những cánh cửa chính to, rộng trông ra phố của ngôi nhà số 42, đi thẳng vào sảnh lớn. Không thấy lễ tân hay bảo vệ. Một chiếc thang máy bằng thép sẵn sàng đưa anh lên tầng hai nhưng anh chọn đi cầu thang bộ. Một tầng. Hai tầng. Những ban công bằng sắt rèn, lan can bằng gỗ đánh véc ni, một loại đá granite lốm đốm tạo thành các bậc thang một tay vịn ốp tường, dưới chân là lớp gạch lát hoa văn cỏ xanh, trên đầu là lớp sơn trắng. Anh tập trung vào những chi tiết này, Cố gắng không nghĩ đến hàng tá - có lẽ là hàng trăm người đã từng bước lên những bậc cầu thang này trước cả anh.

Anh lên đến chiếu nghỉ. Hai cánh cửa lắp vững chắc bên những ô cửa sổ hình bán nguyệt đứng cạnh nhau. Trên một ô đề “Phòng riêng”; ô kia có một tấm biển bằng đồng nhỏ phía trên chuông cửa riêng đã bị mờ, cần được đánh bóng. “Tiến sĩ J. Bensimon”. Anh đếm đến ba và rung chuông tự nhiên thấy vững tin vào điều đúng đắn đang làm, tự tin vào một tương lai mới mẻ, tốt đẹp hơn mà anh đang hoạch định để bảo đảm cho chính mình.

2

Quý cô Bull

NHÂN VIÊN LỄ TÂN CỦA BÁC SĨ BENSIMON (một phụ nữ mảnh dẻ, đeo kính và trông nghiêm nghị) dẫn anh vào một phòng chờ nhỏ. Cô lịch sự nói rằng anh đã đến trước giờ hẹn bốn mươi phút, nên nếu không phiền anh có thể ngồi đợi đến lúc đó? Lỗi của tôi - thật ngu ngốc làm sao. Anh dùng cà phê chứ? Không, cảm ơn cô.

Lysander ngồi xuống chiếc ghế da thấp, màu đen, không có tay dựa, là một trong số bốn chiếc ghế trong phòng xếp theo hình bán nguyệt hướng về phía lò sưởi trống rỗng dưới một bệ trát thạch cao. Một lần nữa anh phải nhắc mình bình tĩnh để chế ngự tâm trạng đang kích động. Làm sao anh có thể nhầm lẫn đến thế về thời gian? Anh tưởng đã nhớ như in giờ giấc cuộc phỏng vấn này. Anh nhìn quanh và thấy một chiếc mũ quả dưa màu đen trên mắc quần áo trong góc. Của người hẹn trước - anh nghĩ vậy rồi nhìn cái mũ, lẽ ra anh đã kịp quay lại công viên lấy cái mũ rơm rồi. Chết tiệt, anh tự rủa mình. Tiếp theo - mẹ kiếp - anh bắt đầu thấy thích thú với ngôn từ tục tĩu. Cái mũ ấy đã ngốn của mình những một đồng ghinê* cơ đấy.

Anh đứng dậy nhìn các bức tranh trên tường. Đó là các bản khắc bằng axit* vẽ những tòa nhà bị phá hủy nặng nề - phủ kín rêu, cỏ dại và cây non - tất cả những viên đá phủ mặt nằm lăn lóc, những trán tường nát vụn, và các cột trụ ngã đổ mơ hồ như quen thuộc. Anh không nhớ nổi tên nghệ sĩ sáng tác - một lỗ hổng khác trong mớ kiến thức bị mối gặm. Anh đến chỗ

cửa sổ trông ra cái sân giữa nhỏ của tòa nhà chung cư. Một cái cây mọc ở đó - một cây sung dâu, ít nhất anh có thể nhận dạng mấy cái cây - trong một bãi cỏ nhuộm nâu bị giẫm nát, bao quanh là các nhà để xe không được sử dụng và chuồng thả ngựa riêng. Anh thấy một bà lão đeo tạp dề xuất hiện từ phía đó, đang ì ạch kéo lê một cái thùng đầy than đá. Anh quay đi và bước quanh phòng, cẩn thận dùng mũi giày lật lại mép bị gấp của tấm thảm Ba Tư đã mòn trên sàn lát gỗ.

Anh nghe thấy những tiếng nói - gấp gáp, cao giọng khác thường - từ phía sảnh tiếp tân, rồi cửa bật mở và một phụ nữ trẻ bước vào, đóng sầm cửa lại,

"*Xin lỗi*", cô ta thô lỗ nói, liếc nhìn anh, ngồi xuống một trong những chiếc ghế lục bới trong túi xách trước khi lôi ra một chiếc khăn tay nhỏ và hỉ mũi.

Lysander nhẹ bước lại phía cửa sổ. Anh có thể cảm thấy sự khó chịu, căng thẳng ở cô gái này bung ra thành những đợt sóng. Như thể một cái máy phát điện nào đó bên trong cô ta đang phát ra cơn sốt - một từ tiếng Đức diễn tả điều này chợt đến với anh, khiến anh thấy dễ chịu - *Angst.*

Anh quay lại và mắt họ gặp nhau, Anh thấy cô ta có đôi mắt lạ lùng nhất, có màu nâu lục nhạt nhất. Đôi mắt mở to - lóng lánh - như thể cô ta đang nhìn chằm chằm rất tập trung hoặc đang bị sốc theo cách nào đó. Khuôn mặt xinh đẹp - anh nghĩ - mũi gọn, cằm nhọn, khỏe khoắn. Làn da màu ô liu thực sự. Người nước ngoài à? Mái tóc cặp dưới chiếc mũ nồi to màu đỏ tươi, cô mặc một chiếc áo vest nhung màu xám, dưới là váy đen. Trên ve áo có chiếc ghim hoa bằng nhựa cánh kiến màu đỏ và vàng hình con vẹt còn thô. Có thẩm mĩ đấy, anh nghĩ. Đôi bốt thấp cổ có dây buộc,

bao quanh đôi chân nhỏ. Thực tế cô là một phụ nữ nhỏ nhắn, mảnh dẻ, trẻ trung. Bị bỏ rơi,

Anh mỉm cười, quay đi và nhìn xuống sân. Bà quản gia già, to khỏe vẫn đang bền bỉ tiến về phía những chuồng ngựa với cái thùng không. Bà ta muốn làm gì với cả đống than ấy vào giữa mùa hè này thế nhỉ? Chắc là...

*"Anh nói được tiếng Anh không?"**

Lysander nhìn quanh. "Thật ra tôi là người Anh", anh nói, thận trọng. "Sao cô biết ?" Anh thấy giận dữ khi quốc tịch của mình trở thành một đặc điểm dễ nhận biết đến thế.

"Anh có một tờ *Graphic* trong túi", cô nói, chỉ vào tờ báo được gấp lại. "Nó tố cáo anh đấy. Mà dù sao thì hầu hết các bệnh nhân của bác sĩ Bensimon đều là người Anh nên cũng dễ đoán thôi". Âm sắc cho thấy cô ta là người có giáo dục. Rõ ràng bản thân cô ta cũng là người Anh, bất chấp màu da đẹp đến kỳ lạ kia.

"Chắc anh không vô tình mang thuốc lá theo, đúng không?". Cô hỏi. "Một dịp tình cờ nào đó".

"Có, tình cờ thôi, nhưng." Lysander chỉ vào một tấm biển đóng trên bệ lò sưởi. "*Vui lòng không hút thuốc*".

"À, dĩ nhiên rồi. Anh không phiền nếu tôi trộm một điếu lát nữa hút chứ?"

Lysander mở hộp thuốc lá lấy từ túi áo vest và đưa mời cô. "Cho phép tôi chứ?". Cô chọn một điếu và lấy thêm điều nữa trước khi anh kịp trả lời, rồi bỏ tọt vào túi.

"Tôi phải gặp bác sĩ Bensimon gấp lắm, anh thấy đấy", cô nói mạnh mẽ, một cách dứt khoát, "Thế nên tôi hi vọng anh không phiền nếu tôi

chen ngang". Khi nói câu này, cô mỉm cười với anh. Một nụ cười rạng rỡ, thơ ngây khiến Lysander gần như phải lảng tránh.

Lysander cân nhắc thật nhanh, đúng là có phiền nhưng anh lại nói: "Dĩ nhiên là không", và mỉm cười đáp lại, ngập ngừng. Anh quay về phía cửa sổ kính, chạm tay vào nút cà vạt và hắng giọng.

"Anh cứ ngồi nếu muốn", cô gái trẻ nói.

"Tôi rất thích đứng. Tôi thấy những cái ghế thấp không có tay dựa này còn khó chịu hơn ấy".

"Cũng khó chịu nhỉ, đúng không?"

Lysander tự hỏi có cần phải tự giới thiệu không, nhưng anh nghĩ có lẽ phòng chờ của bác sĩ là nơi mọi người - những kẻ xa lạ - thích giấu kín thân phận của họ hơn. Rốt cuộc đây cũng đâu phải là một cuộc gặp ở gallery nghệ thuật hay tại phòng giải lao trong rạp hát.

Anh nghe thấy một tiếng động nhẹ và nhìn qua vai mình. Cô ta đứng dậy bước đến một trong những bức tranh khắc axit vẽ các đống đổ nát (tên nghệ sĩ là gì nhỉ?), soi gương trên lớp kính, nhét những sợi tóc rủ xuống vào trong chiếc mũ nồi, kéo những lọn tóc nhỏ, lưa thưa ra trước hai tai. Lysander để ý tấm áo vest nhung ngắn làm tôn lên hông và cặp mông dưới chiếc váy đen. Đôi bốt thấp cổ có gót cao bảy phân nhưng vóc người cô trông vẫn rất nhỏ nhắn...

"Anh đang nhìn gì đấy?" Cô đột ngột hỏi, bắt gặp cái nhìn chòng chọc của anh lên hình ảnh phản chiếu trên tấm kính.

"Tôi đang ngưỡng mộ đôi bốt của cô", Lysander ứng biến nhanh nhẹn và uyển chuyển, "Có phải cô mua chúng tại Vienna này không...".

Cô không trả lời câu hỏi này vì cửa phòng tư vấn của bác sĩ Bensimon bật mở đúng lúc đó. Hai người đàn ông bước ra, nói chuyện và khẽ cười với nhau. Lysander biết ngay ai là bác sĩ Bensimon, người già hơn, khoảng bốn mươi tuổi, gần như hói với cái cằm đã cạo râu nhưng vẫn còn dải màu nâu lốm đốm sắc xám. Mọi thứ ở người đàn ông còn lại - trong mắt Lysander - cho thấy ngay ông ta là một quân nhân, Một bộ vest hải quân cài chéo, một chiếc nơ thắt dải buộc dưới cổ cồn cứng, quần dài gấu hẹp gấp lên phía trên đôi giày bóng đến mức có thể được cấp bằng sáng chế. Cao, gầy còm như người khổ hạnh với hàng ria mép đen, nhỏ và gọn gàng.

Ngay lập tức, cô gái trẻ hồ như phát điên, ngắt lời họ, gọi tên bác sĩ Bensimon, xin lỗi và đồng thời khăng khăng đòi gặp ông vì chuyện cực kì khẩn cấp. Người quân nhân lùi lại, ngả người ra phía sau khi bác sĩ Bensimon - mắt liếc nhìn Lysander – đẩy vội người phụ nữ đang kêu ca vào phòng ông. Lysander nghe ông nói bằng một giọng thấp, nghiêm khắc khi đi vào: “Chuyện này không được phép xảy ra lần nữa, cô Bull”, trước khi đóng sầm cửa lại.

“Chúa lòng lành”, tay quân nhân nói, giọng lạnh lùng. Ông ta cũng là người Anh. “Chuyện gì đang diễn ra ở đó thế?”

“Dường như cô ấy rất kích động, tôi phải nói vậy”.Lysander đáp. “Cô ta còn xin những hai điếu thuốc của tôi nữa”.

“Thế giới này đang đi về đâu nhỉ?” ông ta tiếp lời, nhấc cái mũ ra khỏi móc treo. Ông cầm mũ trong tay và nhìn thẳng về phía Lysander. “Chúng ta đã gặp nhau chưa nhỉ?”, ông hỏi.

“Chưa. Tôi nghĩ là chưa”.

“Thế mà tôi trông anh quen đến lạ lùng”.

“Chắc trong tôi giống một người quen của ông”.

“Chắc vậy”. Ông chìa tay ra. “Tôi là Alwyn Munro”.

“Lysander Rief”.

“Giờ thì có kết quả tốt rồi đấy”. Ông nhún vai, ngẩng cao đầu, nhíu mày như thể đang lục trong trí nhớ, rồi lại mỉm cười lắc đầu và đi ra cửa. “Nếu là anh, tôi sẽ không cho cô ta thêm thuốc nữa đâu. Với tôi cô ta trông khá là nguy hiểm”.

Ông ta bỏ đi và Lysander tiếp tục theo dõi cái sân tẻ ngắt phía dưới. Anh tách từng chi tiết có thể ra khỏi quang cảnh - hoa văn đan lưới của những viên đá lát, đường gờ răng chó trên khung tò vò phía trên cánh cửa chuồng ngựa, một vệt nước trên công trình gạch ngay bên dưới một cái vòi đang chảy. Anh khiến tâm trí mình bận rộn. Vài phút sau Cô gái trẻ bước ra, rõ ràng đã điềm tĩnh hơn nhiều. Cô nhặt túi xách lên.

“Cảm ơn anh đã nhường lượt cho tôi”, cô phấn khởi nói. “Và mấy điếu thuốc nữa. Anh thật tốt bụng”.

“Không có gì”.

Cô chào tạm biệt và bước ra ngoài, chiếc váy dài bay theo bước chân. Cô nhìn anh lần nữa khi đóng cửa lại. Lysander bắt gặp một cái nhìn thoáng qua cuối cùng của đôi mắt màu quả phỉ, nâu nhạt ấy. Như mắt sư tử, anh nghĩ. Nhưng tên cô ấy lại là Quý cô Bò đực*.

3

Bức Phù điêu châu Phi

LYSANDER NGỒI TRONG phòng khám của bác sĩ Bensimon, nhìn xung quanh khi ông ta ghi các thông tin cá nhân của anh vào Sổ cái. Căn phòng rộng rãi, có ba cửa sổ trên một bức tường thiết kế nội thất đơn giản và hầu hết đều mang tông màu trắng. Những bức tường sơn trắng, rèm bằng len trắng, thảm trải màu trắng trên sàn gỗ vàng hoe và một bức phù điêu trong cổ xưa phủ bạc tạo hình treo phía trên lò sưởi. Trong một góc nhà là chiếc bàn bằng gụ của bác sĩ Bensimon, sau lưng là mấy giá sách có cửa kính, cao từ sàn đến trần nhà. Một bên lò sưởi là chiếc ghế bành lưng cao mềm mại, phủ hờ một tấm vải lanh màu kem thô. Và bên kia là chiếc đi-văng phủ một tấm chăn dày, diềm quanh bằng len với hai chiếc gối thêu. Cả hai đều quay lưng lại chiếc bàn và khi chọn ngồi xuống chiếc ghế bành, anh phải ngoái cổ rất khó chịu nếu muốn thấy ông bác sĩ. Căn phòng rất yên tĩnh - cửa sổ đôi - Lysander không thể nghe thấy một âm thanh nào vọng lên từ các con phố bên dưới - không có tiếng leng keng của tàu điện, không có xe ngựa hay xe bò nào lọc cọc đi qua, không cả tiếng xe ô tô - một sự tĩnh lặng lí tưởng.

Lysander nhìn lên bức phù điêu bạc. Những nhân vật huyền ảo, nửa người nửa thú, những chiếc khăn trùm đầu lòe loẹt ở châu Phi. Người ta dùng kim đục các lỗ nhỏ xuyên qua lớp kim loại mềm tạo thành những họa tiết hình mảng. Rất lạ lùng, rất đẹp - đúng là nó truyền tải chính xác toàn bộ phong cách của chủ nghĩa trừu tượng, Lysander nghĩ.

“Anh L - U - Rief”, Bensimon nói. Trong căn phòng yên tĩnh, Lysander Có thể nghe thấy tiếng sột soạt từ ngòi bút máy của ông. Giọng ông hơi nhấn mạnh trọng âm, nghe như ở nơi nào đó miền bắc nước Anh. Lysander đoán là Yorkshire hay vùng Lancashire. Nhưng giọng này đã được mài giũa nên không dễ lần ra địa chỉ chính xác. Ông ta rất giỏi chuyển đổi trọng âm, Lysander tự huyễn hoặc mình - anh sẽ giải mã được điều này trong vòng vài phút.

“Mấy chữ cái này có nghĩa gì thế?”.

“Lysander Ulrich Rief”.

“Một cái tên tuyệt đẹp”.

Manchester, Lysander nghĩ - cái âm “A” dứt khoát ấy.

“Rief - có phải là ở Scotland không?”.

“Tiếng Anh cổ. Nghĩa là “chu đáo”, người ta bảo vậy. Và tôi còn được bảo rằng nó là phương ngữ Anglo Saxon của từ”sói”. Cứ loạn cả lên”. “Một Con sói chu đáo. Chu đáo kiểu sói. Thế còn chữ “Ulrich”? Một phần trong anh là người Đức à?”.

“Mẹ tôi là người Áo”.

“Ở Vienna à?”.

“Thực ra là Linz. Quê gốc đấy”.

“Ngày tháng năm sinh?”

“Của tôi à?”

“Của mẹ anh chẳng có liên quan gì đâu. Tôi chắc thế”.

“Xin lỗi, Ngày Bảy tháng Ba năm 1886”.

Lysander lại xoay người trên ghế. Bensimon đang ngả lưng vào ghế, thoải mái, mỉm cười với những ngón tay gõ gõ lên cái đầu nhẵn thín. “Tốt nhất là anh không cần lúc nào cũng phải quay đầu lại. Chỉ việc nghĩ đến tôi với cái giọng nói quái gở này thôi”.

4

Wiener Kunstmaterialien (WKM)

LYSANDER BƯỚC XUỐNG CẦU THANG căn hộ của Bensimon, chậm rãi, tâm trí chất chứa những ý nghĩ cả vui vẻ, u buồn và lo lắng nữa. Cuộc gặp diễn ra rất ngắn ngủi, chỉ trong vòng mười lăm phút, Bensimon đã ghi lại các thông tin cá nhân của anh, thảo luận về các phương thức thanh toán (gửi hóa đơn mỗi tháng hai lần, thanh toán bằng tiền mặt) và cuối cùng là hỏi xem anh có muốn trao đổi về bản chất "vấn đề" của mình không

Lysander tạm dừng giữa phố và hút thuốc, tự hỏi việc anh dấn thân vào quá trình này có thực sự hữu ích không hay tốt hơn hết anh nên quay về London? Hay là áp dụng giải pháp của mấy tên lang băm? Hay trở thành một người ăn chay và mặc đồ lót hiệu Jeager giống George Bernard Shaw*. Anh cau mày, tự nhiên thấy bất định - tâm trạng anh không tốt, cảm thấy chán nản. Chính người bạn thân nhất, Greville Warley, đã giới thiệu vị bác sĩ phân tâm học này cho anh - Greville là người bạn duy nhất nhận thức được vấn đề của anh (nhưng cũng chỉ lờ mờ thôi) - và bây giờ Lysander nhận ra anh đã lao theo ý tưởng này như một kẻ cuồng tín, hủy bỏ hết tất cả những dự định tương lai, rút hết tiền tiết kiệm để đến Vienna, tìm một bác sĩ đích thực. Có phải anh đang quyết tâm một cách ngu ngốc hay đó chỉ là dấu hiệu của sự tuyệt vọng?...

Rẽ trái ở đường Berggasse, Bensimon đã nói vậy, sau đó đi bộ kịch đường, đến một quảng trường nhỏ. Cửa hàng phía bên phải ngay trước

mặt - WKM - anh không thể không thấy nó. Lysander lên đường tâm trí anh vẫn không ngừng nghĩ về khoảnh khắc quyết định ấy.

BENSIMON: Vậy bản chất vấn đề của anh có thể là gì?

LYSANDER: Đó là... là một vấn đề về tình dục.

BENSIMON: Phải, thường là thế. Vấn đề cốt lõi mà.

LYSANDER: Khi tôi vào khúc dạo đầu... Phải nói là, trong suốt thời gian diễn ra đại hội ái tình...

BENSIMON: Xin đừng dùng uyển ngữ, anh Rief. Nói thẳng ra đi - đó là cách duy nhất. Cứ việc nói toạc móng heo một cách thô lỗ nếu anh muốn. Dùng ngôn ngữ đường phố cũng được không xúc phạm tôi đâu.

LYSANDER: Vâng. Khi đang làm tình, tôi không thể làm chuyện đó được.

BENSIMON: Anh gặp vấn đề với sự cương cứng à?

LYSANDER: Tôi không có vấn đề với chuyện cương cứng. Mà ngược lại chuyện ấy rất suôn sẻ. Vấn đề của tôi đó là... sự phóng tinh.

BENSIMON: À. Vấn đề phổ biến đến không thể tin nổi. Anh phóng tinh quá sớm. Hội chứng *Ejaculatio praecox.*

LYSANDER: Không mà là tôi không hề phóng tinh được.

Lysander thả bộ xuống con dốc thoải trên đường Berggasse. Căn phòng của Tiến sĩ Freud ở đâu đây thôi - có lẽ anh nên thử gặp ông ta? Câu này nói tiếng Pháp như thế nào nhỉ? “Tại sao lại mất thời gian nói chuyện với những tông đồ trong khi bạn có thể đi gặp Chúa?”. Nhưng đây là vấn đề về ngôn ngữ: Bensimon là người Anh, cả một lợi thế khổng lồ - thậm chí là một lợi ích - không chối cãi được. Lysander nhớ lại quãng im

lặng thật dài sau khi anh nói với Bensimon bản chất vấn đề rối loạn tình dục lạ lùng của mình.

BENSIMON: Vậy là... anh có quan hệ tình dục nhưng không có cực khoái,

LYSANDER: Chính xác đấy.

BENSIMON: Xảy ra chuyện gì?

LYSANDER: Tôi có thể tiếp tục hưởng thụ sự vui vẻ nhưng chẳng có gì xảy ra khiến tôi dần dần thấy chùng xuống, là thế đấy.

BENSIMON: Chứng xìu dương vật.

LYSANDER: Cuối cùng là thế.

BENSIMON: Tôi sẽ phải suy nghĩ về chuyện này. Vấn đề khác thường nhất. Rối loạn cực khoái cảm - anh là người đầu tiên tôi gặp. Rất hấp dẫn.

LYSANDER: Rối loạn cực khoái cảm à?

BENSIMON: Đó là chuyện không ổn ở anh. Đó là tên gọi cho vấn đề của anh đấy.

Và chỉ có thế, ngoại trừ thêm một lời khuyên nữa. Bensimon hỏi anh có giữ một cuốn sổ ghi chép, nhật kí hay một cuốn sổ tay nào không. Lysander trả lời là không. Anh nói mình sáng tác thơ khá đều đặn, một số đã được đăng trên báo và tạp chí. Nhưng - anh khiêm tốn nhún vai - anh chỉ là một *nhà thơ tay mơ*, yêu thích thử sức mình với thơ ca và sáng tác một cách vô tư nhất - thêm nữa anh không có một cuốn nhật kí hay sổ tay nào hết.

“Tôi muốn anh về nhà viết ra mọi thứ”, Bensimon nói. “Những giấc mơ, những suy nghĩ thoáng qua, những gì nhìn thấy, nghe thấy khiến anh tò mò. Bất kì cái gì và tất cả mọi thứ. Những kích thích đủ kiểu - về tình

dục hay mùi vị, âm thanh, nhục cảm - bất cứ thứ gì. Mang những ghi chép ấy đến các buổi tư vấn này và đọc cho tôi nghe. Đừng giữ lại bất kì cái gì, kể cả những thứ gây sốc hay vô vị. Như thế tôi sẽ có được cái nhìn sâu trực tiếp vào tính cách và bản chất của anh - vào tâm trí vô thức của anh".

"Ý ông là "thẻ căn cước" của tôi".

"Tôi thấy anh đã làm xong bài tập về nhà rồi, anh Rief. Tôi ấn tượng đấy".

Bensimon bảo anh ghi chép thật nhanh những cảm nhận và quan sát vào đúng thời điểm chúng xuất hiện, không được gạch xóa hay sửa đổi. Ngoài ra anh không được dùng giấy nháp hay giấy vụn để viết. Lysander nên mua một cuốn sổ tay tử tế - bìa bọc da, giấy tốt - và biến nó thành một hồ sơ cá nhân đích thực, bao gồm đầy đủ thông tin và dùng được lâu dài, chứ không phải một bộ sưu tập mấy dòng viết vội.

"Và đặt cho nó một cái tên", Bensimon gợi ý. "Chẳng hạn như - "Cuộc sống nội tâm của tôi" hay "Những phản ánh riêng tư". Nói cách khác là hình thức hóa. Nhật kí giấc mơ của anh, bản ghi chép về bản thân anh - hồ sơ của anh - một thứ anh nâng niu, quý trọng trong suốt cuộc đời mình. Một bản ghi chép của tâm trí trong suốt những tuần tới đây, khi tỉnh táo và cả khi không tỉnh táo".

Lysander nghĩ ít nhất việc băng qua con phố đến cửa hàng tạp hóa của các nghệ sĩ mà Bensimon giới thiệu - sẽ mang đến một điều cụ thể, một dạng ghi chép lâu dài về quãng thời gian anh ở đây. Toàn bộ cuộc nói chuyện này - cũng như tất cả các cuộc chuyện trò khác anh buộc phải tham gia - đơn giản chỉ là lời nói gió bay. Anh thấy yên lòng với ý kiến này khi đi qua những cánh cửa xoay để vào cửa hàng: Bensimon đã đúng, có lẽ điều này sẽ giúp được anh.

Cửa hàng WKM rộng rãi, ánh sáng chan hòa - các cụm bóng đèn điện trong những chiếc đèn chùm bằng nhôm hiện đại treo trên trần nhà, vầng hào quang rực rỡ phản chiếu xuống lớp sàn bằng vải sơn lót sáng bóng bên dưới. Mùi nhựa thông, sơn dầu, gỗ thô và vải bạt khiến Lysander cảm thấy như được chào đón. Anh yêu những cửa hàng lớn kiểu này - các lối đi ngập đầy chất liệu nghệ thuật, chất đống như một nhà kho văn hóa, chạy hết chỗ nọ chỗ kia; các ngăn giấy đủ loại xếp thành tầng, các lọ đựng đầy bút chì nhọn, một đống các khung tranh lớn nhỏ, mấy dãy Ống sơn dầu nghiêng sắp xếp theo thứ tự chuỗi màu, các chai to lấp lánh dầu lanh và chất pha loãng sơn, các tấm ngăn bằng vải bạt, mấy cái ghế đẩu gấp, các bảng màu chất đống các hộp thiếc thô ráp đựng màu nước, các hộp phẳng đựng phấn màu đang mở nắp lộ ra những thứ sáng rực rỡ bên trong như những điếu xì gà con nhiều màu. Cứ hễ vào những cửa hàng thế này để có thể mua được một số dụng cụ ngon lành, anh luôn sẵn sàng trổ tài phác thảo, vẽ tranh màu nước hay tạo hoa văn trên lớp vải sơn lót sàn nhà, như một sở thích nghiêm túc.

Anh rẽ vào góc gian bên tìm kiếm giữa một thư viện nhỏ các cuốn sổ tay và tập bìa cứng. Sau một lúc, anh chọn một quyển sổ dày hàng trăm trang như một quyển từ điển. Không không - dày quá, anh cần một thứ khiêm tốn hơn để có thể thực sự dùng hết. Anh chọn một quyển bìa bọc da mềm, giấy tốt, không có dòng kẻ, một trăm năm mươi trang. Anh thích trọng lượng cuốn sổ khi cầm trong tay, vừa vặn bỏ vào túi áo, như một cuốn cẩm nang - cẩm nang cho tinh thần của anh. Hoàn hảo. Một cái tựa xuất hiện trong đầu anh: "*Những cuộc Điều tra Tự thuật của Lysander Rief*"... Bây giờ đây chính xác là điều Bensimon đã...

"Chúng ta lại gặp nhau".

Lysander quay lại thấy cô Bull đang đứng đó, Một cô Bull thân thiện, hay cười.

“Anh đang mua sổ tay đúng không?” cô nói vẻ hiểu biết. “Bensimon chắc phải có một khoản hoa hồng ở đây”. “Cô cũng thế à?”

“Không. Tôi đã bỏ cuộc sau hai tuần. Vấn đề là tôi thật sự ăn nói không tốt, anh thấy đấy. Tôi ưa hình dung - nhìn mọi thứ bằng hình ảnh, chứ không phải bằng ngôn từ. Tôi thích vẽ hơn là viết”. Cô giơ lên những gì đã mua - - một bộ dao có hình dáng kỳ cục tối màu, một số con có đầu lưỡi sắc nhọn, một số có hình tam giác như mấy cái bay mi ni.

“Cô không thể vẽ bằng mấy cái thứ này”, Lysander nói.

“Tôi khắc mà”, cô giải thích. “Tôi chỉ đang cần thêm ít đất sét và thạch cao nữa. Cửa hàng WKM này là nơi tốt nhất trong thành phố”.

“Một nữ điêu khắc gia - thú vị làm sao”.

“Không. Là một nhà điêu khắc”.

Lysander nghiêng đầu, ngượng nghịu: “Dĩ nhiên”.

Cô Bull bước đến gần hơn và hạ thấp giọng.

“Tôi thật sự xin lỗi về hành động của mình sáng sớm nay...”.

“Không thành vấn đề...”.

“Tôi hơi... căng thẳng. Tôi đã dùng hết thuốc rồi, anh thấy đấy. Đó là lí do vì sao tôi phải đến gặp bác sĩ Bensimon - để lấy thêm thuốc”. “Phải. Bác sĩ Bensimon cung cấp cả thuốc nữa à?”

“À không. Kiểu kiểu thế. Nhưng ông ấy tiêm cho tôi. Và thêm bao nhiêu thứ nữa”. Cô vỗ vỗ vào túi xách của mình. “Một món đồ kì lạ - anh nên thử đi nếu thấy người hơi yếu”.

Lysander nghĩ, nhờ thuốc của bác sĩ Bensimon, trông cô ta đúng là có hơi khác thật, nhìn cô ta anh càng thấy tự tin và an tâm hơn. Bằng cách nào đó có thể chủ động mọi...

“Anh có khuôn mặt thú vị nhất mà tôi từng gặp đấy”, cô Bull nói.

“Cảm ơn cô”.

“Tôi rất thích được chạm khắc khuôn mặt anh”

“Ồ, tôi hơi..”.

“Không vội đâu”. Cô lục trong túi xách lấy ra một tấm danh thiếp. “Cô Esther Bul, nghệ sĩ và nhà điêu khắc. Cả nhận dạy nghề nữa”. Có một địa chỉ tại Bayswater, London.

“Hơi cũ một chút”, cô nói, “Bây giờ tôi đã ở Vienna được hai năm rồi - có số điện thoại của tôi ở mặt sau. Chúng tôi chỉ vừa mới lắp thôi”. Cô nhìn anh khiêu khích. Lysander không để ý đến ngôi thứ nhất số nhiều. “Tôi sống cùng Udo Hoff”.

“Udo Hoff?”

“Một họa sĩ”.

“À, đúng rồi, đúng rồi. Udo Hoff”.

“Anh có điện thoại không? Có ở khách sạn không?”

“Cả hai đều không. Tôi ở nhà trọ. Chẳng biết tôi sẽ còn ở đấy bao lâu nữa”.

“Anh phải đến studio của tôi đi. Viết địa chỉ của anh vào đây. Tôi sẽ gửi anh thư mời đến dự một trong những bữa tiệc của chúng tôi”.

Cô đưa cho anh một tờ giấy nháp từ trong túi và Lysander ghi lại địa chỉ. Anh phải thừa nhận với một chút miễn cưỡng rằng anh muốn ở một

mình tại Vienna: để giải quyết vấn đề - chứng rối loạn cực khoái cảm của anh, giờ đây nó đã có tên - chỉ một mình thôi, đơn độc. Anh thật sự không cần hay không muốn bất kì quan hệ xã hội nào hết, Anh đưa trả tờ giấy nháp.

“Lysander Rief”, cô nói. “Tôi đã nghe nói về anh chưa nhỉ?”

“Tôi nghi ngờ điều đó”.

“À mà tên tôi là Hettie”, cô đáp, “Hettie Bull”, cô chìa tay ra, bắt tay Lysander rất chặt.

5

Dòng sông Tình dục

"TẠI SAO TÔI LẠI GẶP RẮC RỐI khi chạm trán cô nàng HB này nhỉ? Tại sao tôi lại cảm thấy phấn khích một cách mơ hồ từ cuộc gặp này nhỉ? Rốt cuộc cô ta không phải "tuýp người" mà tôi thích. Thế mà chẳng hiểu sao tôi lại cảm thấy bị hút vào cuộc đời cô ta, quỹ đạo của cô ta, dù muốn hay không. Sao thế nhỉ? Thế nếu chúng tôi gặp nhau tại một buổi hòa nhạc hay một bữa tiệc tại gia thì sao? Tôi chắc chắn chúng tôi sẽ không nghĩ bất kì điều gì về nhau. Nhưng vì gặp nhau ở phòng mạch của bác sĩ Bensimon nên chúng tôi đã biết một ít bí mật của nhau. Điều đó giải thích được chuyện này không? Sự tổn thương, sự thiếu hụt, mất cân bằng sự hư hỏng và đau ốm tìm đến với nhau: đồng bệnh tương lân. Cô ta sẽ không để tôi cô đơn, tôi biết. Nhưng tôi không muốn đến studio của Udo Hoff, không cần biết hắn là ai. Tôi đến Vienna để lảng tránh các mối quan hệ xã giao, chẳng nói cho ai biết tôi định đi đâu, chỉ nói là "đi nước ngoài" với những ai muốn biết tường tận. Mẹ tôi biết, Blanche biết, Greville biết, dĩ nhiên, và một số người cần biết khác. Tôi muốn xem Vienna như một nhà an dưỡng tuyệt đẹp đầy những kẻ hoàn toàn xa lạ - như thể tôi bị tiêu hủy và biến mất cho đến khi một phương thuốc phát huy hiệu lực. Tôi không nghĩ Blanche sẽ thích HB. Không đời nào".

Có tiếng gõ cửa phòng, nếu không chú ý sẽ không nghe thấy - một tiếng sột soạt hơn là một tiếng gõ. Lysander bỏ bút xuống và đóng sổ tay lại, nhét cuốn *Những cuộc điều tra tự thuật* vào ngăn kéo bàn.

“Vào đi, ông Barth”, Lysander nói.

Ông Barth nhón chân đi vào và đóng cửa lại hết sức nhẹ nhàng. Vì là người có thân hình khá to lớn nên ông cố gắng di chuyển một cách nhẹ nhàng, càng thận trọng càng tốt.

“Không phải, cậu Rief. Không phải “Mời vào”. Mà là Herein*“.

“Verzeihun*”, Lysander xin lỗi, kéo thêm một chiếc ghế nữa cho ông. Barth là giảng viên âm nhạc, hơn nữa lại được chọn lựa từ một danh sách dài gồm rất nhiều các giảng viên. Cha ông đã xem buổi biểu diễn của Paganini* năm 1836 và khi cậu cả ra đời vài năm sau đó, ông cụ đã đặt tên cậu là Nikolas để ghi nhớ sự kiện này. Khi còn trẻ, Barth đã khắc ghi điều này vào tâm khảm. Ông để tóc dài và râu quai nón giống Paganini như một sự tôn kính không bao giờ quên. Ngay cả bây giờ, khi gần đến tuổi thất thập, thi thoảng ông mới nhuộm xám mái tóc dài và nhuộm đen bộ ria. Ông vẫn trung thành với phong cách thời trang áo trong cao cổ và áo khoác dài với những cái cúc bạc cũ rích. Tuy nhiên nhạc cụ của ông không phải violin mà là cây đại hồ cầm - ông đã từng chơi trong dàn nhạc giao hưởng của nhà hát Lustspiel tại Vienna nhiều năm trước khi kế tục sự nghiệp giảng viên âm nhạc của gia đình. Ông vẫn giữ lại cây đàn cũ trong một chiếc hộp da đã nứt nẻ, đặt tựa vào tường dưới chân giường ở căn phòng nhỏ cuối hành lang. Đây là căn phòng nhỏ nhất trong số ba phòng cho thuê ở nhà nghỉ Kriwanek. Ông quảng cáo mình dạy được bất kì nhạc cụ nào “có thể chơi được bằng tay” đến một trình độ nhất định - bất kể là bộ dây, bộ hơi bằng gỗ hay kèn đồng. Lysander chưa thấy bất cứ học sinh nào chấp nhận đề nghị này nhưng anh hạnh phúc đón nhận đề xuất rụt rè ông đưa ra sau khi chuyển vào đây một ngày, đó là giúp đỡ anh cải thiện trình độ tiếng Đức - với mức học phí 5 curon* mỗi giờ.

Ông Barth chậm rãi ngồi xuống, nhẹ rút những sợi tóc vương trên cổ áo bằng cả hai tay và mỉm cười, vẫy vẫy một ngón tay cảnh cáo.

“Chỉ tiếng Đức thôi, cậu Rief. Chỉ có như thế cậu mới tiến xa được với thứ ngôn ngữ tuyệt vời và xinh đẹp này”.

“Hôm nay tôi muốn học về chữ số”, Lysander đáp - bằng tiếng Đức.

“A, những con số, những con số - cái bẫy vĩ đại”.

Họ nghiêm túc thực hành những con số trong một giờ - kể cả ngày tháng giá cả, tiền lẻ, Phép cộng phép trừ - cho đến khi những con số quay cuồng trong đầu Lysander và chuông báo cơm tối vang lên. Ông Barth chỉ thanh toán tiền trọ và tiền ăn sáng nên ông xin phép ra về. Còn Lysander đi qua hành lang đến phòng ăn tối ốp ván khuôn, nơi đích thân bà Kiwanek đang ngồi đợi anh.

Bà K, như ba người khách trọ thường gọi, là một phụ nữ mộ đạo và đoan trang đến cứng nhắc. Góa chồng ở tuổi bốn mươi, bà mặc trang phục truyền thống của Áo - những bộ váy thắt eo màu xanh rêu, là bộ chính, ngoài ra là các bộ áo cánh thêu, tạp dề và mấy đôi giày cao gót rộng - cho thấy một thái độ lịch thiệp đến nỗi chỉ có thể chịu đựng được trong thời gian một bữa ăn, Lysander nhanh chóng nhận ra điều ấy. Thế giới của bà chỉ tiếp nhận và chứa đựng những con người, sự kiện và quan điểm hoặc “tốt” hoặc “dễ chịu” (*nett hoặc angenehm*). Đó là những tính từ bà yêu thích và luôn vận dụng trong mọi trường hợp. Pho mát tốt; thời tiết dễ chịu; cô vợ trẻ của Hoàng tử Crown có vẻ là một người tốt; bưu điện mới có nét dễ chịu. Vân vân và vân vân.

Lysander mỉm cười dịu dàng với bà khi ngồi vào cái ghế quen thuộc nơi bàn ăn. Anh thấy mình trẻ ra đến mấy tuổi: bà K khiến anh thấy một

lần nữa mình đang ở tuổi thanh niên - trẻ trung hơn, thậm chí là chưa dậy thì. Anh trở nên mất bình tĩnh trước mặt bà, nhút nhát và kính cẩn đến lạ lùng biến thành một người khác mà anh không thể nhận ra một người không có chính kiến.

Anh thấy có một chỗ dành cho người thứ ba - một khách trọ khác trong nhà này, Đại úy Wolfram Rozman, rõ ràng là vắng mặt hoặc đến muộn. Bữa tối phục vụ chuẩn xác vào lúc tám giờ. Bà K đã ưng thuận Lysander - anh tốt và dễ chịu, và là người Anh (người tốt) - và theo bản năng anh cảm thấy viên đại úy hoàn toàn không được lòng bà K. Ông ta không dễ chịu, và có lẽ là cả không tốt nữa.

Đại úy Wolfram Rozman đã làm sai một chuyện gì đó. Không rõ là điều gì nhưng sự hiện diện của ông tại nhà nghỉ Kriwanek là một nỗi ô nhục. Đó là một rắc rối với trung đoàn như lời ông Barth kể. Ông ta không bị cách chức nhưng tạm thời bị trục xuất khỏi doanh trại vì vụ bê bối này, bất kể nó là gì. Và ông bị buộc phải sống ở đây cho đến khi phán quyết được đưa ra và số mệnh quân nhân của ông được định đoạt. Đại uý Rozman dường như có dính dáng quá sâu, Lysander phải thừa nhận điều đó - rõ ràng ông ta đã ở nhà nghỉ này gần sáu tháng rồi - nhưng ông ta càng ở lâu bao nhiêu thì bà K càng khó chịu với ông ta bấy nhiêu. Thậm chí trong vòng có hai tuần chứng kiến những cuộc nói chuyện giữa hai người, Lysander đã phát hiện ra một sự cách biệt rõ nét trong cách xưng hô và sự khách sáo đến mức băng giá đang tăng lên.

Thực ra Lysander thích Wolfram vì anh được nhờ đi gọi ông gần như thường xuyên nhưng anh giữ kín quan điểm này trước mặt bà K. Giờ bà đang mỉm cười với anh và rung chuông gọi người hầu. Cô hầu gái, Traudl, xuất hiện gần như ngay lập tức với một cái liễn - đựng món súp bắp cải

tươi và mấy ổ bánh mì nướng – trên tay. Đây là món đầu tiên trong bữa ăn tối ở nhà nghỉ Kriwanek, bất kể đông hay hè. Traudl, một cô gái mặt tròn, mười tám tuổi, hay đỏ mặt khi nói chuyện với người khác, đặt cái liễn xuống bàn mạnh đến mức làm bắn cả súp ra ngoài, vấy bẩn tấm khăn trải bàn trắng như tuyết.

"Cô sẽ phải trả tiền giặt sạch khăn trải bàn đấy, Traudl", bà K điềm tĩnh nói.

"Rất sẵn lòng thưa bà", Traudl đáp, đỏ mặt, khẽ nhún gối chào và bỏ đi.

Bà K ăn nói lịch thiệp, hai mắt nhắm lại, điềm đạm - Lysander cúi đầu - cả hai mời nhau rồi cùng ăn món súp bắp cải và bánh mì nướng. "Ngài đại úy đến muộn rồi", Lysander nhận xét.

"Ông ta đã trả tiền ăn rồi, ăn hay không mặc kệ ông ta". Bà mỉm cười với Lysander. "Anh có một ngày dễ chịu chứ, anh Rief?"

"Rất dễ chịu".

Sau bữa ăn (món chính gồm thịt gà ninh với ớt cựa gà) theo thông lệ, bà K rời đi và các quý ông được phép hút thuốc. Lysander đốt một điếu và trở lại con người thật của mình vì bà chủ nhà đã đi rồi. Và anh bắt đầu tự hỏi, như anh vẫn làm sau mỗi lần ngồi cùng bàn với bà ta: Liệu anh có nên chuyển đến một khách sạn hay một nhà trọ khác không. Nhưng khi nghĩ đi nghĩ lại anh nhận ra mình thấy thoải mái ở nhà nghỉ Kriwanek này. Và ngoại trừ việc phải cùng ăn một bữa với bà K mỗi ngày, cuộc sống ở đây hoàn toàn thích hợp với anh.

Nhà nghỉ thực ra là một căn hộ lớn trên tầng ba của một tòa nhà khá mới nằm về phía nam khoảnh sân nhỏ, cách khu phố mua sắm Mariahilfer Strasse khoảng nửa dặm tính từ vành đai. Có lò sưởi, nước

nóng và đèn điện, các khách trọ dùng chung một phòng tắm lớn hiện đại (vệ sinh xả nước) và sạch sẽ. Khi Lysander hỏi thông tin đại lý du lịch về chuyến đi, anh đã yêu cầu danh sách các nhà trọ mà họ cung cấp phải có một phòng ngủ thoải mái, có tủ quần áo rộng rãi, các dịch vụ giặt là chuyên nghiệp (anh có những nhu cầu rất chuẩn xác về việc sử dụng hồ làm cứng vải) và phải gần một trạm dừng xe điện. Địa chỉ đầu tiên anh đến thăm là nhà nghỉ Kriwanek. Anh thấy phòng ở đó gồm một phòng khách, một góc phòng có rèm với một chiếc giường đôi, một phần phụ nhỏ vuông vắn làm phòng thay đồ với rất nhiều các ngăn chứa đồ và một chiếc tủ ly để quần áo. Anh không buồn xem thêm nữa - có lẽ đây là nguyên nhân cho những suy nghĩ về việc ra đi xuất hiện ngay sau bữa ăn - lẽ ra anh nên xem thêm những nơi khác ở Vienna này nữa? Dù thế anh vẫn có một gia sư cùng Sống ở đây, không được bỏ qua điều này.

Khi đi vào căn hộ qua cánh cửa hai lớp bên phải đầu cầu thang tầng ba, bạn sẽ gặp ngay một sảnh - đủ rộng cho hai chiếc ghế bành thấp và có nệm với một chiếc bàn cùng một con cú nhồi bông trong vòm kính ở giữa bàn. Từ sảnh này có một hành lang dài dẫn đến phòng ăn và các phòng của ba khách trọ - Lysander, Wolfram và Barth - và phòng tắm dùng chung. Phía cuối đường có một cánh cửa đánh dấu “Riêng tư”, chắc dẫn thẳng đến nhà bếp, anh phỏng đoán, cũng như các phòng của bà K Anh chưa bao giờ đi qua lối này, chưa bao giờ dám đi. Traudl cũng sống ở đây nên cô ta hẳn cũng có riêng một góc ở đâu đó. Dường như có một hành lang phục vụ hẹp song song từ nhà bếp đến phòng ăn - phòng này có hai cửa - nhưng ngoài điều đó ra, cảm nhận của anh về kết cấu nhà nghỉ này là mơ hồ - ai mà biết cái gì ẩn đằng sau chữ Riêng tư? Nơi này thật thoải mái, bạn có thể thật sự tự do. Bữa sáng được phục vụ tại phòng, bữa tối là

bữa bổ sung phải trả tiền, một bữa trưa nhẹ có thể được phục vụ khi báo trước vào buổi sáng. Anh phải thừa nhận cái nhà này thật lạ lùng.

Traudl bước vào và dọn dẹp các đĩa đồ ăn tráng miệng.

“Cô thế nào, Traudl?” Lysander hỏi. Cô ta là một cô gái rắn chắc, to khỏe nên luôn vụng về.

Bị bất ngờ, cô đánh rơi một chiếc thìa ăn món tráng miệng xuống thảm.

“Không vui vẻ gì lắm, thưa ông”, cô nói, nhặt thìa lên và lau vết sữa trứng bằng khăn ăn.

“Tại sao thế?”

“Tôi phải trả rất nhiều tiền phạt cho bà Kiwanek, vì thế tháng này tôi chẳng còn đồng nào nữa”.

“Đáng thương quá. Cô phải cẩn thận hơn chứ”.

“Traudl á? Cẩn thận sao? Hoàn toàn không thể đâu!”, giọng một người đàn ông cất lên.

“Chào buổi tối, ngài Đại úy”, Traudl đáp, ngượng ngập. Wolfram Rozman kéo mạnh chiếc ghế và nặng nề ngồi xuống.

“Traudl, con gà mịn màng bé bỏng của ta, mang cho ta ít bánh mì và pho mát nhé”.

“Có ngay, thưa ngài”.

Wolfram vươn người qua bàn vỗ vai Lysander. Ông đang mặc bộ quần áo màu xanh nhạt, cổ thắt nơ màu hoa tử đinh hương. Ông cao hơn Lysander vài phân, khéo léo và lóng ngóng trong từng cử động như một đặc trưng của những người đàn ông cao kều. Ông nằm ườn ra trên ghế, một cánh tay tựa lên chiếc ghế kề bên, hai chân duỗi thẳng dưới bàn. Ở

phía mình, Lysander thấy rõ chiếc quần dài màu xanh nhạt và đôi ghệt* mắt cá của ông. Ông có đôi mắt thiếu ngủ, thâm quầng và một hàng ria mép vàng hoe, rậm rì hai đầu được bôi sáp hướng lên, phía trên đôi môi dày, mềm mại.

Ông nhận điếu thuốc Lysander đưa mời - và sau một hồi tìm mãi trong túi không thấy bao diêm - ông dùng bật lửa của anh.

“Tôi cho rằng tôi nằm trong cái sổ đen nhất của mụ ta rồi”, Wolfram nói, thổi khói thành những vòng tròn điệu nghệ. “Đen như mực ấy”.

“Nói theo cách khác - ông chỉ là không được “dễ chịu” lắm thôi”.

“Tôi đã cố chạy về nhà, cố gắng đừng về quá muộn và tôi nghĩ - Ôi Chúa ơi, không, Vì Chúa! Tôi không thể chịu được nữa. Thế nên tôi ra quán cà phê và uống mấy ly snap”.

“Tại sao ông không bỏ luôn bữa tối đi, như Barth ấy? Tránh phải gặp bà ta”.

“Trung đoàn đã thanh toán mọi thứ rồi. Không phải tôi”.

Traudl quay lại với một đĩa bánh mì đen thái lát và một ít pho mát kem mềm.

“Cảm ơn, con chồn bé bỏng của anh”.

Traudl có vẻ muốn nói điều gì đó nhưng lại thôi, khẽ nhún gối và ra ngoài bằng cửa bên.

Wolfram vươn người về phía trước.

“Lysander này - anh có biết rằng anh có thể chơi Traudl chỉ với 20 curon không? Biết không?”

“Chơi á?”

“Chiếm hữu cô ta”.

“Ông có chắc không đấy?” Lysander tính toán nhanh: 20curon chưa đến một bảng.

“Tôi làm chuyện đó hai lần mỗi tuần. Con bé thiếu tiền - thật sự rất dễ thỏa hiệp”. Wolfram đặt điếu thuốc xuống gạt tàn, phết pho mát lên bánh mì và bắt đầu ăn. “Con bé nhà quê dễ dãi, mập mạp. Mấy cái đứa này chúng nó biết vài chiêu đặc biệt đấy - chỉ nói với anh vậy thôi, nếu anh có nhã hứng”.

“Cảm ơn nhiều. Tôi sẽ ghi nhớ điều này”. Lysander đáp, hơi hoang mang trước thông tin này. Bà K sẽ nói gì nếu bà ta biết những chuyện đang diễn ra? Anh sẽ nhìn Traudl bằng con mắt khác.

“Trông anh có vẻ ngạc nhiên”, Wolfram nói, miệng tóp tép nhai bánh mì và pho mát.

“À, tôi là thế mà. Tôi chẳng biết gì cả. Ở một nơi của tất cả mọi nơi như thế này - Nhà nghỉ Kriwanek - đúng là một nơi đầy dối trá”. Wolfram chỉ con dao vào anh.

“Nơi này - cái nhà nghỉ Kriwanek này - giống hệt Vienna. Trên cùng là thế giới của bà K. Tốt đẹp và dễ chịu đấy, ai cũng mỉm cười lịch thiệp, còn chẳng có ai đánh trung tiện hay hỉ mũi cả. Nhưng dưới cái bề mặt ấy là một dòng sông đang trôi, đen tối và cuồn cuộn”.

“Dòng sông gì?”

“Dòng sông tình dục”.

6

Đứa con trai của Halifax Rief

"TÔI ĐANG Ở hàng rào chắn gần sân khấu nhất trong nhà hát Majestic tại Strand. Tôi đang đi qua một đám đông những quý bà, quý cô ăn mặc sang trọng, trang nhã. Họ tán chuyện, cười đùa và thi thoảng một người trong số đó liếc nhìn tôi. Họ chẳng thèm để ý đến tôi - ngay cả khi tôi hoàn toàn trần truồng".

Lysander dừng lại. Anh đang đọc cho Bensimon nghe cuốn *Những cuộc điều tra tự thuật.*

"Phải...", Bác sĩ Bensimon chậm rãi nói. "Thú vị thật. Đêm qua anh đã mơ giấc mơ này à?"

"Vâng. Tôi viết ra ngay lập tức đấy".

"Nhưng tôi thắc mắc sao lại là nhà hát?"

"Rõ ràng còn gì", Lysander đáp. "Nếu đó không phải một nhà hát - thì sẽ còn thú vị hơn nhiều".

"Tôi không hiểu".

"Tôi là một diễn viên", Lysander đáp.

"Một diễn viên chuyên nghiệp à?"

"Tôi kiếm sống bằng nghề diễn kịch, chủ yếu ở West End London".

Anh nghe thấy Bensimon đứng lên, đi ngang phòng đến ngồi phía cuối chiếc đi văng đằng sau. Lysander xoay người lại, vẫn ngồi trong chiếc ghế bành - Bensimon đang nhìn anh chằm chằm.

“Rief”, ông nói. “Tôi nghĩ tên anh nghe rất quen. Có phải anh là Con trai của Halifax Rief không?”

“Ông ấy là cha tôi”.

“Chúa lòng lành!” Bensimon có vẻ kinh ngạc một cách chân thành. “Tôi đã xem vở Vua Lear của ông ấy ở... - Đâu nhỉ?”

“Nhà hát Apollo”.

“Đúng rồi, đúng, nhà hát Apollo... Ông mất rồi, đúng không: Ông mất khi vẫn đang theo đuổi nghiệp diễn ấy đúng không ?”

“Năm 1999. Lúc ấy tôi mười ba tuổi”.

“Lạy Chúa tôi. Cậu là con trai của Halifax Rief. Phi thường làm sao”. Bensimon chằm chằm nhìn Lysander như thể mới gặp anh lần đầu tiên. “Tôi nghĩ mình có thể phát hiện ra một sự tương đồng. Và anh cũng là một diễn viên giỏi đấy, ơn trời”.

“Không thành công bằng cha tôi đâu - nhưng tôi cũng kiếm được khá tươm”.

“Tôi yêu nhà hát. Vở kịch cuối cùng cậu diễn là gì?”

“Vở *Bức Tối hậu thư Si tình*“.

“Tôi không biết vở đó”.

“Vở này của Kendrick Balston - thể loại hài kịch hiện thực, vừa kết thúc bốn tháng lưu diễn tại Shaftesbury. Đó là lúc tôi đến đây”.

“Chúa ơi...” Bensimon lặp lại, nhẹ gật đầu như thể vừa được tiết lộ một điều gì đó quan trọng. Ông quay lại bàn và Lysander nhìn vào bức phù điêu bằng bạc. Anh cảm thấy mình đang ngày càng quen với nó, dù đây mới là buổi gặp gỡ thứ hai với Bensimon.

“Vậy... anh đã trần truồng ở hàng rào chắn gần sân khấu nhất ở nhà hát Majestic. Anh có bị kích thích không?”

“Tôi cảm thấy vui vẻ khi ở đó. Tôi không xấu hổ khi trần truồng trước mặt những người này. Không ngượng ngập”.

“Không ai phá lên cười, không ai cười khẩy, không chỉ trỏ hay chế giễu à?”

“Không. Họ dường như xem chuyện đó là quá đỗi bình thường. Sự tò mò vu vơ là cảm xúc mạnh mẽ nhất. Họ chỉ liếc nhìn tôi rồi lại tiếp tục chuyện trò”.

“Họ có “liếc nhìn” dương vật của anh không?”

“À. Có. Họ có nhìn”.

Một lúc im lặng. Lysander nhắm mắt lại, anh có thể nghe thấy tiếng ngòi bút của Bensimon sột soạt. Để khiến tâm trí tạm rời khỏi cuộc trò chuyện này, anh ép mình nhớ lại những điều thú vị cuối tuần trước. Anh đã bắt chuyến tàu hỏa đến Puchberg và nghỉ qua đêm tại một khách sạn nhà ga ở đó. Sau đó anh đón chuyến tàu một toa leo núi đến Hochschneeberg và đi bộ lên đỉnh Alpengipfel rồi leo xuống (anh đã mang theo giày leo núi). Anh cảm thấy tâm trí nhẹ bỗng và trôi nổi mỗi khi leo lên các ngọn núi hoặc trong các chuyến du lịch đi bộ. Anh nghĩ có thể đây là lí do hợp lí nhất giải thích vì sao anh phải sang Áo - những chuyến đi mới, những quang cảnh mới. Mỗi dịp nghỉ cuối tuần anh có thể đi tàu và đi bộ lên những ngọn núi, đầu óc trống rỗng, quên đi hết những rắc rối. Phương thuốc đi bộ...

“Giấc mơ này có tái diễn không?” Bensimon hỏi.

“Có. Có biến đổi một chút, Thỉnh thoảng có ít người hơn”.

“Căn bản là anh cơ - trần truồng - giữa cả đám phụ nữ, áo xống đầy đủ”.

“Vâng. Không phải lúc nào cũng ở trong nhà hát”.

“Anh có đặt câu hỏi tại sao mình lại mơ như thế không?”

“Tôi lại hi vọng ông có thể nói cho tôi biết”.

“Hãy tiếp tục chủ đề này vào lần sau”, Bensimon nói, kết thúc buổi gặp. Lysander đứng dậy và vươn thẳng người - anh thấy mệt lạ lùng, trong suốt thời gian phải tập trung cao độ thế này. Anh thả cuốn sổ tay vào túi áo.

“Tiếp tục viết ra mọi thứ nhé”, Bensimon nói, tiễn anh ra cửa. “Chúng ta đang có tiến triển đấy”. Họ bắt tay nhau.

“Hẹn gặp ông vào thứ Tư”, Lysander nói.

“Con trai của Halifax Rief, đúng là không tin được”.

Lysander ngồi trong quán Central uống cà phê Capuchino và suy nghĩ về cha mình. Như thường lệ, anh cố gắng nhớ về ông nhưng vô hiệu. Tất cả những gì anh có là hình ảnh một người đàn ông lực lưỡng, to lớn và một khuôn mặt vuông nung núc thịt dưới mái tóc dày màu xám. Dĩ nhiên anh có thể nghe thấy giọng nói nổi tiếng như giọng bass ầm ầm vang rền. Nhưng điều còn tồn tại lâu bền nhất trong hồi ức về cha anh đó là mùi hương trên người ông - mùi sáp thơm chải tóc ông thường dùng thứ sáp tổng hợp của riêng ông, do chính các thợ cạo của ông pha chế. Một thứ mùi hoa oải hương làm se, ban đầu rất hắc, làm nền cho mùi dầu thơm đậm hơn. Cha anh là một người đàn ông rất thơm tho, Lysander nghĩ. Thế rồi ông mất.

Lysander nhìn quanh quán cà phê rộng rãi, với trần cao và vòm kính. Một nơi yên tĩnh. Có vài người đang đọc báo, một người mẹ và hai đứa con gái bé bỏng đang chăm chú quan sát chiếc xe dọn bánh ngọt. Mặt trời chiếu xiên qua những ô cửa sổ trên cao, vẽ nên những hình thoi màu hồng ngọc và cẩm thạch trong những tấm kính đỏ rực. Lysander ra hiệu gọi một chai brandy, cảm thấy tâm trạng thật bình yên. Khi rượu được mang đến, anh trả tiền cốc Capuchino và lấy ra lá thư của Blanche. Lá thư đầu tiên anh nhận được kể từ khi đến Vienna - anh đã viết cho Cô bốn lần... Anh vuốt thẳng tờ giấy, mực xanh sang trọng, nét chữ gà bới tràn đầy trang giấy, tràn ra hết cả lề.

Lysander yêu dấu,

Anh sẽ giận em lắm, em biết nhưng em rất nhớ anh, người đàn ông yêu dấu của em, thật đấy. Và em vẫn luôn định viết thư nhưng anh hiểu em và biết rằng mọi thứ "điên rồ" như thế nào rồi. Chúng em đã rà soát về vấn đề bản quyền tác giả vở Tháng Sáu Rực lửa nhưng rõ ràng có gì đó không ổn và bọn em đã phải họp nhau lại hai ngày trước. Với em vở này thật đáng yêu và em đang nghĩ có một vai sĩ quan bảo vệ trẻ trung rất "hợp" với anh đấy. Em có nên nói với Manley già nua, đáng yêu rằng có thể anh sẽ hứng thú với vai này không? Ông ấy sẽ làm bất cứ điều gì em yêu cầu, ngớ ngẩn đến đáng yêu. Nhưng anh phải về nhà sớm đi, kho báu của em. Sẽ thật thú vị khi chúng ta lại làm việc cùng nhau. "Phương thuốc" bí ẩn của anh vẫn tốt chứ? Nó có rút ngắn tuổi thọ không? Anh có ngâm muối, tắm nước lạnh, uống sữa lừa nữa không đấy? Em nói với mọi người rằng anh có điều kiện" và họ kêu lên - "Ồ. À, Đúng rồi... Tôi hiểu", và vội vã bỏ đi với vẻ mặt nghiêm túc lắm. Ngày mai em sẽ xuống Borehamwood để "quay thử".

Dougie nói em có một khuôn mặt hoàn hảo, hợp với điện ảnh" nên bọn em sẽ xem xét. Em nhận được một lá thư thú vị từ mẹ anh hỏi em rằng, chúng ta đã quyết định về cái "ngày tuyệt vời" ấy chưa? Suy nghĩ về chuyện đó nhé, người tình ngọt ngào của em. Em đã khoe nhẫn với mọi người và họ hỏi "Bao giờ thế?" em phá lên cười - cười nghe như chuông ngân ý - và nói rằng bọn mình không cần vội. Nhưng em đang nghĩ là đám cưới mùa đông có thể cũng đặc biệt. Em có thể mặc đồ lông thú...

Lysander gấp thư và nhét lại vào túi áo, mơ hồ cảm thấy không khỏe. Như thể tai anh đang nghe thấy giọng nói của cô, nhắc anh nhớ rằng cái gì đã đưa anh đến Vienna, buộc anh phải đối mặt với thực tế về vấn đề đặc biệt của mình. Anh không thể kết hôn với Blanche trong hoàn cảnh này. Tưởng tượng một đêm trong tuần trăng mật...

Anh hút một điếu thuốc. Anh biết Blanche đã từng có nhiều người yêu. Thực ra cô đã mời anh lên giường nhưng anh khăng khăng nào là đạo đức, nào là sự tôn trọng - giờ hai người đã đính hôn. Anh lấy cuốn sổ từ trong túi và nhớ lại. Lần cuối cùng anh cố gắng tham dự đại hội ái tình với một phụ nữ là một ả gái điếm trẻ anh chọn được ở Piccadilly. Anh đếm lại: ba tháng, mười ngày trước. Đó là những ngày tháng sau khi anh cầu hôn Blanche và đó đơn thuần là một thử nghiệm cần thiết. Anh nhớ lại căn phòng nhỏ hôi hám trên phố Dover, một ngọn đèn đất, tấm ga giường sạch sẽ trên chiếc giường hẹp. Với lớp son phấn trên mặt, cô ta xinh đẹp đến ghê gớm nhưng có một chiếc răng đen lộ rõ khi mỉm cười. Anh khởi đầu rất tốt nhưng không thể tránh khỏi kết cục ấy. Chẳng có gì cả. Chúng ta có thể thử lại, cô ta nói khi anh trả tiền, chẳng buồn đếm xem bao nhiêu, thử lại làm gì khi chẳng có gì xảy ra cả? Dù vậy anh vẫn trả tiền - vỏ đạn rỗng vẫn có thể phát ra tiếng nổ.

Lysander tự cho phép mình nở nụ cười chua cay - vài khách hàng là lính có thể đã kể cho cô ả nghe điều đó và điều này vẫn đeo đuổi cô ta. Anh dụi tắt điếu thuốc. Có lẽ anh nên nói với Bensimon rằng mình đã đính hôn với cô Blanche Blondel - việc này có thể gây ấn tượng với ông nhiều như khi nghe thấy tên Halifax Rief.

Anh trả tiền - nhớ phải đội mũ lên đầu - và bước ra ngoài dưới ánh nắng ấm áp của buổi chiều, dừng lại trên các bậc thang của quán cà phê, suy nghĩ liệu anh có nên quay về nhà nghỉ Kriwanek - có thể bỏ bữa tối - hay có thể đi đâu đó dịp nghỉ cuối tuần này - có thể là Baden hay thậm chí là Salzburg, làm một chuyến du lịch ngắn, đi Tyrol...

“Anh Rief?”

Lysander vô thức nhảy dựng lên. Một người đàn ông cao kều, khuôn mặt thô gầy với hàng ria đen gọn gàng.

“Không có ý làm anh ngạc nhiên. Anh thế nào rồi? Tôi là Alwyn Munro”.

“Xin lỗi... tôi đang mơ”. Họ bắt tay nhau. “Dĩ nhiên. Chúng ta đã gặp nhau tại phòng khám của bác sĩ Bensimon. Tình cờ”. Lysander đáp.

“Nếu anh đến quán cà phê Central thì anh sẽ gặp được tất cả mọi người ở Vienna này”.Munro nói. “Thời gian anh lưu lại đây thú vị không?”

Lysander không muốn nói chuyện phiếm.

“Ông có phải bệnh nhân của bác sĩ Bensimon không?” anh hỏi.

“John ấy à? Ông ấy là bạn tôi. Chúng tôi cùng học đại học. Thi thoảng tôi được lợi nhờ trí tuệ của ông ấy. Một người rất thông minh”. Dường như cảm thấy Lysander miễn cưỡng làm quen với mình. “Tôi có thể thấy là anh đang vội. Tôi sẽ để anh đi tiếp”. Munro thọc tay vào túi tìm danh

thiếp và trao cho anh. “Tôi ở Đại sứ quán đây nếu anh có cần gì. Vui được gặp anh”.

Ông ta đưa ngón trỏ lên chỉnh vành chiếc mũ quả dưa và bước vào quán.

Lysander rảo bước quay về đường Mariahilfer Strasse, tận hưởng ánh mặt trời. Anh cởi áo choàng khoác lên vai, suy nghĩ về Tyrol, phải rồi - những dãy núi thật sự. Sau đó khi anh vừa định băng qua đường Opernring thì lại trông thấy mấy tấm áp phích xấu xí, bị xé nham nhở khác. Lần này chỉ còn đầu một con quỷ - một kiểu sinh vật lai giữa cá sấu và rồng - và họ tên đầy đủ của người nghệ sĩ: Gottlieb Toller, Anh nghĩ mình có thể hỏi Barth xem ông ta có biết gì về người này không. Anh nghe tiếng một ban nhạc đang chơi điệu van của Strauss* theo kiểu hành khúc, anh điều chỉnh nhịp bước theo nhịp trống bass. Anh nghĩ đến khuôn mặt dài xinh đẹp của Blanche, hai cổ tay mỏng manh, trơ xương của cô với những chiếc vòng kêu lách cách, thân hình thanh mảnh. Anh đã yêu cô và muốn cưới cô, anh tự nhủ như thế không phải là giả vờ hay là do quy ước xã hội. Anh nợ cô nên phải cố gắng để mọi thứ tốt đẹp trở lại, để làm một người đàn ông bình thường, có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc với một người phụ nữ tuyệt vời. Anh phải thực hiện điều đó đến cùng.

Anh băng qua đường vành đai, chú ý hết sức, và khi ấy ban nhạc cũng chuyển tông sang nhịp bước nhanh nghe như điệu polka. Anh cảm thấy tâm hồn mình như bay bổng với giai điệu ấy khi bước đi nhẹ nhàng lên đường Mariahilfer Strasse. Tiếng nhạc nhỏ dần phía sau, hòa lẫn với tiếng ồn của xe cộ, khi ban nhạc hành quân đi về phía các trại lính cũng là lúc họ hoàn thành bổn phận công dân, giải trí cho những người dân thành Vienna trong hơn một tiếng. Lysander cảm thấy mặt trời đang sưởi ấm đôi

vai mình. Những cảm xúc rất lạ lùng cùng lúc tụ lại tấn công anh - tự hào vì những gì anh đã làm được cho bản thân, tự tìm phương thuốc cho riêng mình, thích thú rảo bước trên những con phố quen thuộc của thành phố ngoại quốc này. Trong một thoáng dễ chịu, anh thấy một nỗi u sầu thú vị mỏng manh khi xa rời Blanche, và cả đôi mắt tinh nhanh, thông minh của cô.

7

Thủ Dâm - Thói nghiện Nguyên thủy

“THẾ CÒN THỦ DÂM THÌ SAO?” BENSIMON hỏi.

“Phải nói là nó thường xuyên hiệu quả, chín trên mười lần. Chẳng có vấn đề gì hết”.

“À, Thói nghiện nguyên thủy”.

“Xin lỗi?”

“Cách nói của Tiến sĩ Freud...”. Bensimon cầm bút sẵn sàng viết. “Tác nhân kích thích là gì?”

“Hay thay đổi lắm”. Lysander hắng giọng. “Tôi hay nghĩ về mọi người - những người phụ nữ mà tôi bị hấp dẫn trong quá khứ và rồi tưởng tượng ra một...” anh ngừng lại. Bây giờ anh đã hiểu, thật hữu ích khi không phải nhìn mặt người đối thoại. “Tôi tưởng tượng một tình huống mà mọi thứ đều tiến triển tốt đẹp”.

“Đương nhiên, đó là một giả thuyết. Thế giới hoàn hảo trong giả thuyết. Thực tế thì phức tạp hơn nhiều”.

“Phải, tôi biết đó là hư ảo”, anh nói, Cố gắng khiến giọng nói mình không kích động. Đôi khi Bensimon có khuynh hướng thật phàm tục.

“Nhưng điều đó có ích, có ích đấy”, Bensimon tiếp lời. “Anh đã nghe nói về “Trạng thái song song” chưa?”

“Chưa. Tôi có nên nghe không?”

“Không, không hề. Tôi tự phát triển giả thuyết này và thêm vào vài nét chính trong lý thuyết phân tâm học của Tiến sĩ Freud. Có thể chúng ta sẽ quay lại vấn đề này sau”.

Im lặng. Anh có thể nghe thấy bác sĩ Bensimon dùng môi phát ra mấy tiếng bốp bốp. Bốp. Bốp. Bốp. Bực mình.

“Mẹ anh còn sống chứ?”

“Sống rất khỏe”.

“Kể cho tôi nghe đi. Bà bao tuổi rồi?”

“Bốn mươi chín”.

“Miêu tả bà ấy đi”.

“Bà là người Áo. Nói tiếng Anh trôi chảy, hầu như không lộ âm sắc người nước ngoài. Bà rất duyên dáng. Ăn diện rất đúng mốt”.

“Có đẹp không?”

“Tôi cho là vậy. Bà là một phụ nữ trẻ rất xinh đẹp. Tôi đã xem nhiều bức ảnh...”.

“Tên bà là gì?”

“Anneliese. Mọi người đều gọi bà là Anna”.

“Bà Anneliese Rief”.

“Không. Phu nhân Faulkner, Sau khi cha tôi mất, bà tái hôn với ngài Faulkner”.

“Tình cảm của anh với cha dượng tiến triển thế nào?”

“Rất tốt, Crickmay Faulkner già hơn mẹ tôi nhiều đấy. Ông ta ở tuổi bảy mươi rồi”.

“À”. Lysander có thể nghe thấy tiếng bút sột soạt.

“Anh có bao giờ nghĩ về mẹ minh và liên hệ đến tình dục không?”

Lysander cố gắng nén tiếng thở dài mệt mỏi. Anh thật sự đã mong đợi nhiều hơn ở Bensimon.

“Không”, anh đáp. “Không hề. Không bao giờ. Không”.

8

Ngài Sĩ quan Kị binh sôi nổi

LYSANDER NHÌN WOLFRAM kinh ngạc. Ông đang đứng trong hành lang mặc nguyên bộ quân phục. Thanh kiếm lưỡi cong kéo lê trên sàn, chiếc mũ sa cô kẹp dưới cánh tay, đôi ủng đen được lắp cựa bảo vệ đầu gối. Trông ông to lớn và rất ấn tượng.

"Chúa ơi", Lysander nói, vẻ ngưỡng mộ. "Ông sắp đi diễu binh đấy à?"

"Không", Wolfram nói, ủ rũ. "Hôm nay là phiên tòa xử tôi".

Lysander đi vòng quanh ông. Bộ quân phục màu đen với khuy khuyết thùa vàng trĩu xuống, như những con rắn đang quằn quại, với miếng giáp che ngực phía trước. Một chiếc áo nịt kiểu kị binh phủ lông thú rủ xuống một bên vai. Chiếc mũ sa cô của ông có lông vũ đỏ hợp với những miếng đáp màu đỏ trên cổ áo choàng và những sọc đỏ trên một bên quần.

"Lính kị binh hả?" Lysander đoán.

"Lính kị binh châu Âu. Anh có gì uống được không? Cái gì mạnh ý? Phải thú thật là tôi hơi căng thẳng".

"Tôi có một ít rượu whisky Scotch, nếu ông thích".

"Hoàn hảo".

Wolfram vào phòng anh và ngồi xuống, thanh gươm kêu lách cách. Lysander rót rượu whisky vào ly uống nước hình cái răng. Ông tợp một ngụm, uống cạn rồi lại đưa rót thêm cốc nữa.

"Whisky rất ngon - tôi nghĩ vậy".

“Ông không muốn hơi thở mình có mùi rượu whisky ở tòa đâu”.

“Trước khi vào tôi sẽ hút xì gà”.

Lysander ngồi xuống, ngắm nhìn hình mẫu lý tưởng của một người sĩ quan kị binh sôi nổi đậm chất Ruritania* này. Khi ông đội lại mũ sa cô lên đầu, Lysander nghĩ rằng ông sẽ cao đến hai mét.

“Phiên tòa xử tội gì?” anh hỏi, cảm thấy mình đã đủ thân thiết để gặng hỏi về nguyên nhân khiến Wolfram bị lãng quên tại nhà nghỉ Kriwanek. Ngày phán xét đã đến rồi.

“Nghi ngờ về khoản tiền thất thoát của các sĩ quan”, Wolfram đáp. Ông giải thích: “Đại tá của trung đoàn chuẩn bị nghỉ hưu và các sĩ quan muốn góp tiền mua cho ông một món quà thật tuyệt vời. Các khoản quyên góp không nêu tên người góp được nhét vào rãnh bộ két bạc khóa kín để trên tủ quần áo trong phòng ăn bừa bộn. Cuối cùng khi cái kết được mở ra, Số tiền chỉ còn đủ mua một hộp xì gà loe đầu loại trung bình hay hai chai sâm banh Hungary”, Wolfram nói. “Rõ ràng hoặc là chúng tôi đã dành ít tiền tặng cho vị Đại tá yêu dấu của mình, hoặc ai đó đã ăn cắp nó”.

“Ai là người giữ chìa khóa cái két?”

“Ai nằm trong bảng phân công đều là sĩ quan giám sát bữa ăn tập thể mỗi tuần. Cái kết đã ở đây được ba tháng rồi. Ba tháng vị chi là mười hai tuần, mỗi tuần có một nghi phạm. Bất kì ai trong số này đều có dư thời gian làm một cái chìa khác và trộm tiền. Tôi là một trong số mười hai sĩ quan giám sát đó”.

“Nhưng tại sao họ nghi ngờ ông?” Lysander cảm thấy giận dữ thay cho Wolfram.

“Bởi vì tôi là người Slovenia trong một trung đoàn Đức. Ý tôi là những người ko nói tiếng Đức. Có hai người Séc nhưng lũ sĩ quan Đức luôn nghi ngờ người Slovenia - thế nên tôi phải mất sáu tháng ngồi đây để đợi chúng quyết định nên làm gì với tôi”.

“Nhưng điều này lố bịch thật. Chỉ vì ông là người Slovenia ư?” “Áo, Hungary và...” Lysander suy nghĩ. “Và Croatia...”.

Wolfram mỉm cười, vẻ mệt mỏi.

“Trong đế chế vĩ đại của chúng ta có bao nhiêu quốc gia?”

“Anh vẫn còn chưa bắt đầu. Carnolia, Moravia, Galicia, Bosnia, Dalmatia - đó là một nồi súp rau, một món sa lát khủng khiếp khổng lỏ. Còn chưa kể đến người Ý hay người Ucraina. Tôi sẽ uống thêm một ly nữa”.

Lysander rót rượu cho ông.

“Anh có nước Áo”. Wolfram di chuyển cái chai lấy chỗ đặt cốc xuống bên cạnh. “Và anh có Hungary. Các nước còn lại như chúng tôi chỉ là chốn hậu cung của hai ông vua hùng mạnh này. Họ chiếm lấy chúng tôi khi muốn, và thô bạo với chúng tôi khi cần. Và thế - ai là người đánh cắp tiền của ngài Đại tá? À, chắc chắn là tên người Slovenia xảo quyệt kia”.

Có tiếng gõ cửa và Traudl ló đầu vào, đỏ mặt.

“Ngài Đại úy, xe ngựa của ngài đến rồi”.

Wolfram đứng dậy, cài cúc áo trên cổ, đi găng tay và chụp lấy cái mũ sa cô

“Chúc may mắn”, Lysander nói và họ bắt tay nhau.“Ông là người vô tội, chẳng có gì phải sợ cả”.

Wolfram mỉm cười, nhún vai, “Chẳng có ai hoàn toàn vô tội đâu.”. “Đúng, tôi cũng nghĩ thế. Nhưng ông hiểu ý tôi mà”

“Tôi sẽ ổn thôi”, Wolfram nói. “Tên Slovenia xảo quyệt này còn để dành một vài sự ngạc nhiên đấy”. Ông khẽ cúi mình, giậm chân - những cái cựa kêu lách cách, khô khốc - và bỏ đi.

Lysander quay lại bàn và mở cuốn *Những cuộc Điều tra Tự thuật* ra, cảm thấy một sự thất vọng nhẹ nhàng thoáng qua. Dù thắng hay thua, thời gian Wolfram ở lại khu nhà nghỉ này đã gần như chấm hết - hoặc ông sẽ quay về các trại lính, được minh oan, hoặc bị cách chức, tống ra biển đời lênh đênh của người dân bình thường. Có thể là quay về Slovenia... Anh sẽ nhớ ông. Anh bắt đầu ghi nhanh một số cơ sở lập luận trong vụ án của Đại úy Wolfram Rozman. “Chẳng có ai hoàn toàn vô tội”, anh viết, và một ý nghĩ chợt đến, nếu ai đó âm mưu đánh cắp một cái gì, đó thực sự là một mánh khóe thông minh khi hắn biết chắc chắn rằng có đến hàng tá nghi phạm tiềm năng khác. Giữa một nhóm nghi phạm không dễ tìm ra thủ phạm. Anh gạch dưới câu: “Chẳng có ai hoàn toàn vô tội”. Có lẽ đã đến lúc kể với Bensimon về bí mật đen tối nhất, xấu hổ nhất của anh...

Lại có tiếng gõ cửa. Anh nhìn đồng hồ đeo tay - còn một tiếng nữa mới đến giờ học với ông Barth. Anh nói: “Vào đi”, và Traudl lại xuất hiện, đóng cửa lại.

“Chào cô Traudl. Tôi có thể giúp gì cho cô?”

“Bà Kriwanek đang đi thăm em gái và ông Barth đang ngủ trong phòng ông ta”.

“Ờ, xin cảm ơn cô về thông tin này”.

“Trước khi đi, Đại úy Wolfram Rozman đã cho tôi 20 curon và bảo tôi đến gặp ông”.

“Để làm gì?”

“Để đáp ứng nhu cầu của ông”.

Nói đến đây cô ngừng lại, kéo chiếc váy dày và tạp dề lên đến tận eo. Trong vùng da thịt lộ ra, Lysander thấy những đường gờ nhợt nhạt ở hai hông, và vùng tam giác đen của đám lông mu.

“Không cần thiết đâu, Traudl”.

“Thế còn 20 curon ạ?”

“Cô cứ việc giữ đi. Tôi sẽ nói với Đại úy Rozman rằng chúng ta đã vui vẻ với nhau”.

“Ông thật là tốt, ông Rief”, Traudle khẽ nhún gối chào.

Chẳng có ai hoàn toàn vô tội, Lysander nghĩ, đi ra mở cửa. Anh lục túi quần dài tìm tiền lẻ, định bụng bao cho cô, nhưng anh chỉ tìm thấy một tấm danh thiếp. Mà cô ta đâu có cần tiền bao - 20 curon với cô ta đã là quá đủ.

“Tôi có thể đến vào lúc khác”, Traudl nói.

“Thôi, thôi. Không sao đâu mà”.

Anh đóng cửa lại. Đúng là dòng sông tình dục. Anh liếc nhìn tấm danh thiếp trong tay - của ai thế nhỉ?

“Đội trưởng Alwyn Munro DSO”, anh đọc. “Tùy viên Quân đội. Đại sứ quán Anh, Metternichgasse 6, Vienna III”.

Lại một tên lính khát máu nữa. Anh đặt tấm danh thiếp lên bàn.

9

Những cuộc điều tra Tự thuật

ĐÓ LÀ MÙA HÈ NĂM 1900. Tôi mười bốn tuổi và đang sống ở Claverleigh Hall, East Sussex, quê cha dượng tôi, ngài Faulkner. Cha tôi đã mất một năm trước đó. Mẹ tôi kết hôn với ngài Crickmay Faulkner chín tháng sau tang lễ cha tôi. Bà là vợ hai của ông, phụ nhân Faulkner mới. Tất cả hàng xóm láng giềng đều hài lòng với ngài Crickmay, một người đàn ông cục mịch, nhân hậu, tuổi ngoài năm mươi, góa vợ, có một cậu con trai đã trưởng thành.

Tôi thực sự vẫn không hiểu nổi tôi cảm thấy gì về cuộc sống mới mẻ này, gia đình mới và ngôi nhà mới này. Claverleigh và dinh cơ này vẫn là một *vùng đất xa lạ* rộng lớn đối với tôi. Bên ngoài các khu vườn có tường bao quanh là những khu rừng, cánh đồng bãi trồng cây, thảo nguyên, bãi chăn ngựa và hai trang trại trải dài qua các vùng đồng bằng của East Sussex. Đó là một dinh cơ được điều hành rất tốt và tôi thấy mình mãi mãi là người xa lạ ở đây. Dẫu rằng trong nhà này những người hầu, người giúp việc, xà ích và những người làm vườn, tất cả đều rất thân thiện. Họ luôn mỉm cười khi thấy tôi và gọi tôi là "Cậu chủ Lysander".

Tôi đã nghỉ học ở ngôi trường tại London - "Trường Nam sinh Mrs. Chalmers' Demonstration" - để được học tại nhà với một cha phó người địa phương, đức cha Filmore, một ông già độc thân uyên bác. Mẹ tôi bảo rằng nhiều khả năng tôi sẽ được gửi đến học tại một trường nội trú vào mùa thu.

Hôm nay là thứ Bảy nên tôi không phải học, nhưng Đức cha Filmore yêu cầu tôi đọc một bài thơ của Giáo hoàng Alexander nhan đề *Đánh cắp món tóc*. Tôi thấy nó rất khó đọc, Sau bữa trưa, tôi lấy cuốn sách và lang thang vào khu vườn lớn có tường bao quanh, tìm một chiếc ghế dài khuất để tiếp tục bài đọc gian khổ của mình. Tôi thích thơ, dễ dàng học thuộc lòng. Nhưng tôi nhận thấy thơ của Giáo hoàng dường như rất khó hiểu không như Keats hay nhà thơ yêu thích của tôi - Tennyson. Những người làm vườn và các cậu bé đang nhổ cỏ bên các luống thảo mộc dài đều cất lời chào khi tôi đi ngang qua. "Một ngày tốt lành, cậu chủ Lysander". Tôi chào lại họ - bây giờ thì tôi biết gần hết mọi người, đó là Digby già cả - người làm vườn chính - và Davy Bledlow cùng con trai ông Tommy, Tommy lớn hơn tôi hai tuổi và có lần anh đã rủ tôi cùng ra ngoài săn thỏ. Anh có một con chồn sương rất khôn tên là Ruby. Tôi không muốn đi và lịch sự nói cảm ơn anh vì tôi không thích săn và giết thỏ - điều ấy thật tàn nhẫn. Tommy Bledlow là một anh chàng cao to với chiếc mũi gãy nằm phẳng lì trên mặt khiến anh trông rất lạ lùng - một anh hề đầy nguy hiểm. Tôi rời khỏi khu vườn có tường bao quanh và băng qua hàng rào vào rừng Claverleigh bằng bậc trèo.

Mặt trời chiếu xuyên qua những chiếc lá xanh non của các cây sồi già. Tôi tìm một góc đầy rêu giữa hai cái rễ trụ gầy guộc của một cây sồi lớn. Tôi đang nằm trong một chùm ánh nắng và hưởng thụ sự ấm áp lan khắp cơ thể. Có một cơn gió thật nhẹ. Ở đằng xa tôi có thể nghe thấy tiếng một đoàn tàu đang chạy xình xịch dọc theo tuyến đường từ Lewes đến Pevensey. Những chú chim đang hót - một con chim hót, tôi nghĩ thế, một con chim hét. Thanh bình một cách lí tưởng. Một ngày hè ấm áp ở thời điểm bắt đầu một thế kỷ mới tại miền nam nước Anh.

Tôi mở sách ra và bắt đầu đọc, Cố gắng tập trung. Tôi dừng đọc, cởi giầy và tất ra. Những ngón chân uốn cong lại. Tôi đọc tiếp:

> "Thần Mặt trời chiếu tia nắng rụt rè qua bức rèm trắng.
> Và sẽ mở ra đôi mắt hẳn sẽ làm lu mờ cả ánh ngày".

Tại London vào thế kỉ XVIII, một phụ nữ trẻ xinh đẹp đang nằm trên giường, sẽ thức dậy, mặc đồ, và bắt đầu cuộc sống thường nhật của mình - khá rõ ràng. Tôi ngả người về phía sau, đầu khuất trong bóng râm, thân mình tắm trong ánh mặt trời.

> "Belinda xoa nhẹ bộ ngực mềm như chiếc gối phủ đầy lông tơ".

Tôi hiểu không được đọc là "breast"* mà phải đọc tránh thành "Prest"* Tại sao mình lại đọc là "breast" nhỉ? Sự kết hợp của chiếc gối phủ đầy lông tơ, cô gái trong bộ đồ ngủ, có lẽ là đủ lộn xộn và gợi mở để hé lộ - tôi lật trang.

> "...*Shock* nghĩ rằng nàng đã ngủ quá lâu
> Chàng vùng dậy, dùng lưỡi mình đánh thức tình nhân"

Cái tên "Shock" này là ai nhỉ? Nhưng tôi đang nghĩ về cô hầu gái dưới nhà - tên cô ấy có phải Belinda không nhỉ? - Tôi nghĩ thế, cô gái cao cao với khuôn mặt hơi trơ trẽn. Cô ta có "những cái gối mềm đầy lông tơ", đúng rồi. Lần đó tôi đã thấy cô ấy quỳ xuống đặt rơ le báo cháy, hai ống tay áo xắn lên, những nút áo không cài. Tôi biết một "tình nhân" nghĩa là gì - nhưng làm thế nào hắn đánh thức cô ta bằng lưỡi được nhỉ?

Tôi cảm thấy dương vật của minh cựa quậy như có ý tán đồng dưới quần. Ánh mặt trời sưởi ấm lòng tôi. Tôi nhìn quanh thấy mình hoàn toàn đơn độc. Tôi tháo thắt lưng, cởi cúc quần, kéo quần dài và quần đùi xuống đến tận đầu gối. Mặt trời ấm áp, tôi chạm vào cái ấy.

Tôi nghĩ về Belinda, cô hầu gái dưới nhà. Nghĩ về những bộ ngực, mềm mại như những chiếc gối, về cái lưỡi đánh thức tình nhân. Tôi nắm chặt cái ấy. Tay tôi chậm rãi di chuyển lên xuống...

Điều tiếp theo tôi nhớ là tiếng mẹ gọi tên tôi.

“Lysander?Lysander, con yêu...”

Tôi đang mơ. Rồi tôi nhận ra là không phải. Tôi chậm rãi thức dậy như thể vừa dùng thuốc phiện xong. Tôi mở mắt, nhấp nháy, và thấy mẹ đang đứng đó, dưới bóng mặt trời lấp lóa, đang đứng nhìn xuống tôi, Rất lo lắng.

“Lysander, con yêu, có chuyện gì thế?”

“Gi ạ?”. Tôi vẫn nửa tỉnh nửa mơ. Tôi nhìn xuống theo hướng nhìn của bà. Quần dài và quần đùi của tôi vẫn đang túm tụm lại quanh đầu gối, tôi nhìn thấy dương vật mình mềm nhũn và túm lông nhỏ đen xì phía trên nó.

Tôi kéo hết quần lên, cuộn người tròn như quả bóng và bắt đầu khóc nức lên không kiềm chế được.

“Chuyện gì vậy, con yêu?”

“Tommy Bledlow”, tôi nức nở, có Chúa mới hiểu tại sao.“Tommy Bledlow đã làm thế với con”.

10

Cảm nhận Lạ lùng về sự Khác biệt

LYSANDER NGỪNG ĐỌC. ANH cảm thấy nỗi tủi hổ trong quá khứ đang cháy dữ dội toàn thân, như một đám bùi nhùi khô khốc nhất đang cháy, quằn quại và kêu lách tách nóng bỏng. Miệng anh khô nẻ. Thôi nào, mạnh mẽ lên, anh tự nhủ, mày hai mươi bảy tuổi rồi - đây chỉ là hồi ức cũ mà thôi.

Lysander ngồi im lặng một lúc. Bensimon phải lên tiếng trước. "Đúng vậy", Bensimon nói. "Phải. Vậy chuyện này xảy ra khi anh mười bốn tuổi".

"Tôi nghĩ mình đã ngủ thiếp đi gần hai tiếng và bỏ lỡ giờ uống trà. Mẹ tôi rất lo lắng nên chạy ra ngoài tìm tôi. Những người làm vườn nói rằng tôi đã đi vào rừng".

"Và anh bắt đầu thủ dâm...".

"Và đã ngủ thiếp đi. Ngủ như chết. Mặt trời, hơi ấm. Một giấc ngủ lành... Và rồi mẹ tôi thấy tôi rõ ràng đang bất tỉnh khi quần bị kéo hết xuống, nửa trần truồng phơi trần ra. Chả trách bà hốt hoảng".

"Chuyện gì đã xảy ra với cậu làm vườn vậy?"

"Anh ta bị cha dượng tôi sa thải ngay lập tức, không được nhận lương và không được ý kiến gì hết. Cha dượng tôi hoặc cảnh sát đã làm thế. Bố anh ta cho rằng con mình chẳng làm gì cả - cho dù ông thừa nhận mình không có mặt ở khu vườn suốt buổi chiều hôm đó - và cả ông ta cũng bị sa thải".

“Ai mà dám không tin tưởng cậu chủ Lysander chứ?”

“Đúng, chính xác là thế. Tôi cảm thấy rất có lỗi. Đến giờ vẫn thế. Tôi chẳng biết chuyện gì đã xảy ra với họ. Họ cũng bị đuổi khỏi ngôi nhà riêng nằm trên dinh cơ Faulkner. Tôi bị ốm - tôi nhớ mình đã khóc suốt mấy ngày - và nằm bẹp trên giường suốt nửa tháng. Rồi mẹ tôi đưa tôi đến một khách sạn ở Margate. Tôi được các bác sĩ khám, phải uống cả đống thuốc thang để làm dịu “thần kinh”. Sau đó tôi khăn gói lên đường đến ngôi trường nội trú khủng khiếp của đời mình”.

“Vụ này không bao giờ được nhắc lại nữa à?”

“Không bao giờ. Tôi là nạn nhân, ông biết mà. Ốm yếu, tơi tả, nhợt nhạt. Mỗi lần có ai đó hỏi tôi về chuyện này, tôi lại bắt đầu nức nở. Thế nên mọi người đều rất thận trọng rất lo lắng về những gì tôi đã phải “trải qua”. Đi thật nhẹ, nói thật khẽ, ông biết đấy”.

“Rất thú vị khi anh đổ tội cho con trai người làm vườn...”. Bensimon viết một điều gì đó. “Nhắc lại tên anh ta đi?”

“Tommy Bledlow”.

“Anh vẫn còn nhớ à”.

“Tôi không thể quên được cái tên ấy”.

“Anh ta có rủ cậu đi săn - cùng con chồn của anh ta?”

“Tôi đã từ chối”.

“Anh có cảm xúc đồng tính luyến ái nào với anh ta không?”

“À... Không. Hay ít nhất tôi chẳng để ý đến cảm xúc nào hết. Anh ta là người cuối cùng tôi nói chuyện. Trong cơn hốt hoảng của mình, trong tình trạng khẩn cấp của giây phút đó, tôi chỉ với đại một cái tên bay trong không khí”.

Lysander bắt tàu điện quay về Mariahilfer Strasse. Anh ngồi đó trong trạng thái như mê mụ khi chuyến tàu ầm ĩ và rung chuyển băng qua thành phố. Bensimon chính là người duy nhất anh có thể nói sự thật về ngày hè ở thời điểm chuyển giao thế kỉ ấy. Anh phải thừa nhận rằng việc gợi lại bí mật đáng sợ và đen tối này đã tạo nên một cảm giác hồi hộp phấn chấn. Anh cảm thấy thoải mái lạ lùng, xa cách với quá khứ, và khi nhìn xung quanh, nó xa cách với thế giới anh đang đi qua cùng những con người của hiện tại. Anh suy ngẫm về những hành khách cùng đi trên chuyến tàu K - anh thấy họ đang đọc sách, nói chuyện, chìm trong những suy nghĩ của riêng mình, nhìn chằm chằm vô hồn ra cửa sổ khi thành phố lao vút qua - và có một cảm nhận lạ lùng về sự khác biệt. Giống người đang có một tấm vé số độc đắc trong túi - hay một kẻ sát nhân quay về từ hiện trường một vụ án mạng mà không bị phát hiện - anh cảm nhận bản thân mình như vượt trên họ, xa cách họ, và gần như là vượt trội. Giá mà các người biết được điều tôi tiết lộ ngày hôm nay, giá mà các người biết giờ đây mọi thứ trong cuộc đời tôi sẽ khác biệt như thế nào...

Anh nhanh chóng nhận ra ý nghĩ cuối cùng này thật đáng trân trọng. Chuyện xảy ra vào buổi chiều tháng Sáu năm 1900 ấy là một đoạn bị xóa trong phần tường thuật về cuộc đời anh, một đoạn dài bị bỏ trắng giữa hai dấu ngoặc đơn về quãng thời gian anh là thằng nhóc mười bốn tuổi. Sau đó anh đã không bao giờ suy nghĩ về nó - đã dựng lên một hàng rào bao vây - như để ngăn chặn tất cả những xúc tác có thể làm gợi lên hồi ức không muốn nhớ ấy. Anh đã đi bộ rất nhiều lần trong rừng Claverleigh; mẹ con anh đã từng rất thân thiết; anh đã nói chuyện với những người làm vườn và công nhân trong vùng mà không hề nhớ đến cái tên Tommy Bledlow. Sự việc đã qua rồi, đã bị xua đuổi - lạc lối hoàn toàn trong thời

gian - như thể một bộ phận cơ thể bị bệnh hay một khối u đã được loại bỏ và đốt thành tro.

Anh xuống tàu, tự hỏi tại sao mình lại kể chuyện đó mà không hề suy nghĩ. Không - anh thấy mừng khi đã kể với Bensimon mọi thứ. Có lẽ về căn bản, đây là điều mà tất cả các phương pháp trị bệnh bằng phân tâm học có thể đạt tới: nó cho phép anh nói chuyện về những vấn đề thiết yếu, căn bản và quan trọng những điều không thể nói với bất kì ai khác - dưới dạng một buổi trò chuyện trị liệu bình thường. Bây giờ anh có thể nói với Bensimon những điều thầm kín nhất. Hành động thú nhận là một hình thức tự do và anh tự hỏi mình có cần Bensimon nữa không. Dẫu vậy anh vẫn cảm thấy một chút khác biệt về mặt diện mạo so với con người ngồi viết ra những sự kiện của ngày hôm đó. Và anh có thể thấy rằng viết lách cũng thật quan trọng. Có điều gì đó đã thay đổi - dạng như một sự thanh lọc, khai phá, một sự làm sạch.

Anh bước chậm, đầy suy tư trên suốt quãng đường từ điểm dừng xe điện đến khu nhà nghỉ. Anh chỉ dừng lại mua một trăm điếu thuốc lá Virginia của Anh từ một cửa hàng bán buôn tại nút giao giữa đường Mariahilfer Strasse và sân sau của nhà nghỉ. Anh mơ hồ tự hỏi mình có đang hút quá nhiều thuốc không điều anh cần là một chuyến đi bộ đường dài hai mươi dặm trong các dãy núi giúp anh khỏe người. Anh bắt đầu thấy thư giãn để suy tính về nơi anh có thể đến dịp cuối tuần này.

Traudl đang phủi bụi cho con cú nhồi bông trong vòm kính khi anh đẩy cửa vào. Anh nhận ra cô không nhún gối chào và nụ cười đón chào của cô có vẻ ranh mãnh hơn một chút. Lysander không ngạc nhiên vì giờ đây cả hai đều có bí mật riêng mới để chia sẻ với nhau.

“Ngài Đại úy muốn gặp ông, thưa ông”, sau đó cô nói, liếc nhìn xung quanh, thì thầm. “Hãy nhớ đến 20 curon”.

“Yên tâm, Ông ấy sẽ cho rằng chúng ta. Cô biết đấy...”.

“Vâng. Tốt quá. Xin ông chắc chắn nói chuyện ấy, thưa ông”.

“Tôi sẽ nói, Traudl. An tâm đi”.

“Tôi chuyển thư của ông vào phòng ông rồi, thưa ông”.

“Cảm ơn cô”.

Lysander gõ cửa phòng Wolfram và bước vào khi được mời. Từ nụ cười rộng ngoác của Wolfram và chai sâm banh trong xô đá, anh có thể thấy ngay rằng mọi chuyện ở tòa đã diễn ra suôn sẻ. Ông ta đã mặc lại thường phục - một bộ quần áo bằng vải tuýt màu nâu nhạt với cà vạt màu sô cô la.

“Trắng án!” Wolfram nói, cử chỉ như một vị nhạc trưởng đại tài, hai cánh tay giơ cao mạnh mẽ, hai người nồng nhiệt bắt tay nhau.

“Chúc mừng ông. Tôi hi vọng không có quá nhiều thử thách”, Lysander đáp.

Wolfram hào hứng khui và rót sâm banh.

“Ồ, dĩ nhiên là chúng cố dọa anh đến chết rồi”, ông nói. “Tất cả các viên sĩ quan cao cấp đều mặc đồng phục và mang vẻ mặt khó chịu nhất - những bộ mặt phô trương vô cùng trịch thượng. Bắt anh phải đợi đến hàng giờ đồng hồ”. Ông rót đầy ly của Lysander. “Nếu thần kinh anh vững vàng, thái độ đường hoàng thì anh mới đi được nửa đường thôi”. Ông mỉm cười. “Chính mấy ly whisky tuyệt hảo của anh mới là thứ hữu dụng nhất trong cái phòng ấy đấy”.

Họ cùng chạm ly và uống cạn.

“Thế là mọi chuyện kết thúc rồi”, Lysander nói. “Điều gì làm họ nhận ra vấn đề thế?”

“Sự thiếu hụt bằng chứng đáng xấu hổ. Nhưng tôi đã cho chúng một thứ để suy nghĩ. Nó đã giúp xóa bỏ định kiến về người Slovenia”.

“Ồ thế ư. Là gì vậy?”

“Có một viên đội trưởng trong trung đoàn, Frankenthal. Không giống tôi. Hắn là một kẻ kiêu căng, ngạo mạn. Tôi tìm cách nhắc nhở các sĩ quan cấp trên rằng Frankenthal là một cái tên Do Thái”. wolfram nhún vai. “Frankenthal cũng giữ chìa khóa trong vòng một tuần, giống hệt tôi”.

“Cái tính Do Thái ấy có liên quan gì đến chuyện này?”

“Hắn không phải người Do Thái - gia đình hắn chuyển sang Đạo Thiên Chúa cả một thế hệ trước rồi. Nhưng vẫn...” Wolfram mỉm cười tinh quái: “Lẽ ra chúng nên đổi cả tên của chúng nữa”.

“Tôi không hiểu”.

“Lysander thân mến ơi - nếu chúng không thể đổ tội lên đầu một tên Slovenia thì một tên Do Thái sẽ là tên tốt thí mạng đáng giá hơn thế”. Wolfram uống cạn ly. “Chiều chuộng mấy gã khó tính kia thôi. Và tôi được nghỉ phép một tháng như sự đền bù cho những thử thách” tôi đã phải chịu. Vậy đấy - rồi anh sẽ biết thêm nhiều chuyện về tôi. Rồi chúng tôi sẽ lại tập trận vào cuối tháng Chín”. Ông mỉm cười. “Còn con bé nhà quê kia thế nào hả?”

“À Traudl, vâng. Thú vị nhất. Cảm ơn ông nhiều”.

Lysander thay đổi chủ đề rất nhanh, “Nếu họ không tuyên bố ông trắng án, ông sẽ làm gì?”

Wolfram suy nghĩ một giây. “Hẳn tôi sẽ tự sát, nhiều khả năng là như thế”. Ông nhíu mày, như thể đang suy nghĩ về những lựa chọn, dựa trên lí trí. “Một viên đạn vào đầu, hẳn thế. Hoặc uống thuốc độc”.

“Chắc không phải thế chứ? Chúa ơi”.

“Không, không anh phải hiểu, Lysander. Ở Vienna này, trong cái đế chế đổ nát của chúng ta, thì tự sát là một hành động hợp lý đến hoàn hảo. Ai cũng sẽ biết những cảm xúc thật sự của anh và lý do tại sao anh không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đó - không ai lên án hay oán trách anh”.

“Thật không?

“Thật. Một khi anh hiểu điều đó, anh sẽ hiểu chúng tôi”.

Wolfram mỉm cười. “Nó nằm rất sâu trong bản chất của chúng tôi. *Selbstmord* - cái chết tự thân: đó là một lời giã biệt trong danh dự với thế giới này”.

Hai người uống hết chai và Lysander về phòng, cảm nhận rõ những ảnh hưởng của rượu. Anh nghĩ mình có thể bỏ bữa tối nay - có thể ra quán cà phê tiếp tục uống. Anh cảm thấy sôi nổi, vui vẻ khi nghĩ về Wolfram, tất nhiên rồi và chính anh cũng thấy vui khi cuối cùng cũng mở ra được chiếc quan tài quá khứ vốn đóng kín của mình.

Nằm trên bàn là các thư từ của anh. Một lá của Blanche, một lá từ ngân hàng ở London và một lá dán tem của Áo với dòng chữ viết tay của ai đó mà anh không nhận ra. Anh xé phong bì. Đó là lời mời đến tham dự triển lãm Vernissage “tác phẩm đương đại” của nghệ sĩ Udo Hoff tại một galery nghệ thuật đương đại - Bosendorfer-Renz - ở trung tâm thành phố. Dòng chữ cuối cùng bằng mực xanh, cỡ chữ to là một câu mệnh lệnh: “Đến đi! Hettie Bull”.

11

Trạng thái Song song

LYSANDER CHUYỂN CHỖ NGỒI TỪ ghế đến đi văng, theo gợi ý của Bensimon. Anh vẫn chưa hiểu sự di chuyển và thay đổi trạng thái thể xác này có tác dụng gì, nhưng Bensimon vẫn khăng khăng. Đầu tựa lên mấy cái gối nhưng Lysander vẫn có được tầm nhìn rất đẹp tới toàn bộ tấm phù điêu châu Phi.

"Khi cha anh mất, mẹ anh bao nhiêu tuổi?" Bensimon hỏi

"Ba mươi nhăm... Ba mươi sáu. Đúng rồi".

"Bà ấy vẫn còn trẻ đẹp".

"Tôi cho là vậy".

"Bà ấy đón nhận cái chết của cha anh như thế nào?"

Lysander nghĩ lại, nhớ về cú sốc khủng khiếp của chính mình, nỗi đau khổ tuyệt vọng khi nghe thông báo. Thông qua những đám sương mù đen tối của hồi ức chất đầy, anh vẫn nhớ chuyện này đã làm mẹ anh khốn khổ thế nào,

"Thực sự là rất đau khổ - không ngạc nhiên. Bà ngưỡng mộ cha tôi - bà sống vì ông ấy. Bà đã hi sinh cả sự nghiệp của mình khi họ cưới nhau. Bà đi khắp mọi nơi cùng ông. Khi tôi ra đời tôi cũng đi cùng họ. Ông biết đấy, cha tôi có một công ty nhà hát riêng, tách biệt với công việc của ông tại các nhà hát ở London. Bà giúp ông điều hành và quản lý công ty đó ngày này qua ngày khác. Chúng tôi đi lưu diễn không ngừng ở Anh, Scotland và

Ai Len. Chúng tôi sống trong những ngôi nhà, căn hộ cho thuê - chẳng bao giờ có được nơi cố định. Khi cha mất chúng tôi đang sống trong một căn hộ tại South Kensington. Dù rất danh tiếng và thành công, nhưng khi mất cha tôi gần như phá sản - ông đổ hết tiền bạc của mình vào công ty nhà hát Halifax Rief. Phần để lại cho mẹ tôi rất ít. Thậm chí chúng tôi đã phải chuyển đến sống ở các nhà trọ Paddington. Hai phòng, một lò sưởi, dùng chung bếp và phòng tắm với hai gia đình khác".

Lysander có thể nhớ lại những căn phòng ấy một cách rõ ràng. Những ô cửa sổ cáu bụi, bẩn thỉu, vải dầu trải sàn mòn, chắp vá. Mùi nhọ nồi từ nhà ga gần đó, tiếng la hét và huýt còi từ nơi nối các toa xe chở hàng, tiếng va chạm của kim loại và tiếng ầm ầm của các toa xe trần và tiếng nức nở lặng lẽ của mẹ anh, suốt ngày đêm. Rồi bằng cách nào đó bà gặp gỡ Crickmay Faulkner và mọi thứ thay đổi.

Lysander suy nghĩ trước khi nói thêm: "Trong một thời gian bà có uống rượu, một chút thôi. Rất bí mật - nhưng mấy tháng sau đám tang bà uống rất nhiều. Trông bà lúc nào cũng chỉnh tề nhưng mỗi khi bà lên giường, tôi có thể ngửi thấy mùi rượu".

"Lên giường à?"

"Chúng tôi có một phòng khách và một phòng ngủ trong các căn nhà trọ ấy", Lysander đáp, "Mẹ con tôi ngủ chung giường. Cho đến khi ngài Faulkner cầu hôn bà, ông cho dựng một ngôi nhà lớn hơn tại Putney và tôi có một phòng riêng".

"Tôi hiểu. Mẹ anh gặp gỡ cha anh như thế nào? Ông ấy có đến Vienna không?"

"Không. Mẹ tôi hát trong dàn đồng ca của một công ty opera của Đức đi lưu diễn. Họ đang đi lưu diễn tại Anh và Scotland vào năm 1884. Bà có -

có một giọng nữ trung rất hay. Tại Glasgow, bà và công ty nhà hát Halifax Rief cùng diễn tại nhà hát King's. Bà diễn vở *Trista*, còn cha tôi diễn *Macbeth*. Họ gặp nhau sau cánh gà. Yêu nhau ngay từ cái nhìn thứ hai, cha tôi thường nói thế".

"Tại sao lại là cái nhìn thứ hai?"

"Vì ông bảo ở cái nhìn đầu tiên những suy nghĩ của ông không hề "si tình" chút nào. Nếu ông hiểu ý tôi".

"Tôi hiểu, tôi hiểu. "Yêu từ cái nhìn thứ hai", một nhận xét thú vị".

"Sao ông lại hỏi những câu hỏi về mẹ tôi nhiều thế, bác sĩ Bensimon? Tôi không phải là Oedipus*, ông biết mà".

"Xa lánh thiên đường tôi chắc chắn là anh không phải thế. Nhưng tôi nghĩ những gì anh đã kể - những gì lần trước anh đã đọc cho tôi nghe - chính là chìa khóa cho sự phục hồi cuối cùng của anh. Tôi chỉ đang cố gắng hiểu thêm nhiều bối cảnh nữa về anh và cuộc đời anh".

Lysander nghe thấy tiếng ghế xê dịch. Buổi gặp đã kết thúc.

"Anh có nhớ lần tôi hỏi anh về Trạng thái Song song không?" Bensimon đi ngang phòng đến đúng chỗ anh có thể nhìn thấy. Ông chìa tay che khuất tầm nhìn của anh. Lysander đặt chân xuống sàn, đứng dậy và được trao một quyển sách nhỏ hơn nhiều so với một cuốn sách tuyên truyền. Anh nhận lấy. Bìa màu xanh hải quân với những dòng bằng bạc. Giới thiệu về Những Cuộc sống Song song của Tiến sĩ, Cử nhân Y khoa, Cử nhân Khoa học J. Bensimon (Oxfordshire).

"Tôi in cuốn này để dùng riêng. Hiện tôi đang viết một bản dài hơn. Kiệt tác vĩ đại của tôi. E là sẽ ngốn khá thời gian đấy".

Lysander lật đi lật lại cuốn sách trong tay.

“Tóm tắt cho tôi ý chính được không?”

“À một chút thử thách ấy mà. Hãy cùng nói rằng thế giới về cơ bản là trung lập - phẳng lì, trống rỗng, mất hết ý nghĩa và tầm quan trọng. Chính là chúng ta, những tưởng tượng của chúng ta sẽ khiến thế giới này trở nên sống động, rực rỡ đầy màu sắc, có cảm xúc, mục đích và tình cảm. Một khi hiểu được điều này chúng ta có thể định hình thế giới của mình theo bất kì cách nào chúng ta muốn. Về lý thuyết là thế”.

“Nghe rất cực đoan”.

“Ngược lại rất hợp tình hợp lí một khi anh nắm vững nó. Hãy đọc đi và xem anh nghĩ gì”. Ông nhìn Lysander, dò xét. “Tôi rất ngại phải nói rằng rất hiếm khi có bước nhảy vọt như thế này, nhưng tôi có cảm giác rằng Trạng thái Song song sẽ chữa được cho anh, Rief ạ, tôi thật sự cảm thấy thế”.

12

Andromeda

LYSANDER CẢM THẤY KHÓ CHỊU VÀ hoang mang một cách lạ lùng về bản thân anh khi đến ngày diễn ra triển lãm *Vernissage* của Udo Hoff. Anh ngủ không ngon và ngay cả khi cạo râu sáng hôm đó, anh vẫn cảm thấy kì dị và bồn chồn - sự căng thẳng thường thấy khi sắp đi dự triển lãm, và lần này, sắp được gặp lại Hettie Bul. Anh nhúng cây cọ nhỏ vào chén kem cạo râu và bắt đầu bôi kem lên hai má, cằm và xung quanh miệng. Khi mím môi và đưa dao cạo xuống dưới mũi, anh lại tự hỏi mình có nên để ria mép không. Không, cứ bình thường mà đến thôi, câu trả lời đến ngay lập tức. Anh đã từng thử một lần nhưng thấy không hợp; anh nghĩ nó khiến anh cảm thấy bẩn thỉu, như thể anh đã quên lau sạch đi một vết súp đuôi bò ở môi trên. Màu tóc nâu của anh lẽ ra phải là màu của ria mép mới đúng: Mày cần một sự tương phản nổi bật, anh nghĩ. Nó sẽ biện minh cho hàng ria mép trên khuôn mặt non choẹt này như thằng cha Munro ở đại sứ quán ấy, đen và gọn, như thể lão dán nó vào mép vậy.

Anh ăn diện có chừng mực, lựa chọn một bộ đồ nhẹ nhàng màu xanh hải quân, giày chuyên leo núi màu đen và một chiếc sơ mi trắng cổ cứng đi kèm với một cà vạt màu tím, có chấm tròn, thắt nhanh trong bốn bước. Thêm mấy mảng màu táo bạo để chứng tỏ tính nghệ sĩ trong anh. Cha anh hẳn sẽ không hài lòng - bản thân ông là người ăn mặc rất bảnh bao và đặc biệt, Halifax Rief luôn cho rằng năm phút là khoảng thời gian cần có để ai đó nhận ra phong cách của bạn, sự tỉ mỉ của bạn, và họ phải hiểu

rằng điều ấy ẩn đằng sau lớp trang phục của một người đàn ông. Bất kì sự phô trương nào cũng đều trở nên khiếm nhã.

Lysander quyết định đến thăm Bảo tàng Lịch sử Nghệ thuật Vienna trên đường Burgring. Anh hiểu đó là một thử nghiệm hoàn toàn vô ích, nhưng nhờ đó, anh có thể tưởng tượng mình đang ở triển lãm của Hoff, một căn phòng đầy người, tất cả đều là chuyên gia bảo thủ về nghệ thuật, cổ điển lẫn hiện đại. Anh có thể nói gì với những con người trí thức, những nhà phê bình nghệ thuật, những nhà sưu tập và các chuyên gia ấy? Một lần nữa anh lại nhận thức được những lỗ hổng lớn trong phông văn hóa chung của mình. Anh có thể trích dẫn các trang thơ của Shakespeare, Marlowe, Sheridan, Ibsen, Shaw - hay ít nhất là những trích đoạn trong tác phẩm của các nhà soạn kịch anh đã học thuộc lòng trong sự nghiệp của mình. Anh đã đọc rất nhiều thơ ca thế kỉ XIX - những bài thơ anh yêu thích - nhưng anh biết rất ít về những gì được ca tụng là những người tiên phong". Anh mua báo chí cập nhật các sự kiện trên thế giới, các hoạt động chính trị ở châu Âu chỉ ở chừng mực nhất định. Và anh nhận ra rằng ngay từ ấn tượng đầu tiên, anh đã là đại diện cho một hình mẫu cực kì hợp lí của một người đàn ông khôn ngoan, uyên bác và có giáo dục - nhưng anh cũng hiểu lớp ngụy trang này mỏng manh đến thế nào khi chạm trán với những người có trí tuệ thực sự. Mày là một diễn viên, anh tự rủa mình, thế nên hãy diễn cho thông minh vào! Anh nghĩ còn khối thời gian để trau dồi kiến thức, anh không phải là thằng ngu, có rất nhiều chất xám có sẵn ở ngoài kia. Trình độ học vấn thấp không phải lỗi của anh khi phải chuyển hết trường này sang trường khác. Quãng đời trưởng thành anh đã tập trung vào sự nghiệp ca hát - những buổi thử giọng, diễn tập, những vai nhỏ ngày càng chiếm phần quan trọng hơn. Chỉ trong vở cuối cùng, *Bức*

Tối Hậu thư Si Tình, anh mới có thể được chính thức thừa nhận là một diễn viên chính - dù là thứ chính đi chăng nữa - tên anh cũng xuất hiện với cỡ chữ to không kém so với tên bà Cicely Brightwell trên áp phích quảng cáo. Một dấu ấn không thể tốt hơn cho thấy anh đã tiến xa đến đâu chỉ trong một vài năm, Cha anh hẳn phải rất tự hào về anh.

Trong bảo tàng, anh thả bước qua các phòng trưng bày tranh lớn trên tầng một, nhìn những hình ảnh tối tăm, u ám được quét sơn dầu của các vị Thánh và Đức mẹ Đồng trinh, những vị thần tưởng tượng và những bức vẽ Chúa bị đóng đinh trên thập tự sầu muộn. Anh bước lại gần, đọc tên người nghệ sĩ phía dưới khung tranh, Cố gắng ghi nhớ. Caravaggio, Titian, Bonifazio, Tintoretto, Tiepolo. Đương nhiên anh biết những cái tên này và bây giờ anh có thể nói, "Ông có biết bức tranh *Thần Vệ nữ và Adonis* của Bordone không? Cả ngày hôm nay tôi chỉ nhìn chằm chằm vào nó - ồ vâng thật kì quặc - trong Bảo tàng Lịch sử Nghệ thuật này. Thật tuyệt vời, rất xúc động". Anh bắt đầu thư giãn một chút. Rốt cuộc đó chỉ là một màn diễn, và đó là *nghề* của anh, biệt tài của anh, xu hướng của anh.

Anh tiếp tục thả bộ. Bây giờ tất cả các họa sĩ đều là người Hà Lan - Rembrandt, Franz Hals, Hobbema và Memling. Và đây là gì? *Vụ Tấn công của những Tên trộm* của Philip Wouverman. Tăm tối và mạnh mẽ, đám kẻ cướp da ngăm đen có trang bị những thanh đoản kiếm bạc và những mũi kích sắc nhọn. "Ông có biết tác phẩm của Wouverman không? Rất đáng kinh ngạc". Các nghệ sĩ Đức đâu rồi nhỉ? À, họ đây rồi - Cranach, D'Pfenning Albrecht Durer... - Nhưng những cái tên bắt đầu nhảy múa lung tung và biến dạng trong đầu khiến anh cảm thấy một cơn mệt mỏi bất thần ào đến tấn công mình. Quá nhiều thứ nghệ thuật - phát ốm vì bảo tàng. Đã đến lúc hút thuốc và uống cà phê Capuchino. Trong đầu anh

đã có đủ những cái tên để đứng vững trong bất kì cuộc nói chuyện phiếm thoáng qua nào - không giống như kiểu anh sắp được phỏng vấn xin việc làm quản lí bảo tàng, vì Chúa.

Anh thấy một quầy cà phê gần đường vành đai, ngả người tựa vào quầy, hút một điếu Virgina và nhấp ngụm cà phê. Đúng là một đại lộ tuyệt vời, anh nghĩ - chẳng có đại lộ nào như thế ở London, Con phố mua sắm là đối thủ duy nhất nhưng so ra vẫn không bằng - những con đường lượn tròn dành cho xe chạy bao quanh thành phố cổ, sự quy hoạch thận trọng giữa các tòa nhà lớn và các cung điện, những công viên và các khu vườn. Rất đẹp. Anh nhìn đồng hồ đeo tay - vẫn còn hơn một tiếng nữa mới đến giờ có thể hợp lí tiến vào galery. Anh tự hỏi Udo Hoff trông sẽ thế nào. Anh hình dung chắc hắn phải rất tự phụ, giống hệt kiểu người có thể mê hoặc và gây ấn tượng như Hettie Bull.

Anh đi thong dong dọc đường vành đai về phía con tháp Rathaus cheo leo. Khi đến gần anh có thể nghe thấy giọng rất to đang quát tháo, đến gần hơn, anh thấy một đám đông vài trăm người đang tụ tập tại một công viên nhỏ trước mặt tòa thị chính thành phố. Một sân khấu bằng gỗ đã được dựng lên, cao khoảng hai mét, trên đó có người đàn ông đang phát biểu ầm ĩ qua một chiếc loa.

Những chiếc ô tô và xe ngựa chở khách lao nhanh khi ánh ngày dần tàn. Cuộc tháo chạy về nhà tránh tối bắt đầu. Các du khách trên các cỗ xe ngựa kéo chạy lọc cọc dọc mép vỉa hè trông như những dấu tích của một thời đại khác, Xe đạp ở khắp mọi nơi, chạy ngoằn ngoèo xuyên qua làn giao thông. Lysander băng qua đại lộ đến tháp Rathaus, thận trọng quan sát những chiếc xe đang đến gần và hòa vào đám đông đang thì thào.

Có vẻ tất cả bọn họ đều là dân lao động, và bị ép phải gấp rút đến dự cuộc họp này nên vẫn ăn mặc quần áo lao động đặc trưng. Các thợ mộc mặc đồ vải thô với những chiếc búa giắt lưng, thợ nề mặc tạp dề da, thợ may mặc đồ bảo hộ lao động áo liền quần, tài xế đeo bao tay dài và áo khoác chéo, công nhân lâm trường mang theo những chiếc cưa dài hai cán. Thậm chí có cả một nhóm mười hai người thợ mỏ, muội than đen sì, hàm răng họ vàng ệch trên những khuôn mặt nhọ, lòng trắng trong đôi mắt trông thật ảm đạm và buồn phiền.

Lysander đến gần hơn, tò mò, bị mê hoặc một cách lạ lùng bởi những khuôn mặt và bàn tay đen đúa ấy. Anh nhận ra đây là lần đầu tiên anh nhìn tận mặt những người thợ mỏ gần đến vậy, trái ngược hẳn với những hình ảnh của họ trên các tờ báo và tạp chí. Họ tập trung chú ý vào người đang quát tháo về công việc và tiền lương, về chuyện lao động người Slavơ nhập cư đang xén bớt những khoản thu nhập chính đáng của lao động người Áo. Những tiếng reo hò và vỗ tay vang dội khi bài diễn văn ngày càng mang tính kích động hơn, Một người đàn ông đâm sầm vào anh rồi xin lỗi, rất lịch sự, nếu không muốn nói là nồng nhiệt.

Lysander quay lại: “Không sao mà”, anh đáp.

Người này còn trẻ, tuổi chớm hai mươi, đội chiếc mũ phớt xám, không có dải ruy băng, mái tóc đen dài phủ xuống cổ áo - chòm râu không cạo loang lổ. Thật lạ kì vì thời tiết thì đẹp nhưng anh ta lại đang mặc một chiếc áo khoác ngắn bằng cao su màu vàng dành cho người đi xe đạp. Lysander nhận thấy anh ta không mặc áo sơ mi trong áo khoác - một kẻ lang thang điên rồ - cái mùi khó chịu của sự nghèo đói phả ra từ người anh ta.

Những tiếng reo hò inh tai lại rộ lên từ đám đông tán thưởng trước vài câu nói hóm hỉnh của người diễn thuyết.

“Họ chẳng hiểu gì cả đâu”, áo khoác đi xe đạp hăng hái nói với Lysander. “Những lời nói trống rỗng, không khí sôi sùng sục”.

“Những nhà chính trị”, Lysander đáp, mở to mắt tỏ vẻ đồng cảm, “thế cả thôi mà. Những từ ngữ rẻ tiền”. Anh đang bắt đầu để ý thấy những cái liếc mắt về phía mình. Cái thằng cha đeo cà vạt chấm tròn đang nói chuyện với thằng điên kia là ai thế nhỉ? Đến lúc đi rồi. Anh bước ra khỏi đám thợ mỏ - những con tinh tinh da đen đi lên từ thế giới ngầm đang nhìn ngắm thành phố hiện đại. Bất đồ Lysander cảm thấy ý tưởng về một bài thơ lớn dần lên trong đầu.

Galery Bosendorfer-Renz nằm bên phải đường Graben. Lysander ban đầu còn ngập ngừng đứng cách đó vài mét, theo dõi những vị khách đi vào - anh cần những người khác đi cùng để cảm thấy an toàn. Anh đến gần cửa, thư mời cầm tay, nhưng dường như chẳng có ai buồn kiểm tra danh tính các khách mời nên anh bỏ thư vào túi áo, theo sau cặp vợ chồng già đi vào một nơi giống một cửa hàng đồ cổ hơn là một galery nghệ thuật. Trong căn phòng đầu tiên là hai chiếc ghế chạm khảm và một bức tranh tĩnh vật Hà Lan đặt trên một giá vẽ (mấy quả táo, nho và đào với một con ruồi thận trọng đậu trên đó trông thật quen thuộc). Ở phía sau căn phòng là một hành lang - những ánh đèn sáng rực bắt mắt và những tiếng thì thào đang dần to hơn. Lysander hít một hơi thật sâu và đi thẳng vào trong.

Đó là một căn phòng rộng trần cao như một nhà kho được sửa sang và thắp sáng bằng ba ngọn chúc đài treo. Những đoạn vách ngăn dài bằng gỗ lắp trên các bánh xe nhỏ ngăn cách không gian. Rất nhộn nhịp, khoảng bốn mươi đến năm mươi người đã đến, thấy thế Lysander lấy làm mừng

anh có thể thả lỏng toàn thân. Những bức vẽ sơn dầu của Hoff ở tít trên các móc treo; đây đó có những bức điêu khắc nhỏ và các mô hình nằm trên những cột chân tường cao đến ngực. Anh quyết định đi quanh phòng thật nhanh xem các bức họa, nói lời chào với cô Bull, chúc mừng Hoff và biến vào bóng đêm, xong nghĩa vụ.

Mới nhìn qua, tác phẩm của Hoff có vẻ như tuân theo quy ước và không có ngoại lệ - những phong cảnh, cảnh quan thành phố, một hai tấm chân dung. Nhưng xem xét kĩ hơn, Lysander để ý thấy những hiệu ứng ánh sáng lạ lùng và tinh tế. Một cảnh đồng cỏ với khu rừng xa xa có vẻ như đang tắm trong chùm những ánh sáng hình cung mạnh mẽ. Những bóng phủ một màu đen dày đặc, phân chia giới hạn rõ rệt, biến toàn bộ khung cảnh tầm thường này thành một cái gì đó đe dọa như trong sách *Khải huyền*. Nó khiến bạn phải tự hỏi cái ánh sáng rực rỡ nào trên bầu trời kia đã gây ra thứ ánh ngũ sắc đầy đe dọa như thế. Một mặt trời Sahara chiếu sáng trên thung lũng miền Bắc Âu. Có một cảnh mặt trời lặn trong kì dị và khủng khiếp đến mức như thể chính bầu trời đang mắc bệnh và rữa nát. Trong một bức về quang cảnh thành phố - *Ngôi làng trong Tuyết* - Lysander chợt nhận ra hai ngôi nhà không có cửa ra vào, không có cửa sổ, và nhà thờ làng có một chữ ”O” tròn trên gác chuông thay cho dấu thánh giá. Những bí mật gì bị che giấu ở trong ngôi làng bình thường này thế nhỉ?

Khi đi quanh phòng chiêm ngưỡng những khác thường độc đáo này, Lysander thấy rằng anh đang ngày càng ấn tượng với những hình ảnh xiên lệch, âu lo của Hoff. Bức tranh lớn nhất là một chân dung khổ lớn của một người phụ nữ trang điểm đậm, mặc áo dài thêu, ngồi trên một cái ghế - *Chân dung GustlCantor xứ Canstro* nhưng phải nhìn đến lần thứ hai

mới thấy được chiếc áo dài trong lòng bà ta không cài cúc, để lộ ra xương mu. Đầu nhọn của mái tóc đen có vẻ như là một phần của mô típ diềm trang trí trên chiếc áo dài thêu đẹp lộng lẫy. Khi ngắm kí bức tranh này, Lysander cảm thấy ớn lạnh thực sự vì sốc khi nhận ra mình đang nhìn cái gì. Ánh mắt chằm chằm thẳng thừng của người đàn bà có khuôn mặt khô khan này như chỉ tập trung trực tiếp vào anh, biến anh hoặc trở thành kẻ đồng lõa với hành động phô trương tình dục của bà ta - bà cởi nút áo chỉ vì anh - hoặc giả anh là một kẻ nhìn trộm bị bắt quả tang.

Anh quay đi và thấy một bồi bàn đang đi quanh, bưng khay đựng mấy cốc rượu. Lysander tự lấy một cốc - là rượu Riesling hơi nặng. Anh đi tránh sang một góc phòng để theo dõi đám đông phần lớn mọi người mải nói chuyện hơn là ngắm những tác phẩm hội họa của Udo Hoff. Anh tự hỏi ai là Hoff. Bạn có thể nhận ra các nghệ sĩ - một người đầu nhẵn thín, một người không mang cà vạt, một người có râu mặc chiếc áo khoác văng đầy sơn như thế vừa bước ra từ studio. Thật vô lí khi tự để lộ mình một cách rõ ràng đến thế, Lysander nghĩ - không xuất sắc. Tuy nhiên anh không thấy bóng dáng Hettie Bull đâu cả.

Anh đặt chiếc cốc không lên bàn và dừng bước, liếc nhìn vào thứ đang treo trên những bức vách ngăn di động. Anh giật mình đứng lại, gần như thấy tức cười trước những gì anh được thấy tiếp theo. Khi rẽ vào một góc phòng để tìm hiểu cái gì ở mặt kia vách ngăn chứa đầy các họa tiết chai lọ, bình cỡ nhỏ, viền khung, anh thấy mình đứng trước một bức biếm họa, thiết kế nguyên bản - tấm áp phích của một nhà hát, Chính là nó - một người phụ nữ bán khỏa thân hai tay ôm ngực khi một con quái vật hình rồng có khuôn mặt ác độc đang chồm lên, như một con lươn có vảy như vảy cá, đe dọa cô ta - một con mắt màu cam sáng rực và một cái lưỡi chẻ

đôi của rắn thẻ rộng về hướng bộ phận sinh dục của cô. Trên đó viết dòng chữ "*ANDROMEDA VÀ PERSEUS** *một trong bốn vở Opera của Akten von GOTTLIEB TOLLER*". Vậy là Udo Hoff đã thiết kế tấm áp phích báng bổ này, những mảnh còn lại của thứ này anh đã thấy ở khắp nơi tại Vienna... Một bí ẩn được giải đáp. Đó là Perseus, không phải Persephone.

Lysander bước lùi lại để nhìn cho rõ hơn. Không nghi ngờ gì nữa, đó là một hình ảnh gây khiêu khích và tranh cãi. Cổ và đầu con quái vật xếp vảy cá với con mắt thối tha độc nhất. Ngay cả một tay tư sản ngây thơ nhất cũng có thể hiểu điều gì được biểu tượng hóa ở đây, chắc chắn là vậy. Và người phụ nữ được khắc họa trong tranh, Andromeda, dường như...

"Anh đã từng thấy nó chưa?". Một giọng của người Anh - âm sắc Manchester.

Lysander quay lại. Bác sĩ Bensimon đã đứng đó trong bộ đồ buổi tối - thắt nơ bướm màu trắng, áo đuôi tôm - chòm râu của ông mới được cắt tỉa gọn gàng. Họ bắt tay nhau. Lysander thấy thật lạ lùng khi gặp bác sĩ của mình ở đây, nằm ngoài bối cảnh quen thuộc. Rồi anh nhớ lại, cô Bull cũng là một bệnh nhân của ông.

Bensimon rõ ràng cũng có những dòng suy nghĩ tương tự. "Chẳng ngờ được gặp anh ở đây, anh Rief. Nó khiến tôi nhớ lại lần đầu tiên tôi gặp anh".

"Cô Bull mời tôi".

"À. Tất cả đã được giải thích". Ông lại nhìn tấm áp phích và chỉ tay vào nó "Vở kịch này chỉ diễn được ba buổi ở Vienna - tại một quán rượu tên là *Địa ngục - die Holle*. Đó là nơi duy nhất có treo tấm áp phích này. Thế rồi nó bị chính quyền cấm".

“Bị cấm à? Sao thế?”

“Khiếm nhã một cách trắng trợn. Nhắc anh nhớ, về mặt âm nhạc thôi, hẳn tôi cũng đã cấm nó, Trường phái vô điệu thức* gào thét quá sức chịu đựng. Richard Strauss hóa ngớ ngẩn rồi”. Ông mỉm cười. “Tôi rất khó tính với duy nhất một thứ, đó là âm nhạc. Tôi thích một giai điệu đẹp”.

“Điều gì là khiếm nhã trong chuyện này?”

“Cô Bull”.

“Cô ta hát à?”

“Không không. Cô ta là một dạng như Andromeda. Anh không nhận ra sự tương đồng trong bức chân dung à? Anh biết câu chuyện thần thoại đó rồi: Andromeda bị xích vào mấy tảng đá cạnh bờ biển để hiến tế cho một con quái vật biển, Cetus. Perseus đến kịp lúc, giết chết Cetus, giải cứu cô và họ cưới nhau, bla bla. Giọng nữ cao đảm nhận vai Andromeda - tôi quên mất tên rồi - có thể dễ dàng được xem là một võ sĩ quyền Anh hạng nặng. Thế nên Toller nảy ra ý tưởng một Andromeda phụ cho cảnh quái vật tấn công - chính là cô Bull của chúng ta. Có một màn kịch bóng thực sự rất ấn tượng - hiệu ứng múa rối bóng phương Đông, con quái vật bằng cách nào đó được chiếu lên tấm phông - rất to lớn. Ở phía trước sân khấu, Perseus đứng hát một khúc aria giọng nam cao dài đến mức tưởng như bất tận - chắc phải đến hai mươi phút - trong khi Andromeda đang bị đe dọa. Người hát giọng nữ cao rời khỏi sân khấu khóc than và gào thét. Chỉ có thể tả bằng một từ thôi, chói tai”.

Lysander tò mò: “Vậy thì điều gì là khiếm nhã đối với vai Andromeda của Cô Bull?”

“Cô ta hoàn toàn trần truồng”.

“Ồ. Tôi hiểu. Đúng rồi, phải...”.

“Mà cô ta chỉ đứng cách lớp khói mờ nửa trong suốt ấy cả vài thước thôi. Phải nói là chẳng còn gì để tưởng tượng nữa”.

“Cô ấy rất dũng cảm”.

“Không thiếu tính táo bạo đâu, cô Bull của chúng ta ấy. Mà nữa, anh có thể hình dung được sự phẫn nộ. Sự ồn ào, hỗn loạn. Họ đóng cửa nhà hát, xé nát hết các tấm áp phích mà anh có thể tìm thấy. Toller tội nghiệp bị buộc đủ thứ tội - đồi bại, vi phạm thuần phong mĩ tục, khiêu dâm. Ông ta bị ném đá”, Bensimon nhún vai. “Thế nên mới tự sát”.

“Cái gì?”

“Phải. Tự treo cổ ở nhà hát trong quán Địa ngục. Một lời tuyên bố rất bi kịch. Và dĩ nhiên là buồn thảm nữa”.

Họ đứng đó vài giây nhìn tấm áp phích trong im lặng. Lysander nhận ra sự tương đồng rõ nét với Hettie Bull, bây giờ anh nhìn vào mặt Andromeda thay vì cơ thể trần trụi của cô.

“Tốt hơn là tôi nên đi”, Bensimon nói, “Tôi có tổ chức một bữa tối trang trọng nên phải chuẩn bị. Có hàng tá bác sĩ được mời, khốn khổ thân tôi. Anh đã gặp cô Bull chưa?”

“Chưa”, Lysander đáp. Họ cùng nhìn quanh phòng. Lysander bất ngờ trông thấy cô - dáng người bé nhỏ. Anh chỉ tay: “Cô ta kia rồi”.

“Chúng ta nên đến chào”, Bensimon nói và họ đi về phía cô.

Hettie Bull đang đứng cùng ba người đàn ông. Khi cùng Bensimon đi qua đám đông về phía cô, Lysander thấy rằng cô mặc chiếc quần chẽn kiểu đáy xệ căng màu đỏ hồng, một áo khoác sa tanh màu đen ngắn với các nút áo lóng lánh như kim cương, có cổ áo và cà vạt. Mái tóc của cô búi

lỏng trên đầu và cố định bằng rất nhiều cái lược mai rùa. Một chiếc túi vải đính hoa lủng lẳng trên vai cô qua quai túi viền vàng dài đến gần đầu gối. Khi cô quay lại chào họ, Lysander nghe thấy tiếng leng keng rất nhỏ từ dưới đất vọng lên. Nhìn xuống, anh thấy những chiếc chuông bạc nhỏ đính vào mũi giày cô. Bensimon chào tạm biệt và rời đi. Hettie Bull quay về phía Lysander với đôi mắt to màu nâu lục nhạt.

"Anh nghĩ gì về những bức tranh của Udo?" cô hỏi.

"Tôi thích chúng. Rất nhiều. Đúng tôi rất thích".

Cô chăm chú nhìn thẳng vào anh nhưng tâm trạng có vẻ bình tĩnh, thanh thản. Có lẽ cô đã dùng thêm ít thuốc của bác sĩ Bensimon. Trông cô hơi có vẻ ái nam ái nữ trong chiếc áo khoác nhỏ, với cổ áo và cà vạt,

"Thế thì đích thân anh phải nói cho anh ấy biết", cô nói rồi bỏ đi với tiếng bước chân leng keng đến vỗ vào khuỷu tay một người đàn ông đứng cách đó vài bước, đang tiếp chuyện hai phụ nữ đội mũ mềm, rộng vành. Hettie đưa anh ta đến.

"Udo Hoff - Ngài Lysander Rief".

Lysander bắt tay anh ta. Hoff có thân hình thấp đậm, vạm vỡ ở tuổi ba mươi, lùn hơn Lysander, ngực và đôi vai rất rộng, đầu cạo trọc và bộ râu màu nâu đỏ nhạt trông rất nổi bật. Anh ta có vẻ quá cơ bắp, giống các diễn viên biểu diễn thể lực trong rạp xiếc, hàng cúc cài chặt trên áo sơ mi ngoài như muốn bật tung, cái cổ dày của anh ta như căng lên trong chiếc cổ áo.

"Ngài Rief cũng là bệnh nhân của bác sĩ Bensimon", Hettie giải thích. "Chúng em gặp nhau như thế đấy".

Lysander ngay lập tức ước gì cô đừng có giải thích. Vì Hoff nhìn anh từ đầu đến chân với thái độ thù địch mới mẻ và một điều gì đó như khinh bỉ

thoáng qua trên nét mặt.

“À, phương thuốc của người Vienna”, anh ta nói, “Có phải đây là mốt thời trang mới nhất ở London không?” Anh ta nói giọng Anh nặng trịch.

“Không. Không hề”, Lysander đáp, có ý phòng thủ, Người đàn ông dường như thích khiêu khích anh. Vì thế - dịu dàng, quyến rũ. Anh phải cố gắng thật dễ chịu và tốt đẹp, bà K hẳn sẽ tự hào về anh lắm.

“Tôi thật sự ngưỡng mộ các tác phẩm của anh - rất ấn tượng. Hấp dẫn nhất đấy”.

Hoff phác một cử chỉ quái quỷ bằng gan bàn tay như thể một con ruồi đang quấy rầy anh ta.

“Anh yêu thích thành phố của chúng tôi đến mức nào?” anh ta hỏi bằng một giọng đều đều. Lysander tự hỏi đây là một trò đùa hay là một bài kiểm tra. Anh quyết định xem nó như một bài kiểm tra thật sự.

“Rất nhiều. Tôi chỉ đang nghĩ về buổi tối nay, khi đi dọc đường vành đai để đến đây. Thật ấn tượng làm sao. Thành phố được thiết kế to rộng một cách khác thường đến mức sẽ không thể tìm thấy trong...”

“Anh thích đường vành đai không?” Hoff hỏi, hoài nghi.

“Thật ra tôi nghĩ nó...”

“Nếu thế anh phải nhận ra những tòa nhà này chỉ mới vài chục năm tuổi thôi?”

“Tôi đã đọc kĩ sách hướng dẫn rồi...”

Hoff thật sự chọc ngón tay vào cánh tay Lysander, lông mày cong hình dấu mũ trong một cái nhíu mày đau khổ lạ lùng.

“Tôi ghét cay ghét đắng đường vành đai”, Hoff lên tiếng, một chút run rẩy trong giọng nói. “Đó là một trò giả dối của bè lũ tư sản lố bịch. Tấn

công đôi mắt, khiến người ta không thể cảm nhận được cái gì là đúng, không cảm nhận được những giá trị cơ bản nhất. Tôi luôn nhắm mắt lại khi nhìn thấy đường vành đai. Những tòa nhà mới đang khoác tấm mặt nạ cổ xưa và đáng kính. Thật đáng xấu hổ. Chúng tôi những nghệ sĩ Vienna phải sống trong cái cảm giác xấu hổ bao lâu nay". Anh ta lại chọc vào cánh tay Lysander như để nhấn mạnh thêm và bước đi.

"Chúa lòng lành... Thật tiếc về chuyện này", Lysander nói với Hettie. "Tôi không biết đó là một chủ đề nhạy cảm".

"Không, kiểu nghệ sĩ chúng tôi không phải là loại "yêu" đường vành đai", cô đáp, rồi hạ giọng nói thêm, "Nhưng tôi phải nói là tôi thích nó đấy".

"Ở đây lại như thế nhỉ. Chẳng có gì giống như thế ở London".

Cô ngước mặt lên nhìn anh. Cô ta thật giống con trai, Lysander nghĩ, mình cảm thấy mình có thể nhấc bổng cô ta lên chỉ bằng một tay.

"Khi nào thì tôi sẽ được vẽ anh đây?" cô nói. "Anh vẫn chưa rời khỏi thành phố, đúng không?"

"Không - vẫn chưa có kế hoạch. Thực tế mọi thứ vẫn đang diễn ra ổn thỏa với bác sĩ Bensimon - tôi sẽ lưu lại đây ít nhất thêm một tháng nữa".

"Vậy thì ghé studio của tôi vào một buổi chiều nào đó đi, tôi có thể làm những phác họa ban đầu". Cô lục lọi trong chiếc túi nhỏ rồi viết nguệch ngoạc địa chỉ lên một mẩu giấy nháp.

"Nó nằm ở ngoại ô. Anh có thể đáp tàu hỏa đến Ottakring và đi bộ đến chỗ tôi. Lần đầu nếu muốn chắc chắn anh có thể bắt taxi. Thứ Hai lúc bốn giờ nhé?"

“À, được”, Lysander nhìn địa chỉ, Thế này có thông minh không? - nhưng anh đã liều lĩnh một cách lạ lùng: “Cảm ơn cô”.

Cô đặt tay lên cánh tay anh. “Tuyệt vời. Anh có một khuôn mặt thú vị nhất đấy”. Cô liếc nhìn quanh. Tốt hơn tôi nên đi tìm Udo để phòng anh ấy trở nên điên rồ hơn. Hẹn gặp anh vào thứ Hai”. Cô mỉm cười và bước đi, tiếng chuông leng keng nhanh chóng mất hút trong tiếng nói chuyện xì xào.

13

Những cuộc điều tra Tự thuật

> Khi Chúa ngoảnh đi không tạo nên người đàn ông nữa
> Và đàn bà, một thứ tốt đẹp hơn nhiều lắm
> Một dòng đen ngòm với gỉ sắt và khô đét vì bụi
> Vẫn còn nguyên - và Chúa đã tạo nên người thợ mỏ
> Thợ mỏ - đi sâu nghiên cứu nhưng không leo trèo
> Thợ mỏ - nhà thiết kế ngầm của thế giới
> Thợ mỏ - người đi lót đại dương (?)
> Thợ mỏ - người giam giữ/người buồn bực/người cúi đầu/người dự tiệc.

HOÀN TOÀN HÀI LÒNG VỚI KHỔ THƠ đầu dù hơi ngắc ngứ một chút.

Hettie Bull. Udo Hoff - Khỏe như bò mộng. Con bò trong một cửa hàng đồ sứ. Hiệp sĩ đấu bò. Đấu sĩ. Chiếc áo khoác nhỏ. Sơ mi trắng và cà vạt. Bull bò tót.

"Những người hạnh phúc không bao giờ là người xuất sắc. Nghệ thuật đòi hỏi sự cọ xát". Ai nói câu đấy nhỉ? Bậy bạ. Nghệ thuật là theo đuổi sự hài hòa và toàn vẹn. Một cuộc sống hài hòa, đầy đủ, toàn vẹn là cuộc sống đầy nghệ thuật. Do đó, điều phải chứng minh trước là sự mơ mộng. Tôi đang cạo râu trước gương, mặt tôi biến thành khuôn mặt của cha. Con thế nào rồi, cậu con trai đã trưởng thành của ta, ông nói. Thưa cha, con khỏe,

tôi trả lời. Cha nhớ con. Hãy bước xuyên qua gương và đến với ta đi nào, con trai, ông nói. Tôi chạm vào gương và khuôn mặt ông trở về là khuôn mặt tôi.

Tôi nhớ lại một trận tranh cãi giữa tôi với Blanche vì cô để lại cho tôi một mảnh giấy viết bằng bút chì. Tôi nói rằng thế là thiếu tôn trọng - cô viết thư cho tôi như thể cô đang liệt kê danh sách những món đồ cần mua - chả ai lại đi viết thư bằng bút chì cho người yêu cả. Cô ấy gọi tôi là kẻ kiêu căng, ngạo mạn, ngu ngốc. Cô ấy nói đúng - thi thoảng tôi nghĩ cái tính hay lên mặt ra vẻ ta đây, cơ bản là nét xấu xa nhất của tôi.

Sự nhập vai tốt đó là có thể nói câu: "Đưa hộ em lọ muối" mà nghe không có vẻ lạ lùng, kì dị, ngu ngốc hay ra vẻ ta đây. Sự nhập vai tốt đó là có thể nói câu "Kinh dị! Kinh dị! Kinh dị!" mà nghe không có vẻ lạ lùng, kì dị, ngu ngốc hay ra vẻ ta đây.

Cuộc sống còn đáng quý hơn tình yêu. Quay lại đi. Tình yêu còn quan trọng hơn cuộc sống. Làm nó trở nên có ý nghĩa hơn. Sẽ không chính xác lắm nếu bạn nói TÌNH YÊU=TÌNH DỤC - TÌNH YÊU. Cuộc sống còn quý hơn tình dục - tình yêu. Tình dục - tình yêu không quý hơn cuộc sống. Đúng. Chẳng phải Dostoevsky cũng nói một điều tương tự thế hay sao? Bạn không bao giờ tắm hai lần trên một dòng sông, tương tự là chẳng có một ý nghĩ nào đơn giản. Một ý nghĩ đơn giản nhất có thể được nói bằng nhiều cách. Tôi bị đau đầu - vì tôi uống quá nhiều rượu snap với Wolfram, người luôn làm tôi cười. Cơn đau đầu đơn giản cũng có lịch sử và mặt tối của nó, đụng chạm đến cuộc sống trước khi tôi bị đau đầu và (hy vọng) cả phần đời của tôi sau cơn đau đầu. Mọi thứ đều phức tạp, đều không thể tin nổi. Mọi thứ.

14

Chức năng Kể chuyện Ngụ ngôn

"TÔI ĐÃ ĐỌC CUỐN SÁCH NHỎ ÔNG viết", Lysander nói, duỗi dài người trên đi văng. "Thú vị nhất đấy. Tôi nghĩ tôi hiểu nó, đại loại thế".

"Về cơ bản cuốn sách bàn về cách sử dụng trí tưởng tượng của anh", bác sĩ Bensimon đáp. "Hôm nay tôi sẽ buông rèm, nếu anh không phiền".

Lysander nghe thấy ông buông rèm của cả ba cái cửa sổ, căn phòng trở nên tối lờ mờ và u ám, chỉ được thắp sáng bằng ngọn đèn trên bàn của Bensimon. Khi ông quay về ghế ngồi, cái bóng khổng lồ của ông hắt nhẹ lên tường nhờ ánh lửa trong lò sưởi.

Đến chừng nào Lysander còn nhận thức được, lí thuyết *trạng thái song song* của Bensimon có thể hiểu rõ theo mấy dòng sau đây - thực tế là trung tính - như ông đã giải thích - "thê lương" là từ ông đã dùng vài lần để mô tả nó. Thế giới này, một thế giới không cảm nhận được bằng giác quan của chúng ta, nằm đó như một bộ xương, khô kiệt và vô cảm. Khi chúng ta mở mắt, khi chúng ta hít ngửi, lắng nghe, sờ nắn và nếm, chính là lúc chúng ta thêm da thêm thịt vào những bộ xương, căn cứ theo bản chất và cách chúng ta sử dụng trí tưởng tượng của mình. Do đó một cá nhân đã biến đổi "thế giới" - trí tuệ con người tự thêu dệt nên bức màn sáng chói bao phủ lấy thực tế trung lập. Thế giới này do chúng ta tạo ra như một thế giới "tưởng tượng", là của riêng chúng ta thôi, là độc nhất, không thể sẻ chia.

“Tôi cho rằng cái ý tưởng về thế giới “tưởng tượng” là hơi quá tinh tế”, Lysander nói, với một chút ngập ngừng.

“Cảm nhận chung đơn thuần thôi”, Bensimon đáp. “Anh biết mình cảm thấy thế nào khi thức dậy với tâm trạng vui vẻ rồi đấy. Cốc cà phê đầu tiên có vị cực kì ngon. Anh ra ngoài đi dạo - để ý những sắc màu, những âm thanh, tác động của ánh mặt trời lên một bức tường cổ bằng gạch. Mặt khác, nếu thức giấc với tâm trạng u sầu và tuyệt vọng anh sẽ chẳng thiết ăn uống gì hết. Điếu thuốc lá đầu tiên anh thấy chua loét, đốt cháy cổ họng. Ra đường tiếng leng keng của tàu điện làm anh khó chịu, người qua lại trông ai cũng xấu xí, ích kỷ. Vân vân và vân vân. Chuyện này xảy ra một cách tự nhiên - những gì tôi đang cố làm đó là tạo nên sức mạnh này, sức mạnh tỉnh thức mà ai trong chúng ta cũng có, mang nó đến đặt trước mặt tâm trí của anh”.

“Tôi hiểu ý ông”. Lysander nhận thấy điều này rất có ý nghĩa, Bensimon tiếp tục.

“Và thế - con người chúng ta mang đến thế giới này một thứ mà như nhà triết học người Pháp, Bergson gọi là “La Fonction Fabulatrice”. Chức năng kể chuyện ngụ ngôn. Anh có biết tác phẩm của Bergson không?”

“À, Không”.

“Tôi đánh giá khá cao ý tưởng này nên dùng lại nó. Thế giới của chúng ta là một hỗn hợp duy nhất của từng người trong chúng ta - một khối hợp nhất, một sự kết hợp giữa thực tế và sự tưởng tượng cá nhân”.

Lysander không nói gì, tập trung nhìn bức phù điêu phía trên lò sưởi, tự hỏi trạng thái song song sẽ trị chứng rối loạn cực khoái cảm của mình như thế nào.

Bensimon vẫn nói tiếp: “Anh có biết một câu nói cổ: “Những vị chúa tể của người châu Phi luôn là người châu Phi không?” Đó là sự tưởng tượng mà trí tuệ người châu Phi đã tạo ra sự kết hợp giữa tưởng tượng và thực tế”.

Có lẽ điều này giải thích cho bức phù điêu, Lysander nghĩ

“Tôi có thể hiểu điều đó”, Lysander thận trọng đáp. “Tôi có thể thấy nó hiệu quả thế nào. Một vị thánh châu Phi sẽ không thể là người Trung Quốc. Nhưng chuyện này áp dụng như thế nào vào vấn đề đặc biệt của tôi?”

Lysander nghe tiếng Bensimon di chuyển cái ghế đang ngồi từ sau bàn đến đặt cạnh một đầu đi văng. Anh nghe tiếng cót két của da ghế khi ông ngồi xuống.

“Chính xác là thế này”, ông nói. “Nếu thế giới hàng ngày, thực tế hàng ngày là một sự tưởng tượng chúng ta tạo ra, thì cũng có thể nói tương tự như thế về quá khứ của chúng ta - quá khứ là một sự tổng hợp các thực tế tưởng tượng chúng ta đã trải qua những hồi ức của chúng ta. Điều tôi đang cố làm và bảo anh làm đó là thay đổi những tưởng tượng cũ mà anh đã và đang sống với nó”.

Tất cả những chuyện này đang trở nên hơi phức tạp rồi, Lysander nghĩ.

“Tôi sẽ áp dụng một liệu pháp thôi miên rất nhẹ đối với anh. Một trạng thái thôi miên nhẹ nhàng và không sâu. Đó là lý do tại sao căn phòng này tối đen. Anh hãy nhắm mắt lại”.

Lysander làm theo.

Giọng nói của Bensimon đã thay đổi quãng âm, trở nên ngày càng sâu hơn và đều đều một cách lạ lùng. Ông nói rất chậm và thận trọng:

“Thư giãn đi. Cố gắng thư giãn hoàn toàn đi. Anh đang trơ ra, nằm yên không cử động. Anh cảm thấy thư giãn hoàn toàn ở bàn chân. Nó bắt đầu chậm rãi lên đến hai cẳng chân. Bây giờ anh cảm thấy nó lên đến bắp chân. Giờ là đầu gối... Hông. Hít thở càng chậm càng tốt. Hít vào - thở ra. Hít vào thở ra. Nó đang lan đến thân mình anh, lan đến ngực anh rồi, lấp đầy cơ thể anh rồi. Thư giãn hoàn toàn đi”.

Lysander cảm thấy một sự bất tỉnh chảy tràn qua người. Anh hoàn toàn tỉnh táo nhưng lại thấy mình nửa như bị tê liệt, như thể anh không tài nào nhúc nhích nổi một ngón tay, đang trôi nổi cách cái chăn khoảng một phân. Bensimon bắt đầu đếm ngược bằng giọng trầm và đều đều:

“Hai mươi, mười chín, mười tám... Anh đã thư giãn hoàn toàn rồi. Mười lăm, mười bốn, mười ba...”.

“Hãy nghĩ lại cái ngày hôm ấy”, Bensimon tiếp tục. “Anh là một cậu bé mười bốn tuổi. Anh cầm quyển sách trong tay, bài thơ *Đánh cắp Món tóc*, Anh đi bộ qua khu vườn có tường bao quanh. Chào những người làm vườn. Trèo qua hàng rào đi vào rừng. Đó là một ngày nắng đẹp tuyệt vời, ấm áp và êm dịu, những chú chim đang hót. Anh đi bộ vào rừng và ngồi xuống gốc một cây sồi già. Anh bắt đầu đọc. Sưởi ấm dưới ánh mặt trời. Anh bắt đầu gà gật. Anh ngủ thiếp đi. Thiếp đi rất nhanh. Anh ngủ khoảng hai tiếng trễ giờ uống trà. Anh thức dậy. Anh nhặt quyển sách lên và quay về nhà, nơi mẹ anh đang chờ. Anh xin lỗi vì đã về muộn và hai mẹ con đi vào phòng khách để uống trà...”.

“ Mở mắt ra nào”.Một cái vỗ nhẹ. Vỗ tiếp - Vỗ tiếp.

Lysander mở mắt ra ngay sau đó, bất ngờ thấy căng thẳng, thoáng quên mất mình đang ở đâu. Anh đã ngủ thiếp đi. Anh có bỏ lỡ điều gì quan trọng không? Bensimon vén rèm lên và ánh sáng ban ngày lại tràn ngập căn phòng.

“Có phải tôi đã ngủ không. Tôi thật sự xin lỗi nếu có...”.

“Chỉ vài giây thôi. Hoàn toàn tự nhiên. Anh sẽ nhớ tất cả những gì tôi đã nói”,

“Tôi nhớ là đã xin lỗi vì về muộn giờ uống trà”.

“Chính xác”. Bensimon đi ngang phòng. “Anh không ở trong trạng thái hôn mê. Mà chỉ đơn giản là đang tưởng tượng mình ở trong một thế giới song song. Một thế giới nơi anh đã ngủ trong rừng vào một buổi chiều nắng đẹp, rồi tỉnh dậy và quay về nhà uống trà. Hãy tập trung vào ngày hôm ấy trong thế giới song song của anh. Làm đầy nó bằng các chi tiết và tập trung vào những cảm xúc mà cái ngày đó mang lại. Sử dụng *chức năng kể chuyện* của anh. Trong thế giới song song chẳng có gì xảy ra cả. Cuộc sống của chúng ta thực tế và tưởng tượng kết hợp tạo hình sự tưởng tượng mà chúng ta nhờ đó để sống. Bây giờ anh có một cuộc sống khác rồi”.

Lysander gọi một ly brandy ở quán cà phê Central. Anh nghĩ về những gì đã xảy ra ở buổi gặp mặt đó, làm theo những hướng dẫn của Bensimon. Tập trung vào các chi tiết của một thế giới song song anh đã tạo ra - cái ngày đầy nắng ấy chẳng xảy ra chuyện gì ngoài việc anh gà gật trên quyển sách khi nằm dưới bóng một cây sồi trong rừng Claverleigh. Phải, anh có thể thấy mình đang đi bộ, đưa tay dụi mắt, hai chân anh bước hơi cứng nhắc và loạng choạng anh nhặt sách lên và đi về nhà. Phía trên hàng rào, qua khu vườn có tường bao quanh - tất cả những người làm vườn đã về hết - anh đi vào sảnh qua một cánh cửa bên, chạy ầm ầm lên gác vào

phòng khách gia đình, nơi mẹ đang chờ. Trà đã được dọn ra trên chiếc bàn tròn. Nghĩ đi đúng rồi, bà rung chuông yêu cầu thêm nước nóng vào ấm vì anh về muộn và trà đã nguội. Anh ngồi xuống, gạt gạt một lá cỏ vướng vào quần. Mẹ cầm ấm trà bằng bạc lên - không, đó là một ấm sứ màu xanh nhạt có hoa văn hình những chiếc lá thường xuân uốn lượn và nắp ấm có chỗ sứt khi rót trà cho anh, bà hỏi: “Con đọc sách thế nào rồi, Con yêu?”

Lysander dừng lại, ly brandy chưa kịp đưa lên miệng. Nó *thật* quá. Hoàn toàn thật và đối với anh, nó hoàn toàn đúng. Anh đã chọn đi vào một thế giới song song và mang theo cả trí tưởng tượng của mình. Phi thường. Mẹ anh đang mặc... Gì nhỉ? Một chiếc áo ngủ dài màu quýt với hai ống tay áo rộng. Một vòng tay bằng ngọc trai va vào chén trà kêu lách cách. Stevens, người hầu đã rửa sạch chiếc khay. Thật dễ dàng. Nó được gọi là gì nhỉ? *Chức năng kể chuyện* của anh. Anh đã tạo ra một thế giới quen thuộc, tạo ra một ngày chẳng xảy ra chuyện gì không hay, chỉ cảm thấy hạnh phúc... Có thể anh nên đọc thêm nhiều nữa về tay Bergson này. Anh nhấp ngụm rượu brandy, cảm thấy hơi ấm trôi xuống cổ họng, vị ngọt của rượu thật mềm mại, dịu dàng như khói, anh mỉm cười một mình.

15

Studio Ottakring

CÓ MỘT LÁ THƯ của Blanche trong hòm thư của Lysander sáng hôm ấy. Anh rạch bì thư bằng ngón cái và chỉ trong một giây anh đã bắt gặp ngay mùi nước hoa hồng còn vương lại, mùi hương cô ấy hay dùng. Cô viết kín bốn trang giấy có màu hoa tử đinh hương đầy những dòng chữ to và nguệch ngoạc, như gà bới.

Gửi Anh yêu Duy nhất của đời em

Tháng Sáu Rực Lửa sẽ là một thành công vĩ đại - Em có thể cảm thấy từ tận trong xương tủy rằng vở này sẽ diễn được hết tháng này qua tháng khác. Bao giờ anh về nhà? Anh có cảm thấy khá hơn không? Con mèo xinh xắn của anh thêm được lần nữa cuộn tròn trong lòng anh cơ. Em nhận được vai trong một "bộ phim" đấy - anh tin được không? Hàng đống tiền đấy. Khi nào anh về anh phải thử vai đi nhé. Dễ lắm mà chẳng cần phải học lời thoại đâu! Em nghĩ khuôn mặt đẹp trai của anh sẽ rất hoàn hảo và với nhiều kinh nghiệm thế thì đây chỉ là một trò vui thôi, dễ như ăn bánh nếu so với những gì đêm nào chúng ta cũng làm ở nhà hát.

Anh đặt thư xuống, quyết định sẽ đọc tiếp vào lúc khác, và trong lúc tức giận, anh thấy rằng Blanche còn chẳng buồn trả lời bất kì câu hỏi nào của anh. Viết thư cho nhau nghĩa là một hình thức đối thoại, một cuộc chuyện trò - nhưng Blanche viết như kiểu đường một chiều, như một bài diễn thuyết về những cảm xúc của riêng cô, những gì cô định làm mà

chẳng thèm để ý tí gì đến những câu hỏi của anh. Khi viết thư cho cô bao giờ anh cũng đặt bên cạnh lá thư mới nhất của cô. Một mối quan hệ thư từ phải được thỏa mãn ở cả hai phía; những màn độc thoại - cho dù là sống động và thân mật đấy - không phải lúc nào cũng thú vị.

Tâm trạng hờn giận vẫn tiếp tục khi anh đi bộ tới nhà ga Stadtbahn mua vé khứ hồi đến Ottakring. Anh nhìn ra cửa sổ, ngắm những khu ngoại ô phía tây thành Vienna cho đến khi chiếc tàu hỏa mini kêu phì phì, đi quanh đường nhánh tới điểm dừng. Anh bất ngờ thấy không muốn làm mẫu cho cô Bull nữa - tại sao anh lại đồng ý nhỉ? Nhưng cô Bull cứ khăng khăng, khó mà nói không với cô ấy được - chuyện này anh có nhiều kinh nghiệm rồi.

Tại Ottakring anh cho người lái chiếc xe hai ngựa xem địa chỉ studio và bước lên xe. Chiếc xe lộc cộc tiến về phía tây, đi qua mấy khu đất, các vườn táo, và một nghĩa trang lớn với hàng rào cọc gỗ trước khi quay lên một con đường đầy bùn gần trang trại. Chiếc xe dừng lại bên một cánh cổng sơn màu đỏ tươi nổi bật. Lysander xuống xe và trả một khoản tiền nhỏ. Anh đã suy nghĩ về hành trình trở về nhà: từ nhà ga rất dễ bắt xe ngựa nhưng làm thế nào để quay về nhà ga đây? Anh sẽ nán lại một tiếng thôi không hơn.

Từ cổng có một con đường lát gạch nung già dẫn đến một nơi trông như một kho thóc bằng đá cũ, sát mép một cánh đồng hai bên có hai hàng cây, có hai con ngựa thồ đang gặm cỏ. Những chậu hoa đặt thành đám xung quanh cửa trước của kho thóc, bừng sáng với những bông cúc tây và cúc ngũ sắc. Anh đẩy cổng vào và một bộ chuông bằng đồng, lắp trên đoạn dây kim loại cong mềm, vang lên inh ỏi. Cô Bull xuất hiện trên ngưỡng

cửa gần như ngay lập tức. Họ bắt tay nhau. Cô đang mặc một chiếc áo khoác bằng vải dài đến đầu gối, dây đầy đất sét và thạch cao.

“Anh Lysander Rief, anh thực sự đến rồi. Tôi không thể tin được!”, cô reo lên và dẫn anh vào studio.

Kho thóc cũ được sửa thành một phòng điêu khắc không có trần, không có cửa sổ, nhưng rất rộng rãi. Một phần mái ngói rộng được thay bằng những tấm kính lắp cửa. Trong góc nhà là một cái lò gốm bằng gang lùn bè bè, ống khói cao, mỏng với một loạt các đoạn góc cạnh cao đến tận mái nhà. Dọc theo bức tường là một hàng những chiếc bàn chân trời chất đầy các khay, lọ, bình và những súc gỗ đủ kích cỡ. Các lõi dây xoắn chất đống ở một đầu bàn. Trong góc khác là khu ghế ngồi - một bộ bốn chiếc ghế mây quanh một chiếc bàn thấp, trên đó là chiếc bàn quay sáng bóng và một bình đầy cỏ chân ngỗng. Ngay giữa phòng trên chiếc bàn xoay cao nhất là một tác phẩm điêu khắc bằng đất sét thô, cao khoảng một mét, hình quái vật đầu bò mình người đang ở tư thế cúi - cái đầu bò đần độn với cặp sừng bướng bỉnh trên một tấm thân cơ bắp lực lưỡng, đồ sộ. Bên cạnh là một cái bệ nhỏ, với một tấm thảm vuông vừa vặn. Lysander nhìn quanh.

“Ánh sáng tuyệt vời”, anh nói, nghĩ rằng đây chính là một câu nhận xét đúng đắn khi vào thăm studio của một nghệ sĩ.

Cô Bull cởi áo khoác, lộ ra chiếc áo cánh bằng vải mút màu kem mặc ngoài váy may bằng vải xẹc đen dài đến nửa bắp chân, cổ chân cô đeo những cái vòng bằng gỗ. Mái tóc đen rối bù, được buộc túm lại trên đầu mà chẳng quan tâm đến những sợi tóc dài rủ xuống trán.

“Hoff có làm việc ở đây không?” Lysander hỏi.

“Không, không. Chúng tôi sống bên kia cánh đồng, cách đây khoảng nửa dặm. Nhà của gia đình Udo. Cả hai chúng tôi đã từng thử cùng làm việc trong studio của anh ấy nhưng đó là thảm họa - chúng tôi cãi nhau suốt. Thế nên tôi thuê cái nhà cũ này và sửa sang lại cho hợp thời trang”. Cô chỉ tay lên. “Cho thêm ít ánh sáng thích hợp vào”. Cô chỉ về phía một cánh cửa ở góc xa, “Có một phòng ngủ trong đó cho những khi tôi cần một giấc ngủ ngắn, có một bồn rửa bát và một phòng ăn nữa. Nhà vệ sinh bên ngoài, đi vòng ra phía sau”.

“Rất đẹp”. Anh tự chỉnh lại câu nói. “Lý tưởng”.

“Uống một ly Madeira nhé”, cô nói, đi đến chiếc bàn chân trời và rót rượu vào hai cái cốc vại nhỏ. Lysander tiến lại gần, họ cụng ly và uống. Anh thực sự không thích rượu vang pha rượu mạnh - rượu nâu Tây Ban Nha hay rượu vang đỏ Bồ Đào Nha và các loại tương tự - ngay lập tức cảm thấy cơn nhức đầu nhẹ đang hình thành từ một bên mắt.

“Điều này thật ấn tượng”, anh nói, hắt đầu về phía bức tượng đầu bò mình người đang cúi.

“Tôi sẽ mạ nó bằng đồng”, Cô Bull đáp. “Nếu tôi có thể lo được. Udo đứng làm mẫu - chẳng bao giờ được như thế nữa. Rên rỉ rồi phản nàn. Tôi làm mẫu khỏa thân cho anh ấy suốt thì chả sao. Rất bất công”. Cô bỏ ly xuống, cầm lên một tấm bảng vẽ và một chiếc bút chì than. Nói đến chuyện này - chúng ta vào việc chứ?”

“Tôi có nên đứng trên bục không?”

“Có. Nhưng chỉ khi anh cởi hết quần áo ra đã”.

Lysander mỉm cười theo phản xạ, cho rằng đây là kiểu đùa khiêu dâm theo phong cách cô Bull điển hình.

“Cởi quần áo?” anh hỏi. “Hài hước thật đấy”.

“Tôi không làm việc với người mẫu mặc quần áo. Thế nên vẽ anh khi mặc quần áo đầy đủ chẳng có ý nghĩa gì đối với tôi cả”, Cô mỉm cười và chỉ về cánh cửa nằm cuối phòng. “Anh có thể thay đồ trong đó”.

“Tuyệt. Được rồi”.

Đó là một căn phòng ngủ khá nhỏ với tường quét vôi trắng và sàn lót ván thô, phủ bằng vải vụn. Có một chiếc giường đơn khung sắt với chăn màu nâu, một tủ quần áo nằm cạnh chiếc bình thô và một bình đựng nước. Trên rìa cửa sổ nhỏ nhìn ra khu vườn rau bị che khuất sau các đám cỏ dại rậm rạp là một cái bình thủy tinh nhỏ đựng đầy cỏ khô, đó chính là dấu hiệu cá tính duy nhất.

Lysander đứng giữa phòng suy nghĩ nên làm gì. Chuyện gì đang diễn ra ở đây thế? Trong một giây anh nghĩ mình nên mở cửa, bước ra ngoài và nói với cô rằng điều này là không thể, rằng anh phải đi. Nhưng anh biết cô Bull sẽ không còn nghĩ đến anh nữa nếu anh làm thế. Anh không muốn cô xem anh như một kẻ ta đây, hay một kẻ huênh hoang khoác lác, hay dao động. Anh cố gắng hết sức không suy nghĩ gì nữa và bắt đầu cởi quần áo.

Khi cúi xuống đôi tất dài và quần đùi, anh bắt đầu cảm thấy sự hào hứng phấn khích trước điều táo bạo sắp làm. Anh nhìn đống quần áo nằm ngay ngắn trên giường. Cơ hội cuối cùng. Anh tụt tất và kéo mạnh cởi nút chiếc quần thắt nơ. Khi chiếc quần đùi tụt xuống, anh cảm thấy phía dưới thật mát mẻ, Có chiếc khăn tắm trên dây treo cạnh tủ quần áo, anh lấy quấn quanh người và quay trở ra studio. Cô Bull đang ngồi trên chiếc ghế đan bằng liễu gai đã kéo gần đến cái bục. Cô giơ lên một thứ trông như cái băng đeo nhỏ bằng cao su.

“Chỉ là một ý nghĩ thoáng qua. Anh có thích một cái khố không? Tôi không phiền đâu”.

“Không, không. Để tự nhiên đi - với tôi cũng thế cả mà”.

Anh bước lên bục, cảm thấy lớp vải thô dưới lòng bàn chân và nghe thấy trái tim bất thần đập thình thịch trong tai.

“Làm luôn khi anh sẵn sàng nhé”, cô Bull bình tĩnh nói.

Anh buông rơi khăn tắm và tập trung nhìn chằm chằm vào ống khói đen như bồ hóng nhô lên từ cái lò gốm đối diện, chỉ nghe thấy tiếng chì than sột soạt gấp gáp trên giá vẽ của cô Bull. Anh giữ vai thẳng và nhắc mình thư giãn, một lần nữa. Anh không nằm trong số những người cao nhất nhưng anh biết mình có eo nhỏ, vai rộng- chắc chắn thợ may của anh luôn khen ngợi thân hình này của anh. “Cổ điển, ông Rief ạ. “Lý tưởng rất nam tính” - ông phải gặp các khách hàng khác của tôi. Ôi chao”.

“Anh có xoay nhẹ sang bên trái được không? Hoàn hảo”.

Lysander quay người, cố nghĩ về bản thân như một vị thần trên đỉnh Olympia vĩ đại, một vận động viên ném đĩa hay một vận động viên ném lao, cởi bỏ quần áo tham gia vào những trò chơi. Thế còn bao nhiêu chuyện về những cơ thể trần truồng thì sao? Đặc biệt là trong bối cảnh nghệ thuật - hãy nghĩ đến tất cả những bức tranh khỏa thân từng được vẽ, những bức tượng không quần áo trong các khu vườn công cộng như David của Michelangelo, hằng hà sa số các tác phẩm thần Vệ nữ, những vị thánh và đấu sĩ cởi trần đến ngang hông. Anh hít một hơi thật sâu, cho phép những ngón tay lướt nhẹ qua hông. Thư giãn, thư giãn, thư giãn.

“Anh có thể đặt tay lên hai hông không?”

Anh làm theo, vô tình thót hai mông lại, bất ngờ bị chế ngự bằng ý nghĩ về Udo Hoff, đang băng qua cánh đồng từ studio của mình để xem tình nhân của anh ta sáng tác... Không đừng để những ý nghĩ ấy len vào đây. Hãy nghĩ về một thế giới song song, thế giới song song của mày... Anh khép chặt tâm trí mình.

Anh nghe tiếng chân ghế bằng liễu gai loẹt xoẹt lùi lại và tiếng bước chân lách cách cứng nhắc của cô Bull - bỏ đi rồi quay lại.

“Chúng ta sẽ nghỉ chứ?”, cô nói. “Anh được thưởng thêm một ly Madeira nữa rồi đấy”.

Bây giờ anh có thể nhìn cô. Cô đứng đó mỉm cười, đưa cho anh ly rượu. Anh cúi xuống, nhặt khăn tắm lên, ngẫu nhiên giơ nó lên trước mặt, bước xuống sàn nhà, nhận ly rượu từ tay cô. Nhưng bây giờ anh không thể buộc khăn tắm quanh người được nữa, tay anh đang bận - nhưng anh nghĩ cần quái gì chứ. Anh đang hưởng thụ nhục cảm - có thể cho là hai người đang đứng ở một quán bar hay quán cà phê, đang trò chuyện. Cô Bull dường như hoàn toàn bình thản. Đương nhiên, đối với cô, nó chỉ như thêm một buổi học vẽ với người mẫu khỏa thân mà thôi.

“Thật đáng ngưỡng mộ khi anh có thể đứng yên được thế”.

“Cảm ơn cô”.

“Bất kì ai cũng sẽ nghĩ rằng anh đã từng làm mẫu thế này rồi”,

“Xin khẳng định đây là lần đầu tiên”. Anh uống một ngụm lớn rượu Madeira, rồi một ngụm nữa - quá ngọt đối với khẩu vị của anh nhưng anh cần sự kích thích của cồn,

“Anh có muốn xem tôi đã vẽ những gì không?” Cô Bull chìa tập giấy vẽ ra với một nét cười lạ lùng trên mặt. Dường như cả hai đều thấy lố bịch và

vẫn chưa hoàn toàn tự nhiên khi anh đang đứng trần như nhộng trong căn phòng này, với chỉ một cái khăn tắm đang cầm "để bảo vệ sự e lệ của mình", như một câu tục ngữ đã nói. Ngay cạnh anh là một người phụ nữ trẻ, mặc quần áo đầy đủ với áo khoác bằng vải mút, váy bằng vải xẹc và đôi guốc gỗ. Cô cầm lấy ly rượu trên tay anh và thay vào đó bằng tập giấy vẽ.

Lysander nhìn vào bức tranh. Ba chiều và rất chi tiết, chì than được tạo bóng và làm mờ bằng cách chà xát các đầu ngón tay. Một bàn tay cực kì tự tin, một người phụ nữ có hoa tay, rất tài năng. Anh cảm thấy họng mình như bị nghẹt và sự run rẩy của dây thần kinh chạy qua hai bả vai.

Anh hắng giọng: "Cô sẽ gọi cái này là gì? Một nghiên cứu về cơ quan sinh dục ngoài của nam giới à?"

"Tôi nhận thấy anh có một bao quy đầu ngắn", cô nói, hạ thấp giọng vẻ bí mật. "Trong một lúc, tôi đã nghĩ anh chắc phải cắt bao quy đầu rồi, giống như Udo ấy". Cô tiến một bước về phía anh. "Nhưng khi nhìn kĩ hơn tôi thấy anh chưa cắt".

"Chưa. Tôi chưa cắt bao quy đầu", anh cố gắng nói, cảm thấy một cơn phấn khích ấm áp đột ngột chảy qua cổ và ngực - những ngụm rượu Madeira bây giờ mới có tác dụng. Anh cảm thấy dương vật của mình động đậy và cương lên, như thể nhận thức được người ta đang nói về nó, và nó liền đáp lại.

Cô Bull hạ ánh mắt xuống dưới eo lưng anh và đưa tay gạt chiếc khăn tắm sang một bên.

"Bây giờ mới là thứ tôi gọi là "nghiên cứu cơ quan sinh dục ngoài của nam giới", cô nói. Anh cảm thấy tay kia của cô mềm mại chạy xuống lưng mình khiến anh run rẩy. Những đầu ngón tay của cô chà xát qua mông anh.

“Chúng ta sẽ lên giường chứ?” cô hỏi, tựa người vào anh, ngước nhìn, mỉm cười, đôi mắt to mầu nâu lục nhạt của cô như muốn phá lên cười.

16

Kế hoạch của Quỷ

BÁC SĨ BENSIMON NHÌN Lysander với ánh mắt hơi kì quặc.

“Đúng là phi thường. Tôi phải nói vậy”.

“Tôi biết”, Lysander thừa nhận, lắc đầu theo kiểu bối rối tương tự.

“Mọi thứ đều ổn chứ?”

“Hoàn toàn không có vấn đề. Như bình thường. Thực tế tôi đã làm lại chuyện ấy - chỉ để chứng minh với bản thân rằng đây không phải là sự may mắn”.

“Hai lần à?”

“Trong vòng bốn mươi phút thôi”.

Lysander nghĩ lại - hai ngày sau sự kiện đó anh vẫn cảm thấy kinh ngạc và tuyệt diệu. Họ vào trong phòng ngủ nhỏ và rồi, trong tình trạng rối loạn khi quần áo của anh bị ném khỏi nệm, cô Bull đã tự cởi hết áo cánh, váy, áo lót ngoài, áo và quần lót chẽn gối. Họ nằm trên chiếc giường sắt, cơ thể mềm mại, mỏng manh bé bỏng của cô căng lên, quằn quại trong vòng tay anh, tấm thân anh không ngừng đánh thức và đòi hỏi. Những chi tiết nhất định tự in hằn lên tâm trí anh - mái tóc đen dài của cô xõa trên gối, cặp vú tròn đầy đến ngạc nhiên với hai núm tròn nhỏ hoàn hảo, những đầu ngón tay đen sì vì chì than - nhưng kể từ đây anh như bước vào một dạng thôi miên nhục dục, mọi thứ đều mờ đi khi anh tập trung. Rồi khi sự giải thoát đến và đạt cực khoái, anh kinh ngạc đến

mức phải hét lên thật to: “ÔI CHÚA ƠI!” - trong sự kinh ngạc và sung sướng đến mức cô phải hỏi anh có ổn hay không.

Họ buông nhau ra, lăn qua một bên và Lysander vùi mặt mình vào chiếc gối mỏng cảm nhận những giọt lệ trong mắt anh khi Hettie - bây giờ là Hettie, không còn là cô Bull nữa - đi lấy một chai Madeira và hai cái ly. Họ uống rượu, ve vuốt nhau, nói chuyện với nhau.

“Toàn bộ chuyện này là một kế hoạch của quỷ, đúng không?” anh buộc tội cô.

“Phải. Em thừa nhận - Em thú nhận. Kể từ ngay cái ngày đầu tiên chúng ta gặp nhau ở phòng khám của bác sĩ Bensimon. Khi em ở trạng thái ấy, nhớ không?”

“Có”.

“Nhưng dù là như thế em thấy mình vẫn không thể gạt anh ra khỏi tâm trí em, vì bất kì lí do nào. Có thể là vì anh mời em vào cuộc đời anh và thấu hiểu em như thế. Không khinh ghét mà rất tử tế. Và đẹp nữa”.

“Chính vì thế nên em đã âm mưu và thực hiện kế hoạch xấu xa này”.

“Nhưng em cũng lo rằng có thể nó sẽ thất bại. Có thể anh sẽ nối đóa hay phát điên lên vì giận dữ. Nhưng em nghĩ em thấy anh là một diễn viên...”.

“Làm sao em biết anh là một diễn viên?”

“Em đã hỏi bác sĩ Bensimon xem anh làm nghề gì... Em nghĩ vì thấy anh là một diễn viên nên có thể anh sẽ chấp nhận thách thức”.

“Anh không bình luận”.

“Bây giờ em có thể gọi anh là Lysander không?” cô hỏi, hôn cằm anh và xuống dưới nữa.

“Anh thấy tốt hơn rồi đấy”.

Rồi họ lại làm tình với nhau, Lysander trải qua và thưởng thức sự cực khoái lần hai, không hiểu sao còn thỏa mãn hơn cả lần đầu. Vì điều này đã được hình dung từ trước và ngay cả khi tâm trí anh có muốn can thiệp vào với rất nhiều cảnh báo. Thật kì diệu, anh vững vàng đạt tới đỉnh cực khoái tinh dục lần thứ hai, cực khoái hoàn toàn.

Bác sĩ Bensimon gõ đầu bút xuống tập giấy thấm trên bàn, suy nghĩ rất lung:

“Ai là đối tác của anh thế? Một ả gái điếm à?”

“A... không”.

“Có phải cô ta là người hợp với những sở thích tình dục của anh, ý tôi là “tuýp người” của anh ý?”

“Thực ra là không... Thực sự cô ấy không hề là tuýp người của tôi”.

“Lí thú đây. Anh giải thích được không?”

Lysander lại suy nghĩ. “Tôi không biết. Có lẽ ông đã giúp được tôi theo cách nào đó - tất cả các cuộc trao đổi của chúng ta. Có lẽ đó là nhờ trạng thái song song”.

17

Những cuộc điều tra Tự thuật

HETTIE BULL - CÒN CÓ THỂ LÀ AI ĐƯỢC NỮA chứ?... Nhưng làm sao giải thích được đây? Làm sao mô tả và hiểu được ảnh hưởng của cô ấy đối với tôi? Bây giờ tôi hiểu tôi bị cô ấy hấp dẫn ngay từ đầu. Dầu sao điều này vẫn trái ngược với logic tình cảm của tôi - vì tôi biết mắt tôi luôn bị hút về phía những phụ nữ, những cô em chân tay mảnh khảnh, cao ráo, cổ dài và cổ tay nhỏ - những người như Blanche. Làm thế nào và từ đâu những thị hiếu nhục cảm này lại tự phát sinh thế nhỉ? Tại sao tôi lại có hứng thú với tóc đen chứ không phải tóc vàng:Với đầy đặn hơn là mảnh mai chứ? Thế còn về đường nét khuôn mặt - lông mày liên quan đến mũi, chiều cao của trán, sự đầy đặn của đôi môi, góc thay đổi của nụ cười - đặc biệt nó khiến chính tôi chứ chẳng phải ai khác, bị kích động và phản ứng? Đó là sự khuấy động của ý niệm lai giống nào đó về một bạn tình lí tưởng, bản chất tình dục nguyên thủy của chúng ta thay thế cho trí tuệ văn minh dựa trên lí trí? - "Chính là nó, chính là nó" - và bằng cách này nó dẫn chúng ta đi chệch hướng?

Và thế - Hettie Bull. Tôi tự hỏi liệu cái tên này có gần gũi với một cái tên nổi tiếng, đáng tin cậy - con gái của John Bull, một biểu tượng của nước Anh không - nhưng một cô nàng mảnh mai với làn da màu ô liu, đôi mắt to, kỳ quái, không cân bằng về mặt tâm lí mới chính là thực tại vật lí* của người phụ nữ mày nhìn thấy. Có phải là cái tên không hợp với người không? Quá nhiều câu hỏi. Nhưng tôi phải chứng thực ở đây rằng chất

xúc tác có hiệu nghiệm và không thể làm ngơ là tấm thân mảnh mai lõa thể của cô - thật bé bỏng và mềm mại, thật quyến rũ... Có thể đó là chìa khóa: Cô ấy thật trơ trẽn và vô liêm sỉ. Khi một người đàn ông biết mình bắt đầu ham muốn - khi một người đàn ông biết mình ham muốn thật nhiều thì đó cũng là lúc một cái bẫy tinh vi giăng ra chờ anh ta. Cái bẫy xảo quyệt đến mức khiến anh ta tình nguyện cởi hết quần áo, trần truồng đứng trước mặt người đàn bà đang săn đuổi mình... Sự hiện diện của cơ thể gây nhức nhối cộng thêm những ham muốn hiển nhiên, sự thiếu vắng cảm giác xấu hổ cộng thêm cơ hội hoàn hảo. Không thể cưỡng lại nổi.

Phải chăng tôi được Hettie Bull chữa khỏi? Tôi có thể quay về London bây giờ và làm tình với Blanche, cuối cùng cũng đầy tự tin về mặt tình dục không? Cô ấy sẽ dẫn tôi vào giường, tôi biết, thực sự cô ấy đã nói đến chuyện này nhiều rồi. Vậy tại sao tôi còn không về nhà?

Thành thật đi. Hettie Bull hẳn đã bỏ bùa mê mày rồi. Những tác phẩm ma thuật của nàng làm mày muốn gặp lại nàng mày phải gặp lại nàng, mày không thể đợi được đến lúc gặp lại nàng. Nhưng hai ý nghĩ lại đeo đẳng tôi - cảm nhận rằng sự dan díu với Hettie Bull - không cần biết từ đây sẽ đi xa đến đâu - sẽ mang đến rắc rối cho tôi theo cách này hay cách khác, và thực tế là tôi càng dan díu với Hettie Bull bao nhiêu thì lại càng đau khổ vì phản bội Blanche bấy nhiêu,

Khi quay về nhà vào chiều hôm đó - chiếc tàu nhỏ đưa tôi về Vienna qua ánh hoàng hôn đang dần tàn - tôi về phòng và khóa kín cửa lại, cởi quần áo ra, Cơ thể tôi in hằn những dấu tay đen như bồ hóng như những vết thâm tím mờ nhạt nhất tụ lại với nhau. Bụi chì than từ những đầu ngón tay mô tả con đường hai bàn tay cô ấy gấp gáp hình thành trên cơ

thể tôi. Tôi rửa sạch hết bằng vải flanen ẩm và thay quần áo mới, dễ dàng gột sạch đi dấu ấn bàn tay cô. Nhưng khi ngồi đây viết những dòng này, tâm trí tôi lại hiện lên những hình ảnh thoáng qua như trêu ngươi của cơ thể cô, nhớ lại những giây phút nồng nàn cả hai cùng tận hưởng. Nhớ lại ngực cô rủ xuống mặt tôi khi với tay lấy ly Madeira. Nhớ hình ảnh cô vẫn trần truồng khi tôi mặc đồ, nằm ngắm tôi từ cái giường bừa bộn, đầu gối lên bàn tay. Nhớ lúc cô trườn ra khỏi giường, cúi xuống gầm giường tìm cái chậu tiểu khi tôi bỏ đi. Tôi đứng đó nhìn cô ngồi xổm, nghe cô xua đuổi tôi ra khỏi phòng và phá lên cười. Tôi nghĩ mình gặp rắc rối nghiêm trọng rồi. Tôi biết thế. Nhưng tôi có thể làm gì được đây?

18

Những Kích động Thần kinh

LYSANDER BẮT ĐẦU NHẬN THẤY một khuôn mẫu trong cách hỏi của bác sĩ Bensimon, bắt đầu cảm nhận được hướng đi mà anh đang nhẹ nhàng được dẫn tới.

“Mẹ anh mặc gì khi anh quay về nhà ngày hôm ấy?”

“Bà mặc chiếc áo dài kiểu rộng, một trong những bộ đồ yêu thích của bà - vải sa tanh, kiểu màu đồng với rất nhiều đăng ten và ruy băng trên cổ”.

“Anh có thể nhớ thêm gì khác về bộ đồ ấy không ?”

“Có một món đồ trang trí bằng da lông chồn zibelin* trên ống tay áo và trên đường viền. Rất nhiều hoa văn hình hạt tròn ở vạt trên”.

Ông lại nhìn vào những ghi chép của mình.

“Anh ăn bánh mì nướng phết bơ và mứt dâu?”

“Cả bánh ngọt có ngũ cốc nữa”.

“Còn loại mứt hay gia vị nào khác không?”

“Có sốt cá cơm - và mật ong. Mẹ tôi luôn luôn dùng mật ong vào bữa sáng và giờ uống trà”.

“Mô tả căn phòng hai mẹ con anh ngồi đi”.

“Chúng tôi gọi nó là phòng khách gia đình, trên tầng một về phía bên phải đầu cầu thang phía tây. Các bức tường sơn màu xanh lục tươi rất đậm. Trên tường treo khoảng ba mươi bức tranh nhỏ - cảnh quan các dinh

thự và ngôi nhà - tôi nghĩ dì của ngài Faulkner đã vẽ chúng. Khá đẹp nhưng vẻ đẹp các bức tranh còn được tôn lên nhờ bộ khung, nếu ông hiểu ý tôi. Đó là một căn phòng rất sang trọng - phòng khách rất to rộng và nhìn thẳng ra bãi cỏ phía nam - đến bốn mươi người có thể ngồi thoải mái trong đó".

"Vậy là anh thích căn phòng khách gia đình ấy theo bản năng".

"Chúng tôi luôn uống trà ở đó".

"Trên sàn có gì không?"

"Sàn trải thảm khá đẹp - vải Shiraz* - và ván lát sàn hiện đại".

Chậm rãi nhưng chắc chắn, những câu hỏi ấy sẽ hé lộ ngày càng nhiều hơn những chi tiết chính xác. Lysander đã thấy cái ngày song song này, cái ngày chẳng xảy ra chuyện gì đang chậm rãi trở thành thực tế hiển nhiên - với một kết cấu và sự phong phú - bắt đầu hoàn toàn rời xa cái ngày kinh hoàng nguyên bản với một đám những hồi ức ầm ĩ và mơ hồ. Buổi chiều tai hại ấy bắt đầu từ từ phai nhạt và biến mất, chôn sâu dưới những thực tế và chi tiết vụn vặt đang tích tụ dần của một thế giới song song mới mẻ. Khi các buổi gặp gỡ tiếp diễn, anh thấy rằng mình có thể triệu tập thế giới mới này hiệu quả hơn nhiều so với thế giới cũ; những hồi ức hư cấu mới của anh được khích lệ nhà *chức năng kể chuyện*, trở nên cụ thể, làm biến mất hoàn toàn những hồi tưởng đớn đau, khiến chúng trở nên mơ hồ và không thực. Đến mức anh bắt đầu tự hỏi chúng có đơn thuần là những chi tiết của một cơn ác mộng, chỉ còn nhớ lơ mơ hay không.

Ngay sau khi uống trà xong, hai mẹ con bắt đầu chơi đàn, chiếc đàn piano loại nhỡ - và hát một khúc đoản ca của Schubert bằng chất giọng nữ cao. Ngài Faulkner, bị âm nhạc quyến rũ, đến tham gia với hai mẹ con. Ông vừa nghe vừa hút một điếu xì gà, làn khói khiến Lysander hắt hơi.

Ngài Faulkner gọi một ấm trà khác, loại trà Assam* ông yêu thích. Lysander nhận thấy tất cả những bài tập về tự kỷ ám thị ấy không hề làm giảm giá trị những "hồi ức" này chút nào. Chỉ hoàn toàn là một hành động của lí trí, sự kiên nhẫn và chính xác, thế giới song song của anh đã đến chi phối hồi ức của anh, đúng như những gì Bensimon đã dự đoán, những tình cảm dịu dàng của gia đình trong cái ngày hư cấu mới mẻ ấy đã thay thế mọi thứ gây ra đau đớn, làm phai đi sự xấu hổ không thể chịu đựng nổi.

Khi anh đi lấy chiếc mũ Panama trên giá, người thư kí luôn đeo kính và làm việc cứng nhắc của Bensimon xuất hiện, trên tay cầm một phong bì. Anh cho rằng đó là biên lai các chi phí của tháng trước.

"Anh Rief", cô nói mà không nhìn vào mắt anh. "Thư này là của anh".

Lysander nhận lấy, vừa đọc vừa bước xuống cầu thang xuống phố. Lá thư của Hettie.

"Hãy đến vào thứ Tư tuần sau, lúc sáu giờ chiều. Anh sẽ đến Zurich. Nhớ gói ghém đồ đạc ngủ qua đêm".

Lysander nhận thấy sự phấn khích dâng tràn đến mức không thể kiềm chế được. Anh thấy mình như một thằng bé được nghỉ học vào giữa học kì - cái cảm giác tự do không ngờ tới, sự giải phóng ngoài dự kiến. Thế rồi những ý nghĩ xấu hổ hơn tràn đến khi anh tản bộ về nhà. Tất cả là một cảm giác rất biết ơn Hettie Bull vì đã "chữa khỏi" bệnh cho anh nhưng rốt cuộc anh vẫn bị gài bẫy, vẫn sẵn lòng rơi vào bẫy của cô ta - mọi thứ được tính toán rất tinh vi để biến cái bẫy trở thành thứ không thể tránh khỏi. Lương tâm anh chỉ có thể tha thứ cho bản thân - nhất thời sa ngã, danh dự có thể bị mang vết nhơ nhưng không phải là không thể sửa chữa - một giây phút yếu lòng có thể chìm vào quá khứ và được chôn vùi. Chẳng ai

biết, chẳng ai bị tổn thương. Nhưng nếu anh quay lại với cô ta một hai đêm nữa thì đó lại là một chuyện khác hẳn. Vì đã đính hôn, vì quan hệ và tương lai với Blanche anh nên viết thư từ chối - chuyện này không thể xảy ra được, nếu không anh sẽ lạc lối. Anh biết thế.

Anh băng qua đường vành đai đến cạnh nhà hát Burg và ngay lập tức nhớ đến Udo Hoff cùng những lời lên án giới kiến trúc của anh ta. Điều này làm bật lên một niềm vui sục sôi mong gặp lại Hettie trong anh. Anh bắt đầu hình dung mọi chuyện sẽ thế nào nếu qua đêm với cô trên chiếc giường hẹp đó, thức dậy vào buổi sáng, ngái ngủ và ấm áp, hông kề hông quay người lại và vươn tay ôm lấy cô...

Quay về nhà nghỉ, anh ngồi xuống và ngay lập tức viết thư cho Blanche, xin hủy hôn. Đó là cách cư xử đúng đắn phải làm, ngay cả nếu những lời dối trá có không trôi chảy. Anh nói rằng qua rất nhiều lần tư vấn với các bác sĩ và nhà tâm lý học tại Vienna, anh tin rằng cho dù phương thuốc ấy có hiệu quả đi nữa, cũng rất mất thời gian và phức tạp. Hơn nữa anh gặp rắc rối với những "kích động thần kinh" có chiều sâu và nghiêm trọng. Do đó, trong những hoàn cảnh như vậy, anh cảm thấy như thế là công bằng nhất đối với cô, Blanche yêu dấu nhất của anh, để giải phóng cô khỏi những hứa hẹn và thề nguyền. Anh cầu xin cô tha thứ và hiểu cho anh, thúc giục cô cứ làm những gì cô muốn với chiếc nhẫn anh đã trao tặng - ném nó xuống Sông Thames, bán nó đi hay để lại như một của hồi môn cho cháu gái hoặc con gái đỡ đầu - thế nào cũng được. Anh sẽ nhớ mãi lòng nhân hậu, sắc đẹp của cô chừng nào anh còn sống trên cõi đời. Và anh còn nhấn mạnh lời xin lỗi rằng "những tình trạng không may hiện thời" của mình không cho phép anh trở thành một người chồng tận tụy đối với cô.

Anh dán kín bì thư với những cảm xúc lẫn lộn - tội lỗi, u buồn và vui vẻ - ngoài ra là một chút tự mãn khi nhanh chóng chấm dứt được cái trò ăn ở hai lòng xen lẫn cảm giác xúc động của sự tự do. Bây giờ anh là người tự do rồi - chứng rối loạn cực khoái cảm khốn khổ của anh chỉ còn là một hồi ức khủng khiếp, nằm trong quá khứ. Ai mà biết mối quan hệ với cô Hettie Bul này rồi sẽ dẫn tới đâu? Nhưng anh tự hứa với lòng không nhìn xa hơn vào tương lai ngoài cuộc gặp gỡ sắp tới cùng cô. Dĩ nhiên có một yếu tố nguy hiểm thực sự bổ sung thêm vào sự phấn khích này - khi bay bổng, một người tình sẽ bị lừa dối không phải nói đến những sự bất ổn sâu sắc của Hettie (anh đã chứng kiến nó bùng nổ - anh sẽ phải chú ý đến điều này) mà là giây phút gặp nhau thứ Tư tuần sau lúc sáu giờ chiều. Đó là tất cả những gì anh nghĩ đến.

Trong bữa tối hôm ấy, Wolfram nói với anh: “Có vẻ tối nay tinh thần anh rất tuyệt vời đấy, Lysander”.

“Đúng thế”, anh thừa nhận. “Tôi nhận ra rằng đến Vienna là một trong những điều tốt đẹp nhất tôi từng làm trong cuộc đời mình”.

“Thật vui khi nghe điều đó, anh Rie”, bà K nói. “Tôi luôn luôn nói rằng Vienna là một thành phố dễ chịu nhất châu Âu”.

“Cả thế giới nữa”, Lysander nói thêm. “Thành phố dễ chịu nhất thế giới”.

19

Vòng cung một Chuyện tình

VÀO CUỐI THÁNG CHÍN, LYSANDER thu xếp gặp gỡ Hettie trong một kì nghỉ cuối tuần dài ở Linz. Họ không cùng nhau đi đến đó và để tránh bị phát hiện, mỗi người thuê một phòng riêng ở khách sạn Goldener Adler. Hettie nói với Hoff rằng cô muốn ngắm nhìn con đường nối bằng đá cẩm thạch đã được khai quật tại một mỏ đá gần Urfahr và có vẻ anh ta chẳng nghi ngờ gì cả.

Lysander cho rằng thay đổi bằng cách đi xa khỏi Vienna sẽ tránh gây ra những nghi ngờ. Những chiều chộp giật và những đêm hiếm hoi của họ luôn chìm trong mối lo âu ngấm ngầm - nỗi sợ bị phát hiện. Không chỉ là mối nguy từ việc Hoff tìm thấy họ bên nhau - mà nguy hiểm có thể dễ dàng đến từ một người hàng xóm hay một người bạn bất ngờ đi ngang qua. Hai đêm liền ở bên nhau như những cặp tình nhân thực sự hẳn sẽ ảnh hưởng đến tâm trạng của họ. Mọi thứ rồi sẽ khác đi. Lysander mê mẩn trước viễn cảnh này, nhưng ban đầu Hettie có vẻ bực bội và căng thẳng đến lạ lùng. Lần đầu tiên anh thấy cô tiêm thuốc của Bensimon. Cô đổ một ít bột trắng từ cái phong bì nhỏ vào một cốc nước để tạo thành một dung dịch, sau đó đổ đầy vào ống tiêm, nhẹ nhàng tiêm vào mạch máu chỗ khớp khuỷu tay, một cách rất chuyên nghiệp.

“Thuốc này gọi là gì thế?”

“Cô ca”.

“Có đau không?”

“Chẳng đau chút nào cả. Nó khiến em bình tĩnh lại”, cô giải thích. “Khiến em tự tin hơn và chắc chắn về bản thân mình hơn”.

“Không phải là moóc phin đúng không?”

“Anh có thể mua nó tại hiệu thuốc. Nhưng anh phải để lại tên tuổi và địa chỉ em không muốn thế nên em đã lấy thuốc ở chỗ bác sĩ Bensimon. Dù sao ông ấy luôn nói là thuốc của mình có chất lượng tốt hơn”.

Thuốc có hiệu quả nhanh chóng. Chẳng bao lâu sau, cô đã mỉm cười và hôn anh. Cô nói rằng mình đã có một trận “tranh cãi nảy lửa” với Hoff trước khi bỏ đi và điều đó khiến cô trở nên bất an. Trên chuyến tàu đến Linz, cô tin rằng có ai đó theo dõi mình nên quyết định đi đường vòng từ nhà ga đến khách sạn để cắt đuôi bất kì kẻ nào bám theo.

“Em cảm thấy hoàn toàn tả tơi và căng thẳng”, cô nói, “Nhưng giờ thì không thế nữa. Em bình tĩnh lại rồi. Thấy không? Anh muốn thử một chút không?”

Lysander vòng tay ôm lấy cô. “Nếu anh mà cảm thấy bất kì hạnh phúc nào hơn nữa, anh sẽ nổ tung mất”. Anh hôn cô. “Em chính là liều thuốc của anh, Hettie. Anh chẳng cần thuốc gì nữa đâu”.

“Bác sĩ Freud cũng dùng cô ca đấy”, cô nói, hơi có chút đề phòng. “Thế nên Bensimon mới biết về nó”.

Họ đi bộ dọc theo lối dạo chơi bên sông Danube và ăn món bánh quy Linzer Torte tại Volksgarten, nơi một ban nhạc đang chơi các bản hành khúc. Quay về phòng của Lysander - căn phòng quá rộng đối với cả hai người - Hettie cởi quần áo anh, áo sơ mi và cà vạt, cởi thắt lưng và cởi những vạt áo cài cúc của anh. Đó là việc cô thích làm, cô nói thế trước khi trút bỏ quần áo của mình. Đối với Lysander, đó là một tiếng vọng vô thức

của ngày đầu tiên ấy, cái ngày chứng rối loạn cực khoái cảm rời bỏ anh mãi mãi, thế nên anh chẳng phàn nàn gì hết.

Vào ngày Chủ nhật, anh nắm lấy cơ hội đến Linz tìm kiếm cô em họ của mẹ anh - bà Hermine Gantz. Mẹ đã cung cấp địa chỉ khi anh nói muốn gặp một vài họ hàng người Áo của mình. Anh sẽ gọi đến và để lại danh thiếp, nhưng mọi người ở ngôi nhà trên đường Burger Strasse chưa hề nghe nói về một bà Gantz nào cả. Lysander cho rằng mẹ anh hẳn đã nhầm lẫn - rốt cuộc bà đã không sống ở Áo suốt hơn hai mươi năm rồi.

Ngày hôm sau khi hai người gói ghém va li để quay về Vienna, anh thấy Hettie lại chuẩn bị một dung dịch cô ca. Để đề phòng, cô nói, Hoff có thể vẫn đang trong tâm trạng tồi tệ - anh ta là người rất nóng tính.

Anh yêu Lysander của em,

Không được đâu. Em sẽ không quên được hẹn ước của chúng ta đâu. Đừng nghĩ về em nữa, hãy nghĩ cho bản thân anh đi. Hãy tìm lại sức khỏe của anh, bản chất tốt đẹp, nhân hậu của anh đi rồi quay về nhà với cô bé của anh. Em yêu anh, Người Yêu của em, và nếu em không thể ở bên anh lúc anh gặp rắc rối và đau khổ, vậy thì với anh, em là một người vợ kiểu gì? Không không ngàn lần không? Chúng ta là dành cho nhau, trong khi em ủng hộ sự ngọt ngào và vô tư của anh, cho phép em "từ bỏ những lời thề nguyền của em". Em sẽ không bao giờ muốn nghe anh nhắc về chuyện này nữa. Hãy tận dụng thời gian của anh đi, tình yêu của em, mọi khoảng thời gian mà anh cần thêm ba tháng nữa, sáu tháng nữa, một năm nữa. Em sẽ đợi chờ anh. Ai cũng bảo với em rằng Vienna có những bác sĩ giỏi nhất thế giới thế nên em chắc chắn anh hoàn toàn ở đúng chỗ để tìm được những câu trả lời đúng đắn. Em sắp xé nát lá thư của anh và đốt cháy nó ngay

bây giờ đây (London giờ này đang lạnh thấu xương, em đốt lò sưởi ngay cả trong bữa sáng). Coi như chuyện này chưa bao giờ xảy ra, anh chưa bao giờ viết lá thư ấy, em chưa bao giờ đọc nó, tình yêu của em dành cho anh là không đổi thay và chắc chắn như "Trụ đá Gibraltar" (anh hiểu ý em mà).

Dành tặng anh tất cả tình yêu nồng nàn nhất của em, người yêu của em.

Của riêng anh, Blanche.

Quán cà phê Sorgenfrei trở thành bưu điện của họ. Đó là nơi của người Bôhêmiêng*, khá bẩn thỉu trong một con phố nhỏ gần Hoher Markt. Hoff đã bị cấm lui tới quán này khi anh còn là sinh viên luật và đã thề sẽ không bao giờ bước chân vào đây nữa, Hettie nói vậy. Thế thì hoàn hảo rồi. Cô sẽ để lại các tin nhắn cho Lysander phía sau quầy bar - về nơi chốn và địa điểm họ có thể gặp gỡ khi cô nghĩ là an toàn. Lysander liên lạc với cô cũng theo cách đó. Thi thoảng anh để lại một tin nhắn đơn giản nói rằng "Anh phải gặp em" và nói tên một khách sạn tồi tàn gần nhà ga xe lửa hoặc nhìn ra con kênh Danube. Anh nói rằng anh đã thuê được một căn phòng trong hai ngày. Do đó anh hi vọng cô có thể tìm được đường đến đó. Lúc nào cũng vậy, cô đều làm theo lời anh, điều đó khiến Lysander lo lắng rằng Hoff sẽ ngày càng nghi ngờ về những lần đến và đi này. Cô bảo đừng lo, hắn chỉ biết nghĩ cho bản thân mình thôi. Chừng nào hắn còn không thấy khó chịu mỗi lần cô đi vắng, hắn sẽ hoàn toàn chẳng quan tâm đến việc cô đang làm gì hay đang ở đâu.

> *Người con gái trong những giấc mơ tôi*
>
> *Bạn ơi có biết cô ấy không?*
>
> *Nàng mỉm cười dưới những hạt sương lóng lánh*

Khi bình minh chiếu sáng, át ánh trăng mờ

Và trên bầu trời những vì sao cũng nhạt phai

Đôi khi ta thấy nàng tắm trong ánh mặt trời rực rỡ

Khúc hát nhẹ nhàng của nàng được làn gió mơn man

Đôi mắt nàng mở to thấp thoáng điều huyền diệu

Nụ cười mang sắc màu của biển cả bao la

Trong mắt ta, nàng mãi là người xinh đẹp nhất

Rất đáng yêu và đẹp đến mê hồn

Nếu đặt cho nàng một cái tên, có thể

Nàng là ai rồi bạn sẽ biết thôi:

Nàng đáp lại chữ "Yêu" - nàng chính là Em đấy.

Lysander triển khai một kế hoạch tự biên tự diễn trong những ngày rỗi rãi khi không có các cuộc gặp với Hettie. Không thể cứ lang thang hàng giờ ở các quán cà phê viết thơ tình nên anh tự đặt ra cho mình một chương trình cần mẫn tự học. Anh tăng số lượng các bài học tiếng Đức với ông Barth và cũng bắt đầu các buổi học đối thoại bằng tiếng Pháp - mà anh đã đạt đến trình độ nhất định - với một giáo viên về hưu, ông Fuchs, người sống cách Mariahilfer Strasse vài khối nhà.

Mỗi ngày anh đều đến thăm rất nhiều bảo tàng của Vienna, đi xem các vở nhạc kịch và các buổi hòa nhạc thính phòng, đi xem triển lãm tại các galery nghệ thuật và lang thang khắp thành phố mang theo cuốn sách hướng dẫn, đi đến mọi nhà thờ mà cuốn sách giới thiệu, Thi thoảng anh làm một chuyến du lịch cuốc bộ trên các đường mòn cũ ở Wienerwald

hoặc đi dọc theo đường mòn lên các đỉnh núi xa. Một tay cầm bản đồ, một tay chống cây gậy gỗ tần bì chắc khỏe,

Wolfram cuối cùng cũng rời khỏi nhà nghỉ - đúng với mong ước hiển nhiên của bà K - ông gia nhập lại vào trung đoàn, chuẩn bị cho các cuộc diễn tập đầy kịch tính tại Galicia. Một buổi chia tay đầy cảm xúc nhưng ông ta và Lysander thỏa thuận vẫn giữ liên lạc với nhau, dù giờ đây mỗi người một phương trời xa cách. Wolfram đã hứa sẽ ghé qua vào kì nghỉ phép kế tiếp. “Chúng ta sẽ đến Spittelberg, uống cho say và tìm cho mỗi thằng hai cô nàng trẻ đẹp”. Người thuê nhà thế chỗ ông là một kĩ sư trung niên tên là JosefPlischke. Lầm lì, thẳng thắn nhưng hơi khoa trương, anh ta đúng là một người bạn đồng hành hoàn hảo của bà K trong các bữa tối. Lysander đã chuyển các suất ăn tại nhà nghỉ thành các bữa sáng, viện cớ tiền ít và tránh phải nói thẳng với bà K rằng anh đã chán đến tận cổ. Anh phải để dành tiền, Chúa ơi, anh nói với bà K, và điều đó là đúng - ngân quỹ của anh đang eo hẹp. Cuộc tình của anh với Hettie đang ngốn một khoản kha khá - cái gì anh cũng phải chi trong khi cô hoàn toàn lệ thuộc Hoff về tiền bạc. Lysander hiểu Hoff là một kẻ giàu có đáng kinh ngạc nhờ vào khoản thừa kế cũng như giá tiền các bức tranh đầy mê hoặc của hắn đang tăng lên không ngừng.

Lysander gửi một bức điện về cho mẹ để hỏi xem bà có chuyển cho anh thêm được 20 bảng nữa không.

Mùa đông đến với tất cả sức mạnh của nó vào tháng Mười hai - sương giá và những trận mưa tuyết nặng nề - và lò sưởi trong kho thóc cũ, với kích cỡ nhỏ đến đáng sợ đã cho thấy nó không đủ khả năng cung cấp hơi ấm. Khi ở lại đó, Lysander phải lội phăng tấm đệm khỏi giường, kéo lê đến

tận phòng chính, đặt trước lò sưởi, hai cửa đôi mở ra để có thể nhìn thấy lửa.

Hettie nài nỉ anh đến dự bữa tiệc mừng năm mới ở studio của Hoff. Lúc đầu Lysander rất miễn cưỡng nhưng Hettie đã động viên anh.

“Thậm chí nếu anh đến còn ít gây nghi ngờ hơn ý, anh không thấy à? Hắn không nghi ngờ một điều gì hết. Anh phải đến - em muốn hôn anh lúc Giao thừa”.

Thế nên Lysander đi dự và cảm thấy lạc lõng trước đám đông ầm ĩ các nghệ sĩ, các ông bầu và chủ các galery. Anh đi sát vào các góc phòng studio, hài lòng với việc để mắt đến Hettie khi cô đi khắp phòng với chiếc quần chẽn Balinese, áo vest kẻ ca rô và đôi giày chuông kêu leng keng. Udo Hoff dường như không biết anh là ai - vài lần khi bốn mắt gặp nhau, Hoff nhìn anh như nhìn một kẻ xa lạ khác trong nhà mình.

Ngay sau nửa đêm, Hettie dẫn anh xuống một con ngõ nhỏ tối om, kềnh càng sột soạt nào là áo khoác, khăn quàng cổ rồi mũ. Và cô hôn anh, lưỡi cô nằm sâu trong miệng anh, hai tay anh đặt trên ngực cô. Vài giây sau đèn bật lên và Hoff xuất hiện, rõ ràng đã say mèm. Hettie vội tìm áo khoác. “À anh yêu đây rồi, ông Rief sắp về - ông ấy muốn đến nói lời chào tạm biệt anh”.

“Sẽ dễ tìm áo khoác hơn khi em bật đèn lên”.

“Ông Rief không tìm được công tắc”.

Lysander và Hoff bắt tay nhau. Hoff bây giờ mới nhìn anh chăm chú, cho dù hơi thiếu tập trung.

“Cảm ơn vì bữa tiệc tuyệt vời”, Lysander nói.

“Ông là người Anh đúng không?”

“Vâng. Là tôi”.

“Chúc ông năm mới vui vẻ. Việc chữa bệnh của ông sao rồi?”

“Phải nói là - Tôi được chữa khỏi hoàn toàn rồi. Đúng, tôi nghĩ nên nói thế”.

Hoff chúc mừng anh và sau đó đề nghị Hettie giúp anh ta tìm thêm sâm banh. Khi anh ta quay lưng, Hettie tặng Lysander một nụ hôn gió rồi bước đi cùng Hoff. Năm phút sau, Lysander tìm được chiếc áo khoác, mũ và lang thang trên đường vẫn còn run rẩy vì thoát chết trong gang tấc. Một câu chuyện tình không phải một vòng cung trước kia anh đã từng nghe ai đó nói thế, nó là một đường thẳng luôn biến thiên không ngừng trên một đô thị - nhấp nhô và lởm chởm. Nó không mềm mại, tuy nhiên người ta được hưởng thụ rất nhiều vui thú từ nó, ngày này qua ngày khác. Anh tiến thẳng đến đường lái xe vào nhà. Tuyết vẫn đang rơi, những bông tuyết to mềm mại, đường đến nhà ga trước mặt anh trắng xóa tuyết, không hề có vết xe, thế giới đang đi vào tĩnh lặng, âm thanh bị bóp nghẹt khi những hồi chuông xa cuối cùng vẫn tiếp tục ngân lên trong năm 1914.

“Tôi nghĩ anh đã đúng”, Bensimon nói. “Chúng ta đã làm mọi thứ - đã trải qua mọi thứ. Chúng ta cũng có thể thừa nhận và nhớ lại nó vào một ngày nào đó”.

“Tôi không biết nói thế nào để cảm ơn ông, bác sĩ ạ. Tôi đã học được rất nhiều”.

“Anh tuyệt đối tin rằng vấn đề của mình đã hoàn toàn biến mất”.

Lysander ngừng lại - đôi khi anh tự hỏi có phải Bensimon đang bóng gió ám chỉ anh và Hettie đang là tình nhân của nhau. Làm sao có thể nói thẳng với ông ấy rằng Hettie có thể chứng minh vấn đề của anh đã hoàn

toàn biến mất, hàng tá hàng tá lần? Dĩ nhiên cô ấy vẫn đang là bệnh nhân của Bensimon.

“Phải nói là những trải nghiệm hiện thời - khiến tôi tin rằng tất cả đều đang suôn sẻ”.

Bensimon mỉm cười như hai người đàn ông với nhau trong một thoáng, ông như gỡ bỏ chiếc mặt nạ chuyên môn bí hiểm của mình,

“Tôi rất mừng khi Vienna đã mang lại những sự đền bù khác”, ông nói, khô khốc, tiễn anh ra cửa. “Tôi sẽ ghi lại trường hợp của anh nếu anh không phiền - những phương thuốc điều trị chứng rối loạn cực khoái cảm rất đáng để viết thành tài liệu - và giới thiệu tại hội nghị lần tới của chúng tôi, có thể xuất bản thành tập san tri thức nào đó”. Ông mỉm cười. “Đừng lo, tên anh sẽ được ẩn đi bằng chữ cái đầu hoặc dùng tên giả. Chỉ anh và tôi mới biết người đang được nói đến là ai”.

“Tôi rất muốn đọc nó”, Lysander đáp.“Tôi sẽ cho ông địa chỉ của tôi - nhà riêng của tôi. Lúc nào tôi cũng có thể về đó”.

Họ bắt tay nhau và Lysander cảm ơn ông lần nữa. Anh thích bác sĩ Bensimon. Anh kể cho ông những bí mật sâu kín nhất của mình và cảm thấy có thể hoàn toàn tin tưởng con người này - dẫu vậy anh phải thừa nhận rằng mình chả biết một tí gì về ông.

Anh thanh toán khoản tiền cuối cùng với cô thư ký cứng nhắc. Cô ta gượng cười khi họ bắt tay từ giã. Giờ anh đang thả những bước quen thuộc từ phòng khám trên phố Wasagasse dọc theo đường Franzenring. Anh nhận ra đây là lần cuối cùng, tuy có hơi buồn nhưng đồng thời anh thấy vui khi đạt được hoàn toàn mục tiêu cơ bản khi đến Vienna. Wolfram đã nói gì nhỉ? Có một “dòng sông tình dục” đang chảy dưới thành phố này. Đó là sự cứu rỗi của anh - cùng với trạng thái song song của bác sĩ

Bensimon. Anh đã đúng, cuộc sống nên đơn giản hơn, con đường trước mắt hãy còn chưa rõ ràng, kể từ khi đến đây mọi thứ chỉ thêm trăm lần phức tạp. Anh đã có Hettie tại Vienna và Blanche tại London và chắc chắn anh chẳng biết mình nên làm gì.

Anh bước qua một quán cà phê lớn - quán Landtmann - và nhận ra suốt mấy tháng đi qua, anh chưa một lần bước vào, anh liền quay lại. Quán này rộng rãi và giản dị, hơi mờ nhạt và lớn hơn các quán anh thường ghé qua - anh nghĩ đây là một nơi để đến vào mùa hè và ngồi trên vỉa hè. Anh chọn chỗ ngồi trong quán nhìn ra dòng giao thông đang tấp nập trên đường vành đai, đốt thuốc, gọi một ly cà phê, một ly brandy và mở cuốn sổ tay *Những cuộc Điều tra Tự thuật của Lysander Rief*. Anh lật nhanh qua các trang dày đặc chữ, những mô tả về các giấc mơ, những bản nháp các bài thơ - cuốn sổ này là một di sản khác trong thời gian anh ở Vienna. Bensimon đã thúc giục anh tiếp tục viết như là một phần trong phương pháp trị liệu của anh. “Có vẻ hơi sáo rỗng và không hợp lý”, Bensimon đã nói, nhưng sau vài tháng trôi qua, , anh hãy đọc lại và sẽ cảm thấy rất tuyệt cho xem”.

Quán cà phê tĩnh lặng, thi thoảng bị cắt ngang bởi những tiếng ồn ã của bữa trưa, những dấu ấn của thành Vienna trong ngày, và những người đến đầu tiên gọi cà phê và bánh ngọt vào buổi chiều. Các bồi bàn đánh bóng dao kéo và xếp các khăn ăn, những người khác thì phủi bụi các khăn trải bàn bằng vải lanh hoặc tì tay lên các quầy phục vụ tán gẫu. Từ đâu đó ở đằng sau vọng lên tiếng bát đĩa sứ lanh canh xếp chồng lên nhau. Chủ nhà hàng thận trọng chải tóc, áp chiếc khay bạc lên tường như một chiếc gương. Lysander nhìn quanh - quán rất vắng khách nhưng rồi mắt anh tập trung vào một người đàn ông ngồi cách đó mấy bàn - mặc một bộ đồ bằng

vải tuýt, chiếc cà vạt theo kiểu cổ, đang đọc báo và hút xì gà. Lysander đoán ông ta gần sáu mươi tuổi, mái tóc xám chải mượt; chòm râu trắng như cước được cắt tỉa rất khéo. Lysander bỏ cuốn sổ xuống và thong dong bước đến.

"Tiến sĩ Freud", anh nói. "Xin lỗi đã quấy rầy nhưng tôi chỉ muốn được bắt tay ông. Tôi đã được một trong những học trò của ông bác sĩ Bensimon, trị bệnh rất thành công".

Freud nhìn lên, gập tờ báo lại và đứng dậy. Hai người bắt tay nhau. "À, John Bensimon", Freud nói, "một người Anh khác của tôi. Chúng tôi tuy có bất đồng nhưng anh ta là người tốt".

"Vâng, dù gì đi nữa tôi cũng đã có những buổi gặp gỡ phân tâm học rất quý giá với ông ấy. Tôi biết ông ấy kính trọng ông nhiều thế nào - ông ấy nhắc đến ông suốt".

"Cậu là người Anh à?"

"Vâng. Một nửa thôi. Nửa còn lại là người Áo".

"Vậy điều gì giải thích cho tiếng Đức sành sỏi của cậu thế?"

"Cảm ơn ông". Lysander lịch sự bước một bước về phía sau, định đi khỏi. "Thật là vinh dự cho tôi được bắt tay ông. Tôi sẽ không quấy rầy ông đọc báo nữa đâu".

Nhưng Freud có vẻ như không muốn chấm dứt cuộc đối thoại. Bằng một chút cử chỉ với điếu xì gà, ông đã ngăn anh lại.

"Cậu đã gặp gỡ bác sĩ Bensimon trong bao lâu?"

"Vài tháng ạ".

"Và cậu đã được chữa khỏi?"

“Phải nói là - tôi cảm thấy - chừng nào tôi còn quan tâm thì vấn đề căng thẳng thần kinh của tôi đã thuộc về dĩ vãng rồi”.

Freud hít một hơi xì gà, suy nghĩ. “Rất nhanh đấy”, ông nói, “rất ấn tượng”.

“Chính nhờ lí thuyết về trạng thái song song của ông ấy mà cuối cùng đã khiến mọi thứ khác biệt. Thật tuyệt vời”.

“Ồ”trạng thái song song”, Freud nói gần như giễu cợt: “Tôi sẽ không bình luận gì đâu. Chúc cậu một ngày tốt lành. Chúc cậu mạnh khỏe”.

Bản thân ông ấy là một người vĩ đại, Lysander nghĩ, quay về chỗ và thấy vui khi mình có đủ can đảm tiếp cận ông ta. Nhất định đây là cuộc gặp gỡ cho những hồi ức.

Anh không gặp Hettie đã bốn ngày rồi, anh nhớ cô quay quắt. Anh nhẩm tính thật ra anh không gặp cô đã một tuần rồi. Đó là khoảng thời gian dài nhất họ xa nhau kể từ khi bắt đầu chuyện tình. Anh viết vội một tin nhắn cho cô và quyết định đến ngay quán Sorgenfrei. Có thể cô ấy cũng sẽ để lại cái gì đó cho anh. Những con phố ngoài kia tuy lạnh nhưng không buốt giá và tuyết năm mới đang bắt đầu tan. Những chiếc xe đi ngang qua làm bắn tung tóe những rác rưởi màu nâu lên chân các khách bộ hành đi quá sát lòng đường.

Thận trọng đứng nhìn dòng xe đi qua, Lysander tự hỏi mình có nên học lái xe không. Có thể đó là một khóa học khác của anh tại Vienna – rồi anh nhận ra mình không chịu nổi học phí các khóa học lái xe. Anh vừa trả trước bà K tiền nhà tháng sau nên chỉ còn lại hơn 100 curon. Anh đã hủy hai giờ học tiếng Đức và tiếng Pháp cho đến khi có thông báo tiếp và lại đánh điện về xin mẹ thêm tiền. Việc này khiến anh cảm thấy xấu hổ - anh

nghĩ tại sao mẹ anh lại phải chu cấp cho chuyện tình của anh với Hettie. Anh tự thừa nhận rằng mình đang sống những tuần cuối cùng này trong trạng thái lấp lửng giữa việc tự quyết định về bản thân và chẳng quyết định gì hết, hạnh phúc thả trôi, lang thang trong hiện tại. Vấn đề là - anh nhận thấy rất khó tưởng tượng về một tương lai không có Hettie - anh phải đối mặt với nó một khi túi tiền rỗng tuếch và buộc phải quay về London. Có phải đây mới là sự bắt đầu không? Đam mê tình dục phủ bóng đen lên tình yêu? Tệ hơn nữa là trong suốt bao nhiêu tuần lễ đắm đuối trong tình yêu, bất chấp tất cả những sự yêu mến và những lời thú nhận tình cảm mạnh mẽ dành cho nhau, cô ấy vẫn chưa hề nói một câu về chuyện rời bỏ Hoff.

Làm gì đây? Anh ép mình đi qua cánh cửa tự động của quán Sorgenfrei, huých khuỷu tay gạt tấm rèm nhung nặng nề sang bên để tránh gió lùa. Làn khói xám bay trong không khí khiến đôi mắt anh nhức nhối khi đến gần quầy để trao phong thư. Có một tay bồi bàn trẻ mặc áo gilê màu nâu sẫm - cậu ta tên gì nhỉ? - với chòm râu quai nón theo kiểu lính kị binh ngớ ngẩn.

“Chào ngài Rief," cậu ta nói, nhận lá thư của Lysander. “Chúng tôi có cái này cho ngài”. Cậu ta đưa tay xuống dưới quầy, lôi ra một gói bưu kiện phẳng có dây buộc. Lysander cảm thấy một niềm vui nhỏ dâng tràn. Chúa phù hộ cho Hettie - chắc chắn đúng lúc này họ đang nghĩ về nhau. Anh gọi một ly Riesling và cầm gói bưu kiện đến chiếc bàn cạnh cửa sổ. Anh thận trọng mở ra thì thấy bên trong có một lời nhạc kịch. *Andromeda và Perseus một trong bốn vở Opera của Akten Von Gottlieb Toller.* Bìa sách màu mè sao chép tấm áp phích của Hoff - Hettie trong tư thế trần truồng. Anh lật các trang tưởng tượng một mẩu giấy sẽ rơi ra, khi không thấy gì anh

quay lại trang đề tựa tìm kiếm một lời nhắn. Có rồi; “Gửi Lysander, với trọn tình yêu của em, Andromeda”. Và anh đọc thấy bên dưới là một loạt những dòng chữ đặc biệt:

Có những khi tôi hoàn toàn tự tin vào số phận của HB.
Nhưng có những lúc tôi thấy rằng
Mình không hoàn toàn thành thật
Nông cạn
Trước mặt là hai con đường
Hèn nhát.

Xét theo tình hình tài chính của mình, Lysander tự hỏi tại sao lại quyết định trả thêm 2 curon nữa cho bữa tối đêm ấy với bà K và Josef Plischke. Có lẽ anh chỉ muốn có thêm bạn, tuy nhiên anh cảm thấy khó chịu và tầm thường. Món chính - sau món súp rau cải với bánh mì nướng - là *Tafelspitz*, Lysander nghĩ đó là món thịt bò hầm dành cho người già, được chế biến từ nhiều ngày trước, có thể được ninh hàng giờ trên một bếp lò trong căn bếp không nhìn thấy được. Tuy vậy nước thịt vẫn rất nhiều và thịt thì dai ngoách và có xơ. Plischke ăn uống nhiệt tình, ca tụng cách nấu nướng của bà K bằng một giọng nịnh hót điệu nghệ, khiến bà mãn nguyện nở nụ cười dễ chịu trên đôi môi mỏng dính.

Khi họ nói chuyện về một buổi trình diễn trên không vào mùa hè này tại Aspern với hàng tá chiếc máy bay, Lysander nhẩm trong đầu những khoản tiền của mình - anh đã đánh điện về cho mẹ hai ngày trước xin thêm 20 bảng nữa. Nếu may mắn, số tiền này sẽ đến ngân hàng của anh vào ngày mai, nếu may mắn thêm nữa và chi tiêu cẩn thận, khoản tiền ấy

có thể giúp anh cầm cự thêm một hoặc hai tháng. Anh quyết định không nghĩ về chuyện sẽ xảy ra sau khi lại lâm vào cảnh hết tiền. Có thể anh nên thử tự đi kiếm việc làm - có thể là dạy tiếng Anh cho người Áo chăng? Nhưng còn hai tháng nữa ở Vienna nghĩa là thêm hai tháng nữa với Hettie. Anh thấy hơi sốc khi nhận ra bản thân đang bắt đầu hoạch định cuộc sống cho mình quanh Hettie.

Có tiếng đấm cửa rất mạnh và anh nghe thấy Traudl ra mở cửa. Trong một thoáng, anh tưởng tượng đó có thể là Wolfram, say lè nhè, đến đây để mang anh tới vùng biên giới của Spittelberg.

Traudl xuất hiện ở cửa phòng ăn, mặt đỏ và run rẩy.

“Thưa bà”, cô nói rất nhỏ. “Đó là cảnh sát”.

Mặt bà K tái đi trong cái nhếch mép giận dữ khi uy tín căn nhà nghỉ của bà bị xâm phạm, và đi ra ngoài sảnh. Plischke chọc cái tăm vào miệng, tìm kiếm những miếng thịt bò hầm của món *Tafelspitz* còn sót lại. Lysander nhìn hắn ta - cái vẻ điềm tĩnh này được khoác lên khá nhanh chóng. Ngươi đang định làm gì thế, Josef Plischke

Bà K lại xuất hiện trên ngưỡng cửa.

“Họ muốn gặp anh, Rief”.

Lysander lập tức đưa ra dự đoán và cảm thấy ruột anh cuộn lên. Mẹ anh. Chết: Ốm nặng? Anh thấy không khỏe và ném khăn ăn lên bàn.

Có ba cảnh sát trong sảnh. Đồng phục màu xám, thắt lưng da màu đen. Những chiếc mũ gắn huy hiệu, lưỡi trai, sáng bóng với đầu bẹt. Một người mặc chiếc áo choàng ngắn, ông ta chào và tự giới thiệu mình là Thanh tra Strolz.

“Anh là Lysander Rief?”

“Vâng. Có chuyện gì thế? Có vấn đề gì sao?”

“Tôi e là vậy”. Strolz mỉm cười, vẻ tiếc nuối. “Anh bị bắt”.

Lysander nghe thấy tiếng thở dốc kinh hoàng của bà K vọng từ cửa nhà ăn phía sau.

“Chuyện này hoàn toàn lố bịch, Các người bắt tôi về tội gì chứ?”

“Hiếp dâm”.

Lysander nghĩ ngay rằng anh có thể đổ gục xuống. “Đúng là chuyện nực cười. Rõ ràng là đã có nhầm lẫn”.

“Vui lòng đi với chúng tôi. Không cần phải còng tay nếu anh làm chính xác những gì chúng tôi yêu cầu”.

“Tôi có thể lên phòng lấy đồ được không?”

“Dĩ nhiên”.

Lysander về phòng mình, đầu óc quay cuồng, cứ đặt giả định rồi lại bác bỏ. Anh đứng đó lạnh toát người - Strolz đang đứng nhìn anh từ ngưỡng cửa - Cố gắng nghĩ ra những gì anh có thể cần. Áo choàng, mũ, ví. Cuốn sổ tay? Không. Anh bất ngờ cảm thấy rất sợ hãi, cô độc và nảy ra một ý tưởng. Anh lục lọi trong ngăn kéo bàn, tìm thấy thứ mình cần.

Anh quay ra sảnh, tránh nhìn vào mắt bà K xin Strolz cho phép nhắn lại đôi lời với ông bạn Barth.

“Càng nhanh càng tốt”.

Strolz đứng đằng sau khi Lysander gõ cửa phòng Barth và nghe ông nói vọng ra: “Chờ một chút”, sau đó là, “vào đi”.

Lysander thấy rằng suốt bao nhiêu tháng ngày sống cạnh nhau, đây mới là lần thứ hai anh vào căn phòng ngủ chật hẹp của Barth. Anh thấy

hai chồng những tờ nhạc bướm đang lung lay như sắp đổ, hai giá nhạc đang phơi bộ quần áo lót may liền bằng len ẩm. Chiếc đại phong cầm to đùng nằm trong hộp ở góc nhà cạnh chiếc giường nệm đã lún xuống và tấm khăn phủ thêu phía trên.

"Tôi nghe thấy ai đó nói "cảnh sát" đúng không Rief? Họ không đuổi theo tôi đấy chứ?"

"Không. không. Tôi mới là người bị bắt - một lầm lẫn khủng khiếp - nhưng tôi phải đi với họ. Ông có thể liên hệ với người này và nói rằng tôi bị bắt không? Tôi rất biết ơn ông. Họ sẽ biết phải làm gì".

Anh trao cho ông tấm danh thiếp của Alwyn Munro. "Ông ta ở Đại sứ quán Anh".

Ông Barth cầm lấy tấm danh thiếp, cười toét miệng nghĩ đến cuộc giải cứu này.

"Cứ tin ở tôi, cậu Rief. Việc đầu tiên tôi sẽ làm vào sáng mai". Ông liếc nhìn qua vai Lysander nhận thấy Strolz đang đứng đó cách vài bước, và hạ thấp giọng: "Chúng là những thằng ngu ngốc, dốt nát. Chỉ được cái lịch sự cực kì, đó là tất cả những gì chúng hiểu. Chúng sẽ bị ấn tượng đấy. Cậu sẽ không sao đâu".

Lysander đi ra thì thấy cửa trước đang mở. Bà K đứng cạnh cửa, hai bàn tay xiết chặt vào nhau, một cái nhìn căm ghét rõ nét nhằm thằng người đàn ông đã mang sự nhục nhã này đến cửa nhà bà.

"Đó là một lầm lẫn khủng khiếp", Lysander nói khi đi ngang qua bà, theo sau là ba cảnh sát. "Tôi chẳng làm gì cả. Mai tôi sẽ quay về".

Nhưng có điều gì đó mách bảo rằng anh sẽ không về và anh cũng hiểu điều ấy, chẳng có nhân chứng nào hết. Bà K hẳn rất muốn tát vào mặt

anh.

Ba cảnh sát đưa anh xuống gác rồi dẫn tới một chiếc xe chở phạm nhân đang đỗ trên điểm giao với đường Mariahilfer Strasse. Họ mở cửa sau và anh trèo vào. Nhìn qua cửa kính nhỏ có chấn song, không có khung ở một bên, anh thấy khung cảnh thành Vienna ngập tuyết vút qua - nhà hát opera, cung điện Hofburg, nhà hát Hofburg- tất cả các đài tưởng niệm của thành phố cũ/ thành phố mới rực sáng như trong một tấm kính nhìn nổi - cho tới khi họ đến đồn cảnh sát trên đường Schottenring.

20

Con Trai hay Con Gái ?

CHIẾC XE CHỞ PHẠM NHÂN NGOẶT VÀO đường Schottenring, đi qua một cái cổng tò vò khổng lồ, vào một sân nhỏ nằm ở vị trí trung tâm. Những cánh cửa gỗ đóng im im - chậm rãi, không một tiếng động - sau lưng họ. Lysander được dẫn vào tòa nhà, dọc theo lối đi rộng vào một phòng thẩm vấn. Có mùi thuốc sát trùng trong không khí. Các hành lang trống trải vang tiếng bước chân lộn xộn vọng đến từ đâu đó trong tòa nhà, như thể nơi này đầy rẫy những hồn ma tù nhân mãi mãi đi tới đi lui quanh các xà lim.

Lysander ngồi xuống, đối diện với thanh tra Strolz lạnh lùng, tài giỏi bên kia bàn. Strolz ghi lại những thông tin về anh vào một cuốn sổ cái bằng chiếc bút chấm mực và một lọ mực giống thư kí thời nữ hoàng Victoria. Lysander ngồi đó trong chiếc áo choàng, mũ để trên đầu gối, Cố gắng kìm nén cảm giác giận dữ đang tăng lên kèm theo đó là những sắc thái cảm xúc hốt hoảng dao động trong tầm kiểm soát. Khi chính thức bị buộc tội, anh quyết định đã đến lúc hỏi một vài câu hỏi quan trọng nhất.

“Chính xác thì tôi bị buộc tội hiếp dâm ai?”

Strolz xem cuốn sổ.

“Fräulein Esther Bull. Vào khoảng ngày mùng ba tháng Chín năm ngoái, năm 1913”.

“Chuyện này hoàn toàn không thể”. Anh đang nghĩ lại. Ngày mùng ba tháng Chín chính là lần đầu tiên ấy, cái ngày đầu tiên anh đến kho thóc.

“Là không thể bởi vì...”, anh nói tiếp, không thể kìm nén cơn chấn động vì bị xúc phạm, vì sự bất công, lạc cả giọng. “Bởi vì Fräulein Bull và tôi đã có...”. Anh dừng lại. “Chúng tôi đã yêu nhau trong bốn tháng. Trong hoàn cảnh này, tôi không hiểu làm sao cô ta lại tố cáo tôi hiếp dâm được. Ông không hiểu sao, thanh tra? Ông không “hãm hiếp” người ta rồi lại bắt đầu một chuyện tình - một chuyện tình nồng nàn, mãnh liệt đầy cảm xúc và trìu mến - với nạn nhân sau đó được, thậm chí nhiều tháng sau đó. Nó phản logic và không công bằng”.

Strolz ghi điều này vào và gật đầu: “Dù đúng hay sai, thông tin này trước mắt không có liên quan ở đây, anh Rief. Có thể trước tòa thông tin này sẽ có ích hơn”.

“Nhưng tại sao cô ta lại bịa ra câu chuyện hiếp dâm này chứ?”

“Fräulein Bull đang mang thai bốn tháng. Cô ta cáo buộc rằng hôm ấy cô ta đã bị anh cưỡng hiếp, ngày mùng ba tháng Chín, Rõ ràng đó là ngày đứa trẻ được thụ thai”.

Lysander ngồi đó, câm lặng, sốc hoàn toàn. Được thụ thai ư? Một tuần trước anh đã gặp Hettie và cô ấy có thèm nói năng gì đâu... Mang thai bốn tháng? Chuyện quái gì thế này?

“Nếu ông dẫn cô Bull đến đây”, cuối cùng anh cũng cố nói, “thì mọi thứ sẽ được sáng tỏ. Tình huống trớ trêu này, sự lộn xộn này sẽ..”.

“Thật không may việc ấy không thể được. Hơn nữa lời buộc tội nhằm vào anh là lời buộc tội kép do cô Fräulein Bull và người chồng hợp pháp của cô ta đưa ra...”. Strolz lại nhìn vào cuốn sổ. “Anh Udo Hoff. Thực ra chính anh Hoff đã liên hệ với cảnh sát”. Ông ta đóng sổ cái và đứng dậy. “Ngày mai anh sẽ được chuyển đến tòa án sơ thẩm và chính thức bị kết tội

- thế nên đêm nay anh sẽ là khách của chúng tôi. Anh mang theo mọi thứ mình cần chưa? Thuốc lá nhé? Tôi có thể mang cho anh cà phê không?"

Lysander bị áp giải đến một khu nửa là tầng hầm, nửa là xà lim phía dưới cầu thang của tòa nhà. Cửa ra vào khóa lại sau lưng anh. Có một bóng đèn điện bọc kính đặt sâu tít vào trong trần, một cái giường gỗ có đệm rơm và một chiếc chăn, một bồn rửa với một vòi nước và một chậu tiểu bằng thiếc với nắp đậy có bản lề. Trên tường phía ngoài có một cửa sổ nhỏ, cao và có chấn song. Qua lỗ thông gió được xẻ rãnh trong cửa ra vào, có một giọng nói thông báo đèn sẽ tắt sau mười phút nữa.

Mười phút sau, anh nằm trên giường, trong bóng tối, vẫn mặc áo choàng, đốt thuốc, cố gắng hiểu một chuỗi những sự kiện có thể xảy ra. Những câu hỏi dai dẳng lùng bùng trong đầu anh. Hettie phát hiện mình có thai khi nào? Tại sao cô ấy lại nói với Hoff? Anh cho rằng cô ấy buộc phải làm thế - vì một lý do cá nhân nào đó không thể tưởng tượng nổi - mà vì chuyện đó nên Hoff thấy chướng tai gai mắt nên đã gọi cảnh sát. Anh tiếp tục suy luận, thế thì Hettie chắc hẳn đã phải nói dối để cứu lấy mình. Cô bịa đặt ra câu chuyện anh đến thăm studio trong quãng thời gian mà anh - Lysander - đã ép buộc cô quan hệ tình dục - thời gian vào quãng buổi chiều. Rõ ràng cô ấy không thể thú nhận câu chuyện tình sau đó. Nhưng tại sao lại không khi cô ấy biết mình đã mang thai? Nhưng làm sao cô ấy có thể mang thai được? Cô ấy đã bảo với anh là mình vô sinh cơ mà - cô ấy còn phàn nàn rằng các kì kinh nguyệt, nếu có chút nào, thì đã qua vài tháng rồi đến mức cô còn chẳng buồn để ý đến nữa. Chính vì thế anh không hề sử dụng một biện pháp phòng ngừa nào. Có phải cô ấy nói dối không? Hay bằng cách nào đó, cô ta muốn bẫy anh?

Thế rồi trong mấy phút, anh trải qua một cơn giận dữ chẳng đâu vào đâu với Hettie; một cảm nhận bất công tấn công anh, liên quan đến sự trâng tráo, vô liêm sỉ và ác tâm hiểm độc, điên rồ khiến anh gần như không thở nổi. Anh ngồi dậy, tự nhiên thở hổn hển, như thể anh bị nghẹt thở. Anh tự ra lệnh cho mình bình tĩnh lại. Đầu anh nhẹ bẫng, gần như chóng mặt và bắt đầu lo lắng về huyết áp. Sẽ chẳng ích gì hết khi để những cảm xúc dâng lên bừa bãi mà không kiểm soát được. Suy nghĩ một cách logic, rõ ràng chính là vũ khí tốt nhất của anh - tự khiến bản thân đau đớn sẽ chẳng làm được trò trống gì hết.

Anh tự bình tĩnh lại dù ngày càng lo lắng khi đêm cứ trôi đi, những suy diễn và những lựa chọn vẫn tiếp tục đến. Một điều rõ ràng rằng lời bào chữa duy nhất chính là tiết lộ câu chuyện tình cho cả thế giới (và Hoff) biết chính xác đến từng chi tiết. Và Hoff có thể nói gì trước bằng chứng như thế? Chẳng nói gì hết. Vụ này sẽ bị chìm xuồng, chắc chắn thế!

Anh chìm trong bóng tối và đi bộ đều đều quanh xà lim nhỏ. Anh hút hết cả bao thuốc, *chờ mặt trời lên*, không thể ngủ hay nghỉ ngơi, tâm trí anh điên cuồng dao động liên hồi. Chỉ có một hành động duy nhất này thôi - đó là hủy hoại câu chuyện vô lí của Hettie và bắt cô ta lộ mặt là kẻ dối trá. Anh nghĩ đến món quà của cô, lời nhạc kịch Andromeda và thông điệp khó hiểu của nó trên trang để tựa.

Bây giờ anh đã hiểu đó là lời thú nhận trước của cô với anh. Và anh tự hỏi có phải cô cũng muốn ám chỉ đó là lời cảnh báo nữa hay không.

Chiếc xe chở phạm nhân đưa anh và hai tù phạm ăn mặc xoàng xĩnh khác đến tòa sơ thẩm vào sáng sớm. Lúc 8 giờ 10 phút. Lysander thấy mình đối mặt với viên thẩm phán chủ tọa ngái ngủ, ông ta có một mụn trứng cá nằm giữa những sợi râu rễ tre trên hàng râu mép rộng vàng khè,

Lysander chính thức bị buộc tội hãm hiếp, không được bảo lãnh - trong các vụ hãm hiếp không được phép bảo lãnh, thẩm phán nói với anh thế - và ngày tháng diễn ra phiên xử của anh được ấn định là ngày mười bảy tháng Năm năm 1914. Anh không có luật sư, bị đưa trở lại đồn cảnh sát trung ương và nằm lại trong xà lim nhỏ. Vào lúc mười giờ, anh được cho ăn một bát súp cà rốt và một khoanh to bánh mì đen. Anh hỏi có thể nói chuyện với thanh tra Strolz được không, nhưng họ bảo ông đã đi nghỉ phép mười lăm ngày.

Lysander bắt đầu trải qua một trạng thái khiếp hãi từ từ trước sự bất lực anh đã nhận thức được mỗi khi bắt đầu tuyệt vọng. Làm sao anh có thể tìm được một luật sư đây? Anh cho rằng tòa án sẽ chỉ định một luật sư cho phiên tòa của anh vào tháng Năm. Vẫn còn ba tháng nữa mới tới phiên tòa. Có phải anh sẽ bị giam trong xà lim này cho đến lúc đó hay sẽ được chuyển đến nhà tù? Anh bắt đầu nguyền rủa Hettie vì lời nói dối ghê tởm, lố bịch này. Tại sao đơn giản không nói cho Hoff nghe sự thật? Cô ấy nghĩ mình sẽ đạt được cái gì từ cơn ác mộng chó chết về đống hỗn độn mà cô kéo anh vào?

Anh đâm sầm sầm vào cửa cho đến khi một ai đó đến. Anh đề nghị cho anh giấy và bút chì, nhưng bị từ chối.

Anh đi tiểu vào chậu đựng nước tiểu.

Anh rửa tay và mặt trong bồn rửa và lau khô bằng lớp vải lót trên áo choàng.

Anh nằm xuống và cố gắng chợp mắt trong một tiếng

Anh cởi áo choàng cà vạt và làm vài động tác thể dục cơ bản - chống đẩy, nhảy dây, chạy tại chỗ cho đến khi không thể thở nổi.

Anh đi tiểu vào chậu đựng nước tiểu.

Anh ngồi trên giường và ép bộ não của mình phải hoạt động, cố gắng nhớ lại trình tự và chi tiết cuộc tình. Những ngày tháng thời gian và địa điểm. Anh nhớ tên tất cả các khách sạn họ đã từng ở - từng chi tiết khiến cho cuộc tình có những chứng cứ đáng tin cậy và không thể bác bỏ. Thế rồi anh thấy những ý nghĩ của mình đang tản mạn về chính Hettie và sự thật không thể làm ngơ là cô ấy đang mang thai đứa con của anh. Anh gần như nức nở. Anh sụt sịt, ho hen, hít vào và dùng ý chí kiềm chế cơn giận dữ bị khuấy động trước ý nghĩ rằng cái bào thai ấy gần đây nhất định đã bị phá. Lại một hậu quả kinh hoàng nữa mà cô ta tạo ra từ tình trạng đáng ghê tởm này. Hoff sẽ thấy điều đó, ồ phải rồi. Là trai hay gái, anh tự hỏi câu đó? Bé trai hay bé gái?...

Anh được cho ăn một lát xúc xích dày nhiều mỡ lạnh ngắt, một món pho mát với bánh mì đen và một cốc cà phê âm ấm.

Anh nhìn đồng hồ đeo tay. Đã 3 giờ 20 phút chiều.

Gần như phải mất một tuần thời gian chủ quan lê thê nữa thì cái ngày ấy mới đến. Anh nhìn bầu trời hình chữ nhật qua cửa sổ xà lim đã trở tối khi mặt trời bắt đầu lặn. Một chút sắc hung đỏ len vào chân mây. Hoạt động gì đó thoáng qua bên mé xà lim vẫn tiếp tục, chẳng có gì thay đổi suốt nhiều giờ uể oải trôi qua. Những tiếng leng keng, quát tháo, tiếng bước chân, tiếng ầm ầm của những bánh xe goòng thi thoảng có tiếng cười, tiếng loẹt quẹt của cái chổi cứng quét hành lang bên ngoài cứ vang lên mãi.

Khi trời tối hoàn toàn, đèn điện được bật lên. Anh làm thêm vài động tác chống đẩy nữa, tự hỏi cơn cuồng tập thể dục này xuất phát từ đâu. Bằng mép một chiếc cúc áo, anh gạch một vệt ngang trong lớp vữa của

tường xà lim. Ngày thứ nhất. Anh cố rặn một nụ cười mỉa mai trước suy nghĩ quá cường điệu này. Tại sao đêm qua anh lại hút hết thuốc nhỉ?

Cửa mở và một viên cảnh sát bước vào.

“Đi theo tôi”.

Lysander đi theo anh ta lên gác, tới một hành lang khác, nơi anh được dẫn vào một căn phòng không có cửa sổ, có một cái bàn và hai chiếc ghế. Anh ngồi xuống giữ tâm trí mình trống rỗng. Có thể là Hettie quyết định đến cứu anh? Hai phút sau, Alwyn Munro bước vào phòng.

Lysander cảm thấy muốn ôm chầm lấy ông ta. Barth đã làm những gì đã hứa - ôi ông Barth tuyệt vời, tử tế, một người bạn chân thực. Sao anh yêu ông ta đến thế! Anh nồng nhiệt bắt tay Munro.

“Gặp chút khó khăn hả?” Munro nói, với vẻ đùa cợt, ngồi xuống và mời anh điếu thuốc.

“Điều đó không đúng. Tất cả là dối trá. Tôi đã có mối quan hệ yêu đương với cô ta suốt mấy tháng”. Lysander hút thuốc một cách say sưa, đầu anh quay cuồng.

Munro thả một tấm danh thiếp qua bàn.

“Đây là luật sư của anh. Một người rất tốt. Tôi e là anh ta không thể tiến hành bảo lãnh cho anh được. Đó là vấn đề đối với những vụ hiếp dâm. Thật may cho anh là có vẻ cô Bull đã thay đổi lời buộc tội thành “ép buộc”. Mức tiền bảo lãnh cho tội ép buộc quan hệ là rất cao : 10.000 curon”.

“Nhưng chuyện đó là vô lý!” Lysander phản bác. “Ép buộc ư? Tức là tôi đã “ép buộc” cô Bull? Tôi không phải là tội phạm. Sao lại có người muốn sờ vào khoản tiền ấy chứ? Tại sao lại đắt đến thế?”

“Có vẻ như cha của Hoff là một Ủy viên Hội đồng Quận rất được tôn trọng. Có những mối quen biết ở cấp cao. Các bộ trưởng, các quan chức cao cấp, thẩm phán vv... Xem chừng gay go đấy”.

“Tôi không thể lo nổi khoản tiền đó - chúng nghĩ tôi là ai chứ?”

“Đừng lo - chúng tôi đã trả rồi”. Munro mỉm cười. “Hãy xem đó như một khoản vay-nhưng không phải là không có lãi suất đâu nhé, vì Chúa”.

Lysander cảm thấy phấn chấn đến choáng váng. Anh nuốt khan. Hai tay anh run lên.

“Chúa ơi. Tôi biết ơn ông khủng khiếp. Như thế nghĩa là tôi có thể đi?”

“Không chính xác như thế. Có những điều kiện đặc biệt”. Munro ngả người vào lưng ghế như thể muốn có được cách nói khách quan hơn.“Anh sẽ bị buộc phải ở trong phạm vi của Đại sứ quán Anh cho tới khi ra tòa. Thực ra đó không phải đại sứ quán mà là một tòa lãnh sự tạm thời, nơi ngài ủy viên làm việc”. Ông ta mỉm cười. “Một chút hương vị Anh tại Vienna, giống nhau cả thôi”.

“Tại sao lại giam tôi ở đây?”

“Rõ ràng họ nghĩ là anh sẽ chạy trốn vì không muốn ra hầu tòa. Và vì chúng tôi đã đóng tiền bảo lãnh nên họ bắt chúng tôi phải chịu trách nhiệm đảm bảo rằng anh sẽ không biến mất”.

Sự phấn chấn của Lysander bỗng chốc xì hơi.

“Có khác gì khi thay một xà lim của Áo bằng một nhà tù của Anh chứ.

“Tôi nghĩ anh sẽ thoải mái hơn nhiều”. Munro nhún vai. “Chúng tôi chỉ làm được đến thế thôi. Ở đây họ rất nghiêm khắc với những tội ác kiểu như hiếp dâm, án mạng liên quan đến tình dục, ép buộc quan hệ tình dục v.v...”.

“Tôi không hề cưỡng hiếp hay ép buộc bất kì ai hết”.

“Đương nhiên. Tôi chỉ đang giải thích tại sao họ lại yêu cầu những điều kiện này. Chúng tôi tìm được một chỗ mà anh không thể thoát ra từ phía sau. Một khu vườn nhỏ. Anh sẽ không bị giam ở đấy nhưng không được rời khỏi đấy nếu không được phép”. Munro đứng dậy. “Chúng ta đi chứ?”

21

Biệt thự Nhỏ theo Phong cách Cổ điển

TÒA NHÀ LÃNH SỰ TẠM THỜI thực ra là một biệt thự nhỏ theo phong cách cổ điển, có phần hơi xiêu vẹo, ọp ẹp, cách đại sứ quán ba con phố trên đường Metternichgasse, đối diện khu vườn bách thảo. “Nhà tù” của Lysander là một ngôi nhà nghỉ mát mùa hè hai tầng, xây bằng đá hình bát giác nằm ở phía cuối một khoảng đất trồng hoa, tường cao chạy từ dãy nhà sau của biệt thự. Anh có một phòng ngủ lục giác ở tầng trên cùng và một phòng khách lục giác ở tầng trệt với một lò sưởi nhỏ. Không có nhà vệ sinh cũng như nhà tắm nhưng anh phải thừa nhận thế này là thoải mái lắm rồi. Anh có thể đi dạo trên những lối đi rải sỏi, um tùm cỏ dại ở cái sân sau bị bỏ quên khi cần hít thở không khí trong lành hay tập thể dục. Đồ ăn ba lần một ngày được mang đến cho anh trên chiếc khay từ một nhà hàng gần đó, lò sưởi có người đốt sẵn, một bình nước nóng được cung cấp mỗi sáng để tắm gội, quần áo giặt là được gom lại và gửi trả (anh đã cho người mang quần áo và các đồ dùng của mình đến từ nhà nghỉ Kriwanek). Chậu tiểu của anh được rất nhiều nhân viên sứ quán kín đáo đem đổ và thay thế, có vẻ họ đến thay ca gần như hàng ngày. Hiếm khi anh trông thấy cùng một người quá hai lần. Người ta bảo anh phải chịu phí các dịch vụ đồ ăn và giặt là. Tất cả các chi phí phát sinh sẽ được tính thêm 10.000 curon, do Chính phủ Anh chi trả - đó là còn chưa nói đến các chi phí pháp lí đang tăng dần đều.

Lysander đã có vài cuộc gặp gỡ với luật sư của anh, Feuerstein. Một chàng trai trẻ nghiêm túc, khoảng bằng tuổi Lysander, đeo kính kẹp mũi và râu tỉa gọn, hay tặc lưỡi, nhíu mày một cách mơ hồ, lẩm bẩm khi nghiên cứu các thông tin về vụ của Lysander. Như thể anh ta quyết không cho khách hàng của mình chút mảy may hy vọng hay lạc quan nào. Tuy nhiên anh ta đồng ý rằng, lời bào chữa tốt nhất chính là phơi bày câu chuyện tình. Thế nên bằng bàn tay màu đồng bé xíu của mình, anh ta ghi chép lại mọi thứ mà Lysander có thể nhớ được từ hàng tá lần gặp gỡ Hettie. Anh ta tình nguyện đến thăm những khách sạn mà họ thường xuyên đến ở Vienna, Linz và Salzburg để sao chép lại sổ đăng kí và thậm chí có thể là bí mật chụp ảnh kho thóc-studio của Hettie. Anh ta đề nghị Lysander phác thảo sơ đồ chi tiết của kho thóc và một bản tóm tắt tốt nhất về mọi thứ trong đó nếu anh có thể. Lysander nghĩ anh ta có thể là người bị quan, nhưng ít nhất là một người bi quan chu đáo.

Alwyn Munro hàng ngày đều đến thăm Lysander cùng một người khác - tùy viên hải quân - tên là Jack Fyfe-Miller. Fyfe-Miller là một thanh niên lực lưỡng tóc vàng, khoảng ba mươi, với chòm râu rậm màu vàng nhạt - một hình thể đi biển lý tưởng đối với một tùy viên hải quân - Lysander nghĩ - đã thắng giải vận động viên điền kinh môn bóng bầu dục tại Cambridge. Sau vài cuộc gặp đầu, anh dán cho anh chàng cái mác"ngu xuẩn". Tyfe-Miller đã xem anh diễn trên sân khấu tại London (trong vở *Thuần phục Cô nàng Đanh đá*) nhưng có vẻ thật ra anh ta chỉ tò mò về cuộc sống ở nhà hát và các nữ diễn viên. Anh ta liên tục hỏi: anh có biết Ellen Terry không? Anh đã từng gặp Dolly Baird chưa? Bà Mabel Troubridge thực sự trông như thế nào? Nhưng thi thoảng anh ta cũng có những suy

nghĩ trí tuệ khá sâu sắc. Và Lysander bắt đầu nghĩ rằng sự ngây thơ và nồng nhiệt này chỉ là một tấm màn che mắt.

Sau một tuần sống ở ngôi nhà nghỉ mát mùa hè phía cuối sân sau, anh cảm thấy mình hoàn toàn thuộc về nơi này, những thói quen hàng ngày được thiết lập và gần như anh đang sống một cuộc sống bình thường. Anh quyết định hỏi Munro xem có thể bằng bất kì cách nào thu xếp giúp anh một cuộc gặp gỡ với Hettie không.

“Tôi không chắc đó là một ý hay đâu”, Munro nói.

“Nếu tôi có thể nói chuyện với cô ấy - dù chỉ là vài phút thôi - tôi chắc chắn chúng ta có thể phơi bày được mọi thứ”.

Họ đang dạo bước trên những lối đi cỏ mọc thành búi, đầy rêu ở sân sau, lượn vòng quanh một cái chậu xi măng nhỏ của một vòi phun đã khô. Trên một chồng các tảng đá cuội khô bỏng rát lộn xộn, một tiểu thiên sứ bằng đá có địa y bao quanh, giơ cao một con cá miệng há hốc, như thể đang hớp hớp không khí hơn là phun nước cho đài nước không còn chảy nữa.

“Nhìn này”, Lysander nói, chỉ vào một cánh cửa nhỏ phồng lên vì sơn trên tường sau của khu vườn. “Kín đáo đưa cô ta qua đó sẽ chẳng ai ngờ đến được đâu. Chỉ cần cho tôi một mình với cô ta, một lúc thôi - cô ta sẽ từ bỏ vụ này”.

Munro ngẫm nghĩ, vuốt ve chòm râu gọn gàng bằng ngón trỏ. “Để xem tôi sẽ làm được gì”.

22

Những cuộc Điều tra Tự thuật

HETTIE. CƠN ĐIÊN CUỒNG LOẠN NÀY - sao em có thể làm thế với tôi? Dừng lại đi. Trước tiên là những sự thật, cuộc đối thoại. Cô ấy đã đến, vào đêm qua, ngay trước mười một giờ. JackFyfe-Miller đã đưa cô ấy vào bằng cửa sau và ngồi chờ trong taxi ở bên ngoài khi chúng tôi nói chuyện, Cô đã ở lại trong hai mươi phút.

Chúng tôi hôn nhau nồng nàn như những nhân tình cũ, với cảm xúc thật sự, như thể chưa hề xảy ra sự điên rồ này. Cô ấy ôm chặt lấy tôi, kể cho tôi nghe cô ấy nhớ tôi nhiều đến thế nào và hỏi tôi có khỏe không. Tôi cảm thấy sự ngu xuẩn kì cục của tình cảnh này - như thể tôi sắp bị cảm cúm và cô ấy sẽ chẳng thèm đến gặp sau khi tôi đã hồi phục. Trong vài giây cơn giận trào lên điên cuồng chiếm cứ, mách bảo tôi phải tránh xa ra và quay lưng lại phía cô.

HETTIE: Mọi thứ ổn cả chứ? Anh có khỏe không?

TÔI: Anh thế nào à? Anh thế nào à? Anh khủng khiếp. Anh đau khổ. Anh khốn nạn. Em nghĩ anh thế nào hả?

HETTIE: Có vẻ như anh đang ở trong một ngôi nhà bé nhỏ xinh đẹp. Ngọt ngào đấy. Đây là vườn của anh à?

TÔI: Hettie, anh là một thằng tù được bảo lãnh. Anh đã bị buộc tội cố tình ép buộc em quan hệ. Vì"ép buộc quan hệ tình dục" với em đấy.

HETTIE: Em biết. Em rất xin lỗi, Em không thể nghĩ ra phải nói cái gì khi Hoff phát hiện được. Thế nên em chỉ buột miệng ra bất kì cái gì xuất hiện trong đầu. Bất kì điều gì để hắn thôi quát vào mặt em.

Trong cảm xúc đoàn tụ dâng đầy, tôi đã quên mất cô ấy đang mang thai - đứa con của chúng tôi. Tôi đặt tay lên bụng cô - dường như nó rất phẳng.

TÔI: Em không có thai.

HETTIE: Em không thể chứng minh rằng em đã có thai. Anh biết em nghĩ rằng em bị vô sinh mà. Em đã tin là như thế thật đấy. Em chẳng hề ốm nghén hay làm sao cả. Không tăng cân, chẳng có gì hết, cả một biểu hiện ít ỏi nhất cũng không có. Nhưng rồi núm vú em bắt đầu thâm đen và Udo đã thấy. Hắn đưa em đến bác sĩ khám và ông ta nói em mang thai bốn tháng rồi.

TÔI: Anh không bao giờ để ý đến núm vú của em.

HETTIE: Vì lúc nào anh cũng nhìn thấy chúng. Anh không nhận ra được những thay đổi dần dần. Em cũng thế, thật sự đấy. Udo không nhìn vào ngực em suốt mấy tuần rồi. Hắn ta bị sốc - liền đưa thẳng em đến bác sĩ. Khi Udo nghe nói rằng em mang thai, hắn liền nổi cơn lôi đình nên em đã nói đó là anh.

TÔI: Nhưng anh không hãm hiếp em, không ép buộc em quan hệ, nếu anh còn nhớ. Nếu anh nhớ thì chính em cởi đồ cho anh thực sự đấy.

HETTIE: Vì em biết anh thích kiểu đấy.

TÔI: Em đang nói gì thế?

HETTEE: Em đã đọc hồ sơ của anh - khi em đến chỗ bác sĩ Bensimon, Anh phải rời khỏi phòng, để quên hồ sơ trên bàn trong khi em được khám

ở đó. Anh ra ngoài khoảng mười phút và em thấy buồn chán nên đã xem hồ sơ của anh. Em rất hiếu kì...

TÔI: Đó hoàn toàn là một sự sỉ nhục!

HETTIE: Em không nhớ anh có kêu ca gì. Chỉ vì em biết về những giấc mơ của anh, những mộng ảo của anh...

TÔI: Không, không. Tất cả đều là một phần trong trị liệu thôi. Không có phụ phí...

HETTIE: Đừng có đánh trống lảng. Nhưng chính Udo đã nói rằng chắc chắn anh phải tấn công em và em phần nào cũng thấy đúng. Em cho rằng như thế, vâng, anh ta chắc hẳn đã tấn công mình thôi. Em chẳng hiểu tại sao nữa. Hắn ta lên cơn điên loạn. Em đã bảo hắn là anh khống chế em và trước khi em kịp biết gì, em đã buộc phải đồng ý với hắn. Bất kì điều gì để ngăn hắn không hét lên. Anh yêu, em thật sự xin lỗi. Anh phải tha thứ cho em - em đã rất hoảng hốt.

Tôi cảm thấy sự mệt mỏi kinh khủng chảy tràn qua người, một dạng mệt mỏi đến tận cùng.

TÔI: Tại sao Udo không cho rằng đó là con hắn?

HETTIE: Bởi vì - à - chúng em không còn thường xuyên quan hệ tình dục nữa. Không quan hệ đã hơn một năm rồi. Hắn biết ngay thằng bé không phải là con hắn.

TÔI: Em nói "thằng bé" là sao?

HETTIE: Nó là con trai - đứa bé ấy - em biết.

TÔI: Nhưng em nên hiểu khi ra tòa anh sẽ nói sự thật - về anh, về em và chuyện tình của chúng ta.

HETTIE: Không! Không, anh không thể làm thế. Udo sẽ giết em mất - và cả đứa bé nữa.

TÔI: Vớ vẩn.Hắn không thể làm thế. Hắn không phải một con quỷ.

HETTIE: Anh không biết hắn có thể làm được những gì đâu. Hắn sẽ ném em ra ngoài, hủy hoại em theo cách nào đó. Hắn sẽ tìm cách trừng phạt em và đứa bé - con của chúng ta.

TÔI: Vậy thì bỏ hắn đi. Bỏ đi. Hãy đến London và sống với anh. Em nợ hắn cái gì chứ? Chẳng nợ gì cả...

HETTIE: Mọi thứ. Khi em gặp hắn ở Paris em đang... em đã gặp rắc rối nghiêm trọng. Udo đã cứu em. Hắn đưa em đến Vienna. Không có hắn chắc em đã chết rồi - có khi còn tệ hơn thế. Em xin anh, Lysander, van xin anh - đừng để hắn biết chuyện của chúng ta.

TÔI: Em sẽ không được đi phá thai.

HETTIE: Không bao giờ. Nó là con chúng ta. Của anh và của em, anh yêu.

Vào đúng lúc đó Fyfe-Miller xuất hiện và gõ lên cánh cửa sổ Pháp. Hettie hôn tạm biệt tôi và những lời thì thầm cuối cùng của cô ấy là: “Em van anh, Lysander. Đừng nói gì cả. Đừng hủy hoại em”.

Sáng nay tôi có cuộc gặp với Feuerstein. Tôi hỏi giả sử bị tuyên có tội thì tôi sẽ bị kết án như thế nào. “Tám đến mười năm, nếu anh gặp may”, anh ta đáp, và nói thêm: “Nhưng anh sẽ vô tội thôi, anh Rief. Vụ án sẽ kết thúc với biên bản anh đưa ra bằng chứng của mình”. Anh ta vẫy vẫy tập tài liệu. “Tôi có hết tất cả đây rồi. Những khách sạn ở Vienna, ở Linz và ở Salzburg. Những giấy chứng thực từ các nhân viên. Anh có biết nói điều ấy bằng tiếng Anh như thế nào không? Là “dễ như ăn bánh”*. Anh ta tự

cho phép mình nở một nụ cười hiếm hoi, Tôi nghĩ - nếu Feuerstein tự tin đến thế, vậy thì tất cả sẽ kết thúc đối với Hettie. “Tôi thật sự mong đợi điều đó”. Feuerstain nói thêm. “Ngày mười bảy tháng Năm hãng còn lâu mới tới”.

Bây giờ tôi đang chờ được gặp Munro và Fyfe-Miler trong một cuộc họp ngay tại ngôi nhà nghỉ mùa hè này. Tôi sẽ bảo với họ chỉ có một việc tôi làm được. Vụ này không bao giờ được phép đưa ra tòa,

23

Chiếc Chìa khóa mới bằng Đồng

LYSANDER NGỒI TRONG căn phòng khách hình lục giác, đối mặt với Alwyn Munro và Jack Fyfe-Miller. Những trận mưa tuyết nhẹ nhàng sa xuống, đập vào những cánh cửa sổ kiểu Pháp, ngọn lửa trong lò vật lộn chống lại cái giá lạnh. Vì lí do nào đó Fyfe-Miller mặc bộ đồng phục hải quân - một hàng huân chương trên ngực - khiến anh ta trở nên nghiêm túc và đáng để ý hơn, một sĩ quan quân đội chính quy đang tại ngũ. Munro mặc bộ đồ vải tuýt dày, ba mảnh như thể ông đang ra ngoài săn bắn cuối tuần tại Perthshire.

“Trong suốt vài ngày cuối cùng này tôi đã suy nghĩ”, Lysander thận trọng nói. “Và một điều trở nên hoàn toàn rõ ràng đối với tôi. Tôi không thể mạo hiểm ra hầu tòa được”.

“Feuerstein bảo rằng, lời biện hộ cho anh sẽ không thua được”. Munro đáp.

“Tất cả chúng ta đều biết mọi chuyện sẽ dễ dàng dẫn đến sai lầm như thế nào”.

“Thế nên anh muốn chạy trốn”, Fyfe-Miller nói, châm một điếu thuốc. Một lần nữa, Lysander lại thấy cái vẻ ngoài ôn tồn ấy che giấu một trí tuệ nhanh nhạy.

“Phải. Nói ngắn gọn là thế”.

Hai người nhìn nhau. Munro mỉm cười.

“Chúng tôi đã cá riêng với nhau xem phải mất bao lâu thì anh đi đến kết luận này”.

“Đó là cách duy nhất chừng nào tôi còn quan tâm”.

“Có những vấn đề thực sự”,Munro đáp và nói rõ thêm. Đại sứ quán Anh giống như mọi đại sứ quán khác ở Vienna, đều có những người đưa tin luôn theo dõi tỉ mỉ. Ông tính toán, một trong số ba nhân viên người Áo đó ăn lương của Bộ Nội vụ. Ông nói thêm rằng điều này là hoàn toàn bình thường - những điều kiện tương tự cũng được áp dụng ở London,

“Thế nên”, ông tiếp, “nếu anh rời khỏi nơi này, anh sẽ bị phát hiện rất nhanh chóng. Anh đang bị theo dõi mọi lúc, ngay cả khi anh cảm thấy một mình hoàn toàn. Ai đó sẽ báo cho cảnh sát”.

Fyfe-Miller lên tiếng: “Ngoài ra, với tư cách là cai ngục của anh, có thể nói như vậy, chúng tôi bị ràng buộc về danh dự rằng phải báo cáo chuyện anh vắng mặt cho các nhà chức trách. Và dĩ nhiên như thế việc bảo lãnh anh sẽ mất hiệu lực”.

Lysander quyết định không để ý đến điểm cuối cùng này nữa. “Nhưng nếu tôi lẻn đi vào giữa đêm thì sao? Sẽ phải mất vài tiếng trước khi tôi bị phát hiện”.

“Không phải thế đâu. Vào giữa đêm sẽ là khoảng thời gian tồi tệ nhất. Những người gác đêm, lính gác ở cổng, nhân viên làm ca đêm - ai cũng có thể báo động vào ban đêm. Tôi hoàn toàn chắc chắn có hai cảnh sát mặc thường phục đang ở ngoài đó, ngồi trong ô tô, 24/24 giờ, đợi chờ, theo dõi. Thời điểm giữa ban ngày lại khôn ngoan hơn nhiều”. Munro mỉm cười. “Ngược đời thế đấy”.

“Nếu anh rời đi”, Fyfe-Muller nói, suy đoán: “Anh sẽ phải khởi hành tối đa trong vòng một tiếng. Nếu không ai báo cảnh sát, vậy chúng tôi sẽ phải báo cáo - sau một tiếng”.

“Cứ cho là mười lăm phút đi”, Munro nói. “Chúng không phải lũ ngu đâu”.

“Ông sẽ đi thẳng đến đâu, Alwyn?” Fyfe-Miller hỏi, gian xảo.

“Trieste. Trên thực tế đó thật sự là nước Ý - họ căm ghét người Áo – Hung. Đi thẳng đến Trieste rồi đi tàu hơi nước đến Italia. Đó là những gì tôi sẽ làm”.

Lysander đón nhận một thông điệp ngầm. Giờ anh hoàn toàn nhận thức được chuyện gì đang diễn ra ở đây; Munro và Fyfe-Miller đang soạn ra một chương trình hành động, gần như là mách nước để anh nghe theo. Họ như đang nói: làm theo những gì chúng tôi bảo, anh sẽ được an toàn.

“À mà ga nào chạy chuyến Trieste nhỉ?” Lysander hỏi một câu ngây thơ tương tự.

“Ga *Südbahnhof*. Đổi tàu ở Graz. Chuyến đi mất mười đến mười hai tiếng”. Tyfe-Miller đáp.

“Tôi sẽ đến thẳng văn phòng Lloyds tại Trieste và mua một vé tàu hơi nước đến...”, Munro cau mày, suy nghĩ.

“Không phải Venice”.

“Không. Quá rõ ràng rồi. Có thể là Bari - nơi nào đó ở phía nam, xa hơn mọi người tưởng”.

Lysander không nói gì, chấp nhận ngồi yên nghe, Anh hiểu chuyện gì đang diễn ra trong cuộc nói chuyện tay đôi này.

Munro giơ lên một ngón tay cảnh cáo. “Anh phải giả định rằng cảnh sát sẽ đến thẳng tất cả các nhà ga đấy”.

“Phải. Thế nên anh mới cần phải cải trang một chút. Dĩ nhiên họ cũng sẽ cho rằng anh sẽ đi thẳng lên phía bắc, quay về Anh. Thế nên đi về phía nam là một lựa chọn đúng”.

“Anh sẽ cần tiền”, Munro nói, lấy ví ra đếm được 200 curon, đặt lên bàn thành hình cái quạt. “Hôm nay là thứ mấy? Thứ Ba. Vậy chiều ngày mai đi. Anh sẽ đến Trieste vào thứ Năm lúc rạng đông”.

“Bob là ông chủ của anh”.

Hai người nhìn thẳng vào Lysander, không che giấu âm mưu hay sự câu kết nào trong ánh mắt, Cái nhìn trực diện, không gian dối của họ chuyển tải một thông điệp riêng - chúng tôi đang nói chuyện với nhau đây, rõ ràng và đơn giản. Một cuộc nói chuyện về một chuyến đi trong giả thuyết - chẳng có gì hơn thế. Chúng tôi không chịu trách nhiệm gì cả.

“Rủi ro là cái chết đấy”, Munro nói, như thể muốn nhấn mạnh sự thật cuối cùng này.

“Nếu anh bị bắt thì đương nhiên sẽ giống như anh thừa nhận mình có tội”, Fyfe-Miller nói thêm,

“Anh cần phải thông minh lên. Suy nghĩ trước đi. Hãy hình dung mọi chuyện sẽ thế nào - cần phải làm gì trong bất kì tình huống nào”. “Sử dụng sự khéo léo của mình đi”.

Munro đứng dậy và đi thẳng ra cửa, Fyfe-Miller theo sau. Món tiền vẫn còn nằm nguyên trên bàn.

Lysander đi ra mở cửa cho họ. Bây giờ anh biết chính xác những gì đang chờ đợi mình.

“Đúng là điều thú vị nhất”, anh nói, “Cảm ơn thật nhiều”.

“Hẹn gặp anh ngày mai”, Munro nói. Fyfe-Miller nhanh chóng chào và Lysander nhìn họ bước nhanh về lãnh sự quán, dưới làn tuyết đang rơi.

Vào cuối buổi chiều, tuyết ngừng rơi, bỏ lại một phần đóng băng trên những hàng rào hoa thấp ở sân sau. Lysander đi tản bộ xung quanh khu vườn, suy nghĩ rất lung. Anh có tiền trong túi, Munro và Fyfe-Miller đã vạch ra một tuyến đường tốt nhất để rời khỏi Áo. Một khi đến được Trieste, anh sẽ an toàn - những người Ý ở đó đông hơn người Áo, cứ hai mươi người Ý thì mới có một người Áo. Một tàu điện chạy bằng hơi nước hay một tàu chở hàng sẽ đưa anh đến Italia chỉ với một vài curon. Thế rồi một thứ rất lạ lùng đập vào mắt anh - một tia sáng, một chùm tia sáng. Anh đi sang đó.

Trong ổ khóa của cánh cửa nhỏ trong bức tường phía sau là một chiếc chìa khóa bằng đồng mới, sáng và không bị xỉn, lấp lánh trong ánh mặt trời yếu ớt của buổi chiều. Lysander bỏ vào túi mình. Vậy là thế đấy - chiều mai, sau bữa trưa, anh nghĩ. Lao tới sự tự do.

24

Sự Khéo léo

LYSANDER CỐ Ý BỎ LẠI NỬA phần bữa trưa - thịt lợn hầm với củ cải ngựa - không hề đụng đũa. Anh dặn anh chàng cáu kỉnh với hàm răng vẩu đến dọn bữa rằng anh thấy không khỏe và sẽ đi ngủ sớm. Ngay sau khi lại được ở một mình, anh mặc vội áo khoác, thu dọn mọi thứ đồ dùng cần thiết nhất có thể mang vừa vào mấy cái túi, lấy mũ khỏi móc áo phía sau cửa và bước ra ngoài.

Đó là một ngày có gió nhẹ với những đám mây bay thẳng và tuyết như đã tan gần hết. Anh đi vòng quanh khu vườn, vờ như đây là buổi đi bộ thường ngày sau bữa trưa. Khi đến gần cánh cửa nhỏ không khóa ở tường sau, anh liền lẻn qua trong tích tắc, kéo cửa vào và khóa lại từ bên ngoài. Anh ném trả lại chiếc chìa khóa qua tường, vào trong vườn. Anh nhìn quanh - một con phố bên không biết tên ở quận Landstrasse, không phải là một phần của Vienna mà anh đã từng quen. Anh đi bộ lên đường chính và thấy bảng tên đường là Rennweg - bây giờ khả năng xác định phương hướng của anh đã quay về. Anh sẽ đi bộ trong năm phút tới ga tàu phía nam nơi có thể bắt chuyến tàu đến Trieste - nhưng anh biết, trước tiên mình phải vận dụng sự khéo léo. Anh thấy hai chiếc taxi đang đợi bên ngoài Xưởng in Nhà nước, bèn băng qua đường Rennweg để bắt một chiếc.

Anh đã ở Mariahilfer Strasse được mười lăm phút rồi. Mười lăm phút là lợi thế mà Munro và Fyfe-Miller nói anh phải tự dành cho mình. Lẽ ra bây giờ anh có thể đang ngồi ở ga *Sudbahnhof* với một tấm vé đến Trieste

trong tay. Có phải anh đang phạm sai lầm không? Sử dụng sự khéo léo của anh đi, Munro đã nói thế. Anh nghĩ nó không giống như một lời khuyên mà là một lời cảnh báo.

Lysander rung chuông cửa nhà nghỉ Kriwanek, nói một lời cầu nguyện bình thường: Bà K hãy ra ngoài (bà ta thường xuyên ra ngoài sau bữa trưa, mua sắm hay đi thăm ai đó) và ông Barth hãy ở nhà.

Cửa mở và Traudl đứng đó - mặt cô nhanh chóng biểu thị sự ngạc nhiên và sốc trong câm lặng đỏ lựng đến tận chân tóc.

“Ôi Chúa ơi!” Cô nói. “Ông Rief! Không!”

“Chào cô, Traudl, là tôi đây mà. Bà Kriwanek có nhà không?”

“Không. Xin ông, ông đang làm gì ở đây thế ạ?”

“Ông Barth có nhà không?”

“Không. Ông ấy cũng không có nhà”.

Tốt lành và xui xẻo, Lysander tự nói với mình và nhẹ nhàng đi qua Traudl vào nhà. Có hai chiếc ghế dựa viền tay vịn và con cú nhồi bông trong vòm kính, những gì còn lại của cuộc sống hạnh phúc trước kia của anh, Lysander nghĩ, Anh cảm thấy một cơn giận dữ bùng lên mà anh ép mình phải nuốt xuống.

“Xin cô mở phòng ông Barth được không, cô Traudl?”

“Tôi không có chìa khóa, thưa ông”.

“Dĩ nhiên là cô có”.

Cô ta ngoan ngoãn quay lại, sau đó đi thẳng xuống hành lang đến phòng ông Barth, rút ra một chùm chìa khóa từ trong túi trên tạp dề và mở cửa,

“Đừng nói với ai rằng tôi ở đây, Traudl. Cô hiểu không? Tôi sẽ giải thích mọi chuyện với ông Barth sau - nhưng cô không được phép nói lời nào với bất kỳ ai hết”.

“Bà Kriwanek sẽ biết, ông Rief. Bà ấy biết mọi thứ”.

“Bà ấy chẳng biết mọi thứ đâu. Bà ấy chẳng biết gì về cô và đại úy Rozman...”.

Trauld cúi đầu.

“Tôi ghét việc phải nói với bà Kriwanek chuyện giữa cô và ông đại úy”.

“Cảm ơn ông, ông Rief. Tôi sẽ rất biết ơn nếu ông im lặng, không nói ra chuyện này”.

“Và hãy nhớ rằng cô còn nợ tôi 20 curon đấy, Traudl”.

“Tôi sẽ không nói với ai đâu. Không một ai hết. Tôi thề”.

Lysander ra hiệu cho Traudl vào căn phòng bé của ông Barth. “Tôi theo sau cô”, anh nói, và theo cô đi vào.

25

Trieste

LYSANDER NGỒI NHÌN RA NGOÀI cửa sổ trên chuyến tàu tốc hành Graz, ngắm ánh mặt trời sớm mai đang chiếu lướt qua mờ mờ trên vịnh Trieste. Đó là lúc hình ảnh của biển thoáng hiện thoáng ẩn lúc tàu chui qua rất nhiều đường hầm xuống bờ biển và thành phố. Anh tự nhủ rằng những khung cảnh biển Adriatic và đường bờ biển đầy đá là biểu tượng cho sự cứu rỗi của mình, anh phải lưu giữ chúng thật sâu trong kho lưu trữ hồi ức của anh. Anh đang ở đây rồi, sắp đến đúng mép biên giới Áo - Hung và anh sẽ rời bỏ nó mãi mãi trong vài tiếng nữa. Anh thấy đói - anh chưa ăn gì kể từ bữa trưa bỏ dở hôm qua và anh tự hứa với bản thân sẽ chén một bữa sáng tươm tất tại nhà hàng ở ga ngay khi đến nơi. Anh chỉ còn lại hơn 100 curon, quá đủ để đặt vé tàu hơi nước tới Ancona - không cần phải đi đến tận Bari ở phía nam làm gì. Một khi đến Ancona, anh sẽ đi Florence và nhận tiền mẹ anh đã chuyển cho anh tại đó. Tiếp theo anh sẽ qua Pháp rồi về nhà. Bây giờ anh gần như đã ở Trieste rồi, toàn bộ kế hoạch này có vẻ như hoàn toàn khả thi và logic.

Với những lời phàn nàn về tiếng kim loại phanh hãm, chiếc tàu chậm rãi đến ga Stazione Meridionale ở Trieste. Lysander bước xuống. Nhìn thấy những biển hiệu bằng tiếng Italia là quá đủ với anh rồi. Anh đã làm được, anh tự do rồi.

“Rief?”

Anh quay lại rất từ từ để thấy Jack Fyfe-Miller đang bước xuống từ toa hạng nhất, xách theo một túi du lịch bằng da nhỏ trong tay.

Lysander cảm thấy lòng mình như nhẹ đi với sự cứu nguy nho nhỏ này.

"Hoan hô", Fyfe-Miller nói, vỗ vai anh. "Cá rằng anh đói meo rồi. Để tôi mời anh ăn sáng".

Họ vào quán cà phê Orientale trong tòa nhà Lloyds trên quảng trường Piazza Grande. Lysander gọi và ăn món ốp lết sáu trứng, một bít tết giăm bông và mấy khoanh bánh mì nhỏ ngọt ngào. Fyfe-Miller uống rượu vang trắng sprizer và hút thuốc.

"Chúng tôi rất ấn tượng đấy", anh ta nói.

"Ý anh là sao?"

"Munro và tôi đã ở ga tàu *Sudbahnhof* tìm kiếm anh. Chúng tôi nghĩ anh sẽ không bao giờ đến được, tôi phải nói thế - rằng anh đã ra đi quá muộn. Họ sẽ báo, cảnh sát sẽ ập đến rất nhanh. Chúng tôi vừa bắt đầu lo lắng - thì anh đến kịp, chửi thề bằng tiếng Italia và mang theo chiếc đàn đại hồ cầm".

"Tôi đang dùng sự khéo léo của mình theo hướng dẫn".

Lysander đã nhét một cái gối trên giường của ông Barth vào trong áo sơ mi của mình, cài nút áo choàng qua chiếc bụng phệ. Anh đội lên đầu chiếc mũ phớt cứng cổ điển của Barth và đục một vết lõm trên đó, Chiếc đàn đại hồ cầm to đùng trong chiếc hộp da lại nhẹ đến ngạc nhiên, cho dù hơi cồng kềnh. Anh nhốt Traudl trong phòng của Barth và bắt một chiếc taxi trên đường Mariahilfer Strasse đến nhà ga. Khi đến nơi anh mua vé đi Trieste (vé hạng ba) với rất nhiều những câu như "*Mi scusi*"*,

"*Attenzione*"* và "*Lasciami passare*"* vì con đường đến sân ga của anh rất nhộn nhịp. Người ta nhìn quanh, anh thấy những đứa trẻ đang mỉm cười và chỉ trỏ, cảnh sát liếc nhìn anh chằm chằm. Một phu khuân vác nhà ga giúp anh bê chiếc đàn đại hồ cầm lên toa tàu. Chẳng ai thèm nhìn một nghệ sĩ chơi đại hồ cầm người Italia béo ú mặc chiếc áo khoác ngắn đầy mỡ ấy. Anh tìm cho mình chỗ ngồi gần cửa sổ, bình tĩnh hết sức có thể và chờ đợi tiếng còi hú báo tàu sắp khởi hành.

"Thi thoảng phô trương lại là cách ngụy trang tốt nhất", Lysander nói.

"Và chúng tôi đã thấy... Chuyện gì với cây đàn đại hồ cầm thế?"

"Tôi bỏ nó lại trên tàu khi đổi tàu ở Graz. Cảm thấy chút ân hận vì chuyện đó".

"Munro và tôi rất ấn tượng. Chúng tôi đã cười bể bụng trước khi tôi kịp nhảy lên tàu đuổi theo anh".

"Anh có báo cáo chuyện tôi mất tích không?"

"Dĩ nhiên. Sau một tiếng nhưng họ đã biết trước rồi. Những kẻ đưa tin ở đại sứ quán đã đi trước chúng ta mấy bước. Tuy nhiên, chúng tôi đã tỏ ra phẫn nộ và biện hộ rất hợp lí. Rất kín kẽ".

Sau bữa sáng, Fyte-Miller mua cho mình một vé đến Ancona. Họ cùng đến bến cảng mới để tìm kiếm con đê chắn sóng nơi con tàu hơi nước chở thư neo đậu.

Fyfe-Miller bắt tay từ biệt Lysander dưới chân cầu tàu.

"Tạm biệt anh, Rief, Làm tốt lắm. Tôi chắc chắn anh đã đưa ra một quyết định sáng suốt".

"Tôi rất tiếc phải ra đi", Lysander nói. "Còn rất nhiều việc tôi chưa làm xong tại Vienna".

“Ồ, anh sẽ không thể quay lại được nữa đâu, điều đó là chắc chắn”, Fyfe-Miller nói thẳng thừng như thường lệ. “Bây giờ anh là kẻ đào tẩu của luật pháp Áo - Hung rồi”.

Ý nghĩ này đè nặng trong lòng anh. Một hồi còi cất lên từ phía ống khói con tàu hơi nước.

“Cả chúng tôi cũng thế”, Fyfe-Miller nói, miệng cười rộng ngoác. “Anh nợ Chính phủ Anh một khoản tiền kha khá đấy”.

Họ bắt tay nhau, Fyfe-Miller chúc anh thượng lộ bình an và Lysander bước lên con tàu chở hàng bẩn thỉu. Hơi nước bốc lên và người ta gỡ những sợi dây neo ra, ném lên boong và con tàu bé bỏng từ từ rời bến cảng Trieste sầm uất. Lysander đứng trên boong sau, tựa người vào hàng chấn song ngắm nhìn thành phố đang lùi xa dần, với một lâu đài trên đồi thấp, ngưỡng mộ vẻ đẹp lộng lẫy của đường bờ biển Dalmatia toàn đá. Anh nhận thấy tất cả đều tuyệt đẹp dưới ánh mặt trời mùa đông cảm thấy sự bình an u buồn xâm chiếm tâm can. Anh tự hỏi liệu mình có còn được nhìn thấy đất nước này một lần nữa, suy nghĩ thận trọng về chuyện của anh với thành phố ấy - Hettie và đứa con của họ - sẽ mãi mãi không còn cơ hội được toại nguyện.

PHẦN HAI

LONDON
1914

26

Ăn miếng trả miếng*

LYSANDER HẮNG GIỌNG, khịt mũi, xin lỗi mọi người và cầm kịch bản lên. Mùa hè, phấn hoa ở khu vườn bên ngoài bay vào khiến anh hắt hơi. Anh có thể thấy Gilda Butterfield ngồi đầu kia chiếc bàn dài đang đưa tay quạt lấy quạt để cái cổ ẩm ướt. *Tháng Sáu rực lửa,* đúng thật, anh nghĩ và tâm trí anh lập tức nhớ đến Blanche. Cô suy đoán hoàn toàn đúng - vở kịch là một thành công lâu dài và tuyệt đối. Hiện cô đang đi lưu diễn. Giờ cô ấy đang ở đâu nhỉ? Dublin hay là Edinburgh? Đúng rồi, anh thật sự phải cố gắng và...

"Bắt đầu khi sẵn sàng nhé, Lysander", Rutherford Davison nói. Lysander thấy mình vẫn mặc áo khoác trong khi mọi người đều đã cởi ra hết vì nóng. Anh chọn một đoạn kịch bản.

> "Em phải dâng hiến cơ thể ngọc ngà của em
> Đó là bổn phận, bằng không anh ta sẽ phải đau khổ...
> Em sẽ làm gì?"

Davison giơ tay lên.

"Tại sao cậu lại tưởng tượng hắn nói thế?"

"Vi hắn tức giận. Bị nhục dục chế ngự. Và hắn cay đắng". Lysander nói mà không thật sự suy nghĩ.

"Cay đắng à?"

“Hắn tuyệt vọng”.

“Hắn là một quý tộc có quyền lực thâu tóm toàn bộ Vienna”.

“Vienna cũng không thể chống lại sự cay đắng”.

Mọi người bật cười, Lysander thích trích dẫn dù anh không hề muốn pha trò và hoàn toàn do vô tình. Anh đã quên vở *Ăn miếng trả miếng* được diễn ở Vienna - vở kịch lạ lùng này nói về sự phóng đãng và tinh khiết, suy đồi và đức hạnh khiến anh khó chịu khi nghĩ về vụ lùm xùm ở đó. Không kịp nuốt lời và anh không thể lí giải nổi tại sao. Davison thậm chí còn không nhếch mép cười trước cuộc tấn công đột ngột và khinh suất của anh. Lysander chắc chắn anh ta muốn làm một kẻ thích gây sổ và khiêu khích, sau khi được bổ nhiệm làm giám đốc mới của nhà hát. Mới đêm qua, anh và Greville vừa thảo luận rằng cái xu hướng này thật mệt mỏi và thừa thãi làm sao.

“Chúng ta sẽ gặp nhau vào một ngày khác”, Davison nói, như thể cảm nhận được buổi chiều thứ Sáu ngột ngạt và khó chịu trong căn phòng này. “Nghỉ cuối tuần vui vẻ. Chúng ta sẽ bắt đầu tập vở *Nàng Julie* vào thứ Hai”.

Buổi diễn tập chấm dứt trong âm thanh hoan hỉ, hỗn độn và tiếng kéo ghế. Họ đang trong một sảnh của nhà thờ Thánh St John’s Wood - một không gian diễn tập lí tưởng với khu vườn nhỏ ở phía sau, rất tiện khi cần hít thở không khí trong lành. Đoàn kịch được biết đến với cái tên “Những Diễn viên Quốc tế” do chính Rutherford Davison sáng lập với nỗ lực - như anh nói - nhằm giới thiệu những vở kịch xuất sắc nhất đến với khán giả London đã no nê. Khi lấy áo choàng khỏi lưng ghế, Lysander phải thừa nhận đó đúng là một kế hoạch thông minh. Ý tưởng chỉ huy trình diễn kép một vở kịch có uy tín, được tôn trọng với một tác phẩm nước ngoài đầy thách thức. Mùa trước đã giới thiệu một vở của Galsworthy, *Chiếc Hộp*

Bạc cùng một vở của Sêkhôp, *Vườn Dâu*. Mùa này trình diễn vở *Ăn miếng trả miếng* cùng vở *Nàng Julie* của Strindberg. Có tên khác là *Fröken Julie* vì Davison khăng khăng cho rằng một cái tên nước ngoài sẽ thoát được lưỡi kéo kiểm duyệt. Rõ ràng vở này đã bị cấm diễn từ năm 1911. Davison có bản dịch mới từ đoàn kịch của Mỹ. Anh cho rằng cái tên bằng tiếng Thụy Điển có thể làm người ta quên đi tai tiếng dâm ô của nó, Lysander chưa đọc kịch bản vở *Nàng Julie* nhưng anh sẽ đọc vào dịp cuối tuần, nếu thời gian cho phép. Vai của anh là Jean, người hầu phòng. Đây là một thách thức vì anh cũng đảm nhận vai Angelo trong vở *Ăn miếng trả miếng*. Anh và Gilda Butterfield là những diễn viên nhiều kinh nghiệm nhất trong đoàn. Vì thế anh nghĩ mình có quyền mơ tưởng đến lúc hai vở được đón nhận nồng nhiệt, sự nghiệp và danh tiếng của anh sẽ bay cao. Anh nghĩ mọi thứ đều rất tốt nhưng nếu Davison còn tiếp tục khó chịu, sự nghiệp của anh sẽ không được suôn sẻ như anh tưởng.

"Có kế hoạch nào cho ngày cuối tuần chưa?"

Lysander quay lại nhìn Gilda Butterfield, chính là *Nàng Julie* - và Isabella trong *Ăn miếng trả miếng*. Họ sẽ phải bên nhau một thời gian dài ở đoàn kịch trong những tuần tới. Cô khá xinh đẹp với mái tóc xoăn vàng óng buộc nơ nhung đằng sau rất đúng kiểu người Scandinavi, anh nghĩ vậy. Mấy vết tàn nhang rõ nét ngang sống mũi và trên má nhưng cô không hề dùng phấn che đi - một phụ nữ trẻ ngực nở, hông to, khỏe mạnh, hoang dã. Anh dám nói rằng cô quan tâm đến mình. Anh tự hỏi công việc diễn xuất có mang lại cho anh sự lãng mạn nào không

"Tôi sẽ xuống vùng Sussex", anh đáp, lục tìm một bao thuốc và mời cô. Cô lấy một điếu, anh châm lửa giúp. "Chú tôi vừa quay về sau hai năm đi

thám hiểm châu Phi. Chúng tôi chào mừng ông ấy về nhà". Anh lấy một điếu cho mình, châm thuốc và họ cùng đi ra cửa.

"Ở vùng nào tại Sussex?" cô hỏi, đưa hai tay lên chỉnh lại cái nơ đằng sau, miệng vẫn ngậm thuốc - ngực cô phập phồng qua làn áo cánh xếp li. Trong một thoáng, anh nhận thấy mình vô tình ham muốn trước điệu bộ này. Nhưng tự nhắc mình chưa sẵn sàng cho một mối tình lăng nhăng khác. Chưa sẵn sàng sau chuyện với Hettie.

"Claverleigh", anh đáp, "Cô biết chỗ đó không? Một con đường nhỏ ngoài Lewes. Không xa Ripe lắm đâu".

"Anh trai tôi sống ở Hove", cô nói, hài lòng với cái nơ, thở hắt ra, tránh phả khói vào anh. "Có lẽ chúng ta sẽ xuống đó cùng lúc đấy, vào dịp nghỉ cuối tuần này,

"Sẽ rất thú vị". Thật ra, Lysander thấy chuyện này thật trơ trẽn. Cô ta đang khiến các nữ diễn viên mang tiếng xấu. Anh sẽ nói với Greville về chuyện này. Anh mở cửa cho cô và Rutherford Davison đi qua.

"Lysander này, tôi có thể nói nhanh một chuyện không?"

Lysander thấy mồ hôi đang chảy thành giọt xuống lưng - lẽ ra anh phải bắt xe buýt chứ không phải xe điện ngầm về nhà. Dĩ nhiên là trời nóng nhưng anh biết khi mình tức giận, mồ hôi sẽ còn ra nhiều hơn bình thường. Davison giữ anh lại suốt hai mươi phút chỉ để hỏi những câu cực kì ngu xuẩn về vai Angelo, trong khi những người khác đã về hết. Angelo là con một hay có anh chị em gì không? Nếu có thì bao nhiêu người và là trai hay gái? Anh cho rằng Angelo đang làm gì trước bài diễn văn lớn ở Hồi II? Anh ta có đi du lịch nhiều không? Anh ta có bất kì vấn đề sức khỏe gì cần phải che giấu không? Lysander cố gắng hết sức trả lời nghiêm túc các câu hỏi. Anh biết Davison đã đến Nga năm ngoái, gặp gỡ Stanislavsky và chịu

ảnh hưởng trước những lí thuyết mới đang thịnh hành về kịch và diễn xuất của ông ta. Và anh ta tin rằng tất cả những tư liệu và thông tin xa lạ mà ông ta nghĩ ra sẽ trau chuốt cho vai diễn và hỗ trợ cho kịch bản. Lysander rất muốn nói rằng, nếu Shakespeare muốn chúng ta biết Angelo đi du lịch nhiều nơi và bị bệnh trĩ hành hạ, hẳn ông ấy sẽ thêm một hai dòng vào vở kịch với ý đó. Nhưng vì muốn giữ các quan hệ tốt đẹp và bình yên, anh chỉ gật đầu và đáp vấn đề hay" hoặc "ý tưởng hấp dẫn" và "để tôi suy nghĩ thêm về chuyện đó". Angelo là một vai lớn và xét về mọi khía cạnh, khi đạo diễn đứng về phía mình sẽ tốt đẹp và dễ dàng hơn nhiều.

Trên sân khấu, Davison đã nói: "Có một quyển sách có thể cậu sẽ thấy hữu ích đối với vai Angelo - *Giải mã giấc mơ* của Sigmund Freud. Nghe bao giờ chưa?"

"Tôi đã gặp tác giả rồi", Lysander đáp. Câu này khiến anh ta câm miệng.

Anh mỉm cười nhớ lại hồi ức về buổi chiều hôm đó trong quán cà phê Landtmann. Davison đã nhìn anh với sự tôn trọng mới. Có lẽ rốt cuộc khó khăn đã được giải quyết.

Chuyến tàu điện ngầm tiến vào quảng trường Leicester, Lysander xuống tàu, giữ chặt chiếc mũ rơm trên đầu. Anh nghĩ mình có thể rẽ vào quán rượu nào đó làm một cốc bia pha chanh mát lạnh để giải khát - Cố gắng tránh cái nóng và sự khó chịu hiện thời. Anh đi lên từ phía nhà ga và hít thở bầu không khí - London trong tháng Sáu, một tháng Sáu nóng nực, mùi phân ngựa ngột ngạt.

Anh và Greville Varley thuê một căn hộ trên đường Chandos Place. Ở đây có một quán rượu anh thích, mang tên Hòa bình và Sung túc, nằm quanh góc phố William IV. Quán nhỏ, giản dị, mấy tấm ván sàn và ván ốp

tường sạch sẽ, không có giấy dán tường bằng vải nhung và thủy tinh khắc chữ lòe loẹt như nhiều quán khác ở London này. Thêm nữa Greville sẽ không vào quán vì chiều nay anh ấy có buổi diễn. Không không thể được, hôm nay là thứ Sáu. Buổi diễn vào chiều ngày mai cơ.

"Chào buổi chiều, anh Rief. Trời đủ nóng với anh chưa?"

"Ừ, cảm ơn, Molly. Nhưng ngày mai cô có thể khiến trời mát mẻ một tí không - tôi phải về vùng nông thôn".

"Một ít thì được, anh Rief ạ".

Molly là cô gái phục vụ ở quán rượu và là cháu gái của chủ nhà trọ, sinh trưởng ở Devon - hay là Somerset nhỉ? Một cô gái mặt tròn, đầy đặn khiến anh nhớ đến Traudl.

Traudl sốt sắng, hay đỏ mặt ở nhà nghỉ Kriwanek, Lysander mang cốc bia đến chỗ ngồi trong góc, suy nghĩ về cuộc đời của anh không lâu trước đây, những chi tiết và bố cục quen thuộc của cuộc đời ấy. Ai đó để quên tờ báo và Lysander cầm lên đọc các đề mục rồi ném sang một bên. Anh chẳng quan tâm gì đến Luật Nhà đất Ireland hay mối đe dọa của công nhân than bãi công. Anh tự hỏi một cách công kích, thế mày quan tâm đến cái gì hả. Cuộc sống của mày? Công việc của mày? Bạn bè mày? Gia đình mày?

Những câu hỏi hay. Anh nhấp ngụm bia, Phân tích sự điên cuồng và những vui thú của mình. Kể từ khi hấp tấp quay về từ Vienna, anh đã rời khỏi căn hộ và tìm nơi ở mới cùng Greville - một cách suôn sẻ. Anh giành được một vai trong một bộ phim dài ba cuộn kiếm được 50 bảng trong hai ngày làm việc - chẳng có gì để phàn nàn. Anh tham gia vô số buổi thử giọng và giành được vai diễn kép béo bở này với đoàn kịch Những Diễn

viên Quốc tế - chẳng việc gì phải tủi thân cả. À mà phải rồi, chính Blanche Blondel đã hủy bỏ hôn ước của họ.

Anh tựa người vào lưng ghế, bỏ mũ ra. Blanche.

Hóa ra lí do chính đáng đã phần nào khiến anh sợ hãi buổi gặp gỡ đầu tiên giữa hai người. Anh đã căng thẳng, líu cả lưỡi lại một cách kì quặc, ủ rũ và phẫn nộ.

“Anh có người khác ở Vienna rồi, đúng không?” Blanche nói sau năm phút.

“Không. Có, ừ thì... là có. Nhưng kết thúc rồi. Kết thúc hẳn rồi”.

“Là anh nói thôi - nhưng anh đang tạo ra ấn tượng tốt về một tên khờ buồn vì thất tình, mong chờ cô gái của mình đến héo hon”.

Cô tháo nhẫn ra trả lại anh. Họ đang ngồi trong một quán ăn rẻ tiền trên phố Strand, ăn tối sau sô diễn của cô.

“Em vẫn sẽ là bạn của anh, Lysander”, cô nói, rất hòa nhã. “Nhưng không phải là hôn thê của anh”. Cô vươn tay ra xiết chặt bàn tay anh. “Tự anh đã đánh mất nó, anh yêu. Và nếu vẫn còn yêu em, xin hãy cầu hôn lần nữa và hãy xem em sẽ nói gì”.

Lysander lên quầy bar gọi một cốc bia nữa. Mới bốn giờ chiều và anh đã uống hai cốc rồi. Anh nhìn Molly rót bia - hai lần kéo ở chỗ cái cần và kia rồi, lớp bọt ngay trên miệng cốc. Anh quẳng lên mấy đồng xu từ trong túi và cô xòe ra tiền lẻ vừa đủ trả lại. Những lọn tóc không tự nhiên trên thái dương của Molly ướt đẫm mồ hôi, dán chặt vào da thịt cô. Anh nghĩ mình nên kết hôn với Blanche, mặc xác tất cả mọi thứ về cô ấy đều hợp với anh,

“Greville? Có nhà không?” Lysander gọi, đóng cửa lại sau lưng. Không có lời đáp. Anh thả chùm chìa khóa vào trong một cái chậu trên chiếc bàn trong sảnh. Bà quản gia Tozer đã lau sạch và sắp xếp ngăn nắp mọi thứ. Mùi nước bóng bằng sáp ong bay vào mũi anh. Bà đã xếp lại đống thư từ thành hai chồng riêng biệt dành cho các “quý ông” của mình. Anh mơ hồ thấy ghen tị khi Greville nhận được nhiều thứ hơn anh. Căn hộ nằm trên tầng ba khu chung cư không dưới mười năm tuổi. Từ phòng ngủ của Greville chỉ thấy bức tượng Nelson đang đứng trên cột ở quảng trường Trafalgar. Có một phòng khách, hai phòng ngủ khá rộng, một nhà bếp có bồn rửa bát và một phòng tắm kiêm nhà vệ sinh. Phòng của người hầu gái được sửa sang thành phòng thay đồ chung với tủ quần áo rất rộng - cả anh và Greville đều có quá nhiều quần áo. Toàn bộ các đồ dùng anh bỏ lại nhà nghỉ mùa hè tại Vienna đều được Munro nhanh chóng chuyển đến London - như thể anh chưa bao giờ có mặt ở đó.

Lysander sắp xếp lại chồng thư của mình - hóa đơn, biên lai, bưu thiếp từ Dublin (“Ước gì anh ở đây, B”), một bức điện tín từ mẹ anh (“VUI LÒNG MUA CHO MẸ MẤY QUẢ TRỨNG CHIM CHOI CHOI Ở BẾN XE FORTNUM”). Miệng anh chợt khô khốc - một bức thư có tem của nước Áo, nét mặt nhìn nghiêng của Hoàng đế Franz-Josef*, được gửi đến cho anh từ căn hộ trước kia, dấu bưu điện hai tuần trước,

Anh bước ra phòng khách, rạch bì thư bằng một con dao rọc giấy. Anh biết trong bức thư này viết gì. Anh ngồi ở bàn trong một phút, không hiểu sao không dám thò tay vào lấy lá thư ra.

“Thôi nào”, anh tự thúc giục mình thành tiếng. “Đừng có thảm hại thế”.

Một tờ giấy. Kiểu chữ viết tay trẻ con, xấu xí của Hettie.

Lysander yêu dấu nhất của em,

Đúng là hạnh phúc tuyệt vời khi em viết thư cho anh báo rằng con trai chúng ta đã chào đời, Em đã bảo anh nó là con trai rồi đúng không? Nó chào thế giới này lúc 10 giờ 30 phút đêm ngày Mười hai tháng Sáu. Nó là một thằng bé mập mạp, nặng gần 4,1kg và có hai lá phổi khỏe lắm cơ. Em muốn đặt tên nó là Lysander - nhưng rõ ràng làm thế sẽ gây nghi ngờ - thế nên em quyết định thay vào đó là Lothar. Nếu anh nói Lysander - Lothar thật nhanh vài lần anh sẽ thấy hai cái tên ấy quyện vào nhau - hoặc em muốn tin như thế. Em nhớ anh nhiều lắm và từ tận đáy lòng em cảm ơn anh vì những gì anh đã làm, Vụ trốn thoát của anh trở thành vụ bê bối tại Vienna và đã được đăng lên mấy tờ báo, Cảnh sát bị xử phạt thẳng tay vì tội vô dụng và thiếu hiệu quả. Anh có thể hình dung những cảm xúc của em khi nghe nói anh đã ra đi và sẽ không có phiên tòa nào hết.

Anh có thể luôn biên thư cho em về quán cà phê Sergenfrei, Sterngasse, Wien. Nhưng em biết rằng trái tim anh lúc này vẫn đang chất chứa đầy oán hận đối với em, sau tất cả những gì em đã gây ra cho anh. Thay vì yêu mến em, anh hãy yêu thương đứa con bé bỏng của anh, Lothar. Em sẽ sớm gửi ảnh thằng bé cho anh.

Gửi anh tình yêu của cả hai mẹ con em,

Hettie và Lothar.

Anh nhắm mắt lại cảm thấy những dòng lệ ấm nóng chảy xuống hai má. Hettie và Lothar. Anh bật khóc như một đứa trẻ đến vài phút - như thằng bé Lothar - gục đầu xuống hai tay, nằm xoài trên chiếc bàn viết. Rồi anh đứng dậy, đến tủ đựng đồ uống rót cho mình một chút rượu brandy, chúc mừng Lothar Rief. Anh ước mong thằng bé sẽ sống lâu và khỏe

mạnh, rồi uống cạn. Anh nghe thấy tiếng chìa khóa tra vào ổ khóa, anh lau nước mắt nhưng vô ích. Greville bước vào và nói: “Chúa ơi, anh bạn, chuyện gì thế?”, Lysander lại khóc nấc lên,

27

Buổi tối Mùa hè

Lysander bắt một chiếc taxi từ ga Lewes đến Claverleigh Hall. Khi đi qua những cánh cổng vào công viên, qua một ngôi nhà cạnh cổng theo lối kiến trúc Elizabeth với những ống khói bằng gạch xoắn, anh thấy như mình đang trở về nhà. Sau cảm xúc ban đầu, anh lại nghi ngờ điều đó như anh vẫn hay làm. Suốt nửa cuộc đời, nơi đây đã là nhà của anh, điều đó đúng - nếu bạn định nghĩa "nhà" là nơi cha mẹ hiện tại của bạn đã sống. Anh vẫn giữ nguyên căn phòng cũ của mình trên chái bếp hinh chữ L, vốn được xây thêm khi ngôi nhà được mở rộng theo phong cách Ý gần cuối thế kỉ trước - mặt tiền được trát bằng vữa xtucô*, một cổng vòm Tuscan có bốn cột được bổ sung - nhưng sau sự ngộ nhận ban đầu ấy, trong anh lại xuất hiện cảm giác rằng phần nào đó anh chỉ là khách. Nơi đây vẫn luôn là lãnh thổ của nhà Faulkner - ngay cả đứa con riêng tên Rief của phu nhân, dù ở đây đã lâu cũng chỉ như một kẻ xâm phạm mà thôi.

Claverleigh Hall là một ngôi biệt thự có quy mô hạng trung gồm hai tầng, với các cửa sổ được trổ thêm trên mái nhà. Nét kiến trúc nổi bật duy nhất của nó là cầu thang chính - "quan trọng đấy" - uốn cong dẫn lên mái vòm Soaneian* bắt đầu từ sảnh vào. Và trên tầng một là phòng khách như một galery chạy suốt chiều dài ngôi nhà cùng chín khung cửa sổ cao. Galery này có hai lò sưởi và trần được xem là trang trí hơi quá tay, tất cả đều là những món đồ trang trí, các bức rèm trang trí và những chuỗi hoa văn thạch cao, những đường vân nổi, những bông hoa, trái cây và ma tit

được trám vào các góc trần. Dù sao đây cũng là một ngôi nhà tiện nghi. Gia đình Faulkner đã sống tại đây hơn một thế kỷ. Người đầu tiên mua nó là vị Nam tước thứ hai, bằng tất cả gia tài từ một vụ đầu tư thông minh vào các đồn điền mía tại Caribê.

Tay quản gia của ngài Faulkner, ông Marlowe, mở cửa mang hộ anh va li và dẫn anh vào phòng riêng.

“Mọi việc thế nào, ông Marlowe?”

“Rất tốt thưa cậu. Ngoại trừ việc ông Thiếu tá đã hủy cuộc gặp gỡ tối nay”.

“Tệ thật. Chuyện gì đã xảy ra thế?”

Ngài Thiếu tá Hamo Rief là ông chú ruột của anh - ông được nhận Huân chương Chữ thập Victoria, và là một nhà thám hiểm không nổi tiếng lắm.

“Ông ấy thấy hơi khó chịu”, Marlowe kể, nhưng cũng chẳng có gì nghiêm trọng đâu, chúng tôi đã được thông báo rồi”.

“Vậy chúng ta sẽ ăn tối với ai?”

Marlowe nói là chỉ trong gia đình thôi - ngài Faulkner và phụ nhân, ngài Hugh Faulkner (con trai riêng của Crickmay Faulkner), vợ anh ta, May, và hai cháu gái nhỏ. Những nhân vật quyền cao chức trọng địa phương mong ngóng được chào đón Thiếu tá Rief buộc phải đợi đến khi ông thấy khỏe trở lại. Lysander thấy nhẹ nhõm. Anh thích ông anh, con riêng của dượng mình. Một người cao ráo, vui tính, hói đầu ở tuổi bốn mươi, và có vẻ cũng là người chớp mắt hai lần nhiều như bất kì ai anh từng gặp. Anh ta nổi tiếng là nha sĩ xuất chúng nhất trên phố Harley. Lysander cho rằng nha khoa là một công việc lạ lùng đối với một người

mai này sẽ trở thành Nam tước Faulkner thứ sáu. Nhưng anh ta vẫn có một cuộc sống vương giả và với chức tước của mình, anh ta luôn được mời đến giải quyết những vấn đề răng miệng cho giới thượng lưu London. Vợ anh ta, May, là người vui tươi và tràn đầy nhựa sống. Hai cô con gái của họ, Emily 12 tuổi và Charlotte 10 tuổi đều rất đáng yêu và ngoan ngoãn.

Vậy là một bữa tối gia đình, Lysander nghĩ - thật tốt. Có lẽ ngày hôm sau anh sẽ đi bộ lên Winchelsea và ghé thăm ông Thiếu tá. Chặng đường dài đúng hai mươi dặm từ Claverlegh đến Winchelsea trên đường làng - mất một ngày đi bộ - nhưng Lysander nghĩ với tình trạng hiện giờ chẳng có gì tốt lành cả. Anh sẽ gửi một bức điện tín cho ông Thiếu tá báo rằng anh sẽ đến chơi.

Anh lấy hai tá trứng chim choi choi được gói cẩn thận ra khỏi va li đưa cho Marlowe.

“Tôi có thể tìm mẹ tôi ở đâu” anh hỏi.

“Phu nhân Faulkner đang ở trong khu vườn nhỏ có tường bao, thưa cậu”.

Lysander đẩy cánh cửa trong bức tường gạch cao dẫn vào khu vườn nhỏ hơn có tường bao quanh, thấy mẹ đang ngắt mạnh các bông thược dược. Bà mặc một chiếc áo che bụi bằng vải nhẹ, màu lục nhạt, gợn sóng ngoài chiếc áo dài, trên đầu là chiếc mũ rơm rộng được cố định bằng chiếc khăn lụa quàng cổ. Anh hôn lên má mẹ, ngửi thấy mùi nước hoa violet và hoa oải hương, một chút tinh thần của cha anh vẫn ám ảnh bà.

Mẹ cầm tay dẫn anh đến chiếc ghế gỗ dài ở góc phải bức tường rồi kéo anh ngồi xuống, chăm chú nhìn anh. Lần cuối cùng hai mẹ con gặp nhau đã vài tuần rồi. Lysander nghĩ trông mẹ vẫn rất khỏe, giản dị trong bộ đồ lao động. Đám tóc bạc màu xám rủ xuống quên cài, tung bay trong gió

nhẹ. Anh biết trong bữa tối, mẹ sẽ hoàn toàn khác, với gương mặt bự phấn, đôi môi tô son hồng, cao ráo và xinh đẹp. Mái tóc cuốn lên thành búi củ hành, chiếc áo chiết eo với khăn quàng vai rộng tôn lên dáng người đồng hồ cát mãi trẻ trung của mẹ. Vào những buổi tối mẹ mặc áo hở vai cổ sâu, vồng ngực tròn căng nửa kín nửa hở dưới lớp vải trong suốt. Vào những lúc này, Lysander luôn tự nhắc mình rằng mẹ từng là diễn viên xinh đẹp quyến rũ, và buổi đêm là cơ hội tỏa sáng duy nhất của mẹ, để được lén nhìn, để được khao khát.

"Trông con mệt mỏi đấy, con yêu", bà nói, những khớp ngón tay chạm vào má anh. "Mẹ cá là con làm việc mệt mỏi quá đỗi. Vở gì thế?"

"Hai vở mẹ ạ, đó là vấn đề. *Ăn miếng trả miếng* và một vở của Thụy Điển là *Nàng Julie*".

"Chẳng phải vở ấy cực kì phóng đãng hay sao? Tuyệt vời thật".

"Con vẫn chưa đọc kịch bản. Con có mang theo đây".

"Mẹ nhớ hồi cha con diễn vai Ibsen. Vở *Hedda Gabler*. Ai cũng thấy bối rối. Thế còn những người Scandinavi ấy thế nào?"

"Chúng con đang cố tạo nên một cơn sốt, con nghĩ vậy. Dù sao chuyện đó cũng thú vị". Anh dừng lại. "Mẹ à... Con nhận được những tin tức rất quan trọng."

Anh không hề nói cho mẹ biết lý do tại sao và làm thế nào anh phải rời khỏi Vienna - bà chỉ cho rằng anh đã kết thúc thời gian ở lại đó theo kế hoạch. Anh đã gợi ý về một vấn đề phức tạp, - yêu đương lăng nhăng - bà cũng biết anh và Blanche đã hủy bỏ hôn ước. Bà rất tiếc - bà rất quý Blanche.

"Mẹ biết về quan hệ của con với một phụ nữ khi con ở Vienna".

“Cô gái người Anh đó, cô Bull. Làm sao mẹ có thể quên được một cái tên như thế? Cái người đã khiến Blanche phải chịu đau khổ như vậy dù sao đi nữa mẹ đứng về phía Blanche”.

“Vâng. Con nhận được một lá thư của Bull, Cô ấy sinh con rồi”.

Mẹ nhìn anh. Đôi mắt bà mở to rồi hẹp lại.

“Cô ta không nói đó là của con đấy chứ”.

“Là của con. Không bàn cãi gì nữa. Nó là con trai, tên Lothar. Cháu nội đầu tiên của mẹ đấy.”

Mẹ anh đứng dậy, lấy một chiếc khăn tay từ tay áo và bước đi, anh nghĩ bà đang chấm những giọt lệ xúc động.

“Mẹ biết một thằng bé ở trường tên là Lothar”, bà nói, những lời nói vọng qua vai. “Lothar Hinz”. Bà kiềm chế bản thân và quay về chỗ ghế dài, ngồi xuống và cầm cả hai bàn tay anh. “Hãy cùng nói thẳng đi, con yêu, thành thật đấy. Hãy nhớ, mẹ là vợ một diễn viên vì thế không một ai có thể rộng rãi như mẹ đâu. Những vấn đề gì đang phủ bóng đen lên thời gian hạnh phúc tuyệt vời này vậy?”

“Đứa bé là của con nhưng con không biết khi nào và làm sao con có thể gặp được nó”.

“Một người đàn ông nữa à?”

“Vâng. Người chồng hợp pháp của Bull - theo cách nói thông thường. Một kẻ khó chịu, một họa sĩ tên là Udo Hoff”.

“Các họa sĩ luôn là những kẻ khó chịu. Nhưng ít nhất con cũng còn liên hệ với cô Bull. Tên Thánh của cô ta là gì?”

“Esther”.

“Nghe như cùng tôn giáo với mẹ. Cô ta có theo đạo gì không?”

“Không hề. Cô ấy thường được gọi với cái tên Hettie”.

“Hettie Bull. Chúng ta có một cô hầu gái ở đây cũng tên là Hettie”.

“Hettie Bull là một... người phi thường. Con hoàn toàn bị...” Lysander ngừng lại, “Cô ấy giúp con rất nhiều và con thà mất đầu còn hơn mất cô ấy. Cô ấy chế ngự con. Chúng con chế ngự lẫn nhau”.

“Thế thì phải rất say đắm nhỉ”,

“Rất say đắm”.

“Và Lothar bé bỏng là kết quả”.

Họ ngồi đó im lặng một lúc lâu.

“Con có ảnh của cô nàng Hettie Bull đó không?”

“Mẹ biết không con không có. Trong khi vội vàng con đã quên mất. Tất cả những gì con có là cái này”.

Lysander lấy ra lời vở nhạc kịch Andromeda và Perseus từ trong túi, trao cho bà.

“Đó là cô ấy, đứng làm mẫu cho vai Andromeda”.

“Rất táo bạo. Cô ta hoàn toàn khỏa thân. Mà cũng rất xinh đẹp. Cô ta có cao không?”

“Cô ấy bé bỏng lắm. Bé bỏng và mảnh mai - một cô gái trông như con trai. Sôi động”.

Lysander bất ngờ nghĩ đây là một dấu hiệu tốt, một biểu hiện nữa về sự thành công của phương thuốc thành Vienna anh dùng. Với phương thuốc này, anh đang thực sự nói chuyện với mẹ về tình dục. Bà vươn tay ra hất một số cành cây kế khỏi ve áo anh.

“Mẹ nghĩ con thích những cô gái cao ráo, như Blanche”.

“Con đã thích thế. Cho đến khi con gặp Hettie”.

Bà lại nhìn vào mặt bìa lời nhạc kịch lần nữa.

“Mẹ mượn cái này được không? Có vẻ nó thú vị đấy. Con có nghe nhạc không? Mẹ không biết người sáng tác”.

“Rõ ràng nó rất hiện đại. Nhưng con không nghe. Mẹ cứ cầm đi”.

“Lysander! Tại sao không ai nói cho chúng ta biết con ở đây nhỉ?”

Họ nhìn lên và thấy đang đi vào qua cánh cửa từ khu vườn lớn là bóng hình gầy gò, cao lêu nghêu của ngài Hugh Faulkner. Anh ta quay lại và hét về phía cánh cửa mở rộng:

“Mấy cô nhóc ơi! Chú Lysander ở đây này!”

Những tiếng kêu ré vui sướng vang lên sau câu thông báo. Và chỉ vài giây sau, Emily và Charlotte đã chạy như bay qua bãi cỏ về phía họ.

“Mẹ nghĩ chúng ta nên giữ kín chuyện này với những người khác trong nhà một thời gian”, mẹ anh nói, lặng lẽ. “Cẩn thận nào, mấy đứa, ngã bẩn hết quần áo bây giờ”.

Crickmay Faulkner mời Lysander một điếu xì gà.

“Mẹ con kể với ta rằng con đang diễn trong một vở gợi tình”.

“Con sẽ hút thuốc, cảm ơn dượng. Vâng, là một vở của Thụy Điển tên là *Nàng Julie*“.

“Ta đã từng thích âm nhạc của vở đó. Đêm diễn đầu tiên ta muốn có mấy cái vé, hàng ghế đầu tiên”. Crickmay mỉm cười, “Ta muốn mình được hư hỏng một lần trước khi chết”.

“Con cũng thế”, Hugh nói thêm, châm điếu xì gà. “Con cũng muốn được hư hỏng - nhưng trong người bố chỉ còn một vài năm tốt lành nữa thôi bố ạ”. Anh đưa cho Lysander chiếc bình thon cổ đựng rượu vang đỏ. “Vở này nói về cái gì?”

“Nói về một người đàn bà giàu có, xuất thân quyền quý đem lòng yêu một người hầu”.

“Tuyệt vời. Nhưng họ sẽ không cho em diễn nó đâu”.

Họ bật cười. Crickmay hút xì gà, ho hen và vỗ vỗ tay vào ngực.

“Đừng nói với mẹ nhé. Bà ấy sẽ giận ta mất”.

Mấy ngày nay trông ông đang già đi rõ rệt, Lysander nghĩ, khuôn mặt ông đang mất dần độ căng, có bọng mắt và hai má võng xuống. Hàng ria dày trắng xóa cần phải được cạo bớt.

Ba người đàn ông trong phòng mặc áo vest đen, hút thuốc và uống rượu, những người phụ nữ lui về phòng khách. Lysander rót đầy cốc của mình dù đã cảm thấy hơi chếnh choáng. Việc kể cho mẹ anh về Hettie và Lothar đã khuyến khích anh uống nhiều rượu hơn anh tưởng. Rượu brandy và soda trước bữa tối, quá nhiều rượu vang đỏ với thịt cừu nướng và giờ là rượu vang Porto. Tốt hơn hết nên dừng lại nếu anh còn muốn ngày mai đi bộ đến Winchelsea.

“Chúng ta đến chỗ các quý bà chứ?” Crickmay nói, cố nhấc mình lên một cách khó khăn và đi khập khiễng ra khỏi phòng.

“Mang theo rượu Porto, Lysander”, Hugh nói. “Em có nghĩ đến chuyện đi lễ ngày mai không? Nếu em không đi anh cũng không đi”. Lysander cầm bình rượu vang Porto lên.

“Không. Ngày mai em sẽ đi bộ đến Winchelsea thăm ông Thiếu tá xem thế nào”.

“Một ông già đáng kinh ngạc. Giờ ông ta đi đến đâu rồi nhỉ?”

Họ bước xuống hành lang rộng, tiến về phía phòng khách gia đình.

“Em nghĩ là ở đâu đó tại Tây Phi. Đang khám phá thượng lưu của sông Benue, lần cuối cùng em nghe nói là thế. Ông đã đi được hai năm”.

Họ quay vào phòng khách nơi May đang chơi piano, còn mẹ anh đang lục các tờ nhạc bướm tìm một bản nhạc. Đó là bữa tiệc trình diễn của mẹ, một sự tôn vinh quá khứ vinh quang của mẹ mà ai cũng say mê. Lysander đến đứng cạnh lò sưởi, ngưỡng mộ nhìn mẹ đứng trong đường cong hình cung nhọn của chiếc đàn dương cầm, một tay tựa lên giá nhạc, cằm ngẩng lên tự tin, sẵn sàng cất tiếng hát. Bên ngoài vẫn còn đèn đường - màu xanh thẫm của đêm hè ngắn ngủi chỉ mới bắt đầu phủ lên ánh sáng ngũ sắc cuối cùng của mặt trời. Lysander cảm thấy cuối sống lưng trĩu nặng và một cảm giác thanh bình chảy qua người... Anh có một đứa con trai - như thể tin tức mới chỉ vừa được ghi nhận. Con trai anh tên Lothar. Anh tự hỏi ngày nào sẽ mang nó đến Claverleigh Hall gặp gỡ bà nội của nó. Đó dường như là một giấc mơ không tưởng. Mẹ anh bắt đầu hát, giọng hát ngân vang ấm áp lấp đầy không gian.

> *“Arm und Nacken, weiss und lieblich,*
> *Schimmern in dem Mondenscheine...”*

Anh nhận ra nhạc của Brahms, một trong những nhạc sĩ anh yêu thích, *Buổi tối mùa Hè*. “Trắng trong và đáng yêu, hai cánh tay của nàng, cái cổ của nàng sáng le lói dưới ánh trăng”. Anh thấy cảm xúc dâng đầy trong

tâm hồn - đúng là một câu hát đơn giản. Lập tức anh nghĩ đến Hettie - mọi chuyện vẫn chưa kết thúc. Anh đứng thẳng dậy bước đến chỗ cửa sổ khi mẹ tiếp tục hát. Anh nhìn qua hình ảnh phản chiếu trong các tấm kính ra công viên đang buông tối phía xa. Mặt trời đã lặn xuống dưới đường chân trời, dù ánh sáng vẫn tỏa khắp làm bừng sáng bầu không khí xanh xám. Những cây chanh lá cam cổ, những cây sồi và cây đu trong khoảnh đất có hàng rào vây quanh dường như cô đặc lại, mất đi bản sắc riêng trở thành những tấm đá nguyên khối lộn xộn, mờ đục to đùng, khi ánh hồng còn lại cũng rời bỏ chúng. Không hiểu sao cảnh này lại đẹp hơn bàn tay sắp xếp đầy nghệ thuật của người thiết kế vườn hoa và tiểu cảnh. Chính ông ta là người mà một thế kỷ trước đã đặt những cây con nhẹ như lông tơ khắp nơi trên các triền đồi nhỏ, trên bờ hồ nhỏ và nhóm chúng lại trong các thung lũng dốc - để giờ đây tạo nên một cảnh quan nhân tạo gần như hoàn hảo mà anh dường như sẽ chẳng bao giờ thấy được những nơi khác.

28

Chuyến Đi bộ đến Winchelsea

Sáu giờ sáng Lysander dậy. Anh xuống bếp uống nhanh cốc trà, ăn hai khoanh bánh sandwich pho mát và dưa chua đã được chuẩn bị sẵn. Anh tìm thấy một chiếc quần dài nhung kẻ và mấy đôi giày ống leo núi trong tủ quần áo, một chiếc áo vest bằng vải lanh và một chiếc mũ Panama. Thế là anh đã sẵn sàng cho ngày hôm nay. Anh tính toán, sẽ là một chuyến đi dài hai mươi ba dặm đến Winchelsea, Đi thẳng qua miền quê cũng khoảng chừng đó. Đi theo các đường nhỏ và đường mòn qua các làng Herstmonceux và Battle. Sau đó lên đường cao tốc đi một đoạn ngắn xuống bờ biển Winchelsea.

Ngày hôm nay ấm áp nhưng Marlowe nói có thể sẽ mưa. Nên anh nhồi thêm một chiếc áo choàng không tay đi xe đạp vào trong ba lô, mấy cái bánh sandwich và bản thảo vở kịch *Nàng Julie*. Anh ra công viên tìm những con đường xe bò đầu tiên đưa anh đến phía đông làng Herstmonceux.

Anh đi khá nhanh trong cái mát mẻ của buổi sớm mai trên vùng đất thấp, nắm bắt những hình ảnh thoáng qua của mặt biển dát bạc bên phải. Cứ đến vùng đất cao hơn và những thung lũng trải dài mở rộng, anh đều có được tầm nhìn bao quát về phía nam. Bản thân anh tự cảm thấy thoải mái mỗi khi đi bộ có chủ đích, tâm trí không vướng bận vì mải tập trung vào quang cảnh xung quanh. Đi men theo các cây sồi và các bãi trồng cây sồi, đi trên những con đường làng trũng xuống hai bên là những cây trăn

và cây mận gai, lắng nghe tiếng cúc cu muộn hót lanh lảnh khúc nhạc hai nốt, nhìn xuống những trang trại nhỏ từ các con đường mòn trên núi. Anh băng qua các đường cao tốc càng nhanh càng tốt, háo hức muốn thoát khỏi dòng giao thông và tiếng ồn của thế kỉ mới.

Trên các cánh đồng, người ta đang bắt đầu cắt cỏ khi anh đi ngang qua. Những người nông dân cắt cỏ trên đồng, trong không khí có mùi cỏ mới cắt ngọt ngào, hăng hăng. Vào khoảng giữa buổi sáng, anh nhận ra mình hơi lạc hướng. Anh không nhìn thấy biển đã một tiếng rồi. Dù biết mình đang tiến về phía đông - xét theo vị trí mặt trời - nhưng đã vài dặm anh chưa thấy một cái bảng chỉ đường hay một biển báo nào của làng. Anh gặp một chiếc xe bốn ngựa đang leng keng đi lên một con đường làng, liền hỏi thằng bé con người đánh xe đi đầu xem đường nào đến làng Herstmonceux. Nó bảo anh đã đi quá làng rồi và phải quay lại. Nếu còn tiếp tục đi, anh sẽ đến nhà thờ của vùng. Có một biển chỉ đường sẽ cho anh biết phương hướng.

Anh dừng lại ở nhà thờ, cổ điển và vững chắc, tường ốp mặt bằng loại đá màu xanh xám, với một tháp tường có lỗ châu mai. Một nghĩa trang bị những cây tầm ma, cỏ dài và cây nga sâm che kín mất một nửa. Những cây táo uốn cong, xương xẩu bám bên sườn bức tường nghĩa trang. Tại đây, anh ăn miếng sandwich đầu tiên, pho mát và dưa chua khiến anh khát đến mức phải rảo bước đến những quán rượu ở Battle. Một cột mốc cổ ven đường cho biết còn hai dặm rưỡi nữa là đến. Anh sắp có một quãng thời gian vui vẻ - một cốc bia, một điếu thuốc và anh sẽ tiếp tục đi.

Ở Battle, anh tìm thấy một quán rượu yên tĩnh có tên Cối Xay Gió - trời chỉ vừa đúng trưa - không xa tu viện lắm. Anh mua một cốc bia đen sáu xu. Ngồi trên chiếc ghế dài cạnh cửa sổ, anh nhìn ba người nông dân

cắt cỏ mặc những chiếc áo khoác ngoài bẩn thỉu chơi cờ domino. Anh lấy kịch bản *Nàng Julie* ra khỏi ba lô, nghĩ rằng phải cố gắng học hết trước buổi tập thử đầu tiên vào chiều mai tại Nhà hát St John's Wood. Anh đọc một hai trang rồi đóng lại và nghĩ rằng August Strindberg không phải là một phần của thế giới này. Đối với Strindberg và quán Cối Xay Gió tại Battle, việc giới thiệu cả hai với nhau giống như một sự sỉ nhục.

Ngồi uống bia trong quán nhỏ này, giữa mùa hè tại Anh năm 1914, với sàn nhà lát đá mát lạnh, lắng nghe giọng nói rì rầm, tiếng những quân cờ domino đổ vào nhau, anh bất chợt cảm thấy một sự yên tĩnh xâm chiếm như một chứng tê liệt thần kinh - như thể thời gian đã ngưng lại và thế giới cũng đang đối chiếu. Đó là một xúc cảm lạ lùng - khi anh muốn mắc kẹt mãi mãi trong cái ngày cuối tháng Sáu năm 1914 này, giống một con ruồi hóa thạch - quá khứ cũng như tương lai chẳng còn liên quan gì nữa. Một sự cân bằng hoàn hảo; một tính ì có sức quyến rũ nhất.

Và rồi bỗng nó kết thúc, tâm trạng qua đi, như một chiếc xe tải ầm ầm đi qua, réo còi và thế giới lại bắt đầu cựa mình. Anh nhấc ba lô lên, chẳng buồn khoác lên vai rồi cầm cốc bia đã uống xong quay lại quầy bar. Khi rời Battle, anh bắt đầu thấy chóng mặt nhưng vẫn quyết định dấn bước, rẽ khỏi con đường Hastings nhộn nhịp càng nhanh càng tốt và đi theo một con đường xe bò. Một nhóm các nhân viên kiểm lâm - đang cắt mấy đoạn cây tống quán sủi - bảo anh rằng con đường này sẽ dẫn anh đi thẳng qua vùng quê đến Guestling Thorn. Tiếp theo anh phải đi dọc theo mép đường cao tốc với mật độ giao thông dày đặc khoảng vài dặm để đến Rye, Nhưng từ đó anh sẽ đi thẳng đến Winchelsea và gặp được viên Thiếu tá.

Anh nghĩ mình thích Winchelsea khi anh đi vào làng thả bộ xuống một trong số những con đường rộng đến ngôi nhà tranh của Hamo. Anh

nghĩ tất cả các con đường làng đều rộng thế này: ngôi làng ngập tràn ánh sáng, mở cửa chào đón ánh mặt trời tỏa nắng xuống theo chiều thẳng đứng. Ngôi nhà tranh bằng ván lá sách màu trắng của Hamo nằm trên rìa phía tây với một tầm nhìn đẹp ra vịnh Rye, cồn cát Camber và những phần mở rộng của đầm lầy Romney xa xa. Anh đưa tay lên gõ cửa.

29

Một Thằng bé Ngọt ngào

“Ồ. CHÚ NGHĨ LÀ CHÁU nên nhận thức được tình hình”, ông Thiếu tá nói. “Cháu biết một điều chú luôn nói, Lysander - Trong cuộc sống, trung thực là tất cả. Là nền tảng của mọi mối quan hệ. Nói thẳng nói thật và chú chắc là cháu sẽ đồng ý. Chỉ có từng trải mới nghiệm được ra cháu ạ”.

Thiếu tá đứng quay lưng về phía ngọn lửa nhỏ trong lò sưởi phòng khách. Ông đang mặc áo khoác ngoài hút thuốc màu nhung đỏ bằng vải chần bông đã cũ, đeo ca vát và đội chiếc mũ chỏm đính hạt màu trắng trên mái đầu hói. Trông ông gầy còm và phong sương, làn da vẫn đen sạm lại với những nếp nhăn hằn lõm vào một bên má, như thể ông đã nghiến răng lại suốt mấy tháng trời. Trên khuôn mặt ngăm đen, đôi mắt xanh nhợt nhạt, bối rối.

“Cháu hoàn toàn hiểu, chú Hano”, Lysander đáp. “Chú biết đấy. Chuyện này chẳng có vấn đề gì với cháu hết”.

Một thằng bé nhỏ tuổi người châu Phi bước vào phòng với một khay đựng chai whisky, một chai soda và hai cái ly.

“Cảm ơn, Femi”, ông Thiếu tá nói.

Thằng bé - khoảng chừng mười bảy, mười tám tuổi - mỉm cười, và đặt khay xuống.

“Femi - đây là cháu trai của ta, Lysander Rief”.

“Hân hạnh được gặp, thưa *ngòi*“, Femi nói và bắt tay Lysander. Cậu ta đang mặc bộ quần áo kaki vải thô và đeo cà vạt len màu đen. Thằng bé cao kều, trán cao. Một khuôn mặt châu Phi khá đẹp, Lysander nghĩ.

“Dĩ nhiên khi chúng ta đi mua sắm ở Rye sẽ có chút khuấy động, cháu có thể hình dung được”, Thiếu tá nói, cười toe toét. Nhưng chỉ cần nói là cháu đang đến thăm hoàng tử châu Phi, họ sẽ bình tĩnh lại nhanh thôi”.

Femi khẽ cúi đầu và quay vào trong bếp.

“Ta cùng đi xem cháu chuẩn bị bữa tối của chúng ta đến đâu rồi”, Hamo nói và đi theo Femi ra ngoài. Lysander đứng dậy đi vơ vẩn quanh phòng. Căn phòng chất đầy những món đồ tạo tác từ các chuyến đi của Hamo đến Tây và Trung Phi - đồ điêu khắc, đồ gốm, những ống điếu hình quả bí đặc và những tấm da động vật trên sàn nhà - bao gồm cả một bộ da thằn lằn phía trước lò sưởi. Trên tường là một cái hòm thủy tinh chứa đầy vũ khí - những chiếc rìu dùng trong nghi lễ và những con dao găm lưỡi dài, những mũi giáo chạm khắc công phu, khẩu súng săn voi nạp đạn bằng nòng của Hamo và khẩu súng trường Martini-Henri Mark II của ông trong cuộc Chiến tranh Nam Phi. “Khẩu súng trường chính xác nhất thế giới, chính xác đến một phần tư dặm”, có lần Hamo đã nói với anh. “Đạn chì mềm đủ tạo ra một đống hỗn độn kinh khủng”. Cạnh đó là một tấm vải len tuyết xoan màu gỗ mun được chạm khắc đủ các sinh vật hấp dẫn - những con yêu quái nhiều tay, nhiều chân có đôi tai khổng lồ và mấy con như thể là các động vật lưỡng tính khiến Lysander nhớ đến bức phù điêu của Bensimon. Anh nhận ra mình nhớ những buổi gặp với Bensimon.

Anh quay lại khi nghe tiếng Hamo vào phòng.

“Femi là hướng dẫn viên của chú trên sông Niger”, Hamon tiếp tục. “Nó đã cứu mạng chú ít nhất ba lần rồi”, ông còn nói thêm rồi trìu mến

nhìn về phía bếp. Nó là một thằng bé rất ngọt ngào. Tiếng Anh của nó giờ đang tiến bộ đáng kể đấy".

Ông rót cho Lysander một ly whisky pha soda nữa.

"Thế là cháu đã đi bộ suốt từ Claverleigh à? Lần tới chú sẽ phải qua đón cháu thôi".

Hamo Rief được trao tặng Huân chương Victoria năm 1901 trong thời gian diễn ra Chiến tranh Nam Phi. Khi bắt đầu bùng nổ kế hoạch bao vây thành phố Ladysmith, ông thấy một trung đội các kỵ sĩ của Boer bắt giữ hai đơn vị binh chủng pháo binh dã chiến. Một mình ông đẩy lùi một nhóm đột kích, lấy lại súng giết chết bốn tên và làm bị thương năm tên nhưng sau đó ông cũng bị thương ba lần. Được giải ngủ khỏi trung đoàn trong vinh dự do những chấn thương, ông nhận thấy sở thích du lịch khiến ông nhập ngũ ngay từ đầu vẫn còn nguyên. Thế là ngài Thiếu tá quyết định trở thành một nhà thám hiểm nghiệp dư, gia nhập Hiệp hội Địa lý Hoàng gia và năm 1907 ông tự tài trợ cho chuyến thám hiểm đến Tây Phi, Cố gắng băng qua lục địa từ sông Niger đến sông Nile. Thực ra ông chỉ mới đến được hồ Chad - nơi mắc bệnh sốt xuất huyết - phải ở lại mất vài tháng để hồi phục. Tận dụng thời gian ấy ông đi thu thập các mẫu vật và nghiên cứu nhân loại học về các bộ tộc thổ dân địa phương. Cuốn sách ông đã viết và được xuất bản, *Hồ châu Phi đã mất*, trở thành cuốn sách bán chạy đến ngạc nhiên, khiến ông đủ khả năng tài trợ cho chuyến thám hiểm cuối cùng và mới nhất này. Không phải khám phá những khúc thượng lưu của sông Benue như anh tưởng, mà là rất nhiều hòn đảo trong đường biên giới eo Bight của Benin.

Lysander rất mừng khi được gặp lại chú ruột sau quãng thời gian hai năm. Cho dù trong suốt tuổi thơ của anh, ông chỉ là một hình bóng xa mờ

- Hamo đã mất rất nhiều năm tham gia vào trung đoàn tại Ấn Độ - Tình yêu anh dành cho ông tăng lên khi anh biết nhiều hơn về ông sau khi cha mất. Anh vô cùng ngưỡng mộ lòng dũng cảm tuyệt đối, cuộc đời quân ngũ và xã hội của ông. Hamo chẳng hề giống với người anh trai - ông hói, tự nhiên đã gầy còm với mái đầu nhỏ - nhưng đối với Lysander, ông chính là mối liên kết máu mủ duy nhất còn lại với người cha đã khuất. Hamo luôn nói về cha anh mà không cần nhắc. Ông luôn nói đi nói lại rằng người duy nhất ông yêu quý thực sự chính là anh trai, Halifax.

"Halifax hoàn toàn thấu hiểu chú, cháu thấy đấy, ngay từ hồi còn nhỏ xíu". Hamon có lần thổ lộ với Lysander. "Khi chú nói với anh ấy - hồi ấy chắc chú mười bốn tuổi hoặc hơn rồi - rằng chú nghĩ mình không quan tâm đến các cô gái. Anh ấy đã nói kể cả Alexander Đại đế cũng vậy mà. Rồi anh ấy đọc cho chú nghe những bài thơ trữ tình ngắn của Shakespeare - và chú không bao giờ lo lắng về chuyện ấy nữa".

Hai người ăn tối với thịt cừu nguội và khoai tây luộc, Femi cùng ngồi ăn với họ. Rồi Hamo mang ra một nửa pho mát Stilton và một đĩa bánh bích quy cứng. Ông chắt thêm một chai rượu vang đỏ trước ngọn nến. Ông chỉ cho Femi cách giữ cổ chai để cặn không chảy vào trong bình thon.

"Chú xin lỗi phải hủy bữa tối *Chào mừng Về nhà* tại Claverleigh", ông nói. "Mấy ngày tới chú sẽ viết thư cho mẹ cháu để giải thích. Chú chỉ không thể đối mặt với nó - cháu hiểu không?"

"Cháu hoàn toàn hiểu".

"Đơn giản là chú không muốn gặp mặt thị trưởng vùng Lewes, vợ chồng ngài Humphrey Burmphrey rồi mấy người khác nữa. Và chú không nghĩ Femi trẻ tuổi đã sẵn sàng cho một thử thách gay go như thế".

“Nói thật là cháu không nghĩ Crickmay già nua phiền lòng đâu - mấy ngày nay dượng cháu dễ mệt mỏi lắm. Mẹ cháu cũng thoải mái thôi. Dượng và mẹ cháu cho rằng có thể chú thích đến - chú biết đấy, như kiểu mổ thịt một con cừu béo ngậy, rắc lên một chút sang trọng sau những tháng năm đói kém của chú ở châu Phi”.

Hamo rót thêm rượu.

“Chị ấy là một người phụ nữ nhạy cảm, đáng yêu. Chú rất trân trọng cử chỉ ấy. Thêm nữa chú còn phải đi giảng dạy ở London - chú sẽ mời tất cả mọi người đến đó”. Ông quay lại phía Femi và đặt tay lên cánh tay cậu. “Cháu có ổn không, chàng trai của ta?”

“Vâng, thưa *ngòi*. Rất tốt ạ”.

Hamo chuyển ánh mắt về phía Lysander.

“Vậy chuyện gì đang diễn ra trong thế giới nguy hiểm của nhà hát thế? Cháu có biết Ellen Terry đã từng có một ngôi nhà tranh ở đây, tại Winchelsea này không? Ăn ở như vợ chồng với Henry Irving. Bà ấy thường chạy chân trần trên bãi cỏ trong bộ đồ ngủ. Làng của chúng ta là một ngôi làng nhỏ rất khoan dung. Những con đường rộng rãi, những tư tưởng phóng khoáng”.

Femi đi ngủ khi đã dọn dẹp đĩa bát xong xuôi. Hamo và Lysander ngồi trước ngọn lửa nhỏ, hút thuốc và nói chuyện. Như Lysander đã hy vọng, cuộc đối thoại bắt đầu xoay quanh Halifax Riet.

“Đó là một nguồn tiếc nuối. Nó luôn luôn xảy ra, Chú nói chuyện với Femi mà không suy nghĩ - cậu phải gặp anh trai của ta, Halifax. Và rồi chú nhớ lại anh đã chết, đã đi xa, suốt bao năm nay. Chú vẫn nói - mình phải

nói chuyện này với anh Halifax. Rồi anh ấy sẽ cười như thế nào. Thật vô vọng".

"Chú thấy đấy, cháu còn quá nhỏ", Lysander nói. "Cháu chưa bao giờ ghi nhớ được vào đầu một hình ảnh đầy đủ về ông. Ông ấy chỉ là một "Người cha", chú biết không. Luôn vắng nhà lúc thì đến nhà hát lúc thì đi lưu diễn".

Hamo chỉ cái tẩu thuốc về phía Lysander. "Đồng bào của Femi ấy, họ tôn trọng các diễn viên lắm. Thực ra là mọi người dân châu Phi - họ đều là những diễn viên, vũ công, nhạc công và những ông bầu. Cháu phải thấy vài thằng trong số này ở bộ tộc của Femi mô phỏng các loài vật như thế nào - những con diệc bạch, con báo, Con khỉ. Không thể tin được. Chỉ cần mấy lớp thuốc màu, mấy sợi lông và một cái gậy. Và rồi một vài cử chỉ, cách họ chế ngự bản thân - phi thường. Phải nói rằng cháu sẽ nghĩ mình đang nhìn một con diệc sục mõm qua lớp nước đầm lầy, dùng mỏ mổ cá. Halifax chắc hẳn sẽ phải kinh ngạc".

"Vai diễn cuối cùng của ông mà chú xem là gì ạ?" Lysander đã biết câu trả lời nhưng anh vẫn muốn nhắc lại những hồi ức này.

"Đó là vai vua Lear. Đúng. Khoảng một tuần trước khi anh ấy mất. Lúc ấy chú đang nghỉ phép tại London sắp quay về Ấn Độ và trung đoàn. Một buổi diễn thực sự đáng sợ. Bố cháu ấy, đúng là một người khổng lồ. Nhưng trong vở kịch ấy, tận mắt chú thấy anh ấy như co mình lại thu nhỏ mình lại. Cháu còn nhớ lời thoại đó không ? "Hãy thổi đi, những ngọn gió và hãy tấp vào đôi má của em!"

"Cảnh bão tố!" Lysander dang rộng hai cánh tay và hùng hồn lớn tiếng. "Hãy nổi cơn thịnh nộ đi! Hãy nổi gió lên! Các ngươi, những cơn mưa lớn

và bão lớn hãy trút xuống đi, cho đến khi làm ướt sũng những tháp chuông của chúng ta, nhấn chìm đám chong chóng đi!"

"Chính xác! Ngoại trừ việc anh ấy hát câu đó bằng một giọng điềm tĩnh. Đứng nguyên tại chỗ, gần như không cử động không khoa trương. Sống lưng cháu phải run rẩy. Uống thêm một ly whisky nữa nhé, anh bạn già?"

"Cháu sẽ uống. Thực ra - cháu nhận được vài tin tức khá quan trọng. Và cháu muốn xin chú lời khuyên".

Thêm hai ly whisky nữa Lysander mới kể cho Hamo toàn bộ câu chuyện về Hettie, lời buộc tội hiếp dâm, việc anh bị bắt và chuyến đi ngắn từ Vienna đến Trieste. Và chuyện Lothar ra đời,

"Tên nó là gì? Nói lại coi".

"Lothar. Lothar Rief".

"Nhưng bây giờ đương nhiên cháu không thể quay lại Áo. Ngay cả cải trang cũng không được nhỉ?"

"Cháu không nghĩ mình có thể mạo hiểm được".

"Thế tại sao chú lại không đi thay cháu? Tìm cô gái này, Hettie, và kín đáo liên hệ. Chẳng ai nghi ngờ một lão già như chú".

"Chú sẽ đi chứ?"

"Như một phát đạn", Lysander có thể nhìn thấy luồng ánh sáng phấn khích trong đôi mắt xanh nhạt của ông. "Chú có thể đi tìm thằng bé. Xem thằng cha nghệ sĩ Hoff này trông như thế nào - giả vờ hỏi mua tranh. Xem bọn họ đang xoay xở như thế nào rồi báo lại cho cháu".

"Việc này có thể được.." Lysander bắt đầu tự suy nghĩ, xây dựng sự phấn khích của riêng anh. "Và cháu có một người bạn bên đó", anh nói

thêm, “Một viên đại úy lính kị binh châu Âu. Có thể sẽ giúp được chú”.

“Dĩ nhiên chú không nói tiếng nước ngoài được đâu”.

“Wolfram Rozman - ông ấy nói tiếng Anh chuẩn lắm”.

“Chúng ta sẽ lên một kế hoạch, Lysander, chúng ta sẽ tìm cách. Mang Lothar bé bỏng ấy về nơi thuộc về nó. Có thể chú sẽ bắt cóc nó...”. Ông lóe lên một trong những nụ cười mỉm hiếm hoi và nháy mắt với Lysander.

Sáng hôm sau, Lysander dậy sớm để kịp bắt chuyến tàu từ Rye quay về Claverleigh. Femi đang ở trong bếp mặc áo choàng bông có hoa văn sơ sài dài đến mắt cá chân, để chân trần. Bất chợt trông cậu ta rất giống một người châu Phi trong khu bếp của một ngôi nhà nhỏ, với ấm nước đang sôi, các bát đĩa xếp chồng trên giá làm bằng gỗ cho khô. Cậu bắt tay Lysander.

“*Ngòi* Thiếu tá nói rất nhiều, rất nhiều chuyện về *ngòi*”, Femi nói.

Lysander xúc động và rời khỏi ngôi nhà với một cảm nhận mới về mục đích sống. Lần đầu tiên kể từ khi biết Lothar ra đời, anh cảm thấy niềm hy vọng đang trỗi dậy. Một kế hoạch đang thành hình. Anh bắt một chiếc xe nhẹ một ngựa kéo đang đợi bên ngoài quán trọ Winchelsea, đúng 7 giờ 45 phút đến nhà ga Rye bắt chuyến tàu đi Brighton. Tàu dừng ở Hastings và Lewes, với đám nhân viên còn lại đi làm sáng thứ Hai. Những người đàn ông mang khuôn mặt trống rỗng trong các bộ vest xám, cổ cồn cứng và những chiếc mũ quả dưa, ngồi đọc báo, đếm ngược thời gian đến khi bắt một chuyến tàu khác về nhà. Lysander đứng lẫn trong số này, trong khác xa họ với chiếc quần dài kẻ nhung rộng thùng thình, chiếc mũ Panama, ba lô đeo một bên vai và suy nghĩ về kế hoạch của Hamo. Trái tim đang ca hát khiến anh mỉm cười một mình.

30

Lời Lăng mạ lố bịch đối với Thi sĩ

ĐẦU ÓC LYSANDER VẪN ĐANG quay cuồng. Anh đang trải qua sự kết hợp lạ lùng, giữa cảm giác mệt mỏi tinh thần nặng nề và niềm vui sướng tột độ nhờ adrenalin, xuất hiện mỗi khi rời sân khấu đêm đầu tiên - đặc biệt là khi diễn một vai quan trọng. Anh biết nó có thể kéo dài một tiếng hoặc hơn khi cảm thấy mi mắt rung rinh, ngày càng nặng trĩu xuống. Gilda đang nói gì đó nhưng anh không còn đủ sức lắng nghe. Đầu anh đang nghĩ về vai Angelo, lo lắng chuyện lắp bắp một câu thoại dài ở Hồi II. Chắc chắn Rutherford sẽ nói chuyện với anh vào sáng nay..

Chiếc taxi chạy lạo xạo trên con đường lát đá đánh thức anh dậy. Người Gilda lắc lư nên cô phải túm chặt cánh tay anh để ngồi cho vững

"Ôi, xin lỗi anh", cô nói. "Nhưng anh không nghĩ thế nhỉ?"

"Nghĩ gì cơ?"

"Anh không lắng nghe tôi, khó chịu lắm".

"Cô có nghĩ rằng tôi đã bỏ qua đoạn "Đây là lỗi của nàng hay của tôi? Kẻ quyến rũ hay người bị quyến rũ, ai có lỗi nhất?" Tôi nghĩ đoạn này đã quá vội vã rồi".

"Tôi không nghe được. Không, tôi đang nói là chúng ta có điên không?"

"Theo kiểu gì?"

"Đó là diễn cả *Nàng Julie* nữa. Đêm đầu tiên suốt trong hai tuần, tôi không thể tin được".

“Chỉ chín mươi phút thôi và không giải lao”.

“Tôi nghĩ vậy. Nhưng như thế rất căng thẳng - tôi nghĩ chúng ta sẽ kiệt sức mất. Chúng ta đã đảm nhận cái gì chứ?”

Phía sau xe tràn ngập mùi nước hoa của cô - mùi hoa huệ tây và cây quế giống như mùi bột, dai dẳng - “Matins de Paris” cô đã nói tên của nó khi anh hỏi. Anh đồng ý đợi cô sau buổi diễn, nhưng cũng phải mất đến bốn mươi phút trang điểm lộng lẫy. Bây giờ cô đang nhìn vào chiếc gương nhỏ, kiểm tra làn tóc, sáp môi - màu hồng nhạt. Hợp với cô.

“Chúng ta sẽ là những người cuối cùng tới đó”, Lysander nói.

“Thế thì chúng ta có thể bước ra sân khấu. Đêm nay là đêm của chúng ta”.

“Đừng để Rutherford nghe được đấy”.

Cô phá lên cười - tiếng cười chân thật, nghe nó trầm hơn và khàn hơn, không giống như tiếng cười giả dối với một kiểu âm rung khiêu gợi. Anh có thể dễ dàng phân biệt được vì giờ đây họ bên nhau suốt ngày để diễn tập hai vở *Ăn miếng trả miếng* và *Nàng Julie*. Anh cũng phân biệt được Gilda Butterfield thật sự với “Quý cô Gilda Butterfield” dưới lớp vỏ quý tộc giả tạo, khoe khoang, tinh nghịch và những điệu bộ màu mè khác, tiếng cười bị che lấp đi. Cô đang nói tiếp.

“Rutherford có hỏi tôi một câu về Nàng Julie mà tôi thật sự không biết phải nói sao”.

“À, đúng rồi, một trong những câu hỏi về “Cách thức diễn xuất” của anh ta”. Giờ thì anh tỉnh rồi - sự vui vẻ đã xua tan đi mệt nhọc. “Câu hỏi gì?”

“Anh ta hỏi cô nghĩ chuyện gì xảy ra khi Julie và Jean đi ra ngoài - ngay trước cảnh múa ba lê

“Và cô đã nói gì?”

“Tôi nói tôi giả định là họ đã hôn nhau”.

“Thôi nào, Gilda. Cô là người phụ nữ của thế giới”.

“Thế thì họ làm gì?”

Lysander quyết định chấp nhận rủi ro. Một điều gì đó ở Gilda khiến anh bạo dạn nói ra. Cô ấy là một diễn viên, vì Chúa. Anh hạ thấp giọng xuống.

“Tất nhiên là họ... sẽ làm tình”.

“Lysander! Nói toạc móng heo ra như thế à”. Tuy nhiên cô lại bật cười.

“Xin lỗi vì tính Anglo - Saxon của tôi. Nhưng điều đó rất rõ ràng. Cũng rất quan trọng nữa vì sau khi họ quay lại thì khán giả đã nhận ra điều ấy. Khi cả hai chúng ta cùng quay lại”.

“Bây giờ anh nghĩ như thế tôi hiểu anh muốn nói gì, đúng...”. Cô lại soi gương ngượng ngập, anh tự hỏi mình có đi quá xa không.

“Khi Jean và Julie quay lại sau cảnh múa ba lê, mọi thứ đã thay đổi”, anh nói, “Họ không chỉ vừa môi chạm môi và thủ thỉ với nhau ở vườn hồng đâu. Mà họ đã... Cô biết đấy, nồng nàn đến mức không thể cưỡng lại được...”. Anh ngừng lại. “Nó ảnh hưởng đến toàn bộ vở kịch. Đó là lý do tại sao cô tự sát.”

“Anh nói giống Rutherford quá”, cô đáp. “Hoặc là anh đã đọc quá nhiều tiểu thuyết của D. H. Lawrence*“.

Họ đi xuống phố Regent, tiến về phía quán cà phê Hoàng gia. Đêm nay thật ấm áp, không quá nhiều sương mù vào cuối tháng Bảy. Chiếc taxi dừng lại, Lysander trả tiền và cẩn thận đỡ Gilda xuống xe. Cô đang mặc một chiếc váy bó rất sát, khiến mỗi bước chân của cô như sít vào nhau, chiếc áo choàng lụa không tay đẩy những đường viền ren và ruy băng. Cô đeo một vòng ngọc trai trên cổ và đôi găng tay trắng dài tới nách. Mái tóc quăn màu vàng được buộc cố định dưới vô số các món đồ trang điểm. Anh đưa cho cô chiếc khăn choàng làm bằng the, cô choàng hờ nó quanh đôi vai trần.

“Trông cô đẹp lắm, Gilda”, anh nói. “Và đêm nay cô thật tuyệt vời, như Isabella vậy”, anh chân thành nói thêm.

“Dừng lại đi. Anh làm tôi khóc bây giờ”.

Anh chìa tay cho cô, họ vào quán qua những cánh cửa xoay, được đón tiếp bằng những tiếng cười, tiếng nói chuyện lảm nhảm và một làn khói mù mịt.

“Chúng tôi đến dự tiệc của Rutherford Davison”, Lysander nói với chủ quản,

“Trên gác, tầng một ạ”, người đàn ông trả lời, “Căn phòng nhỏ hơn trong số hai phòng riêng”.

Họ đi lên gác. Trên đầu cầu thang họ có thể nghe thấy tiếng nói cười rộn ràng của đoàn diễn văng ra từ cánh cửa mở rộng, khép hờ về bên trái như thể đang đón chào, đợi chờ họ. Có tiếng mở chai sâm banh và tiếng cụng ly. Gilda kéo mạnh khuỷu tay anh như muốn níu lại, cả hai đứng trong bóng tối của hành lang. Cô nhìn quanh, nắm lấy bàn tay anh và kéo anh theo. Khuôn mặt họ sát gần nhau.

“Chuyện gì thế?” Lysander hỏi.

Cô hôn thật đắm đuối lên môi anh, dựa cả thân mình vào anh. Anh cảm thấy lưỡi cô thúc đẩy, đu đưa và anh há miệng ra. Rồi cô bước lùi lại, chỉnh lại diềm áo choàng xếp nếp và chiếc khăn choàng bằng the. Lysander đưa khăn tay lên môi lau hết vết son của cô còn vương lại. Cô nhìn thẳng vào anh - một cái nhìn từ quý cô Gilda Butterfield thực sự.

“Tốt hơn chúng ta nên vào trong”, cô nói, “nếu không họ sẽ thắc mắc chuyện giữa hai người đấy”.

Cô lại khoác tay anh và họ cùng nhau đi vào. Mọi người đứng lên vỗ tay.

Lysander để người phục vụ rót thêm sâm banh khi cố lắng nghe Rutherford Davison nói, Anh thấy ngay Gilda bên kia phòng đang liếc mình liên tục. Anh cảm thấy điều gì đó như một tình huống khó xử. Để xem tối nay sẽ dẫn tới đâu. Một đêm của những bản năng hơn là lẽ phải, anh nhủ thầm.

“Không”, Rutherford nói. “Tôi nghĩ chúng ta sẽ diễn *Ăn miếng trả miếng* trong hai tuần. Ngay sau đó sẽ quảng cáo vở *Nàng Julie*. Tôi có cảm nhận mạnh mẽ rằng chúng ta sẽ bị đánh gục ngay khi xuất hiện những bài bình luận. Nên chúng ta phải có càng nhiều vở diễn càng tốt”.

“Nhưng anh bảo đã từng làm thế ở Birmingham trong năm nay, có tiền lệ rồi mà”.

“Tiền lệ cho một tác phẩm chán ngắt, kiểu cách và an toàn sao. Cứ chờ xem chúng ta làm điều đó như thế nào - những gì tôi đã lên kế hoạch”.

“Đoàn diễn của anh mà”.

Lysander ngày càng thấy thích Rutherford - có lẽ "thích" là một từ dùng sai - anh ngày càng tin tưởng vào trực giác và sự thông minh nhanh nhạy của anh ta. Về bản chất, anh ta không phải là người nhiệt tình hay cởi mở, nhưng anh ta luôn biết mình đang làm gì và kiên trì đi theo mục đích. Anh ta đã nói rằng *Ăn miếng trả miếng* và *Nàng Julie* là hai vở kép hoàn hảo. Cả hai vở đều có nội dung căn bản về tình dục, cho dù chúng được sáng tác cách nhau mấy thế kỷ. Nhất định những sự nhấn mạnh và ảnh hưởng ngầm hé lộ tối nay hẳn đã khiến khán giả mấy phen xì xào, Anh tự hỏi những lời phê bình ấy có thể là gì - bây giờ thì anh sắp được đọc. Rutherford bảo anh ta chỉ đọc các bài phê bình để tìm kiếm những "tính từ" và "trạng từ" - anh hy vọng đọc thấy những từ như "gây sốc" và "táo bạo" - thậm chí là "nhục nhã" cũng thấy hợp. Anh nói tất cả chúng ta đang ở đây để khuấy tung mọi thứ lên. Hãy cho họ thấy rằng Shakespeare cũng có rắc rối và trần tục như các thi sĩ. Con Thiên nga vùng Avon này đã lội qua cống.

Lysander đứng dậy đi lang thang quanh phòng. Anh ăn hai chiếc bánh dùng chung với thức uống nói chuyện với những diễn viên khác và bạn bè của họ. Anh thấy Gilda đang đi theo hướng ngược chiều. Đã quá nửa đêm. Anh quay về quầy bar gọi một ly brandy và soda.

"Vui lòng châm thuốc cho em được không, quý ngài tốt bụng?" Trọng âm vùng Cockney. Lysander quay lại.

Gilda đứng đó, tay đang chìa ra một điếu từ bao thuốc lá Jet. Anh lấy bật lửa ra châm thuốc cho cô, hơi chếnh choáng say. Cô rít một hơi, đếm số điếu thuốc còn lại trong bao rồi nhả khói từ một bên khóe miệng. Cô hạ giọng đến mức gần như thì thầm, ép sát môi cô gần tai anh. Anh cảm thấy hơi thở ấm áp phả lên cổ mình. Nổi da gà.

“Lysander thân mến, đơn thuần chỉ vì vở kịch thôi, anh nghĩ chúng ta có nên luyện tập màn ái ân trong vở *Nàng Julie* không?”

“Miễn là vì lợi ích của vở kịch. Sao lại không thể chứ?”

“Chẳng sao đâu. Ngay cả Rutherford cũng ủng hộ nữa mà”.

“Vậy thì anh nghĩ đó là một ý tưởng tuyệt vời. Chỗ của anh không xa đây lắm. Tối nay anh ở một mình. Chúng ta có thể tập mà chẳng bị ai quấy rầy”. Greville đang lưu diễn ở Manchester với vở *Nance Oldfield* cùng Virginia Farringford.

Kẻ quyến rũ hay kẻ bị quyến rũ, ai là người có lỗi nhất? Anh tự hỏi, thấy anh chính là người bị quyến rũ. Anh nhìn thẳng vào mắt cô - cô không chùn bước.

“Vậy sao anh còn không đi xuống nhà”, Gilda nói, mỉm cười. “Gọi taxi đi và em sẽ xuống trong năm phút”.

Cô gửi anh một nụ hôn gió, môi chum lại và lướt nhẹ về phía anh. Lysander cảm thấy một sức ép không thở nổi dâng lên ngực, chợt thấy nóng bỏng trên cổ và hai tai, dấu hiệu cho thấy anh đang phấn khích. Có thể đây là một ý tưởng rất, rất tồi tệ anh chắc chắn sẽ tự nguyền rủa mình trong thời gian còn lại của đêm nay. Nhưng đây là lần đầu tiên kể từ khi xa Vienna và Hettie anh mới cảm thấy thích thú muốn gần gũi một người phụ nữ - chính xác là cảm thấy muốn được gần gũi Gilda Butterfield.

Anh tạm biệt mọi người và xuống nhà. Chủ quán sai người phục vụ gọi taxi. Anh đứng đó chờ đợi, ậm ừ bài hát - *Cô em Sầu muộn của tôi* - lòng đầy tâm sự chờ đợi háo hức. Anh biết tối nay là một bài kiểm tra nữa về phương thuốc của Bensimon. Mọi chuyện dễ dàng với Hettie, nhưng không phải ai cũng như cô ấy. Bỗng anh thấy có người nào đó quen quen

đang lấy lại mũ và áo khoác của ông ta từ phòng gửi hành lý. Bốn mắt nhìn nhau, ngay lập tức họ nhận ra nhau. Alwyn Munro thong dong đi bộ về phía anh,

"Lysander Rief, kẻ đào tẩu vĩ đại, chừng nào tôi còn sống và còn thở".

Họ bắt tay nhau. Vì một lý do nào đó Lysander rất vui mừng gặp lại Munro.

"Ăn mừng hả?" Munro nói, chỉ vào bộ áo vest ăn tối và hàng khuyết áo của Lysander.

"Đêm đầu tiên vở *Ăn miếng trả miếng*".

"Chúc mừng cậu. Nói chuyện với cậu thế này thôi tôi cũng đủ vui rồi", Munro nói kèm theo cái nhìn sắc sảo. "Giờ cậu đang sống ở đâu? Tôi có một thứ muốn chuyển cho cậu".

Lysander cho ông địa chỉ ở Chandos Place.

"Ông vẫn ở Vienna à?" Lysander hỏi.

"Không, không. Bây giờ gần như tất cả chúng tôi đã có chỗ hết rồi. Giờ có vẻ như không thể tránh khỏi chiến tranh".

"Chiến tranh ư? Tôi cứ tưởng mới chỉ là đe dọa binh đao suông giữa Áo và Séc thôi chứ, ông biết mà".

"Những người Nga, người Đức và người Pháp cũng đang đe dọa đấy. Rồi vài ngày tới sẽ là chúng ta thôi. Cậu cứ đợi mà xem".

Lysander cảm thấy mình là thằng ngốc. "Tôi quá bận rộn với những buổi diễn tập", anh nói lí nhí.

"Mọi thứ đang diễn ra nhanh đến mức không thể tin nổi", Munro đáp. "Ngay cả tôi cũng theo không kịp được".

“Xe đến rồi, thưa ngài”, người phục vụ nói và Lysander lục tìm trong túi tiền boa cho anh ta. Bằng khóe mắt, anh nhận thấy Gilda đang bước xuống cầu thang. Tốt hơn anh nên nhảy vào trong xe thật nhanh - nếu ai thấy họ đi bên nhau sẽ chẳng hay ho gì.

“Chắc tôi phải lao đi rồi”, anh nói với Munro, vỗ vào khuỷu tay ông vẻ xin lỗi. “Chúc ông may mắn với cuộc chiến của mình”.

Cơ thể Gilda thật sự khác thường, Lysander nghĩ. Không hề giống với bất kì cơ thể nào anh đã biết trong cả đời mình, dù anh không phải là chuyên gia về mặt này. Nhưng có vẻ với anh, Gilda gần như là một chủng loại phụ nữ khác. Sắc da cô nhợt nhạt đến khó tin với những nốt tàn nhang lan rộng trên bầu ngực và giữa cặp vú nhỏ, chĩa lên trên. Hai núm vú màu hồng nhạt gần như vô hình. Phủ kín lưng, hai vai và ở nhiều nơi trên xương sườn, trên hai cẳng tay, trên hông là những nốt ruồi phẳng rất nhỏ, trông như những vết sơn màu nâu bắn lên. Anh cho rằng màu da này đúng là một thất bại, Mấy vết tàn nhang trông như các hình xăm bé tí đã phai nhạt. Khi cô bắt đầu cởi đồ, anh tự hỏi sao lại bị kích thích với sắc da tái nhợt mờ mờ của cô. Nhưng anh lại thấy sự trắng trẻo và thuật trang điểm chấm màu nâu nhạt của cô rất quyến rũ.

Anh khăng khăng đòi đeo bao nên cô cũng khăng khăng đòi đeo nó. Việc này biến phần còn lại của đêm trở thành một trò tiêu khiển vui vẻ - “Cái găng tay một ngón ấy hợp dấy, thưa ngài”, cô nói bằng trọng âm vùng Cockney, và họ tiếp tục đùa cợt nhau.

“Anh yêu những dấu ấn của em”, Lysander nói khi cô nồng nhiệt đón nhận anh. “Em như một quả chuối nằm quá lâu trên đĩa quả đấy, biết không - một dạng sinh vật biển ấy”.

“Cảm ơn nhiều. Em thì không thích”.

“Anh cảm thấy mình nên nhâm nhi em, giống như uống trà vậy”.

“Ha ha ha. Em đang nghĩ đến chuyện tẩy chúng đi”.

“Làm sao em dám. Em là độc nhất. Như một quả trứng chim cút nhỏ xinh”.

“Lời khen ngợi mới đáng yêu làm sao. Sinh vật biển rồi lại trứng chim cút. Đúng là kẻ thích đùa, ngài Rief, ôi ôi...”.

Cực khoái rồi cũng đến - với sự sung sướng đến căng thẳng của anh - nhưng họ không làm lại lần thứ hai. Họ thừa nhận đã quá muộn và cả hai đều đã thấm mệt với đêm đầu tiên và bữa tiệc. Có thể làm chuyện đó vào sáng mai.

Và bây giờ khi anh mặc quần áo thì cô đang ngủ trong tấm chăn nhàu nát, một vùng hông dài trắng lộ ra với tam giác vàng tiêu chuẩn... Nàng Julie... Phải, phải rồi, Anh thắt nút ca vát trên cổ và mặc áo vest. Anh không uống sữa, trà hay cà phê, không ăn bánh mì, đường hay bơ trong phòng - mà chỉ ăn một chút mứt cam. Anh nghĩ mình sẽ chạy ra ngoài mua vài thứ. Họ có thể ăn sáng trên giường và xem cái gì đã dẫn họ đến đây. Rutherford không muốn họ quay lại nhà hát cho đến chiều.

Anh giẫm lên đống quần áo bề bộn - váy, áo cánh, sơ mi, nịt ngực, áo lót ngoài, quần lót chẽn gối, tất da và giày - lặng lẽ ra khỏi phòng. Anh chạy nước kiệu xuống cầu thang trong tâm trạng vui vẻ. Anh nghĩ rốt cuộc bắt đầu một cuộc tình ngắn ngủi với Gilda cũng không phải một thảm họa. Có thể khiến Blanche ghen tị nếu người ta xì xào về chuyện này.

Anh bước lên phố Chandos Place rồi đến Covent Garden. Đó sẽ là con đường nhanh nhất - để mua cho cô ấy một bó hoa hồng.

Jack Fyfe-Miller trong bộ đồng phục hải quân đang qua đường và tiến về phía anh.

“Rief: Chào buổi sáng! Tôi vừa định bỏ cái này vào hòm thư của anh. Munro muốn anh nhận nó càng sớm càng tốt”. Anh ta trao cho anh một phong bì cứng màu nâu.

“Cái gì đây?”

“Một sự ngạc nhiên... Trông anh đang rất ổn đấy. Vở kịch của anh đã nhận một bài phê bình rất tồi tệ trên tờ Mail sáng nay. “Gây sốc”, họ viết vậy. Một sự sỉ nhục lố bịch đối với thi sĩ”.

“Chúng tôi lại đang hy vọng điều này”.

Fyfe-Miller có vẻ chăm chú nhìn anh.

“Mọi thứ ổn cả chứ?” Lysander hỏi.

“Tôi chỉ đang nghĩ - Lần cuối gặp anh trên bến cảng tại Trieste, không hiểu làm sao mà tôi biết chúng ta sẽ gặp lại nhau”.

“Và giờ chúng ta đã gặp nhau. Gặp cả anh và Munro trong chưa đầy mười hai tiếng. Đúng là trùng hợp, phải không?”

“Thế sao?”

“Anh đang hưởng thụ cuộc đời vẫy vùng trên sóng biển lần nữa à?”

” Không không. Các hạm đội Anh nhận được lệnh phải quay về các căn cứ chiến đấu. Tôi được điều xuống Portsmouth”.

“Các căn cứ chiến đấu? Thật không? Thế nghĩa là...”.

“Đúng. Có vẻ khá nghiêm trọng đấy”. Anh mỉm cười chào tôi. “Không nghi ngờ gì nữa, hẹn sớm gặp lại anh”, anh nói rồi quay lưng đi về phía quảng trường Trafalgar.

Lysander bỏ phong bì vào túi và ba chân bốn cẳng đến Covent Garden mua sắm. Anh không muốn Gilda thức dậy trước khi anh về.

31

Những cuộc điều tra Tự thuật

TÔI KHÔNG THỂ TIN VÀO THỨ nằm trong phong bì FyfeMiller trao cho tôi. Tôi mở nó sau khi Gilda đã đi khỏi (khoảng mười giờ - cực khoái lần thứ hai, rất thỏa mãn) và thấy một hóa đơn chính thức từ văn phòng Chiến tranh, nêu chi tiết khoản tiền tôi nợ Chính phủ Anh 10.000 curon tiền bảo lãnh mất hiệu lực tức là 475 bảng. Các lệ phí và chi phí pháp lí cho Feuerstein, tổng cộng là 350 bảng, đắt cắt cổ. Cộng thêm chi phí ăn uống và giặt ước tính là 35 bảng, cũng vô lí không kém. Tôi phát hiện ra họ không tính tiền thuê ngôi nhà nghỉ mùa hè và thấy biết ơn. Tổng cộng tất cả: 860 bảng. Tôi phá lên cười. “Chuyển tiền trọn gói, vui lòng được tiếp tục phục vụ bạn càng sớm càng tốt”. Tôi đang kiếm được 8 bảng 10 siling một tuần ở đoàn kịch. Tiền tiết kiệm của tôi rõ ràng đã hết sạch và thời gian ở lại Vienna quá dài. Tôi còn nợ mẹ 100 bảng nữa. Các chi phí sinh hoạt hàng ngày của tôi (tiền thuê nhà, quần áo, ăn uống vv...) là rất đáng kể. Tính sơ tôi cho rằng nếu có thể tiếp tục làm việc năm mươi hai tuần trong năm (với tư cách là một diễn viên có thể làm được chuyện này) thì tôi có thể trả xong khoản nợ này trong năm năm - đến năm 1919. Cộng thêm cả lãi suất nữa tức là thêm 5 phần trăm mỗi năm. Tôi xé nát tờ hóa đơn.

Tôi biết ơn Munro và Fyfe-Miller sâu sắc - họ chính là cái phao cần thiết để tôi trốn khỏi Vienna, Tuy nhiên, nhìn nhận theo một khía cạnh thành kiến - như tôi thừa nhận - toàn bộ âm mưu này như một mánh

khóe kiếm tiền thông minh đối với Văn phòng Ngoại giao. Tôi có thể phải mất gần cả một đời để trả món nợ này.

Buổi diễn tập vở *Nàng Julie* sáng nay, tôi phải nói là chẳng gặp vấn đề gì khi học thuộc lời thoại cả, không như Gilda. Tôi nhận thấy hai cách diễn đạt - của Shakespeare và Strindberg - bản năng đến lí tưởng, những lời thoại có vẻ xâm chiếm đến những phần kín đáo nhất trong não bộ của tôi. Với Gilda thì không như thế. Cô ta vẫn đang đọc lại kịch bản khiến Rutherford rất tức giận. Sự mệt mỏi của anh ta khiến cô suýt khóc. Tôi an ủi cô ấy và chúng tôi hôn nhau - cố gắng hôn càng nhiều càng tốt như chúng tôi đã làm từ cái đêm đầu tiên (và buổi sáng) sau bữa tiệc. Dù là thế đi nữa cô ấy dường như vẫn hơi lạnh lùng, như thể hối tiếc vì đã trao thân cho tôi. Cô ấy cực kì thân thiện nhưng có vẻ luôn bận rộn sau buổi diễn. Mẹ ốm, những người bạn trong thành phố - lần nào cũng có lý do chính đáng.

Rutherford muốn chúng tôi vào lại sau cảnh múa ba lê với quần áo xộc xệch, những cọng rơm vướng trên tóc. Anh thực sự đề nghị tôi ra sân khấu áo không cài cúc. Gilda cãi lại rằng phải đoan trang hơn nữa nhưng tôi có thể thấy Rutherford cứng rắn đến thế nào phía trước sẽ là những trận chiến. Anh ta quyết tâm cấm đoán chúng tôi suốt hai mươi tư tiếng.

Giấc mơ lạ lùng về Hettie. Tôi đang vẽ cô ấy - khỏa thân - trong kho thóc. Có tiếng đập sầm sầm lên cửa và cả hai đứa nằm co rúm lại, nghĩ rằng đó sẽ là Hoff. Nhưng thay vào đó, cha tôi bước vào.

Tôi nghe lỏm được cuộc đối thoại này ở nhà ga Leicester Square Tube khi đợi tàu. Mẩu đối thoại giữa hai người phụ nữ (tầng lớp lao động nghèo), một người khoảng ba mươi tuổi, người kia trẻ hơn, trên dưới mười sáu tuổi.

NGƯỜI ĐÀN BÀ: Ta thấy con bé đó trên Haymarket, rồi lại thấy Burlington Arcade.

CÔ BÉ: Chị ấy bảo là mình đang làm nghề đan mũ ở Mayfair.

NGƯỜI ĐÀN BÀ: Không phải đan mũ đâu, nó vẽ lên thế thôi.

CÔ BÉ: Chị ấy bảo cháu là thấy buồn. Thế nên chị ấy mới uống rượu.

NGƯỜI ĐÀN BÀ: Ta cũng buồn. Tất cả chúng ta đều buồn - nhưng ta không thể sống như thế được.

CÔ BÉ: Chị ấy bảo chị ấy đã có thể làm hầu gái lương năm bảng một năm, bao ăn hết. Bây giờ chị ấy kiếm được năm bảng một tuần.

NGƯỜI ĐÀN BÀ: Rồi đời nó cũng sẽ kết thúc trong xóm nghèo thôi. Ta dám đảm bảo bằng cả đời ta đấy. Bán ta đổi lấy ba penni, đủ cho một chiếc giày đen.

CÔ BÉ: Chị ấy tốt lắm, Lizzie.

NGƯỜI ĐÀN BÀ: Cái con ấy thì ba phần say một phần điên.

Có lẽ là một chủ đề đối với ngài Strindberg, nếu ông vẫn còn sống cạnh chúng ta. Dòng sông tình dục chảy mạnh mẽ ở London, cũng như ở Vienna.

Ngày mùng 05 tháng Tám. Chiến tranh với Đức chính thức được tuyên bố vào lúc 11 giờ đêm qua, Greville nói khi anh vào nhà. Sáng nay tôi ra ngoài mua bán nhưng bảo đã bán hết. Tối hôm nay chỉ có chưa đầy hai mươi người trong thính phòng nhưng đoàn vẫn trình diễn vở kịch một cách say mê như không có chuyện gì. Rutherford rất thất vọng - nói rằng đoàn sẽ buộc phải đóng cửa vào cuối tuần. Và thế giới sẽ phủ nhận Lysander Rief và Gilda Butterfield trong vở *Nàng Julie* của Strindberg vào tháng Tám. Gilda rất giận dữ. Tôi nói quân Đức đã tiến vào Bỉ và tấn công

Liege, một thực tế khiến cho những vấn đề kịch nghệ và những hối tiếc của chúng tôi trở nên quá nhỏ nhoi, “Không phải vấn đề với em”, cô dữ dội nói. Trong một giây, tôi tưởng cô sẽ tát thẳng vào mặt tôi.

Ngày 07 tháng Tám. Tôi đọc báo viết rằng tàu tuần dương hạng nhẹ HMS *Amphion* đã bị chìm do trúng mìn ngoài khơi Yarmouth. Vì một lý do kỳ quặc nào đó, tôi tự hỏi chiếc *Amphion* có phải là tàu của Fyfe-Miller không - ý nghĩ ấy bất ngờ khiến chiến tranh trở nên sống động trước mắt tôi theo một cách mà những đề mục ấn tượng không làm được. Nó được cá nhân hóa với hình ảnh tưởng tượng Fyfe-Miller chết đuối trên biển ngoài khơi Yarmouth. Nó làm tôi thấy ớn lạnh và khiếp sợ.

Tôi được mời đến đánh giá bộ vest mới tại hiệu may vào ngày hôm qua. Tôi nói với Jobling rằng tôi rất thích một chiếc áo bành tô “may nối eo”. “Rất Mỹ, thưa ngài”, ông ta khen, như thể đó là kết cục của vấn đề. Tôi bảo may nối eo sẽ tôn dáng tôi lên. Tiếp theo ngài sẽ thích những cái túi nghiêng”, Jobling đáp với một tiếng cười thầm. Ý tưởng không tồi, tôi đáp. “Cha ngài hẳn sẽ đội mồ sống dậy, thưa ngài”, ông nói và tiếp tục huyên thuyên về những cái cổ tay áo và những chiếc cổ kép của Grosvenor. Và thế là xong. Hồn ma của cha tôi vẫn đang quyết định tôi có thể mặc cái gì

Một lá thư của Hettie đến hộp thư của mình vào chiều nay. Con dấu của Thụy Sĩ.

Lysander thân yêu của em,

Đây chẳng phải là chuyện khủng khiếp nhất sao? Em đã khóc suốt ngày trước sự điên rồ khủng khiếp của mọi chuyện.

Tại sao nước Anh lại tuyên chiến với chúng em? Vienna đã làm gì London hay Paris? Udo nói đây đơn thuần chỉ là chuyện Balkan thôi nhưng các

nước khác đang lấy nó làm cái cớ. Có đúng không anh?

Em rất, rất khiếp sợ và em muốn gửi anh lá thư này với tất cả sự thúc giục. Em muốn nói cho anh biết những gì em đã quyết định làm trong hoàn cảnh khủng khiếp này. Tình cảnh của em rất khó khăn như anh cũng hiểu được, Em là công dân Anh đang sống tại một quốc gia đang có chiến tranh với Anh. Udo đã đề nghị nhận nuôi Lothar, bảo vệ nó tốt hơn và đảm bảo cho quốc tịch của nó. Em có thể bị giam giữ nhưng Lothar sẽ an toàn - thế nên đương nhiên là em đồng ý. Một khi giấy tờ xong xuôi, anh ta sẽ cho thằng bé mang họ của Udo là "Lothar Hoff". Đó là điều tốt nhất, anh dấu yêu của em - Em chỉ có thể và em phải nghĩ cho Lothar, Em không được phép nghĩ đến bản thân em hay những cảm xúc của em, cho dù em có thể dễ dàng hình dung ra chúng.

Lothar rất khỏe, một thằng bé khỏe mạnh, hạnh phúc. Em chúc tất cả chúng ta sẽ hạnh phúc hơn và sẽ có những khoảng thời gian vui vẻ hơn.

Gửi anh tình yêu của mẹ con em,

Hettie.

Chú Hamo cố gắng an ủi tôi - ông là người rất trìu mến và ấm áp. Ông bảo hãy nghĩ về đứa bé, đó là điều tốt nhất cho nó. Đêm qua (vào Chủ nhật) tôi đã xuống và ở lại Winchelsea với Hamo và Femi. Hamo đang suy nghĩ về việc nhận nuôi Femi. Ông bảo vậy vì đang có chiến tranh ở Tây Phi giữa quân Anh và các thuộc địa của Đức. Đất nước Togoland của thằng bé đã bị lính Anh và các lực lượng của Đế chế Pháp xâm lược.

Đêm qua hai chú cháu thức khuya trò chuyện. Tôi bảo tôi đã phỏng đoán kế hoạch cho toàn bộ chuyến đi của ông đến Vienna, nhưng giờ phải hủy bỏ.

“Chẳng làm được gì nữa đâu, cháu ngoan ạ”, ông nói. “Nhưng ngay sau khi cuộc chiến chết tiệt này kết thúc, chú sẽ đến đó. Với một chút may mắn, cuộc chiến này có thể kết thúc sớm”.

Tôi ngồi trong phòng ngủ riêng, phía dưới những mái dua của căn nhà nhỏ này, viết những dòng này, tự hỏi mình nên làm gì khi tất cả mọi thứ đều chống lại tôi. Có một cơn gió mạnh khắc nghiệt thổi vào đêm nay, tước đi những chiếc lá đầu tiên khỏi cành. Tôi nghĩ mình nên tìm việc khác vì dù nhà hát chưa đóng cửa, nhưng ý nghĩ về những buổi thử giọng khiến tôi phát ốm. Từ đâu đó trong con đường làng, nắp một chiếc thùng rác bị hất lên rơi loảng xoảng và lăn tròn xuống con ngõ. Cái âm thanh loảng xoảng chói tai và chìm khuất dưới những tiếng gió gầm rú bất ngờ, vọng lên từ ngoài khơi.

32

Những Kẻ Xa lạ và Thù địch

MỘT CƠN MƯA BỤI bắt đầu rơi khi chiếc xe tải rung lắc đến điểm dừng ngoài trại giam. Lysander và một biệt đội tân binh bảo vệ nhảy xuống từ phía sau.

“Mẹ kiếp”, Binh nhất Merrilees nói. “Cơn mưa chết tiệt”.

“Để có được một buổi chiều trong trẻo”, Lysander nói, bỏ mũ ra và nhìn lên đám mây xám xịt trên đầu. Những giọt mưa lạnh giá rơi xuống mặt anh.

“Với diễn viên như anh thì chẳng sao, đúng không? Tất cả đều vô cùng ấm cúng và dễ chịu”.

Merrilees dẫn tiểu đội đi xung quanh lưới thép vòng ngoài. Lysander gạt bỏ lớp bùn dính trên đôi ủng trước khi bước về phía hội sở.

Trại giam vịnh Bishop vốn là câu lạc bộ Golf vịnh Bishop trước chiến tranh. Bộ Nội vụ lấy làm nơi giam giữ những “kẻ xa lạ và thù địch”. Từ trại giam xuôi theo bờ biển về phía tây vài dặm là Swansea, vòng quanh mũi biển là Mumbles. Nơi đây được sửa sang thành một trại giam có hàng rào và khoảng bốn mươi căn nhà gỗ. Mỗi căn chứa được hai mươi người trên những chiếc giường tầng, được xây dọc theo chiều dài đường Mười tám, Hội sở trở thành trung tâm hành chính. Nhà nghỉ cho golf thủ trở thành nhà ăn của trại, có thể phục vụ đến hai trăm lượt người một lúc nếu cần. Dân số của trại dao động khoảng bốn trăm đến sáu trăm tù binh gồm đàn ông, đàn bà và trẻ em. Các khu vực khác trên sân golf được chăng lưới

thép thành các sân chơi bóng đá và khúc côn cầu. Nhưng Lysander thấy không nhiều người chơi. Hầu hết các tù binh cho rằng đây là mấy cái trò chơi bất công chán ngắt; họ thờ ơ với những trò tiêu khiển này, luôn càu nhàu và cáu bẳn.

Lysander gõ cửa phòng sĩ quan chỉ huy trại. Dòng chữ "Đại úy J. St. J. Teesdale" được viết trên tấm biển tạm bên ngoài. Anh bước vào khi nghe tiếng quát: "Vào đi!" của Teesdale, ép mình rặn ra một nụ cười và nói: "Chào buổi sáng, thưa ngài". Teesdale mới đến được hai tuần và đang nghiên cứu tài liệu mới về xét xử và trách nhiệm dẫn chứng. Anh ta mới mười chín tuổi và dường như đang gặp rắc rối với hàng ria mép mới mọc.

"Chào buổi sáng, Rief", anh ta nói. "Khung cảnh này thật kinh khủng vào giữa tháng Năm nhỉ".

"Ne'er cast a clout 'til May be out", Lysander nói.

"Nói lại đi?"

"Một câu ngạn ngữ cổ, thưa ngài. Mùa hè chưa bắt đầu khi tháng Năm chưa qua".

"Đúng". Anh ta nhìn đống giấy tờ trên bàn. "Tôi e rằng đó là Frau Schumacher, vụ đầu tiên. Cô ta cứ khăng khăng đòi gặp bác sĩ lần nữa".

Lysander cầm lấy cuốn sổ cái và một bộ hồ sơ với các mẫu đơn chưa điền, đi theo Teesdale từ Văn phòng Thư ký câu lạc bộ đến quán bar Lỗ thứ 19. Ở đây có hai nhân viên đánh máy tuổi trung niên từ Swansea đến giúp giải quyết vấn đề hành chính của trại. Phương tiện liên lạc duy nhất là chiếc điện thoại nằm trên bàn trong một góc phòng. Ở góc kia, phía trước một cửa sổ rộng nhìn ra vịnh, là một chiếc bàn chân rời dành cho những cuộc họp và thẩm vấn hàng ngày. Nhìn từ cửa sổ sẽ thấy toàn bộ

quang cảnh kênh Bristol sóng vỗ bập bềnh với những đám mây tụ lại thành khối, mang sắc xám đầy đe dọa - xa xa là các sân golf và điểm phát bóng đầu tiên. Trên tường treo đầy ảnh các golf thủ trong quá khứ - những người giành chiến thắng trong các trận đánh đôi, các giải đấu hàng tháng và giải vô địch nghiệp dư của hội golf New South Wales đang giơ cao cúp bạc. Quán bar không hề có rượu và ly tách trên giá. Thay vào đó, là các dãy hộp đựng hồ sơ bọc bìa cứng. Mỗi dãy chứa hồ sơ của một tù binh. Một trong những căn phòng tẻ nhạt nhất anh từng vào.

Frau Schumacher ngồi ở chiếc bàn chân trời, quay lưng về phía cửa sổ, hai cánh tay khoanh trước ngực vẻ thách thức. Những đường nét mập mạp của cô ta chìm trong bóng tối, nhưng có thể thấy rõ cô ta đang cau có. Frau bắt đầu ho khi trông thấy Lysander và Teesdale bước vào. Lysander lấy ghế ngồi đối diện; Teesdale kéo ghế tránh khỏi một tràng những tiếng ho khô khốc, chói tai. Lysander mở hồ sơ của cô ta.

"Chào buổi sáng, Frau Schumacher, hôm nay cô khỏe chứ?"

Phải mất một tiếng mới thuyết phục được Frau quay về ngôi nhà gỗ. Kèm theo đó là cam kết bằng văn bản rằng cô ta sẽ được gặp bác sĩ trong vòng hai mươi tư giờ hoặc sớm hơn, nếu tìm được bác sĩ tại Swansea. Lysander không hề ghét bỏ cô gái ngay cả khi anh phải gặp cô cứ hai ngày một lần. Vì hầu hết ai bị giam giữ ở Trại Tù binh vịnh Bishop này cũng đều có một chuỗi dài những lời than vãn thống thiết, đặc biệt là về tình trạng bị giam cầm. Có các thủy thủ buôn bán - bao gồm nửa tá trong số này là người Thổ Nhĩ Kỳ u sầu - những người Đức bị bắt giam tại các bến tàu Swansea khi tuyên bố chiến tranh; khoảng hai mươi em học sinh từ Munich (đang chờ được hồi hương) đi du lịch đến Wales bằng xe đạp trong kỳ nghỉ cuối hè; nhiều giám đốc các công ty địa phương - những tên

đồ tể, các chủ quán trà, nhân viên nhà tang lễ, các giảng viên âm nhạc - mang tên Đức hoặc có tổ tiên là người Đức. Bản thân Frau Schumacher cũng đang đi thăm cô em họ ở Llanelli, người đã kết hôn với một chàng trai xứ Wales tên là Jones. Cả nhà bị dựng dậy vào buổi sáng ngày 05 tháng Tám và Frau Schumacher bị bắt - cô bị buộc phải quay về Bremen vào ngày mùng sáu.

Thật là xúi quẩy, Lysander nghĩ khi bước ra ngoài hít thở không khí trong lành. Anh mệt mỏi sau khi phải biên dịch những lời kêu ca và hận thù của Schumacher suốt một giờ đồng hồ. Anh kéo cổ áo bộ quân phục lên, đội chặt mũ trên đầu, thọc tay vào túi tìm thuốc. Tìm được thuốc, anh liền châm một điếu và thả bộ xuống đường lăn bóng dẫn đến một hàng các đụn cát thấp và bờ biển hẹp xa xa. Ai đó từ trong số những người đang đứng trên chòi canh hét lên, “Xin chào, diễn viên!”. Anh vui vẻ giơ cao ngón cái đáp lại.

Trời vẫn mưa phùn nhưng anh thực sự chẳng bận tâm. Anh hài lòng vì được đứng một mình trên bãi biển, ngắm cơn gió bắn tung bọt sóng trên mặt biển động và lạnh lùng. Anh tính toán Ilfracombe như ở ngay trước mặt, cách mấy dặm, nằm khuất sau con kênh rộng bên kia. Anh đã từng đi nghỉ ở đó một lần năm 1895 hồi lên chín tuổi. Anh nhớ đã cố gắng thuyết phục bố đi câu tôm với mình nhưng vô ích. “Không, con trai thân mến ạ, trò câu tôm không dành cho bố”. Anh hút xong điếu thuốc, ném về phía những con sóng, quay trở lại trụ sở câu lạc bộ. Các tù binh xếp thành một hàng, nhìn Lysander vô cảm khi anh đi ngang qua.

“Một ngày bận rộn”, Teesdale nói khi họ thấy người đầu tiên lê bước. “Làm sao anh có thể nói tiếng Đức chuẩn thế hả Rief?”

“Trước chiến tranh tôi sống ở Vienna”, Lysander đáp, suy nghĩ - một câu đơn giản làm sao, có bảy từ, chứa đựng nhiều ý nghĩa nữa chứ. Chắc anh phải khắc câu này lên bia mộ của mình mất.

“Khởi đầu tốt hơn rồi nhỉ”, anh nói, cảm thấy Teesdale muốn nói chuyện.

“À mà anh học trường nào vậy?”

“Nhiều trường lắm, thưa ngài. Một tuổi thơ lang thang”.

Có lẽ việc anh rời nhà Hamo ở Winchelsea vào buổi sáng, đến Rye rồi đi tàu về London là quyết định ngu ngốc nhất trong đời. Phải đợi đến nửa tiếng anh đành đi bộ vô ích vào thành phố. Đầu anh đầy những ý nghĩ cay đắng về Hettie và thằng nhóc Lothar anh chưa được nhìn thấy mặt. Mà trong bất kỳ trường hợp nào nó cũng sớm trở thành con của Udo Hoff mà thôi. Trên cửa sổ một cửa hàng rau quả treo tấm băng rôn in chữ lớn: E. S.L.I.* “NHỮNG CHÚ CHIM NHẠN”. MUỐN PHỤC VỤ CHO NƯỚC ANH KHÔNG, CÁC BẠN! Một viên nữ trung sĩ béo mập thơ thẩn trên ngưỡng cửa khiến Lysander chú ý.

“Anh là một chàng trai dễ coi đấy. Khỏe mạnh và hoạt bát, tôi cam đoan đấy. Đúng là người chúng tôi cần”.

Thế là Lysander để ý đến người đàn bà hiền lành này, anh vào trong cửa hàng và ghi danh. Anh trở thành Binh nhì số hiệu 10099 của tiểu đoàn (quân chủng) 2/5 của trung đoàn Bộ binh Đông Sussex. Hai ngày sau, anh đăng ký về sở chỉ huy trung đoàn E.S.L.I tại Eastbourne để tham gia khóa đào tạo cơ bản trong sáu tuần. Anh tự nhủ đó là một hành động ăn năn hơn là bổn phận. Ít nhất anh cũng đang làm việc. Tất cả những gì anh khao khát là một công việc nhàn nhã, đều đặn hàng ngày, không đòi

hỏi kỷ luật quá nghiêm khắc. Anh sẽ sang Pháp chiến đấu chống kẻ thù chung hay đi đâu đó. Chợt trong tâm trí hiện về một hình ảnh lãng mạn. Anh đang diễu hành đầy vinh quang vào Vienna và có cuộc gặp gỡ đầu tiên đầy hạnh phúc với đứa con trai.

“Ngủ ngon, Rief”, một trong số những người đánh máy chào anh khi ra về. Lysander đang đứng trong sảnh vào của trụ sở câu lạc bộ, đợi chiếc xe tải đưa về nơi đồn trú của trung đội tại Swansea. Hình ảnh lãng mạn phai nhòa nhanh chóng. Anh đến Swansea cũng thật gần như anh đến Pháp và ra tiền tuyến. Tiểu đoàn (quân chủng) 2/5 của E.S.L.I được điều đến bảo vệ các hàng rào phòng thủ bờ biển ở South Wales. Sau vài tháng hành quân qua các bến cảng Swansea và Talbot, tiểu đoàn tiến hành đặt hàng rào dây thép gai trên các bãi biển, ngồi trong các đường hào lạnh giá đào cạnh các ụ súng nhìn xuống kênh Bristol. Rốt cuộc, đại đội “C” tiểu đoàn (quân chủng) 2/5 của anh cũng được giao một nhiệm vụ nhẹ nhàng Đại đội được lệnh thay phiên gác cho các tốp lính bảo vệ vòng ngoài và các đội hộ tống tù nhân đến Trại tù binh vịnh Bishop mới thành lập. Lysander tình nguyện giúp đỡ biên dịch rất nhiều vấn đề của tù binh, trở thành người không thể thay thế. Cứ vài ngày anh lại phải ngồi ở chiếc bàn dài trong quán bar của câu lạc bộ golf. Bây giờ là tháng Năm năm 1915. Greville Varley đang ở Mesopotamia làm đại úy của trung đoàn Dorsetshire. Chiếc tàu *Lusitania** đã bị đánh chìm. Những cuộc đổ bộ tại Gallipoli có vẻ không diễn ra thuận lợi. Italia đã tuyên chiến với Đế quốc Áo - Hung. Sự xung đột toàn cầu khổng lồ này đã kéo dài suốt mười tháng, anh thậm chí còn chưa hề...

“Cho tôi hai phút được không, Rief?” Teesdale đang nghiêng người trên ngưỡng cửa. Lysander quay vào văn phòng. Teesdale chỉ ghế cho anh

ngồi và mời thuốc. Lysander cảm thấy mình rất già khi đối diện một Teesdale trẻ trung với hàng ria mép mờ mờ. Già cả và mệt mỏi.

“Anh có bao giờ muốn tự tiến cử mình vào chức sĩ quan chưa?” Teesdale hỏi.

“Tôi không muốn làm sĩ quan, thưa ngài. Tôi thấy hạnh phúc khi là một anh lính quèn”.

“Anh sẽ có một cuộc sống tiện nghi hơn. Có người phục vụ. Một chiếc giường đẹp. Ăn bằng mâm ngọc đĩa vàng”.

“Tôi hoàn toàn hài lòng rồi, thưa ngài”.

“Sai hết rồi, Lysander ơi. Anh đang là một con cá ra khỏi nước - một người có giáo dục nói tiếng nước ngoài chuẩn đến phát ghen lên ấy”.

“Dù ngài có tin hay không, tôi thật sự rất hạnh phúc”, anh nói dối.

“Thế trước chiến tranh anh làm gì?”

“Tôi là diễn viên kịch”.

Teesdale ngồi thẳng lên ghế.

“Lysander Rief. Lysander Rief... Tất nhiên rồi. Đúng! Anh biết không, tôi nghĩ là tôi đã thực sự tận mắt xem anh diễn kịch”. Teesdale nhíu mày và búng ngón tay, cố nhớ ra, “Năm 1912, Hội Kịch Trường Quốc lập Horsham. Chúng tôi tổ chức chuyến đi đến London... Chúng tôi đã xem vở gì nhỉ?”

Lysander điểm qua các vở kịch anh đã diễn trong năm 1912.

“*Evangelina, Chẳng phải lỗi của ai, Hãy hái những nụ hồng...*”

“Là nó - *Hãy Hái Những Nụ Hồng*. Blanche Blondel. Người phụ nữ tuyệt vời. Một tạo vật đẹp đến choáng váng.

“Rất xinh, phải rồi”.

“Lysander Rief - thật phi thường làm sao. Tôi phải nói là anh sẽ tặng tôi chữ ký đúng không?”

“Rất hân hạnh, thưa ngài”.

“Ghi rõ là tặng James nhé”.

Lysander ngồi trên giường, tháo ủng và tháo xà cạp*. Đại đội “C” đồn trú trong một nhà kho vốn là của một nhà máy cưa, sực mùi nhựa cây, gỗ lát ván còn tươi và mạt cưa. Nhà kho khô ráo, kín đáo bao gồm bốn dãy giường chăng lưới thép mỏng, khung gỗ với một nhà xí chung được đào ở bên ngoài. Đồ ăn rất phong phú và được cung cấp đều đặn, và có nhiều quán rượu ở vùng lân cận. Tất cả binh lính đại đội đều dành toàn bộ thời gian được nghỉ đi uống. Hàng tá anh chàng hoặc hơn thế bị phạt rồi. Sân kho được quét đến hàng trăm lần, những bức tường và tòa nhà đều được hưởng lợi từ ít nhất bảy lớp vôi trắng. Những bàn tay say khướt, uể oải bị các hạ sĩ quan phạt lao động nặng. Lysander luôn tránh xa rắc rối.

Anh nằm xuống lắng nghe tiếng lưới thép dưới nệm rơm kêu cót két, lọc xọc dưới sức nặng của mình và nhắm mắt lại. Thêm hai ngày nữa sẽ được nghỉ phép một tuần. London.

“Này, diễn viên!”

Anh mở mắt nhìn lên. Binh nhất Merrilees đứng đó. Frank Merrilees có làn da đen sẫm và cái cằm chẻ. Cậu ta gần ba mươi tuổi, có một trí tuệ sắc sảo và hiểm độc.

“Đến quán rượu không?”

Anh biết họ thích uống rượu cùng anh, vì anh chịu chi và uống cũng hăng. Anh hạnh phúc khi làm họ vui, không phải để nổi tiếng mà chỉ

muốn yên thân. Họ không lôi anh vào những cuộc cãi lộn, hành hạ và nhạo báng ngu xuẩn.

"Ý hay đấy", anh nói, lại ngồi dậy, vươn tay lấy đôi ủng.

Quán rượu Merrilees thích được gọi là Mỏ Neo. Lysander tự hỏi quán rượu có gần bến cảng không - anh chẳng hiểu bọn anh đang sống ở quận nào tại Swansea, kể cả sau khi đã ở trong nhà máy cưa đến mấy tuần. Anh đi về như con thoi từ nơi đồn trú đến trại giam. Ngồi sau xe tải, anh thấy những con phố vốn khiêm tốn của Swansea bỗng sáng bừng sau mưa qua vết rách trên tấm vải bay phần phật - trong cuộc chiến của mình, anh chỉ biết có thế.

Mỏ Neo chỉ cách đồn có vài con phố đi bộ - không cần đến các phương tiện giao thông công cộng. Có lẽ điều này giải thích tại sao nó được ưa chuộng đến thế. Có một quầy rượu hạng sang và một căn phòng nhỏ ấm cúng mà các binh lính E.S.L.I không được phép vào. Đi cùng Merrilees là bốn người bạn chí thân khác của cậu ta mà Lysander biết hết. Những bạn rượu của anh - Alfie "Fingers" Doig, Nelson Waller, Mick Eltherington và Horace Lefroy. Khi họ gọi một chầu, Lysander trả tiền cho mấy cốc rượu mạnh - whisky, brandy, rum và gin - đi kèm với mấy cốc bia nhạt. Chính vì thế họ mới chấp nhận anh. Thứ ngôn ngữ họ nói với nhau lúc nào cũng bậy bạ - mẹ kiếp cái này và mả mẹ cái kia. Như các tù binh, họ nói về một chuỗi dài những sự oán giận thô lỗ, sự khinh khi họ phải chịu đựng những hành động trả thù tàn nhẫn dự tính từ trước hay những ảo ảnh về tình dục.

"Hết rượu rồi, các chàng trai", cô gái phục vụ nói.

"Cho tôi thêm một chầu cuối đi", Lysander đề nghị.

“Anh là sĩ quan và là một quý ông, diễn viên ạ”, Merrilees nói, đôi mắt anh ta lờ đờ. Những người khác nhao nhao hưởng ứng.

Lysander mang cái khay đựng sáu cốc bia và năm cốc vại uống cạn đến quầy cho cô phục vụ, nhìn cô lần nữa khi cô kéo các panh bia. Anh nhận ra cô dù tóc cô đã đổi màu kể từ lần cuối cùng anh ở đây - màu nâu đỏ cam lạ lùng. Anh vẫn nhớ là tóc cô màu vàng hoe. Cô xinh đẹp, chiếc nịt vú làm lộ ra nửa khoảng ngực dưới cổ áo cánh chữ V bằng sa tanh. Anh tự nhủ cô nàng xinh như Hettie vậy. Mũi cô cong hơi nghiêng, cằm có đường chẻ ăn nhập với cái khe rõ nét giữa ngực. Cô có đôi lông mày đen rậm.

“Thêm ba rượu gin và hai whisky”, anh nói thêm khi cô rót xong panh bia. “Tôi thích màu tóc của cô”, anh nói. “Đã thay đổi rồi”.

“Cảm ơn anh”, cô đáp.“Thực ra tôi là cô gái tóc đỏ, quay về với tự nhiên thôi”. Cô nói trọng âm nặng vùng Wales.

Lysander lấy cốc bia ra khỏi khay, gọi Waller đến mang khay về. Quán rượu dần vắng nhưng anh thích đứng nói chuyện với cô hơn là chửi thề với đám lính.

“Bạn anh đến đây nhiều lắm, mấy chàng lính của anh ý”.

“Đây là quán ưa thích của họ mà”, anh nói. “Chúng tôi trú quân ở nhà máy cưa cũ, dọc theo con đường”.

“Nhưng anh khác họ rất nhiều, đúng không?” cô nói, nhìn anh một cách khôn ngoan. “Nghe giọng anh là tôi biết”.

“Tên cô là gì?” anh hỏi.

“Cerridwyn”, cô đáp. “Cái tên xứ Wales cổ - có nghĩa là “nữ thi sĩ xinh đẹp”.

“Cerridwyn”, anh lặp lại. “Một cái tên đẹp đối với một nữ thi sĩ. Bản thân tôi cũng viết mấy bài thơ”. Anh chẳng hiểu điều gì khiến anh kể cô nghe chuyện này.

“Ồ, thế sao? Tại sao lại không nhỉ?” Đầy hoài nghi. “Vậy đọc tôi nghe một hai dòng đi”.

Lysander, gần như không suy nghĩ, bắt đầu đọc:

> *Trong mắt ta nàng mãi là người xinh đẹp nhất*
> *Rất đáng yêu và thật đến mê hồn*
> *Nếu đặt cho nàng một cái tên, có thể*
> *Nàng là ai rồi bạn sẽ biết thôi:*
> *Nàng đáp lại chữ “Yêu” - nàng chính là Em đấy.*

Cerridwyn bị ấn tượng, anh thấy điều đó - thậm chí là xúc động. Có lẽ trước nay chưa ai từng trích dẫn thơ cho cô nghe như thế.

“Anh chưa bao giờ viết bài thơ đó”, cô nói. “Anh học thuộc nó”.

“Tôi không thể chứng minh được. Nhưng tất cả là do tôi viết, e là thế”.

“Ồ - bài thơ nghe rất đáng yêu. Anh đọc lại tôi nghe cái câu cuối đi?”

“Nàng đáp lại chữ “Yêu” - Nàng chính là Em đấy”.

Bất ngờ anh cảm thấy thôi thúc muốn chiếm đoạt cô, muốn cởi bung chiếc áo cánh sa tanh ấy, xổ tung mái tóc hấp dẫn ấy. Trong một khoảnh khắc, anh còn thấy cô đã nhận ra sự thay đổi trong ánh mắt mình. Anh tự hỏi sao lại thế được? Những dấu hiệu gợi tình nào được gửi đến đối phương?

“Ngày thứ Hai tôi nghỉ làm”, cô nói, đầy ý tứ.

“Tôi sẽ nghỉ phép và đi London vào ngày thứ Hai”, anh đáp.

“Chưa bao giờ tôi đến London”.

“Sao cô không đi cùng tôi?”

“Anh sẽ đưa tôi đi loanh quanh, đại loại thế”.

“Tôi rất thích”. Chuyện này thật điên rồ, anh biết. “Tôi sẽ gặp cô tại nhà ga Swansea. Chín giờ. Tại phòng bán vé”.

“Chà. Anh sẽ chẳng đến đâu”.

“Có, tôi sẽ đến”.

“Tên anh là gì?” cô hỏi như một sự thách thức, một bài kiểm tra độ chân thành của anh,

“Lysander Rief”.

“Một cái tên lạ”.

“Chẳng lạ hơn cái tên Cerridwyn đâu”.

Merrilees lảo đảo đi đến nói tốt hơn họ nên quay về.

“Chín giờ, sáng thứ Hai”, Lysander nói qua vai. Anh nắm lấy khuỷu tay Merrilees, dìu anh ta ra ngoài.

Trên đường về nhà máy cưa có rất nhiều câu đùa cợt dâm dật, tục tĩu về Lysander và cô phục vụ. Anh ép mình làm ngơ tất cả, để những dự tính quay cuồng trong óc. Anh đang thích thú tưởng tượng: chuyến tàu đến London, bữa trưa thật ngon trong một quán ăn rẻ tiền hay một quầy bán sò. Anh biết một khách sạn nhỏ ở Paddington. Mua vé về Swansea trên chuyến tàu chở sữa cho Cerridwyn, Một chuyến phiêu lưu cho cả hai.

Trung sĩ Mott đang đứng ở cổng nhà máy cưa, cây gậy ba toong trong tay ông ta đang xoay tít. Tất cả bọn họ đều đã say mèm trừ Lysander,

Merrliees đứng nghiêm chào rồi đổ gục xuống.

“Cút hết lũ chó chết chúng mày đi, lũ cặn bã”, Mott nói. “Đó là người diễn viên mà tao rất quan tâm đấy”.

Những người khác lủi đi ngay lập tức,

“Tôi không say, Trung sĩ à”, Lysander nói. “Thật mà. Chỉ uống hai cốc bia thôi”. Anh thấy sợ Mott.

“Tôi không quan tâm”, ông đáp. “Có người đợi cậu trong văn phòng đấy”.

Đại úy Dayson, Tư lệnh đại đội đang ở trong văn phòng nhà máy cưa bên kia sân. Lysander cài cúc áo quân phục, vuốt thẳng mũ trên đầu và gõ cửa.

“À, Rief, anh đây rồi”, Dayson nói, theo kiểu lè nhè thường lệ. Anh ta là một kẻ lười nhác, rất hạnh phúc với công việc ở trại tù binh. Anh ta hy vọng sẽ thấy cuộc chiến này sớm kết thúc. “Anh có khách đấy”.

Lysander bước vào phòng.

Alwyn Munro đứng dậy. Anh thấy ông mặc quân phục với những quân hàm sao vuông của Trung tá trên hai vai. Được thăng chức rồi. Lysander còn nhớ cách chào.

“Nhân vật lớn khó tìm quá đấy, Rief”, Munro nói, họ bắt tay nhau.

“Tôi có thể giúp gì cho ông?” Lysander hỏi, tâm trí anh điên cuồng với những câu hỏi khác,

“Tôi sẽ kể cho cậu trên đường về London”, ông trả lời. “Tôi có chiếc xe đang đợi ngoài kia. Có cần mang đồ theo không?”

33

Những cuộc Điều tra Tự thuật

CHUYẾN QUAY VỀ đầy ắp những sự kiện quan trọng kì lạ. Tôi ngồi cạnh Munro trên ghế sau của chiếc xe quân sự to. Lá cờ đuôi nheo bay phần phật trên tấm chắn bùn phía trước, khi xe tăng tốc về London. Lúc chúng tôi rời khỏi ngoại ô Swansea, Munro mời tôi một điếu thuốc và tôi hỏi ông đang có chuyện gì.

"Cậu biết gì không?" Ông nói như thể một ý tưởng vừa chợt đến. "Tại sao cậu lại không hưởng thụ đợt nghỉ phép phong lưu của mình? Thư giãn đi, nuông chiều bản thân chút đi. Gửi bản báo cáo sáng thứ Hai tuần sau đến địa chỉ này. Mặc đồ dân thường thôi".

Ông ta lấy ra một cuốn sổ tay nhỏ và viết địa chỉ.

"Rồi chuyện gì sẽ xảy ra?" tôi hỏi.

"Cậu sẽ nhận những lệnh mới", ông nói, hơi lạnh lùng, như muốn ám chỉ rằng trong chuyện này tôi không còn sự lựa chọn nào khác. "Cậu đang là lính, Rief, đừng có quên đấy".

Ông không tiết lộ thêm bất kì điều gì nữa. Cả hai nói chuyện rời rạc về tình hình chiến sự - cuộc tấn công lớn vào Aubers Ridge - những trải nghiệm của tôi ở E.S.L.I và công việc của tôi ở Trại tù binh vịnh Bishop.

"Cậu nên nghĩ rằng một chương trong cuộc đời cậu đã khép lại", ông chỉ nói có thế.

Thế là tôi ngồi đây trong một khách sạn nhỏ ở Bayswater (Greville và tôi cho thuê lại căn hộ Chandos Place) để đón một tuần nghỉ phép sắp tới. Tâm trí tôi trống rỗng - tôi không mong đợi hay dự đoán rằng mọi chuyện sẽ thất bại. Chúa mới biết Munro sắp xếp cho tôi những gì. Nhưng tôi chắc chắn nó thú vị hơn những vấn đề bất tận về sức khỏe của Frau Schumacher.

Thế là đủ vui rồi, một chút hối tiếc về phần đời của tôi tại Swansea liên quan đến Cerridwyn. Tôi có thể hình dung - nàng diện bộ đồ đẹp nhất chuẩn bị cho chuyến đi tới London - đứng chờ tôi ngoài phòng bán vé tại nhà ga Swansea. Và rồi chuyến tàu chín giờ đi qua. Dĩ nhiên nàng sẽ nán đợi thêm một chuyến nữa. Nhưng thời gian càng trôi, niềm hy vọng ngày càng phai nhạt. Sau một hai tiếng chẳng thấy chàng đến, nàng sẽ về nhà, nguyền rủa bản tính dối trá bất tận của bọn đàn ông.

34

Quỹ Chiến tranh Tòa Thị chính Claverleigh

“ĐÓ LÀ MỘT THÀNH CÔNG LỚN. Mẹ không bao giờ tưởng tượng nổi. Chúng ta đã kiếm được hơn 200 bảng khi thậm chí còn chưa đến giờ ăn trưa nữa. Hôm qua chúng ta kiếm được 500 bảng”, mẹ Lysander nói với giọng hoài nghi một cách khiêm nhường. Hai mẹ con anh đứng trên lối vào chính nhìn mấy dãy xe ô tô, xe du lịch trong bãi. Một hàng người dài đến một trăm thước đợi trả tiền vào cửa bằng những đồng silinh để dự “BỮA TIỆC LỚN TẠI TÒA THỊ CHÍNH CLAVERLEIGH” - được viết trên tấm băng rôn ở cửa vào Công viên.

“Hoan hô”, Lysander nói, “Những người Bỉ tị nạn thật may mắn”.

“Ồ không”, bà đáp. “Bây giờ ta còn làm được hơn thế nhiều. Chúng ta vừa gửi thêm sáu xe cứu thương nữa đến Pháp”.

Quỹ từ thiện Tòa thị chính Claverleigh được thành lập ngay sau khi chiến tranh bùng nổ, như một đợt vận động quyên góp, một kế hoạch của địa phương cung cấp quần áo ấm, chăn và lều cho những người Bỉ tị nạn, Anna Faulkner thấy phấn khích trước thành công ban đầu và Quỹ Chiến tranh Tòa Thị chính Claverleigh, như sau này người ta gọi thế, rằng đây là một cơ hội để tập trung năng lượng và năng lực tổ chức của bà vào đó. Lysander chưa được chứng kiến điều ấy đã nhiều năm kể từ khi bà điều hành hiệu quả các vấn đề hành chính của đoàn kịch Nhà hát Halifax Rief. Bất ngờ bà có một sự nghiệp và những khoản tiền quyên góp đáng kể chứng tỏ tiếng nói của bà có trọng lượng. Bà bắt đầu đến London vài lần

mỗi tuần họp với Bộ Nội vụ, rồi các tướng cấp cao của Phòng Chiến tranh nơi các đội Cấp cứu Dã chiến Tòa Thị chính Claverleigh ra đời. Kế hoạch mới của bà chính là mở một trường đào tạo các nữ y tá có thể xử lý hiệu quả những chấn thương, đau ốm phổ biến nhất của các trung đội trên chiến trường miền Tây. “Ai cần một bà nội trợ khi mắc chứng bợt da chân?” là một trong những câu cửa miệng của bà. Bà bắt đầu được mời vào ghế ở các ủy ban, có tên trong các kiến nghị và những mục đích tốt đẹp khác. Lysander nghĩ trông bà như ngày càng trẻ trung, nếu chuyện ấy là có thể. Đó là khi ta có mục đích sống trong cuộc đời mình.

“Dượng Crickmay dạo này sao rồi ạ?” anh hỏi. Anh chưa gặp cha dượng kể từ khi đến đây.

“Chẳng thay đổi gì. Rất tội nghiệp. Thở khò khè. Ho hen. Ông ấy còn không xuống được giường nữa, ôi ông chồng tội nghiệp”.

“Con phải quay về London sau bữa trưa”, anh nói.

“Dượng con sẽ không ăn trưa đâu”, bà đáp. “Mẹ sẽ chuyển những lời chúc tốt đẹp nhất của con đến ông ấy. Lần sau khi con xuống đây, dượng sẽ gặp con”.

Rồi bà nhanh nhẹn thay một hộp đựng tiền mới đổi chỗ cho hộp đựng tiền đầy ắp tại cửa vào. Lysander thả bộ quanh công viên, qua những quầy bán mứt kẹo và bánh ngọt, các quầy trò chơi ném bóng trúng dừa, quầy bia, trình diễn xiếc chó và các cuộc đua vui nhộn - đua cầm thìa đựng trứng, đua ba chân, đua bao tải các cuộc triển lãm thú nuôi và các trận đấu - anh để ý tìm kiếm Hamo. Ông đến sớm trước một tiếng để tìm vài củ khoai tây giống cho vườn rau của mình.

Anh thấy ông đang đứng ở các lưới cricket. Ở đây chỉ cần sáu xu là bạn sẽ có cơ hội ném bóng vào hai vận động viên đập bóng hàng đầu của câu

lạc bộ Cricket quận Sussex - Vallance Jupp và Joseph Vine.

Hamo đang nhìn họ với vẻ hết sức ngạc nhiên.

“Mấy thằng nhóc này giỏi đến kinh ngạc đấy”, ông nói. “Thằng kia vừa loại Jupp hai lần trong một hiệp. Anh ta rất xấu hổ - trái bóng chỉ cách anh ta có tí thôi”.

“Có tin gì của Femi không ạ?” Lysander hỏi. Anh biết Femi đã trở về Tây Phi, Cậu ta nhớ nhà và cảm thấy đau khổ khi phải ở Winchelsea.

“Nó đến Lagos rồi. Nhưng chú chắc chắn sẽ nghe được thêm nhiều thông tin hơn về nó, Thằng bé có tiền và bây giờ nói tiếng Anh chuẩn rồi – nó sẽ ổn hơn...” Hamo như đang nhìn về phương nam, con kênh và về châu Phi. “Chính mùa đông năm ngoái đã đánh gục nó - lúc nào nó cũng nhìn chằm chằm về phía ấy. Sao người Anh có thể dửng dưng đến thế khi họ thấy một điều gì đó lạ lùng. Ngay sau khi cuộc chiến này chấm dứt, chú sẽ đi kiếm nó. Bọn chú sẽ cùng nhau kinh doanh thứ gì đó”. Hamo quay lại, đôi mắt màu xanh nhạt mãnh liệt. “Chú thiết tha yêu mến thằng bé, cháu biết đấy. Chú nhớ nó đến từng giây trong ngày. Một người cực kì thành thật và ngọt ngào. Thẳng thắn và trung thực”.

“Chú rất may đấy”, Lysander nói và đổi chủ đề. “Cháu nghe nói dượng Crickmay không khỏe chút nào cả”.

“Ông ta còn chẳng thở nổi nữa là. Một kiểu tắc nghẽn khủng khiếp nào đấy ở phổi. Cứ đi được mười bước ông phải ngồi nghỉ đến năm phút, Lại vừa đúng lúc mẹ cháu đang điều hành tốt công việc từ thiện tuyệt vời này. Nếu không thì bà ấy chỉ việc ngồi quanh đó mà chờ ổng chết thôi”.

Họ rời khỏi lễ hội. Có một đám đông lớn tụ tập quanh một khẩu pháo bắn đạn trái phá, và một chiếc máy bay nhỏ, mạnh mẽ với một đầu tên lửa

dẹt. Tất cả đều được phủ vải bạt và chăng dây thép. Lysander nhận ra lực lượng Bộ binh Đông Sussex đã dựng lên một căn lều tuyển quân. Một hàng khá dài các thanh niên đang đứng trước lều. Swansea đang đợi chờ họ.

“Cháu nhận ra mình vẫn chưa tham gia vào phần lí thú nhất của cuộc chiến”, Lysander nói khi họ đi ngang qua.

“Chú sẽ chẳng phàn nàn gì đâu”, Hamo đáp. “Đó là một chuyện cực kì kinh khủng”.

“Tuy nhiên cháu lại có cảm giác rằng tất cả rồi sẽ thay đổi”.

Anh kể cho Hamo chuyện Munro đến thăm Swansea và những chỉ dẫn mới của ông ta.

“Với chú chuyện này nghe nguy hiểm đấy”, Hamo nói. “Mặc thường phục thôi à? Đừng hấp tấp đồng ý làm bất kì cái gì”.

“Cháu không nghĩ mình có nhiều lựa chọn”, Lysander đáp. “Rất rõ ràng đây là những mệnh lệnh cháu phải nghe theo”.

“Bất kỳ thằng ngu nào cũng đều “tuân theo” một mệnh lệnh”, Hamo nói, giọng ảm đạm. “Người thông minh sẽ hiểu về nó”.

“Cháu sẽ nhớ điều này”.

Hamo dừng lại, vỗ nhẹ lên cánh tay anh,

“Nếu cháu cần chú giúp, con trai, đừng ngần ngại nhé. Chú vẫn còn vài người bạn trong quân đội. Và nên nhớ rằng chính chú đã từng rơi vào những hoàn cảnh ngặt nghèo. Chú đã giết hàng tá tên, cháu biết đấy. Chú không tự hào về việc đó - không một chút nào. Chỉ là sự thật thôi”.

“Cháu không nghĩ sẽ đến mức đó đâu, dù sao cũng cảm ơn chú nhiều lắm”.

Họ ra khỏi công viên đông đúc. Những tiếng la hét và chúc mừng rộ lên trong không khí khi một tay đua bao tải nào đó cán đích. Họ bước nhanh lên đường dành cho xe dẫn vào Tòa Thị chính, nơi bữa trưa đang chờ.

35

Mật mã Một - Một

CÁI ĐỊA CHỈ ĐÓ hóa ra là một ngôi nhà bốn tầng tại Islington, với một tầng hầm bên dưới một hàng rào sắt kiểu cách. Tầng một trát vữa xtucô với một cửa sổ nhô ra ngoài và hai bức tường đen như bồ hóng trên cùng. Hoàn toàn bình thường và không hề ngụy trang, Lysander nghĩ thế khi nhấn chuông. Một hạ sĩ hải quân mặc quân phục, mở cửa cho anh, dẫn anh vào phòng ngoài. Phòng gần như trống trơn - có một cái ghế giữa phòng, trước mặt là một cái bàn cánh lật* với ba chiếc ghế khác đặt xung quanh. Lysander cởi áo mưa, mũ và ngồi chờ. Anh đang mặc áo vest ba lớp bằng vải flanen xám kẻ ca rô nhạt, áo sơ mi cổ cồn cứng và cà vạt trung đoàn, E.S.L.I hẳn sẽ tự hào về anh.

Munro bước vào, cũng mặc áo vest và bắt tay anh. Đi theo ông là một người già hơn, mặc áo choàng đuôi tôm dài tới gối - phong cách thời trang rất cổ - được giới thiệu là Đại tá Massinger. Massinger có khuôn mặt vàng bủng với vết khâu và một giọng nói the thé như thể vừa mắc bệnh viêm thanh quản. Mái tóc đen lưa thưa được duỗi thẳng trên đầu bằng loại dầu đặc, sáng bóng. Hàm răng màu nâu dễ thấy như thể bị xỉn do thuốc lá. Tiếp theo là Fyfe-Miller, vui tính và khỏe mạnh. Tâm trí Lysander bắt đầu làm việc nhanh hơn. Trà được bưng lên nhưng anh lịch sự từ chối. Anh nhận ra mình bất ngờ cảm thấy hơi buồn nôn - cuộc chạm trán này có vẻ giống một phiên tòa hơn - anh lo rằng mình không thể uống một cốc trà mà không nôn ọe.

Sau một vài câu đưa đẩy đại loại như “Kỳ nghỉ của cậu có vui không?” Massinger trao cho anh một mẩu giấy. Trên đó viết mấy cột số. Anh xem xét - nó chẳng có nghĩa gì cả.

> *3 14 11 2*
>
> *11 21 2 3*
>
> *24 15 7 10*
>
> *3 2 2 7*

Và nhiều nữa.

“Cậu hiểu gì không?” Munro hỏi.

“Một dạng mật mã gì đó?”

“Chính xác. Chúng tôi có một điệp viên làm việc tại Geneve. Mới vài tháng trước người đó đã chặn được sáu lá thư chứa đầy những mẩu giấy thế này”.

Một “điệp viên” à, Lysander nghĩ? “Chặn đứng”? Anh tự hỏi thế là sao nhỉ, có phải là từ viết tắt của Cục Tình báo Phòng Chiến tranh không?

“Đây là loại mật mã cổ điển”, Munro nói. “Nó được gọi là mật mã một - một vì nó không thể bị phá vỡ - vì chỉ người gửi và người nhận mới biết cách giải mã”.

“Đúng”.

“Điều chúng tôi cần cậu làm, Rief”, Masinger nói chen vào, như thể ông đang vội vì phải dự một cuộc hẹn khác ở đâu đó, “là đến Geneve gặp gỡ điệp viên của chúng tôi. Người này sẽ dẫn cậu đến gặp kẻ đang gửi những tin nhắn này”.

“Tôi có thể hỏi hắn là ai không?”

“Một cán bộ lãnh sự quán Đức”.

Lysander suýt phá lên cười. Anh tự hỏi việc từ chối một cốc trà có phải là một sai lầm không. Vì anh đang cần nhấp một ngụm gì đó.

“Sau đó tôi sẽ làm gì?”

“Thuyết phục hắn trao cho chúng ta chìa khóa giải mật mã này”. Lysander không nói gì. Anh gật đầu vài lần như thể đây là nhiệm vụ hợp lý nhất trần đời.

“Làm sao ông lại cho là tôi có thể “thuyết phục” hắn?”

“Hãy sử dụng sự khéo léo của anh”, Fyfe-Miller ngắt lời. “Một khoản tiền đấm mõm lớn hẳn sẽ là một phương pháp hiệu quả nhất”.

“Tại sao lại là tôi?”

“Bởi vì cậu hoàn toàn vô danh”, Massinger nói. “Geneve giống như một cái bồn cầu đầy những gián điệp, người cấp tin, điệp viên, những người đưa thư bla bla. Bất kì người Anh nào đến thành phố này, bất kì câu chuyện ngụy trang nào được kể, tất cả đều được để ý trong vài phút. Được ghi lại, điều tra và chẳng chóng thì chầy sẽ lộ”.

Lysander chắc chắn anh không thể che giấu con người mình. “Tôi là người Anh”, Anh đáp, giọng vừa phải. “Điều tương tự tất nhiên sẽ xảy ra với tôi”.

“Không”, Massinger đáp, mỉm cười yếu ớt khoe hàm răng xỉn. “Bởi vì sự tồn tại của cậu đã chấm dứt”.

“Thực ra tôi không phiền nếu uống một cốc trà đâu”.

Fyfe-Miller đi ra cửa gọi mang trà lên, rất đúng lúc. Mọi người đều tự rót cho mình một cốc từ ấm trà.

“Có thể tôi nên nói câu lúc nãy kịch tính hơn một chút”, Massinger nói, khuấy trà liên tục. Lanh canh, lanh canh. “Cậu sẽ được báo cáo là “Mất tích khi làm nhiệm vụ”. Và trong suốt thời gian đó, cậu sẽ đến Geneve bằng một thân phận mới. Bí mật”.

“Thân phận mới của cậu sẽ là một kĩ sư đường sắt người Thụy Sĩ”, Munro nói tiếp. “Chuyến đi của cậu đến Thụy Sĩ, “chuyến đi về nhà” của cậu, vì thế sẽ không gây chú ý. Cậu sẽ liên hệ với điệp viên của chúng tôi và nhận thêm các chỉ dẫn sau đó”.

“Tôi có được phép biết tất cả chuyện này không?”

Munro nhìn Massinger. Massinger tạm dừng uống trà.

“Nó rất phức tạp, Rief”, Massinger nói. “Tôi không biết cậu có theo dõi các tin tức chiến tranh thường xuyên không, nhưng năm nay chúng ta đã tham gia vào một số cuộc “tấn công có tính chiến lược” - những cuộc tấn công lớn - tại Neuve Chapelle, Aubers Ridge và gần đây là Festubert. Không hoàn toàn là thảm họa nhưng phải nói là chúng ta đã thất bại nặng trong hầu hết các mục tiêu”. Ông bỏ chén xuống - “Như thể chúng ta bị đoán trước vậy, nếu cậu hiểu ý tôi, Những đường hào đối diện được củng cố, những vị trí cố thủ được xây dựng, những lực lượng phòng bị được chuẩn bị sẵn sàng phản công thêm pháo binh đằng sau các tuyến phòng thủ. Gần như không đáng tin cậy... Chúng ta đã phải chịu những thương vong rất, rất nặng nề”.

Giọng ông lạc đi và trong một giây, trông ông có vẻ rất lo lắng gần như là tuyệt vọng.

Munro chen vào.

“Nói thẳng nhé - chúng tôi cho rằng trong đội ngũ sĩ quan cao cấp của chúng ta có...” ông ngừng lại, như thể cái khái niệm này đang lảng tránh ông. “Không còn cách nào nói khác đi được - có một kẻ phản bội. Hắn đang truyền cho kẻ thù những tin tức tình báo về các cuộc tấn công sắp tới của chúng ta”.

“Và ông nghĩ những thông điệp mã hóa này là bằng chứng”, Lysander nói.

“Chính xác”, Fyfe-Miller cúi người về phía trước. “Đó là vẻ đẹp của câu chuyện này, ngay sau khi giải được những mật mã, chúng tôi sẽ biết hắn là ai. Chúng tôi sẽ tóm được hắn”.

Fyfe-Miller nhìn anh chằm chằm với xúc cảm kiểu thù địch - thân thiện lạ lùng. Lysander cảm thấy miệng khô khốc, cơ trên bắp chân trái của anh bắt đầu run rẩy. Fyfe-Miller mỉm cười với anh.

“Chúng tôi biết anh có thể làm gì, Rief - nhớ không? Chúng tôi đã chứng kiến những khả năng của anh tại Vienna, đã thấy anh hành động. Đó là lý do tại sao chúng tôi nghĩ đến anh. Anh nói tiếng Đức rất chuẩn, chẳng ai biết mặt anh, một người hoàn toàn xa lạ. Anh là người thông minh, biết tùy cơ ứng biến.

“Tôi cho rằng mình chả làm được gì ngoài việc tình nguyện”.

Munro dang rộng hai tay ra chiều hối lỗi.

“Tôi e rằng đây không phải là việc cho cậu lựa chọn”, ông nói. “Không phải tình nguyện đâu”.

Lysander thở hắt ra. Anh nghĩ theo cách nào đó mình đang bị dồn vào đường cùng. Tốt hơn hết nên làm đúng bổn phận của mình.

“Tuy nhiên”, Massinger nói. “Có một vấn đề về khoản nợ khá lớn của cậu với Chính phủ Anh kể từ vụ ở Vienna. Tôi tin là bây giờ nó lên tới khoảng hơn một nghìn bảng rồi”.

“Chúng tôi sẽ xem nhiệm vụ lần này như một khoản xóa nợ”, Munro nói. “Một sự thừa nhận bản chất có phần không chính thống của nhiệm vụ chúng tôi giao cho cậu”.

“Giao dịch sòng phẳng chẳng sợ cướp”, Fyfe-Miller nói.

Lysander gật đầu như thể anh biết anh ta đang nói về cái gì. Anh vẫn lắng nghe những câu nói của Hamo: Bất cứ thằng ngu nào cũng đều nghe theo lệnh - đó là cách anh hiểu những giá trị của câu nói đó.

“Dù sao đi nữa đó vẫn là một sự ưu đãi”, anh nói với sự bình tĩnh đáng ngưỡng mộ. “Tôi sẵn sàng khi mọi người sẵn sàng”.

Tất cả mọi người cùng cười. Một tuần trà nữa được dọn lên.

SAU ĐÓ FYFE-MILLER DẪN TÔI lên gác vào phòng ngủ. Trên giường là một chiếc va li, anh mở nó ra.

"Đây là đồng phục mới của anh", anh ta nói. "Bây giờ anh là một đại úy - được biệt phái đến Bộ Tham mưu. Chúng tôi sẽ đón anh lên tiền tuyến - chúng tôi nghĩ rằng đã tìm được nơi tốt nhất - và anh có thể ra ngoài mỗi đêm..." anh ta dừng lại và mỉm cười. "Đừng có lo lắng thế, Rief. Anh sắp được nhận cả một đống những chỉ dẫn trước khi đi. Anh sẽ hiểu rõ về kế hoạch còn hơn cả lịch sử gia đình mình. Vậy sao anh còn không thử nhỉ?"

Fyfe-Miller bước ra đầu cầu thang trong khi tôi mặc lên bộ quân phục mới, chỉnh tề với những phù hiệu đỏ của sĩ quan tham mưu. Nó vừa khít và tôi thấy phải cảm ơn Fyfe-Miller thật nhiều.

"Ông Jobling, thợ may của anh, thật là hữu ích đấy". Anh ta nhìn tôi, mỉm cười nhếch mép hơi kì quặc. "Anh đúng là có nguồn gốc quý tộc, Rief. Rất thông minh".

Một lần nữa tôi tự hỏi cỗ máy gì đang chạy đằng sau những cảnh này. Làm thế nào họ biết được Jobling? Có lẽ không khó tìm. Tôi nghĩ về ba người này và tầm ảnh hưởng mới của họ lên tôi và số phận của tôi: Munro, Fyfe-Miller và Massinger, Tôi chỉ biết hai người - một chút - và một người hoàn toàn xa lạ. Ai phụ trách sô diễn này nhỉ? Massinger à? Nếu thế thì ông ta báo cáo cho ai? Có phải Fyfe-Miller làm phó cho hai người kia không? Những câu hỏi cứ xuất hiện liên tục. Cuộc đời tôi dường

như đang chạy trên một con đường xa lạ - Tôi là hành khách trên một chuyến tàu mà chẳng hiểu nó đang đi về đâu, hay điểm đến cuối cùng của nó là gì.

Tôi chuyển khách sạn từ Bayswater đến Nam Kensington. Tôi có một phòng ngủ, một phòng khách nhỏ và một lò sưởi - mình có cần lửa không nhỉ. Những ngày này trôi đi êm dịu hơn khi mùa hè bắt đầu chứng tỏ sự hiện diện của nó.

Và với tôi - như một người sắp tham chiến - những tin tức từ mặt trận bỗng có liên quan sâu sắc. Tôi thấy tôi đang đi theo một kết cục đẫm máu, lâu hơn dự tính của cuộc chiến Festubert với sự quan tâm lạ thường. Tôi đọc tin tức về chiến thắng vĩ đại của quân Anh và Đế chế (cả lính Ấn Độ và Canada cũng tham gia). Nhưng kể cả với người chả biết gì cũng thấy nổi bật trong các bản mô tả về cuộc chiến là những tranh cãi, những dè dặt. “Sự hy sinh dũng cảm”, “cuộc chiến đấu anh dũng”, “đứng trước làn đạn như mưa của kẻ thù”, - những cụm từ mệt mỏi này đã làm lộ bí mật. Còn có cả một lời phê bình nửa giấu giếm: “số lượng súng hạng nặng của chúng ta không đủ”, những thương vong được xác nhận sẽ đến hàng chục nghìn, và có lẽ còn hơn thế.

Mẹ gửi cho tôi một lá thư. Thật ngạc nhiên là thư của bác sĩ Bensimon.

> *Rief thân mến của tôi*
>
> *Tôi tin tưởng rằng tất cả đều tốt đẹp, theo mọi nghĩa của từ này. Tôi muốn nói với cậu rằng tôi và gia đình đã rời Vienna ngay sau khi hiểu rằng chiến tranh là điều không thể tránh khỏi. Tôi đã thiết lập một phòng khám tại London trong trường hợp cậu cần những dịch vụ chuyên môn.*

Trong bất cứ trường hợp nào, tôi rất vui lòng được gặp cậu. Phòng khám của tôi có địa chỉ tại 117,Highgate Hill. Điện thoại: HD 7634.

Những lời chào chân thành,

John Bensimon.

Tái bút: Những kết quả các cuộc gặp của chúng ta tại Vienna năm 1913 đã được xuất bản trong cuốn Tập san Các Phân tích Nghiên cứu Tâm lý. Cậu có thể xem qua bài viết với bút danh "Người Chỉ đạo Xiếc".

Tôi cảm thấy ấm áp và xúc động với bức thư này. Tôi luôn yêu thích và tôn trọng Bensimon nhưng không bao giờ biết chắc ông nghĩ gì về tôi. "Trong bất cứ trường hợp nào, tôi rất vui lòng được gặp cậu". Tôi xem đó là một lời động viên, gần như là thân thiện, một lời mời giữ liên hệ rõ ràng.

Mỗi ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu, tôi đến ngôi nhà tại Islington nhận những chỉ dẫn tường tận của Munro, Fyfe-Miller và ngày càng nhiều chỉ dẫn từ Massinger. Tôi nghiên cứu những bản đồ, tập làm quen với mô hình cát, mô hình một phần tiền tuyến của chúng tôi dưới tầng hầm. Tôi nghĩ đây chắc chắn là hoạt động của Cục Tình báo Văn phòng Chiến tranh. Nhưng tôi đang bắt đầu nghi ngờ nó bắt nguồn từ một cơ quan mật nào đó của chính phủ. Một hôm, Massinger đã hai lần vô tình nhắc đến một người với bí danh "C". Tôi nghe lỏm được ông nói với Fyfe-Miller, với một chút hăng hái, thậm chí là phẫn nộ cố ghìm nén: "Tôi đang định đến Thụy Sỹ nhưng "C" nghĩ rằng như thế chỉ phí thời gian. Ông ta nghĩ chúng ta nên tập trung nỗ lực hướng vào Hà Lan. Chúng ta sẽ dựa vào Rief để chứng minh là ông ta sai". Chuyện này là thế quái nào? Làm sao tôi lại được dùng để đối đầu với thách thức đó? Khi có cơ hội tôi đã hỏi Fyfe-

Miller người có tên "C" này là ai, nhưng anh ta chỉ đơn giản nói: "Tôi không biết anh đang nói về cái gì. Vớ vẩn quá".

Thân phận kĩ sư đường sắt Thụy Sĩ của tôi nhanh chóng được chấp nhận, dựa trên thân phận của một kĩ sư đang chữa bệnh u tá tràng mãn tính trong một bệnh viện điều dưỡng tại Bỉ, Chúng tôi lặng lẽ mượn phần lớn thân phận của anh ta. Anh chàng đang nằm trong phòng bệnh, nửa mê nửa tỉnh, đau đớn, hy vọng dần nhạt nhòa. Tên tôi là Abelard Schwimmer. Tôi chưa kết hôn, bố mẹ đều đã chết, tôi đang sống trong một ngôi làng nhỏ ngoài Zurich. Hôm nay tôi đã thấy hộ chiếu của mình - một hồ sơ trông có vẻ rất thật, đầy những con dấu và tem từ những lãnh thổ mà tôi chưa hề đi qua - Pháp, Bỉ, Hà Lan và Italia, Tôi sắp đến Geneve bằng phà từ bên bờ hồ thuộc Pháp tại Thonon, và sống trong một khách sạn thương mại hạng trung. Người điệp viên tôi phải liên hệ tên là "Lửa Mừng". Người Chỉ đạo Xiếc gặp gỡ Lửa Mừng. Bensimon hẳn sẽ cười thầm nếu ông biết chuyện này.

Sáng nay, Munro dẫn tôi đến một trường bắn quân sự phía đông Beckton. Ông dạy tôi cách dùng khẩu súng lục ổ quay quân dụng Webley Mark VI. Tôi bắn mấy loạt súng vào các mục tiêu khá chính xác. Đây là một vũ khí mạnh khiến cẳng tay tôi bắt đầu đau nhức.

"Tôi hy vọng sẽ không phải dùng đến cái thứ này", tôi nói.

"Chúng tôi cố gắng dự đoán trước mọi tình huống, Rief ạ", ông chỉ nói có thể. "Cậu đã bao giờ ném lựu đạn chưa?"

"Chưa".

"Chúng ta cùng thử nhé, được không? Những quả thủ pháp. Rất dễ dàng, miễn là cậu có thể đếm từ một đến năm".

Quay về Islington, ông cho tôi biết những mẩu thông tin quan trọng. Địa chỉ một ngôi nhà an toàn tại Geneve. Số điện thoại bí mật của tùy viên quân sự tại lãnh sự quán -"Chỉ được sử dụng trong tình huống cực kì khẩn cấp". Mã số tài khoản ở ngân hàng Liên bang Geneve - nơi tôi có thể rút những khoản tiền đút lót cần thiết. Và một mật khẩu kép phức tạp sẽ cho phép tôi nhận diện điệp viên Lửa Mừng - và dĩ nhiên là nhiều thông tin khác nữa.

"Tận dụng thời gian của cậu đi, nhưng tôi đề nghị cậu phải nhớ chúng vào đầu đấy", Munro nói thêm, "Hay nếu không tin tưởng vào trí nhớ, hãy xăm chúng lên bất kì bộ phận cơ thể nào kín đáo của cậu".

Tôi có thể xác nhận đây là câu nói đùa đầu tiên của Munro.

Tôi ăn tối với Blanche đêm cuối cùng tại quán Pinoli's ở Soho, một trong những quán ưa thích của cô ấy. Cô sắp bắt đầu buổi trình diễn vở *Người hùng Bất đắc dĩ* tại Nhà hát Alhambra. Cô ấy bảo tôi rằng, các nhà hát sẽ đông nghẹt như trong thời bình. Tôi cảm thấy ghen tị. Bỗng thấy thôi thúc muốn quay về cuộc sống cũ, trở lại sân khấu, diễn xuất, giả vờ. Rồi tôi bỗng hiểu ra đây chính xác là điều tôi sắp làm. Ngay cả tên vở kịch của cô cũng hợp đến bất ngờ. Nó tác động kha khá đến tôi.

"Em thích nhìn anh mặc quân phục hơn", cô nói. "Nhưng em tưởng anh là binh nhì".

"Anh được thăng chức rồi", tôi đáp."Anh sắp phải đi Pháp. Thực ra...". Blanche im lặng nhìn tôi, đôi mắt chợt đẫm lệ.

"Ôi, trời ơi, không", cô nói, rồi lại trấn tĩnh được. "Em rất tiếc." - Cô ấy nhìn hai tay tôi - nhìn vào chiếc nhẫn đính hôn đã mất, tôi cho là vậy - rồi

đột ngột nói: “Tại sao mọi chuyện với chúng ta lại ra nông nỗi này hả Lysander?”

“Chẳng có gì không ổn cả. Cuộc sống vẫn đi theo con đường của nó thôi”.

“Và bây giờ cuộc chiến đang đi trên con đường của nó”.

“Chúng ta vẫn có thể...”.

“Đừng nói thế!” Blanche gay gắt. “Em ghét cay ghét đắng câu nói ấy”.

Thế nên tôi không nói gì nữa và cắt một góc lớn món bít tết giăm bông. Khi cắn một miếng, tôi cảm thấy chân răng mình như muốn long ra.

“Anh có thể làm cho cậu một cái răng khác”, anh Hugh Faulkner nói với tôi. “Nhưng trong những hoàn cảnh không may hiện giờ, sẽ phải mất thời gian đấy”.

“Chỉ việc gắn lại nó vào thôi nếu anh có thể”, tôi đáp. “Hiện tại em sẽ phải sang Pháp vào bất kì lúc nào đấy”.

“Năm trong số những người bạn đại học của anh chết cả rồi”, anh buồn rầu nói, “Anh không dám nghĩ có bao nhiêu người sẽ phải chết nữa”.

Tôi không tìm ra được câu trả lời hợp lý nào nên đành im lặng. Anh cũng không nói gì nữa, đá đá đầu mũi giày vào cái chân ghế bằng crôm. Tôi đang ngồi trong chiếc ghế tựa đa năng đặc biệt của Hugh phòng mạch của anh trên phố Harley.

“Tất cả chúng ta đều cần một chút may mắn”, tôi nói, kéo anh ra khỏi sự mơ màng, sầu muộn và chặn đứng những cú đạp thình thình từ chân anh.

“Cậu chính là điều may mắn chết tiệt mà cậu không biết đấy”. Anh nói, tay giơ cái răng lên ánh đèn sáng lóa trên đầu.“Thật tuyệt vời khi nghĩ rằng họ từng làm những thứ này bằng ngà voi”. Anh tháo cúc hai cổ tay áo choàng và cuộn lên. “Há to miệng ra và xem đây này”.

Tôi làm theo. Hugh kéo cái đèn lại gần hơn và nhìn chằm chằm vào miệng tôi. Anh đang mặc bộ đồ màu đen ba lớp và thắt một chiếc cà vạt tôi không thể nhớ nổi nó được bán ở đâu. Anh bắt đầu đưa que thăm khám răng bằng kim loại sắc quanh miệng tôi.

“Anh phải nói rằng hàm răng của cậu đang khá tốt đấy...”.

“Ái!”

“Xin lỗi, xin lỗi!”

Cái que nhọn ấy đã chạm vào một đường viền mờ của chiếc răng sâu.

Mặt tôi tái nhợt, toát mồ hôi. Cứng người.

“Chúa tôi, Hugh... Trời ạ! Đau quá”.

“Xin lỗi, Anh vừa chạm vào lớp trám răng to ở phía sau - răng hàm thứ hai bên phải trên cùng”.

“Nó có thối rữa không?”

“Không, không. Chẳng có gì không ổn với răng đâu”, Hugh đáp, cười lặng lẽ. “Cái cậu vừa cảm thấy là một cú sốc điện. Hai kim loại gặp nhau trong môi trường chất điện phân là nước miếng. Ừm! Giống như một mẩu giấy bạc khi cậu bẻ gãy thỏi sô cô la bọc bên trong. Cậu biết đấy, nó dính vào miếng sô cô la, và khi ta bắt đầu ăn - một cơn sốc điện nhỏ. Răng cậu chẳng làm sao cả đâu”. Anh bước lùi lại và lùa hai tay lên tóc tôi, mỉm cười hối lỗi. “Đừng làm mọi chuyện rối tung lên và hãy nhớ lấy bài thơ này”.

CHẤT ĐIỆN PHÂN

Khi anh thấy khuôn mặt em bên cửa

Trong giấc mơ các thầy tu đạo Hồi đang nhảy múa

Như que dò chạm đến chiếc răng hàm

(Chất điện phân của tình yêu)

Thế rồi anh nhìn thấy đó chính là em,

Sương mù buổi tối tụ về thung lũng

Hai bàn tay anh dò dẫm

Bao phủ toàn thung lũng

Thành một khối hình vuông chằn chặn

Dành tặng em.

Tôi đang ngồi trong căn phòng ngủ cũ tại Claverleigh. Tôi vào phòng Crickmay nói lời từ biệt. Ngày mai tôi đi Pháp rồi. Tiếng thở của Crickmay nghe như tiếng máy bơm cũ khò khè đang cố thoát nước cho mỏ bị ngập. Không khí và nước trộn lẫn vào nhau.

Ông cố gắng thở hổn hển chào tạm biệt và nắm chặt tay tôi. Bên ngoài hành lang mẹ có vẻ bối rối nhưng vẫn kiềm chế được.

“Con sẽ đi trong bao lâu?” mẹ hỏi.

“Con không chắc. Khoảng một hai tháng, có thể lâu hơn”. Massinger cũng không thể chắc được. Thời hạn sẽ được quyết định theo sự cần thiết của nhiệm vụ và của điệp viên Lửa Mừng.

“Khi con quay về ông ấy sẽ không còn nữa đâu”, bà nói, thẳng thừng

“Mẹ sẽ làm gì?”

“Mẹ sẽ ổn thôi. Mẹ sẽ dành hai mươi tư tiếng một ngày cho công tác từ thiện nếu cần. Mẹ không biết mẹ sẽ làm gì khác nữa, thật đấy. Bây giờ chúng ta có sáu nhân viên tại văn phòng ở Lewes”.

“Tuyệt thật”, tôi hôn lên má mẹ. Bà nắm hai tay tôi, bước lùi lại nhìn tôi từ trên xuống dưới.

“Trông con rất đẹp trong bộ quân phục đấy”, bà nói. “Cha con hẳn sẽ tự hào lắm”.

Tôi cảm thấy dòng lệ nóng hổi trên mắt khi vừa nghĩ đến điều này.

37

Sĩ quan người Anh*

MUNRO VÀ LYSANDER ăn trưa tại quán Aire, mười hai dặm phía sau tiền tuyến. Lysander nghĩ ngoài việc thực khách trong nhà hàng này toàn là nam giới mặc quân phục, những trải nghiệm của vị giác và rượu vang đã trở nên ngon hơn nhiều so với năm 1912, cũng tại quán này. Họ ăn món gà hầm rượu vang đỏ tuyệt hảo, uống một bình Beaujolais, và được giới thiệu một bộ sưu tập mười hai miếng pho mát. Bữa ăn trọn vẹn với món bánh mứt và một chai brandy Calvados.

"Kẻ tử tù được đãi một bữa hậu hĩ", Lysander nói.

"Tôi ngưỡng mộ khiếu hài hước hiểm ác của cậu đấy, Rief. Nhưng tôi phải nói rằng, chúng ta không cần điều đó, Cậu sẽ không phải trải qua bất kì rủi ro nào - dù là nhỏ nhất. Chúng ta sẽ đến một quân khu an toàn mới chỉ có ba thương vong vào tháng trước".

Lời nói xoa dịu của Munro chẳng khiến Lysander yên tâm tí nào: một ca thương vong cũng là thương vong. Chỉ có một ca thương vong trong tháng này - và đó sẽ có thể là anh. Tuy vậy, người ta vẫn sẽ vỗ tay vì sự an toàn ngày càng tăng ở quân khu ấy.

Chiếc xe quân sự đưa họ đến vùng hậu phương ở cực nam của các phòng tuyến nước Anh, nơi Tập đoàn quân số 1 của lực lượng Viễn chinh Anh nằm tiếp giáp với Tập đoàn quân số 10 của Pháp. Họ đi qua thị trấn Bethune. Xe ngoặt vào đường cái, đi xuống những con đường nông thôn tới khi đến chỗ trú quân của Tiểu đoàn 2/10 Lính Hỏa mai Manchester

Trung thành. Con đường đầy gỗ và các bó cành cây dẫn họ đến một thảo nguyên, bao quanh là các vườn táo và hàng dãy các lều chuông. Một căn bếp dã chiến khá lớn nằm ở một góc. Từ đồng cỏ lân cận vẳng ra những tiếng hò hét, chạm cốc, và tiếng đập mạnh vào quả bóng da cho thấy đang có một trận đấu bóng.

Lysander xuống xe thấy mình như cậu bé mới đến trường - háo hức, sợ hãi và hơi buồn nôn. Anh và Munro được chỉ đến chỗ Đại đội tiểu đoàn bộ trong ngôi nhà ở trang trại gần đó. Ở đây, Munro trao các công văn cho một sĩ quan quân đội có vẻ cáu kỉnh và lầm lì. Ông ta tận dụng thời gian đọc luôn nội dung tài liệu, rồi thở hổn hển như thể đang phải kiềm chế những lời tục tĩu.

“Do đích thân Haig kí”, ông nói, nhìn Lysander với một ánh thù địch nào đó. “Anh sẽ được cung cấp mọi thứ anh cần, Đại úy Rief. Anh chắc chắn phải là một người rất quan trọng”.

“Anh ta đấy”, Munro ngắt lời. “Điều cơ bản là mọi thứ phải được thực hiện để giúp đỡ đại úy ở mức tốt nhất có thể. Hiểu không, Thiếu tá?”

“Tôi hiểu và không hiểu”, viên thiếu tá đáp, gọn lỏn rồi đứng dậy. “Xin mời theo tôi”.

Phải, chính thế, Lysander nghĩ. Thế là xong: Munro đã đẩy mọi việc đi quá xa, như thể bị bỏ phiếu chống tại một câu lạc bộ - khuôn mặt của viên thiếu tá là một hình ảnh của sự trịch thượng, bề trên. Ông ta dẫn hai người dọc theo lối đi lát gạch đến một chuồng bò, nơi vài chiếc giường xếp được dựng lên, rồi chỉ vào một chiếc giường.

“Vứt đồ đạc của anh lên kia. Tôi sẽ chỉ định công vụ cho anh. Ăn tối lúc sáu giờ trong lều ăn chung”.

“Để ông ta cho tôi”, Munro nói, khi nhìn theo viên thiếu tá đang bỏ đi. “Tôi sẽ có một lời thì thầm nữa với anh chàng tuyệt vời của chúng ta”. Ông mỉm cười: “Dọa ông ta đến chết”.

Lysander nghĩ đôi khi có một người như Munro bên cạnh là một lợi thế. Dù sao đi nữa anh vẫn ngồi im lặng suốt bữa ăn trong lều ăn chung, không viên sĩ quan nào buồn kéo anh vào cuộc trò chuyện. Anh nghĩ do họ quá cẩn trọng chứ không phải coi thường anh. Có Chúa mới biết Munro đã nói gì, vậy nên anh cố gắng giải quyết hết đồ ăn, món thịt bò kho với bánh bao, bánh pudding hấp và sữa trứng. No nê, khó chịu nhưng cảm thấy sẽ nhục nhã hơn nếu không ăn hết đĩa đồ ăn của mình...

Ngay sau khi xong phận sự, anh quay về chiếc giường xếp trong chuồng bò và hút thuốc.

“Ngài Rief?”

Anh ngồi dậy. Một trung sĩ đứng ở ngưỡng cửa.

“Tôi là Trung sĩ Foley, thưa ngài”.

Họ đứng nghiêm chào nhau. Lysander vẫn cảm thấy không quen khi được gọi là “ngài”. Foley là một người thấp đậm với cái mũi hếch. Lysander đoán anh ta ba mươi tuổi, chất giọng vùng Lancashire nặng thế hóa ra lại thích hợp với khổ người cơ bắp của anh ta.

“Có một đội công binh đang lên. Chúng ta có thể đi theo họ”.

Họ chẳng chịu tha cho mình một giây nào cả, Lysander nghĩ. Anh nhanh chóng gói ghém vài món đồ cần thiết - một chai whisky, thuốc lá, đèn pin, la bàn, mấy tấm bản đồ, túi đồ nghề với hai quả lựu đạn, một khăn quàng cổ và mấy đôi tất dự phòng. Anh bỏ lại chiếc áo mưa - bây giờ đang là một đêm ấm áp, trời quang - và theo Foley ra ngoài. Bất ngờ cảm

thấy những mối lo sợ đang khiến chân tay cứng ngắc, anh bèn tập trung hết sức vào việc thở. Bình tĩnh, bình tĩnh nào, anh tự nhủ, hãy nhớ rằng đây là một quân khu yên tĩnh - chiến tranh đang xảy ra ở nơi khác cơ - đó là lí do tại sao mày ở đây. Mày được hướng dẫn và đào tạo rồi, mày xem bản đồ rồi, mày được nhận những lời chỉ dẫn đơn giản rồi - giờ chỉ việc làm theo thôi.

Anh và Foley đi phía sau đội công binh, nặng nề trên một con đường đầy bùn, rẽ ngoặt vào một giao thông hào. Ban đầu còn sâu đến eo lưng, nhưng ngày càng sâu đến khi những công sự nổi mỗi bên thu hẹp bầu trời đêm thành một dải màu xám da cam.

Khi đến được các tuyến phòng thủ, Lysander bắt đầu thấm mệt. Foley dẫn anh vào hầm trú ẩn của các sĩ quan. Lysander tự giới thiệu mình với Đại úy Dodd, Tư lệnh đại đội - một người trông già hơn cái tuổi ba mươi với hàng râu rậm buông rủ, ẩm ướt. Và hai người trung úy còn rất trẻ - tên là Wiley và Gorlice-Law - Lysander đoán họ chưa đến hai mươi - giống những người lớp trưởng tại một trường trung học nội trú. Họ biết anh là ai, chắc tin tức đã truyền đến tận đây. Họ rất lịch sự và chào đón anh nồng nhiệt vừa đủ nhưng có thể thấy họ đang dò xét phù hiệu sĩ quan tham mưu của anh với vẻ nghi ngờ, như thể anh là vật truyền nhiễm theo cách nào đó. Được cấp cho một chiếc giường tầng, anh lấy chai whisky từ trong túi làm quà tặng cho hầm trú ẩn. Mỗi người đều uống một cốc nhỏ, bầu không khí trở nên bớt băng giá và dần suồng sã hơn.

Lysander điểm lại câu chuyện vỏ bọc của mình rằng anh đến đây từ "Quân đoàn" để do thám vùng đất trước mặt các con hào của Anh và Pháp, và nếu có thể, sẽ cố gắng xác định lực lượng binh lính Đức ở phía đối diện.

“Chúng đã đốt gần hết cỏ trước mặt hàng rào dây thép gai của chúng rồi”, Dodd bi quan nói. “Khó tiếp cận lắm”.

Lysander lấy ra bản đồ con hào ra, đề nghị ông xác định chính xác nơi chiến tuyến của Anh và Pháp giao nhau. Dodd chỉ tay vào đầu nhô ra hình chữ V đến tận vùng đất không người.

“Ở đó”, ông nói. “Nhưng chúng đã lấp hết bằng dây thép gai rồi. Anh không thể đi qua được đâu”.

“Hai phương trời cách xa thăm thẳm đấy”. Wiley nói, hài hước.

“Foley sẽ là người đưa anh ra ngoài”, Gorlice-Law nói. “Rõ ràng là cậu ấy thích đi tuần”. Cậu ta đang tưới mắm cá trống lên một chiếc bánh bích quy cứng rồi cắn say mê. Trông cậu nhai tóp tép như một thằng bé ở cửa hàng bán bánh kẹo trong trường. “Ngon tuyệt”, cậu nói, bổ sung thêm một lời bào chữa: “Tôi lúc nào cũng đói meo - chẳng hiểu nổi tại sao nữa”.

Dodd sai Wiley đến con hào trước phòng tuyến kiểm tra các phiên gác. Lysander rót thêm rượu whisky vào hai cốc.

“Họ nói đúng là bất hạnh khi sĩ quan tới phòng tuyến này lại đến từ Quân đoàn”, Dodd nhận xét, buồn bã. Trông ông ta đúng là chẳng vui vẻ tí nào.

“Ồ,ngày mai tôi cũng sẽ đi luôn mà”, Lysander đáp. “Ông sẽ chẳng nhớ tôi đâu”.

“Đúng là mọi chuyện đang tốt đẹp, nhưng anh vẫn phải đến đây, anh không thấy sao? Ngay đây, đến với chúng tôi”, Dodd nói, kiên nhẫn. “Vậy các anh đang lên kế hoạch tấn công kiểu gì thế?”.

“Nghe này, chỉ là do thám thôi mà”, Lysander muốn nói rằng anh thực ra chẳng phải là sĩ quan tham mưu gì hết, nên lời nguyền rủa ác độc sẽ

chẳng liên quan gì. “Sẽ chẳng có chuyện gì đâu”.

“Dù gì thì anh cũng sẽ chẳng nói ra, đúng không? Gorlice-Law nói, vươn tay lấy thêm cái bánh nữa. “Bí mật chết người và tất cả những chuyện đó. Im lặng - Im lặng”.

“Uống thêm whisky đi nào”, Lysander nói.

Lysander ngủ chập chờn trên chiếc giường xếp cứng liên tục thức giấc vì tâm trí không ngừng quay cuồng lẫn những tiếng ngáy sâu và dài của Dodd. Anh nghe thấy những tiếng tuýt còi báo hiệu” bình minh lên. Bữa sáng với trà và bánh sandwich mứt được công vụ của Dodd mang đến. Foley tới và ngỏ ý đưa anh đi xem con hào tiền tuyến, để “nhìn qua” vùng đất không người.

Lysander thấy những con hào trên cánh phải giáp biên giới của lực lượng Viễn chinh Anh rất hẹp, sâu nhưng khô ráo và ở điều kiện tốt, với một tầng ván kê, một bục đứng bắn được ốp đá chắc chắn và một công sự hoàn thiện bằng các bao tải cát. Ngoài lính gác đang đứng trên các bục đứng bắn, những người lính khác đứng túm tụm trong các xó xỉnh và những cái hang giả nhỏ sâu lõm vào từ bức tường đối diện - họ đang ăn uống cạo râu và lau chùi đồ nghề của mình. Lysander thích thú khi thấy hầu hết bọn họ đang mặc quần đùi với những cái đầu gối sạm nắng - như thể họ đang trải qua một kì nghỉ hè lạ lùng nào đó - khi anh đi theo Foley dọc theo các bức tường che chiến hào đến một lỗ châu mai phủ lưới. Anh được trao cho một cái ống nhòm.

“Thế này sẽ an toàn trước các tay súng bắn tỉa”, Foley nói. “Anh có thể nhìn qua tấm lưới kia nhưng chúng không thể nhìn thấy anh”.

Lysander nâng ống nhòm nhìn ra khắp vùng đất không người, Bãi cỏ dài và đám ngũ cốc mọc tự nhiên như tô điểm cho những bến tàu hoen rỉ.

Ở khoảng cách xa xa chính giữa, ngay trước mắt họ, là một tàn tích nhỏ - trông giống một đống đá vỡ vụn nằm lăn lóc - cách đó một quãng là ba cây đu rậm lá, nghiêng hẳn về một bên với mấy cành chính đã bị chặt. Khung cảnh thanh bình như ở thôn quê. Một làn gió nhẹ ấm áp đang thổi, khiến thảo nguyên xù xì trên mảnh đất không người này khẽ xao động dập dờn. Những cây cỏ cao và các cây chút chít uốn mình trước cơn gió nhẹ mơn man,

"Những con hào này dài bao nhiêu?" anh hỏi.

"Xa hai trăm thước từ đây. Anh không thấy được đâu. Bãi đất gồ lên ở chính giữa nên khó nhìn hết lắm".

Lysander hiểu. Anh cũng hiểu rằng khối xây vỡ nát là những gì còn lại của một hầm mộ gia đình. Đây sẽ là điểm mốc của anh về đêm.

"Thế còn cái tàn tích kia?"

"Chúng đào một con hào ra đến đó làm điểm nghe lén nhưng chúng tôi đã đánh bom chỗ ấy một tháng trước. Chúng vẫn chưa quay lại".

"Tôi cần một tầm nhìn tốt vào đêm nay, Trung sĩ. Có con mương thoát nước nào không?"

"Có một vài, nhưng đã bị chặn và cây cối che kín hết rồi. Anh có thấy khóm mấy cây liễu không - về bên phải ấy?"

Lysander xoay ống nhòm. "Có".

"Đó là điểm bắt đầu của con mương sâu nhất. Nó chạy cắt ngang mặt trận của ta, rồi rẽ ngoặt vào hàng rào thép gai của quân Pháp".

Lysander ghi chú qua loa trên bản đồ của mình - bây giờ anh ngày càng nhận rõ phương hướng - kèm theo một chiếc đèn pin nhỏ và cái la bàn. Anh sẽ chẳng sao đâu.

“Anh muốn ra ngoài vào lúc mấy giờ?” Foley hỏi. Lysander nhận ra lúc này không còn chữ “ngài” đi kèm nữa.

“Khi trời tối nhất. Hai hoặc ba giờ sáng”.

“Đêm nay rất ngắn đấy. Hạ chí vừa qua rồi”.

“Chúng ta sẽ không ra ngoài lâu đâu. Tôi chỉ muốn xác nhận một vài chi tiết. Anh sẽ quay về trong vòng nửa giờ. Chúng ta sẽ quay về”, anh nói thêm rất nhanh.

“Gorlice-Law có vẻ sẽ đi với chúng ta”, Foley nói. “Cậu ta chưa làm nhiệm vụ tuần tra lần nào. Đại úy Dodd cho rằng, đây có thể là một buổi thực tập tốt đối với cậu ấy”.

“Không”, Lysander đáp. “Chỉ anh và tôi thôi, Foley”.

“Tôi sẽ trông chừng thằng nhóc, ngài đừng lo”. Anh ta mỉm cười. “Tốt hơn hết ta nên làm vui lòng Đại úy”.

Vào buổi chiều, hai chiếc máy bay chỉ điểm RFC lượn lờ phía trên con hào. Lần đầu tiên Lysander nghe thấy những tiếng súng từ phía phòng tuyến quân Đức. Tiếp theo là một tiếng la hét nghe xa xôi từ đâu đó trên vùng đất không người. Một giọng nói đơn độc. Những người lính bắt đầu cười cợt.

“Hắn đang hét cái gì thế nhỉ? Ai thế?” Lysander hỏi Foley.

“Hầu như chiều nào hắn cũng bò ra ngoài vào lúc yên tĩnh và quấy rối chúng tôi. Anh có thể đặt giờ đồng hồ của mình theo hắn được”.

Lysander đứng lên bục đứng bắn và lắng nghe. Từ bãi cỏ dài vẳng đến một giọng nói yếu ớt nhưng rõ ràng: “Này, mấy thằng Anh chó chết kia! Cút mẹ về nhà đi, bọn Anh chó chết!”

Lysander nghĩ rằng mình cũng có thể nghe thấy tiếng cười từ các phòng tuyến của quân Đức.

Sau khi nghe "báo hiệu" buổi tối, Lysander lại bắt đầu thấy thần kinh căng thẳng. Anh thầm lặng điểm lại hết những chỉ dẫn, không chỉ một lần soát lại trong đầu những gì phải làm. Anh ngầm kiểm tra lại hai trái lựu đạn quả dứa số 5 trong ba lô, xác nhận đến hai mươi lần rằng các kíp nổ vẫn còn nguyên. Gorlice-Law tỏ ra rất háo hức với chuyến tuần tra, bôi đen mặt, lau chùi khẩu súng lục, hết tháo đạn ra rồi lại lắp vào.

"Chúng ta chỉ đi xem khu đất thôi", Lysander cảm thấy có trách nhiệm phải nói với cậu. "Tôi không nghĩ cậu sẽ thấy thú vị đâu".

"Tôi mới đến đây hai ngày trước", Gorlice-Law đáp. "Tôi không thể đợi thêm được nữa".

"Được rồi, ngay khi phát hiện dấu hiệu rắc rối đầu tiên, chúng ta phải rút ngay".

Dodd sai anh ta đi rửa sạch mặt mũi và chuẩn bị "bàn ăn" - một bên cánh cửa được đặt lên trên hai thùng đạn dược - và nói: "tôi không muốn ngồi cùng với một tên da đen đâu, Trung úy". Họ được phục vụ bữa tối với món thịt hầm đóng hộp, bánh bích quy rồi bánh pudding nho khô và phần rượu whisky còn lại của Lysander. Khi trời ngày càng tối hơn, Foley mang đến một ít rượu rum. Lysander cho rằng đó lại một loại rượu mạnh với mùi mật đường rất nồng và đặc như thuốc ho. Anh có thể thấy Gorlice-Law đang ngấm dần những ảnh hưởng mạnh của whisky - biểu hiện đờ đẫn trên mặt cậu ngày càng rõ nét khi cậu cố tập trung - hai lông mày oằn xuống trong cái nhíu mắt, hai môi bặm lại, lời nói chậm và thận trọng

Đến hai rưỡi sáng, Lysander bước lên con hào để gặp Foley tại điểm xuất phát. Một chiếc thang gỗ dựng tựa vào bức tường, đối diện chở hàng rào dây thép gai bị chọc thủng. Foley quấn chiếc mũ che mặt đang đội lên trên trán, mặc áo chẽn bằng da bẩn thỉu buộc quanh bằng chiếc đai nịt, quần soóc, giày đi cát và buộc thêm mấy chiếc tất quanh đầu gối. Anh ta mang một khẩu súng lục trong túi và một chiếc còi buộc vào dây đeo trên cổ.

“Ba tiếng nổ và chúng ta đi thẳng về nhà”, Foley nói, nhìn Lysander, nghi ngờ.

“Chuyện gì thế, Foley?”

“Ăn mặc tề chỉnh quá thưa ngài. Trông ngài cứ như đi duyệt binh ấy”.

“Tôi có mang theo nhiều đồ đâu”.

Foley có một cái hộp sáp nến màu đen, anh vẽ mấy đường sọc lên mặt Lysander. Anh quay lại nhìn Gorlice-Law đã cởi áo vest, đai nịt và xà cạp, đang giắt khẩu súng lục vào thắt lưng.

“Gorlice - Law, từ bây giờ cậu phải làm theo tất cả những gì tôi chỉ dẫn. Hiểu không?”

“Rõ, Trung sĩ”.

Foley bắn lên một quả pháo sáng Verey* màu hồng báo cho toàn tiểu đoàn biết có nhóm tuần tra ra ngoài. Sau đó họ lên thang, trèo qua các bao tải cát, bỏ qua hàng dây thép gai và tiến vào bóng tối đang bao trùm lên vùng đất không người.

Một đêm không trăng và Lysander vẫn kinh ngạc thấy mình bị lạc hướng quá nhanh khi bò qua bãi cỏ dài. Sau vài phút, anh không biết mình đang tiến về đâu khi đi theo Foley - với Gorlice-Law đang theo sát

phía sau. Một quả pháo sáng màu trắng bắn lên từ phòng tuyến quân Đức, trong một thoáng biến thế giới thành bức tranh một màu rực sáng. Anh chợt có ham muốn đứng thẳng lên nhìn xem mình đang ở đâu. Tất cả chợt dừng lại.

"Tàn tích đâu rồi?" anh rít lên với Foley. Ánh sáng chói lọi mờ dần rồi tắt lịm.

"Khoảng năm mươi thước nữa, chéo về bên phải".

"Dẫn chúng tôi đến đó đi".

Foley đổi hướng và họ tiếp tục bò. Một vài dặm về phía bắc đang diễn ra một "cảnh nguy hiểm" - những quả pháo sáng và hỏa lực phía xa xa, những tràng súng máy rát họng. Lysander quay nhìn lại - trên những con hào của Trung đoàn Lính Hỏa mai Manchester Trung thành 2/10 vẫn chẳng có gì xảy ra. Vùng thôn quê tối đen như mực đang yên ngủ. Ngay cả những phát đạn pháo sáng mang tính đề phòng, thăm dò nhưng cũng chẳng buồn bắn lên. Tất cả vẫn còn đang say giấc nồng.

"Chúng ta đi được bao xa rồi?" Lysander vỗ lên mắt cá chân Foley. "Sang cái gò nhỏ kia là đến nơi".

Đến lúc rồi.

"Ở lại đây", anh nói với Foley. "Đừng để cậu ấy một mình".

"Không, thưa ngài. Không được đi một mình. Hãy để tôi đi theo ngài".

"Đó là lệnh, Foley. Trông chừng Trung úy đi".

Lysander bò đi, tách xa khỏi hai người, hướng về phía con dốc - đúng chỗ nhấp nhô nhỏ nhất nhưng vẫn đủ cao để thấy những khối đá lộn xộn, nhợt nhạt từ phía hầm mộ bị phá hủy. Anh nhìn sang bên phải tìm những cây đu bị chặt phá. Anh cho rằng đã thấy cái bóng đen kịt của

chúng in trên bầu trời đêm. Những tàn tích, những cây đu, mương thoát nước - ít nhất anh cũng có những điểm mốc tự nhiên để nhắm tới trong bóng tối hay thay đổi. Xung quanh anh, cỏ cây như đang thì thầm.

Anh trượt xuống bên kia con dốc, tiến đến hầm mộ hoang tàn. Chắc chắn đó phải là một dinh thự, anh nghĩ khi bò đến gần hơn. Một chức sắc địa phương nào đó hẳn muốn lưu giữ mãi tên tuổi gia đình mình. Nhưng anh không cho rằng...

Lysander lạnh người. Anh nghe thấy tiếng ken két, Chuột à? Nhưng nó không ngừng kêu. Nước nhỏ giọt à? Rồi nó dừng lại. Anh rút đèn pin và hai trái lựu đạn khỏi túi đồ nghề. Rút chốt, đếm đến ba, quăng ra và lùi lại ngay, rất mau lẹ. Những tiếng nổ này sẽ là thuật nghi binh, nguyên nhân "cái chết" của hắn sẽ cho phép anh đánh giá các phòng tuyến của Pháp.

Tiếng ken két lại vang lên. Rất yếu. Anh dựa vào những tảng đá đầu tiên từ bức tường vụn. Trong một giây, anh lia đèn về hướng anh nghĩ là nguồn phát ra âm thanh rồi tắt đi ngay. Trong chùm sáng ngắn ngủi, anh thấy hai khuôn mặt trắng bợt quay lại nhìn mình từ một con hào đào sâu dưới nền hâm mộ. Một người đàn ông râu đen và một cậu thanh niên khá trẻ với cái trục xoay của một bó dây điện thoại đang được gỡ ra - lặng lẽ kêu ken két.

Anh tắt đèn, lại kéo chốt lựu đạn và quăng về phía con hào. Tiếng lách cách vang lên. Những lời nguyền rủa. Rồi quả thứ hai. Vừa cúi anh vừa bò về hướng nghĩ rằng sẽ có những cây đu.

Một tích tắc như kéo dài bất tận, anh nghe thấy những trái lựu đạn phát nổ - hai tiếng nổ cách nhau - *ùng! ùng!* xé nát không gian chật hẹp dưới hầm mộ. Có ai đó bắt đầu thét lên.

Lysander quỳ xuống. Tiếng thét vẫn vang lên, rời rạc và the thé. Gần như ngay lập tức bắt đầu vang lên tiếng súng ngẫu hứng từ cả hai tuyến con hào - những người lính gác kinh hoàng thức giấc vì tiếng lựu đạn. Những quả pháo sáng bay lên trời đêm thành những đường cong - màu xanh, đỏ và trắng. Anh bỗng lọt vào một thế giới sắc màu chói lọi. Thế rồi vang lên tiếng còi và tiếng thịch của những trái lựu đạn bắn bằng súng. Một khẩu súng máy bắt đầu trả đũa. Lysander giờ đang nằm sát đất, không dám nhìn lên. Anh tính toán rằng mình sẽ phải đi sáu mươi hoặc bảy mươi thước về phía nam tàn tích. Những cái cây đu chết tiệt đâu rồi? Trong khoảnh khắc im lặng, anh nghe thấy tiếng hét đau khổ: "*Foley! Foley! Anh đâu rồi?*". Một luồng sáng trắng mạnh mẽ từ một quả pháo sáng cho thấy anh vừa đi qua những cây đu. Anh đã đi xa hơn dự tính - giờ anh cần phải đổi hướng để tìm những cây liễu và một con mương thoát nước. Anh thu mình tròn như quả bóng và rọi đèn pin vào chiếc la bàn. Anh đang tiến thẳng đến các chiến tuyến quân Đức - phía đông - lẽ ra anh phải đi về phía nam. Anh quay chín mươi độ và lại bò tiếp. Có một tiếng hét chói tai vang lên từ phía sau lưng anh. Giờ anh có thể nghe thấy những tiếng nổ trầm phát ra từ những khẩu súng cối lớn. Chệch hướng một chút thôi nhưng phần nào đó khiến anh không còn kiểm soát được tình hình - anh hy vọng Foley và Gorlice-Law đã rút lui an toàn.

Lysander ngã vào một con mương thoát nước và dầm toàn bộ cơ thể xuống đến bốn mét nước. Anh ngồi xổm, dựa lưng vào bờ mương và cho phép mình thở để bình tĩnh trở lại. Thêm vài quả pháo sáng nữa nhưng tiếng súng như đang lắng xuống. Báo động nhầm. Chẳng có gì quan trọng cả. Chỉ là một cơn sợ hãi mà thôi.

Anh lại lấy bản đồ ra, bàn tay khum lại che ánh đèn pin và cố gắng xem mình đang ở đâu. Nếu đây là con mương mà Foley đã nói, thì chỉ cần đi men hơn một trăm thước, đến khi bắt đầu rẽ phải thì sẽ đến hàng rào dây thép gai của quân Đức. Tất cả những gì anh phải để ý đó là những quả pháo sáng màu xanh từ các phòng tuyến quân Pháp. Nhờ thế anh sẽ biết mình phải đến đâu. Giả sử tất cả đều theo như kế hoạch của Munro. Anh nhìn đồng hồ, 3 giờ 30 phút. Vài tiếng nữa trời sẽ bắt đầu sáng - đến lúc phải di chuyển rồi.

Anh bì bõm lội dọc con mương. Chắc chắn nó sẽ rẽ ngoặt về bên phải. Nhưng có vẻ nó sẽ đột ngột dẫn đến một điểm dừng đối diện một cái cống cổ nào đó. Lysander nhìn vào trong bóng tối đen kịt. Theo lý thuyết, hàng rào thép gai tuyến đầu của Tập đoàn quân Pháp thứ 10 phải ở ngay trước mặt. Nhưng không có dấu hiệu nào của các quả pháo sáng màu xanh như Munro đã hứa. Ông đã nói cứ mười phút sẽ có một quả được bắn lên. Họ hẳn phải nghe thấy tiếng ồn và sự hỗn loạn từ những trái lựu đạn của anh chứ?

Rồi anh lại nghĩ về hai trái lựu đạn mình đã ném về phía chiến hào dưới hầm mộ. Bằng con mắt tư duy, anh nhớ lại những hình ảnh chớp nhoáng của hai khuôn mặt đang nhìn mình - người đàn ông có râu và chàng trai trẻ - hoàn toàn sốc và kinh ngạc. Anh đoán đó là hai tên lính thông tin đang đặt một đường dây điện thoại ở đó làm chốt nghe lén. Anh cũng cho rằng những trái lựu đạn đã giết hoặc làm cả hai tên bị thương. Cái tiếng thét ấy là của chúng. Đau đớn và hung tợn. Cơn hốt hoảng trong bóng tối khi hai trái lựu đạn va vào đá kêu lách cách. Những ngón tay mò mẫm, tìm kiếm, điên cuồng chửi thề, và rồi - BÙM!...

Anh cảm thấy mình bắt đầu run lên, ngồi xổm, hai tay ôm chặt đầu gối vào ngực - chẳng ích gì khi nghĩ về chuyện đã xảy ra cho hai tên lính thông tin kia. Làm sao anh biết được chúng sẽ ở đó? Không anh quyết định, thông minh nhất bây giờ là ở nguyên đây chờ mặt trời lên. Đến lúc ấy anh sẽ biết nên làm gì tiếp theo.

Có vẻ khá kì quái và dễ chịu khi ngắm bầu trời sáng dần sau chiến tuyến quân Đức. Và khi bình minh lên, anh có thể xác định rõ những chi tiết cảnh quan - ba cái cây đu về bên phải, trước mặt là những đường gạch chéo tối của các hàng rào dây thép gai của quân Pháp. Miệng cống là một vòm đá thô. Những cây cói đang mọc ngày càng dày xung quanh, nhờ hơi ẩm bổ sung từ con mương thoát nước. Một làn gió nhẹ thổi lên. Anh bắt đầu ngửi thấy mùi khói đang bay qua vùng đất không người, khi những lò than được đốt lên trong các con hào. Anh thấy đói - vài lát thịt lợn muối xông khói giòn và một khoanh to bánh mì rưới mỡ nóng thực sự có ích, anh phải cảm ơn chúng.

Anh thận trọng rẽ mấy cây cói phía trên cống, thấy một hàng rào dây thép gai dày của các chiến tuyến quân Pháp cách khoảng hai mươi thước. Anh nghĩ chúng được đặt rất dày và rất chuyên nghiệp, không thể lách qua đó. Anh thấy một cột khói xám bốc lên từ các con hào phía xa, bị làn gió nhẹ thổi bật đi. Nhưng không thấy dấu hiệu của một công sự nổi bằng các bao tải cát hay một lỗ châu mai của lính gác.

Anh khum tay lại quanh miệng và hét lên:*

"*Alô! Alô! Tôi là sĩ quan người Anh*"?

Sau khoảng năm giây anh hét lên "*A lô*!" lần nữa, chỉ có câu trả lời là một phát súng trường chói tai.

"*Tôi là một sĩ quan người Anh! Tôi không phải là người Đức*!"

Thêm nhiều phát súng nữa vang lên nhưng chẳng ai đến gần anh. Thế rồi anh nghe thấy một tiếng hét từ phía tiền tuyến quân Pháp.

"*Mày nghĩ chúng tao là lũ ngu hả, thằng Đức kia*!"

Lysander cảm thấy một khoảnh khắc vô vọng. Có thể nói tiếng Pháp là một sai lầm.

"Tôi là người Anh!" anh hét lên. "Sĩ quan người Anh. Tôi bị lạc! *Hoạt động bí mật*!"

Lại thêm mấy phát súng trường bắn bừa nữa. Anh nhìn qua vai mình về phía chiến tuyến quân Đức, hy vọng bạn Đức sẽ không bị khiêu khích mà bắn trả. Nếu không anh sẽ mắc kẹt giữa hai làn đạn.

"*Các anh có nói được tiếng Anh không?*" anh lại hét lên. "*Tôi là một sĩ quan người Anh! Tôi bị lạc*".

Thêm nhiều tiếng chửi thề nữa nhằm vào anh - những câu nói lóng anh chả hiểu. Hoặc chỉ hiểu mơ hồ là những lời tục tĩu dành cho anh,

Anh ngồi thụp xuống, thấy một chút tuyệt vọng. Mình nên làm gì đây? Anh nghĩ có lẽ phải đợi đêm xuống và tìm đường về Trung đoàn Lính Hỏa mai Manchester. Rồi anh sẽ phải hứng chịu cái may mắn khốn kiếp là ăn đạn của một tên lính gác đang cau có, giật mình từ trận đấu súng đêm qua. Nhưng giả sử quay về trót lọt, làm sao anh tự giải thích được toàn bộ chiến dịch Geneve có thể bị nguy hiểm? Anh nghĩ dù sao đó cũng là một kế hoạch chó chết. Tại sao anh phải biến mất, tại sao phải "mất tích khi làm nhiệm vụ"? Tại sao không đơn giản là đến Geneve với tư cách là ông Abelard Schwimmer?

"*Sĩ quan người Anh à*?" Tiếng hét cất lên từ tiền tuyến quân Pháp. Sau đó là "Anh có đấy không?" bằng tiếng Anh.

"Có, tôi ở đây! Trong con mương! Con mương!"

"Di chuyển sang bên trái! Cho đến khi anh trông thấy...". Tiếng nói ngừng lại.

"Thấy cái gì?"

"*Một cái cột màu đỏ!*"

"Một cái cột màu đỏ à? Tôi hiểu rồi!"

"Đó là lối vào... À, *hàng rào dây thép gai của chúng*".

"Tôi đang đến đây! Đừng bắn nhé! *Đừng bắn!*"

"Đi chậm thôi".

Lysander ráng sức trèo ra khỏi con mương thoát nước và bắt đầu bò về bên trái. Anh ép mình càng sát đất càng tốt, bất ngờ cảm thấy mình như bị phơi trần ra, Bò ngoằn ngoèo, luồn lách trong vài phút thì anh thấy một cái cột màu đỏ cắm cạnh một khe hở trong mê cung hàng rào dây thép gai, Anh đổi hướng bò về phía đó - bây giờ có thể thấy một đường chữ chỉ qua mê cung được đánh dấu.

"*Tôi đến rồi!*" anh hét lên.

Anh chầm chậm bò vào mê cung, trông thấy công sự nổi bằng bao tải cát trên đầu.

"Tôi đang đến đây!" anh lại hét. Bất ngờ thấy khiếp đảm toàn thân, tin rằng mình bị lừa vào đây chỉ để bị hạ gục. Anh giơ chiếc mũ quân đội Anh bằng vải kaki lên, vẫy vẫy trên đầu. Những cánh tay mạnh mẽ vươn ra kéo

anh lên khi anh tiến gần mấy bao tải cát. Họ nhẹ nhàng đỡ anh đứng lên phía trên con hào.

Anh nằm đó một lúc, lấy lại hơi thở, nhìn lên những người khổng lồ đang đứng phía trên trông bẩn thỉu, rậm râu trong những bộ quân phục màu xanh cũng bẩn thỉu. Tất cả đều đang hút tẩu, vẻ kỳ dị. Họ đáp trả anh bằng cái nhìn chằm chằm, tò mò.

"*Chắc chắn rồi*", một người trong số họ nói. "Đúng là một sĩ quan người Anh thật..."

Lysander đang ngồi trong một hầm trú ẩn ở các tuyến phòng thủ. Cốc cà phê đen không đường trong tay, trải nghiệm một mức độ kiệt sức mà anh chưa từng trải qua. Tất cả những gì anh có thể làm là đưa cốc lên môi, như một tảng đá mòn nặng trịch hay một quả đạn thần công bằng chì. Anh bỏ cốc xuống và nhắm mắt lại. Ngủ. Ngủ trong một tuần. Anh đã trao lá thư dán kín từ trong ba lô cho người sĩ quan phụ trách hầm trú ẩn này - nơi những người khổng lồ màu xanh rậm râu dẫn anh tới. Thuốc lá là thứ anh cần, Anh vỗ vỗ vào mấy cái túi - rồi nhớ ra đã để thuốc lại hầm trú ẩn của Dodd rồi. Hầm trú ẩn của Dodd. Wiley và Gorlice-Law. Có phải Gorlice-Law hét lên tìm Foley không? Anh chỉ hy vọng rằng tất cả...

"Anh đây rồi. Vận xui của chúng tôi".

Anh nhìn quanh, chớp mắt. Fyfe-Miller đứng đó trên ngưỡng cửa. Lịch lãm trong bộ đồ vest với dây nịt chéo bằng da, quần và ủng đi ngựa bóng loáng. Một sĩ quan người Pháp đứng sau lưng.

"*Notre mauvais centime*", Fyfe-Miller dịch lại câu vừa nói cho tay sĩ quan Pháp, chẳng buồn quan tâm đến trọng âm. Anh đỡ Lysander đứng dậy, cười toe toét vui vẻ. Lysander cảm thấy muốn hôn anh ta.

“Giai đoạn một hoàn tất”, Fyfe-Miller nói. “Hơi dễ dàng nhỉ”.

PHẦN BA

GENEVE
1915

38

Những Lá thư Glockner

CHUYẾN PHÀ TỪ THONON thẳng tiến đến bến cảng tại Geneve. Sau đó động cơ của phà được cài số lùi để xoay vòng phần đuôi, khiến toàn bộ con phà nhỏ rung chuyển. Lysander - Abelard Schwimmer - suýt mất thăng bằng. Anh nắm chặt lấy hàng chấn song gỗ trên boong chính. Những sợi thừng xám dày được ném lên bờ. Các thủy thủ buộc thừng vào các cọc để neo phà thật chắc chắn. Cầu tàu được hạ xuống và Lysander xách chiếc va li vải len kẻ ô vuông lên, thấy một chỗ trống trong hàng người lộn xộn, anh vội vã bước đến. Đó là lúc anh bước xuống con dốc bằng gỗ, bước những bước đầu tiên lên đất Thụy Sĩ. Geneve nằm trước mắt anh dưới ánh mặt trời buổi sáng - những tòa chung cư lớn đối diện mặt hồ, vững chắc và thịnh vượng - được xây dựng trên vùng đồng bằng phù sa. Chỉ có khối nhà thờ lớn đang mọc lên cao hơn những mái nhà màu xám và đất nung mơ hồ khiến anh nhớ Vienna. Những ngọn đồi thấp và sau đó là những ngọn núi tuyết lấp lánh phía xa xa. Hít thật sâu làn không khí Thụy Sĩ, đội chiếc mũ mềm lên đầu, Abelard Schwimmer thả bước đi tìm khách sạn của mình.

Sau khi từ tiền tuyến quay về hậu phương, Lysander và Fyfe-Miller được đưa đến Amiens, nơi có một căn phòng được thuê cho anh ở khách sạn Riche et du Sport. Anh lên giường ngủ luôn cả ngày cho đến khi bị Fyfe-Miller đánh thức vào buổi tối. Anh phải bắt chuyến tàu đến Paris và sau đó là Lyon. Anh mặc y phục của Abelard Schwimmer - một bộ vest

bằng vải xẹc màu xanh hải quân cắt may quá tồi (khiến anh cảm thấy rất bí bức), một áo sơ mi vải be, cổ mềm đã thắt sẵn nơ cùng đôi giày nâu lấm bụi. Lysander nghĩ, nếu Fyfe-Miller muốn làm mình bực vì chuyện ăn mặc, thì anh ta đã làm quá tốt, Anh được trao một chiếc va li len kẻ ca rô - bên trong đựng mấy cái áo sơ mi và dăm chiếc quần đùi - ngoài ra giấu đằng sau lớp vải lót, còn có một bó tiền frăng Thụy Sĩ. Fyfe-Miller nói chừng đó đủ chỉ tiêu trong hai tuần, thậm chí là quá thừa để hoàn tất công việc. Đồ đạc còn lại là một bộ đồ hoàn chỉnh với áo đi mưa màu xanh Lincoln và một chiếc mũ Homburg.

"Từng xen-ti-mét đều toát lên hình ảnh *một người đàn ông bình thường*", Fyfe-Miller nói. "Đúng là một sự lột xác".

"Trọng âm tiếng Pháp của anh khủng khiếp quá, Fyfe-Miller", Lysander đáp. "*Hhhhom moyn senzyul* - sốc thật". Anh lặp lại vài lần theo phong cách của Fyfe-Miller và rồi phát âm lại thật chuẩn. "Trong tiếng Pháp, chữ "h" là âm câm".

Fyfe-Miller mỉm cười, hớn hở.

"*Khủng khiếp làm sao*. Tôi có thể tự hiểu được mà", anh ta nói, không hề xấu hổ. "Đó là tất cả những gì tôi cần".

Họ bắt tay nhau trên sân ga tại Amiens.

"Chúc may mắn", Fyfe-Miller nói. "Cho đến giờ, mọi việc đều ổn. Đừng ở Paris quá lâu - giữa các chuyến tàu, anh có thời gian nghỉ là bốn mươi phút. Massinger sẽ gặp anh tại Lyon".

"Munro đi đâu?"

"Câu hỏi hay đấy... Ở London, tôi nghĩ thế".

Lysander đến Paris, sau đó là Lyon, chạy suốt đêm trên toa hạng nhất - một phần thưởng cho kĩ sư đường sắt, anh thừa nhận. Anh ngồi cùng toa với hai viên đại tá người Pháp. Họ nhìn anh với sự khinh khi ra mắt, chẳng thèm nói với anh một lời nào. Anh chẳng buồn bận tâm. Anh chỉ ngủ và mơ về lúc anh ném bom vào đường hào - thấy khuôn mặt hoảng hốt của hai tên lính thông tin nhìn lên, trước khi anh tháo chốt lựu đạn. Khi anh thức dậy vào lúc bình minh, hai viên đại tá đã đi rồi,

Nhà ga Lyon chật kín lính Pháp sắp sửa lên tàu ra tiền tuyến, Lysander nghe nói rằng tiền tuyến cách đó không quá xa, là vùng mở rộng qua Champagne và Ardennes, lượn một vòng khúc khuỷu quanh co từ biển Bắc đến biên giới Thụy Sĩ, cách khoảng năm trăm dặm. Quân Anh chịu trách nhiệm khoảng năm mươi dặm. Massinger đợi anh tại quầy giải khát ở nhà ga - Lysander thấy ông đang uống bia. Họ lên một chuyến tàu chậm hơn, đi kịch đường đến hồ Geneve, rồi đến Thonon ở phía nam. Họ đặt phòng ở khách sạn Terminus tại Thonon rồi tiện đường mua vé tại nhà ga ở một thành phố với giá rẻ hơn,

Tâm trạng Massinger đang cáu kỉnh và tồi tệ. Khi anh bắt đầu kể về đêm chiến đấu trên vùng đất không người, ông có vẻ chỉ lắng nghe một nửa như thể đang mải nghĩ chuyện khác quan trọng hơn. “Phải, phải, thật thế đấy. Hoảng sợ lắm đấy”. Lysander cũng chẳng buồn giải thích chi tiết hơn. Anh không nói chuyện ném lựu đạn, ngắm bình minh lên trên phòng tuyến quân Đức khi lội lõm bõm trên mương thoát nước.

Họ ăn tối cùng nhau nhưng bầu không khí vẫn gò bó, căng thẳng. Hai người giống như những kẻ mơ hồ mới quen nhau như thể một vận đen nào đó - thấy mình là những người Anh duy nhất trong một thành phố

Pháp. Họ lịch sự, giả vờ vui vẻ dự buổi yến tiệc, nhưng không phủ nhận rằng nếu được lựa chọn, họ thà ăn tối một mình.

Ít nhất Massinger cũng có thêm thông tin và chỉ dẫn cho anh về nhiệm vụ này. Khi đã đến Geneve và ổn định chỗ ở trong khách sạn, anh sẽ phải đến một quán cà phê nhất định mỗi ngày vào lúc 10 giờ 30 phút sáng và 4 giờ 30 phút chiều, rồi ở đó trong vòng một tiếng. Vào một lúc nào đó, điệp viên Lửa Mừng sẽ tiếp cận anh. Hai người sẽ trao đổi mật khẩu kép và những chỉ dẫn mới sẽ được đưa ra, nếu Lửa Mừng thấy rằng đã đến lúc thích hợp.

“Lửa Mừng có vẻ sẽ là người chỉ huy”, Lysander nói mà không suy nghĩ,

“Hiện tại Lửa Mừng có thể là tài sản quan trọng của chúng ta, trong toàn bộ cuộc chiến tình báo này”, Massinger đáp với sự thù nghịch rõ ràng, giọng nói chua ngoa của ông như còn khắc nghiệt hơn. “Lửa Mừng đã đọc hết toàn bộ thư đến và đi của lãnh sự quán Đức tại Geneve - cậu nghĩ người này có giá trị đến thế nào? Hả?”

“Rất giá trị, tôi hình dung được”.

“Phải chắc chắn rằng cậu có mặt ở quán rượu Người Anh vào những giờ đó, buổi sáng hoặc chiều”.

“Quán rượu Người Anh à? Ông không nghĩ như thế là hơi liều sao?”

“Đó là một quán trọ bình thường thôi. Thế cậu nghĩ nó liên quan đến cái gì?”

Họ ngồi trong im lặng. Lysander gọi món cá với cái tên địa phương anh không hiểu. Anh thấy nó bị nấu quá lửa, nhạt nhẽo và quá nhiều

nước. Massinger ăn món thịt bê cứng đến nỗi ông phải nhai có vẻ khá vất vả.

“Có một điều khiến tôi lo ngại, ông Massinger”.

“Điều gì?”

“Cho hắn tiền mà hắn không chịu nhận thì sao?”

“Hắn sẽ nhận. Tôi đảm bảo đấy”.

“Cứ cho tôi mê trong cái giả thuyết ấy đi”.

“Thế thì xẻo hết các ngón tay của hắn, từng ngón một. Hắn sẽ phun sạch ra thôi”.

“Vui thật đấy”.

Massinger đặt dao và dĩa xuống, nhìn anh chằm chằm, gần như là khó chịu, Lysander nghĩ vậy, anh thấy lo lắng.

“Tôi cực kì nghiêm túc đấy, Rief. Cậu phải quay về từ Geneve với chìa khóa giải mã - nếu không thì đừng hòng về nữa”.

“Nghe này...”.

“Cậu có biết chuyện gì là nguy hiểm ở đây chưa?”

“Rồi, dĩ nhiên. Kẻ phản bội, hàng ngũ tối cao, bla bla. Tôi hiểu”.

“Vậy hãy làm tròn bổn phận người lính Anh của cậu đi”.

Sau bữa tối, Lysander đi dạo dọc bến cảng và hút thuốc, nhìn qua mặt hồ rộng lớn - hay còn gọi là hồ Lac Léman ở bên này - về phía những ngọn núi phủ đầy tuyết trắng của Thụy Sĩ, mà anh vẫn thấy vào lúc xẩm tối. Có một ánh sáng lạ lùng trên bầu trời buổi tối, sắc xanh nhợt nhạt nhất biến thành màu xám - *Alpengluhen**, anh biết nó được gọi như thế - một sự pha trộn độc đáo của các thung lũng tím mờ và những đỉnh núi dát vàng ánh

mặt trời. Anh cảm thấy sự phấn khích dâng lên trong người - anh sẽ đi thẳng đến Geneve bằng con tàu hơi nước đầu tiên trong ngày mai. Anh hạnh phúc hơn nhiều khi được tạm biệt Massinger với tính khí luôn bực bội và lo âu của ông ta. Như Fyfe-Miller đã nhắc nhở, giai đoạn hai đang chờ anh bên kia những dòng nước hẵng còn đen. Anh đã sẵn sàng rồi.

Khi đi bộ về khách sạn, những ý nghĩ của anh lại quay về với Manchester và trải nghiệm ngắn ngủi của cuộc chiến trên đường hào. Anh nghĩ về những mối quan hệ căng thẳng nhưng cũng ngắn ngủi của mình - với Foley, Dodd, Wiley và Gorlice-Law, Họ thật quen thuộc khi anh bước trên những con phố của Thonon, như những người bạn cũ, những hồi ức về họ thật sống động như những hồi ức về gia đình anh. Liệu anh có còn gặp lại họ nữa không? Có lẽ là không. Anh biết điều này là không thể tránh khỏi, sự hỗn loạn và mất liên lạc đột ngột trong chiến tranh một sự thật nghiệt ngã. Về khách sạn, anh nhận được một lá thư của Massinger gửi cùng chìa khóa phòng. Ông nhắc rằng chuyến tàu khởi hành lúc 6 giờ 30 phút. Nhưng ông sẽ không có mặt khi anh lên tàu vì thấy không khỏe,

Khách sạn Touring ở Geneve đúng là một sự thất vọng. Gần hai năm chiến tranh ở phần còn lại của châu Âu đã cắt đứt hẳn dòng khách thường xuyên của họ - các du khách, những người leo núi, những người khuyết tật đi tìm thuốc - tất cả các đối tượng khách hàng mà loại hình kinh doanh này khai thác. Bầu không khí trong hành lang nhuốm màu bi ai - có vẻ không sạch sẽ, bụi bặm và mấy thùng đựng giấy trống rỗng. Những cây phong lữ trong các chậu hoa đặt trên sân thượng nhỏ không ai tưới tắm, dù đã giữa hè rồi. Khách sạn có tám mươi phòng nhưng chỉ năm phòng có khách thuê. Ngay cả khi tự nhiên có các vị khách đến ở lâu, khách sạn này vẫn mang sắc màu buồn bã.

Buổi tối đầu tiên, Lysander là người ăn tối duy nhất trong phòng ăn. Người phục vụ nói chuyện với anh bằng thứ tiếng Đức vụng về (hỏi anh vài câu về Zurich mà Lysander phải cố khôn khéo đánh lạc hướng). Nhưng anh nhận thấy sự logic khi Munro lựa chọn thân phận này cho mình - một kĩ sư đường sắt Thụy Sĩ nói tiếng Đức trên đất nước Thụy Sĩ nói tiếng Pháp. Với một cơ sở tầm trung như Touring, cái tên Abelard Schwimmer hoàn toàn chẳng có gì đặc biệt, một con người bình thường gần như là vô hình.

Khách sạn Touring nằm trên bờ trái, cách mặt hồ hai khu nhà, trong một con phố có đường xe điện và một số cửa hàng lớn. Vào buổi sáng đầu tiên, Lysander đã mua cho mình một đôi giày đen, vài chiếc sơ mi trắng, hai chiếc cà vạt xanh và thay chiếc mũ Hamburg bằng mũ Panama. Anh thay quần áo và cảm thấy giống thân phận thật của mình hơn - một người Anh lịch lãm đi du lịch nước ngoài - cho đến khi chợt nhớ ra đây không phải nhân vật anh sắp diễn. Anh đi lại đôi giày nâu, đội lại chiếc mũ Hamburg nhưng dứt khoát không chịu đeo nơ thắt sẵn,

Anh đến quán rượu Người Anh vào lúc 10 giờ 30 phút sáng và uống hai cốc bia Munich nhẹ, đợi suốt một tiếng. Chẳng ai đến giờ này cũng như không thấy ai vào lúc 4 giờ 30 phút chiều. Tối hôm ấy, anh đi xem phim hài về một vụ cướp ngân hàng vụng về, với thái độ nghiêm túc. Anh tự nhủ khi đến cái ngày được trở lại đúng với chuyên môn, anh nhất định sẽ nắm bắt thật nhiều cơ hội đóng phim nữa - vì nó có vẻ dễ dàng đến lố bịch.

Trong bữa trưa ngày hôm sau (cuộc hẹn lúc 10 giờ 30 vẫn không gặp được ai) anh mua cho mình một chiếc bánh sandwich, thuê một chiếc thuyền có mái chèo tại nơi dạo chơi quanh hồ rồi tự chèo một hai dặm

dọc theo bờ phải. Đó là một ngày nắng đẹp. Những mặt ngoài trát vữa xtucô màu trắng và hồng của các chung cư với các mái dốc, vòm và mái vòm, mấy cái chụp ống khói bẹt bằng thiếc trông lạ lùng. Những lối dạo chơi gần bến cảng và nhà hát Karsaal với mấy quán cà phê, nhà hàng, tất cả chỉ nhằm khắc họa một thế giới bình yên và thịnh vượng. Khi chèo thuyền, anh có thể thấy phía ngoài thành phố, thấy những đường dốc đứng thoai thoải bao quanh, đỉnh Mont Blanc trắng đến chói mắt và một dãy các ngọn núi khác về phía tây. Anh nghỉ độ vài phút trước mặt tiền cao của khách sạn Grand Beau-Rivage hay Beau-Espionage như Massinger hay gọi*. "Tránh xa nó ra bằng mọi giá. Rất nhiều phụ nữ đáng ngờ thuộc đủ mọi quốc tịch ở đó kết bạn với các điệp viên, kẻ chỉ điểm, bất kì ai có câu chuyện để cố gắng bán đứng bạn chỉ với vài đồng frăng. Từ giám đốc cho đến các cô phục vụ tiệm giặt là. Đó là một vũng bùn". Lũ trẻ đang la hét và té nước dưới các bể bơi to trong nhà cạnh đê chắn sóng Paquis. Trong một thoáng Lysander tự hỏi có nên mua một bộ đồ bơi và bơi cùng bọn trẻ không - ánh nắng khiến lưng anh rát bỏng và anh muốn được tắm mát. Anh nghĩ đến việc chèo thuyền tới công viên Mon Repos - để thấy những khu rừng, thảm cỏ công viên ngoài con đê chắn sóng. Nhưng nhìn lại đồng hồ, anh nhận ra sắp đến 4 giờ 30 phút. Tốt hơn anh nên quay về quán trọ Người Anh và làm một cốc bia lạnh.

Thêm một cuộc hẹn thất bại nữa. Anh đi ăn sớm trong một quán nướng và nghe hòa nhạc organ tại nhà thờ lớn do Joseph Stalder và Hans Huber biểu diễn. Anh chưa từng nghe về họ. Anh yêu cầu đổi ra phòng phía sau của khách sạn cho yên tĩnh hơn, tránh bị những đoàn tàu đánh thức vào sáng sớm. Anh thấy mình đang bắt đầu thiếu ngủ trầm trọng không ngừng mơ về chuyện ném lựu đạn vào đường hào dưới hầm mộ.

Thi thoảng anh thấy những khuôn mặt bừng sáng của cậu thanh niên và người có râu - đôi khi lại là Foley và Gorlice Law. Đó chính là kiểu ngủ anh luôn ghét cay ghét đắng cũng như các cơn mơ từ giấc ngủ ấy - cái quan niệm ngủ thì phải mơ thật khó chịu và rắc rối. Anh quyết định sẽ bắt đầu thức khuya, đi bộ trên các con phố, vào quán cà phê gọi đồ uống nóng hay brandy cho đến khi nỗi buồn chán đưa anh về phòng. Có lẽ đến lúc ấy anh sẽ ngủ tốt hơn.

Buổi sáng, sau khi mất một giờ vô ích và được các nhân viên chào đón như một khách hàng trung thành của quán trọ, anh đến cửa hàng dược phẩm mua một liều thuốc ngủ. Khi anh gói lại đống bột cloral hydrat, người dược sĩ khuyên anh nên đến khu nghỉ dưỡng - nhưng lại cách đây hơn 2.000 mét. Chứng mất ngủ chỉ có thể được chữa khỏi bằng liệu pháp tinh thần, ông khẳng định chắc nịch. Ông ta gợi ý khách sạn Jungfrau-Eggishorn trên sông băng Rhone - một nơi rất nổi tiếng với người Anh trước chiến tranh, kèm theo đó là một nụ cười tỏ vẻ hiểu biết. Lysander nhận ra anh đang làm trôi lớp hóa trang của mình một cách bất cẩn - phải tập trung diễn vai Abelard Schwimmer và nói tiếng Pháp với trọng âm Đức.

Khi rời khỏi cửa hàng thuốc, anh bắt gặp tấm biển của một cửa hàng khác gần đó: “G.N.LOTHAR & CIE” - cùng tên với con trai anh. Anh cảm thấy nỗi đau buốt nhói của sự mất mát lạ lùng này. Nỗi đau của tình yêu đối với người mà anh chưa từng thấy mặt, chưa bao giờ biết tới, hiện diện trong cuộc đời anh với mối quan hệ huyết thống: “con trai” anh - hình ảnh trừu tượng của nó - nằm trong những dấu ngoặc kép như định sẵn, khiến anh hiểu rằng mình chỉ tưởng tượng ra hình ảnh của nó trong tim. Dĩ nhiên, cơn giận dữ đối với Hettie lại quay về - sự vô lý ngây thơ của cô, sự

nhẹ dạ đến không tin nổi của cô - nhưng anh nhanh chóng nhận ra có làm thế cũng chả ích gì. Một sự phí phạm.

Tuy nhiên, ngồi trong quán trọ chiều hôm ấy, đợi thêm một giờ nữa trôi qua mà chẳng gặp ai, suy nghĩ trong tuyệt vọng về đứa trẻ đã có để rồi đánh mất, anh bắt đầu nghĩ quá trình này mới ngu xuẩn và vô lý làm sao, như trò chơi gián điệp của trẻ con. Anh đã chèo thuyền quanh hồ, đi xem phim và tham dự buổi hòa nhạc ở nhà thờ lớn. Có lẽ anh có thể đi thăm một galery nghệ thuật, hay thưởng thức đồ uống trong quán bar của Beau-Rivage và tránh né những người phụ nữ "trông khả nghi".

Thực ra có hai người phụ nữ trẻ tuổi, khá quyến rũ đang ngồi cạnh cửa sổ uống trà. Anh nghĩ một trong số họ liên tục liếc nhìn khi anh nhấp bia. Nhưng không phải, chuyện ấy quá mạo hiểm ngay cả với trò chơi con nít,

Một người ngồi xuống chiếc bàn đối diện che mất tầm nhìn. Anh thấy đó là một góa phụ mặc đồ tang nhiễu đen, đội chiếc mũ rơm phẳng và khăn voan nhỏ che nửa mặt. Lysander ra hiệu cho người phục vụ - thêm một cốc bia nữa. Người góa phụ quay lại nhìn anh. "Xin lỗi, có phải tên ngài là Dupetit?" bà ta hỏi bằng tiếng Pháp,

"À... Không. Tôi rất tiếc".

"Vậy tôi nghĩ chắc ngài phải biết ông Dupetit?"

"Tôi biết một ông Dupetit".

Đến ngồi ở bàn anh và cuộn khăn voan lên, bà ta tuổi độ ba mươi với khuôn mặt chắc hẳn một thời vô cùng xinh đẹp đang ẩn sau lớp mặt nạ cam chịu, lạnh lùng. Đôi mắt luôn nhìn xuống và một cái mũi Ý, hai nếp nhăn hiện rõ trên khóe môi mỏng như những dấu ngoặc đơn. Anh tự hỏi bà có bao giờ cười không.

“Chào ngài”, bà nói, chìa bàn tay đeo găng đen viền đăng ten. Lysander bắt tay bà, xiết thật chặt.

“Có phải bà đến dẫn tôi tới chỗ anh ta không?” anh hỏi.

“Ai?”

Anh hạ giọng: “Lửa mừng”.

“Tôi là Lửa mừng”.

“Được rồi”.

“Massinger không nói gì với ngài à?”

“Ông ta không nhấn mạnh giới tính của bà”.

Bà ta nhìn quanh phòng, có vẻ tức giận, khiến Lysander có dịp nhìn nghiêng khuôn mặt bà. Mũi bà tuy nhỏ nhưng có đường cong hoàn hảo. Giống mũi vị hoàng đế trên mặt đồng xu, hay giống như một số bức ảnh của một tên tù trưởng Da Đỏ bị bắt, mà anh đã xem.

“Tôi là phu nhân Duchesne”, bà ta nói. “Tiếng Pháp của ngài rất tốt đấy”.

“Cảm ơn bà. Tôi có thể mời bà uống gì không?”

“Một ly rượu Dubonnet. Chúng ta tuyệt đối an toàn khi nói chuyện ở đây”.

Không hề để phí thời gian, bà ta liền nói ngay rằng ngày mai sẽ gặp Lysander tại khách sạn của anh lúc mười giờ sáng, để chỉ cho anh căn hộ của tay cán bộ lãnh sự quán. Hắn là Manfred Glockner, cử nhân. Hắn thường xuyên rời khỏi lãnh sự quán vào lúc gần trưa và về nhà muộn vào buổi tối. Bà không biết vai trò ngoại giao chính thức của hắn là gì, nhưng theo suy đoán của bà, có vẻ hắn là một “quý ông thông minh, thuộc giai

cấp tư sản - một kiểu người trí thức". Khi hắn bắt đầu nhận được những lá thư từ Anh, bà thấy tò mò và quyết định mở ra xem. Bà bỏ lỡ lá thư đầu tiên nhưng đã mở được sáu lá thư sau đó. Chín lá thư cả thảy trong vòng tám tháng từ tháng Mười năm 1914 đến tháng Sáu năm 1915".

"Đã mở ra?" Lysander hỏi. "Bà cũng làm việc trong lãnh sự quán à?"

"Không", bà đáp. "Anh trai tôi là trưởng phòng bưu điện cao cấp tại Geneve này, làm việc ở văn phòng phân loại thư từ trung tâm. Anh ấy mang về cho tôi tất cả những lá thư tôi yêu cầu. Tôi mở chúng ra, đọc hết và sao chép lại nếu thấy hứng thú, đóng lại như cũ và chuyển đến người nhận. Thư đến rồi thư đi".

Hèn gì bà ta là một điệp viên sáng giá của Massinger, Lysander nghĩ.

"Làm thế nào bà mở được thư mà người khác không biết?"

"Đó là bí mật của tôi", bà đáp. Đến đây ai cũng có thể tự cho phép mình nở một nụ cười thỏa mãn, nhưng bà Duchesne chỉ nghếch cằm lên một cách bướng bỉnh. "Phải nói việc này liên quan đến việc dùng hai thái cực nóng và lạnh. Nhiệt khô. Lạnh khô. Chúng chỉ khiến lá thư mở bung trong vài phút thôi. Không bay hơi. Khi đọc xong, tôi dán chúng lại lần nữa bằng hồ dán. Không ai có thể biết được thư đã bị xem trộm".

Bà thò tay vào túi xách lấy ra mấy tờ giấy.

"Đây là những lá thư của Glockner".

Lysander cầm tập giấy và nhìn qua từng tờ - sáu trang dày đặc các cột số giống cột số anh đã từng xem ở London. Anh gập chúng lại và nhét vào trong túi, bất ngờ cảm thấy bối rối một cách lạ kì - trò chơi con nít đã thành sự thật.

“Ngày mai tôi sẽ chỉ cho ngài nơi ở của Glockner. Tôi sẽ đề nghị ngài đến thăm hoặc vào ngay giữa đêm hoặc có lẽ vào một ngày Chủ nhật - khi tòa nhà này vắng người”.

Ngày mai là thứ Sáu, Lysander nghĩ. Lạy Chúa...

“Tốt hơn tôi nên ra ngân hàng”, anh đáp.

“Tùy ngài thôi”, bà trả lời, lãnh đạm. “Tôi đang định chỉ cho ngài chỗ hắn sống. Làm gì tiếp theo là việc của ngài”. Bà uống cạn ly Dubonnet và đứng dậy. Lysander nhận ra bà ta có dáng người cao. Chất liệu quần áo của bà thuộc loại tốt, được cắt may khéo. Bà kéo chiếc khăn voan che nửa mặt xuống, giấu đi đôi mắt.

“Rõ ràng là đang đau khổ...”.

“Chồng tôi là sĩ quan - một đại úy - trong quân đội Pháp. Chúng tôi đã từng sống tại Lyon. Anh ấy bị giết trong tuần thứ hai của cuộc chiến khi rút lui khỏi Mulhouse tháng Tám năm 1914. Anh ấy bị bắn và bị thương nặng. Nhưng khi chúng bắt được anh ấy, chúng đã bỏ mặc anh ấy chết. Không chăm sóc. Quê hương tôi ở Geneve thế nên tôi đã quay về ở cùng anh trai tôi”.

“Tôi rất tiếc. Xin được chia buồn”, Lysander nói, cảm thấy một chút khập khiễng. Sao có thể nói chia buồn thành thật đến thế với một người lạ mặt đã chịu đựng nỗi đau ấy suốt hai năm?

Bà Duchesne gõ nhẹ vào cổ tay, như thể muốn đánh bạt đi lời chia buồn sáo mòn này.

“Đó là lí do tại sao tôi rất hạnh phúc khi được giúp ngài trong cuộc chiến này. Giúp đỡ các đồng minh của chúng ta. Tôi chắc chắn rằng đây là câu hỏi mà ngài chưa muốn nói”.

Đúng thế thật, nhưng Lysander lại đang nghĩ đến chuyện khác.

“Những lá thư này gửi cho Glockner - có dấu bưu điện không?”

“Có, tất cả đều đến từ Tây London - những con tem của Anh, đĩ nhiên điều đó đánh động tôi. Tôi có tên của tất cả nhân viên tại lãnh sự quán Đức. Anh trai tôi mang về cho tôi những lá thư này, ban đầu chỉ là theo lệ thường. Hẹn gặp ngài ngày mai, ngài Schwimmer”.

Bà khẽ cúi đầu chào anh một góc nghiêng nhỏ của mái đầu - rồi quay lưng rảo bước. Bà ta có bước đi thật tự tin - một người đàn bà thực sự tự tin. Có điều gì đó quyến rũ trong sự khắc nghiệt đến đau đớn này, anh phải thừa nhận bà có nỗi buồn không thể lay chuyển và nỗi u sầu thăm thẳm. Anh tự hỏi bà ta trông sẽ thế nào trên giường, điều đó khiến anh không nhịn được cười. Anh uống thêm một cốc bia Munich nhẹ. Anh đang dần yêu thích loại bia này.

39

Quán bia Bastions

LYSANDER VÀ BÀ DUCHESNE ngồi trong quán cà phê gần như đối diện chung cư của Glockner. Giờ là buổi trưa. Duchesne vẫn mặc đồ đen nhưng sáng nay bà không quàng khăn voan. Lysander muốn hỏi tên của bà nhưng lại thấy không thể hỏi một câu như thế với người vừa quen biết. Bà Duchesne không phải người suồng sã. Khi nghĩ xa hơn, anh nhận ra ngay sau khi nhận diện Glockner, đó cũng là dấu chấm hết cho quan hệ của họ - bà đã làm xong bổn phận của mình.

"Hôm nay hắn đi trễ hơn mọi ngày", bà nói.

Lysander để ý bà ta có một viên đá hình tròn khắc chạm vàng trên sợi dây chuyền đeo cổ - chắc chắn trong đó là ảnh của ngài Đại úy Duchesne quá cố.

"Hắn ra rồi", bà nói.

Anh thấy một người đàn ông ăn mặc lịch sự, chiều cao trung bình bước ra khỏi tòa nhà. Hắn mặc áo choàng Ulsterette nhẹ màu nâu vàng đội chiếc mũ phớt mềm. Lysander nhận thấy những cái ghệt, một chiếc cặp của Sở Ngoại giao và một cây gậy mây. Anh không thể thấy hắn có râu hay không vì hắn quay lưng lại và bước thẳng xuống phố.

"Có người canh cửa không?" anh hỏi.

"Tôi cho là có".

"Hừm. Tôi sẽ phải qua cửa ải đó, liệu có được không?"

“Tôi e rằng đó là vấn đề của ngài đấy, ngài Schwimmer”. Bà đứng dậy. “Chúc may mắn”, bà nói bằng tiếng Anh và sau đó là “*Bon Courage*”.

Lysander cũng đứng dậy, không muốn tin đây là buổi gặp gỡ cuối cùng giữa họ.

“Tôi có thể ăn tối với bà hôm nay không, bà Duchesne? Tôi ở thành phố này bốn ngày rồi và đang chán ngấy với người bạn ấy đây”.

Bà nhìn anh chăm chú, khuôn mặt khó đăm đăm không biểu lộ chút gì. Nhìn vào anh thấy đôi mắt nâu đen của bà. Ngu rồi, anh nghĩ - có phải mày đang đi nghỉ đâu cơ chứ.

“Cảm ơn ngài”, bà nói. “Điều đó thật là dễ chịu”.

Anh thấy vui như trẻ được quà khi nghe câu nói này.

“Tuyệt vời. Bà muốn dùng bữa ở đâu?”

“Có một chỗ gần bảo tàng có sân thượng rất đẹp, chỉ mở cửa vào mùa hè. Quán bia Bastions. Chúng ta gặp nhau ở đó lúc 7 giờ 30 được chứ?”

“Tốt quá. Tôi sẽ tìm được - hẹn gặp bà tại đó”.

Chiều hôm ấy, Lysander đến ngân hàng rút 25.000 frăng gồm các tờ 500 frăng - xấp xỉ 1.000 bảng Anh. Anh được giới thiệu những tờ tiền 1.000 frăng nhưng anh nghĩ khi hối lộ, cục tiền nhìn càng to bao nhiêu sẽ càng tốt bấy nhiêu. Anh tự hỏi điều gì khiến Massinger chắc chắn rằng Glockner là kẻ có thể đấm mõm được - có lẽ đây chỉ là một giả định lười nhác về những viên công chức với đồng lương chết đói ở đại sứ quán. Nhưng Glockner trông không có vẻ gì là tiều tụy hay kiệt sức. Trông hắn thông minh và nhanh nhẹn - hắn không đeo những vòng tay bằng nhựa, không mặc áo sơ mi có mặt trước bằng hồ cứng xốp - chẳng có gì. Chỉ cần nhìn qua cũng đủ biết hắn không dễ bị mua chuộc,

Anh chắc chắn mình đến quán bia khá sớm. Hóa ra đó là một tòa nhà xây bằng gỗ và gang. Hai hàng hiên rộng kéo dài từ một căn nhà kính trang trí công phu, khuất sau quảng trường Neuve Place giữa thảm cây xanh của những khu vườn quanh bảo tàng. Thế nhưng vẫn đủ để tránh xa quảng trường nhộn nhịp với những chiếc xe buýt lượn vòng, xe ô tô ồn ào và khói bụi. Anh đã thay đôi giày nâu đáng ghét bằng đôi giày đen, thay mũ Hamburg bằng mũ Panama, đeo một trong những chiếc cà vạt lụa thắt bốn nút mới và áo sơ mi cổ mềm màu trắng. Anh cảm thấy mình giống Lysander Rief, một diễn viên hơn hẳn Abelard Schwimmer, một kỹ sư đường sắt. Anh tự hỏi liệu bà Duchesne có nhận ra sự tinh tế...

“Ngài Schwimmer? Ngài đến sớm đấy”.

Anh quay lại thấy bà Duchesne đang bước về phía mình dọc lối đi lát sỏi màu trắng có những hàng cây đoạn non. Dĩ nhiên bà ta vẫn mặc đồ tang, nhưng mang theo một cái ô có diềm mở rộng tránh ánh mặt trời buổi chiều muộn, Áo váy lụa bóng đẹp viền đăng ten trên cổ và cổ tay, dài đến mắt cá chân, rất hợp mốt, khoe ra đôi bốt màu xám sậm có cài cúc với miếng đệm gót gọn gàng của Pháp. Lysander nghĩ tuy bà đau khổ suốt hai năm, nhưng là sự đau khổ có phong cách riêng. Khi họ bắt tay nhau, Lysander thấy mình đang đánh giá đồ lót của bà ta - dáng người bà rất thanh mảnh - vậy thì áo lót và chiếc quần buộc túm có thể nằm bên dưới lớp áo vừa khít, loạt soạt này. Anh kiểm điểm lại những ý nghĩ của mình, mơ hồ thấy xấu hổ và ngạc nhiên khi cứ nghĩ về vẻ gợi cảm toát ra từ cơ thể bà Duchesne. Khi được dẫn đến bàn dành cho hai người, anh chợt ngửi thấy hương nước hoa nhẹ của bà - có mùi xạ và nồng. Bà không dùng sáp môi hay phấn nhưng mùi nước hoa chính là một thông điệp, bà muốn

dành nó cho anh. Anh hình dung bà đứng trước gương ngắm nghía, vươn tay lấy lọ nước hoa - thoa nhẹ lên cổ và hai cổ tay... Đủ rồi. Dừng lại ngay.

"Chúng ta có nên gọi một chai sâm banh không?", anh gợi ý. "Tôi không nghĩ Massinger sẽ phản đối đâu".

"Tôi không uống sâm banh", bà đáp. "Chút rượu vang đỏ rất hợp với bữa tối".

Mỗi người quyết định chọn một món trong bảng thực đơn trong ngày: súp trong, thịt bê hầm nước sốt trắng, pho mát và món bánh tạc nhân táo. Loại rượu anh chọn vừa mạnh vừa chua, thế nên họ chỉ uống có một nửa. Lysander cảm thấy sự căng thẳng và nỗi lo âu ngày càng tăng. Cuộc đối thoại giữa họ không thật sự quá thân mật hay quá lộ liễu nhiều thông tin.

Khi gọi cà phê, bà Duchesne hỏi anh có phải là lính không.

"Phải", Lysander đáp. "Tôi nhập ngũ ngay khi chiến tranh bắt đầu". Anh không nói thêm mình là lính gì, chỉ nói mình gia nhập Trung đoàn Bộ binh Đông Sussex, điều đó đủ sức tạo nên sự khác biệt. Anh nghĩ bà Duchesne chắc sẽ nhìn anh bằng con mắt khác.

"Trước khi nhập ngũ ngài làm gì?" bà hỏi.

"Tôi làm diễn viên".

Lần đầu tiên, sự bình thản bị lung lay, bà ngạc nhiên trong vài giây.

"Một diễn viên chuyên nghiệp?".

"Vâng. Trên sân khấu London. Nối nghiệp cha tôi một cách tốt nhất có thể. Ông ấy là một diễn viên vĩ đại - rất nổi tiếng".

"Thú vị thật", bà đáp, anh hiểu đó không chỉ là một lời khen cho có. Anh thật sự cảm thấy ngày càng bị bà hấp dẫn. Với tâm trạng vui vẻ, anh trả tiền và nghĩ rằng sẽ đi đâu đó hút thuốc, uống thêm hai ly brandy. Ít

nhất buổi tối đã kết thúc một cách tốt đẹp hơn những gì anh mong đợi. Mày đã mong đợi cái gì? Anh tự hỏi mình, một cách sỗ sàng. Thằng ngu. Đã đến lúc rồi. Ngày mai mày sẽ phải đi do thám căn hộ chung cư của Glockner và các nhà xung quanh, đưa ra quyết định về thời điểm hành động tốt nhất trong ngày Chủ nhật.

Khi chờ đổi tiền lẻ, bà Duchesne đặt một hộp bìa cứng nhỏ lên bàn.

"Một món quà từ Massinger", bà nói.

Anh cầm lên - nó nặng và lúc lắc.

"Có lẽ ngài nên chờ đến khi quay về khách sạn hãy mở nó ra".

Nhưng anh quá tò mò, bèn đặt hộp lên đầu gối dưới gầm bàn rồi mở nắp. Anh thấy ánh sáng yếu ớt của nòng một khẩu súng lục ổ quay nhỏ. Có vài viên đạn bên cạnh, đây là nguyên nhân gây ra tiếng lúc lắc trong hộp lúc nãy.

"Tôi cần cái thứ này làm gì?" anh hỏi.

"Có thể hữu ích đấy. Ai mà biết được? Massinger cũng trao cho tôi một khẩu".

Lysander nhét chiếc hộp vào trong túi áo vest. Họ rời quán và đi vào khu vườn ngay hàng thẳng lối - những hàng rào cây hoàng dương những dãy cây đoạn và cây tiêu huyền được tỉa tót trên những lối đi rải sỏi dốc. Bầu trời vẫn còn vương chút ánh sáng và không khí mát mẻ.

"Xin cảm ơn vì bữa tối", bà nói. "Thật vui khi được quen biết ngài nhiều hơn".

Họ bắt tay nhau, anh cảm thấy cái xiết tay của bà thật chặt. Một lần nữa anh lại cảm nhận được nỗi thèm muốn bà đến lạ lùng - người đàn bà này rõ ràng không có chút khát khao nào trong cuộc đời mình.

“À mà tên thật của tôi là Lysander Rief”.

“Có lẽ ngài không nên cho tôi biết điều đó”.

“Tôi có thể được biết tên của bà không? Tha lỗi cho tôi, chỉ là tò mò thôi. Tôi không thể có được hình ảnh đầy đủ về ai nếu không biết họ tên của họ”.

“Fờ-lo-răng-xơ”, phát âm theo kiểu Pháp, dĩ nhiên, nghe còn hay hơn nhiều so với lối phát âm bằng tiếng Anh: “Fờ-lo-ren-sơ”.

“Florence Duchesne. Một cái tên đáng yêu”.

“Chúc ngủ ngon, ngài Schwimmer. Và xin chúc ngài may mắn trong ngày Chủ nhật”.

4025

.000 Frăng, Khoản Trả góp Đầu tiên

9 GIỜ 45 PHÚT SÁNG CHỦ NHẬT, Lysander thấy vợ chồng người gác cửa rời khỏi chung cư của Glockner để đi lễ. Hôm kia anh đã đến với gói bưu kiện giả gửi cho ông Glondin. Bà ta bảo đảm với anh rằng, chẳng ai có tên như thế ở trong tòa nhà này - có ông Glockner ở tầng trên cùng nhưng không phải Glondin. Nhất định là Glondin mà, anh nói - chắc là có nhầm lẫn rồi, xin lỗi anh. Anh đã quan sát kĩ tầng trệt và cầu thang dẫn lên căn hộ. Với cây thánh giá đeo trên cổ và một dấu thánh giá lớn hơn trên tường quầy tiếp tân, anh nghĩ bà ta sẽ đi lễ khi chuông nhà thờ bắt đầu điểm vào sáng Chủ nhật.

Vài phút sau, anh đẩy cửa vào, chạy bay lên gác. Thằng bé đang ngồi trong quầy tiếp tân dán mặt vào cuốn sách không buồn ngẩng đầu lên, Anh lên phòng Glockner trên tầng bốn.

Anh đứng ngoài cửa, sẵn sàng bấm chuông. Liệt kê lại lần cuối kế hoạch hành động đã soạn, điểm lại mọi thứ đã nằm trong tầm kiểm soát - ngay cả tình huống bất ngờ nhất, hy vọng thế, anh rút súng ra và nhấn chuông. Một lúc sau, anh nghe thấy có giọng nói gần cửa.

“Vâng? Ai đấy?”

“Tôi là thợ ống nước do các tầng dưới nhà cử đến. Có sự rò rỉ từ căn hộ của ông”.

Lysander nghe tiếng chìa khóa xoay trong ổ và cửa mở. Glockner đứng đó trong bộ áo dài bằng lụa.

“Rò rỉ à? Anh là...”.

Trước khi Glockner kịp nhận ra anh không phải thợ sửa ống nước, Lysander đã chĩa súng vào mặt hắn.

“Vui lòng bước vào trong”.

Glockner làm theo, rõ ràng rất hốt hoảng. Lysander khóa cửa lại. Tay vẫn cầm súng, anh quan sát Glockner đi vào phòng khách. Hắn đã bình tĩnh trở lại. Thọc hai tay vào túi áo dài, hắn quay lại đối mặt Lysander.

“Nếu mày là một tên trộm có học thức, mày có thể thấy mấy quyển sách này bán được giá đấy. Bằng không mày chỉ phí thời gian thôi”.

Phòng toàn giá sách, một số có cửa kính, một số thì không. Sàn nhà lát gỗ màu vàng với thảm trải sàn màu xanh nước biển tự nhiên. Một chiếc ghế bành bằng da trũng sâu đặt dưới một ngọn đèn cây có thể cho ánh sáng trực tiếp khi đọc sách. Một bàn viết và một cái ghế. Trên bức tường sạch sẽ treo một hàng các bức tranh khắc axit viền khung cảnh phố xá. Căn phòng của một trí thức - nhận định của Florence Duchesne khẳng định thêm điều này. Glockner nói tiếng Pháp với một ít trọng âm Đức. Nét mặt hắn điềm đạm, mày râu nhẵn nhụi ở tuổi ba mươi. Mắt phải hơi lác khiến ánh mắt hắn như nhìn đi nơi khác, hoặc giả tâm trí hắn đang lang thang.

Lysander mang cái ghế cứng cạnh bàn viết ra đặt giữa phòng.

“Mời ngồi”.

“Mày là người Đức à? Tao nói được tiếng Đức đấy, nếu mày muốn”.*

Lysander vẫn quyết nói tiếng Pháp.

“À, người Anh”, Glockner nói vẻ hiểu biết, cười rộng ngoác và gật đầu khi ngồi xuống ghế. Nụ cười làm lộ ra chiếc răng giả bằng bạc khá to.

Lysander vòng ra sau lưng hắn, tay cầm một nút thòng lọng dây thừng ngắn, luồn qua hai cổ tay Glockner và xiết chặt. Bây giờ anh đã có thể bỏ súng xuống, kéo thêm mấy đoạn dây thừng ngắn nữa trói tay Glockner vào lưng ghế. Anh lùi lại, nhét súng vào túi áo. Đặt chiếc túi du lịch lên bàn, anh lấy ra một bọc những tờ 500 frăng đặt lên đầu gối Glockner.

"25.000 frăng khoản trả góp đầu tiên".

"Nghe này, thằng ngu người Anh kia, thằng nhóc kia...".

"Không. Ông nghe đây. Tôi chỉ cần câu trả lời cho một câu hỏi đơn giản. Rồi tôi sẽ để ông lại một mình với số tiền. Không ai biết ông đã nói với tôi những gì đâu".

Glockner chửi thẳng vào mặt anh bằng tiếng Đức.

"Và nếu ông cư xử cho phải phép", Lysander nói tiếp, bình thản, "thì tháng sau ông sẽ được nhận thêm 25.000 frăng nữa".

Glockner hình như mất tự chủ. Hắn đá vào mặt Lysander nhưng trượt. Một lọn tóc mỏng, màu vàng nhạt rủ xuống trước trán, trông khá đỏm dáng. Hắn tiếp tục chửi những câu cực kì tục tĩu, chiếc răng giả bằng bạc sáng lóe.

Lysander tát vào mặt hắn - tuy không mạnh nhưng đủ khiến hắn câm miệng, anh thấy Glockner choáng váng và xấu hổ.

"Rất đơn giản thôi", Lysander nói, chuyển sang tiếng Đức. "Chúng tôi biết mọi thứ - những lá thư từ London, mật mã. Chúng tôi có bản sao tất cả những lá thư ấy. Tôi chỉ cần biết chìa khóa giải mã thôi".

Glockner tỏ ra chú ý đến điều này. Lysander chắc chắn tin tức ấy thực sự khiến hắn giật mình. Hắn như chợt hiểu tính nghiêm trọng của tình cảnh hiện thời

“Tao không có”, hắn rầu rĩ đáp.

“Đó là mật mã một - một, đương nhiên là ông có. Cũng như kẻ đang gửi ông các lá thư. Chúng tôi không quan tâm đến ông - mà là hắn. Chỉ cần nói chìa khóa giải mã và ngày Chủ nhật này sẽ vẫn là của ông”.

Như để nhấn mạnh câu nói này, mấy tiếng chuông nhà thờ lớn cách vài con phố bắt đầu ngân nga, âm vang và nặng nề.

“Mày vừa kí giấy tử hình cho chính mày đấy”, Glockner đáp, với sự can đảm giả tạo quá rõ. “Tao không có chìa khóa giải mã - tao chỉ chuyển những lá thư đó đến Berlin thôi”.

“Rồi, rồi. Sao tôi lại không tin ông nhỉ?”.

Lysander lấy lại cọc tiền, bỏ vào trong túi. Rồi rút ra một bó dây phơi, gỡ ra và trói Glockner chặt hơn vào ghế - ngực, hai cánh tay, hai hông và cẳng chân - như những sợi tơ nhện nhớp nháp bọc quanh con mồi. Xong xuôi anh ẩn đổ cái ghế xuống sàn.

“Không cần thiết phải khó khăn thế này, ông Glockner”, anh nói, một cách thuyết phục nhất có thể, “Ông không cần phải khổ thế. Không nên thế”.

Đi quanh nhà, ngắm những bức tranh khắc axit trên tường -quang cảnh các con phố ở Munich.

“Munich à?”

“Cuối ngày hôm nay mày sẽ chết thôi”, Glockner đáp. “Họ sẽ tìm ra mày và giết mày - họ biết mọi thứ đang diễn ra trong cái thành phố này. Tao có một cuộc hẹn lúc 11 giờ và nếu tao không đến, họ sẽ tới thẳng đây ngay”.

“Thế thì ông còn chưa đầy một tiếng để đổi ý và tỏ ra thông minh đấy”.

Lysander bước quanh phòng. Anh kéo rèm lại và bật sáng các ngọn đèn bên chạy bằng điện, tự hỏi mình nên làm gì. Massinger đã nói gì nhỉ? Xẻo ngón tay của hắn, từng ngón một. Ồ, phải rồi, rất rõ ràng. Đúng rồi, chúng ta bắt đầu từ đâu nhỉ? Rõ ràng anh không thể làm hắn bị thương. Anh giận dữ khi thấy mình vô dụng. Khuôn mặt tự mãn đến tàn nhẫn của Massinger hiện lên. Đây chính là tình huống anh đặt ra với Massinger - làm gì nếu không hối lộ được. Ông đã cười nhạo anh quá bi quan. Cố kiềm chế cơn giận, anh ra khỏi phòng khách, đi vào bếp.

Căn hộ có diện tích nhỏ - ngoài phòng khách có một phòng ngủ, một phòng tắm và một căn bếp nhỏ, sạch sẽ với một bếp lò, một bồn rửa mặt bằng đá hoạt thạch và một chạn để thịt. Anh bắt đầu mở các ngăn kéo, tìm kiếm một con dao hay cái kéo - mấy cái kéo cắt xương gà trong bếp - sẽ cắt phăng các ngón tay khỏi khớp. Anh muốn đe dọa Glockner - có lẽ là siết chặt một đầu ngón tay giữa hai lưỡi kéo; có lẽ làm thế là đủ khiến hắn sợ hết hồn rồi, Dọa thôi cũng đủ.

Ngăn kéo đầu tiên đựng các dụng cụ làm sạch - chất tẩy trắng, vài đám bùi nhùi bằng vụn sắt, các bàn chải cọ rửa đủ kích cỡ. Ngăn kéo thứ hai anh thấy mấy con dao - không có kéo - nhưng dao vẫn đủ sắc. Anh thấy một cái xô dưới bồn rửa - sẽ là một đạo cụ tốt đây nếu có đổ máu. Như thế sẽ thuyết phục hơn trong trò chơi đố chữ này. Anh cúi xuống lấy cái xô rồi đứng dậy.

Nghĩ đi nào. Chợt một ý tưởng lóe lên - chẳng biết từ đâu. Anh lại mở ngăn kéo thứ nhất lấy ra hai đám bùi nhùi, mỗi tay cầm một đám - tấm lưới thép thô cuộn thành một khối cầu mềm. Anh bắt đầu nghĩ thêm - chẳng cần phải đổ máu. Anh rửa tất cả dưới vòi nước, vẩy cho khô, nhét vào túi áo rồi quay ra phòng khách.

“Cơ hội cuối, ông Glockner. Cho tôi chìa khóa giải mã đi”.

“Tao đã nói tao không có. Khi chuyển thư đến Berlin, chúng đã được giải mã rồi”.

“Cơ hội cuối cùng đấy”.

“Mày nói câu này bằng tiếng Anh thế nào hả? Mẹ kiếp cả nhà mày, mẹ mày, chị em mày, mẹ kiếp vợ mày, cả con gái mày nữa”.

Lysander cúi xuống.

“Ông vừa phạm một sai lầm khủng khiếp. Rất khủng khiếp đấy”. Hai ngón tay anh bóp chặt mũi Glockner. Khi hắn vừa kịp há mồm ra để thở, Lysander tọng ngay một đám bùi nhùi vào sâu trong miệng hắn - rồi đến đám thứ hai.

Glockner nôn ọe cố khạc ra. Hai đám bùi nhùi banh rộng hai quai hàm, khiến má hắn phồng lên. Hắn cố dùng lưỡi đẩy bật ra nhưng vô hiệu, chúng bị nhét quá chắc và mắc vào sau hai hàm răng.

Lysander bước đến chiếc ghế bành, rút phích cắm ngọn đèn cây và giật dây điện khỏi đế đèn. Sợi dây trông đơn giản, buộc bằng sợi cáp đôi bọc bằng vỏ dây vàng mịn. Bằng hai ngón tay, anh tõe đôi một đầu dây làm lộ ra những sợi dây điện, rồi uốn thành hình chữ Y lởm chởm.

Anh kéo Glockner và chiếc ghế lại gần hơn. Cắm lại dây điện vào ổ cắm, một tay giữ sợi “Y” có dòng điện chạy qua ngay trước mặt Glockner.

Bất chợt anh thoáng nghĩ mình sẽ không thể làm được chuyện này. Nhưng rồi anh lại tự nhủ - rốt cuộc chỉ là một cái chạm nhẹ thôi mà, không dữ dội, không cắt xẻo, chẳng có gì quá đáng chẳng cần dùng dao móc thịt. Chuyện xảy ra chỉ như một sự cố không may ngày ngày vẫn xảy

ra với các nha sĩ, đâu chả thế. Glockner sắp đi gặp nha sĩ - thực ra chẳng ai muốn bị đau đớn mỗi lần đi chữa răng. Đó chỉ là rủi ro.

"Ông có vẻ rất chịu khó chăm sóc răng miệng đấy. Đáng ngưỡng mộ. Tiếc thay toàn bộ công trình chăm sóc đắt tiền ấy giờ đây sẽ khiến ông đau muốn chết. Từng chiếc răng trong miệng ông đều tiếp xúc với mạng lưới thép của đám bùi nhùi. Nhìn xem kìa, đám nước miếng phong phú dồi dào đang chảy ra từ một bên khóe miệng - là một chất điện phân hoàn hảo đấy. Khi tôi chạm sợi dây điện này vào đám bùi nhùi trong miệng ông..." anh dừng lại. "Phải nói là ông sẽ nhớ mãi cơn đau này suốt phần đời còn lại".

Anh ve vẩy sợi dây trước mặt hắn.

"Chỉ cần trao cho tôi chìa khóa giải mã, tôi sẽ ra khỏi đây trong năm phút. Đồng ý thì gật đầu nhé".

Glockner phát ra mấy tiếng rít kèn kẹt trong cổ họng. Nhưng rõ ràng những nếp nhăn trên trán và ánh mắt trừng trừng giận dữ cho thấy hắn đang cố chửi thề.

Không cần nghĩ thêm, Lysander gí những sợi dây trần có điện vào đám bùi nhùi thấy rõ ràng trên hàm răng phơi ra ngoài. Chỉ trong vòng một giây.

Tiếng rống đau đớn xé họng như không phải tiếng người của Glockner nghe hết sức kinh hoàng, khiến anh nao núng và nhăn mặt đồng cảm. Anh đón nghe toàn bộ nỗi đau khủng khiếp của hắn. Anh vội rút ngay dây ra, một chút mủi lòng, nhìn Glockner tiều tụy trong đống dây trói, gục đầu xuống lớp sàn gỗ, nước mắt giàn giụa. Chúa tôi. Ôi Chúa ơi.

Lysander lấy một tấm nệm trên ghế, nhét xuống dưới đầu Glockner. Anh không muốn bất kì ai từ dưới nhà đi lên nghe thấy tiếng ồn. Anh cầm một tấm nệm khác trong tay sẵn sàng chặn những tiếng thét cuối cùng của hắn,

"Ông Glockner, vừa nãy mới chỉ là một giây thôi đấy. Tưởng tượng xem nếu tôi gí mấy sợi này và đếm đến mười".

Không để hắn kịp đáp - kết thúc chuyện này cho nhanh - anh nhét sợi dây vào đám bùi nhùi và lèn chặt miếng đệm lên mặt Glockner. Một giây, hai giây - không, hắn không chịu được mất. Anh kéo dây ra, vẫn để nguyên tấm đệm trên mặt hắn. Những tiếng thét của Glockner tắt lịm thành những tiếng nức nở, gần như tiếng một loài vật, thở hổn hển. Khi nhấc đệm ra, chính anh cũng run rẩy.

Khuôn mặt Glockner đau ê ẩm như thể những cơ bắp đã nhão ra hết, yếu ớt đến kinh hoàng. Đôi mắt nửa khép nửa mở, hấp háy điên cuồng.

"Nếu đồng ý thì gật đầu nhé".

Hắn gật đầu.

Thận trọng, nhanh chóng, mấy ngón tay Lysander khẽ lấy hai đám bùi nhùi ra khỏi cái mồm đang há hốc. Glockner nôn khan, rồi lại gục đầu xuống sàn gỗ. Lysander đứng dậy, cẩn thận đặt sợi dây có điện lên trên bàn, giữ lại bằng cái chặn giấy.

"Thấy chưa?" anh nói với vẻ cáo buộc. "Nếu ông chịu nói ngay ra khi được hỏi thì những chuyện thế này đã không xảy ra - và ông đã thành một người giàu có. Chìa khóa giải mã ở đâu?"

"Tủ sách ở giữa...". Glockner ho hen và rên rỉ,

Lysander bước đến tủ sách trung tâm và mở ra. Trong tủ xếp đầy sách văn học Đức - Goethe, Schiller, Lessing, Schopenhauer, Liliencron...

“Giá sách thứ hai từ trên xuống. Quyển thứ năm”.

Lysander dò tay dọc theo các gáy sách. Những cuốn sách mật mã cổ điển. Mật mã PLWL* một tên khác của dạng mật mã này, như Munro đã từng nói trang, dòng, từ, chữ. Không thể bẻ gẫy trừ phi anh có một cuốn sách như thế để giải mã.

Cuốn thứ năm à, đây rồi. Anh lôi ra.

Andromeda và Perseus.

Andromeda và Perseus, Một trong số bốn vở opera của Akten von Gottlieb Toller.

Người anh buốt lạnh như thể đang dầm mình trong băng. Dạ dày cuộn lên, uốn cong lại. Anh chợt thấy rất buồn đi ngoài.

Anh dừng ngay những câu hỏi đang thét vào mặt mình. Không phải bây giờ. Không phải bây giờ. Để sau.

Anh quay về chỗ Glockner. Có vẻ như hắn đã ngỏm rồi. Đôi mắt nhắm nghiền và hơi thở không sâu. Gắng hết sức, Lysander kéo được cái ghế thẳng lên. Đầu Glockner gục sang bên. Một dòng nước miếng đang chảy ra khỏi miệng hắn và lơ lửng ở đó, rung rinh như một con lắc sáng ngời.

Lysander nhanh chóng cởi trói, kéo lê và đặt hắn nằm trên thảm trải sàn, Anh rút phích cắm dây điện, cuộn tròn lại rồi nhét túi. Anh thấy cái cặp Sở Ngoại giao của Glockner trên sàn cạnh bàn bèn mở ra, đẩy nhẹ bọc tiền 25.000 frăng vào trong, rồi đóng cặp lại, đặt xuống sàn như cũ. Anh tìm dọn sạch hết mấy sợi thừng cùng đảm bùi nhùi, bỏ tọt hết vào trong túi du lịch cùng lời vở nhạc kịch *Andromeda và Perseus.* Anh kiểm tra căn

phòng và bếp lần cuối cùng, chỉnh lại thảm trải sàn nhăn nhúm, xếp thẳng lại những quyển sách trên giá nhằm che đi khoảng trống, rồi đóng cửa lại. Một người đàn ông nằm ngửa bất tỉnh, chẳng để lại một dấu vết nào trên người hắn. 25.000 frăng vẫn nằm trong chiếc cặp làm việc của hắn. Một ngọn đèn cày không có dây điện. Bí mật được bật mí.

Anh đứng một lúc trong sảnh điểm lại mọi thứ lần chót. Anh phải biết ơn Hugh Faulkner thật nhiều. Anh thấy chính mình bắt đầu run rẩy. Mọi việc êm ả đến ghê rợn - không có máu, chẳng cần nỗ lực nhiều, trơn tru - một ý nghĩ logic và một dòng điện. Dừng lại. Tập trung nào. Từ trong chiếc túi du lịch, anh lấy ra một chiếc áo mưa Macintosh nhẹ, một chiếc mũ chơi golf bằng bông và đội lên đầu. Người đàn ông rời khỏi tòa nhà trông sẽ khác với người đi vào. Anh đóng cửa lại, tra chìa khóa vào ổ cắm phía trong. Bình tĩnh xuống nhà nhưng không gặp bất kì ai. Anh thấy mừng khi bà gác cửa vẫn đi lễ chưa về và thằng bé đã rời khỏi quầy. Lysander bước ra ngoài phố và lẻn đi ngay. Anh nhìn đồng hồ trên tay - 10 giờ 40 phút - thậm chí anh còn chưa mất đến một giờ trong căn hộ của Glockner.

41

Kẻ Tàn ác

MẤT CẢ BUỔI CHIỀU chật vật giải mã những bức thư của Glockner - khiến tâm trí anh bận rộn. Khi những nội dung của nó dần hé lộ - một công việc nặng nhọc - anh đã hiểu rõ điều gì được nêu chi tiết trong các mật mã. Đó là di biến động của đạn dược và nguyên vật liệu từ Anh đến nhiều nơi trên tiền tuyến.

Một trang viết: "*Năm trăm tấn HE cỡ mười lăm phân đến St Omer và Béthune*".

Trang khác viết: "*Hai mươi nhăm ngàn cỗ áo quan đến Allougne*".

Và nhiều câu tương tự nữa: "*Một triệu năm trăm nghìn lẻ ba hoặc ba quân khu Aubers Ridge*"; "*Sáu trạm cấp cứu đã chiến phía sau Lens*"; "*Các ga đầu mối Ammo St Venant Lapugnoy đội kị binh quân đội Struzeele đầu tiên*"; "*Mười sáu trạm băng bó cao cấp tại Greney Vermelles, Cambrin, Givenchy, Beuvry*", "*Mười bốn khẩu súng cối trên kênh La Bassee*".

Danh sách dài thêm đến mức ngạc nhiên với rất nhiều chi tiết vụn vặt khi anh bình tĩnh đọc lướt hết sáu cột số dày đặc trong sáu lá thư. Anh đặt giả thiết nếu ngày tháng chặn các lá thư này được ghi lại, thì dữ liệu này cho ta thấy một bức tranh thú vị về tâm điểm của cuộc tấn công sắp tới. Những quả đạn pháo, đạn dược, vũ khí nhẹ, thực phẩm và khẩu phần, thiết bị phát tín hiệu, các bệnh viện dã chiến, các động vật chở hàng phương tiện chuyên chở - có vẻ quá ngẫu hứng. Nhưng nếu ai hiểu một

cuộc “tấn công ác liệt” cần những gì, sẽ không khó để đọc ra các dấu hiệu và khoanh vùng một cách chuẩn xác.

Ngoài ra, anh cũng hiểu rõ thông tin chắc chắn còn nằm ẩn sâu đằng sau những dòng chữ này - tỉ lệ và những số lượng quy định cho các đội quân và lữ đoàn thay vì các trung đoàn và tiểu đoàn. Quân nhu cho các tiểu đoàn lấy từ các kho đạn tạm thời được cấp theo các mệnh lệnh di chuyển này. Và thậm chí còn xa hơn thế - có nhắc đến mười khẩu đội pháo với những khẩu đại bác nặng 18 pound* đang được vận chuyển từ Folkestone đến Havre, và cuối cùng được chở bằng tàu hỏa đến Abbeville; một xưởng đầu máy xe lửa sắp được xây ở Borre; một kho quân nhu chăn gia súc mới tại Mautort; sơ đồ những con đường nên tránh tại Văn phòng Giao thông ở Abbeville; tổng cộng số ngựa thay thế được gửi từ Anh đến cho Quân đoàn Một vào tháng Năm. Hẳn các sĩ quan tiếp tế cao cấp của Pháp có biết một số sự kiện và số liệu này. Nhưng lĩnh vực và phạm vi kiến thức được nêu trong những lá thư nói lên một điều khác - mà trí tuệ hạn hẹp của Lysander có thể hiểu được - một cái nhìn toàn cảnh rộng hơn nhiều về toàn bộ những di biến động và hoạt động tiếp tế quân nhu cho Lực lượng Viễn chinh Anh trên Chiến trường miền Tây. Anh cho rằng tác giả những lá thư mã hóa này không nằm trong Bộ Tư lệnh Pháp của Tướng Sir John tại St Omer, mà hắn đang an toàn trong chính Văn phòng Chiến tranh hay trong Bộ Quân nhu ở London.

Anh bỏ bút xuống và với sự khó chịu, anh cầm văn bản gốc lên - *Andromeda và Perseus.* Anh quay về trang đề tựa, nhẹ nhõm khi thấy ấn bản này không giống bản anh đã có. Nó được xuất bản tại Dresden năm 1912, một năm trước chuyến đi của anh đến Vienna. Tựa đề và tên tác giả được viết đơn giản không có hình minh họa. Biết rằng những buổi diễn

định mệnh vở opera này của Toller tại Vienna không phải là những buổi đầu tiên, nên anh nghĩ vở này chắc chắn phải được diễn ở Dresden, là nơi cho ra đời bản sao này...

Sự trùng hợp đến nham hiểm? Không thể nào. Khi những đoạn văn bản trở nên tối nghĩa, có thể thấy *Andromeda và Perseus* gần như là một chọn lựa tinh tế. Nhưng càng tự hỏi nhiều câu hỏi về lai lịch dễ hiểu của văn bản giải mã này trong mật mã PLWL, anh càng thấy lú lẫn và rắc rối thêm, Tại sao lại là vở opera đặc biệt và đáng bị lãng quên này? Và làm thế nào anh lại là người khám phá ra nó? Một ý nghĩ bất ngờ chợt đến. Chỉ còn một người nữa thôi sở hữu một bản sao lời vở nhạc kịch này, đó là Lysander Rief. Điều đó ngụ ý cái gì?

Anh nhận ra rằng có suy đoán thêm nữa cũng chỉ vô ích. Anh phải quay về nhà, cùng Munro và Fyfe-Miller phân tích triệt để tất cả các cành nhánh của khám phá mới này. Anh chẳng thể làm được gì nhiều vào một chiều Chủ nhật tại Geneve. Khách sạn des Postes đóng cửa vào giữa trưa nên anh phải đợi đến sáng mai để gửi điện báo cho Massinger tại Thonon. Khách sạn mở cửa vào bảy giờ sáng - anh sẽ tới đó, Anh dán kín các bản sao sáu lá thư này vào một phong bì, viết tên anh và địa chỉ Tòa thị chính Claverleigh lên đó. Anh cho rằng tốt nhất nên giấu kín những chi tiết chính xác ấy, ít nhất đến khi anh quyết định nên tiết lộ cái gì trong chìa khóa giải mã này.

Buổi chiều muộn, anh ra ngoài đi dạo, có lẽ anh nên nói chuyện này - một cách kín đáo - với Florence Duchesne. Nhưng anh nhận ra mình không biết bà sống ở đâu. Thế rồi một lần nữa anh quyết định, bà ta nên biết càng ít càng tốt.

Anh bắt xe điện qua sông Arve và xuống xe ở một trong những lối vào rừng Bâtre cách xa thành phố. Anh thả bộ vào cánh rừng rậm, rời khỏi những lối đi để đến một nơi hẻo lánh - tránh xa những người đi picnic hay các gia đình đi tản bộ - và kiên nhẫn đốt từng trang vở kịch *Andromeda và Perseus* của Glockner. Anh đá tung đống tro tàn nhỏ yếu ớt bay đi khắp nơi, giẫm nát chúng trong đám cỏ như muốn không còn cách nào có thể khôi phục và đọc lại được. Anh bắt đầu nghĩ rằng quy trình hành động tốt nhất lúc này chính là giữ bí mật văn bản mật mã. Không hiểu tại sao, nhưng anh như thấy xuất hiện một lối thoát theo bản năng khỏi những câu hỏi, câu trả lời rắc rối quay cuồng trong đầu. Đó là biến mình thành người duy nhất biết câu trả lời - khỏi lo bị lộ nữa. Vào lúc gặp Massinge, có lẽ anh sẽ đề nghị chuyện đó - anh hoàn toàn hiểu được chuyện đó - nhưng đến lúc ấy, anh sẽ còn nhiều thời gian để dựng nên một câu chuyện hợp lí.

Anh ăn trứng tráng trong một quán bia cạnh các bến tàu hơi nước, kiểm tra giờ xuất bến của những con tàu tốc hành chạy vòng quanh hồ trong ngày. Anh uống quá nhiều rượu nên thấy mục đích rõ ràng trước đó đã bắt đầu bị phủ mây khi thả bộ trên phố. Như thể bất ngờ nhận ra một thực tế, rằng trong buổi sáng Chủ nhật này tại Geneve, anh vừa tra tấn một người đàn ông để moi thông tin. Chuyện gì đang xảy ra với mình? Mình đang trở thành kẻ tàn ác kiểu gì thế? Nhưng anh lại nghĩ - dùng từ "tra tấn" có đúng không? Anh không đập nát bét đầu Glockner bằng dùi cui, không hủy hoại cơ quan sinh dục của hắn, không xé rách ngón tay hắn. Anh cảnh báo hắn đến mấy lần, cho hắn mọi cơ hội để nói. Nhưng phải thừa nhận anh cũng quá bối rối - bối rối trước sự khéo léo nhanh nhẹn và thủ đoạn của chính mình. Có thể chính vì không có máu - không

có chất nhầy, phân và nước tiểu - khiến... anh lục tìm từ - mưu kế - khiến mưu kế của anh trở nên khó đoán và dễ dàng được thực hiện. Điều anh đã làm có vẻ giống một thí nghiệm trong phòng thí nghiệm hóa học, hơn là hành vi cố ý gây thương tích... Nhưng rồi một giọng nói khác nhắc anh sao ngu dại và nhạy cảm thế. Anh chỉ làm theo mệnh lệnh trong một nhiệm vụ. Thông tin anh thu được bằng những hành động thông minh, thẳng thắn và thú thật là tàn nhẫn của mình mang tính quan trọng sống còn đối với kết quả cuộc chiến, dễ hình dung là nó có thể cứu được vô số sinh mạng dĩ nhiên là thế. Người ta dặn anh một điều mơ hồ - làm phận sự của một người lính - và anh đã làm.

Người gác đêm ngái ngủ tại khách sạn Touring càu nhàu mở cửa chính cho anh sau nửa đêm. Lysander lên phòng, thấm mệt nhưng biết chắc sẽ không ngủ được vì những ý nghĩ đang không ngừng khuấy tung đầu anh lên. Còn trầm trọng hơn nữa khi anh nhìn thấy một lá thư nhét dưới khe cửa. Thư không đề địa chỉ nhưng anh vẫn xé phong bì, biết thừa ai đã gửi.

"Anh trai Manfred ốm nặng. Về nhà ngay lập tức. Mọi người đang rất lo lắng".

Chỉ có thể là Florence Duchesne. Manfred - làm sao bà ta biết chuyện Glockner nhỉ? Lại còn chữ "lo lắng" gạch dưới này có ý nghĩa quan trọng như thế nào? Anh nằm trên giường, mặc nguyên quần áo, nhẩm lại tất cả những khả năng cho ngày mai - điều gì anh nên cố gắng làm, điều gì anh tuyệt đối phải làm vì lợi ích tốt nhất của chính mình. Anh vẫn tỉnh táo, đợi chờ và suy nghĩ, cho đến khi mặt trời lên, tỏa sáng những bức rèm cửa sổ.

Bảy giờ sáng, Lysander là người xếp hàng thứ ba ở cửa chính bưu điện trung tâm trên đường Rue du Mont Blanc. Đó là một tòa nhà to lớn, bề thế, được trang trí lộng lẫy - giống một bảo tàng hay trụ sở Bộ Ngoại giao nhiều hơn là một bưu điện - và khi đến lượt, anh tiến đến quầy bán vé trong sảnh vòm rộng, gửi ngay bức điện tín cho Massinger.

> CÓ NỘI DUNG LỜI GIẢI RỒI. NGHI NGỜ CÓ RẮC RỐI NGHIÊM TRỌNG TRONG BỘ MÁY CHÍNH. ĐẶC BIỆT THÔNG BÁO RẰNG TRONG TƯƠNG LAI GẦN, KHÔNG CÓ CUỘC PHÁ VÂY NÀO. ĐẾN AVIAN LES BAINS VÀO LÚC 04 GIỜ 40 PHÚT CHIỀU.

Lá thư cuối cùng của Glockner được chặn lại muộn hơn hai tuần một chút. Thật hợp lí khi cho rằng thông tin về việc cung cấp quân nhu có liên quan đến bất kì cuộc tấn công nào được ấn định vào khoảng cuối hè. Cuộc tấn công mùa thu, dù sẽ diễn ra theo cách nào hay ở bất kì đâu, bây giờ hẳn quân thù đã biết rõ, chừng nào chúng còn quan tâm.

Sau đó anh gửi sáu lá thư chép tay cho chính mình đến Claverleigh và rời khỏi bưu điện lúc 07 giờ 20 phút. Con tàu hơi nước tốc hành đầu tiên đang đi vòng đến Nyon, Ouchy, Montreux và chiếc Evian khởi hành lúc 09 giờ 15 phút. Mẩu giấy của bà Duchesne tối qua như ngụ ý các bến tàu hơi nước và ga xe lửa có thể đang bị theo dõi - anh còn gần hai tiếng hoặc hơn để chắc chắn mình sẽ không bị bắt.

42

Tom O’Bedlam

ANH KHÓA CỬA phòng vệ sinh nam dưới boong, đặt bao tải và chiếc ghế không có mặt ngồi sang một bên. Anh ngồi trên bồn cầu, thở phào nhẹ nhõm, tháo giày và lắc cho mấy viên sỏi rơi ra. Rồi anh lau hết lớp sáp Vaseline khỏi môi trên, lùa mấy ngón tay vào mái tóc lởm chởm để cố duỗi thẳng gần như bình thường. Nhìn mình trong gương, anh thấy mình đã cắt tóc hơi quá đà.

Sau khi rời khỏi bưu điện, anh đi mua mấy thứ cơ bản ngay khi mấy cửa hàng bán những món đồ anh cần trên đường Rue de Mont Blanc mở cửa. Trước tiên là một túi đựng đồ giặt là bằng vải lanh thô đựng áo đi mưa và mũ chơi golf - anh đã bỏ chiếc va li bằng bông và đống quần áo còn lại trong phòng khách sạn. Abelard Schwimmer không cần dùng đến chúng nữa. Rồi anh mua một lọ Vaseline thủy tinh và hai chiếc kéo từ một cửa hàng dược phẩm, Trước đó, anh đến cửa hàng nội thất tìm kiếm một hồi rồi mua một chiếc ghế dùng trong bếp rẻ tiền bằng gỗ thông, lưng thẳng, đệm rơm đan. Ghế nào cũng được việc - nhưng cái ghế rơm này mới quan trọng. Vào lúc 8 giờ 30 phút, anh lại băng qua sông đến công viên Jardin Anglais ngồi trong một góc tĩnh lặng trên ghế băng dài. Anh tháo gỡ các đoạn sợi rơm trên mặt ghế, sau đó mắc và cuốn rơm thành hình số 8 chùng rồi móc vào lưng ghế. Đạo cụ biểu diễn đã có - bây giờ anh chỉ cần phục trang

Ý tưởng của anh - cảm hứng của anh - xuất phát từ một vở diễn của bố mà anh còn nhớ khi ông đóng vai Tom Nghèo khổ, Tom O'Bedlam, và Edgar mặc giả trang* thành người điên mà Vua Lear gặp trong cơn bão. Để diễn tả cơn điên dại của Tom, ông đã bôi mỡ tra máy lên tóc để tạo mấy sợi nhọn cứng, bôi thêm nữa dưới mũi rồi nhét đầy sỏi sắc vào hai đôi giày. Sự biến đổi thật phi thường - ông không thể bước đi bình thường hay thoải mái được, dáng đi lắc lư và giật đùng đùng, lớp mỡ trông như thứ nước nhầy chảy ròng ròng từ mũi xuống như không thể ngăn lại được. Mái tóc bóng nhẫy rối tung lạ lùng bổ sung thêm vào tinh hoa tuyệt vời của sự tục tĩu và sao lãng. Một chiếc áo choàng rách rưới hoàn thiện nốt phần hóa thân.

Lysander không thể đi xa nhưng anh đã nhắm hướng. Anh nhặt mấy viên sỏi tròn từ những lối đi trải sỏi, để vào trong đôi giày nâu buộc dây lỏng lẻo. Anh tháo cúc hai cổ tay áo khoác may bằng vải xẹc, xắn lên tận khuỷu tay và cứ để lửng lơ như thế. Anh cài sai cúc áo khoác đến tận cổ. Cà vạt nhét vào trong túi. Rồi anh ngẫu hứng cắt mấy đám tóc, thoa thêm ít Vaseline đục - không quên để lại một vệt bẩn dài dưới mũi. Sau đó vác cái ghế không có mặt ngồi có móc cuộn rơm lên một bên vai và bao tải vải lanh trên vai kia, khập khiễng lê bước ra cầu tàu nơi con tàu hơi nước đang thả neo. Anh giả bộ giống một thằng ngốc gypsy* lang thang nghèo túng kiếm được vài xăng tim* bằng nghề sửa đồ nội thất.

Anh có thể thấy chẳng có cảnh sát nào, mặc đồng phục hay thường phục, lục soát nhúm hành khách đang xếp hàng chờ lên tàu. Anh nhường họ lên gần hết, trước khi tỏ ra đau đớn trèo lên cầu tàu, trình vé và ngay lập tức về chỗ ngồi phía sau. Anh ngồi đó, đầu cúi thấp, lẩm bẩm một mình. Đúng như dự đoán, chả ai dám ngồi quá gần anh. Không ai đến soát

hộ chiếu khi con tàu đi vòng quanh và sẽ trở lại Geneve vào cuối ngày. Massinger hẳn sẽ nhận được bức điện tín này và có khối thời gian để ông đến Evian kịp lúc tàu cập bến, Một khi gặp nhau, anh có thể tóm tắt ngắn gọn với ông về các nội dung cơ bản của những lá thư Glockner. Anh hình dung sẽ không mất quá nhiều thời gian để phát hiện ai là kẻ cấp tin trong Văn phòng Chiến tranh - chỉ vài người có thể được chia sẻ lượng thông tin lớn đến thế.

Anh nghe tiếng động cơ bắt đầu vang lên đều đều, chuyển động qua tấm ván lát boong dưới chân. Anh cho phép mình run lên vì sung sướng. Mình đã làm được - không dễ dàng lắm, hoàn toàn ngược lại - nhưng đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Còn có thể đòi hỏi gì hơn mình chứ?

Con tàu hơi nước bắt đầu rời bến, tiến thẳng ra mặt hồ rộng. Buổi sáng đầy mây, đôi chỗ pha lẫn mấy mảng trời xanh. Nhưng khi ánh mặt trời xuyên qua, ánh sáng lóa mắt từ mặt hồ khiến đôi mắt anh nhói buốt, thế nên anh ngồi vào chỗ có bóng râm. Chẳng bao lâu tàu đã ra đến vùng nước rộng, liền chạy hết tốc lực, thẳng tiến đến Nyon. Lysander cảm thấy mình đã có thể an toàn xuống dưới boong và tháo bỏ lớp cải trang này.

Trong nhà vệ sinh, sau khi lau rửa mặt mũi sạch sẽ xong, anh giẫm đạp và xé nát chiếc ghế nhà bếp ra thành từng mảnh, nhét mấy sợi thông nát nhàu và đống rơm vào cái tủ chè trống hoác dưới hai bồn rửa. Anh mặc áo mưa Macintosh, đội chiếc mũ chơi golf phẳng, soi gương chỉnh lại cho đúng hai cổ tay áo và cài lại cúc áo khoác. Tuyệt - lại là một vị du khách khác tận hưởng một tua vãn cảnh hồ. Anh cũng lẳng cái bao tải vải lanh trống rỗng vào tủ chè - mọi thứ anh cần đều nằm trong túi hết rồi. Anh xối nước trong nhà vệ sinh nhằm đánh lạc hướng, rồi mở cửa.

Rời Nyon, con tàu không còn ôm lấy bờ biển mà băng qua sông đến Ouchy, bến cảng của Lausanne. Từ Ouchy sẽ đi thẳng đến Vevey trước khi quay nửa vòng về phía tây, với Montreux và toàn cảnh những ngọn đồi nhiều cây rậm rạp. Cái miệng rộng ngoác của sông Rhone ẩn phía sau những đỉnh lởm chởm của ngọn Dent du Midi phía xa.

Anh thả bộ xuống đuôi tàu và tựa người vào lan can. Anh nhìn ra lằn tàu và những khung cảnh Geneve đang lùi dần với một vòng các quả đồi thấp và những dãy núi xa xa. Có vài chiếc thuyền ba buồm Geneve nổi tiếng đi trên hồ, phần lớn đáy chìm xuống nước, những chiếc thuyền hai cột buồm khoang rộng, những cánh buồm tam giác nhọn hoắt có vẻ hoạt động độc lập. Từ góc độ nhất định, trông chúng như mấy cánh bướm khổng lồ đậu cùng lúc trên mặt hồ để uống nước, hai cánh bình tĩnh khẽ đập rồi lại ngừng. Anh ngắm nhìn tốc độ chậm chạp của chúng và đợi đến khi không còn du khách nào đứng gần, nhanh như cắt ném khẩu súng lục xuống nước rồi quay lại, chẳng ai để ý. Anh bước đi xa khỏi đuôi tàu.

Nếu là bất kì ngày nào khác, anh sẽ thưởng ngoạn những quang cảnh tuyệt vời này, nhưng hiện tại, anh chỉ có thể đi tới đi lui trên các boong, tâm trí không ngừng suy nghĩ và xúc động. Có một phòng khách gắn kính trong suốt, sau mấy ống khói mỏng cao cao, có phục vụ các bữa ăn nhẹ và đồ giải khát, nhưng anh không đói; mà thực ra chỉ thấy mệt khủng khiếp và kiệt sức vì căng thẳng suốt hai mươi tư giờ trước. Anh bước vài bước lên boong nhỏ cao nhất phía trước đài chỉ huy, nơi anh thuê một chiếc ghế xếp vải bạt từ một người phục vụ với giá hai frăng. Anh ngồi xuống kéo sụp mũ che mắt. Nếu không thể ngủ thì ít nhất cũng có thể lơ mơ - nghỉ ngơi một chút, một chút thôi, anh chỉ cần có thế.

Anh mơ thấy Hettie đang chạy qua một khu vườn bỏ hoang rộng, tay đang bị một đứa bé trai xinh xắn tóc đen. Có phải hai mẹ con đang chạy trốn cái gì đó - hay họ chỉ đang chơi đùa thôi? Anh thức dậy - khó chịu - Cố gắng nhớ lại những đường nét của thằng bé. Sao anh lại có thể gặp Lothar trong giấc mơ của mình - đứa con trai anh chưa từng nhìn mặt, thậm chí là chưa nhìn ảnh? Nhưng Lothar bây giờ mới một tuổi thôi - thằng bé này lớn hơn nhiều, khoảng bốn, năm tuổi rồi. Không thể nào...

“Ngài đã ngủ gần hai giờ rồi đấy”.

Anh choàng dậy nhìn xung quanh.

Florence Duchesne ngồi trong chiếc ghế xếp cách anh gần một mét, mặc đồ đen như thường lệ, chiếc mũ rộng thùng thình được giữ trên đầu bằng chiếc khăn quàng the.

“Chúa tôi”, anh nói. “Làm tôi sợ chết khiếp. Tôi đang mơ”.

Anh ngồi dậy, xác định lại phương hướng. Mặt trời đang lặn xuống thấp, những ngọn đồi bên trái có vẻ bé hơn. Đến Pháp rồi à?

“Chúng ta đang ở đâu đây?”

“Chúng ta sẽ đến Evian-les-Bains trong một giờ nữa”. Bà nhìn anh - có thể coi đó là dấu hiệu một nụ cười không?

“Tôi gần như thấy nhớ ngài”, bà nói. “Tôi nghĩ ngài sẽ không lên tàu. Tôi đã thấy ngài - cái ghế và chiếc bao tải, kiểu đi khập khiễng giả vờ của ngài. Rồi ngay khi con tàu hơi nước chuẩn bị xuất phát, tôi mới nhận ra. Là ngài ấy, Có chắc không? Tôi nhớ Massinger đã cảnh báo tôi - phải cẩn thận đấy, ngài ấy sẽ không giống những người cô từng biết đâu”.

“Làm sao Massinger biết được chuyện đó?”

Bà nhún vai. “Tôi không biết. Ông ta chỉ cảnh báo tôi rằng, có thể ngài sẽ giả trang. Dù sao thì, hoan hô - chẳng ai có thể đoán được đó là ngài”.

“Bà không thể quá cẩn thận...”. Anh suy nghĩ trong một giây. Mà bà đang làm gì ở đây thế?”

“Massinger muốn chắc chắn rằng ngài trốn đi an toàn. Ông ta đề nghị tôi đi theo ngài một cách kín đáo. Tôi đã có một ngày đi chơi tuyệt vời. - Tôi sẽ bắt một chuyến tàu hơi nước quay về Geneve”.

“Ý bà là gì khi viết trong mẩu giấy rằng mọi người đều “lo lắng?”

“Manfred Glockner chết rồi”.

“Cái gì?”

“Hắn chết vì bệnh tim, Người ta tìm thấy hắn bất tỉnh trong căn hộ liền chuyển ngay đến bệnh viện - nhưng đã quá muộn”.

Lysander nuốt khan. Lạy Chúa tôi.

“Ngài có biết lý do gì mà hắn phải chết không?” bà hỏi, giọng rất bình thường.

“Khi tôi bỏ đi hắn vẫn ổn mà”, Lysander buột mồm, nghĩ về sợi dây bùi nhùi đan lưới và dòng điện gia dụng mạnh...”. Tôi cho hắn tiền, hắn đếm tiền, khai chìa khóa giải mã, sau đó tôi đã bỏ đi”.

Bà nhìn anh rất chăm chú.

“Tiền được tìm thấy trong cặp ngoại giao của hắn”, bà nói.

“Làm sao bà biết?” anh hỏi lại.

“Tôi có mối liên hệ ở lãnh sự quán Đức”

“Mối liên hệ gì?”

“Tôi đã mở bức điện của một người đàn ông làm việc ở đó. Bên trong có những bức ảnh mà anh ta muốn giữ bí mật. Tôi giữ lại một số ảnh để uy hiếp anh ta. Thế nên khi tôi cần biết điều gì, anh ta đều rất vui vẻ thông báo”.

Lysander đứng dậy, tiến đến chỗ lan can. Anh phải rất, rất cẩn thận, anh biết thế nhưng vẫn không thể chắc chắn tại sao anh lại nói dối bà ta ngay từ đầu. Anh nhìn ngang qua những vùng nước yên bình trên bờ biển nước Pháp - những ngọn đồi lại nhô lên. Anh thấy một lâu đài nhỏ hoàn hảo bên phải mép nước.

Bà Duchesne ra ngoài lan can đứng bên anh, nhìn chằm chằm vào mép nước đang chậm rãi đến gần. Anh quay lại, một góc nhìn nghiêng tuyệt vời trên khuôn mặt bà. Đường cong hoàn hảo của chiếc mũi xinh, như mỏ chim. Hai lỗ mũi nở ra khi bà hít vào thật sâu và ngực bà phồng lên. Có điều gì đó ở bà khiến anh bị kích động, bà...

“Lâu đài đẹp thật - nó được gọi là lâu đài de Blonay”, bà nói. “Tôi muốn sống ở một nơi như thế”.

“Có thể sẽ hơi cô đơn đấy”.

“Tôi đang không hình dung đến chuyện sống ở đó một mình”. Bà quay lại nhìn anh.

“Chìa khóa giải mã là gì? Glockner có đưa cho ngài đoạn văn bản không?”

“Không. Tôi nhớ chúng trong đầu rồi. Hắn đã nói cho tôi biết nó hoạt động thế nào - rất đơn giản”.

“Là gì thế?”

“Kinh Thánh - bằng tiếng Đức”, Lysander đáp. Anh không bao giờ nghĩ bà sẽ hỏi thẳng anh về chuyện này như thế. Nhưng vấn đề là con số đầu tiên không khớp. Nó là một mật mã kép. Bà phải trừ đi hoặc cộng vào một số để tìm ra trang đúng”.

“Trò lừa đảo kiểu gì vậy? Có vẻ nó rất phức tạp”. Bà ta như không tin, nhíu mày. “Vậy thì con số đó hợp với cái gì?”

“Có lẽ tốt nhất tôi không nên nói với bà”.

“Massinger sẽ muốn biết đấy”.

“Tôi sẽ nói khi gặp ông ấy”.

“Nhưng ngài sẽ không nói với tôi”.

“Thông tin trong những lá thư ấy cực kì quan trọng”.

“Ngài không tin tôi”, bà nói, khuôn mặt vẫn bình thản. “Rõ là thế”.

“Đúng vậy. Nhưng có nhiều lúc càng biết ít bao nhiêu, bà càng an toàn bấy nhiêu. Chỉ là đề phòng thôi”.

“Tôi có một thứ cho ngài xem”, bà nói. “Có lẽ khi thấy nó, ngài sẽ tin tôi”.

Bà dẫn anh xuống cầu thang, đi qua một cánh cửa và lại xuống cầu thang. Tiếng động cơ tàu quay ken két ngày càng to hơn khi họ tiếp tục xuống, đi qua một vách ngăn sang boong khác.

“Chúng ta đi đâu đây?” anh lớn tiếng hỏi.

“Tôi đã thuê một căn buồng nhỏ, ngay dưới này thôi”.

Họ đi vào một hành lang hẹp. Lysander thật sự phải la lên để bà nghe thấy anh nói gì.

“Chẳng có căn buồng nào dưới này cả”.

“Rẽ vào góc này rồi ngài sẽ thấy”.

Họ rẽ vào góc. Một cánh cửa để chữ “Cấm vào” có một cầu thang dốc đứng bằng kim loại dẫn lên các boong phía trên. Dường như các cầu thang này ngay phía trên buồng máy.

“Đợi một chút!” bà hét lên, lục lọi trong túi xách.

Bà rút ra một khẩu súng lục nhỏ, báng ngắn, chĩa thẳng vào anh.

“Này! Không!” anh hét lên, hoàn toàn sốc, biết ngay bà ta sắp bắn mình. Anh giơ lòng bàn tay trái lên theo phản xạ, một hành động tự vệ vô ích.

Phát đầu tiên trượt, găm vào hông bên trái, khiến anh loạng choạng do bị chấn động dù chẳng cảm thấy gì. Phát thứ hai gần như ngay sau đó, bắn xuyên qua mu bàn tay trái đang giơ lên. Anh cảm thấy choáng như bị một cú đấm, khi viên đạn trúng vai trái, hất anh bắn sang một bên. Phát thứ ba nã vào ngực anh, phía trên sườn phải.

Anh nặng nề gục xuống sàn kim loại có khung, nghe tiếng chân bà ta khua lách cách trên cầu thang. Dùng hai khuỷu tay, anh cố gắng nhấc người lên, vừa lúc nhìn thấy hình ảnh đau đớn kinh hoàng, dòng máu đỏ thẫm của chính anh đang bắt đầu chảy xuống thành vũng, Anh lại khuỵu xuống, thấy cơ thể mình đang bắt đầu tê cóng. Tiếng động cơ phọt! phọt! phọt! như tiếng thở thật tức cười, báo hiệu tàu sắp đến gần bến cảng nhộn nhịp, đầy nắng ở Evian-les-Bains.

PHẦN BỐN

LONDON
1915

VÀ PHẦN THƯỞNG DỄ THƯƠNG cho tất cả những điều đó là cuối cùng tôi được nhận vào Đại học Oxford. Dưới mái trường Cao đẳng Somerville trên phố Woodstock này, tôi được trải nghiệm ảo tưởng về cuộc sống ở trường đại học. Tôi có một phòng riêng trên gác ở trong trường cao đẳng nữ sinh. Nhưng chả thấy cô nàng nào (ngoài các y tá và người hầu): các sinh viên nữ chưa tốt nghiệp đều chuyển sang trường Cao đẳng Oriel trong thời gian chiến tranh, chỉ còn toàn nam giới. Những thương binh ở Pháp và nhiều chiến trường khác với đủ kiểu thương tật - một số thương tích kinh hoàng (rất nhiều người cụt chân tay, bị phỏng), một số thương tích không thấy được: Những nạn nhân rối loạn tâm lí do chứng tâm thần phân liệt (Hậu quả từ chấn động của các khẩu đại bác hay những hình ảnh tàn phá và đáng sợ đến khủng khiếp) Somerville bây giờ là một phần của bệnh viện Đa khoa Phía Nam số 3, một tên mới được đặt của bệnh viện Radcliffe, cách vài mét trên đường Woodstock.

Florence Duchesne bắn tôi ba phát, gây ra bảy vết thương. Hãy bắt đầu với phát đạn cuối cùng, khi bà ta bóp cò lần thứ ba. Viên đạn xuyên vào ngực trên sườn phải, cách dưới xương đòn năm phân và ra ngoài qua xương bả vai, Phát thứ hai bắn xuyên bàn tay trái - khi tôi giơ lên trong tư thế phòng vệ vô ích - tiếp tục xuyên qua phần cơ bắp trên vai trái. Tôi nhớ đã thấy trong khoảnh khắc - một đóa hoa máu bừng nở trên mu bàn tay khi viên đạn bay qua. Vết thương đã lành nhưng tôi phải mang hai vết sẹo

- một giữa lòng bàn tay và một trên mu bàn tay - màu hồng và nâu nhàu nhĩ to bằng một đồng sáu xu. Phát đầu tiên bị trượt - nhất định là nhắm bắn sai: bà ta không giơ súng lên đủ cao khi bắn. Tôi bị thương ở đỉnh hông bên trái khi viên đạn bắn vào gói tiền lẻ nhỏ trong túi. Mấy đồng xu ghim sâu vào cơ đùi. Bác sĩ phẫu thuật sau này bảo đã lấy ra bốn frăng và sáu mươi bảy xăngtim - ông đưa tất cả cho tôi trong một phong bì nhỏ.

Phát đạn vào ngực khiến phổi tôi nổ tung. Chính vì thế tôi thấy khá nhiều máu chảy ra trước khi bất tỉnh. Thật may mắn - nếu khái niệm đó dùng được đối với trường hợp đa chấn thương do đạn bắn - thì sáu trên bảy vết thương của tôi chính là các con đường hầm. Chỉ có cái túi đựng đầy tiền xu của tôi không chịu biến thành một con đường - bây giờ tôi thấy khỏe hơn nhiều - ngoài vết thương ở hông khiến tôi khó chịu, đi lại khập khiễng, và đôi khi phải dùng gậy.

Tôi vẫn còn may chán. Sau khi Florence Duchesne bắn tôi và bỏ chạy, có người thợ máy, hay là thợ đốt lò, xuất hiện từ buồng máy thấy tôi nằm đó trong vũng máu kinh hoàng. Rồi mọi người nhanh chóng đưa tôi đến một bệnh xá nhỏ tại Evian. Cuối cùng Massinger cũng tìm được tôi. Ông lập tức chuyển tôi đến đầu kia đất nước bằng xe riêng và xe cứu thương. Tôi được điều trị tại bệnh viện Rouen ở vùng nông thôn rộng lớn nước Anh.

Tại đó, tôi bình phục sau bốn tuần. Phổi bị tổn thương luôn bị đọng máu và phải được trợ giúp hô hấp đều đặn. Bàn tay trái bó bột do gãy vài chiếc xương nhỏ khi viên đạn xuyên qua. Nhưng vấn đề dai dẳng nhất là hông trái. Viên đạn và ít tiền lẻ đã được lấy ra tại Rouen, nhưng vết thương có vẻ tiếp tục tái nhiễm trùng phải được dẫn lưu, làm sạch và

phục hồi lại. Hầu hết quãng thời gian ở đây tôi buộc phải dùng nạng để đi lại xung quanh.

Tôi được chuyển về Oxford, Anh vào cuối tháng Tám, Mẹ đến thăm tôi gần như ngay sau khi tôi được chuyển vào Somerville. Bà lao vào phòng tôi trong bộ đồ đen. Trong giây phút hoảng sợ, choáng váng, tôi tưởng Florence Duchesne quay lại kết liễu đời mình. Crickmay Faulkner đã qua đời tháng trước - thực ra là khi tôi đang ở Geneve - mẹ vẫn đang đau khổ.

Bà bảo cái đêm kinh hoàng nhất trong đời là khi nhận được bức điện tín báo rằng tôi "mất tích khi làm nhiệm vụ". Crickmay đang hấp hối và bà nghĩ mình cũng sẽ mất luôn cả con trai. Nhưng sáng hôm sau, một "sĩ quan hải quân" với bộ râu và nụ cười kì quái, lạ lùng đến nhà - anh ta đã lặn lội đường xa đến tận Claverleigh thông báo rằng, họ tìm được tôi rồi, rằng tôi không sao hết. Bà không hiểu nổi làm sao tôi lại đang nằm viện tại Anh, "mình găm đầy vết đạn". Tôi bảo tay sĩ quan hải quân ấy (mà chỉ có thể là Fyfe-Miller) hoàn toàn có ý tốt, nhưng có vẻ anh ta không biết hết mọi chuyện.

Bất chấp nỗi đau của một góa phụ, phải thừa nhận tâm trạng bà dường như đang rất vui vẻ. Bộ đồ đen viền đăng ten với những chiếc lông đà điểu là gu thời trang của bà. Bà bảo sự ra đi của Crickmay là một phúc lành. Bà yêu cái ông già ngọt ngào ấy thật nhiều. Hugh hiện đang cho xây một ngôi nhà đáng yêu đến hoàn hảo trên dinh cơ ấy. Đó sẽ là di sản của người chồng quá cố để lại cho bà. Quỹ từ thiện đang tăng trưởng ngày một nhiều và bà được phép yết kiến Nữ hoàng Mary. Sau khi đi dạo quanh sân trong và tiễn mẹ lên xe taxi, một trong những anh bạn thương binh - có biết về đoạn đời trước của tôi - đã hỏi có phải bà là diễn viên không. Khi tôi bảo không phải, anh ta hỏi: "Bà ấy là bồ cậu à?" Tôi cho rằng chiến

tranh ảnh hưởng đến mọi người theo nhiều cách khác nhau trong trường hợp của mẹ tôi, thì bà đang năng động và trẻ lại thấy rõ.

Hôm nay tôi nhận được điện tín của Munro. Ông bày tỏ nỗi thương xót đồng thời cũng tỏ ý chúc mừng. Ông bảo bọn tôi cần đánh giá tin tức tình báo từ những lá thư Glockner. Và khi thời điểm đó đến, ông có một nhiệm vụ dành cho tôi. Tôi suy luận rằng với cái chết của Glockner, sức ép tìm kiếm nguồn thông tin trong Văn phòng Chiến tranh có thể đã giảm đi phần nào - dù kẻ phản bội là ai hắn cũng phải đi tìm một người mới để liên hệ. Rõ ràng hắn sẽ phải mất thời gian.

Hamo vừa về. Ông rất nóng lòng muốn gặp tôi - lúc ấy đang nằm trên giường sau khi vừa thở bằng máy thở lần nữa - vì có một mối bận tâm làm dấy lên những thắc mắc rất cụ thể về các vết thương của tôi: Chính xác thì tôi cảm thấy thế nào lúc bị bắn? Cơn đau có đến ngay lập tức không hay là về sau mới thấy đau? Có lúc nào tôi thấy mất cảm giác do sốc không? Suốt thời gian bị thương nằm ở chiến trường có bị tê cóng không - vân vân và vân vân. Tôi trả lời thành thật hết sức có thể, nhưng vẫn cố tình giấu kín sự thật bị ai bắn và bắn ở đâu. “Chú thấy những cảm xúc lạ lùng khi chú bị thương nên mới hỏi”. Hamo nói. “Chú đã thấy nhiều người gào thét trong đau đớn chỉ vì gãy một ngón tay, thế mà chú ở đó đấy, đâu cũng thấy máu. Và chú chỉ cảm thấy râm ran, cảm giác như kiến bò ấy”. Khi ra về, ông xiết chặt tay tôi và nói: “Thật vui khi cháu trở về, thằng bé đáng yêu. Anh bạn dũng cảm lắm đấy”.

Tối nay tôi đi bộ lên St Giles, cố gắng tới được nghĩa trang tưởng niệm liệt sĩ rồi mới về - chừng nào tôi còn đi bộ được đến bất kì đâu như hồi ở Geneve. Tôi ghé một quán rượu trên đường về và gọi nửa cốc rượu táo. Mọi người nhìn tôi như một sinh vật lạ - tôi cho rằng sắc mặt xanh xao và cây

gậy là cái "giá" tôi đã phải trả. Tôi luôn muốn quên đi mình đang là sĩ quan mặc quân phục (Munro đã thu xếp hoàn trả lại mọi thứ cho tôi). Trung úy Lysander Rief của Trung đoàn Bộ binh Đông Sussex, đang hồi phục sau chấn thương. Đó là một buổi tối cuối hè ấm áp, và St Giles với trường cao đẳng cổ kính, đen như bồ hóng ở một bên và bảo tàng Ashmolean một bên, trông như không có tuổi và rất lôi cuốn - tất nhiên, ngoại trừ những chiếc xe ô tô và xe tải của những người giao hàng - và tôi thấy ghen tị với những ai có cơ hội được học tập và sinh sống tại đây. Quá muộn đối với tôi rồi, Chúa ơi.

Chiều nay, tôi đang ngồi trên ghế dài ở sân trước, nằm khuất sau phòng bảo vệ, đọc báo dưới ánh mặt trời, thì một y tá xuất hiện. "À, anh đây rồi, anh Rief. Phòng anh vừa có khách đến thăm. Chúng tôi đang không biết tìm anh ở đâu". Và xuất hiện trong tầm nhìn là Massinger, rụt rè trong bộ thường phục.

Ông đến ngồi cạnh tôi trên ghế dài, rất căng thẳng và lúng túng. Dường như ông còn không đủ can đảm nhìn vào mắt tôi.

"Tôi chưa bao giờ chính thức cảm ơn ông", tôi nói, muốn làm vợi bớt tâm trạng căng thẳng của ông. "Nhanh chóng chuyển tôi đến Rouen. Xe cứu thương riêng và tất cả những chuyện đó. Đúng là sự chăm sóc tốt nhất đấy".

"Tôi nợ cậu một lời xin lỗi, Rief, ông đáp, nhìn xuống đôi bàn tay đặt trong lòng, những ngón tay đan vào nhau như thể đang cầu nguyện. "Tôi không thể nói hết bằng lời tôi mừng đến thế nào khi thấy cậu còn sống ở Evian. Đến hôm nay, tôi vẫn còn mừng vô cùng".

"Cảm ơn ông", tôi nói. Thế rồi vì tò mò, tôi hỏi: "Tại sao lại thế? Sao lại đặc biệt thế?"

“Vì tôi nghĩ... Tôi có cảm giác khủng khiếp rằng tôi đã ra lệnh giết chết cậu. Một sai lầm kinh khủng, tôi thừa nhận. Tôi đã làm sai tất cả”.

Ông giải thích. Ông và bà Duchesne đã trao đổi nhanh các bức điện tín vào sáng thứ Hai, ngay sau khi Glockner được phát hiện và báo cáo là đã chết. Bà Duchesne rất tò mò. Bà tin chuyện này có liên quan đến tôi, và cuộc gặp giữa tôi với hắn. Họ thậm chí đã nói chuyện trên điện thoại khoảng một tiếng, trước khi con tàu hơi nước khởi hành, Massinger đã nhận được điện tín của tôi vào lúc đó và căn cứ thời gian biểu của con tàu, ông biết khi nào tôi sẽ đi. Đến lúc này ông ra lệnh cho bà Duchesne bám theo tôi lên tàu, tra hỏi tôi. Và nếu có bất kì bằng chứng gì chứng tỏ tôi là kẻ phản bội, bà ta sẽ tiến hành các bước cần thiết để bắt tôi phải đền tội.

Tôi lắng nghe chuyện này với một chút sốc.

“Rồi khi tôi gặp bà ấy ở Evian, bà ấy bảo với tôi là bà ấy đã bắn cậu”. Massinger nói. “Cậu có thể tưởng tượng tôi cảm thấy thế nào”.

“Gặp bà ấy?”

“Chúng tôi gặp nhau trên bến tàu. Bà ấy bảo cậu đã nói dối về chìa khóa giải mã - văn bản gốc. Rằng cậu đang che giấu một điều gì đó. Và vì cậu đã giết chết Glockner nên cực kì nghi ngờ cậu. Tôi nghĩ chính việc cậu giả trang đã đủ là một bằng chứng đối với bà ấy”,

“Đúng vậy. Làm sao ông biết tôi sẽ cải trang?”

Trông Massinger có vẻ như ngạc nhiên trước câu hỏi này, ông ta lúng túng.

“Munro nói với tôi. Hay là Fyfe-Miller nhỉ? Về chuyện đã xảy ra tại Vienna khi tôi gặp họ ở đó”.

“Ông đã ở Vienna?”

“Lúc có lúc không. Chủ yếu là năm ngoái trước khi chiến tranh bắt đầu trong khi tôi đang thiết lập mạng lưới tại Thụy Sĩ. Ai cũng nói về chuyện cậu trốn thoát”.

“Tôi hiểu...”. Tôi rất khó xử khi nghe về vụ tai tiếng đó của mình, Tôi cố gạt nó sang một bên. “Mà này, tôi không nghĩ mình có nhiệm vụ phải nói với bà Duchesne mọi thứ. Sao tôi phải nói chứ? Tôi đã định gặp ông và báo cáo toàn bộ, vì Chúa - trên đất Pháp. Và trong suốt thời gian đó, ông đã ra lệnh giết chết tôi”.

Massinger trông có vẻ khó ở, nhăn nhó.

“Thực ra tôi không giỏi ăn nói lắm. Bà Duchesne cứ liên tục lải nhải mãi, nhấn mạnh mối nghi ngờ đối với cậu. Thế nên tôi đã nói. “, ông ngừng lại. “Tiếng Pháp của tôi hơi lạc hậu một chút, cậu thấy đấy. Tôi còn không biết mình có nói rõ ràng với bà ấy không nữa. Tôi cố gắng an ủi bà ấy, đại ý nói là chúng tôi không thể cho rằng anh ta - tức là cậu đấy - không phải là một kẻ phản bội. Điều đó là không thể nhưng trong trường hợp điều đó được khẳng định, cậu sẽ bị xử ngay không hối tiếc”.

“Rất khó nói điều đó bằng tiếng Pháp ngay cả khi ông có thành thạo đi nữa”, tôi đáp.

“Tôi bị sức ép quá lớn, cậu nói đúng. Tôi lẫn lộn giữa hai từ “*traitre*”* và “*traiter*”*, tôi nghĩ vậy”. Ông nhìn tôi đầy phiền muộn. “Tôi có một cảm giác kinh khiếp rằng tôi đã nói cậu là một “*traitre sans pitié*“...”.

“Câu đó hoàn toàn rõ ràng. Nghĩa là “một kẻ phản bội tàn độc”.

“Nhưng ngược lại tôi đang cố diễn đạt là...”.

“Tôi có thể thấy đó là sự nhầm lẫn”.

“Tôi thức trắng suốt mấy đêm, nhớ lại tất cả những gì tôi có thể thật sự đã nói với bà ấy. Tất cả chúng tôi đều khá bấn loạn trước cái chết của Glockner, Sự hốt hoảng, cậu biết đấy”.

“Tất cả đã rất rõ ràng. Người đàn bà ấy đã bắn tôi ba phát. Tầm đạn dứt khoát, vô cảm. Tất cả chỉ vì cái thứ tiếng Pháp nhà quê của ông”.

“Glockner chết thế nào?” ông hỏi, rõ ràng rất nóng lòng muốn đổi chủ đề.

“Bị bệnh tim - Bà Duchesne nói với tôi như vậy”.

“Và khi cậu rời đi, hắn vẫn khỏe chứ?”

“Vâng. Đang đếm tiền”.

Tại sao tôi vẫn nói dối? Một điều gì đó mách bảo rằng, tôi càng nói với mọi người ít bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu. Chúng tôi nói chuyện thêm một lúc nữa. Ông thông báo Munro sẽ đến gặp tôi về chuyện giải mã những lá thư. Cuối cùng ông đứng dậy và bắt tay tôi.

“Hãy nhận lời xin lỗi chân thành của tôi, Rief”.

“Tôi không thể nói được gì nữa, trong hoàn cảnh này. Chuyện gì xảy ra với bà Duchesne rồi?”

“Bà ấy đã đáp tàu hỏa quay về Geneve. Giờ bà ta đang quay lại đó, tiếp tục sắm vai điệp viên Lửa Mừng. Một điệp viên vô giá đấy”.

“Bà ta có biết tôi còn sống không?”

“Tôi hoàn toàn chắc chắn là bà ta thật sự nghĩ rằng cậu đã chết. Tôi nghĩ tốt nhất không nên xới lại vấn đề này nữa - Tôi không muốn làm bà ta khó chịu một cách không cần thiết, cậu biết đấy. Rốt cuộc bà ta nghĩ rằng mình đang làm theo lệnh của tôi. Không thể thật sự trách bà ta được”.

“Ông biết nghĩ thật đấy”.

Mẹ mang đến cho tôi thư từ gửi về Claverleigh. Trong đó gồm cả lá thư tôi gửi cho mình từ Geneve, chứa những lời giải mã Glockner. Tôi đã tạo các bản sao mới nguyên của sáu lá thư và trao cho Munro, khi ông đến gặp tôi ngày hôm qua.

Chúng tôi ngồi trong một căn phòng vốn là phòng giải lao của sinh viên. Có bốn người đang ngồi chơi bài brit nhưng cũng khá yên tĩnh. Một ngày mưa nhiều, không khí trong lành, những hơi thở xa xôi đầu tiên của mùa thu lan trong không khí.

Munro trải rộng những bản sao lên bàn. Trông ông có vẻ nghiêm túc,

“Điều khiến tôi băn khoăn đó là người này dường như biết mọi thứ”, ông nói. “Nhìn này - *việc xây dựng hai đoạn đường sắt vận chuyển súng trên tuyến đường sắt Hazebrouk-Ypes...*“. Ông chỉ vào một lá thư khác, “*Ở đây - con số các tàu cứu thương tại Pháp, nơi các ga đầu mối đạn dược duy nhất là...*“.

“Có gì liên quan đến tổ chức đường sắt không?”

“Cậu sẽ nghĩ thế nhưng hãy nhìn cả đống thức ăn gia súc này đi”.

“Rối”, tôi đáp. “Nhưng tôi không hiểu”.

“Ở Pháp, cứ ba người thì có một con ngựa”, Munro nói. “Hàng trăm nghìn con - và tất cả đều phải cho ăn uống đầy đủ”.

“Ra thế. Lần theo đường vận chuyển thức ăn gia súc, chúng ta sẽ tìm được nơi đóng quân”.

Munro trầm ngâm: “Đúng. Vậy thì hắn ở đâu? Văn phòng Đạn dược? Tổng cục Đường sắt? Cơ quan Thư ký của Tổng cục Hậu cần? Văn phòng Chiến tranh à? Nhưng hãy nhìn cái này xem”. Ông cầm lên lá thư thứ năm và trích dẫn: “*Hai nghìn xe tải chở đồ đông lạnh được đặt hàng từ Canada*”.

Những chiếc xe tải chở đồ đông lạnh. Làm sao hắn biết được chuyện ấy nhỉ?"

"Phải. Những chiếc xe này được dùng làm gì?"

"Anh lính à, anh có muốn ăn thịt tươi ở tiền tuyến không thế?"

Munro xoa xoa chòm râu gọn gàng bằng ngón tay trỏ, nghĩ rất lung. Rồi ông quay lại nhìn tôi, với cái nhìn thắc mắc rõ ràng.

"Cậu muốn làm gì, Rief?"

"Ý ông là sao?"

"Cậu có muốn quay về tiểu đoàn của mình không? Họ vẫn ở Swansea đấy - nhưng cậu không được giữ chức vụ hiện thời nữa. Hoặc cậu có thể giải ngũ trong danh dự. Cậu đã làm quá tốt bổn phận của mình rồi - chúng tôi hiểu điều đó và rất biết ơn cậu".

Không cần phải nghĩ nhiều. "Tôi sẽ chọn giải ngũ trong danh dự, cảm ơn ông", tôi nói, biết không thể quay về với Trung đoàn Bộ binh Đông Sussex 2/5 nữa. "Tôi nên biến khỏi đây trong vòng hai tuần".

Rồi ông chợt cứng người lại, như thể vừa nghĩ ra chuyện gì.

"Hoặc cậu có thể làm thêm cho chúng tôi một việc nữa, ở đây - tại London này. Cậu sẽ nói gì nào?"

"Tôi thật sự nghĩ mình có nhiều hơn...".

"Tôi đang diễn đạt nó như một câu hỏi, Rief, để cậu có thể trả lời có hoặc không". Ông mỉm cười, nhưng đó không phải là nụ cười ấm áp. "Cậu sẽ vẫn là một trung úy, vẫn ăn lương như thế".

"Nếu ông đã nói thế - thì tôi đồng ý. Miễn là tôi sẽ không bị bắn nữa".

Đúng lúc ấy, mấy nhân viên nhà ăn vào phòng dọn đồ ăn trưa trên một bàn dài. Tiếng đĩa bát, bằng sứ vang lên loảng xoảng.

"Ông muốn ăn trưa không?" tôi hỏi Munro.

"Tôi không nuốt nổi món cháo bệnh viện đâu", ông đáp. "Đến quán rượu nhé?"

Chúng tôi đi qua trường đại học, đến cổng sau dẫn ra phố Walton.

"Tôi chưa bao giờ học trường này", Munro nói. "Dù có đi qua nó hàng trăm lần".

"Thế ông học trường nào?" tôi hỏi. Tôi không ngạc nhiên khi biết ông đã từng là sinh viên chưa tốt nghiệp trường Oxford.

"Magdalen", ông đáp. "Bên kia thành phố".

"Vậy ông vào học khoa Ngoại giao?" tôi hỏi.

"Đúng vậy, sau khi quân đội mê hoặc tôi". Ông liếc nhìn tôi. Còn cậu học trường gì?"

"Tôi không vào đại học", tôi đáp. "Tôi bắt đầu đi diễn ngay sau khi tốt nghiệp phổ thông".

"À, là trường Đời".

Quán rượu tên là Temeraire, cái biển hiệu này là sự xuyên tạc khủng khiếp tuyệt tác của Turner. Quán nhỏ, ốp gỗ với những chiếc bàn thấp, những chiếc ghế đẩu ba chân. Các bức tranh những con tàu chiến treo trên tường. Munro gọi hai cốc bia, một bánh nướng thịt bê và giăm bông, khoai tây nghiền nhừ và hành dầm giấm. Tôi nói mình không đói.

"Sắp có một cuộc tấn công lớn", Munro nói, rắc muối, hạt tiêu lên bánh và khoai tây. "Thực ra chỉ vài ngày nữa thôi. Mục đích là yểm trợ cho

cuộc tấn công của quân Pháp. Ở quân khu Loos".

Tôi duỗi thẳng hai bàn tay, nhìn ông hoài nghi. "Vì Chúa", tôi nói. "Tôi đặc biệt khuyến cáo nên dừng hết tất cả các hoạt động đi. Tôi nhấn mạnh chúng ta nên dừng lại đi. Chúng đang chờ quân ta - hãy xem hai lá thư Glockner cuối cùng đi. Ông có thể tự mình xác định được phạm vi mà".

"Giá mà mọi việc dễ thế. Quân Pháp rất kiên định". Ông mỉm cười, mặt méo mó, đau khổ, rõ ràng cũng có cảm nhận giống tôi. "Hãy cùng hi vọng vào điều tốt nhất".

"Ôi, chúng ta luôn có thể làm được chuyện đó. Chẳng mất mát gì cả, hi vọng thế".

Munro tỏ vẻ u sầu, chẳng nói gì, chỉ cắn miếng bánh. Tôi hút thuốc.

"Có một điều tên gián điệp của chúng ta đã bỏ lỡ", Munro nói, "Hiếu kì thật. Chúng ta sẽ dùng khí độc tại Loos - dù chúng tôi thích gọi đó là "giải pháp bổ sung" hơn".

"Chúng đã từng làm thế với quân ta tại Ypes". Tôi thận trọng đáp. "Trong tình yêu và chiến tranh, chuyện đó là công bằng". Tôi tự hỏi tại sao ông lại cho tôi biết chuyện này. Có phải là một bài kiểm tra không?

"Tôi tự hỏi tại sao hắn lại bỏ lỡ điều này", Munro nói tiếp. "Điều đó sẽ giúp chúng ta xác định hắn". Ông nhấp một ngụm bia, "Cậu có một tuần nghỉ ngơi sau khi xuất viện. Sau đó, tôi muốn cậu gặp một người tại London. Chúng ta cần lên kế hoạch cho hành động của mình".

"Và tôi vẫn là Trung úy."

"Chắc chắn", rồi ông nói, cố ra vẻ như bâng quơ: "Cậu chưa hề nói với tôi đoạn văn bản giải mã là gì".

"Tôi đã nói với Massinger và bà Duchesne rồi".

“À phải rồi, một đoạn Kinh Thánh tiếng Đức. Nhưng rõ ràng điều đó không đúng”.

Đánh giá thấp sự thông minh của Munro luôn nguy hiểm, bây giờ tôi nhận ra mình phải lưu ý điều này. Nhiều lúc ông nguyên tắc đến phát chán - một quân nhân rất chuyên nghiệp, một nhà ngoại giao có trình độ, một người đàn ông gọn gàng, ngăn nắp ở địa vị của mình, hơi tự mãn và bề trên, dù ông cố gắng không để lộ ra. Nhưng đó chưa phải là tất cả - đây là điều ông khiến bạn phải suy nghĩ. Tôi không hiểu rõ tại sao - có thể vì ông đã cố kiểm tra tôi với các tin tức về “giải pháp bổ sung” - nhưng tôi quyết định đến lượt mình kiểm tra ông.

“Tôi quyết định không nói cho họ biết, thực ra đó là lời nhạc kịch một vở opera vô danh của Đức”.

“Thế à? Tên là gì?”

Tôi thận trọng dò xét khuôn mặt ống.

“Vở *Andromeda và Perseus*“.

Ông cau mày. “Đừng nghĩ rằng tôi biết vở đó”, ông nói với một nụ cười mơ hồ.

“Tôi cho rằng ông chẳng việc gì phải biết đến nó. Vở này của Gottlieb Toller, Trình diễn lần đầu tại Dresden năm 1912”.

“À, kịch hiện đại. Điều này giải thích được tại sao tôi không biết. Tôi lại đang nghĩ đến vở *Persée* của Lully”.

Tôi cảm thấy cơn buốt lạnh chạy khắp người. Ngay lúc đó, tôi quyết định không đặt niềm tin vào Munro nữa, bất chấp việc tôi tự nhiên thấy thích ông nhiều hơn trước. Ai sống tại Vienna năm 1913 hẳn cũng đều nghe nói đến *Adromeda* của Toller, bất kỳ ai - nhất là người đã biết đến vở

Persée của Lully. Tại sao ông ta nói dối? Tại sao cả hai chúng tôi đều đang hớn hở nói dối nhau? Chúng tôi ở cùng phe cơ mà,

"Glockner có đưa cho cậu lời vở nhạc kịch đó không?"

"Có. Đổi lại hắn có được tiền".

"Chuyện gì xảy ra với nó rồi?"

"Tôi làm mất rồi. Trong tất cả sự hỗn độn sau vụ bị bắn. Tôi để đâu đó trong nhà an dưỡng tại Evian, chắc vậy. Từ đó trở đi, tôi không nhìn thấy nó nữa".

Munro bỏ dao, đĩa xuống và đặt đĩa đồ ăn sang bên.

"Xấu hổ thật. Cậu có thể lấy lại một bản sao khác - có thể thông qua những mối liên hệ của cậu trong thế giới nhà hát?"

"Tôi có thể thử xem sao".

"Ta uống thêm cốc nữa chứ? Hãy chúc mừng những tiến bộ nhanh chóng của chúng ta".

44

Chiếc xe Thể thao Hai chỗ Mui xếp

LYSANDER RỜI KHỎI trường Cao đẳng Somerville một tuần sau đó. Anh quyết định nghỉ phép tại nhà của Hamo ở Winchelsea, Sussex, Anh cùng ông chú - vừa tậu được một chiếc xe thể thao hai chỗ mui xếp - đi xuống Downs, vào Kent đến Dungeness và Bexhill, rồi Sandgate và Beachy Head. Thêm một chuyến du ngoạn tuyệt vời đến Canterbury, nơi họ ngủ lại qua đêm trước khi lái xe về nhà. Xen kẽ những lần ngồi xe là những cuộc đi bộ ngày càng dài, khiến anh thấy khỏe hơn, Cái chân trái bị thương đã cho thấy những dấu hiệu hồi phục những vết sẹo trên hông trông vẫn xấu xí, oằn xuống đến kinh dị - để tìm được mấy đồng xu lặn vào trong, khá nhiều cơ bắp đã bị lấy đi. Sau khi đi bộ với độ dài tăng dần từ một đến hai dặm, chân anh bắt đầu cứng nhắc và đau buốt. Anh cho rằng như thế cũng là nỗ lực tốt nhất rồi, vẫn còn vẹn nguyên tình yêu đi bộ. Ngay sau khi đủ tự tin, anh nhẹ nhõm vứt gậy sang một bên.

Vào ngày thứ Bảy cuối cùng trước khi về London, hai người lái xe đến Rye ăn trưa, sau đó cùng đi bộ trên bãi biển Camber. Họ đi qua hàng rào dây thép gai và những hàng rào thô chống xâm nhập. Thủy triều đã rút. Bãi cát rộng khổng lồ trông như những gì còn lại của một sa mạc cổ xưa, to lớn trôi dạt đến bờ biển miền nam nước Anh này, phẳng và mịn đến khó tin. Ai đó đang thả diều cách đó một dặm nhưng hai chú cháu vẫn đủ không gian riêng để thưởng thức được bãi biển vĩ đại. Lysander dừng lại - anh tưởng như mình có thể nghe thấy những tiếng nổ ì ùng đằng xa.

“Không phải từ phía Pháp, đúng không ạ?” anh hỏi, biết rằng cuộc tấn công có thể nổ ra bất kì lúc nào.

“Không”, Hamo đáp. “Có một trường bắn cuối bờ biển - đào tạo các tay súng. Chân cháu sao rồi?”

“Đang tốt lên ạ. Không đau nữa nhưng cháu vẫn cảm thấy nó, nếu chú hiểu ý cháu”.

Hai người im lặng đi bên nhau. Trong bầu không khí buổi chiều, thi thoảng lại có cơn gió mát.

“Cháu biết Bonham Johnson mà chú nói đến là ai không?” Hamo hỏi,

“Nhà viết tiểu thuyết ạ?”

“Ừ. Ông ta sống không xa đây lắm. Hóa ra ông ta lại hâm mộ cuốn sách về châu Phi của chú, Ông ấy đã mời chú đến buổi tiệc sinh nhật lần thứ sáu mươi của mình”.

“Chú có thể lái xe đến mà”.

“Ông ấy muốn chú đi cùng một người nữa. Thực ra chú nghĩ đến cháu - đứa cháu trai là diễn viên - chú nghĩ ông ta đã xem cháu diễn. Trong một tuần kể từ ngày mai. Cháu rảnh đến hôm đó không?”

Lysander suy nghĩ đây là điều cuối cùng anh muốn làm. Nhưng anh cảm thấy lời mời của Hamo khẩn khoản hơn một lời mời thông thường.

“Phải thừa nhận là cháu có mấy ngày nghỉ cuối tuần - vâng, có vẻ sẽ rất thú vị”.

Hamo rõ ràng rất hài lòng. “Các kiểu viết lách - thật kinh khủng. Cảm thấy như chú cần thêm sự hỗ trợ về tinh thần”.

“Chú là người viết quyển sách đó cơ mà, Hamo”.

“À... nhưng cháu là một diễn viên nổi tiếng. Họ sẽ chẳng thèm để ý gì đến chú đâu”.

Lysander đến London vào tối Chủ nhật. Căn hộ Chandos Place vẫn đang cho thuê lại nên anh tự thuê một nhà trọ nhỏ tại Pimlico - với cái tên ấn tượng là khách sạn Cung điện Trắng - không quá xa con sông. Anh có thể đi bộ đến quảng trường Quốc hội trong khoảng ba mươi phút. Munro đề nghị anh đến gặp tại một nơi gọi là khách sạn Whitehall Court vào sáng thứ Hai, Nhưng ông không nói rõ có những ai tham gia và họ sẽ nói về chuyện gì.

Sáng thứ Hai, hóa ra khách sạn Whitehall Court là một trong những tòa nhà tại London anh đã thấy từ xa hàng tá lần, nhưng chẳng hiểu nó là gì. Tòa nhà trông như một lâu đài to rộng thế kỷ XIX - có hàng ngàn phòng với các tháp canh và mái hai mảng, bao gồm một câu lạc bộ dành cho các quý ông, một khách sạn và rất nhiều tầng dành cho các căn hộ hay văn phòng được phục vụ. Tòa nhà với con sông nằm cách xa phía sau những khu vườn, giữa cầu Waterloo và cầu đường sắt của nhà ga Charing Cross. Một người gác cổng mặc thường phục kiểm tra tên anh trên tấm bìa kẹp hồ sơ, Ông ta bảo anh lên tầng trên cùng, đến đầu cầu thang thì rẽ trái, đi qua cánh cửa xuống một hành lang sẽ có người chờ. Lysander thấy ông nhấc ống nghe điện thoại trên bàn khi anh tiến đến cầu thang.

Thì ra người chờ là Munro - mặc thường phục - ông dẫn anh vào một văn phòng có nội thất trang trí giản dị, mộc mạc với những cửa sổ nhìn ra sông Thames. Massinger đang đợi bên trong, cũng mặc thường phục. Ông ngượng ngập chào anh, như thể vẫn thấy hối hận vì suýt giết chết anh bằng thứ tiếng Pháp quê mùa của mình. Có một chiếc bàn lớn bằng gỗ hồ đào, mặt bàn bọc da, tựa vào tường đối diện các cửa sổ. Một chiếc ghế

đằng sau chẳng ai ngồi. Hẳn một nhân vật quan trọng hơn nữa hẳng còn chưa đến.

Ba người ngồi trên những chiếc ghế có sẵn. Munro mời trà nhưng mọi người đều lịch sự từ chối. Massinger hỏi Lysander cảm thấy thế nào, anh nói mình khỏe như bình thường và cảm ơn ông. Một chuyến tàu phát ra âm thanh chói tai trên cầu đường sắt từ nhà ga Charing Cross. Và khi tiếng còi tàu cất lên, như thể một ám hiệu, cánh cửa ra vào bật mở. Một ông già tóc xám, mặc đồng phục đại úy hải quân khập khiễng đi vào. Âm thanh nặng nề khi chân phải của ông hạ xuống khiến Lysander nghĩ đó là chân giả. Ông ta có dáng vẻ hòa nhã, hay cười - ngoài cái chân gỗ, mọi điều về ông ta đều chẳng có gì bất thường cả. Không ai giới thiệu ông là ai.

“Đây là Trung úy Rief, thưa ngài”, Munro nói, “Người đã làm một nhiệm vụ tuyệt vời tại Geneve”.

“Phi thường”, Massinger chen vào, ra dáng hiểu biết. Thụy Sĩ là địa bàn của ông ấy mà, Lysander nhớ lại.

“Chúc mừng cậu”, Đại úy nói. “Vậy cậu là người đã tìm ra quả táo rữa của chúng ta”.

“Chúng tôi vẫn chưa hoàn toàn tìm ra hắn, thưa ngài”, Lysander đáp. “Nhưng chúng tôi cho rằng có thể tìm ra quả táo ấy nằm trong thùng nào”.

Đại úy cười lặng lẽ, thưởng thức sự cộng hưởng của phép ẩn dụ. “Vậy tiếp theo chúng ta sẽ làm gì?” ông hỏi, nhìn Massinger và Munro.

“Không phải là chuyên môn của tôi lắm”, Massinger nói, như muốn bào chữa. Một lần nữa, Lysander thắc mắc về hệ thống cấp bậc trong phòng này. Viên Đại úy là lãnh đạo cao nhất, hẳn thế rồi, nhưng giữa

Massinger và Munro thì ai là phó? Nếu có quyền ra quyết định thì ai là người nắm giữ?

“Tôi nghĩ bằng cách nào đó chúng ta nên đưa Rief vào Văn phòng Chiến tranh”, Munro đáp.“Tài sản tốt nhất của cậu ấy là cậu ta hoàn toàn không biết gì - không giống chúng ta. Một kẻ hoàn toàn xa lạ”.

Đại úy đang gõ nhịp ngón tay lên mặt bàn. “Như thế nào?” ông hỏi. “Cậu ta chỉ mới là Trung úy. Trong Văn phòng Chiến tranh toàn tai to mặt lớn thôi”.

“Chúng ta lập nên một ủy ban thẩm vấn”, Munro nói. “Một thứ rất nhàm chán. Đưa Rief vào với thẩm quyền là hỏi han và xem xét tài liệu”.

“Ngài Horace Ede làm chủ tịch Ủy ban năm ngoái đang được thuyên chuyển”, Đại úy nói. “Có thể đang phát sinh vài vấn đề với chuyện bổ sung...”.

“Chính xác. Vậy thì Trung úy Rief sẽ phải đảm nhận vị trí đó”.

“Sắp có một hội nghị liên minh các quốc gia. Đó là dịp để chúng ta giải thích tại sao phải làm thế để sắp xếp mọi thứ ngăn nắp”.

“Không thể tốt hơn được”.

Massinger trông có vẻ ngày càng thấy khó chịu khi bị gạt sang bên lề, chẳng có gì để đóng góp. Ông hắng giọng thành tiếng, mọi người ngừng nói và nhìn ông. Ông giơ hai tay lên xin lỗi, rồi lấy chiếc khăn tay ra, hỉ mũi.

“Ngài sẽ cần bao lâu ạ?” Munro hỏi.

“Cho tôi hai ngày”, Đại úy đáp. “Thẩm quyền càng cao bao nhiêu sẽ càng dễ dàng cho Rief ở đấy bấy nhiêu”. Ông quay về phía Lysander: “Cứ

luôn trong tư thế sẵn sàng đi, Rief. Nếu muốn đặt cậu vào ngay mọi thứ, chúng tôi cần phải trao cho cậu chút quyền lực đấy".

Cuối cùng Massinger lên tiếng: "Ngài không nghĩ rằng chúng ta đang bước đi trên những ngón chân của M. O 5 sao, thưa ngài?"

"Tất cả những đống hỗn độn thảm hại này đều bắt nguồn ngoài Geneve", Đại úy nói, giọng sốt ruột. "Đó là sô diễn của anh cũng là sô diễn của chúng tôi. Tôi sẽ xử lý mọi chuyện với Kell. Dù sao thì ông ta cũng chẳng còn ai nữa".

Lysander chẳng hiểu họ đang nói về cái gì. Anh cậy một mẩu da nhỏ trên ngón tay trỏ.

"Được rồi, để tôi xúc tiến việc này", Đại úy tiếp. "Tốt hơn chúng ta nên cho cái quả táo rữa này một mật đanh để dễ nói chuyện".

"Có ý tưởng nào không?" Munro hỏi.

Lysander nghĩ rất nhanh. "Andromeda thì sao?" anh hỏi, mắt nhìn xoáy vào Munro. Khuôn mặt Munro bất động

"Là Andromeda - cứ để cậu ta tìm sẽ nhanh hơn", Đại úy đáp, và đứng dậy. Buổi họp kết thúc. Ông ta đi đến chỗ Lysander và bắt tay anh. "Tôi đã xem bố cậu diễn vai Macbeth", ông nói. "Làm tôi khiếp sợ vô cùng. Chúc may mắn nhé, Rief. Hay là tôi nên nói chào mừng cậu lên tàu?"

45

Ngôi nhà phụ trên con đường đắp

MUNRO BẢO ANH RA VỀ và nghỉ ngơi vài ngày cho đến khi được gọi. Sau khi mọi thứ đâu vào đấy, anh sẽ nhận được những chỉ dẫn ngắn gọn và chính xác. Nên anh đã quay về khách sạn Cung điện Trắng ở Pimlico, cố gắng làm mình bị phân tâm, giữ đầu óc thanh thản vì anh nhận thức được một đợt sóng ngầm khó chịu đang ngày càng gia tăng dưới bề mặt đời mình. Nhân vật Đại úy đầy quyền lực này là ai? Ông ta sắm vai trò gì và có ảnh hưởng gì? Đến một mức độ nào đó, liệu anh có thể dựa vào Munro và Massinger không? Anh có thể tin tưởng một trong hai người bọn họ không? Và một lần nữa, tại sao anh lại được chọn thực hiện bổn phận của một người lính? Anh nghĩ có thể mình sẽ có vài câu trả lời trong những ngày kế tiếp. Nhưng việc hoàn toàn không có câu trả lời nào - dù là tạm thời - đúng là khó chịu.

Anh đến chỗ ông thợ may, Jobling, để đính huy hiệu thương tật vào áo - một miếng đồng nằm ngang dài hơn hai cen-ti-mét đeo trên cẳng tay trái - được khâu vào trong hai ống tay áo của các áo vest đồng phục. Jobling rất xúc động khi anh kể cho ông nghe các vết thương của mình. Ba thợ cắt may của ông đã nhập ngũ và hai người đã chết. “Đừng quay lại đó nữa, ngài Rief”, ông nói. “Ngài đã làm xong phần việc máu me của mình, thế là được rồi”. Ông còn sửa lại cả chiếc áo vest cho vừa. Anh đã sụt cân trong suốt thời kì dưỡng bệnh.

Anh đến gặp Blanche khi cô diễn vở *Giờ khắc Nguy hiểm* ở nhà hát Comedy. Trong phòng thay đồ sau hậu trường, cô không cho anh hôn lên môi. Anh mời cô ăn tối nhưng cô từ chối vì "có hẹn". Lysander hỏi anh ta tên gì nhưng cô không nói. Hai người lạnh nhạt chia tay nhau, không một lời gay gắt. Hôm sau anh tặng cô một bó hoa thay lời xin lỗi.

Anh nhanh chóng tổ chức một bữa tiệc tối nhỏ trong phòng riêng ở khách sạn công viên Hyde với bốn bạn diễn. Mục đích chính là anh muốn tìm hiểu tên họ gã bồ mới của Blanche. Ai cũng biết hắn và hóa ra hắn cũng lại là người anh có biết một chút - nhà soạn kịch khá thành công mà anh đã từng đọc, tên là James Ashburnham, tuổi ngoài bốn mươi, góa vợ. Một lão già đẹp trai nổi danh là một kẻ sát gái trong giới nhà hát, Lysander nghĩ, Anh cảm thấy bị phản bội. Dù trong một phút suy nghĩ, anh nhận ra mình không có quyền có cảm xúc ấy - chính anh là người đã phá vỡ hẹn ước giữa họ, không phải Blanche. Blanche đã nhắc nhở anh rằng họ sẽ vẫn mãi là bạn bè, chỉ thế thôi. Cuộc sống riêng tư của cô chẳng liên quan gì đến anh nữa.

Dĩ nhiên, để cô vào tay người khác khiến anh đau đớn. Những cảm xúc xưa về Blanche bỗng ùa về thật tự nhiên. Cô là một phụ nữ trẻ trung, ngọt ngào, xinh đẹp tuyệt trần. Và tất cả những gì họ đã cùng nhau sẻ chia không thể bị lãng quên dễ dàng như thế. Tất cả những gì cô đang làm là dan díu với một thằng cha soạn kịch tuổi trung niên, già gần bằng bố mình sao? Anh ngạc nhiên khi bản thân bị kích động đến thế.

Sáng thứ Sáu có tiếng gõ cửa. Plumtree, cô hầu phòng trẻ tuổi, báo rằng có một quý ông muốn gặp anh trong phòng khách phía sau. Lysander đi xuống nhà, thấy bối rối - nó đang bắt đầu, vở kịch lại chuẩn bị bắt đầu - dàn nhạc giao hưởng với những kẻ nghiệp dư, làm ơn đi mà.

Fyfe-Miller đang đợi anh, lịch thiệp trong bộ quân phục trung tá hải quân Anh, một chồng tài liệu cắp nách. Anh ta khóa cửa lại và rải chúng lên bàn. Anh và Munro đã phân tích rất nhiều thông tin trong các chìa khóa giải mã thư Glockner. Cả hai đều tin rằng các thông tin này chỉ có thể đến từ một bộ phận trong Văn phòng Chiến tranh - Ban Hậu cần. Bộ phận này hiện nằm trên một phần nhà phụ gần Văn phòng Chiến tranh, trên con đường đắp trong một toà nhà gần cầu Waterloo. Lysander phải liên lạc ngay lập tức với giám đốc, Trung tá Osborne-Way. Người này sẽ bảo đảm Lysander được cấp một văn phòng riêng, một điện thoại riêng. Ông ta sẽ gặp anh vào chiều nay - không còn thời gian nữa.

“Không thể đợi đến thứ Hai sao?” Lysander hỏi, giọng như than vãn.

“Có chiến tranh rồi đấy, Rief, trừ phi anh không để ý tới”, FyfeMiller nói, không hề mỉm cười. “Thái độ kiểu gì thế? Chúng ta càng tìm ra hắn là ai sớm bao nhiêu, chúng ta sẽ cùng an toàn bấy nhiêu”.

Vào lúc hai rưỡi chiều hôm đó, Lysander đứng trên con phố đối diện với tòa nhà bảy tầng là trụ sở của Ban Hậu cần. Anh đứng trên giao điểm giữa cầu Waterloo và cầu đường sắt Charing Cross. Tượng đài kỷ niệm Cleopatra chỉ cách anh vài thước về bên trái. Câu nói “mò kim đáy biển” xuất hiện trong đầu anh một cách bi quan. Con sông Thames ở sau lưng. Anh có thể nghe thấy tiếng nước đang cuộn tròn dưới những cầu tàu, tiếng những con tàu đã được cột lại khi thủy triều rút. Trông anh lịch thiệp trong bộ quân phục mới, huy hiệu chấn thương bằng đồng bóng loáng. Những chiếc ghệt da cài khóa bọc kín đôi chân anh từ đầu gối xuống đến bốt. Anh bỏ mũ ra, vuốt thẳng mái tóc. Cảm thấy căng thẳng đến lạ lùng, nhưng trên hết, anh hiểu giờ đây mình phải hành động một cách quyết đoán. Anh hút một điếu thuốc - không cần vội. Nghe tiếng đập

cánh, anh quay lại thấy một con quạ đen to sà xuống mặt đường cách anh hai mét. Anh nghĩ con chim trông to thế - mà nhìn gần chỉ nhỏ bằng con gà mái. Mỏ đen, mắt đen, lông đen, chân cũng đen nốt. “Thành phố của diều hâu và quạ”, Shakespeare đã nói về London như thế ở đâu đó. Anh nhìn con chim sung sướng tiến về phía chiếc bánh nhân nhỏ chỉ còn một nửa vứt đi nằm trong rãnh nước. Nó mổ mổ một lúc lâu, đề phòng nhìn xung quanh. Một chiếc ô tô đi lướt qua gần đến mức làm con chim bay vọt lên một cây tiêu huyền, kêu quang quác kích động

Lysander thấy mình có thể đưa ra vài giải thích mang tính biểu tượng, đáng sợ về cuộc chạm trán với một con quạ London. Nhưng anh quyết định không đi xa hơn. Anh ném điếu thuốc xuống sông Thames, cầm chiếc cặp ngoại giao lên, trông chừng luồng giao thông đang lao nhanh, rồi đi ngang qua con đường đắp tiến đến mặt tiền ngôi nhà phụ.

Sau khi trình các giấy ủy nhiệm, Lysander được người phục vụ dẫn lên tầng bốn. Họ đẩy các cánh cửa xoay dẫn vào một sảnh có hai hành lang hai bên. Trên tường là danh sách dài các bộ phận, những chữ viết tắt vô nghĩa và một mũi tên chỉ hướng đi - DGMR, Ctte Cảng và Giao thông Công trình Đường bộ và Đường sắt, DC (Văn phòng Chiến tranh), Ban Quân nhu (Pháp), Ban Kiểm soát Thực phẩm (Dover), DART (Lưỡng Hà), ROD (II) và các tên tương tự. Họ rẽ phải, bước xuống một lối đi trên sàn có vải sơn lót và bên phải có rất nhiều cửa. Tiếng các máy đánh chữ và chuông điện thoại dẫn họ đến một cánh cửa đề “Giám đốc Ban Hậu cần”. Người phục vụ gõ cửa, Lysander được mời vào.

Giám đốc Ban Hậu cần, Trung tá Osborne-Way (Trung đoàn Worcester) chẳng vui vẻ gì khi gặp anh. Lysander nhận ra điều đó chỉ trong hai giây. Thái độ của ông ta cộc cằn, thô lỗ và lạnh lùng không chút

giấu giếm. Chẳng thèm mời Lysander ngồi, không buồn bắt tay anh và không đáp lại tư thế chào của anh. Lysander trao cho ông tấm giấy thông hành kì diệu dẫn anh đến trụ sở Ban - một giấy giới thiệu chính thức có chữ kí của đích thân Tổng Tham mưu Đế chế Thứ nhất, Trung tướng Sir James Murray, KCB. Thư viết rằng: "*Người sĩ quan có tên sau đây, Đại úy L, U, Rief, sẽ phải được cung cấp mọi sự trợ giúp và tiếp cận có thể. Anh ta đang làm việc theo những chỉ dẫn của tôi và đang báo cáo trực tiếp cho tôi*".

Osborne-Way đọc lá thư vài lần như không tin nổi vào những dòng chữ giấy trắng mực đen ấy. Người ông thấp lùn, chòm râu hình bàn chải màu xám, hai mắt sưng húp. Có bảy chiếc điện thoại xếp hàng trên bàn, một chiếc giường xếp có chăn gập ngăn nắp để ở góc phòng.

"Tôi không hiểu", cuối cùng ông nói. "Chuyện này có liên quan gì đến Tổng Tham mưu Đế chế Thứ nhất chứ? Tại sao ông ta lại cử anh đến: Chẳng nhẽ ông ta không biết chúng tôi ở đây bận thế nào sao?"

Như để chứng minh cho điều này, hai điện thoại trên bàn ông reo vang cùng một lúc. Ông nhấc máy điện thoại thứ nhất rồi nói: "Vâng, vâng... nhắc lại đi. Được". Rồi ông nhấc máy điện thoại thứ hai, lắng nghe một lúc và nói: "Không", và cúp máy.

"Đây không phải là ý của tôi, thưa ngài", Lysander đáp, giọng vừa phải. Anh đang nói giọng có âm mũi, hơi lè nhè, nghe hơi buồn chán và thiếu giáo dục một chút. Anh nhận thức được âm điệu này sẽ khiến Osborne-Way chẳng ưa anh tí nào. Anh cũng chẳng thèm quan tâm - anh đến đây không phải để cãi nhau. "Tôi chỉ đang làm theo lệnh thôi. Một nhiệm vụ bổ sung, chưa hoàn thành đối với sai sót của ngài Horace Edge trong việc vận chuyển. Một vấn đề khẩn cấp tại hội nghị liên minh các quốc gia".

“Vậy anh cần gì ở chúng tôi?” Osborne-Way nói, đưa trả anh lá thư như thể nó làm tay ông phải bỏng.

“Tôi muốn có một danh sách toàn bộ nhân viên trong ban và bổn phận của họ trong các nhiệm vụ. Tôi sẽ rất biết ơn nếu ngài thông báo mọi người rằng tôi có việc phải làm ở đây. Vào lúc nào đó tôi muốn thẩm vấn họ. Tôi càng xong việc sớm bao nhiêu, ngài sẽ càng thoát khỏi tôi sớm bấy nhiêu”, anh mỉm cười. “Thưa ngài”.

“Rất tốt”.

“Tôi tin rằng mình có một văn phòng riêng”.

Osborne-Way nhấc máy một điện thoại và quát: “Tremlett!” vào ống nghe.

Trong khoảng ba mươi giây, một công vụ xuất hiện ở ngưỡng cửa. Một bên mắt anh ta đeo miếng che màu đen.

“Tremlet, đây là Trung úy Rief. Cậu đưa anh ta đến phòng 205”. Quay về phía Lysander, ông nói: “Tremlett sẽ tìm cho anh bất kì hồ sơ hay tài liệu nào anh cần, bất kì ai anh muốn thẩm vấn và sẽ mang cho anh trà hoặc bánh quy. Chúc một ngày tốt lành”. Ông mở một ngăn kéo bàn và bắt đầu sắp xếp lại giấy tờ, Cuộc gặp rõ ràng đã kết thúc. Lysander đi theo Tremlet quay về dọc theo lối đi rộng, rẽ phải hai lần để đến phòng 205.”

“Thật tốt khi ngài đến đây, thưa ngài”, Tremlett nói, quay lại nhìn anh và cười nhếch mép, một phần khuôn mặt dưới miếng che mắt như bất động. Cậu ta là một thanh niên tuổi chớm hai mươi, với trọng âm London. “Tôi ở nhánh điện thoại 11. Ngài cứ việc gọi cho tôi bất kì lúc nào ngài cần. Chúng tôi ở luôn đây, thưa ngài”.

Anh mở cửa vào phòng 205. Đó là một cái hộp kín mít, chỉ có một cửa sổ trên trần nhà bẩn thỉu. Có một cái bàn, hai cái ghế gỗ và một tủ hồ sơ cũ xì. Trên bàn có một máy điện thoại. Lysander nghĩ, đây không phải là căn phòng người ta muốn ngồi hằng tiếng.

“Cái mùi gây tò mò này là gì thế?” anh hỏi.

“Thuốc tẩy, thưa ngài. Trung tá Osborne-Way cho rằng chúng tôi cần phải dọn dẹp phòng sạch sẽ trước khi ngài đến”.

Anh bảo Tremlett mang cho anh danh sách của Osborne-Way càng sớm càng tốt, rồi ngồi xuống và hút thuốc. Đôi mắt anh nhức nhối như kim châm do mùi hăng của thuốc tẩy. Các chiến tuyến đã được lập - tay Giám đốc này đã ra đòn phủ đầu.

Có hai mươi bảy thành viên của Ban Hậu cần trên tầng bốn khu nhà phụ, và nhiều nhân viên văn phòng cũng như thư kí phục vụ họ. Gần như tất cả đều là sĩ quan quân đội đã từng bị thương, không thích hợp chiến đấu trong quân ngũ nữa. Khi nhìn vào danh sách, Lysander thấy mình đang tự hỏi - ai trong số này là Andromeda? Ai là kẻ đã gửi những thông điệp mã hóa cho Manfred Glockner tại Geneve? Ai có quyền tiếp cận những chi tiết tối mật đến như thế trong các lá thư này? Mày ở đâu, Andromeda: Đại úy tạm quyền J.C.T. Baillie (Trung đoàn Hoàng gia Scotland)? hay Thiếu tá tạm quyền S.A.M.M. Goodforth (Lính gác người Ireland)?... Anh xem lướt qua các trang đánh máy rồi lại tự hỏi sao mình lại đặt tên Andromeda cho kẻ phản bội trong ban. Andromeda - một phụ nữ yếu ớt, khỏa thân, xinh đẹp và trẻ trung bị xích vào những tảng đá trên bờ biển, chờ làm mồi cho quỷ biển Cetus trong kinh hoàng - chẳng phù hợp với hình ảnh một kẻ đang phản bội quốc gia một cách hăng hái và hiệu quả. “Cetus” có thể còn hợp hơn nhiều nhưng anh vẫn thích tiếng

vang của từ đó và ý tưởng tìm kiếm một “Andromeda”. Điều ngược đời còn hấp dẫn hơn.

Khi suy ngẫm danh sách của Osborne-Way, anh nhanh chóng nhận ra đây không phải một quá trình dễ dàng. Anh chọn đại một cái tên Đại úy M.J. McCrimmon (Trung đoàn Sussex Hoàng gia). Các nhiệm vụ - 1. Di chuyển các đơn vị và quân đội đến Ấn Độ và Lưỡng Hà. 2. Di chuyển giữa các thuộc địa. 3. Những yêu cầu vận chuyển trên biển và vận chuyển cá nhân đến và đi từ Ấn Độ. Anh chọn một người khác - Thiếu tá tạm quyền E.C. Lloyd-Russell (Đã nghỉ hưu. Quân dự bị Đặc biệt). Các nhiệm vụ - 1. Di chuyển các đơn vị và quân đội từ Ấn Độ đến Pháp (Lực lượng “A”) và Ai Cập (Lực lượng “E”). 2. Góp quân vào lực lượng Liên minh Nam Phi. Các quân đoàn đánh thuê từ Nam Phi và Ấn Độ đến Pháp. 3. Giám sát bảo dưỡng quân trang quân dụng từ Mỹ và Canada đến Anh. Tiếp theo là Thiếu tá L.L. Eardley (Công binh Hoàng gia). Các nhiệm vụ - 1. Hành quân liên tục và không theo định kỳ. 2. Cấp các phiếu lưu kho đường sắt cho hàng hóa không vận chuyển bằng tàu. 3. Những vấn đề liên quan đến đường sắt và các con kênh đào tại Anh.

Và cứ thế, Lysander bắt đầu cảm thấy hơi buồn nôn khi cố gắng hoàn thành xong toàn bộ phần việc này - những “nhiệm vụ” này. Anh yêu cầu Tremlett mang cho mình một cốc trà và mấy cái bánh quy. Anh tự nhủ mình như một đứa bé đến gần một nhà máy lớn, đang dòm trộm toàn bộ máy móc và con người bên trong qua cửa sổ trên mái nhà. Họ là ai? Họ đang làm gì? Họ sản xuất ra cái gì? Tất cả những công việc và trách nhiệm lạ lùng này “Các dịch vụ kĩ thuật đường sắt. Các khoản tiền cho công tác bảo trì. Sở hữu và thuê một tài sản đường sắt. Các con số thống kê vận chuyển. Các binh chủng công binh sang Pháp. Số lượng ngựa thay thế

sang Pháp. Các tàu cứu thương đi những hành trình dài trên biển. Vận chuyển các quân trang quân dụng đến các chiến trường ngoài nước Pháp. Thi công các đường tránh tàu...". Vân vân và vân vân. Đấy mới chỉ là khối lượng công việc của một ban trong Văn phòng Chiến tranh. Có đến hàng ngàn người đang làm việc trong Văn phòng này. Mới chỉ là của một quốc gia trong cuộc chiến. Ban Hậu cần tương tự thế này cũng được thành lập ở Pháp, Đức, Nga, Đế quốc Áo - Hung v.v...

Anh bắt đầu chóng mặt khi ngồi đây, cố tập trung vào quy mô rộng lớn của bộ máy công nghiệp trong thế giới văn minh, tất cả đều nhằm một mục tiêu chung là hỗ trợ các đội quân đang chiến đấu. Một nỗ lực phi thường làm sao, hàng triệu giờ công được tận dụng, ngày này qua ngày khác, tuần này qua tuần khác, tháng này qua tháng khác. Khi hiểu được đến đây, theo cách nào đó hình dung những nỗ lực phi thường này trong mỗi ngày, anh lại thấy vui mừng lạ lùng rằng mình đã thực sự ra chiến tuyến. Có thể đó là lý do vì sao họ chỉ tuyển dụng thương binh, thay vì cán bộ thông thường hay công chức có trình độ. Những viên đại úy và thiếu tá tạm quyền trong Ban Hậu cần này tối thiểu phải biết những hậu quả tự nhiên, tất yếu của công tác "vận chuyển quân trang quân dụng" theo lệnh của họ.

Lysander liên hệ dứt khoát đến chuyện của mình. Khi ném trái lựu đạn quả dứa số 5 ấy vào đường hào dưới hầm mộ, đó là khoảnh khắc cuối cùng trong lịch sử hành trình của thứ vũ khí nhỏ bé ấy - lịch sử trải dài xuyên thời gian, không gian trở về trước như một sự thức tỉnh ghê tởm đến vô tận - từ khi là một miếng quặng được khai thác tại Canada, vận chuyển đến Anh, được nấu chảy, tạo khuôn, làm tròn, đổ đầy và đóng hộp, được thiết kế như một thứ "quân trang quân dụng để vận chuyển từ Anh

đến Pháp". Có lẽ các đường tránh tàu mới đã được xây dựng tại một ga nông thôn miền bắc nước Pháp để chuyên chở những loại vũ khí này (anh tự hỏi để xây một đường tránh tàu thì cần những gì). Từ đó vũ khí sẽ được gia súc vận chuyển đến một kho đạn tạm thời hoặc một kho quân nhu, với lượng thức ăn cho gia súc cũng được cung cấp qua ngả Rouen và Havre. Sau đó các quân nhân sẽ mang các hộp lựu đạn lên phòng tuyến qua các giao thông hào do "các công binh đến từ Liên minh Nam Phi" đào, Cuối cùng, những quả lựu đạn quả dứa số 5 yên vị trong túi đồ nghề của Lysander Rief. Để rồi anh quăng nó vào con hào bên dưới hầm mộ, trên vùng đất không người. Một người đàn ông có râu và một thanh niên tóc vàng phải lần mò trong bóng tối để xoay xở giữa đống khối xây lộn xộn. Họ hy vọng, cầu nguyện rằng trái lựu đạn sẽ mắc lỗi sản xuất nào đó, hay hư hỏng ở đâu đó trong quá trình vận chuyển trên suốt chặng đường dài sẽ khiến nó không nổ... Nhưng họ không gặp may.

Lysander thấy mình đang toát mồ hôi. Dừng lại. Suy nghĩ này ẩn chứa sự điên rồ. Anh nghĩ đến những tảng băng trôi hay những kim tự tháp ngược. Nhưng rồi chẳng hiểu từ đâu, một hình ảnh hiện lên như có liên quan chặt chẽ đến điều anh đang thấy là thích hợp hơn. Một đám lửa sưởi ấm trong mùa đông.

Vào những ngày đông lạnh buốt xương, anh vẫn nhớ làm sao khi đốt lửa sưởi ấm lại không thấy khói bay lên. Một cơn gió dù nhẹ nhất cũng đủ thổi bay làn khói ra toàn vùng đất. Một đám khói thấp, nằm ngang đang lan rộng ra ôm sát đất, không chịu tan, hòa vào bầu không khí, như điều vẫn xảy ra với một ngọn lửa thường trong một ngày ấm áp hơn. Anh xem toàn bộ nỗ lực ghê gớm, phi thường trong cuộc chiến này như một ngọn lửa mùa đông ấy - đúng nhưng theo chiều ngược lại. Như thể một màn

khói đang phiêu dạt, ôm sát đất bỗng tụ lại cùng nhắm thẳng vào một điểm để tạo nên một ngọn lửa nhỏ, cháy rừng rực. Cái đám khói rộng, dày và trôi bồng bềnh ấy từ khắp nơi tụ lại, hướng về những ngọn lửa màu cam rực rỡ, đang cháy lập lòe, khẽ kêu lách tách trong đám lá rời cành và những cành cây mục.

Lysander rời phòng 205 và dạo quanh các hành lang của Ban Hậu cần, đi qua các sĩ quan khác và các nhân viên thư kí. Chẳng ai chú ý đến anh, những tiếng chuông điện thoại và tiếng đánh máy chữ khô khốc không ngừng dội vào tai. Anh dòm vào một phòng cửa mở hé và thấy cả ba sĩ quan ngồi tại bàn đang nói chuyện điện thoại. Hai người phụ nữ đang đánh máy ngồi đối diện nhau, như thể đang thi đấu. Anh đi xuống cầu thang và thấy những tấm biển chỉ dẫn lên các tầng khác.

> VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA, CHUYỂN QUÂN,
> ĐƯỜNG SẮT VÀ ĐƯỜNG BỘ (PHÁP)
> THANH TRA QUÂN ĐỘI (TRÊN MỌI CHIẾN TRƯỜNG)
> CÁC ĐƯỜNG SẮT IRELAND

Anh đi ra ngoài, cảm thấy kiệt sức và bị choáng ngợp khi bước lên con đường đắp và hít sâu lồng ngực luồng không khí London bẩn thỉu. Anh vươn vai, bẻ các khớp vai, đầu xoay tròn khiến cổ anh nhẹ nhõm. Anh thấy mệt mỏi và suýt khóc trước khối lượng công việc được lệnh phải làm. Andromeda là tên quái nào chứ? Và khi anh tìm được hắn, chuyện gì sẽ xảy ra?

46

Sự can đảm của người Anh

"CHÁU BIẾT KHÔNG", HAMO NÓI át tiếng ồn của động cơ. "Trong cuộc đời mình, chú chưa bao giờ thấy căng thẳng về bất kì cái gì. Thế mà riêng hôm nay chú lại căng thẳng".

Họ đang ngồi trong chiếc xe thể thao mui xếp chạy về hướng Romney vào sáng Chủ nhật, trên đường đến bữa tiệc trưa của Bonham Johnson.

"Cháu hiểu ý chú", Lysander đáp, cúi người về phía ông và khum tay che miệng lại. "Hôm kia cháu cũng cảm thấy y hệt như thế, khi đi vào Văn phòng Chiến tranh. Như ngày đầu tiên đến trường ấy". Anh nhìn quanh và thấy một biển báo lướt qua - Fairfield, 2 dặm. "Hãy cùng nghỉ chân ở một quán rượu hay một khách sạn uống gì đã chú ạ. Uống xong chú cháu mình sẽ thêm can đảm. Tại sao người ta lại gọi là lòng can đảm của người Hà Lan nhỉ? Lòng can đảm của người Anh là tất cả những gì chúng ta cần".

"Ý tưởng tuyệt vời", Hamo nói. Ông đang đội ngược chiếc mũ da bẹt và đeo kính lái xe. Họ lái xe đi chơi vào một ngày đẹp trời, dù hơi có gió. Cả hai đều mặc áo choàng. Lysander đội mũ nỉ mềm được giữ chặt bằng chiếc khăn quàng cổ.

Hai chú cháu tìm thấy một quán rượu nhỏ ở Fairfield liền ghé vào, gọi hai cốc whisky soda tại quầy bar,

Hamo nói: "Chú chỉ khiếp hãi chuyện một trong những thằng cha văn chương này hỏi chú về Shakespeare hay Milton thôi".

“Họ sẽ không hỏi đâu. Chú là người mà họ muốn gặp mặt. Chú là tác giả cuốn *Hồ châu Phi đã mất*. Và họ sẽ muốn nói chuyện với chú về cuốn sách đó - hơn là về Keats và Wordsworth”.

“Chú ước gì mình có đủ tự tin, nhóc ạ”.

“Hamo, chú đã được trao Huân chương Victoria, vì Chúa. Họ chỉ là một đám văn sĩ nhàn rỗi mà thôi”.

“Dù thế...”.

“Không. Hãy làm theo cách cháu làm. Nếu cháu thấy không tự tin, cháu sẽ *diễn* vai tự tin”.

“Chú sẽ thử. Đó chính xác là những gì cha cháu sẽ nói. Cháu biết không một ly whisky nữa sẽ hiệu quả đấy”.

“Được rồi, uống tiếp thôi. Cháu cũng thế”.

Lysander nhìn ông chú đi lên quầy bar gọi thêm hai ly nữa, cảm thấy tình yêu dành cho ông. Trông ông mảnh khảnh, lòng không trong bộ vest xám thẫm, ánh đèn trần soi sáng cái đầu hói của ông như một vầng hào quang chớm nở. Vầng hào quang của Hamo. Một ý nghĩ hay.

Ngôi nhà của Bonham Johnson - tên là Pondshill Place - rộng lớn và khá ấn tượng - một ngôi nhà thời Victoria bằng gạch đỏ cắt thô và ép khuôn với một nhóm các ống khói cao. Một đầu là khung cửa sổ chìa nhìn ra một khu vườn xây thành bậc thang, hơi dốc xuống một bể bơi đang phản chiếu màu xanh cây lá. Bao quanh là những ngọn cây hoàng dương hình tháp được cắt tỉa rất tinh tế. Có một kho thóc và khu chuồng ngựa ở bên kia, nơi đỗ xe ô tô của khách. Một nhân công trong nhà vẫy họ vào sân sau, nơi đã có mười hai chiếc xe đang đỗ thành hàng thẳng tắp.

Một quản gia mở cánh cửa chính vào Pondshill Place và mời hai người đi qua một phòng khách lớn". Đây là phòng khách với một cửa sổ lớn hình vòng cung, trong phòng đã có tới hai mươi người - tất cả đều mặc đồ rất xoàng xĩnh. Lysander nhận ra và thấy mừng khi anh đã quyết định mặc bộ áo vest nhẹ của Harris Tweed. Anh thấy hai người đàn ông không đeo cà vạt, và vài người phụ nữ mặc những chiếc áo bằng vải hoa in sáng màu. Anh thì thầm: "Thư giãn đi!" với chú Hamo. Hai chú cháu tự lấy một cốc rượu nâu từ khay đồ uống trên tay một cô hầu gái. Lysander thấy cô ta rất trẻ trung và xinh đẹp.

Bonham Johnson là một người rất to khỏe, mái tóc mảnh hơi dài và chòm râu nhọn hoa râm. Lysander nghĩ trông ông ta gần giống vua James Đệ nhất của nước Anh. Ông tự giới thiệu mình rồi bắt đầu một bài tụng ca cuốn *Hồ châu Phi đã mất*, trôi chảy và dài lê thê - "Tuyệt đỉnh, vô song". Ngay cả Hamo cũng chịu thua trước lời khen ngợi này. Lysander hài lòng cùng Johnson đến đầu kia căn phòng nghe ông hỏi: "Anh có biết Joseph Conrad không? Không à? Hai người sẽ có rất nhiều điểm chung đấy".

Lysander quay về phía cô hầu gái mang khay rượu nâu, tự lấy cho mình một ly nữa.

"Bữa trưa được phục vụ lúc mấy giờ vậy?" anh hỏi, nhìn cô ta chằm chằm. Cô ta đẹp đến sửng sốt. Sao cô ta lại đi phục vụ đám khách của Bonham Johnson làm gì nhỉ?

"Khoảng một rưỡi chiều, thưa ngài. Vẫn còn vài vị khách nữa chưa đến".

"Có lẽ đây là một câu hỏi hơi lạ lùng. Nhưng cô có bao giờ nghĩ đến chuyện...".

“Lysander?”

Anh quay lại và trong một giây ngắn ngủi, anh không nhận ra cô. Mái tóc đen hơn và cắt ngắn ngang trán, rất thẳng ngay phía trên lông mày. Cô đang mặc chiếc áo len bó với những khối màu hình thoi - màu cam, màu vàng cây mao lương và màu nâu vàng cây quế. Anh thấy mình rõ ràng đang run rẩy. Tác động của cú sốc quá mãnh liệt, không thể làm ngơ.

“Hettie...”.

“Em mừng là anh đã đến. Em đã nói với Bonham rằng chú của anh sẽ là miếng mồi tốt nhất dụ anh đến đây”. Cô cúi người về phía trước, hôn lên má anh. Một lần nữa anh lại ngửi thấy mùi hương của cô, lần đầu tiên sau một năm rưỡi. Bây giờ mắt anh đã ngấn lệ. Anh nhắm mắt lại.

“Vậy đây là tất cả những gì em làm để..”.

“Vâng. Em phải tìm ra cách gặp được anh. Anh sẽ không đối xử tệ với em, đúng không?” cô hỏi.

“Không. Không đâu”.

“Anh ổn cả chứ? Trông anh xanh lắm đấy”.

“Lothar có ở đây không?”

“Dĩ nhiên là không. Nó đang ở Áo”.

Không thể nào. Anh cảm thấy cuộc đấu tranh của tình cảm, những cảm xúc và cảm giác đang tranh đấu với nhau, cái này tiếp cái kia trong một vòng xoay hỗn loạn, điên rồ.

“Chúng ta ra khỏi đây được không?” anh cố nói.

“Không. Jago sẽ nghi ngờ đến phát điên mất. Thực ra ông ấy sẽ không muốn thấy chúng ta nói chuyện quá lâu đâu”.

“Jago là ai?”

“Chồng em - Jago Lasry”.

Lysander thấy mình phản ứng với cái tên này, dù chưa hề nghe tên ông ta.

Hettie nhìn anh khinh thường.

“Thôi nào, đừng giở trò đó ra với em. - Jargo Lasry, tác giả cuốn *Lúc hoàng hôn*. Thế nào? Nhớ ra chưa? Cuốn *Con cáo xanh nhanh nhảu và những câu chuyện khác*? Thế nào?”

“Anh đã nhập ngũ ngay khi chiến tranh bắt đầu hoàn toàn chẳng để ý đến kịch nữa”.

Cô tiến đến gần hơn và anh lại cảm thấy cô thật nhỏ nhắn làm sao - mái đầu cô chạm đến ngực anh. Cô hạ thấp giọng.

“Em sẽ ngồi cạnh anh ở bữa trưa nhưng chúng ta phải giả vờ không quen biết nhau - hoàn toàn xa lạ đấy. Và tên em không phải Hettie nữa, mà là Venora”.

“Venora?”

“Một cái tên Celtic. Lúc nào em cũng ghét bị gọi là Hettie. Ở Vienna thì không sao, nhưng ở đây gọi thế thì rất không ổn. Cứ tưởng tượng gọi tên là Hettie Lasry xem! Hẹn gặp anh ở bữa trưa”.

Nói xong cô bỏ đi. Vẫn đang trong tâm trạng xao động mạnh, Lysander nhìn cô đi qua đám đông khách mời, đến gần một trong những thanh niên không đeo cà vạt. Một thằng cha nhỏ nhắn, mảnh khảnh, Lysander đoán hắn chừng ba mươi tuổi, với chòm râu đen, không đều, mặc bộ vest nhung kẻ màu nâu sẫm. Jago Lasry, tác giả cuốn *Lúc hoàng hôn*. Anh thấy hắn quay đầu tìm kiếm anh. Thì ra Hettie/ Venora đứng đằng sau lời mời

này... anh tự hỏi cô muốn gì ở anh. Uống cạn ly rượu nâu, anh quay lại lấy thêm ly nữa.

Anh nghe được phần còn lại câu chuyện của Hettie vào bữa trưa - nhiều lần bị gián đoạn, rời rạc, nhiều chỗ phải hỏi lại đến hai lần và giải thích thêm. Anh choáng váng phát hiện ra cô đã sống tại Anh ngay từ đầu năm. Cô rời khỏi Vienna tháng Mười một năm 1914, ghé qua Thụy Sĩ, rồi đi đường vòng về nhà qua ngả Italia và Tây Ban Nha.

"Tại sao em không mang Lothar theo?"

"Ở Áo thằng bé hạnh phúc hơn nhiều. Nó đang sống ở Salzburg với một trong những người cô của Udo. Rất hạnh phúc".

"Em có mang theo ảnh của nó không?"

"Em có, nhưng... không phải ở đây. Jago không biết gì về Lothar hết. Hãy giữ bí mật chuyện ấy giữa hai ta thôi, nếu anh không phiền".

Cô đã gặp Jago Lasry ngay sau khi quay về và họ kết hôn vào tháng Năm ("Tình yêu từ cái nhìn đầu tiên", cô nói), chuyện là thế. Và họ hiện đang sống tại Cornwall trong một ngôi nhà của Bonham Johnson. Lasry là người được Johnson đỡ đầu, ông ta rất hào phóng giới thiệu Lasry với các nhà xuất bản, nhà biên tập và nhà tài trợ những khoản vay nhỏ, nếu cần thiết. Lysander liếc nhìn Lasry bên kia bàn - một người gầy nhom, căng thẳng, với sự tập trung cao độ khi ăn cũng như khi anh ta nói. Anh nghi ngờ Bonham Johnson còn có ý gì khác đối với người được mình đỡ đầu,

"Em kể với Jago rằng anh và em đã từng gặp nhau một thời gian ngắn tại Vienna". Hettie nói. "Rằng cả hai cùng đi khám một ông bác sĩ tại đó. Chỉ đề phòng ông ta nghi ngờ thôi".

“Bensimon quay về London rồi, em biết không. Anh có nghe tin về ông ấy”.

Hettie nhìn anh với ánh mắt lạ lùng của riêng cô. Một sự pha trộn kì quái giữa sự quan tâm bất ngờ và sự đe dọa ngấm ngầm.

“Giống hệt những ngày tháng cũ nhỉ?” cô hỏi.

Ý em là gì?”

Cô nhìn đi nơi khác và đề nghị người ngồi cạnh chuyển cho cô lọ muối. Lysander cảm thấy bàn tay mình để trên hông có dưới bàn. Những ngón tay cô nhanh chóng tìm kiếm chỗ phồng lên ở quần anh. Cô xiết thật chặt qua lớp vải quần, những ngón tay chuyển động Anh vươn tay lấy ly rượu vang, như thể hành động này cho anh sức mạnh - anh nghĩ mình có thể ngã lăn ra bất tỉnh hoặc là hét thật to lên. Cô bỏ tay ra.

“Anh phải gặp em”, anh lặng lẽ nói, giọng khàn khàn. Mắt anh vẫn nhìn vào đĩa đồ ăn, cố gắng không nhìn cô, khiến tâm trí bận rộn bằng cách cắt miếng thịt cừu thành những miếng nhỏ. “Anh đang ở London. Một khách sạn nhỏ tại Pimlico tên là Cung điện Trắng. Họ có điện thoại”.

“Em không biết mình có thể đến London không. Khó đấy - nhưng em sẽ thử.

“Gửi bưu thiếp cho anh - Khách sạn Cung điện Trắng, Pimlico, London, Tây Nam”.

Bây giờ cô lại quay nhìn anh. Anh nhìn cô chằm chằm qua đôi mắt màu nâu lục nhạt, tròn. Anh nhận thấy việc gặp lại cô thế này đúng là một bước ngoặt. Anh cảm thấy một lần nữa tự hiểu về chính mình, hiểu rằng anh là loại người gì, anh cần gì, anh đòi hỏi gì trong cuộc sống này.

“Em hứa sẽ làm hết sức có thể”, cô nói. “Nghe này. Vào bất kì lúc nào, anh có thể cho em vay ít tiền được không?”

“Lão này tốt đến ngạc nhiên đấy, Bonham Johnson ý”, Hamo lên tiếng. “Lão khiến chú thật sự thấy thoải mái, Chú đã lo lắng quá thành ra vô ích - ngay lập tức chú đã biết lão ấy có năng khiếu về nhạc”.

“Âm nhạc á?”

“Một trong hai người bọn chú”.

“À. Vâng”.

“Cháu cần mười bảng làm gì?” Hamo hỏi, khom người xuống quay cần điều khiển chiếc xe mui xếp. “Thật may là chú có mang tiền mặt theo đấy”.

“Người phụ nữ cháu đã nói với chú ấy, Vanora Lasry, cô ấy muốn vay”.

“Cháu hào phóng thật”, Hamo nói, trèo lên chiếc xe đang rung nhẹ. “Cho một người hoàn toàn xa lạ tất cả số tiền của mình”.

“Là cô ấy mà, chú Hamo”, Lysander thú nhận với sự nhẹ nhõm. “Chính là Hettie Bull - mẹ của con trai cháu”.

“Chúa tôi ơi!”

Họ lái xe ra và băng qua những vùng đất phẳng, lên con đường chính dẫn đến Rye. Lysander tựa sát người vào Hamo, và to tiếng giải thích ngắn gọn chuyện đã xảy ra cho ông nghe. Khi lắng nghe, Hamo lắc đầu nhiều hơn trong sự hoang mang và thông cảm.

“Chú chẳng biết nói gì với cháu nữa, cháu yêu ạ. Không một lời trách mắng nào hết. Chú hiểu chính xác cháu đang cảm thấy thế nào. Người ta yêu bằng tim, mấy ai yêu bằng mắt. Phải rồi”.

Chiếc xe giữ đều tốc độ, ánh mặt trời đang nhạt dần. Khi đến gần bờ biển hơn, bắt gặp hình ảnh thoáng qua của eo biển, họ ngắm mặt trời lặn đang đánh bóng mặt biển như dát bạc. Lysander cảm thấy vừa vui vẻ vừa bối rối. Việc gặp lại Hettie một lần nữa khiến anh đau đớn nhận thức được một điều không thể chối cãi rằng anh đã bị cô ám ảnh. Ám ảnh - hay tình yêu? Hay là một thứ gì đó xấu xa hơn - một dạng như thèm khát hay như một thói nghiện?

Anh và Hamo dậy muộn, nói chuyện và uống whisky - Lysander tận dụng thời gian thuật lại chi tiết hơn chuyện của Hettie.

“Cháu sẽ gặp lại cô ta chứ?” Hamo hỏi.

“Vâng. Cháu phải đi thôi”.

“Cháu có chắc thế là thông minh không - bây giờ cô ta có chồng rồi và mọi chuyện đã khác?”

“Rất ngu xuẩn, cháu nghĩ thế. Nhưng cháu không có lựa chọn khác, chú Hamo. Kiểu như cháu phải phục tùng cô ấy vậy”:

“Chú hiểu. Phải, chú hiểu mà”.

Hettie đã giới thiệu Lysander với Jago Lasry sau bữa trưa làm anh cảm thấy chính mình đang bị soi xét kĩ lưỡng, bị nghi ngờ một cách công khai. Hettie đan tay mình vào tay chồng, cố gắng biểu lộ sự hài lòng khi được chiều chuộng quá mức.

“Chúng tôi cùng đến khám một bác sĩ tại Vienna”. Lysander nói, tìm kiếm một điều gì đó nhẹ nhàng, bình thường để nói với con người nhỏ nhắn, tóc quăn vẻ giận dữ này.

“Ý anh là cùng một tên lang băm à”.

“Tôi sẽ không đi xa đến thế”.

“Anh sẽ đi xa đến đâu, anh Rief?”

“Phải nói là bác sĩ Bensimon đã giúp tôi rất nhiều bằng phép chữa bệnh của mình, Cả một sự khác biệt rất lớn”.

“Ông ta chỉ bán thuốc cho Venora thôi”.

“Bản thân Freud cũng dùng Coca mà. Hơn nữa ông ấy còn viết sách về nó”.

Sau đó hai người đã có cuộc nói chuyện ngắn ngủi, nồng nhiệt về những sai lầm của Sigmund Freud và Học thuyết Freud. Lysander bắt đầu cảm thấy ngày càng bị ngợp khi Lasry nói về Carl Jung và Hội nghị Phân tâm học Quốc tế lần thứ tư tại Munich năm 1913, những chủ đề mà Lysander chả hiểu gì. Anh cố gắng phát hiện trọng âm của Lasry - có thể là ở vùng Midlands, các vùng mỏ than Nottingham - nhưng anh chưa kịp xác định chính xác thì Johnson đã đến kéo Lasry đi gặp biên tập viên của tòa báo *English Review.* Lysander đứng đó đu đưa, kiệt sức.

“Tốt hơn em nên tham gia”, Hettie nói. “Em có thể thấy anh làm anh ấy sung sướng”.

“Tại sao em không đến gặp anh ngay khi quay về Anh?” Lysander hỏi, bất ngờ thấy buồn phiền và đau khổ.

“Em nghĩ làm thế là vô ích - nghĩ rằng anh sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho em chuyện Lothar. Và cảnh sát. Rồi tất cả những gì còn lại”.

Lysander nhớ lại những đau khổ anh đã phải trải qua tại Vienna dưới bàn tay Hettie, trải qua hồi ức mạnh mẽ về cơn giận và sự phẫn nộ. Anh tự hỏi tại sao mình không thể chế ngự được những cơn giận ngắn ngủi, căng thẳng mà Hettie khơi lên. Thế còn Hettie thì sao? Làm sao cô ấy có thể kiềm chế dễ dàng như thế?

“Anh tha thứ cho em”, anh nói, yếu ớt. “Hãy đến gặp anh tại London đi, xin em đấy. Chúng ta sẽ bỏ qua hết mọi thứ”.

Anh nói thế là có ý gì? - anh nghĩ vậy khi mình chạy lên cầu thang vào phòng ngủ đêm ấy, đầu anh tê dại và lộn xộn với số whisky đã uống cùng bao nhiêu cảm xúc làm khổ anh cả ngày hôm ấy. Khi thay đồ, anh nhớ ra cuộc săn lùng Andromeda sẽ phải bắt đầu một cách sốt sắng vào sáng mai. Trong trạng thái nửa say nửa tỉnh đầy hỗn loạn, thực ra anh nghĩ rằng trong một ngôi nhà ở Romney, ngay giữa đầm lầy Romney, anh đã gặp gỡ Andromeda thật sự một lần nữa, với toàn bộ vẻ đẹp ám ảnh của nàng.

Một sự trùng hợp sao? Anh ngu ngốc tự hỏi có phải đó là mối liên hệ đến Vienna trong chuyện của Andromeda. Nếu Hettie không buộc tội anh cưỡng hiếp, nếu anh không gọi cho Munro ở đại sứ quán, nếu anh không tài tình thiết kế cuộc đào thoát, vậy thì cuộc đời hiện tại của anh hẳn sẽ khác hoàn toàn. Nhưng vấn đề của chuyện đó là gì? Nhìn lại quá khứ sẽ cho ta thấy những khúc ngoặt và lối rẽ ta đã chọn trong cuộc đời mình, tất cả những sự việc ngẫu nhiên và những cơ hội, những yếu tố ngẫu nhiên của sự may mắn, bất hạnh tạo nên sự tồn tại của một con người. Dù là thế, những câu hỏi vẫn không ngừng quay cuồng trong đầu anh suốt đêm, anh trở mình trằn trọc và sốt ruột, xoay đi xoay lại cái gối, mở ra rồi đóng lại các cửa sổ trong phòng chờ mặt trời lên. Anh cố chợp mắt trong một tiếng đồng hồ, rồi thức dậy và mặc đồ lúc bình minh, đến quán trọ Winchelsea mua một con ngựa nhỏ và xe nhẹ hai bánh đưa anh đến Rye. Thứ Hai, ngày 27 tháng Chín năm 1915. Bắt đầu đi săn.

47

Những cuộc Điều tra Tự thuật

TÔI MUA MỘT TỜ BÁO sáng nay trên đường đi bộ đến nhà phụ. “Cuộc tấn công lớn tại Loos”; “Kẻ thù bị đánh lui bằng vũ khí bí mật của chúng ta”; “Những đợt tiến quân quan trọng trên toàn mặt trận bất chấp thương vong nặng nề”. Vốn từ nhạt nhẽo của những phóng viên quân sự theo chủ nghĩa Sô vanh hiếu chiến. Tất cả đã bắt đầu rồi, trong khi tôi đang ở Winchelsea dự bữa tiệc trưa của Bonham Johnson, khi tôi đang nhấp ngụm rượu nâu, đang cảm thấy Hettie xiết chặt cái ấy của tôi dưới bàn và đang tranh luận về Freud với người chồng đáng ghét của cô ta. Tuy nhiên, trong nhà phụ có những khuôn mặt dài thượt. Ở trong ban này, chúng tôi sẽ biết khi nào những chuyến tàu cứu thương chở đầy người, Thực phẩm dự trữ được cung cấp cho 40.000 thương binh rõ ràng là không đủ. Pháo binh không đủ mạnh, các kho đạn dược tạm thời được cung cấp không đủ dùng. Đám mây khí độc của chúng tôi chỉ mới phát huy một phần sức tàn phá. Các báo cáo than phiền rằng đám mây hoặc sẽ lơ lửng trong không khí trên vùng đất không người, hoặc sẽ quay lại các chiến hào của chúng tôi, khiến chính binh sĩ của chúng tôi, đang trong tư thế đợi tấn công, bị mù mắt và lúng túng. Một điều nhân viên trong Ban Hậu cần không thể dự báo, đó là những cơn gió nhẹ phía tây khắc nghiệt, lạy Chúa.

Nhìn qua danh sách của Osborne-Way, rõ ràng thấy ngay khá đông sĩ quan trong ban không có khả năng truy cập toàn bộ thông tin trong các lá thư Glockner. Tuy nhiên, thực ra tôi đã quyết định tránh thẩm vấn tất cả -

tránh tập trung vào bất kì nhóm cụ thể nào để khỏi rút dây động rừng. Dù Andromeda có là ai thì khi tiến hành điều tra bổ sung nhằm vào Ủy ban Thẩm vấn của ngài Horace Ede, cũng không được phép gây ra mối bận tâm nào, dù là nhỏ nhất. Nên tôi đã gọi và trao cho Tremlett danh sách đầy đủ những người tôi sẽ thẩm vấn. Tôi bắt đầu từ Thiếu tá H.B.O'Terence, người chịu trách nhiệm đối với "những yêu cầu vận chuyển trên đất liền. Những chuyến viếng thăm binh sĩ bị thương của người thân tại bệnh viện ở Pháp". Trong những tuần tới đây, anh ta sẽ bận tối mắt - tốt nhất nên cho anh ta xong sớm.

Đúng là vừa choáng váng vừa bất ổn khi gặp lại Hettie. Tất cả những cảm xúc tình dục của tôi với cô ấy đã quay lại ngay lập tức. Khao khát không thể cưỡng lại. Những hình ảnh cô ấy ngày xưa và chuyện chúng tôi đã ngủ với nhau. Tất cả những mâu thuẫn, rối loạn của tôi vì cô ấy cũng đổ xô đến. Venora Lasry - không thể tin nổi. Còn Lothar thì sao? Con trai của mày, thằng bé của mày. Một lần nữa, những cảm xúc lại dâng lên rồi hạ xuống. Trong một giây, thằng bé dường như không có thật, một sản phẩm từ trí tưởng tượng của tôi, một ảo ảnh - và rồi tiếp theo, tôi thấy chính mình đang nghĩ về thằng bé này, hài nhi này, đang sống ở một vùng ngoại ô Salzburg với dì của Udo Hoff. Hettie có quan tâm không? Tại sao cô ấy lại không kể với chồng mới của mình về đứa con riêng: Tôi đã mua tuyển tập thơ của Lasry, *Lúc hoàng hôn*. Nói chung là thể thơ hài hước hiện đại. Thể thơ tự do vừa gợi cảm vừa nham hiểm, tôi có thể thấy được với nó người ta có thể khoe khoang và che giấu. Theo ý kiến của tôi, Lasry thường xuyên lạm dụng nó. Tôi phải cẩn thận.

KHÚC TÙY HỨNG THỨ BẢY TẠI PIMLICO

Ánh bình minh tự thắp sáng lên

Nhưng lại quay đi tìm nguồn sáng

Rác rưởi, rơm rạ, kính vỡ và

Hình bóng nước Anh phớt xanh, cái đẹp không tì vết

Nào hãy cùng nhìn. Nào hãy cùng nhảy:

Cô gái tiến lên,

Chàng trai lùi lại.

Đi lên từ ga tàu điện ngầm London

Tôi thấy quảng trường Leicester thoảng mùi nhiệt đới

Đầy mê hoặc và quyến rũ

Nửa đêm tôi thả bước trên từng con phố

Những ánh đèn khí đốt sáng lên như một ánh dương nhân tạo

"Những con bồ câu, anh em họ của tôi

Chúng bật khóc như những đứa trẻ"

Tôi đề nghị Tremlet giúp tôi tra cứu các danh sách những người lính bắn súng hỏa mai Manchester bị thương -xem có cái tên Đại úy Gorlice-Law hay Trung sĩ Foley không. Cậu ta quay lại báo tin rằng Đại úy Gorlice-Law đã chết do chấn thương vào ngày 27 tháng Sáu, còn Trung sĩ Foley đang nằm viện ở Stoke Newington. "Nhiều khả năng anh ta bị mù, thưa ngài". Tremlett nói, chỉ tay lên miếng che mắt: "Tôi cũng mất đi con mắt của mình tại đó". Vậy là Gorlice-Law đã chết vào cái ngày chúng tôi đột kích bất ngờ vào vùng đất không người... Tôi cảm thấy mình phải cố gắng đi thăm Foley, đồng thời tìm hiểu chính xác chuyện gì đã xảy ra sau khi tôi bỏ đi, sau khi xa rời họ. Những cảm giác tội lỗi không lay chuyển được

cứ thế xâm chiếm tôi. Có phải lỗi của tôi không? Không, mày là thằng ngu. Mày đã được lệnh ném bom cái đường hào đó nhằm đánh lạc hướng. Sau đó là việc của thần Chiến tranh và May mắn. Mày bị ám ảnh quá nhiều vào ý tưởng chết người chợt đến của họ, như hàng nghìn, hàng vạn người lính khác khi giáp mặt nhau trên hai chiến tuyến,

48

Những Nghi phạm

LYSANDER ĐÃ THẨM VẤN CÁC SĨ QUAN của ban trong ba ngày kế tiếp, trong góc phòng 205 tù túng và được khử trùng. Tất cả đều được thẩm vấn theo thông lệ, lịch sự và tẻ ngắt, khiến anh thấy thật lãng phí thời gian - anh không muốn ai phải nghi ngờ hay cảnh giác mơ hồ, Hỏi về những gì họ đã biết - biết mình đang lãng phí thời gian quý báu - anh cố gắng tỏ ra hết sức hòa nhã, tuy nhiên những người anh gặp đều phẫn nộ và tỏ thái độ cảnh giác đề phòng theo cùng một kiểu - đôi khi còn khinh khỉnh ra mặt. Osborne-Way rõ ràng đang bận rộn chuẩn bị cho chiến trường.

Anh kết thúc danh sách sáu mươi cái tên chủ chốt, kể cả đích thân giám đốc Osborne-Way. Tất cả những người này trên lí thuyết đều có khả năng sao chép loại thông tin cụ thể trong các lá thư Glockner. Bốn người trong số này chịu trách nhiệm công tác "Vận chuyển và kiểm soát quân trang quân dụng sang Pháp". Một người phụ trách kiểm soát các bến cảng, một người kiểm soát nguyên liệu đường sắt - "các bể chứa, kim loại làm đường, gỗ, xỉ và than đá". Một người dân thường duy nhất trong ban liên quan đến việc báo cáo thống kê đường sắt - mọi chi tiết đều được trình lên bàn anh ta. Ngoài Osborne-Way (một nghi phạm chưa chắc chắn dù Lysander không chịu loại ông ta ra - theo anh, những nghi phạm chưa chắc chắn còn đáng nghi hơn nhiều), có hai người thân thiết với ông ta nhất là Thiếu tá Mansfield Keogh (Trung đoàn Hoàng gia Ireland) làm trợ

lý giám đốc phụ trách Hậu cần - nhân vật số hai của Osborne-Way, thứ hai là Đại úy Christian Vandenbrook (Quân đoàn Súng trường Hoàng gia của Đức vua), người giám sát việc "vận tải đạn dược, quân nhu và quân trang quân dụng của Công binh Hoàng gia sang Pháp".

Về nguyên tắc, Ban Hậu cần hoàn thành nhiệm vụ một khi quân trang quân dụng đến được La Havre, Rouen hoặc Calais; đến lúc đó, bộ phận của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần có trụ sở tại St Omer sẽ tiếp quản. Tuy nhiên, theo thông lệ, sẽ luôn có rắc rối - tàu hỏa bị mất tích, đạn dược bị gửi nhầm đến các kho quân nhu khác, tàu thủy bị chìm. Lysander nghĩ quan trọng là cả Keogh lẫn Vandenbrook đều một mình đến Pháp ba lần trong năm 1915 (Osborne-Way cũng đi hai lần), nhằm bắt liên lạc với giám đốc Vận tải Đường sắt cùng nhân viên của ông ta để giám sát việc thi công các địa điểm chuyển giao những toa tàu chở hàng và những đường tránh tàu đằng sau phòng tuyến. Có một cơ hội lí tưởng để khám phá ra mọi thứ trong những lá thư Glockner,

Keogh là một người trầm tính, nghiêm túc, làm việc có hiệu quả, có vẻ như đang u buồn chuyện riêng tư. Anh ta lễ phép và nhanh chóng trả lời các câu hỏi nhưng Lysander thấy anh ta chẳng là gì hết - một con ruồi vo ve, một mẩu giấy nhàu nát, một chiếc lá rơi trên mặt đường. Keogh nhìn anh với đôi mắt trống rỗng. Ngược lại, Vandenbrook là người cởi mở nhất và đáng mến nhất trong số những người được thẩm vấn. Cậu ta nhỏ nhắn, khéo mồm, đẹp trai với những đường nét hoàn hảo, đều đặn và hàng râu đẹp, hai đầu vểnh lên rất chải chuốt. Cậu ta cười rất nhiều - nên Lysander nghĩ hàm răng cậu ta trắng đến mức gần như không thật. Vandenbrook là người duy nhất anh thẩm vấn đã hỏi han về anh. Dường như cậu ta rất vui khi biết rằng đã từng xem anh diễn kịch trước chiến tranh. Lysander

biết rằng quãng đời trước kia của mình trong ban này ai cũng biết cả - không dưới một lần anh đã nghe trộm Osborne-Way nói về anh như một "tên diễn viên công tử bột - khát máu" - nhưng chỉ riêng Vandenbrook không úp mở và vô tư khi nói đến sự nghiệp sân khấu của anh. Lysander thích anh ta vì điều đó.

Nhật ký Chiến tranh của bạn đã hé lộ nhiều sự thật về những chuyến đi Pháp của Keogh và Vandenbrook. Tremlett mang cho anh một cuốn sổ cái ghi chép chi tiết toàn bộ "các yêu cầu di chuyển trên đất liền" của tất cả các bộ phận. Keogh chịu trách nhiệm về cảng Dover; Vandenbrook chịu trách nhiệm cảng Folkestone. Cứ vài ngày cả hai lại đến thăm hai cảng này, ở đó Ban Hậu cần có xây dựng mấy văn phòng chi nhánh. Các chi phí đi lại của họ - tiền vé tàu hỏa, tiền khách sạn, taxi, tiền cho những người phục vụ ở toa ngủ, tiền ăn uống - đều được ghi chép, sao lại và lập thành hồ sơ. Lysander quyết định điều tra Keogh trước, tiếp theo là Vandenbrook rồi đến Osborne-Way. Con thú lớn nhất sẽ để dành đến cuối cùng.

Lysander thấy Keogh bước ra khỏi nhà phụ và tiến về phía Charing Cross. Anh theo sau, giữ khoảng cách an toàn cho dù biết mình sẽ không thể bị phát hiện. Anh đang đeo râu giả, đội mũ quả dưa và mang va li, chọn một bộ đồ màu đen cũ, cắt ngắn ở hai tay phơi ra những cổ tay áo cứng bị sờn. Giống như hàng nghìn nhân viên văn phòng khác xa ra từ các cơ quan nhà nước tại Whitehall khi kết thúc một ngày làm việc, người đàn ông ấy hy vọng sẽ lại trở về nhà trên con đường quen thuộc bằng rất nhiều phương tiện - xe buýt hai tầng, xe điện, tàu điện ngầm. Anh theo Keogh lên tàu điện ngầm ở Charing Cross, ngồi ở đầu kia toa xe khi chiếc tàu lao ầm ầm dọc theo tuyến District Line và băng qua sông Thames đến East Putney. Anh thấy Keogh bước đi nặng nề lên đường High Richmond sau

đó rẽ vào một con phố có những biệt thự xây bằng gạch. Keogh bước vào ngôi nhà số 26. Lysander có thể nghe tiếng chó sủa yếu ớt vẳng ra từ trong nhà, ngay sau đó là im lặng. Anh thấy rèm cửa sổ đã được kéo xuống hết. Trời vẫn còn sáng - có lẽ đây là một trong số những ngôi nhà tại London tắt đèn tạm thời nhằm tránh những đợt dội bom bằng Khinh khí cầu Zeppelin của Đức*. Nhưng trong khi các nhà hàng xóm không hề tỏ ra cảnh giác như vậy, thì làm thế này có vẻ hơi lạ. Trong gia đình có ai chết sao?

Thấy một người phụ nữ đang đẩy chiếc xe nôi bên kia đường, anh lập tức sang và bắt kịp cô ta. Bằng trọng âm nhẹ khu đông London, anh hỏi cô có biết nhà ông bà Keogh ở đâu không.

“Tôi vừa gõ cửa nhầm nhà, thưa cô, có lẽ thế”.

“Anh muốn tìm nhà số 26 đúng không”, cô đáp. “Nhưng đừng hỏi tìm bà Keogh”.

“Tại sao vậy?”

“Vì cô ấy mất hai tháng trước rồi. Bệnh bạch hầu. Rất buồn, rất đáng tiếc. Cô ấy vốn trẻ trung, xinh đẹp thế mà. Rất xinh đấy”.

Lysander cảm ơn người phụ nữ và bước đi. Ra thế, một anh chồng mới góa vợ - điều đó giải thích cho cái nhìn chằm chằm vô hồn, lạnh lùng ấy. Điều đó có loại anh ta ra khỏi diện tình nghi không? Hay phải chăng cái chết vô nghĩa của người vợ trẻ, xinh đẹp đánh thức những cảm xúc căm hận xã hội, căm hận cả thế giới? Anh phải tìm hiểu nhiều hơn nữa về Thiếu tá Keogh. Cùng với đó, anh sẽ chuyển sự chú ý sang Đại úy Christian Vandenbrook.

Vandenbrook nhà giàu nên thường gọi taxi về nhà. Lysander ngồi sau một chiếc taxi vào lúc cuối chiều bên ngoài nhà phụ, thấy Vandenbrook đang vẫy taxi. Anh đi theo đến một câu lạc bộ ở St James. Hai tiếng sau, cậu ta đi ra, vẫy một chiếc taxi khác và quay về nhà ở Knightsbridge. Đó là một ngôi nhà to, trát vữa xtucô màu trắng, với hàng hiên uốn cong trang nhã đối diện đường Brompton. Vandenbrook đang kiếm rất khá ở cương vị Đại úy Quân đoàn Súng trường Hoàng gia Anh.

Lysander xuống xe và đi dạo quanh những ngôi nhà lớn xếp theo hình trăng lưỡi liềm sang trọng. Nhìn qua một cửa sổ, anh chợt thấy Vandenbrook đang đón một cốc vại bằng thạch anh cắt, từ khay đồ uống bằng bạc trên tay người phục vụ. Cũng là tiệc cho nhân viên thôi. Hai mươi phút sau, một chiếc taxi khác đỗ lại và một cặp đôi - diện trang phục tiệc tối - bước xuống rung chuông cửa. Lysander quay về khách sạn nhỏ của mình tại Pimlico. Anh nhận thức được rằng, một người với những đặc quyền rõ ràng như Vandenbrook thực sự không cần phải làm kẻ phản quốc. Osborne-Way là mục tiêu tiếp theo.

Tại khách sạn, anh thấy mình có một bưu thiếp gửi từ St Austell, Cornwal. Bưu thiếp có dòng chữ: "*Đến vào tối thứ Sáu. Đã thuê một phòng tại Cung điện Trắng, Pimlico. Vanora*".

Tremlett đã tìm cho anh cuốn sổ cái *Những yêu cầu di chuyển trên đất liền*, cậu ta vẫn đứng nguyên đợi thêm chỉ dẫn, trong khi Lysander lật từng trang.

"Đại tá Osborne-Way vẫn chưa lập hồ sơ các yêu cầu chi phí à?"

"Chưa, thưa ngài. Ông ấy đã có chỉ đạo cho Văn phòng Chiến tranh. Hiện ông ấy đang làm việc với Bộ Tổng Tham mưu - như kiểu được biệt phái đến đây".

“Lạ nhỉ. Chúng ta gặp họ được không?”

Tremlett cười toe toét.

“Chúng ta có thể thử nhưng sẽ mất thời gian đấy. Có lẽ ngài cần phải đích thân đến đó với lá thư kì diệu của ngài”.

“Cảm ơn nhiều, Tremlett. Lúc này tôi chỉ cần thế thôi”.

Anh nhìn qua những yêu cầu của Keogh và để ý những ngày anh ta đến Dover nhiều tháng trước; rồi quay lại Vandenbrook và đối chiếu những chuyến đi tương ứng của anh ta - có vài ngày khớp nhưng vài ngày thì không. Tuy nhiên, anh thấy Vandenbrook rất hiếm khi ở lại Folkestone - bình thường anh ta đều ở các khách sạn như Deal, Hastings, Sandwich, Hythe và có một lần ở Rye. Lysander nghĩ, có thể vì sốt sắng muốn chơi mấy ván golf nên cậu ta chỉ xem lướt lướt qua những nơi có việc phải làm. Hoặc cậu ta muốn thoát li khỏi Ban Hậu cần - một người nhạy cảm.

Có tiếng gõ cửa. Lysander đặt chai sâm banh xuống xô đá, Cố gắng bình tĩnh, và ra mở cửa. Hettie đứng đó, mỉm cười như thể đây là cuộc gặp bình thường nhất, tự nhiên nhất trên thế giới này.

“Anh chọn một khách sạn bé tí đến nực cười làm sao”, cô nói, bước vào phòng. “Chỉ bằng cái mắt muỗi của phòng em”, Lysander đóng cửa lại, cảm thấy ngực nóng rực - cảm thấy yếu ớt, tự nhiên thấy nghẹt thở đến không thể nói lên lời. Anh cảm nhận sự yếu đuối tràn qua người anh, như thể hai đầu gối anh đang oằn xuống và sẽ ngã gục xuống sàn.

“Anh không định hôn em à?” Hettie nói, bỏ mũ ra và ném lên ghế. “Bây giờ thì cởi đồ ra đi - rồi chúng ta có thể uống sâm banh”.

“Hettie, vì Chúa...”.

“Thôi mà, Lysander. Nhanh lên”.

Họ hôn nhau. Anh cảm thấy môi anh trên môi cô, rồi lưỡi cô trong miệng anh. Họ cởi đồ và Lysander mở sâm banh, rót ra ly. Anh nhận thấy Hettie vẫn đi đôi tất dệt kim, đôi giày cao gót và đeo trang sức. Những hạt cườm đen huyền trên cổ, một chùm mấy chiếc vòng tay bằng ngà.

"Tại sao chúng ta lại làm thế này?" anh hỏi, yếu ớt. "Theo cách này".

"Bởi vì em hiểu anh, Lysander. Nhớ không?" cô hỏi, gần như là quở trách. "Vì em hiểu anh thích gì". Cô sải chân quanh phòng, không hề e thẹn hay ngượng ngùng. Cô kiểm tra xem những tấm rèm cửa đã kéo xuống hết chưa. "Thật phấn khích, đúng không? Trần truồng trong một khách sạn tại Pimlico và uống sâm banh...". Cô liếc nhìn anh. "Phòng của em - em chắc chắn anh cũng đồng ý".

Cô đến bên anh, anh chạm vào cô và kéo cô lại gần. Một lần nữa, thật lạ lùng, anh cảm thấy muốn khóc nức nở - như một kiểu định mệnh nào đó đã được đáp ứng, ngay tại đây trong căn phòng khiêm tốn này; rằng anh đang ở đây, với Hettie trong vòng tay, một lần nữa, Anh hiểu - đây là vấn đề với cô ấy, hoặc giả là vấn đề giữa anh và Hettie - như thể chẳng còn người đàn bà nào khác. Anh chưa bao giờ cảm thấy sự ham muốn mạnh mẽ đến thế này, với bất kì ai khác.

Cô hôn lên ngực anh và anh vòng tay quanh người cô. Cô tựa cả cơ thể bé bỏng của mình vào anh.

Cô ngước mặt lên và thì thầm: "Em nhớ anh". Thế rồi cô cầm lấy tay anh, dẫn anh ngoan ngoãn theo cô đến giường.

49

Khách sạn Dene, Hythe

BAN HẬU CẦN đã thành lập và duy trì các ban chi nhánh tại Dover và Folkestone từ cuối năm 1914. Mục đích nhằm dễ dàng giám sát việc bốc dỡ và vận chuyển hàng triệu tấn quân trang quân dụng sang Pháp mỗi tuần hơn. Các nhân viên được bố trí chủ yếu là những cựu cán bộ cảng và nhân viên văn phòng. Nhưng cứ vài ngày Keogh và Vandenbrook lại theo lệ, đến giám sát công tác văn phòng và chủ yếu là giải quyết các rắc rối.

Nhìn qua các biên bản ghi nhớ của bộ phận vào thứ Hai, Lysander thấy hai tàu chở hàng đã va chạm nhau ở eo biển Manche, một trong hai chiếc bị chìm và "(xấp xỉ) 600 nhân viên chết đuối". Osborne-Way đã thêm một dòng ghi chú bên lề, nét chữ học sinh bé tí, khó đọc, "*Người nhận*, Capt VdenB". Lysander ra lệnh cho Tremlett tìm Vandenbrook. Cậu ta quay lại báo Vandenbrook sáng nay không đến nhà phụ mà đi thẳng sang Folkestone để "giải quyết mấy rắc rối cấp bách".

Lysander bảo Tremlett mua vé tàu cho mình và khởi hành đến bờ biển từ ga Victoria trước buổi trưa. Tại Folkestone, anh đã thuyết phục khiến tài xế taxi miễn cưỡng ở lại chờ anh đến nửa đêm với 5 bảng tiền mặt. Lysander nghĩ đến những người lính trong các đường hào kiếm được mười tám xu một ngày chỉ để làm một việc duy nhất ngày này qua ngày khác. Nhưng di chuyển có lẽ là cần thiết - anh có cảm giác Vandenbrook sẽ không nghỉ qua đêm tại Folkestone.

Chiếc taxi đỗ ở đầu phố cách không xa các văn phòng ban trên phố Marine Parade, anh xuống xe đứng đợi. Nhưng Vandenbrook mãi đến bảy giờ tối hôm ấy mới ló mặt ra. Một chiếc xe trờ đến và cậu ta lên xe. Hai xe chạy thẳng ra khỏi thành phố, tiến về phía tây dọc theo bờ biển đến Hythe. Vandenbrook dừng ở cửa khách sạn Dene - một tòa nhà hai tầng, xây bằng gạch ốp gọn gàng với một nhà để xe phía sau. Phần mở rộng hiện đại ngay ngoài con đường lớn trên các sườn dốc thấp hơn dẫn lên nhà thờ chính của vùng Hythe, nhà thờ St Leonards. Chiếc xe đi tiếp, quay về Folkestone. Năm phút sau, Lysander theo cậu ta vào trong.

Sảnh tiếp tân là một khu nhà thấp, được chiếu sáng rực rỡ với những cánh cửa dẫn ra quầy rượu hạng sang và phòng ăn tối. Một cầu thang bằng gỗ sồi uốn cong dẫn lên các phòng ngủ trên tầng một. Anh chắc chắn ở đây còn thoải mái hơn nhiều so với khách sạn Thương mại ở Folkestone, và đây là nơi nhân viên của ban thường xuyên ở lại như Tremlett đã nói. Lysander thấy những bông hoa tươi trong chậu trên bàn lễ tân, Anh đọc thực đơn được dán bên ngoài phòng ăn tối, thấy có thể chọn vài món Anh đơn giản nhưng truyền thống - một món thịt nướng, một súc thịt cừu, bầu dục nướng tẩm tiêu ớt và cá thờn bơn. Bỗng anh thấy đói khủng khiếp - dễ hiểu tại sao Vandenbrook lại thích tự tìm nơi ăn ở riêng.

Anh vào quầy rượu chọn chỗ ngồi có tầm nhìn bao quát sảnh tiếp tân qua cánh cửa lắp kính. Gọi một chai whisky soda, anh nghĩ mình sẽ đợi Vandenbrook đi xuống nhà ăn tối và làm cậu ta ngạc nhiên. Cả hai rồi sẽ phá lên cười, và ít nhất anh sẽ ăn được một bữa tươm tất trước khi bắt chuyến tàu cuối về London.

Nhấp ngụm rượu whisky và hút thuốc, tâm trí anh đương nhiên lại nghĩ về Hettie và cái đêm nồng nàn của hai người. Cô nói mình chỉ có thể ở đến sáng hôm sau, vì cô phải gặp Lasry tại Brighton để bắt đầu tìm kiếm một nơi sinh sống khác. Cornwall đang trở nên chán ngắt và heo hút, Bonham Johnson đang thúc giục hai vợ chồng về gần London hơn. Cô hứa với Lysander sẽ về London trong vài ngày, ngay sau khi bịa ra lí do. Lysander nghĩ anh có thể thuê một căn hộ nhỏ trong một khu nhà ở trung tâm. Ở đấy họ có thể an toàn hưởng thụ thời gian bên nhau - dù sao anh cũng đang thấy chán khách sạn rồi. Chúa mới biết anh còn mắc kẹt ở Ban Hậu cần này bao lâu nữa để tìm kiếm Andromeda. Anh dự đoán trước cuộc điều tra Osborne-Way sẽ chẳng vui vẻ gì. Anh sẽ phải cực kì thận trọng, đón nhận những đau đớn thực tế sẽ không...

Mẹ anh bước vào trong khách sạn.

Bản năng đầu tiên của anh là lao ra ngoài sảnh và làm mẹ ngạc nhiên. Nhưng điều gì đó khiến anh co người lại trên ghế. Bà đang mặc áo choàng lông thú, đội một trong những chiếc mũ mới, nhỏ nhắn và thời trang. Bà nói chuyện với lễ tân, một tay phục vụ được gọi đến mang hành lí giúp bà. Hành lí ư? Bà định ở lại qua đêm sao? Chủ khách sạn từ phòng ăn đi ra bắt tay bà. Chắc hẳn bà là khách quen ở đây... Ông chủ dẫn bà đi ngang qua phòng ăn và khuất tầm nhìn của anh.

Lysander thích xem cuộc gặp gỡ này như một trong những điều tình cờ trong cuộc sống của anh. Những sự tình cờ lạ thường nhất - anh biết nó lúc nào cũng xảy ra khiến ngay cả một diễn viên hề hài hước, trơ trẽn nhất cũng phải đỏ mặt. Tuy nhiên, những sự tương đồng lạ lùng trong cuộc sống không áp dụng được ở đây - mỗi khớp xương đau nhức trong cơ thể nhắc nhở anh việc các quỹ đạo luôn tương ứng Vandenbrook, Rief và

Anna hay phu nhân Faulkner, cùng tụ về một điểm không phải là tình cờ. Rồi anh thấy Vandenbrook đi xuống gác, điếu thuốc trên tay và rẽ vào phòng ăn, Anh biết ngay cậu ta sẽ đến bàn mẹ anh ngồi, rằng cuộc gặp này đã được thu xếp. Nhưng anh vẫn quyết đợi trong năm phút trước khi "mắt thấy tai nghe". Anh bước ra khỏi quầy rượu, giả vờ xem xét bản đồ Hythe đang treo rất thuận mắt trên một bên cửa phòng ăn. Cửa mở hé và anh có thể nhìn nghiêng vào bên trong. Có một lò sưởi và mười hai chiếc bàn, phân nửa đã có người ngồi. Ngồi trong góc phòng là mẹ anh, người hầu rượu đang rót rượu vào ly cho bà. Ngồi bên kia bàn là Christian Vandenbrook. Họ cạn ly - có vẻ họ đã quen nhau từ trước và hoàn toàn thoải mái - rõ ràng đây không phải là cuộc gặp đầu tiên giữa hai người. Khi họ nói chuyện và xem thực đơn, Lysander thấy cả hai đang sử dụng các chiêu nghi binh nhàm chán và cũ mèm, Cố tỏ ra đây là buổi gặp gỡ của một đôi tình nhân ở chốn công cộng, hi vọng chẳng ai phát hiện ra mối quan hệ thật sự giữa họ.

50

Chiếc xe Daimler của ngài Đại tá

“TÔI CẦN MỘT XE Ô TÔ, Tremlett”. Lysander nói. “Tôi phải đi một chuyến ngắn về phía đông nam. Ban Hậu cần có xe không?”

“Có chiếc xe của Đại tá Osborne-Way, thưa ngài. Một chiếc Daimler*. Nó nằm trong gara suốt mấy tuần rồi”.

“Tốt lắm”.

“Nhưng tôi nghĩ chúng ta sẽ cần lá thư nhiệm màu của ngài lần nữa đấy”.

Thì ra đó là chiếc xe Daimler bảy chỗ, to, mới, màu đen hạt dẻ, đời 1914. Chiếc xe này từng được giám đốc một công ty hóa chất tại Leipzig đặt hàng và thanh toán trực tiếp tại xưởng sản xuất xe Daimler Coventry. Loại xe này đã bị chính quyền trưng dụng khi chiến tranh bùng phát trước khi kịp vận chuyển sang Đức. Nhưng làm thế nào nó trở thành xe riêng của Osborne-Way vẫn còn là một điều bí ẩn. Tuy nhiên, chiếc xe thật lí tưởng theo mục đích của Lysander, Tremlett rất hăng hái, tình nguyện làm phụ lái cho anh. Mang theo các bản sao những nhiệm vụ hiện tại, hai người lên đường vào ngày hôm sau - Lysander thoải mái tựa đầu lên lưng ghế bọc da dê màu vàng mù tạt - để đi vòng qua tất cả các khách sạn trên đường Kent và bờ biển Sussex mà Christian Vandenbrook thường xuyên lưu lại.

Một đêm ở Ramsgate chẳng thu được gì, nhưng ở Sandwich, Deal và Hythe đã rút ra được một điểm chung. Tất cả đều là những khách sạn nhỏ,

tương đối đắt tiền, được giới thiệu rất hoành tráng trong các sách hướng dẫn du lịch. Các nhân viên đăng kí khách sạn cho biết, mỗi khi Đại úy Vandenbrook thuê phòng, thì bà Faulkner cũng làm y như thế. Tuy nhiên, bà lại không ở qua đêm tại Rye, cả ở Hastings cũng không - Lysander nghĩ có lẽ vì mấy nơi này hơi gần nhà. Nhìn chung, suốt quãng thời gian từ tháng Chín năm 1914 đến lần gặp nhau tháng Mười này, họ đã qua đêm tại khách sạn đó chín lần. Anh hẳn sẽ không ngạc nhiên nếu phát hiện những bằng chứng tương tự thế tại London - họ cũng sẽ phải gặp nhau tại đó, bà ra thành phố hai hoặc ba lần mỗi tháng - nhưng Vandenbrook hầu như không thể ghi lại yêu cầu qua đêm tại một khách sạn ở London trong sổ sách của bạn.

Lysander ước tính chuyện tình này đã kéo dài hơn một năm, vậy thì hẳn lúc đó dượng Crickmay Faulkner còn đang sống sờ sờ. Ý nghĩ về việc mẹ anh với Vandenbrook - trần trụi, anh thấy khó chịu và bối rối - khiến anh ngay lập tức nghĩ về mẹ anh theo kiểu khác, như thể bà bỗng tách biệt hẳn với người phụ nữ anh từng biết và yêu thương. Nhưng anh tự nhủ dĩ nhiên là không hề già đi, và có thể đảm nhận những vai trò khác trong cuộc đời này, ngoài vai trò là "mẹ" anh. Mẹ anh là người phụ nữ trưởng thành quyến rũ đến mê hồn, có văn hóa, sôi nổi, hoạt bát và tự tin. Bản thân Vandenbrook - sành điệu, hấp dẫn, điển trai, hài hước, giàu có - chính xác là kiểu người hấp dẫn mẹ anh. Anh có thể nhận thấy điều đó, hiểu được điều đó, tất cả đều quá rõ ràng. Anh cố gắng không buộc tội bà vì điều này.

Khách sạn Pelham tại Hastings, khách sạn cuối cùng trên hành trình của họ, nhân viên ở đây làm việc hiệu quả và rất biết quan tâm. Vandenbrook đã ở đây bốn lần và anh nghĩ chắc chắn anh ta phải đi bằng

xe tải hạng nặng. Người lễ tân trẻ hỏi han có vẻ rất lo lắng. “Tôi hi vọng mọi thứ đều ổn thỏa với Đại úy Vandenbrook. Chúng tôi sẽ rất buồn nếu có điều gì làm ngài ấy phật ý”.

“Không có gì đâu. Kiểm tra thông thường thôi”.

“Có gì sai sót không, thưa ngài?”

“À”, Lysander ứng biến, “đang mất “một thứ” - chúng tôi chỉ đang dò theo các hoạt động của ngài Đại úy vài tuần, vài tháng trước”.

“Ngài là đồng nghiệp của ông ấy à?” cô nàng lễ tân hỏi. Cô ta còn trẻ, khoảng mười tám, mười chín. Lysander nghĩ, để tóc buông xõa trước trán làm cô ta trông hơi giản dị, mặc dù hoàn toàn không phải. Anh nghi ngờ cô ta chắc không ít lần bị đánh gục trước vẻ quyến rũ của Vandenbrook.

“Đúng vậy. Chúng tôi làm việc cùng nhau tại London”.

“Xin hãy nói với ngài ấy rằng các phong thư của ngài ấy đều được thu thập theo quy định. Không bao giờ chậm quá hai ngày”.

“Tôi sẽ nói, cảm ơn cô”.

Anh tạm biệt cô, hứa chuyển đến cho ngài Đại úy những lời chúc tốt đẹp nhất của toàn bộ nhân viên khách sạn Pelham ở Hastings, rồi cố gắng quay ra ngoài phố. Tremlett đang đứng hút thuốc cạnh chiếc Daimler, mũ tụt xuống sau đầu. Với chiếc băng mắt, trông cậu ta luộm thuộm một cách khác thường. Khi Lysander đến gần, cậu ta ném thuốc đi và đội lại mũ lên đầu.

“Quay về London chứ, thưa ngài?”

“Quay về Hythe”.

“Tôi nghĩ rằng chúng ta xong việc trong ngày hôm nay rồi chứ?”

“Công việc của quỷ chẳng bao giờ hết đâu, Tremlett. Phóng nhanh hết sức có thể đi”.

Chiếc xe quay lên bờ biển đến Hythe và trở về khách sạn Dene. Lysander bước vào quầy tiếp tân, có cảm giác hiếu kì trước sự trùng lặp của cuộc sống. Đây là lần thứ ba anh đến khách sạn Dene trong vòng bốn mươi tám tiếng.

“Chào buổi tối, thưa ngài. Mừng ngày trở lại”.

“Tôi chỉ đang băn khoăn... Đại úy Vandenbrook có để quên cái gì trong phòng của ngài ấy không?”

“Ý ngài là lá thư. Lẽ ra sáng nay tôi phải báo ngay. Thường thì có người phục vụ từ nhà ga đến lấy thư”.

Lễ tân đưa tay xuống dưới quầy và rút ra một phong bì lớn làm bằng sợi chuối. Mặt trước viết dòng chữ: “Đại úy C.Vandenbrook - sẽ đến lấy”.

Lysander cảm ơn anh ta và đi về phía quầy rượu hạng sang. Có một ông già - khá lặng lẽ - đang ngồi hút tẩu đọc báo trong góc phòng. Lysander cảm thấy cơn buốt lạnh từ gáy lan xuống hai vai và lưng như đang đứng trong một phòng bảo ôn. Bí ẩn làm sao khi vết thương trên hông anh tự dưng bắt đầu đau nhức, như phải bỏng. Anh biết trong phong bì này có cái gì. Anh xé bì thư và bắt đầu đọc.

145.000 quả đạn súng cối trái phá sáu inch đến Béthune. 65 toa chở hàng chịu tải ở Le Mans. Sửa chữa các đường dây điện thoại ở Hazebrouk, Lille; Orchies và Valenciennes. Con đường mốc tiêu chuẩn mới Gezaincourt-Albert. Các kho quân nhu bảo quản kĩ thuật đường tàu nhánh vận chuyển súng Dernancourt. 12 tàu cứu thương thường trực của Quân đoàn Hai và Quân đoàn Ba”.

Anh lật sang trang sau. Cũng là những nội dung như thế. Anh cẩn thận để lại ba tờ giấy vào phong bì, gấp lại theo chiều dọc và bỏ vào túi áo khoác. Anh gọi một ly brandy to và cố gắng thả lỏng tâm trí. Anh chỉ tập trung vào một sự thật duy nhất, thế là đủ - trong lúc này tính toán thêm nữa cũng chỉ tốn thời gian. Anh đã tìm thấy Andromeda rồi.

51

Những cuộc điều tra Tự thuật

TRONG MỘT LÚC, TÔI ĐÃ QUYẾT ĐỊNH không nói cho ai biết và chẳng làm gì cả. Giải quyết bằng bạo lực hay bất kì biện pháp gì ở đây đều không ổn ít nhất là khi có mẹ tôi ở đây. Tôi đã mở phong bì, mong được thấy những cột số như thường lệ trong sáu lá thư Glockner trước kia, nhưng lại thấy đoạn văn xuôi viết khá sát sự thật - toàn bộ tin tức tình báo thô mà Vandenbrook có thể cung cấp vị trí của mình trong Ban Hậu cần. Đây không phải lần đầu tiên trong toàn bộ câu chuyện này khiến tôi thấy mình như trôi nổi vô định - nhìn thấy các chi tiết nhưng không thể kết nối - tôi cảm thấy có một người hay một nhóm người bí ẩn đang giật những sợi dây vô hinh, và tôi bị cuốn vào những đầu dây. Tôi cần thời gian để tiếp nhận thông tin mới mẻ này, cần thời gian suy nghĩ thận trọng, và tôi nhận ra mình phải rất thận trọng với những bước đi và quyết định sau này. Có lẽ đã đến lúc tôi tự mình giành quyền tấn công trước. Cần phải khẳng định những chi tiết nhất định trước khi quay về gặp Munro và Massinger với những khám phá đầy sửng sốt này. Bước hành động đầu tiên chính là đương đầu với Vandenbrook và xem cậu ta sẽ chống chế như thế nào về nội dung trong phong bì này. Tiếp theo sẽ là cuộc nói chuyện thực sự cần thiết với mẹ tôi.

John Bensimon đã già đi với chòm râu hoàn toàn bạc trắng so với lần cuối cùng tôi gặp ông. Tuy vậy tôi còn cảm thấy có điều gì đó sa sút ở ông. Cho dù nghĩ kĩ ra, vấn đề có lẽ nằm ở nước Anh, nơi chúng tôi gặp lại

nhau. Hành nghề tại Vienna khiến ông gây được ấn tượng mạnh và nâng cao được vị thế cho mình rất nhiều, với căn phòng khám thông minh chỉ cách Tiến sĩ Freud vài khối nhà, không như ở Highgate này, với căn phòng ngủ sửa thành phòng khám sau một ngôi nhà liền kề.

Tôi có cảm giác Bensimon như thật sự vui mừng được gặp tôi - có lẽ tôi đến mang theo những đám mây một thời vinh quang xưa . ông nồng nhiệt bắt tay tôi dù tôi gõ cửa nhà ông mà không hẹn trước vào một buổi chiều muộn, Ông giới thiệu tôi với vợ - Rachel - một người phụ nữ từ tốn, nhút nhát - và hai cô con gái sinh đôi của ông Agatha và Elizabeth. Sau đó ông dẫn tôi lên phòng làm việc. Các ô cửa sổ nhìn ra mặt sau đen xì của những ngôi nhà liền kề, những khu vườn thưa kéo dài thành một vết bẩn thỉu. Các nhà kho đủ kích cỡ, cũ nát thường được xây ở các vị trí xập xệ của những khu đất thành thị này. Đặc điểm thường thấy là mái lợp giấy dầu cháy rộp, những ô cửa sổ và lớp ván lá sách tẩm đầy creozot* chống thấm vỡ nát, những sợi dây phơi và các thùng chứa nước mưa đầy ắp.

Ông vẫn giữ chiếc bàn cũ, chiếc đi văng quay lưng lại bàn và một chiếc ghế bành. Tôi rất mừng khi thấy lại bức phù điêu châu Phi từ Wasagasse.

“Không hoàn toàn giống như xưa”, ông nói, như thể đọc được suy nghĩ của tôi. “Nhưng chúng ta có thể xoay xở tốt nhất với những gì mình có”.

“Ông làm ăn thế nào?” tôi hỏi.

“Phải nói là chậm lắm”, ông thú nhận, cười buồn bã. “Dân Anh vẫn chưa nhận ra họ cần chúng tôi đến thế nào. Chẳng hề giống như ở Vienna”. Ông mời tôi ngồi trên đi văng hoặc ghế bành. “Chỉ là viếng thăm thông thường hay tôi có thể giúp gì về mặt chuyên môn không?”

Tôi bảo ông rằng tôi muốn phục hồi lại mối quan hệ cũ giữa chúng tôi - có thể là mỗi tuần một cuộc nói chuyện. Tôi nói và ngồi xuống ghế bành,

tập trung nhìn những con thú, những con quỷ tuyệt đẹp vốn đã quen thuộc. Trong khoảnh khắc ấy, tôi đắm mình vào ảo tưởng rằng bây giờ vẫn là năm 1913 và chẳng có gì xảy đến với tôi kể từ đó. Trong một cảm nhận rất thực, một ý nghĩ náo động chợt đến, tôi đã thay đổi quá nhiều, đến mức không thể thay đổi được nữa - đã thành một người khác.

"Vẫn bệnh cũ à?" ông hỏi. "Tôi còn giữ nguyên tất cả hồ sơ của anh".

"Không, chuyện ấy xong xuôi rồi". Tôi đáp. "Vấn đề mới mẻ là đêm tôi ngủ không được. Hoặc là tôi không muốn ngủ về đêm, có vẻ lúc nào cũng mơ một giấc mơ".

Tôi kể cho ông giấc mơ của mình - trải nghiệm lộn xộn hiện đi hiện lại cái đêm tôi ở trên vùng đất không người, lên đến đỉnh điểm với hình ảnh ném bom vào đường hào, hai khuôn mặt ngước lên nhìn tôi trong ánh đèn pin - người đàn ông có râu và thằng bé tóc vàng hoe.

"Chuyện gì xảy ra tiếp theo?" ông hỏi.

"Tôi tỉnh dậy. Thường thì mặt đầy nước mắt, dù tôi nhớ là mình không khóc trong giấc mơ, Tôi đang dùng clo hydrat - thứ duy nhất khiến tôi ngủ ngon về đêm".

"Anh dùng thuốc được bao lâu rồi?"

"Vài tháng - kể từ hồi ở Thụy Sĩ", tôi nói mà không suy nghĩ.

"À, anh đã đến Thụy Sĩ rồi à. Thú vị làm sao. Anh ở đấy lâu không?"

"Có mấy ngày thôi".

"Được rồi", một sự im lặng kín đáo. "Tốt hơn anh nên bỏ dùng clo đi - những hậu quả lâu dài của nó có thể nghiêm trọng đấy".

"Ý ông là sao?"

“Anh có thể trở nên quá lệ thuộc vào nó. Những ảnh hưởng của nó có thể khó chịu. Anh có thể - nói thế nào nhỉ? - anh sẽ sống xa rời thực tế”.

“Dù thực tế có là gì... Đôi khi tôi chẳng muốn gì hơn là xa rời thực tế để ngủ thật ngon về đêm”.

“Ai cũng nói thế cả. Và rồi...”.

“Vậy có lẽ chúng ta nên thử thôi miên lần nữa”.

“Thực ra tôi nghĩ đây là một cơ hội hoàn hảo cho trạng thái Song song. Nhưng trước tiên anh phải thôi dùng clo đi đã”.

Ông kê cho tôi một đơn “thuốc ngủ” khác và bảo ở Anh ông sẽ lấy hai ghinê một giờ khám. Chúng tôi hẹn gặp nhau vào tuần sau. Giá rẻ đi và tôi thấy nhẹ nhõm khi đã đến gặp ông. Tôi tin rằng bác sĩ Bensimon có thể chữa cho tôi mọi loại bệnh. Gần như mọi thứ.

Còn chuyện này, trước khi về tôi kể mình đã gặp lại Hettie Bull, mặt ông tối sầm lại.

“Đó không phải việc của tôi. Mà tôi cũng chẳng liên quan gì đến cô ta nữa, anh Rief”, ông đáp. “Cô ta rất, rất nguy hiểm”.

Tối nay, lúc tôi đang rời khỏi nhà phụ thì nghe một tiếng hét: “Rief! Tôi đây nè! Qua đây!”. Tôi nhìn quanh và thấy một người đàn ông đang đứng bên kia con đường đắp, tựa người vào vách sông. Tôi băng qua đường và thấy đó là Jack Fyfe-Miller - nhưng ăn vận như một tay bốc vác, đội mũ dẹt với chiếc khăn quàng trên cổ, quần vải dài giả da và đôi ủng nặng nề. Chúng tôi bắt tay nhau và tôi nhìn anh bao quát một lượt, dưới con mắt chuyên nghiệp.

“Khá thuyết phục”, tôi nói. “Nhưng anh cần thêm ít đất vào mấy móng tay - xoa nó vào lớp da của anh ấy. Anh có hai bàn tay của một cha phó”.

“Đúng là chuyên gia có khác”.

“Nhuộm đen ủng nữa”, tôi khuyên. “Cả hai luôn”.

“Anh đã đi đâu thế?” anh ta hỏi, nhìn tôi chằm chằm với ánh mắt căng thẳng quen thuộc.

“Tôi đang quay về khách sạn”.

“À, cuộc sống trong khách sạn. Thật may mắn đối với vài người”.

“Chẳng có gì đặc biệt đâu. Một khách sạn nhỏ tại Pimlico - rất trung bình”.

“Kiếm được em nào chưa, Rief?”

“Cái gì? Thật ra là không. Tôi đã đính hôn rồi, một lần cho một đời...”.

“Khi tôi tìm thấy một cô nàng thì tôi sẽ kết hôn - nhưng cô ấy phải thật sự hợp với tôi. Khó tìm đấy”.

Tôi đồng ý như vậy nhưng không nói gì khi chúng tôi im lặng đi bên nhau một lúc. Fyfe-Miller tất nhiên đang nghĩ về cô gái thích hợp với anh ta. Thi thoảng anh ta đá vào những chiếc lá vàng trên mặt đường bằng những chiếc đinh đầu to dưới đáy ủng như một đứa trẻ hay hờn dỗi, kéo lê những viên đá làm bắn tung những tia lửa. Chúng tôi bước đi dưới cây cầu đường sắt đến Charing Cross. Trên đầu tôi là những mái lâu đài trang nghiêm của khách sạn Whitehall. Tôi tự hỏi có phải anh ta từ đó đến đây. Và có lẽ hình ảnh tòa nhà và những hồi ức về cuộc gặp gỡ trước kia của chúng tôi đã khuấy động anh ta. Trông anh ta lại có sức sống, liền chặn tôi lại:

“Có dấu hiệu gì của Andromeda không? Có tin tức gì không?” anh ta đột ngột hỏi.

“À không. Nhưng tôi nghĩ mình đang đến gần rồi”.

“Đến gần rồi hả?” anh ta mỉm cười. “Khó lần theo dấu Andromeda thật”.

Không dưới một lần tôi tự hỏi Fyfe-Miller có hoàn toàn ngớ ngẩn không.

“Đó là câu hỏi thu hẹp phạm vi tìm kiếm”, tôi nói, tranh thủ thời gian. “Tôi đang phân tích chính xác là ai có quyền tiếp cận những thông tin đặc biệt đó”.

“Đừng để lâu quá, Rief, nếu không Andromeda quý báu của anh sẽ bay mất tiêu giờ”. Nói đến đây, anh ta bỏ mũ xuống, bắt chước kiểu chào màu mè trêu tôi. Rồi quay lại con đường chúng tôi đã đi, hét vọng lại: “Nhuộm đen ủng và làm bẩn móng tay, tôi sẽ ghi nhớ điều đó”.

Tôi quay về Cung điện Trắng và suy nghĩ về những gì anh ta nói. Thực sự đây là vấn đề xa xôi - tôi không thể hưởng thụ thời gian ngọt ngào của mình - Vandenbrook có thể nảy sinh nghi ngờ. Phải chăng đây là lời cảnh báo dành cho tôi? Có phải Munro và Massinger phái anh ta đến gây sức ép với tôi?... Tôi mua tờ Tin tức Buổi tối đọc tin Blanche Blondel đã khánh thành nhà hát Lyceum. Đêm qua cô trình diễn vở *Lương tâm của Nhà vua* và được khen ngợi nhiệt liệt. Blanche - có lẽ tôi nên để lại tin nhắn ở cửa nhà hát... Fyfe-Miller đã nhắc khéo tôi về cô ấy. Và tôi nghĩ đây có lẽ là một dịp tốt để gặp lại cô,

52

Chuỗi Kết quả Không ngờ

LYSANDER ĐÃ TIẾN HÀNH VÀI điều tra nhanh về cuộc sống và hoàn cảnh của Christian Vandenbrook. Vandenbrook được tìm thấy trong cuộc rút lui lớn từ Mons ở những tuần đầu dữ dội nhất của cuộc chiến. Tiếng đạn pháo binh khiến hắn bất tỉnh và hôn mê ba ngày. Kể từ đó về sau, hắn mắc chứng chảy máu tai định kỳ và mất đi cảm nhận giác quan về sự cân bằng sau vài tháng cuối cùng được chứng nhận là không thích hợp để nhập ngũ. Sau đó hắn vào làm việc tại Ban Tham mưu ở London. Lysander đang tự hỏi làm thế nào Vandenbrook lại có thể đi được một nước cờ thông minh như thế thì phát hiện ra bố vợ hắn là Chuẩn tướng Walter McIvor, Bá tước vùng Ballatar, anh hùng trong cuộc chiến trên sông Waitara trong chiến tranh với người Maori tại New Zealand. Vandenbrook kết hôn với cô con gái lớn của Bá tước, Tiểu thư Emmeline, và có hai con gái, Amabel và Cecilia. Một kẻ có quan hệ với rất nhiều người có thế lực, kết hôn với một gia đình danh gia vọng tộc. Điều đó giải thích làm thế nào hắn có được ngôi nhà lớn tại Knightsbridge và những bộ lễ phục vô cùng đắt tiền, có thể tiêu xài suốt đời, chỉ với đồng lương đại úy. Nhưng điều này có giải thích tại sao hắn chọn con đường phản quốc không? Hay tại sao hắn lại yêu Anna, bây giờ là Phu nhân Faulkner lớn tuổi và đáng kính? Rõ ràng càng đương đầu với Vandenbrook sớm bao nhiêu, anh sẽ càng trả lời được những câu hỏi này sớm bấy nhiêu.

Nhưng anh cảm thấy sự ngần ngại chiếm lấy minh, tự hỏi những hành động và cuộc điều tra về sau sẽ mang lại điều gì - anh không thể ngăn mình cảm thấy muốn trì hoãn lại việc này. Anh biết vào giây phút trưng bằng chứng trước mặt Vandenbook, mọi thứ sẽ thay đổi - không chỉ đối với hắn mà cả với chính anh. Có lẽ cả mẹ anh nữa. Nhưng anh tự nhủ, toàn bộ lịch sử là một chuỗi những hậu quả không ngờ tới, Anh chẳng thể làm gì khác.

Đến cuối ngày, Lysander thả bộ dọc theo các hành lang của ban đến văn phòng Vandenbrook, cảm thấy hơi căng thẳng và bực tức. Vandenbrook đang đọc cho thư ký viết, hắn chỉ ghế ngồi cho anh. Có một cây cảnh trồng trong cái chậu đồng đường nét tinh xảo ở góc phòng, một tấm thảm Ba Tư trên sàn, và trên tường treo một bức chân dung thế kỷ XIX của một kị binh có râu quai nón, bàn tay đặt lên chuôi thanh kiếm lưỡi cong to bản.

"... Ở đâu đó", Vandenbrook đang đọc, *"chúng tôi sẽ rất biết ơn nếu nhận được hồi âm nhanh chóng và chi tiết của ngài. Tôi rất vinh dự được trở thành người phục vụ trung thành và luôn nghe lệnh v.v... Xin cảm ơn rất nhiều, cô Whitgift*". Thư ký của hắn rời khỏi phòng.

"Dạy cho một con lừa ngu xuẩn", Vandenbrook nói với một cái nháy mắt. "Tôi có thể giúp gì cho anh không Rief?"

"Nói chuyện riêng tư và kín đáo được không?

"Kín đáo? Riêng tư: Đừng nói thế chứ, ôi không", hắn nói với nụ cười mỉm, lấy chiếc áo choàng treo sau cửa. "Tôi đang định về thẳng nhà - sao anh không về cùng nhỉ? Trên đường đi chúng ta có thể uống gì đó mà vẫn "kín đáo".

Họ bắt taxi quay về Knightsbridge, Vandenbrook giải thích vợ và con gái về quê rồi - "đến Inveswaven"- hắn nói như một chuyện bên lề, như thể Lysander cần phải biết hắn đang nói đến đâu, nói về cái gì. Lysander gật đầu và thận trọng đáp: "Thời điểm tuyệt vời trong năm". Anh đang căng thẳng đến ngạc nhiên nhưng vẫn cố tỏ ra bình thản. Một lần nữa nhờ tài diễn xuất, anh vẫn trông rất thoải mái và tự tin dù đang cảm thấy bấn loạn. Anh rút một điếu thuốc cho mình và đưa mời Vandenbrook rồi châm thuốc, búng nhẹ que diêm ra ngoài cửa sổ thành một đường cong bay bướm. Với giọng nói to và thận trọng, anh tiếp tục chuyện trò về London, về thời tiết, giao thông, vụ tấn công mới nhất của khinh khí cầu Zeppein, về chuyện tắt đèn đúng là một trò đùa vui nhộn -"Có ích gì khi sơn đen trên đầu tất cả các ngọn đèn đường nhỉ? Đó là một chùm ánh sáng người ta luôn nhìn thấy trên trời. Khôi hài. Tức cười". Tâm trạng Vandenbrook vui vẻ trở lại và hai người còn trêu đùa nhau khi đi về phía tây ngang qua London, Vandenbrook hỏi anh nên xem vở nào ở nhà hát Lysander đáp anh chỉ đơn giản là xem Blanche Blondel diễn trong *Lương tâm của Nhà vua.* Vandenbrook nói hắn sẽ trả thật nhiều tiền để xem Blanche Blondel đọc bản hướng dẫn huấn luyện bộ binh. Hai người vẫn tiếp tục nói chuyện và nhanh chóng đến Knightsbridge.

Người quản gia của Vandenbrook phục vụ họ rượu brandy soda ở phòng khách lớn trên tầng một. Lysander nghĩ đây là một phòng có hơi nhiều đồ. Một chiếc piano cỡ lớn bành trướng một góc phòng khiến không gian phòng quá chật chội cho các đồ đạc khác. Anh thấy có rất nhiều lọ đựng đầy hoa, như thể đang có ai ốm rất nặng trên gác, các bức tranh có khung mạ vàng nặng nề vẽ cảnh cao nguyên các mùa treo trên tường - có lẽ là khung cảnh quanh vùng Inversweven.

“Chắc bây giờ anh nên nói ra chuyện kín đáo ấy đi”, Vandenbrook nói, lần này không cười nữa, “Nỗi nghi ngờ đang đè nặng tim tôi đây này”.

“Dĩ nhiên”, Lysander đáp, đứng dậy, rút phong bì từ túi áo trong mở ra và trao cho Vandenbrook “Của cậu đây:“Đại úy C. Vandenbook - sẽ có người đến lấy”.

Bất ngờ anh thấy hắn rõ ràng bị sốc. Hai môi bặm lại, những đường gân trên cổ uốn cong, yết hầu chạy lên chạy xuống ở nút thắt cà vạt.

“Bên trong phong bì có mấy tờ giấy”, Lysander nói thêm.

Vandenbrook rút mấy tờ giấy ra nửa chừng, liếc nhìn rồi lại nhét vào. Đôi mắt bâng quơ nhìn mấy bức tranh phía trên lò sưởi - một con nai đực trên quả đồi hoang mọc đầy cây thạch nam, những đám sương mù đang cuộn xoáy.

“Anh lấy cái phong bì này ở đâu?” hắn hỏi, tự dưng nghe giọng hơi chói tai.

“Ở nơi cậu bỏ quên - khách sạn Dene ở Hythe”.

Vandenbrook gục đầu xuống và bắt đầu nức nở - một âm thanh ai oán nho nhỏ, như nỗi đau của một con thú. Rồi người hắn run lên và lắc qua lắc lại. Lysander thấy những giọt nước mắt rơi xuống làm nhem chiếc phong bì. Hắn từ từ đổ gục xuống, mặt chúi về phía trước. Lông mày dán chặt xuống mặt thảm, tạo nên âm thanh ken két, rên rỉ như thể một cơn đau nào đó bên trong ép luồng âm thanh giữa hai hàm răng nghiến chặt.

Chính Lysander cũng sốc. Anh chưa từng thấy người đàn ông nào suy sụp một cách hèn hạ và bất ngờ đến thế. Tựa như Vandenbrook bỗng không còn là người nữa, mà đang biến thành một dạng sinh vật bị lai giống, không còn lí lẽ, không còn tri giác.

Lysander đỡ hắn đứng dậy - bây giờ anh nhận thức được tình cảnh lố bịch giữa hai người. Hai sĩ quan người Anh mặc thường phục trong một phòng khách ở Knightsbridge, một là thợ săn gián điệp và một là tên gián điệp bị săn và bị bắt sống đang nức nở - tuy vậy mọi bản năng trong hắn vẫn nguyên vẹn và vẫn còn mang tính người. Vandenbrook là một con người đang trong *những giây cuối đời*, thở hồng hộc và hấp hối, không thể đứng vững.

Lysander đỡ hắn ngồi xuống. Thấy mấy chiếc bình pha lê cổ trong những cái két hở trên bàn cạnh cây đàn piano, anh rót cho hắn một ít rượu màu cẩm thạch. Vandenbrook uống một ngụm, ho sặc sụa, có vẻ đã bình tĩnh lại, hơi thở điều hòa hơn và thôi nức nở. Hắn lấy cổ tay áo lau nước mắt và đứng dậy, bước mấy bước đến lò sưởi rồi quay lại. Lysander sợ Vandenbrook sẽ tấn công mình trong khi anh không có vũ khí - nhưng dường như hắn đã trở nên biết điều, không còn là mối đe dọa nữa.

Hắn lại ngồi xuống, vuốt phẳng áo vest, mái tóc và hắng giọng.

“Bây giờ anh sẽ làm gì?” hắn hỏi, giọng vẫn run rẩy và khiếp sợ.

“Tôi phải bắt cậu thôi, rất xin lỗi”.

“Đó là lí do anh xuất hiện ở Ban Hậu cần, đúng không? Để tìm ra tôi”.

“Để tìm ra bất kì ai đang chuyển các thông tin này cho kẻ thù”.

Vandenbrook lại bắt đầu lặng lẽ nức nở.

“Tôi biết chuyện này sẽ xảy ra mà”, hắn nói. “Tôi biết rồi có ngày một người như anh sẽ đến”. Hắn nhìn thẳng vào mặt Lysander. “Tôi không phải là kẻ phản bội”.

“Chúng ta sẽ để các tòa án quyết định điều...”.

“Tôi đang bị tống tiền”.

Hắn đề nghị Lysander đi theo lên một nửa cầu thang đến một gác lửng nhỏ bên phải đầu cầu thang. Đây là phòng làm việc, Vandenbrook giải thích - Có vài giá sách, một chiếc bàn đôi nhỏ bằng gỗ sồi với rất nhiều ngăn kéo hẹp và một ngọn đèn đọc sách cho ánh sáng xanh. Trong góc phòng là một két to bằng chiếc tủ chè đựng đồ trang sức. Vandenbrook cúi người xuống két và xoay tổ hợp mã số. Hắn mở cửa, lôi ra một phong bì và trao cho Lysander. Địa chỉ nhận ghi đơn giản: "*Đại úy Vandenbrook, Knightsbridge*".

"Tôi luôn nhận được thư trong hộp thư", Vandenbrook giải thích, "vào lúc nửa đêm".

Lysander cầm phong bì lên, rút ra một tấm ảnh và hai trang giấy đánh máy, bẩn thỉu. Bức ảnh chụp một cô bé - mà anh đoán khoảng mười hay mười một tuổi, nhìn chằm chằm vô hồn vào máy ảnh. Mái tóc dày, bóng nhờn. Chiếc áo cánh bông cô bé mặc có vẻ quá rộng. Điều vô lí là trên cổ cô bé đeo một sợi dây chuyền ngọc trai rất đẹp.

"Tội gặp rắc rối", Vandenbrook lặng lẽ nói, "Một chuyện bê bối cá nhân, trụy lạc. Tôi đi chơi gái điếm".

"Cậu muốn nói con bé này là gái điếm à?"

"Phải. Cả mẹ nó cũng thế".

"Con bé mấy tuổi rồi ?"

"Tôi không rõ lắm. Khoảng chín, mười một...".

Lysander nhìn Vandenbrook đang đứng cạnh cái két to đùng, gù lưng, lắc lư và nhìn xuống sàn.

"Lạy Chúa tôi", Lysander thẳng thừng nói. "Con bé này còn nhỏ tuổi hơn cả con gái cậu đấy".

“Tôi chẳng tự hào gì về chuyện đó đâu”, Vandenbrook nói, một chút kiêu ngạo trước kia đã trở lại. “Đó là một sai lầm khủng khiếp. Tôi thừa nhận hoàn toàn”. Hắn mở một hộp thuốc lá trên bàn, lấy ra một điếu và châm lửa.

“Đã bao giờ anh đến Khu Đông trong thành phố vĩ đại của chúng ta chưa?” Vandenbrook hỏi. “Đi xuống đường Bow và Shoreditch, mấy nơi đại loại thế. Khi trong tay anh có một chút tiền để dành, anh có thể mua được bất kì cái gì mình thích. Những đứa bé trai, bé gái, những thằng lùn và cả những người khổng lồ, những kẻ bệnh hoạn, những con vật. Bất kì cái gì anh có thể hình dung ra được”.

“Kể tôi nghe về thư tống tiền đi”.

“Tôi thường đến gặp con bé này - với sự ưng thuận của mẹ nó, tất nhiên - khoảng một tháng một lần”, hắn nói. “Tôi rất thích con bé. Nó vô tư một cách khác thường trước những gì tôi bảo nó làm...”. Hắn dừng lại. “Mà ngoài tình cảm tôi dành cho con bé, tôi còn tặng nó sợi dây chuyền ngọc trai. Đó là sai lầm. Dây chuyền đựng trong một cái hộp mang tên người thợ kim hoàn, nên mụ ta đã truy ngược ra tôi. Mẹ con bé là một mụ già thật sự thâm hiểm, ác độc - mụ ta viết ra lời khai - bây giờ mụ ta đã biết tên tôi, biết tôi là ai”. Hắn ngồi xuống mép ghế, bất ngờ như kiệt sức. “Khoảng một năm trước, vào cuối năm 1914, tôi nhận được phong bì này với những chỉ dẫn chính xác. Tôi phải chuyển đi toàn bộ thông tin của Ban Hậu cần mà tôi tiếp cận được. Mọi thứ mà tôi biết - những biến động của quân trang quân dụng, đạn dược, việc xây dựng các đường nhánh xe lửa v,v... Nếu tôi không gửi các thông tin ấy, vậy bức ảnh này và lời khai của con bé sẽ được gửi thẳng đến Bộ trưởng Bộ Chiến tranh, sĩ quan chỉ

huy của tôi, vợ tôi và bố vợ tội". Hắn cười đau khổ, "Tôi cho rằng anh biết bố vợ tôi là ai".

"Phải, tôi biết".

"Vậy thì anh sẽ hiểu thêm một chút. Thế nên tôi viết hết ra những gì tôi biết. Và căn cứ theo chỉ dẫn tôi để phong bì ở khách sạn, sẽ có một người lạ đến lấy".

"Cùng khách sạn đó à?"

"Rất nhiều khách sạn trên bờ biển phía nam. Chắc hẳn anh đã đến thăm hết rồi".

Lysander nhìn vào khuôn mặt vô hồn của cô bé và đọc vài dòng lời khai, "Đại tá thường đến chơi và bảo mình ngồi lên đầu gối ống ấy... Ông ấy cởi quần áo mình ra, bảo mình dạng chân ra càng rộng càng tốt... Rồi ông ấy tắm cho mình bằng vải flanen, nước ấm và bảo mình...".

Vandenbrook quan sát anh, đôi mắt hắn chết lặng, hàng râu vàng cong lên bảnh bao như một cái cột trụ tồi, cảm giác như một người hoàn toàn khác.

"Cậu có cố gắng đi tìm hai mẹ con này không?"

"Dĩ nhiên là có. Tôi đã thuê một hãng thám tử tư, nhưng họ còn đang bận với những cuộc tìm kiếm ngon ăn khác. Rõ ràng chúng đã bán đứng tôi. Cho ai đó. Người này có thể đã lại bán đứng tôi nữa. Nhiều người đàn ông bị sập bẫy theo cách này. Anh sẽ không tin đâu. Toàn bộ vụ tống tiền này là một món làm ăn đấy, truyền từ người này sang người khác...".

"Bao nhiêu người?"

"Tất cả chúng ta đều có thể làm được điều đó", hắn đáp. "Chỉ cần có phương tiện và cơ hội".

“Một lời bào chữa dễ dàng và nhanh chóng của kẻ bệnh hoạn”, Lysander đáp, lạnh lùng. “Từ ngàn xưa”.

“Khi chuyện đó xảy ra, tôi đã không thể tha thứ cho mình, Rief. Tôi căm ghét bản thân mình. Tôi ghê tởm... những sở thích tình dục của tôi...” hắn nói với cảm xúc thực. “Đừng phán xét tôi bằng cái đạo đức mô phạm của anh nữa”.

“Cậu kể tiếp đi”.

“Bất cứ khi nào một bản sao bức ảnh này và lời khai làm chứng được gửi đến, cũng là lúc tôi hiểu mình phải cung cấp nhiều thông tin hơn nữa. Tôi cũng được dặn phải để thư ở khách sạn nào. Một lá thư khác lại đến hai tuần trước. Ở khách sạn Dene tại Hythe - bức thư mà anh đang giữ”.

“Làm sao cậu mã hóa được?”

“Anh đang nói gì thế?”

“Những lá thư trước của cậu, tất cả đều được mã hóa. Bức này thì không”.

“Mật mã gì cơ? Tôi chỉ viết ra những con số và chi tiết rồi để lại ở khách sạn thôi”, Lysander nhìn và cảm thấy hắn lại tỏ ra hốt hoảng lần nữa. Bằng cách nào đó mà anh biết ngay rằng Vandenbrook không nói dối. Nhưng anh lại tự nhủ: Tên này chẳng làm gì hết, ngoài dối trá, đó là lẽ sống của hắn. Tuy nhiên, anh tiếp tục suy nghĩ, giận dữ điều tra những ngã rẽ của tin tức này - nếu Vandenbrook không mã hóa dữ liệu, thì ai đã làm? Nếu Vandenbrook đang nói dối, vậy tại sao hắn không mã hóa bức thư cuối cùng? Thế thì chắc phải có một Andromeda khác hoặc giả Vandenbrook đang chơi trò chơi khác với anh. Anh bắt đầu cảm thấy bộ óc của mình như đám mây mù.

“Tôi nên làm gì đây, Rief?”

“Chẳng làm gì cả - cứ đi làm, sinh hoạt như bình thường”. Lysander đáp, suy nghĩ - như thế sẽ cho anh thêm ít thời gian. Bây giờ anh cần thêm thời gian, nhất định là thế, mọi chuyện đang ngày càng trở nên phức tạp.

“Chuyện gì sẽ xảy ra với tôi?” Vandenbrook hỏi.

“Lẽ ra cậu nên bị treo cổ vì tội phản quốc, nếu như có điều luật đó - nhưng có lẽ cậu có thể tự cứu mình”.

“Bất kì điều gì cũng được”, hắn trả lời kiên quyết. “Tôi là một nạn nhân, Rief. Tôi không muốn làm thế này nhưng... lỗi lầm của tôi rồi mọi người sẽ biết... tôi chỉ không thể đối mặt với điều đó, anh biết đấy. Sự ô nhục, mất hết danh dự. Anh phải giúp tôi. Anh phải tìm ra kẻ nào đang làm thế này với tôi”.

Lysander gấp tờ khai và bức ảnh lại, bỏ vào túi áo trong.

“Anh không thể mang chúng đi được”, Vandenbrook nói, có vẻ nổi giận.

“Đừng có ngu thế. Tôi có thể làm bất kì điều gì tôi muốn chừng nào cậu còn muốn được yên thân”.

“Xin lỗi. Xin lỗi. Vâng, tất nhiên anh có thể”.

“Cứ đi làm như bình thường. Cố gắng cư xử thật bình thường, như không có chuyện gì hết. Tôi sẽ liên hệ với cậu khi cần”.

53

Cảm giác Chẳng có gì Thay đổi

THẬT LẠ LÙNG khi lại được ngồi trong phòng khách gia đình, Lysander nghĩ. Anh đi lại quanh phòng, những đầu ngón tay lướt trên bề mặt chiếc bàn kê sát tường bóng loáng, cầm một bản nhạc và đặt lên bệ cửa sổ. Một lần nữa anh có cảm giác chẳng có gì thay đổi, anh đắm chìm trong đó, để cảm giác ấy lưu lại thật lâu. Anh vẫn là một chàng trai trẻ, vừa bước sang thế kỷ mới, và hai mẹ con chỉ vừa mới chuyển đến Claverleigh. Trong vài phút nữa, anh sẽ thấy mẹ bước vào phòng, trẻ trung hơn, xinh đẹp hơn, bất chấp thời gian và năm tháng. Nhưng anh biết thế giới này đang xoay nhanh đến thế nào, nhanh hơn bao giờ hết. Trong thế giới hiện đại, thời gian đang trôi vùn vụt như một con ngựa đua thuần chủng sải vó tiến về phía trước, chẳng quan tâm đến cuộc chiến này- cho dù chiến tranh chính là hậu quả của sự tăng tốc ấy - và kết quả là mọi thứ đang thay đổi. Không chỉ thế giới xung quanh anh thay đổi mà cả lương tâm con người cũng đổi thay. Những điều xưa cũ đang trôi đi thật nhanh, đang biến mất và một điều khác, mới mẻ, không tránh khỏi đang dần thay thế. Đó là khái niệm anh luôn khắc sâu trong tâm trí. Tuy nhiên, anh sẽ phải nói chuyện này với Bensimon - ám ảnh mới của anh đối với sự thay đổi và sự đấu tranh của mình - để xem anh có tìm được ý nghĩa nào từ sự bối rối này không.

Mẹ anh lướt qua ngưỡng cửa và hôn anh ba lần lên cả hai má theo phong cách lục địa châu Âu. Bà mặc chiếc áo dài kiểu rộng màu xanh hồ

trăn, Mái tóc của bà đã khác, cuộn lên cả hai bên, rủ xuống thành búi sau đầu, mềm mại và giản dị.

“Con thích mẹ để tóc thế này”, anh nói.

“Mẹ thích khi con để ý tóc tai của mẹ đấy, con trai yêu ạ”.

Bà bước đến tường và giật chuông

“Mang trà lên đây”, bà nói. “Trà đặc. Loại Anh.”.

Với phát hiện này, anh hiểu ngay tại sao tất cả đàn ông không thể nào cưỡng lại được sức quyến rũ của bà - vẻ đẹp hững hờ, tràn đầy tự tin đi kèm với tính tình sôi nổi, hoạt bát. Anh có thể hiểu tại sao Christian Vandenbrook bị mắc bẫy.

Trà được một cô hầu gái bưng lên, hai mẹ con ngồi xuống ghế. Bà nhìn anh chằm chằm qua miệng chén trà cầm trên tay, đôi mắt mở to, chăm chú.

“Con biết không, mẹ đã không gặp con khá lâu rồi”, bà nói. “Con thế nào rồi? Hoàn toàn khỏe mạnh chứ? Phải nói rằng mẹ thích nhìn con mặc quân phục”. Bà chỉ tay. “Những cái gì thế này?”

“Những cái ghệt ạ. Mẹ này, con phải hỏi mẹ vài câu hỏi hơi sốc đấy”.

“Hỏi mẹ à? *Sốc* à? Chúa ơi. Con hỏi đi”,

Anh ngập ngừng lại cảm thấy đang đứng trên bờ vực. Như thể anh sắp tạo ra một chuỗi quan hệ nhân quả nghiêm trọng có thể dẫn đến bất kì đâu.

“Mẹ có biết một sĩ quan Đại úy tên là Christian Vandenbrook không?”

“Có. Biết rất rõ. Mẹ làm ăn với anh ta suốt thời gian lập quỹ”.

Cái quỹ, tất nhiên rồi, Lysander nghĩ. Quỹ Chiến tranh Tòa Thị chính Claverleigh. Anh cảm thấy thoải mái hơn một chút - có lẽ là chẳng có chuyện gì đâu.

“Mẹ có gặp anh ta ở khách sạn Dene tại Hythe cách đây ba tối không?”

“Có, Mẹ và anh ta có hẹn ăn tối, Lysander, tất cả những chuyện này là...”.

“Tha lỗi cho con vì sự lỗ mãng, ngu độn và rất bất lịch sự, nhưng mà...” anh dừng lại, cảm thấy không khỏe. “Nhưng... mẹ đang có mối quan hệ yêu đương với Đại úy Vandenbrook đấy à?”

Bà bật cười khi nghe câu đó, nụ cười chân thành nhưng nhanh chóng tắt lịm.

“Dĩ nhiên là không. Sao con dám hỏi một chuyện như thế?”

Thấy cơn giận dữ thực sự trong đôi mắt mẹ, anh nhắm chặt mắt lại và nói tiếp.

“Năm ngoái mẹ đã ở cùng khách sạn với Đại úy Vandenbrook đến ba lần”.

Nghe tiếng bà đứng dậy, anh mở mắt. Bà đang nhìn ra công viên từ ô cửa sổ cao, có nhiều kính. Ngoài trời mưa phùn, ánh ngày đang nhạt dần - lóng lánh như bạc và mờ xỉn.

“Có phải con đang theo dõi mẹ không?”

“Con đang theo dõi hắn. Con bám theo hắn và thấy hắn gặp mẹ”.

“Có chuyện quái gì mà con lại theo dõi Đại úy Vandenbrook vậy?”

“Vì hắn là kẻ phản bội. Vì hắn đang gửi những bí mật quân sự cho quân Đức”.

Anh thấy điều này khiến bà bị sốc. Bà xoay người lại, nhìn anh chằm chằm hoảng sợ.

“Đại úy Vandenbrook sao? - mẹ không tin... Con có chắc không?”

“Con có đủ bằng chứng để treo cổ hắn lên”.

“Mẹ không thể... Làm sao.”. Giọng bà lạc đi rồi bà lên tiếng hoài nghi. “Tất cả những gì mẹ và anh ta nói đến chỉ là những cái chăn, những chiếc xe cứu thương mấy bình mật ong, những buổi liên hoan làng và những y tá - và làm thế nào để tiêu tiền mẹ quyên được. Mẹ không thể tin nổi”.

“Mẹ có biết mỗi lần gặp mẹ, hắn đều để lại một phong thư ở khách sạn và chờ người đến lấy không?”

“Không, dĩ nhiên là không”.

“Hắn không bao giờ bảo mẹ đi gửi một trong những phong thư ấy à?”

“Không bao giờ. Mẹ nói thật đấy. Nghe này, mẹ chỉ gặp anh ta vì Văn phòng Chiến tranh chỉ định anh ta làm sĩ quan liên hệ từ khi mẹ bắt đầu gây dựng quỹ. Anh ta thật sự được việc đấy”.

“Hắn là một người quyến rũ”.

“Anh ta đã từng đến đây. Hai - không ba lần. Bọn mẹ đã gặp nhau tại đây. Crickmay cũng đã gặp anh ta. Anh ta còn ăn tối ở đây cơ mà”.

“Ở đây? Hắn không hề nói với con chuyện đó”.

“Tại sao anh ta phải nói chứ? Mẹ chưa hề nói với anh ta về con. Mẹ cho rằng anh ta chẳng hề biết tí gì chuyện con là con trai mẹ. Chẳng hề biết người có bằng chứng định treo cổ anh ta là con trai mẹ”, bà nói thêm, hơi cay đắng. “Thậm chí cả chuyện mẹ có con trai mẹ cũng không nói. Vì Chúa - mẹ và anh ta chỉ nói về cái quỹ thôi mà”.

Lysander cho rằng, nếu là một phụ nữ quyến rũ tuổi mới ngũ tuần, mẹ sẽ chẳng dại gì thú nhận mình có đứa con trai gần ba mươi tuổi. Đó là sự thật - căn cứ vào thái độ của Vandenbrook, chẳng hề có một gợi ý nhỏ nào cho thấy hắn biết phu nhân Faulkner là mẹ anh.

“Theo mẹ con có nên gọi đồ uống mạnh không?” anh hỏi.

“Ý kiến tuyệt vời”, bà đáp và giật chuông gọi người hầu mang lên một chai brandy, một chai soda điều áp và hai cái ly. Lysander rót rượu ra ly cho mình và cho mẹ. Anh uống một ngụm lớn. Bất chấp những phủ nhận và giải thích khéo léo của mẹ, anh có cảm nhận rất xấu về mối quan hệ giữa mẹ mình và Vandenbrook. Đây không phải sự trùng hợp, anh biết - sẽ có những hậu quả. Lại nữa, những hậu quả chết tiệt.

“Con hút thuốc được không?”

“Mẹ sẽ hút cùng con”, bà đáp. Lysander lấy hộp thuốc ra, châm thuốc cho mẹ và cho anh.

“Tại sao con lại theo dõi Vandenbrook?” bà hỏi. “Ý mẹ là tại sao con lại nhận nhiệm vụ đặc biệt này?”. Bà dụi tắt điếu thuốc - bà không bao giờ hút nhiều. “Con là lính thôi mà, đúng không?”

“Con được phái đến bộ phận này trong văn phòng Chiến tranh. Bọn con đang cố gắng truy tìm kẻ phản bội. Hắn đang gây ra thiệt hại khủng khiếp”.

“Và con đã tìm thấy hắn, đúng không?”

“Vandenbrook chỉ đang chuyển đi những thông tin này vì có vẻ hắn bị tống tiền. Hắn khẳng định như vậy”.

“Bị tống tiền vì cái gì?”

“Nó rất... khó nghe lắm ạ. Rất nhục nhã”. Lysander tự hỏi nên kể cho bà nghe bao nhiêu thì vừa. “Hắn sẽ bị hủy hoại hoàn toàn, nếu điều đó xuất phát từ những gì hắn làm - hôn nhân, sự nghiệp, gia đình. Hắn sẽ bị rũ tù”.

“Chúa ơi”, anh nhận thấy sự mơ hồ trong câu trả lời của mình đáng lo hơn bất kì sự thật nào. Bà lại nhìn anh: “Vậy ai đang tống tiền anh ta?”

“Đó mới là vấn đề - có vẻ như đó chính là mẹ vậy”.

Những cuộc Điều tra Tự thuật

CÓ LẼ TÔI ĐÃ NÓI QUÁ thẳng thừng chẳng suy nghĩ. Bất ngờ mẹ như bị chấn động - không nghi ngờ gì - như thể tính logic kinh hoàng nhưng không thể bác bỏ của chuyện này làm bà choáng váng chẳng kém gì tôi. Tôi rót cho bà một ly brandy nữa và bảo bà thuật lại mọi chuyện, thật rõ ràng. Bắt đầu từ cuộc gặp gỡ đầu tiên với Vandenbrook ở Văn phòng Chiến tranh tháng Chín năm 1914, và những lần liên hệ sau đó khi Quỹ Chiến tranh Tòa thị chính Claverleigh bắt đầu phát sinh những lượng tiền rất lớn. Hắn đến Claverleigh lần đầu vào đầu năm 1915 ngay sau khi vào làm ở Ban Hậu cần.

"Tại sao hắn không chuyển công việc của Quỹ Chiến tranh sang cho người khác? Công việc ở ban cũng rất bận cơ mà".

"Anh ta hỏi mẹ trao việc này cho anh ta được không, nếu có thể", bà đáp. "Anh ta bảo mình rất ấn tượng với những gì mẹ đang làm. Anh ta cho rằng để người khác lo chuyện này sẽ bất lợi. Thế nên mẹ đồng ý ngay, không suy nghĩ gì. Mẹ rất hạnh phúc - mọi chuyện tiến triển rất tốt - anh ta thực sự hiệu quả đấy. Thực ra mẹ nghĩ mẹ đã đề nghị gặp mặt khi anh ta đến Folkestone làm việc - chỉ là để thuận tiện cho anh ta hơn thôi. Khách sạn đầu tiên mẹ thuê là Sandwich. Mẹ đã tự lái xe sang đó".

"Mẹ có gặp hắn tại London không?"

"Có. Gần chục lần - khi mẹ lên thành phố". Bà ngừng lại. "Mẹ sẽ không phủ nhận mẹ thích những cuộc gặp này... Crickmay không được khỏe, và

những đêm đi xa thế như một sự giải thoát nho nhỏ đối với mẹ. Dĩ nhiên, Đại úy Vandenbrook là một người quyến rũ, khôi hài. Mẹ cho rằng cả mẹ và anh ta đều thích thú... Sự tán tỉnh nhẹ nhàng. Nhẹ nhàng nhất. Nhưng chẳng có gì xảy ra hết. Không bao giờ. Kể cả sau khi Crickmay ra đi".

"Con hoàn toàn hiểu", tôi nói, "Con tin mẹ. Con chỉ đang cố nhìn nhận mọi thứ theo quan điểm của mình".

"Tất nhiên, đó là vì mẹ là người Áo", bà nói thẳng thừng, gần như thất vọng. "Mẹ chỉ vừa nhận ra - đó là chìa khóa. Đó là lí do tại sao họ sẽ nghi ngờ mẹ. Ngay lập tức". Anh cảm thấy sự thất vọng vây bủa lấy bà, gần như về mặt thể chất, đôi vai của bà chùng xuống. "Khi họ xâu chuỗi chuyện của mẹ với anh ta... Một người phụ nữ Áo".

"Con cũng có nửa dòng máu Áo này, mẹ nhớ không", tôi đáp, lo lắng. "Mọi thứ quá khéo léo, quá nhanh...".

"Con định sẽ làm gì?"

"Chưa làm gì hết ạ - con phải điều tra thêm chút nữa".

"Thế còn mẹ?

"Cứ tiếp tục như chẳng có chuyện gì xảy ra".

Bà đứng dậy, trên khuôn mặt hiện lên sự hồi hộp mới. Dường như bà lại trở về với vẻ phiền muộn mà tôi thường thấy.

"Con đã kể về Vandenbrook và những gì con phát hiện được cho ai nghe chưa?"

"Chưa kể với ai mẹ ạ. Con không muốn tất cả bọn họ nhúng tay vào. Con sẽ phải cẩn thận với những gì mình nói".

Bà lại bước đến chỗ cửa sổ - ngoài kia trời đã tối sầm. Tôi có thể nghe thấy tiếng mưa rơi trên kính lanh canh.

“Chính con đang tự khiến mọi việc tồi tệ hơn nếu không nói chuyện này với ai”, bà nói, lặng lẽ và kiên định. “Đúng không?”

“Chuyện này phức tạp lắm. Rất phức tạp. Con không muốn mẹ dính líu vào đống hỗn độn này. Tôi đáp. Thế nên con mới cần thêm chút thời gian”.

Bà quay lại, hai cánh tay vươn ra như thể bà muốn ôm chặt tôi vào lòng. Tôi bèn bước đến và bà ôm tôi thật chặt.

“Mẹ sẽ không để con bị chết chìm vì chuyện này đâu”, bà dịu dàng nói. “Sẽ không để con bị cuốn vào đâu”.

“Mẹ - thôi mà mẹ - đừng bi kịch hóa. Sẽ chẳng ai bị “chết chìm”. Mẹ chẳng làm gì cả - thế nên đừng suy nghĩ về nó. Dù ai đang tống tiền Vandenbrook, hắn cũng là kẻ rất thông minh. Nhưng con sẽ tìm ra cách, mẹ đừng lo. Dù cho hắn có thông minh hơn con”.

“Me hi vong thế”. Bà xiết chặt đôi vai tôi. Tôi thích được mẹ ôm chặt trong vòng tay. Hai mẹ con đã không hề ôm nhau kể từ khi cha tôi qua đời. Tôi hôn lên trán bà.

“Mẹ đừng lo. Con sẽ tóm được hắn”.

Tôi hi vọng giọng mình nghe tự tin vì thực ra tôi chẳng tự tin gì hết. Tôi biết ngay sau khi kể chuyện Vandenbrook cho Munro và Massinger, mọi thứ sẽ phơi bày ra rất nhanh và hủy hoại cũng rất nhanh - nào là quỹ, những cuộc gặp gỡ, các khách sạn và bữa tối. Trong cơn hoảng hốt, khi bắt đầu nghĩ về chuỗi sự kiện này, có thể tôi đã nghĩ đến hướng giải quyết khác. Điều đó nhắc nhở tôi.

“Tốt hơn là con nên đi”, tôi nói, khẽ đẩy bà ra. “Con chỉ cần một thứ thôi. Mẹ còn nhớ con đã cho mẹ lời vở nhạc kịch không. Tấm bìa có ảnh

minh họa cô gái ấy, vở *Andromeda và Perseus*".

"À, có", bà đáp, tính hoài nghi châm biếm của bà có vẻ đã trở lại.

"Mẹ làm sao quên được? Người mẹ đứa cháu nội của mẹ hoàn toàn trần truồng". Bà bước đến cửa ra vào, "Mẹ để nó trong phòng làm việc". Bà ngừng lại. "Có tin gì về thằng bé không?"

"Lothar ạ? Nó khỏe, cô ấy bảo thế - đang sống với một gia đình ở Salzburg".

"Lothar ở Salzburg. Thế còn mẹ nó?"

"Con tin rằng cô ấy về Anh rồi", tôi nói, lảng tránh.

Bà nhìn tôi có vẻ hiểu và đi lấy lời vở nhạc kịch. Tôi liếc nhìn đồng hồ đeo tay - vẫn còn dư thời gian bắt chuyến tàu về London từ Lewes. Nhưng khi mẹ quay lại, tôi có thể thấy ngay bà đang bối rối một cách khác thường.

"Chuyện gì thế mẹ?" Tôi hỏi. "Có gì không ổn à?"

"Thật lạ lùng! Lời vở nhạc kịch của con - nó biến mất rồi".

Ngồi trên chuyến tàu Lewes - London. Não bộ chạy như điên. Những ý nghĩ tràn đến như làn sóng. Văn phòng của bà là phòng làm việc trên tầng cao nhất, là nơi bà điều hành quỹ từ thiện. Có hai chiếc bàn cho các thư ký, hai giá sách bằng gỗ trắng có vài quyển sách cùng với một đống hồ sơ trên đó. Bà nói rất quả quyết rằng đã để cuốn nhạc kịch ở đó. Chúng tôi đã tìm kiếm - nhưng chẳng tìm được gì. Những quyển sách khác cũng mất nhưng tôi nói chuyện đó không quan trọng. Rốt cuộc thì đó chỉ là cuốn sách tôi tặng bà gần mười tám tháng trước rồi. Chuyện gì cũng có thể xảy ra với nó.

Khi viết những dòng này, người đàn ông đang ngồi trước mặt tôi đang đọc tiểu thuyết. Chốc chốc lại thò tay vào mũi, lôi ra mấy thứ từ trong hốc mũi xong lại đưa tay bỏ tọt mấy viên kẹo vào mồm. Thật ngạc nhiên với những bí mật cá nhân có thể để lộ khi ta nghĩ ta không bị theo dõi. Và thật ngạc nhiên với những bí mật chúng ta có thể tiết lộ khi biết mình bị theo dõi.

Quay về phòng tại Cung điện Trắng, tôi thấy một chứng thư nhỏ đang đợi mình. Một phong bì có danh sách bốn căn hộ nội thất đầy đủ, sẵn sàng cho thuê ngắn hạn, từ công ty cho thuê nhà, ở khu Strand và Charing Cross. Tôi rất vui trước viễn cảnh lại có một ngôi nhà của riêng mình rằng Hettie có thể sẽ ở cùng tôi tại đó, giấu tung tích và chẳng hề ngượng ngập. Thật ngạc nhiên là có bức điện tín khác của Massinger. Ông đề nghị một cuộc gặp ở phòng trà Mayfair bốn giờ chiều mai. Dãy phòng trà Skeffinton trên phố Mount.

Để sau đã. Tôi dành một tiếng cuối cùng ngồi uống whisky từ chai rượu để túi bên hông. Tôi viết ra một danh sách những cái tên theo rất nhiều hình dạng và kiểu xếp chữ khác nhau, nối lại bằng các đường gạch đứt và những mũi tên hai đầu, đánh ngoặc đơn vài cái tên và gạch dưới ba lần những cái tên khác. Khi làm xong bài tập vô nghĩa này, tôi vẫn thấy mình tự hỏi tại sao Massinger lại có thể muốn nói chuyện với tôi.

55

Chung cư Trevelyan House số 3/12, phố Surrey

LYSANDER CHỌN CĂN HỘ THỨ HAI trong số bốn căn hộ. Một người đàn ông to béo, thở hổn hển của công ty cho thuê nhà dẫn anh đi xem. Căn hộ nằm trên tầng ba một khu chung cư tên là Trevelyan House trên phố Surrey, cách xa Strand; có một phòng ngủ, một phòng khách nhỏ, một phòng tắm hiện đại và một bếp. Gọi là bếp nhưng nó cũng chỉ có một cái tủ với bồn rửa bát, một bếp điện hai vòng và hình ảnh hoang vắng của giếng trời xây bằng gạch gốm ở giữa. Thật ra, căn hộ nào cũng đáp ứng được mục đích sơ đẳng của anh thôi. Nhưng một điều gì đó mới mẻ ở những tấm rèm cửa, thảm trải sàn và đồ nội thất khiến khu chung cư số 3/12 lập tức trở nên lí tưởng - không có mép vải dính đầy dầu mỡ, không có những tấm vải bị ố mòn do lửa hay thuốc lá trên bệ lò sưởi. Anh cảm thấy tất cả những gì mình cần bây giờ là một thứ sáng sủa và mang màu sắc nguyên thủy - một bức họa, hai chiếc chụp đèn mới, vài tấm đệm sô pha - để căn hộ này ghi đậm dấu ấn của anh, không phải của tất cả mọi người.

Anh kí hợp đồng thuê nhà, trả trước tiền thuê một tháng và được trao hai bộ chìa khóa. Anh đã mua đồ vải lanh và đồ gia dụng từ cửa hàng ở Chandoes Place, sẽ thuê người phục vụ mang ngay đến Trevelyan House. Theo tính toán, anh có thể đi bộ đến nhà phụ trong vòng chưa đầy mười phút - thêm một phần thưởng bất ngờ nữa cho "tổ uyên ương" của anh và Hettie. Anh cảm thấy sự háo hức dâng đầy trước viễn cảnh được gặp lại cô

- một lần nữa được cùng cô trên giường- những hứa hẹn khoái cảm nhục dục bất tận có thể bẻ gẫy hết mọi nguyên tắc anh tự đặt ra cho bản thân. Hettie - Venora bây giờ là phụ nữ đã có chồng; hơn thế nữa, chồng mới của cô ấy là kẻ nóng tính và hay ghen. Hoff và Lasry: hai người đàn ông với tính khí nóng nảy, vô lí ngay cả với những điều nhỏ nhặt nhất - hai kẻ này có cái gì cuốn hút Hettie nhỉ? Ngoài ra, cũng cần phải nói đến những phức tạp hiện thời trong chính cuộc đời Lysander khi bổ sung vào đó những tình tiết mới. “Những nụ hồng hãy nhanh tay góp nhặt”, Lysander nhủ thầm, như thể câu châm ngôn cũ này có thể giải quyết được mọi vấn đề nhạy cảm. Anh đã có nhà mới, và quan trọng hơn hết, chỉ mình anh biết địa chỉ của nó.

Dãy phòng trà Skeffington trên phố Mount kiêu hãnh với sự quý phái, phong nhã, và chắc hẳn sẽ phải mất nhiều công sức lắm mới đạt được như thế. Lysander nhận thấy điều này khi bước vào trong. Những rèm đăng ten gia công tinh tế, như một tấm mành bảo vệ khách uống trà khỏi những người qua đường tò mò, cái tên kể từ khi quán thành lập được viết bằng thủy tinh đen trong một tấm khắc đồng màu trắng bóng loáng. Những hoa văn vòng xoắn trang trí cuốn chặt và dừng lại ở chỗ các bông hoa nhỏ mạ vàng hay các cỏ bốn lá. Một cô phục vụ trên đầu đội chiếc mũ nhỏ, đeo tạp dề dài màu trắng đang lướt nhanh trên mặt đường bên ngoài. Quán này chẳng giống nơi Massinger thường hay đến chút nào.

Bên trong là một căn phòng đơn dài, được thắp sáng bằng những chùm đèn pha lê, áp sát ba bức tường là những chiếc trường kỉ nhung màu nâu sẫm hình bán nguyệt. Hai dãy bàn sáng bóng với những chiếc khăn ăn xếp gọn gàng. Một chậu hoa đặt ở giữa chiếm toàn bộ không gian còn lại. Tiếng dao nĩa bạc trên bát đĩa sành khẽ kêu leng keng và tiếng trò

chuyện kín đáo rì rầm chào đón anh. Lysander cảm thấy như đang vào một thư viện, tránh những tiếng ồn không cần thiết - những bước chân nhẹ nhàng, lịch sự, những tiếng ho và hắt hơi cũng giảm cường độ, không hề có tiếng cười.

Một người phụ nữ nghiêm trang đeo kính kẹp mũi tra tên của Massinger trong sổ cái. Bà gọi một cô hầu phòng đến dẫn anh đi ngang qua phòng, tới một trường kỉ trong góc. Massinger ngồi đó, đang hút thuốc, mặc bộ vest buổi sáng, chỉ có vậy, và đang đọc báo. Ông ngước nhìn Lysander và không hề mỉm cười chào anh, ông gần như chỉ giơ tờ báo lên chỉ vào một đề mục. "*Sân cricket English County sẽ bị phá bỏ vào năm 1916*".

"Làm ăn ế ẩm quá mà", Massinger nói. "Chuyện này dẫn chúng ta đến đâu thế? Sự kinh hoàng".

Lysander đồng tình, ngồi xuống và gọi một ấm cà phê - anh cảm thấy không thích uống trà; đó không phải là thứ đồ uống để chia sẻ với một người như Massinger.

"Ông muốn gặp tôi có chuyện gì thế?" anh hỏi khi Massinger dụi tắt điếu thuốc - mạnh đến ngạc nhiên - vào gạt tàn, làn khói phả ra từ mũi ông

"Không phải tôi đâu, Rief", ông nói, nhìn lên và ra hiệu. "Cô ta cơ". Florence Duchesne bước đến, như thể bà ta vừa từ dưới đất chui lên.

Lysander thấy mình lảo đảo do nỗi sợ hãi theo bản năng gây chấn động. Ngay lập tức, anh tin chắc rằng bà ta sẽ lại rút súng ra và bắn anh. Anh nhìn bà ta chằm chằm - vẫn là Florence Duchesne nhưng trông khác với người anh đã gặp lần cuối ở tàu hơi nước trên hồ Lac Léman. Không còn bộ đồ tang màu đen và chiếc khăn voan. Trên mặt vẫn đánh phấn, bờ môi vẫn tô son và bà đang mặc "bộ đồ dạo phố" màu đỏ tía, áo vest cắt

ngắn, váy bó sát và quàng chiếc khăn chéo nhỏ trên cổ áo choàng lụa. Chiếc mũ bê rê nhưng đội lệch trên đầu có màu đỏ tía thẫm hơn màu tía trên bộ đồ. Như là người em gái song sinh sành điệu của bà Duchesne, không phải người góa phụ u sầu sống cùng ông anh làm giám đốc bưu điện tại Geneve.

Bà ta lướt vào bên trong chiếc trường kỉ và ngồi cạnh anh, bất chấp bản thân không muốn, anh vẫn thấy nao núng.

“Tôi phải gặp anh, Rief”, bà ta nói bằng tiếng Pháp, “để giải thích và dĩ nhiên, là để xin lỗi”.

Lysander nhìn bà ta, rồi nhìn Massinger, rồi lại nhìn bà ta. Anh hoàn toàn mất phương hướng, không thể nghĩ nổi nên nói gì. Đúng lúc này, Massinger đứng lên, khiến cả hai cùng bối rối.

“Tôi sẽ để hai người nói chuyện. Tôi sẽ gặp cô sau. Tạm biệt, Rief”. Lysander nhìn ông ta đi qua phòng lấy mũ - anh nghĩ ông ta giống như một tay trợ lý cửa hàng hợm hĩnh. Anh quay lại phía Florence Duchesne.

“Chuyện này rất, rất mới mẻ đối với tôi”, anh chậm rãi nói, “Ngồi đây với người đã từng bắn tôi ba phát đạn. Rất lạ lùng. Tôi cho rằng bà đã cố giết chết tôi”.

“À, phải rồi. Nhưng anh phải hiểu rằng tôi đã tin anh đang làm việc cho Glockner. Và tôi cũng tin rằng anh đã giết Glockner. Và khi anh nói dối tôi về đoạn văn bản nguồn - dường như đó là đầu mối cuối cùng. Massinger đã ra lệnh cho tôi không được phép mạo hiểm - ông ấy nói rằng thậm chí có khả năng anh là tên phản bội. Liệu tôi có thể cứ để anh bước lên Evian rồi biến mất không? Đặc biệt là với tất cả những nghi ngờ như thế - đó là nghĩa vụ của tôi”.

“Không, không. Bà hoàn toàn đúng”. Sự mỉa mai trong giọng nói khiến câu nói trở nên khắc nghiệt bất thường giống cái giọng the thé, khàn khàn khó chịu của Massinger, Anh nhớ lại sai lầm do vốn tiếng Pháp ngu xuẩn của Massinger gây ra. Bà ta cúi đầu.

“Dẫu vậy...”. Bà cảm thấy không đủ can đảm nói hết câu.

“Tôi tự hỏi liệu ở đây có phục vụ rượu không nhỉ?” anh hỏi, lối nói hơi hoa mĩ. “Có lẽ là không quá tầm thường. Tôi cần một đồ uống mạnh, thưa bà. Tôi chắc là bà hiểu”.

“Chúng ta có thể đến một khách sạn, nếu anh muốn. Tôi rất muốn nói với anh một chuyện quan trọng”.

Họ thanh toán tiền rồi đi. Ra đến cửa phòng trà, bà lấy lại một chiếc áo choàng lông chuột nhuộm đen, có khuy cài ở hông. Lysander lịch sự giúp bà khoác áo, anh ngửi thấy mùi nước hoa hăng nồng. Anh nhớ lại bữa tối của họ trên hàng hiên quán rượu Bastions tại Geneve, cách anh nhận ra điều đó - nghĩ về nó một cách không bình thường - nhưng bây giờ anh nhận ra đó là dấu hiệu của một người đàn bà đích thực. Một đầu mối nhỏ. Anh liếc nhìn bà khi họ lặng lẽ đi bộ dọc theo con đường thẳng đến khách sạn Connaught.

Họ tìm được chỗ ngồi trong phòng chờ chung. Lysander gọi một chai whisky pha soda cho mình và chai Dubonner cho bà. Đồ uống khiến anh bình tĩnh lại, cảm thấy không còn hoảng hốt. Anh nghĩ thật ngạc nhiên khi người ta có thể bình tĩnh nhanh đến thế trước những tình huống lạ lùng nhất - mình đang ngồi đây uống với một người đàn bà đã cố ám sát mình. Anh nhìn bà qua bàn và để ý thấy mình không còn giận dữ, không chút phẫn nộ. Tất cả những gì anh thấy là một người phụ nữ quyến rũ trong bộ đồ hợp mốt.

“Bà đang làm gì ở London thế?” anh hỏi.

“Massinger đã kéo tôi ra khỏi Geneve. Với tôi, công việc kia đang trở nên quá nguy hiểm”.

Bà giải thích. Mối liên hệ của bà ta ở lãnh sự quán Đức - “người đàn ông với những lá thư đáng xấu hổ” - đã bị bắt và bị trục xuất về Đức. Sẽ chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi hắn khai tên bà ra. “Thế nên Massinger mới kéo tôi ra, thật nhanh”.

“Tôi cho rằng bà không phải là góa phụ”.

“Không. Nhưng tôi đảm bảo với anh đó là lớp ngụy trang hoàn hảo nhất đấy. Thực ra tôi còn chưa kết hôn nữa”.

“Thế còn anh trai bà?”

“Đúng anh ấy thật sự là anh trai tôi làm giám đốc bưu điện tại Geneve”. Bà mỉm cười. “Chuyện đó không dối trá một chút nào”.

Nụ cười ấy khiến anh nguôi giận, và anh thấy mình không còn tỉnh táo trước vẻ đẹp của bà - cái mũi cong mạnh mẽ, đôi mắt xanh trong veo, cái hõm sâu tối đen trên cổ giữa hai xương đòn. Anh cho rằng mình có thể tha thứ cho bà. Thực ra chuyện đó rất dễ dàng - thật buồn cười làm sao.

“Anh khỏe không?” bà hỏi. “Ý tôi là sau khi bị bắn?”

“Tôi mang bảy vết sẹo để nhớ đến bà”, anh nói, cho bà thấy vết sẹo trên mu bàn tay. “Chân tôi thi thoảng lại trở nên cứng nhắc”, anh vỗ vào bên hông trái. Ngoài ra thì tôi hoàn toàn khỏe. Kì diệu thật”.

“Thật may khi tôi là một tay súng tồi”, bà nói, mỉm cười đầy nuối tiếc. “Tôi chỉ có thể nói là một lần nữa xin lỗi anh. Hãy tưởng tượng tôi đã cảm thấy hối tiếc ra sao suốt thời gian đó. Xin lỗi, xin lỗi, xin lỗi anh”.

Lysander nhún vai. “Chuyện qua rồi. Tôi vẫn sống. Bà cũng đã đến London này rồi”. Anh nâng ly lên. “Tôi không phải người khôi hài - mặc kệ mọi chuyện đi, tôi rất vui được gặp lại bà”.

Dường như cuối cùng cũng thấy thoải mái - vì lời xin lỗi đã được chấp nhận, bà lên tiếng: “Anh vẫn còn nhớ tôi thích uống Dubonnet”, bà nói.

Họ nhìn thẳng vào mắt nhau.

“Bà thích uống Dubonnet và không thích sâm banh”.

“Và anh đã từng là một diễn viên nổi tiếng”.

“Một diễn viên, chắc chắn rồi... Bà bảo là có chuyện quan trọng muốn nói với tôi mà”.

Lúc này bà ta trở lại vẻ nghiêm túc.

“Liên lạc của tôi tại lãnh sự quán đã kể tôi nghe một chi tiết thú vị - tôi ép hắn phải kể cho tôi những chi tiết đó - trước khi hắn bị bắt và bị trục xuất. Có những khoản tiền đang được trả cho người đã gửi thư cho Glockner. Rất nhiều tiền được chuyển qua Thụy Sĩ”.

“Tôi đã hình dung tiền là lí do mà. Có tên không?”

“Không”.

“Bà có chắc không?”

“Hắn chỉ nói có thế. Nhưng tiền được gửi đi rất nhiều. Hơn hai trăm nghìn bảng rồi. Dường như nhiều tiền thế mà chỉ gửi cho một người. Tôi thì nghĩ phải có một nhóm người. Có thể là hai, hoặc ba...”.

Lysander không ngạc nhiên trước lời khẳng định này, nhưng anh giả vờ lúng túng - nhíu mày, gõ gõ ngón tay.

“Bà đã kể chuyện này cho ai khác nghe chưa?”

“Chưa. Tôi muốn anh là người biết đầu tiên”.

“Không kể cho Massinger à?”

“Tôi nghĩ với cái chết của Glockner, ông ta cho rằng vụ này đã khép lại”.

“Bà có thể giữ bí mật chuyện này một thời gian không? Như thế sẽ giúp tôi”.

“Dĩ nhiên”. Bà lại mỉm cười. “Rất hân hạnh được phục vụ - như người ta thường nói”.

Anh chỉnh lại tư thế ngồi và vắt chéo chân.

“Bây giờ bà có định ở lại London không?”

“Không”, bà đáp. “Massinger muốn đưa tôi sang Luxembourg để ngồi đếm các đoàn tàu quân sự. Ông ta muốn tôi trở thành người bạn đời đặc biệt của một giám đốc nhà ga cũ.

“Lại một *bà quả phụ Ducheste* nữa à?”

“Rất hiệu quả đấy - bởi mình dễ dàng được tôn trọng. Người ta sẽ luôn giữ khoảng cách với mình. Chẳng ai muốn gây rắc rối với một người đang tận cùng đau khổ”.

“Tại sao bà lại làm thế?”

“Thế anh thì sao?” Bà chẳng buồn nghe anh trả lời. “Massinger trả cho tôi rất hậu”, bà nói, đơn giản. “Tôi quý tiền bởi vì có lúc trong đời tôi đã chẳng có xu nào. Tay trắng hoàn toàn. Và cuộc sống chẳng hề dễ dàng...”. Bà đặt ly xuống và xoay tới xoay lui trên cái lót cốc. Hai người im lặng một lúc.

“Làm thế nào anh quen được Massinger?“bà hỏi, mắt vẫn nhìn xuống

“Khó khăn lắm. Ông ấy đúng là một lão khó nhằn”.

Bây giờ bà nhìn thẳng vào mắt anh.

“Tôi thấy rất khó có thể hoàn toàn tin tưởng ông ấy. Ông ấy cứ đổi ý xoành xoạch”.

Lysander tự hỏi đây có phải một lời cảnh báo nhẹ nhàng không. Anh quyết định giữ thái độ trung lập.

“Massinger lo lắng về công việc và địa vị của ông ấy. Họ muốn chấm dứt công việc tại Geneve và Thụy Sĩ. Tập trung vào Hà Lan”.

“Tôi sắp đi Luxembourg qua Hà Lan. Tôi phải gặp một người tên Munro”.

“Munro hoạt động ở Hà Lan - tôi nghĩ vậy. Sẽ có sự cạnh tranh giữa hai người đó, chẳng tránh được”.

“Lẽ ra tôi đã có thể rất dễ dàng đến Luxembourg từ Thụy Sĩ. Anh có nghĩ điều đó quan trọng không?”

“Tôi không biết”, anh thành thật đáp. Anh ngẫm nghĩ, lẽ ra họ không nên nói chuyện với nhau thế này. Nhưng anh cảm thấy những mối nghi ngờ không ngớt của bà giống hệt với anh. Mày cứ nghĩ mày đã nắm chắc những chi tiết quan trọng, những điều chắc chắn, nhưng rồi chúng biến mất, chẳng còn lại gì nữa.

“Tôi cũng giống hệt bà”, anh nói. “Làm theo những chỉ dẫn. Cố gắng suy tính trước. Nhận thức những vấn đề tiềm năng. Cố gắng không thất bại”. Anh mỉm cười. “À mà xin chúc bà may mắn. Có lẽ chúng ta nên về thôi”. Cả hai cùng đứng dậy. Bà rút ra một tấm danh thiếp từ trong túi và trao cho anh.

“Tôi mong được gặp lại anh tại London trong vài ngày tới”, bà nói, “Rất vui được gặp anh. Tôi còn nhớ bữa tối của chúng ta tại Geneve - *một khoảnh khắc khó quên*”.

Anh nhìn tấm danh thiếp - do khách sạn bà đang ở cung cấp. Trên tấm thiệp đề khách sạn Bailey trên đường Gloucester. Có cả số điện thoại.

“Tôi sẽ gọi cho bà”, anh nói, không chắc hiểu được lí do tại sao - hay thậm chí là liều - anh có cố gắng gọi lại Florence Duchesne lần nữa không. Nhưng anh lại không muốn đây là buổi chia tay cuối cùng. Nên anh vẫn hi vọng rằng ít nhất họ sẽ gặp lại nhau.

Ở cửa ra vào, họ từ biệt nhau. Bà nói sẽ đi thăm thú một chút vì đây là lần đầu tiên bà đến London. Họ bắt tay nhau và Lysander cảm thấy bàn tay bà xiết chặt bàn tay anh như muốn bóp nát, đôi mắt bà nhìn thẳng vào anh. Có phải một lời cảnh cáo không - anh có phải thận trọng không? Hay đây chỉ là lời ám chỉ tinh tế rằng bà muốn anh gọi cho bà và muốn được gặp lại anh? Lysander nhìn bà bước đi, áo khoác lông chuột cắt ngắn bay phần phật. Anh suy tính về những mốc tương lai khác nhau, những quá trình hành động, về cách anh hình dung Florence Duchesne ngà ngà say sâm banh, khỏa thân, phá lên cười... dường như nó không còn là ảo ảnh nữa. Anh vẫy một chiếc taxi quay về nhà phụ.

Anh biết mình sẽ phải thức đêm làm việc. Với sự trợ giúp từ lá thư nhiệm màu của C.I.G.S, Tremlett đã xoay xở lấy được các yêu cầu di chuyển của Osborne-Way và các chi phí ông ta đã nộp lên Văn phòng Chiến tranh. Điều khoản đi kèm đó là cậu ta chỉ được phép mang thông tin này ra khỏi tòa nhà trong một đêm thôi.

Tremlett ném phịch cuốn sổ cái nặng nề xuống bàn.

“Đại úy Vandenbrook có ở trong phòng không?” Lysander hỏi.

“Đại úy đang ở Folkestone, thưa ngài. Sáng mai sẽ quay về”.

Thật là tốt, Lysander nghĩ. Vandenbrook vẫn đang làm việc như bình thường. “Tốt rồi”, anh nói với Tremlett. “Mang cho tôi Nhật ký Chiến tranh và các bản tóm tắt những yêu cầu vận chuyển trên đất liền”.

Anh mất thêm hai tiếng để xem qua các yêu cầu của Osborne-Way. Đối chiếu với những chuyến đi của Vandenbrook, anh không phát hiện sự chồng chéo. Thực ra Osborne-Way đã đi Pháp ít nhất hai lần, Lysander chắc chắn rằng đó là khi những lá thư của Glockner được để lại ở hai khách sạn Sandwich và Deal. Tuy nhiên, có một điều rõ ràng - Osborne-Way biết cách hưởng thụ tại Pháp. Những đêm ở lại các nhà hàng đắt tiền tại Amiens; đợt nghỉ cuối tuần tại Paris ở khách sạn Maurice - để làm gì nhỉ? - mọi chi phí đều được tính cho Văn phòng Chiến tranh và người đóng thuế tại Anh. Lysander tức tối tự hỏi mình có nên tiến hành trò trả thù vặt, khiến Osborne-Way bị cấp trên nhòm ngó đến sự tiêu pha phung phí của ông ta hay không. Chỉ cần một lời nói kín đáo có thể mang lại hiệu quả...

Anh chợt nghe thấy những giọng nói to, những bước chân rầm rập trên hành lang bên ngoài phòng 205.

Tremlet gõ cửa phòng và ló đầu vào. Miếng băng đeo mắt của cậu ta hơi lệch.

“Chúng tôi đang lên sân thượng thưa ngài. Zeppelin đang đến!”

Lysander lấy chiếc áo choàng treo trên móc sau cửa, theo cậu ta ra ngoài, chạy lên cầu thang dẫn lên sân thượng nhà phụ. Một đám người đang tụ tập trên khu vực bằng phẳng của thang máy, nhìn chằm chằm về

phía tây - nơi những chùm đèn pha dài, trong suốt của máy bay vẫn đang quét qua bầu trời đêm, tìm kiếm khinh khí cầu. Có tiếng đạn phòng không bập bùng ở phía xa, cứ thỉnh thoảng những quả pháo sáng bằng mảnh đạn lại bắn lên trời.

Lysander nhìn ra thành phố ban đêm, vài tòa nhà bảy tầng vươn cao từ các con phố. Trước mắt anh tất cả như đang trong thời bình. Những chiếc xe con và xe buýt, những chùm đèn pha rực sáng, những biển hiệu cửa hàng chiếu sáng dưới những tấm vải bạt, những tấm ruy băng trên các ngọn đèn đường tỏa ánh sáng rực rỡ như ngọc trai. Đây đó có những khu vực tuy chìm trong bóng tối nhưng Lysander hình dung đó như lời gọi mời chiếc khinh khí cầu ở đâu đó trên cao kia. Tôi nên thả bom ở đâu? Ở đây à? Hay ở đằng kia? Như thể đọc được những ý nghĩ của anh, chùm đèn rọi đầu tiên đã tìm thấy chiếc Zeppelin và thêm chùm đèn thứ hai nữa. Ý nghĩ đầu tiên của Lysander đó là, Chúa ơi, nó to quá - khổng lồ - và có một vẻ đẹp thật bình yên. Nó đang di chuyển ở độ cao rất kinh khủng, điềm tĩnh tiến về phía trước - thật nhanh làm sao, anh không thể đoán được. Tiếng ầm ĩ ngày càng tăng từ các khẩu pháo bắn lên át đi tiếng động cơ của khí cầu, khiến nó đang trôi nổi cô độc trên đầu họ, bay bằng sức gió ban đêm hơn là bằng các động cơ.

Một khẩu pháo khác, gần hơn, bắt đầu nhả đạn - Bùm! Bùm! Bùm!

“Đó là khẩu pháo ở Green Park”, Tremlett ghé vào tai anh nói, rồi hét to lên vào bóng tối. “Hạ gục chúng nó đi, anh em ơi!”

Thêm nhiều tiếng reo hò của những người khác trên sân thượng khi Lysander nhìn lên chiếc Zeppelin. Phải thừa nhận anh thấy kinh hoàng trước vẻ đẹp chết người của cỗ máy khổng lồ bằng bạc biết bay này, giữa

những chùm đèn rọi ngang dọc. Bây giờ có vẻ như nó ngay trên đỉnh đầu anh.

“Cao hơn hai nghìn mét”, Tremlett nói. “Mức tối thiểu đấy”.

“Các máy bay của chúng ta đâu? Tại sao chúng ta không thể bắn hạ nó?”

“Thưa ngài, ngài có biết phải mất bao nhiêu lâu thì máy bay của ta mới leo lên được độ cao đó không?”

“Không, tôi chẳng biết gì cả”.

“Khoảng bốn mươi phút. Cả một hành trình dài đấy. Còn không máy bay sẽ phải bỏ hết tất cả chi tiết nặng đi và phải cố thêm ba trăm mét nữa. Dễ như ăn bánh”.

“Làm sao cậu biết tất cả chuyện này, Tremlett?”

“Em trai tôi đang chiến đấu trong Quân đoàn Không quân Hoàng gia. Đóng quân ở Hainault. Nó lúc nào cũng nói - ÔI! CHÓ CHẾT THẬT!...”

Quả bom đầu tiên đã phát nổ, cách con đường đắp không xa. Một quầng lửa dữ dội bùng lên, tiếp theo là đợt chấn động và tiếng đổ vỡ răng rắc của vụ nổ.

“Nơi đó là Strand đấy”, Tremlett la hét. “Mẹ kiếp”,

Rồi vang lên những tiếng nổ ngắn - *Ùm! Ùm! Ùm*! - khi những trái bom nhanh chóng rơi xuống, quả này tiếp quả khác. Tremlet gào lên:

“Chúng đang tiến về phía mấy cái nhà hát đấy! Mẹ kiếp Ada! Đó là Drury Lane! Đó là Aldwych!”

Lysander cảm thấy cơn buồn nôn dâng tràn cổ họng. Blanche đang diễn kịch ở Lyceum, lạy Chúa tôi. Nhà hát nằm trên đường Wellington, góc phố Aldwych. Anh giơ tay nhìn đồng hồ - vừa đúng lúc sắp nghỉ giải

lao. Anh nhìn lên thấy chiếc Zeppelin chậm rãi quay tròn, thẳng tiến về phía bắc, thẳng tiến đến quán trọ Lincoln. Có thêm nhiều tiếng bom rơi xuống khuất xa tầm nhìn.

"Cháy lớn ở đằng kia!" Tremlett gào lên. "Chúng chiếm được Lyceum rồi!"

Lysander quay người lao qua cửa, chạy hết tốc lực xuống cầu thang. Anh phóng ra con đường đắp - tiếng còi xe cảnh sát, còi xe chữa cháy, những tiếng huýt còi, quát tháo, tất cả vọng xuống từ con phố Strand. Và từ phía xa xa, âm thanh của nhiều quả bom nữa rơi xuống. Anh chạy lên đường Carting Lane, qua khách sạn Cecil đến phố Strand. Đến đây anh có thể thấy những ngọn lửa đang bốc cao như những tòa nhà, một chùm sáng màu cam lạ thường chiếu sáng các mặt tiền trên phố Aldwych và Wellington. Anh nghĩ đó là khí gas, đường ống dẫn khí chính đã bị nổ. Mọi người đổ xô dọc theo phố Strand về phía nguồn cháy. Anh đi xuyên qua dòng người và chạy vội lên con dốc phố Exeter. Một đám mây bụi dày đang lơ lửng trên phố, toàn bộ đèn đường đã tắt ngóm. Anh rẽ vào góc phố thấy thủy tinh và gạch vỡ vương vãi trên đường, hố bom đầu tiên đang bốc khói nghi ngút. Ba cái xác nằm túm tụm một bên đường như những người vô gia cư đang say ngủ. Ở cuối phố lửa cháy dữ dội, anh chạy về phía đó. Anh có thể thấy đây là một bên nhà hát Lyceum, đường ống dẫn khí chính đang bốc lên ngọn lửa cao đến mười hai mét. Những tiếng còi, tiếng quát tháo, tiếng la hét. Một người phụ nữ mặc chiếc áo dài có đính những đĩa kim loại nhỏ xuất hiện từ trong bóng tối đi lướt qua anh, khóc thút thít, phần còn lại của cánh tay phải rách nát giật giật trên đôi vai. Một người đàn ông mặc bộ vest buổi tối nằm ngửa, hai cánh tay dang rộng không thể nhận diện được ông ta nữa.

Gần nửa bức tường hồi có mái đã đổ sập, con đường bị chắn bằng đống gạch vụn hỗn độn cao gần hai mét. Anh có thể nghe thấy tiếng phụ nữ đang gào thét, tiếng cảnh sát quát tháo trên phố Wellington: “Lùi lại! Lùi lại!”. Anh trèo lên đống gạch vụn nhưng bị trượt xuống khuỷu tay bị va đập mạnh. Anh lại cố gắng chạy về phía bắc phố Exeter, ở đấy ít nhất anh có thể trú chân tại các mặt tiền đối diện. Thủy tinh chiếu sáng, những mảnh vỡ màu cam - những đồ trang sức kim cương - sáng lấp lánh - mọi cửa sổ trên phố đều tắt đèn. Anh đang nghĩ đến Lyceum với những phòng thay đồ - là nơi cha anh đã từng diễn suốt những năm tám mươi. Có thể không phải trong giờ giải lao - Blanche sẽ an toàn hơn khi ở trên sân khấu - nhưng anh cũng chưa xem vở kịch đau buồn này nên không biết tìm cô ở đâu.

Anh trèo lên đống gạch đang đổ xuống. Ở trên cùng ngọn lửa gas sáng lóe hắt bóng anh nhìn to đùng đến kì quái lên mặt trước tòa nhà, rung rinh và nhấp nhô. Hố bom to khủng khiếp, sâu ba mét. Thêm nhiều xác chết và các mảnh xác chết nữa nằm rải rác xung quanh - quán rượu Cái chuông ở góc phố đang bốc cháy. Người ta đến quán rượu từ Lyceum vào giờ giải lao - quán đã hứng trọn một trái bom. Phía xa, anh thấy cảnh sát đang thiết lập một hàng rào ngăn những kẻ hiếu kì, kinh hãi tránh xa những đám lửa bay lên từ đường ống thông gió chính.

Anh nghe thấy những viên gạch đang rơi xuống đường, âm thanh khô khốc như tiếng trứng vỡ. Anh nhìn lên, vừa đúng lúc thấy một ô cửa sổ đang trượt ra ngoài và rơi xuống kéo theo cả một nửa mảng tường. Anh nhảy tránh sang một bên, ngã sõng soài xuống con dốc, kiệt sức. Những ngọn đèn nhấp nháy trước mặt khi anh cố lấy lại hơi thở. Anh cố gắng quỳ

gối và thấy một bóng người cách vài thước bên kia con phố, vẫn đang đứng trong bóng tối, rõ ràng đang nhìn thẳng vào anh.

“Giúp tôi một tay, được không?” Lysander hét lên, thở khò khè.

Bóng người không nhúc nhích. Đó là một người đàn ông đội mũ, cổ áo khoác dựng đứng - không thể thấy được mặt vì đèn đường đã tắt hết. Ông ta đang đứng ngay góc phải phố Exeter - chỗ rẽ xuống phố Strand, nơi anh đã thấy có vài xác chết.

Lysander run rẩy đứng thẳng lên, lo sợ. Bóng người vẫn đứng nguyên tại chỗ, rõ ràng đang nhìn anh chằm chằm. Hắn ta bị làm sao thế nhỉ? Tại sao hắn chỉ đứng đó, nhìn trừng trừng mà chẳng làm gì? Ống dẫn khí chính lại lóe sáng và trong tích tắc ánh sáng bao trùm - bóng người giơ tay lên che mắt.

“Tao thấy mày rồi!” Lysander la hét - anh không thấy hắn nhưng giả vờ khiêu khích hắn. “Tao biết mày là ai! Tao thấy mày rồi!”

Bóng người quay lưng lại, chạy qua góc phố - và biến mất.

Chẳng cần đuổi theo, Lysander nghĩ, và hơn nữa anh phải tìm Blanche, Anh trèo lên dốc và trượt xuống mặt bên kia đống gạch, chạy lên cửa vào đằng sau nhà hát Lyceum. Một cảnh sát viên đang trú ẩn bên trong

“Những diễn viên! Tôi có một người bạn.”.

“Ngài không thể vào trong này. Mọi người xuống phố Strand rồi”.

Lysander nhận ra không còn đường nào đi qua phố Wellington, anh buộc phải quay lại con đường cũ. Anh thận trọng trèo lên bức tường gạch, thấy có nhiều cảnh sát và xe cứu thương đang thu gom các xác chết. An toàn rồi. Anh chạy qua họ xuống phố Strand thẳng tiến về Aldwych. Có

một đám đông đang ngày càng đông ở đây. Nhà hát Strand đối diện chẳng còn ai, các con phố đầy những người xem hát ăn mặc đẹp đi đi lại lại, hút thuốc và xúc động nói chuyện với nhau - những cái nơ con bướm, những chiếc lông chim, lụa là, đồ trang sức. Anh nhìn xung quanh mình. Các diễn viên đâu rồi?

“Lysander! Em không tin được!”

Đó là Blanche, một tay cầm tách cà phê, tay kia cầm điếu thuốc lá. Áo choàng của ai đó đang khoác hờ trên hai vai cô, như một chiếc áo choàng không tay.

Anh cảm thấy chùng lòng khi tìm thấy cô như thế này - bỗng dưng trở nên yếu mềm. Anh tiến lại và hôn lên má cô, nếm hương vị phấn hóa trang. Trong ánh sáng như sóng gợn của đường ống dẫn khí chính, trông cô thật kì cục trong bộ tóc giả màu trắng của thời nhiếp chính - một con chim lặn được vẽ lên đôi lông mày đen đậm, rất cong, một nốt ruồi xinh và đôi môi đỏ mọng

“Anh có bị kẹt trong vụ nổ không?”

Anh nhìn xuống người mình. Quần áo anh dính đầy bụi gạch, gối quần trái rách toạc, bay phần phật, dầu không đội mũ, một bên khuỷu tay còn đang chảy máu.

“Không, anh đang làm việc thì thấy những quả bom. Thế nên anh chạy đi tìm em. Anh rất lo...”.

“Ôi, Lysander của em”.

Họ ôm chầm lấy nhau, xiết chặt trong vòng tay nhau. Toàn bộ cơ thể cô đang run lên bần bật, run rẩy.

“Em không thể về nhà trong tình trạng thế này được”, anh nói, nhẹ nhàng, cầm lấy hai tay cô. “Về căn hộ của anh và tắm rửa đi đã. Uống cái gì đó thích hợp đó. Đi mất có hai phút thôi”.

BLANCHE ĐÃ ĐI RỒI. Vào lúc chín giờ sáng. Cô ấy đến Lyceum lấy quần áo. Báo chí nói rằng mười bảy người đã chết trong trận ném bom - "Cuộc Tấn công LỚN vào Xứ sở Nhà hát". Bí mật nhé, tôi phải cảm ơn tên phi công lái chiếc khinh khí cầu ấy - đêm đầu tiên của tôi tại chung cư Travelyan House Số 3/12 với Blanche. Blanche khỏa thân với bộ ngực căng tròn, hơi xệ, cặp hông tròn trĩnh, cặp đùi thon dài, khuôn mặt trắng bự phấn, nốt ruồi xinh, vết son đã nhạt do nụ hôn lúc nãy. Cách cô ấy lùa tay vào tóc tôi, xiết chặt, cách cô ấy ghì khuôn mặt tôi trên khuôn mặt cô, mắt nhìn mắt thật sâu, không chớp, cho đến khi tôi lên đỉnh. Giải phóng. Nhẹ nhõm. Ngắm cô bước đi quanh phòng tìm thuốc lá, đứng đó, khỏa thân, một nàng cung phi nhợt nhạt, châm lửa một điếu thuốc cho mình và một điếu cho tôi.

Câu hỏi: người đàn ông đứng nhìn tôi trong bóng tối là ai?

Chỉ đến bây giờ tôi mới cảm nhận được trạng thái sau cơn sốc, cảm thấy các dây thần kinh căng ra. Chiếc Zeppelin, những quả bom, những xác chết, những tiếng hét. Gặp lại Blanche, làm tình với cô. Tất cả khiến tôi gạt hết mọi thứ ra khỏi tâm trí, kể cả cuộc gặp gỡ kì lạ trên phố Exeter - một phần của sự điên rồ và kinh hoàng của đêm hôm ấy. Phải chăng hắn cố tình khiến tôi khiếp sợ? Một lời cảnh cáo ư? Về lí thuyết, Vandenbrook đang ở Folkestone. Tôi không tin hắn dám làm cái điều tự hủy hoại bản

thân như thế, đánh mất những lợi ích của mình. Tôi là hi vọng duy nhất của hắn.

Tôi ngồi đây, rà soát lại hình ảnh hắn chạy nước rút thoáng qua. Tại sao tôi lại nghĩ đó là Jack Fyfe-Miller nhỉ? Điều gì khiến tôi nghĩ thế? Không - chắc chắn là nhầm người. Nhưng điều này thì rõ ràng hơn, có ai đó đang đợi bên ngoài nhà phụ. Hắn thấy tôi lao ra ngoài và bám theo khi tôi chạy về phía những quả bom...

Đêm qua, khi nằm trong vòng tay nhau, chúng tôi đã nói chuyện:

TÔI: Anh vẫn còn giữ chiếc nhẫn - nhẫn của chúng ta... BLANCHE: Anh đang cố nói gì vậy, anh yêu?

TÔI: Em biết không, anh đang muốn nói lẽ ra chúng ta đừng bao giờ nên hủy bỏ hôn ước. Anh nghĩ vậy.

BLANCHE: Em có nên cho rằng đây là một lời tái cầu hôn không nhỉ?

TÔI: Đồng ý. Em hãy nói đồng ý đi. Anh đúng là một thằng ngu mà. Anh nhớ em, tình yêu của anh - Anh đã sống trong cơn mê mụ, trong mê muội.

Rồi chúng tôi hôn nhau. Tôi đi lấy cái nhẫn từ túi đựng danh thiếp trong túi áo khoác.

TÔI: Anh vẫn mang cái nhẫn này theo mình. Lá bùa may mắn của anh.

BLANCHE: Kể từ khi chia tay, anh có cần nhiều may mắn không?

TÔI: Em không biết đâu. Một ngày nào đó anh sẽ kể em nghe. À mà có lẽ anh nên hỏi em điều này. Chuyện với Ashburnham sao rồi?

BLANCHE: Ashburnham là kẻ vô danh tiểu tốt. Em đã cấm hắn không được xuất hiện trước mặt em nữa rồi.

TÔI: Anh rất vui khi nghe điều đó. Anh chỉ hỏi thôi.

BLANCHE (đeo nhẫn vào tay): Nhìn này, vẫn vừa vặn. Điểm tốt đấy.

TÔI: Em sẽ không phiền nếu trở thành phu nhân Lysander Rief chứ? Không còn là quý cô Blanche Blondel nữa?

BLANCE: Hay hơn tên thật của em đấy. Tên khai sinh của em [trọng âm Yorkshire] là Agnes Bleathby.

TÔI [Trọng âm vùng Yorkshire]: Mỗi ngày qua đi, ta học thêm được một điều mới mẻ, Agnes, những bông hoa. Sự tình cờ.

BLANCHE: Cả hai chúng ta đều đang diễn đúng không? Hầu như lúc nào cũng thế - lúc thì em diễn, lúc thì anh diễn.

TÔI: Lúc này thì không. Không phải anh đang diễn đâu.

BLANCHE: Em cũng không. [Hôn vị hôn phu mới mà cũ à]. Dẫu vậy, cũng thật vui là kể từ hồi đó đến giờ, chúng ta vẫn sống tốt. Lại đây nào, anh yêu.

Tôi soạn một bức điện tín - tôi sẽ gửi nó tại văn phòng điện báo trên đường đến nhà phụ. Bây giờ mọi thứ đã thay đổi.

> GỬI VENORA. CÓ TIN BUỒN. DỪNG CHUYẾN ĐI MIỄN CƯỠNG ĐẾN VỚI DÌ CỦA EM. HÃY HỦY CHUYẾN ĐI LONDON. NGỪNG LẠI ĐI ANDROMEDA.

Với một đồng trinh cho mỗi từ, có lẽ đây là bảy đồng xu khôn ngoan nhất tôi từng tiêu

57

Mười hai con Sò và một Khoanh thịt Chân giò

LYSANDER TÍNH GIỜ ĐI BỘ đến nhà phụ từ Chung cư Trevelyan House và phát hiện ra nếu đi nhanh, anh chỉ mất hơn năm phút một chút. Chưa kịp vui và tiết kiệm được khối thời gian và tiền bạc, anh đột ngột nhận ra thời gian của anh ở khu nhà phụ chắc chắn sắp hết. Những rắc rối đang liên tục xảy đến, rất nhanh nhưng anh vẫn còn vài mánh nữa chưa dùng.

Khi thong dong đi lên con đường đắp, ngang qua tháp Cây kim của Nữ hoàng Cleopat, đang định băng qua lòng đường đến nhà phụ, anh thấy Munro đang tiến về phía mình. Quá nhiều những cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên, anh nghĩ - đầu tiên là Fyfe-Miller, bây giờ là Munro. Sự lo lắng chắc đang ngày càng tăng ở khách sạn Whitehall Court.

“Ôi, thật là trùng hợp”.

“Giễu cợt không hợp với bản tính cởi mở, thân thiện của cậu đâu, Rief. Uống cà phê trước khi bắt đầu công việc cực nhọc hàng ngày chứ?”

Có một quán cà phê dưới cầu đường sắt Charing Cross, Munro gọi hai cốc, Lysander châm một điếu thuốc,

“Trận tấn công đêm qua khủng khiếp thật”, Munro nói.

“Tại sao chúng ta không thể bắn hạ một thứ to đến thế? Đó là điều mà tôi không hiểu. To đùng. Cứ đứng ra đó, trên bầu trời, sáng chói”.

“Chỉ có một khẩu súng phòng không ở London có tầm bắn đến ba nghìn mét, Nhưng nó là của quân Pháp”.

“Chẳng lẽ chúng ta không thể mượn được một khẩu à? Thế ông không nghĩ rằng các Zeppelin sẽ còn quay lại sao?”

“Hãy để những người khác lo chuyện đó đi, Rief. Chuyện của chúng ta đã đủ mệt rồi. Tôi sẽ hút thử một điếu “rẻ tiền” của cậu, cảm ơn”.

Lysander mời ông một điếu và châm lửa cho ông. Munro mất một phút để lấy hết các mảnh sợi thuốc lá trên lưỡi vì ông không phải là người hút thuốc lành nghề. Với ông đó chỉ là một hành động, không phải một niềm sung sướng

“Công việc của cậu tiến triển thế nào rồi?” cuối cùng ông hỏi.

“Chậm mà chắc...”

“... Nhưng vẫn sẽ thành công chứ? Đừng đi chậm quá. Có nghi phạm nào chưa?”

“Một vài. Nhưng chưa thể chọn ra ai được, chưa được - tôi không thể phạm sai lầm”.

Anh thấy những cơ hàm của Munro cứng lại.

“Đừng mong chúng tôi sẽ chịu đựng sự cẩn trọng thái quá của cậu mãi, Lysander. Cậu ở đây là để làm việc, chứ không phải là ngồi gọt bút chì. Làm việc đi”.

Lysander thấy mình bất ngờ tức giận vì một lý do nào đó, anh để ý thấy ông gọi tên thánh của mình ra một cách kẻ cả.

“Tôi không cần các ông chịu đựng”, anh đáp, gắng tỏ ra bình tĩnh. “Tôi đang phải cố gắng coi cái trò hỏi han này như một công việc nhàm chán, đơn điệu. Ông sẽ không cảm ơn tôi nếu tôi làm ai đó sợ chết khiếp, hay

mang đến cho ông một người bị kết tội oan, chỉ nhằm mục đích rút ngắn đi một vài ngày".

Munro rõ ràng đã lấy lại tâm trạng bình thường, khoác lên lớp vỏ bọc nhún nhường mỏng manh, khi nghĩ về chuyện này.

"Phải... À... tôi hiểu cậu đã gửi đi những yêu cầu của Osborne-Way từ Văn phòng Chiến tranh".

"Phải, tôi đã làm thế", Lysander che giấu đi sự ngạc nhiên. Làm sao Munro biết được chuyện này? Rồi ngay lập tức anh đã tìm ra câu trả lời - dĩ nhiên rồi, là Tremlett. Các tai mắt của Munro trong Ban Hậu cần. Đúng ra là *mắt* và đôi tai. Bắt đầu từ bây giờ, anh sẽ để ý đến sự hai mặt của Tremlett. "Osborne-Way có khả năng biết mọi thứ nằm trong những lá thư Glockner, ông ta...".

"Cậu không có quyền".

"Tôi có mọi quyền".

"Andromeda không phải là Osborne-Way".

"Chúng ta không thể tự mãn; chúng ta không thể mạo hiểm bất kì giả định nào".

Anh có thể thấy cơn giận của Munro đang quay lại - tại sao ông ta dễ nổi cục thế nhỉ? Anh quyết định đổi chủ đề.

"Hôm kia tôi gặp Florence Duchesne".

"Tôi biết".

"Bà ấy vẫn còn ở London chứ?"

"Tôi e rằng bà ấy đã đi rồi".

“À. Phải rồi. Tôi cứ hi vọng được gặp lại bà ấy”. Lysander cảm thấy một nỗi buồn tuy ngắn ngủi nhưng khó nhọc trước tin này - có thể có một điều gì đó đã mất đi. Không hiểu làm sao anh lại nghĩ đến bà ấy như một đồng minh duy nhất của mình - dường như hai người rất hiểu nhau; họ đều nhận lệnh từ những nguồn mà họ chẳng hề quen biết, không thể xác định. Họ đều bị giật dây đó là điều liên kết họ với nhau... Anh nhìn Munro, đang hút thuốc bập bập như con gái. Anh biết rằng bây giờ tấn công là phương pháp phòng thủ tốt nhất.

“Ông có kể cho tôi mọi chuyện không Munro? Đôi khi tôi thấy băn khoăn - chuyện gì đang diễn ra vậy?”

“Chỉ việc tìm Andromeda mà thôi và tìm nhanh lên”. Ông ném mấy đồng xu lên quầy, quay sang anh cười nhếch mép và bước đi.

Lysander quay về nhà phụ với một kế hoạch đang chậm rãi hình thành trong đầu. Nếu Munro muốn hành động, vậy anh sẽ cho ông ta được toại nguyện.

Tremlett đang đợi anh ngoài cửa phòng 205, dường như vui vẻ bất thường - “Ngài có muốn một chén trà ngon không, thưa ngài? Với những búp trà nóng hổi?” - nhưng giờ đây Lysander nhìn cậu ta với chút nghi ngờ. Anh tự hỏi Tremlet thu được điều gì từ chuyến đi của họ đến các khách sạn trên bờ biển phía nam. Suy nghĩ kĩ thì thấy không có khả năng cậu ta liên hệ với Vandenbrook; Lysander chưa bao giờ nói với cậu ta những gì anh đang làm, mỗi lần đều gạt Tremlett ra ngoài. Nhưng anh không phải thằng ngốc. Chẳng phải cậu ta sẽ truyền các thông tin về chuyến đi của họ cho Munro, trong bất kì trường hợp nào sao? Có khả năng - ngay cả nếu cậu ta không thể giải thích. Có phải điều đó đang khiến Munro và Fyfe-Miller giật mình hay không? Phải chăng họ cảm

thấy rằng anh đang đi trước bọn họ, đang che giấu những sự thật mà họ không thể biết được?... Những câu hỏi không trả lời được cứ chất đống. Một lần nữa, Lysander thấy mình đang đắm chìm trong một vũng lầy nghi hoặc. Anh mở ngăn kéo bàn, lấy ra một cuốn sách nhỏ đựng các mẫu điện tín trả trước. Anh sẽ cho họ một thứ khiến họ phải nghĩ lại.

Anh nhấc điện thoại lên và quay số máy nhánh của Tremlett.

"Vâng, thưa ngài",

"Đại úy Vandenbrook quay về từ Folkestone chưa?"

"Tôi tin là anh ấy về rồi, thưa ngài".

"Cậu bảo anh ta vào văn phòng tôi được không?"

Lysander tự đãi mình một bữa trưa tại quán sò Max trên phố Dean Soho. Anh gọi mười hai con sò và một khoanh thịt chân giò. Anh thấy hạnh phúc khi nghĩ về Blanche và cái đêm họ bên nhau. Dáng người cao cao, cô gần như lúng túng dưới tấm ga giường - vốn được để trong mấy cái hòm do một phu khuân vác mang đến sáng hôm ấy. Họ đã lấy ra, trải lên giường và quấn vào người trong cơn điên cuồng. Người cô chỉ thấy đầu gối và khuỷu tay, gầy còm, giơ xương. Bộ ngực cô phẳng, rộng với núm vú ngăm đen. Rõ ràng trước anh cô đã không có người tình nào. Cách cô ghì đầu anh, tóc anh bằng những nắm tay giữ anh bất động... Cái chiêu này cô ấy học được của ai và từ đâu nhỉ? Anh không hối tiếc khi tự ý đề nghị cô đeo lại nhẫn của anh - cho dù bây giờ khi tiêu hóa hết đám sò, anh vẫn tự hỏi liệu mình có quá hấp tấp, quá hạnh phúc, quá nhẹ nhõm khi "bệnh cũ" không còn tái phát mỗi lần gần gũi cô - mọi chuyện đã ổn thỏa nhờ Hettie, Hettie thật sự khác biệt. Tuy nhiên, khi không còn rủi ro mỗi lần ngủ với Blanche, mọi chuyện lại không hoàn toàn dễ chịu. Agnes Bleathby tươi mới, thẳng thắn. Hẳn nhiên, với Hettie tất cả đã kết thúc. Nhưng điều

đó chỉ đúng khi Hettie đã làm anh thất vọng đến choáng váng phản bội anh ngay lập tức, không ngần ngại cứu lấy bản thân cô ta và không thèm đếm xỉa đến đứa con của anh. Anh nhận ra Lothar chẳng có nghĩa lí gì trong đời cô ta. Hơn thế nữa, chính anh - cha đẻ của Lothar - rõ ràng cũng chung số phận trừ phi anh có chút giá trị lợi dụng đối với cô ta - việc cô ta kết hôn với Jago Lasry là ví dụ điển hình nhất. Không Blanche vẫn luôn luôn là cô gái của anh. Cô đã đề nghị anh quay lại căn nhà trong trại nuôi ngựa của mình ở Knightsbridge để ăn tối - sô diễn của cô bị hủy bỏ cho đến khi nhà hát được sửa chữa xong. Anh mỉm cười trước ý tưởng Blanche nấu bữa tối và đợi anh từ văn phòng trở về - một dấu hiệu cho hạnh phúc lứa đôi của họ ư? Lần đầu tiên trong nhiều tháng, anh cảm thấy hơi ấm của sự an toàn bao bọc quanh mình. Sự mãn nguyện - cái cảm giác mới hiếm hoi làm sao, nó chỉ đến khi ta được yêu thương. Anh gọi thêm một suất sò và khoanh thịt chân giò nữa.

Anh quay về nhà phụ với tâm trạng phấn chấn. Một quy trình hành động được soạn thảo và Munro sẽ sớm có được câu trả lời, tuy nhiên có thể không được như ý. Vandenbrook bình tĩnh và đã sẵn sàng. Thế nhưng Tremlett lại đang đợi anh trước cửa phòng, lần này có vẻ kích động.

“À, ngài đây rồi. Tôi đang bắt đầu nghĩ rằng ngài sẽ đi vắng cả ngày”.

“Không đâu, Tremlett. Chuyện gì thế?”

“Có một người đàn ông dưới nhà khăng khăng đòi gặp ngài. Ông ấy nói rằng ông ấy là chú của ngài - một ngài Rief Lớn”.

“Vì ông ấy là chú tôi mà. Cho ông ấy lên đây ngay. Mang cho chúng tôi một bình cà phê”.

Lysander ngồi phịch xuống ghế, thấy trong đầu ong ong do ăn quá nhiều thịt chân giò, nhưng thấy vui khi gặp lại chú Hamo. Ông không

thường xuyên lên thành phố - “London làm chú sợ chết khiếp”, ông luôn nói thế - vì thế đây là một điều thú vị bất ngờ.

Tremlett dẫn Hamo vào. Lysander biết ngay có chuyện không ổn.

“Chuyện gì vậy, chú Hamo? Không có liên quan gì tới Femi đấy chứ?” Theo những gì anh biết thì chiến tranh tại Tây Phi đã kết thúc - mọi thứ đã chuyển sang phía đông.

Mặt Hamo nghiêm trọng.

“Chính cháu nên chuẩn bị tinh thần cho tin tức xấu nhất đi, cậu bé của ta...”

“Chuyện gì thế ạ?”

“Mẹ cháu mất rồi”.

Những cuộc Điều tra Tự thuật

CÓ MỘT CHUYỆN HOANG ĐƯỜNG rằng chết đuối là cái chết tốt đẹp nhất trong hàng tá, hay hàng trăm cái chết xảy ra đối với loài người chúng ta. Rằng khi chết đuối, cái chết đến cùng lúc với cảm giác toại nguyện thuần khiết. Tôi sẽ giữ mãi ý tưởng này. Nhưng lí trí trong não tôi lên tiếng thắc mắc ai là người nghĩ ra khái niệm này? Bằng chứng đâu?

Khi tôi thấy xác mẹ trong tay người phục vụ lễ tang ở Eastbourne, sắc mặt bà lại rất thanh thản, mãn nguyện. Nhợt nhạt hơn bình thường, trên đôi môi thoáng chút sắc xanh, đôi mắt nhắm nghiền như thể đang ngủ lơ mơ. Tôi hôn lên vầng trán lạnh ngắt của bà. Ruột đau thắt khi nhớ lại lần cuối cùng tôi có cử chỉ này, lúc tôi ôm lấy cơ thể ấm áp của bà trong vòng tay mình. “Mẹ sẽ không để con chết chìm vì chuyện này đâu”.

Hamo bảo có một phong thư chưa mở tại Claverleigh đang chờ tôi. Nhưng không cần đọc tôi cũng biết đó là lời thú nhận của bà. Chú Hamo thật nhân hậu, cầu Chúa phù hộ cho ông. Ông an ủi, có thể bà mất do một tai nạn khủng khiếp - một cú trượt, một cú ngã rồi bất tỉnh. Nhưng tôi bảo cháu tin bà đã tự sát và lá thư ấy chỉ đơn thuần xác nhận thêm điều này. Xác của bà được tìm thấy lúc bình minh, trên bờ biển nhiều đá cuội ở Eastbourne, do thủy triều đưa vào bờ - người ta biết nhờ một người đàn ông hay dắt chó ra ngoài đi dạo lúc mờ sáng - bà vẫn mặc nguyên quần áo, tháo bỏ hết đồ trang sức và một chiếc giày đã bị mất.

Tôi bỗng nhớ lại một chuyện Wolfram Rozman đã nói - dường như cả vài chục năm trước rồi - nhớ về một thế giới không tưởng thần thoại trước chiến tranh, trước khi cuộc sống của mọi người thay đổi mãi mãi - khi tôi hỏi ông sẽ làm gì nếu tòa phán ông có tội. Wolfram đã trả lời - một cách vô tình, chẳng đâu vào đâu - rằng đương nhiên ông sẽ tự sát. Lysander có thể nhìn thấu ông bằng con mắt tư duy của mình chẳng mấy khó khăn - Wolfram đang đứng đó trong bộ đồ màu nâu nhạt, khẽ đung đưa, chuếnh choáng say. Ông hoàn toàn nghiêm túc nói: "Trong cái đế chế xiêu vẹo của chúng ta, tự sát là một đường lối hành động hợp lí đến hoàn hảo". Phải chăng ông đang cố tỏ ra can đảm, với tính huênh hoang khoác lác của lính kị binh châu Âu? Không, anh nhớ lại một câu nói tuy buồn cười nhưng logic đến cực kì tàn nhẫn: một khi anh hiểu điều đó - anh sẽ hiểu chúng tôi. Nó nằm rất sâu trong con người chúng ta. "*Selbstmord*" - cái chết tự thân - là một lời giã biệt trong danh dự đối với thế giới này. Mẹ tôi đã gửi đến tôi một lời chào từ biệt trong danh dự. Thế là đủ rồi.

Lysander yêu dấu của mẹ,

Mẹ sẽ không cho phép bản thân, hay sự ngu ngốc của mẹ, làm hại đến con hay gây nguy hiểm cho con theo bất kỳ cách nào. Con nên hiểu những gì mẹ sắp làm là một cách hành động hoàn toàn hợp lý đối với mẹ. Khi rời bỏ thế giới này, mẹ có chút luyến tiếc. Nhưng có đáng gì đâu so với những lợi ích mang lại khi mẹ chấm dứt cuộc sống này. Hãy nghĩ về chuyện này như thế, con yêu - cuối cùng thì mẹ không còn tồn tại trên thế giới này nữa. Sự thật này, trạng thái này, một ngày nào đó rồi sẽ đến. Nên dường như với mẹ, ngày nào cũng tốt đẹp như ngày mai. Khi đưa ra quyết định này, mẹ cảm thấy nhẹ nhõm, thanh thản. Giờ đây con đang tự do vững bước về

phía trước với đầy đủ sự mạnh mẽ, tự tin, không còn phải vấn vương về người mẹ ngu ngốc này nữa. Mẹ không thể nói mẹ đau buồn thế nào sau buổi nói chuyện cuối cùng giữa hai mẹ con ta, về cách con tự đặt bản thân mình vào nguy hiểm, tiến hành một lối hành động đơn giản là sai lầm, chỉ vì muốn tha thứ cho mẹ. Con đã sẵn sàng hy sinh cho mẹ và mẹ không thể cho phép con làm thế, mẹ không thể sống nổi với trách nhiệm đó. Việc mẹ sắp làm không phải là sự hi sinh - con phải hiểu đối với một người như mẹ, đây chính là hành động bình thường nhất trong thế giới lành mạnh và duy lý này.

Chào tạm biệt con yêu. Mỗi ngày qua đi, mong con hãy luôn nghĩ đến mẹ.

Người mẹ yêu dấu của con.

Những hình ảnh: mẹ tôi, cha tôi. Hình ảnh mẹ tôi khóc ở đám tang của ông, những giọt lệ không ngừng rơi. Căn hộ tồi tàn ở Paddington. Claverleigh. Sắc đẹp của bà. Tiếng hát của bà - giọng hát ngọt dịu, đầy đặn. Buổi chiều ngập nắng khủng khiếp ấy trong rừng Claverleigh. Trong những bữa ăn, bà bảo gõ gõ cái dĩa lên đĩa đồ ăn một cách vô thức chính là muốn nhấn mạnh vấn đề bà đang nói. Đêm ấy tôi thấy cha tôi hôn bà trong phòng khách khi họ tưởng rằng tôi đã ngủ. Cách họ bật cười khi tôi giận dữ bước vào, Món đồ trang sức bằng đá chạm bà đeo với chữ "H" được chạm khắc bằng đá mã não màu đen. Cách bà hút thuốc, cách bà phơi ra cái cần cổ nhợt nhạt khi hếch cằm lên phả khói thuốc. Vẻ tự tin khi bà bước vào phòng như thể đang ra sân khấu. Tôi còn có thể là gì nữa ngoài hình ảnh một đứa con yêu dấu của cha mẹ tôi? Làm sao tôi có được cách trả thù tốt nhất cho cái chết của bà đây ?

Bác sĩ Bensimon gặp tôi hai tiếng trước. Tôi gọi điện cho ông ngay sau khi trở về từ Eastbourne.

“Tôi ước gì có thể nói rằng, một thông báo ngắn ngủi như vậy đúng là một nỗ lực hợp với anh, nhưng anh là bệnh nhân duy nhất của tôi hôm nay”.

Tôi nằm trên trường kỉ, kể cho ông nghe chuyện mẹ tôi tự sát, kể thẳng thừng, không cần rào trước đón sau.

“Chúa ơi. Tôi rất tiếc khi nghe điều đó”, ông bật nói. Và sau một lúc im lặng: “Anh cảm thấy thế nào? Có thấy tội lỗi không?”

“Không”, tôi đáp ngay. “Không hiểu sao tôi muốn thấy bà có lỗi nhưng vì quá tôn trọng bà nên tôi không thể làm thế. Điều đó có ý nghĩa không? Bà đã nghĩ đến điều đó và quyết định làm. Một thứ logic lạnh lùng. Và tôi cho rằng bà có mọi quyền”.

“Điều ấy rất Vienna”, Bensimon đáp, rồi xin lỗi. “Tôi không có ý khiếm nhã. Tôi muốn nói đó là lựa chọn của mẹ anh. Anh không biết có bao nhiêu bệnh nhân của tôi cũng làm điều tương tự đâu - không phải là tự phát - mà thường là sau rất nhiều suy nghĩ. Suy nghĩ bình tĩnh, bằng lí trí. Anh có biết điều gì khiến bà ấy làm thế không?”

“Có, tôi nghĩ vậy. Có liên quan đến việc tôi đang làm...”. Tôi lại suy nghĩ. “Có liên quan đến cuộc chiến này và công việc hiện tại của tôi. Thực ra bà chỉ đang cố gắng bảo vệ tôi, dù tôi có tin hay không”.

“Anh có muốn nói chuyện về bà ấy không?”

“Thực ra là không, tôi muốn hỏi ông - về một người khác. Ông có nhớ lần đầu tiên chúng ta gặp nhau, tại Vienna, trong phòng khám của ông không?”

“Cái ngày cô Bull cứ khăng khăng đòi vào. Có - tôi không dễ quên đâu”.

“Có sự xuất hiện của một người Anh khác đến từ Đại sứ quán - một tùy viên quân sự - Alwyn Munro”.

“À, Munro. Tôi biết ông ta rất rõ. Chúng tôi là bạn thời đại học”.

“Thật à? Ông ta có hỏi ông chuyện gì về tôi không?”

“Tôi không thể trả lời câu hỏi đó”, ông đáp, vẻ hối lỗi. “Rất xin lỗi”.

Tôi quay đầu lại, nhìn Bensimon đang ngồi sau bàn, những ngón tay giơ lên che mặt.

“Vì ông không thể nhớ nổi à?”

“Không phải. Mà vì ông ấy là bệnh nhân của tôi”.

“Bệnh nhân?” Tôi kinh ngạc trước tin này. Tôi ngồi dậy và xoay người lại, “Ông ấy bị làm sao?”

“Rõ ràng là tôi cũng không thể trả lời câu hỏi đó. Chỉ có thể nói rằng, Đại úy Munro có những vấn đề nghiêm trọng về tính cách cá nhân. Tôi không thể tiết lộ được gì hơn”.

Tôi ngồi trong chung cư Travelyan House số 3/12 với một chai whisky và bánh sandwich pho mát - dưa chua mua ở quán rượu trên góc phố Surrey. Tôi gọi điện cho Blanche kể lại chuyện đã xảy ra, đón nhận ở có sự đồng cảm và quan tâm ấm áp. Cô mời tôi đến chơi và ở lại nhà cô. Tôi nói rồi một ngày nào đó tôi sẽ đến, nhưng lúc này tôi chỉ muốn ở một mình. Tất nhiên, sẽ có một cuộc điều tra - thế nên chúng tôi phải đợi đến trước lúc có thể chôn bà - mẹ tôi, Annaliese. Tôi muốn khóc thật nhiều. Nhưng tất cả những gì tôi cảm thấy chỉ là nỗi buồn đè nặng trong lòng - nỗi oán giận nặng như chì, cơn giận dữ dâng cao đến mức khiến bà cảm thấy

mình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải ra đi. Cởi bỏ hết đồ trang sức, bước xuống biển cho đến khi chìm hẳn xuống những con sóng.

59

Một Tách trà và một chai Rượu thuốc Brandy

NGÀY HÔM SAU TRÔI QUA thật chậm, rất chậm. Lysander cảm thấy như thể thời gian đang đồng lõa những tâm trạng rối beng của anh. Anh thu mình lại, ở lì trong phòng 205, khóa cửa im ỉm. Đến giữa trưa, anh sai Tremlett đi mua vài cái bánh ngọt từ quầy ăn trên phố Strand. Anh kiểm đi kiểm lại các kế hoạch cho buổi tối. Cố gắng thuyết phục bản thân rằng đây sẽ là bài tập quan trọng, có thể hé lộ nhiều điều. Tối thiểu nhất thì anh cũng sẽ thông minh hơn - có thể sẽ tiến gần tới đích hơn nữa.

Vào giữa chiều, Tremlett gọi điện thoại cho anh:

"Khách sạn Cung điện Trắng đang đợi máy thưa ngài"

"Tôi không còn ở đó nữa rồi"

"Họ nói vợ ngài bị ốm ạ".

"Tôi chưa kết hôn, Tremlett - rõ ràng là nhầm lẫn thôi".

"Họ cứ khăng khăng nói thế ạ. Có vẻ như bà ấy đang yếu đi".

"Được rồi, nối máy với họ đi".

Anh chờ đợi, nghe thấy những tiếng lách cách và vo vo khi đường dây được nối. Rồi một người quản lí lên tiếng.

"Bà Rief đang rất, à, ở trạng thái kích động".

"Thực tế là chẳng có "Bà Rief" nào hết", Lysander nói. Rồi anh hiểu ra. "Tôi sẽ nói chuyện với cô ta".

Anh nghe thấy tiếng người quản lý đi khỏi, tiếng những bước chân đến gần.

“Chào Hettie”, anh nói.

“Anh đã chuyển đi mất rồi!” Cô nói giận dữ như buộc tội. “Em không biết làm sao tìm được anh”.

“Anh sẽ đến trong mười phút nữa”.

Anh bắt taxi đến Pimlico, thấy cô trong phòng chờ dành cho khách trọ tại khách sạn Cung điện Trắng, đang ngồi uống một tách trà và một chai rượu thuốc brandy. Anh khóa cửa để không bị quấy rầy, nhưng Hettie lại xem đây như một sự gọi mời thân mật nên cố hôn anh. Bị anh nhẹ nhàng đẩy ra, cô hờn dỗi và lại ngồi xuống sô pha.

“Em có hẳn ba ngày tự do”, cô nói. “Jago tin rằng em đi nghỉ trên đảo Wight để phác thảo. Em nghĩ ở trên một hòn đảo sẽ khiến ông ta dễ tin hơn”.

“Anh không gặp em được đâu, Hettie”, anh đáp. “Có sự xáo trộn về... anh đang phải làm việc suốt ngày đêm. Thế nên anh mới gửi điện tín cho em”.

Cô nhíu mày, Co chân lên ghế, bĩu môi, gõ gõ ngón trỏ lên má. một, hai, ba - như thể đang đếm ngược trong đầu. Rồi ngón tay cô chỉ vào anh.

“Anh có người khác rồi”, cuối cùng cô nói. “Em nói đúng không?”

“Không... Có”.

“Anh là thằng chó, Lysander. Thắng chó khốn nạn đáng ghét”.

“Hettie. Em đã bỏ đi và kết hôn. Chúng ta có con nhưng em chẳng buồn nói cho anh biết”.

“Chuyện đó khác”.

“Thế bây giờ giải thích đi”.

“Anh đã làm gì em hả Lysander?”

“Đợi một giây đã. Anh có thể nhắc để em nhớ những sự kiện năm 1913 tại Vienna không? Em tống anh vào tù bằng những lời dối trá chết tiệt của em. Sao em dám làm thế?”

“Em đang giúp anh đấy. Có thể lúc đầu là không nhưng sau đó thì có”.

“Em đang nói gì thế?”

“Những người đó thuyết phục em rút lại lời buộc tội cưỡng hiếp, để anh có thể được bảo lãnh. Udo rất giận dữ, thật ra hắn đã tống cổ em ra khỏi nhà...”.

“Những người nào?

“Hai người ở đại sứ quán. Những tùy viên - em quên tên họ rồi”.

“Munro và Fyfe-Miller”.

“Nếu anh nói thế”.

Lysander bắt đầu suy nghĩ rất nhanh.

“Em nói Munro và Fyfe-Miller à?” anh hỏi. “Trong khi anh vẫn đang bị bắt sao?”

“Bọn họ có gặp em vài lần. Em làm những gì họ bảo - thay đổi lời buộc tội. Và khi em đòi thì họ cho em ít tiền. Sau khi anh trốn thoát, họ đã rất tốt - ngỏ ý đưa em sang Thụy Sĩ. Nhưng em quyết định ở lại - vì Lothar”. Cô nhìn anh trừng trừng, như thể anh phải chịu trách nhiệm về cái đống hỗn độn ấy. “Họ hỏi em hàng đống câu hỏi về anh. Rất tò mò. Có thể nói là

em rất biết nghe lời. Em kể với họ tất cả những chi tiết lí thú về ngài Lysander Rief".

Lysander tự hỏi có phải cô đang nói dối không. Có phải đây là một màn trình diễn xuất sắc không? Anh cảm thấy một lần nữa sự bối rối lại chiếm hữu mình. Anh vươn tay lấy ly brandy và nốc cạn. Ban đầu Munro hóa ra lại là bệnh nhân của Bensimon và bây giờ dường như có sự thông đồng giữa Munro, Fyfe-Miller và Hettie. Anh cố gắng hiểu những mối liên hệ và hậu quả có thể là gì nhưng tất cả bỗng trở nên quá phức tạp. Thực sự chuyện gì đã xảy ra tại Vienna năm 1914: Chuyện này làm anh rất khó chịu.

Hettie đứng dậy, đến bên, ngồi vào lòng anh. Hai cánh tay vòng quanh cổ và hôn anh - những nụ hôn nghịch ngợm lên mặt, ngực cô ép chặt vào cánh tay anh.

"Em biết anh thích gì, Lysander. Hãy nghĩ đến sự vui vẻ ta có thể dành cho nhau những ba ngày cơ. Cùng nhau mua rất nhiều đồ ăn, thức uống và hãy ở bên em. Chúng ta có thể...". Cô bắt đầu luồn tay vào chỗ giữa hai chân anh.

"Không Hettie, xin em đấy". Anh đứng dậy, nhẹ nhàng tránh khỏi cô - thật bé bỏng, mềm mại. "Anh đã đính hôn rồi. Kết thúc rồi. Lẽ ra em không bao giờ nên đến đây. Anh muốn nói thẳng rằng em đừng đến nữa. Em chỉ nên tự trách mình thôi".

"Anh là thằng khốn", cô nói, rơm rớm nước mắt. "Một thằng khốn ích kỉ chó chết". Cô tiếp tục xỉ vả, ngày càng to tiếng, khi anh mặc áo mưa và cầm mũ lên. Anh rời phòng mà không buồn nhìn xung quanh. Anh không muốn quan tâm nhưng điều cuối cùng cô hét lên vào tai là: "... Và suốt phần đời còn lại, anh đừng mong gặp được Lothar".

Nhà hát London mới ở Varieties, ngay đối diện rạp xiếc Cambridge, đúng là hoàn toàn mới mẻ với Lysander. Anh sẽ không bao giờ diễn tại đây vì nó chỉ là một nhà hát tạp kĩ đơn thuần, dù có chút chuyên nghiệp, "những vở ba lê, kịch Pháp và những tiểu phẩm xã hội". Khi tham khảo thông tin hướng dẫn về nhà hát - anh không quan tâm đến chương trình mà là những tiện ích - anh biết rằng "du khách sẽ thấy khán giả tạo thành một phần của giải trí". Đó là mật mã anh biết, dành cho những ả điếm thường lượn lờ quanh các quán bar hành lang". Nhà hát London mới là một dạng nhà hát Victoria kiểu cũ, nơi người đi đường có thể uống rượu tại những quán bar mà không phải trả tiền xem các vở diễn. Thực ra đây là cách tăng doanh thu buổi tối vì nhà hát buộc phải kinh doanh các mặt hàng khác. Lysander nhớ đến một số nam diễn viên cao tuổi anh quen. Mấy ông hay vui vẻ hồi tưởng về giá cả và chất lượng của những ả điếm có thể xài được - bạn càng vào sâu trong nhà hát - từ các quầy hàng, các quán bar đến ban công trong rạp hát, hàng ghế trên cùng và tầng thượng nhà hát - gái điếm ở đó giá càng rẻ. Những quý ông quý tộc hơn cũng đến các quán bar nhà hát công cộng này, tạo lớp vỏ ngụy trang hoàn hảo - có khối thời gian cho họ xem xét kĩ lưỡng và lựa chọn, trong khi vẫn giả vờ đang làm việc nghiêm túc: đến nhà hát - có văn hóa, có giáo dục làm sao.

Buổi diễn đã bắt đầu đúng lúc Lysander ngồi xuống ghế. Một vở "ba lê" về những cô gái Pháp và một chàng thợ may, anh đoán vậy.

"Xin lỗi tôi đến muộn", anh nói với Vandenbrook, nhẹ xoay người lại để có góc nhìn tốt hơn. Hắn ta mặc bộ vest, mái tóc phẳng bóng mượt, rẽ ngôi giữa và hai mép cong của bộ râu được vuốt phẳng. Trông hắn hoàn toàn khác với người anh đã từng giới thiệu cho cả thế giới này - yếu đuối và kém quyến rũ hơn nhiều.

“Có mang kính theo không?

Vandenbrook thò tay vào túi áo, và đeo lên.

“Lý tưởng đấy. Cứ đeo thế đi”.

Đó là cặp kính bình thường, giãn tròng với gọng kính bằng dây, mượn được từ phòng chứa đồ dùng sân khấu ở Drury Lane. Khi vở ba lê vẫn đang diễn, Lysander duyệt qua kế hoạch một lần nữa, chắc chắn Vandenbrook hiểu được cần phải làm gì. Không cần phải thì thầm hay thậm chí là hạ giọng xuống. Vì khán phòng này đang rất ồn với tiếng nói chuyện rì rầm không ngớt, tiếng mọi người liên tục rời chỗ ra quầy bar hay quầy rượu bao quanh sân khấu. Lysander nhận thấy rất nhiều người trong số này là lính hay thủy thủ mặc thường phục. Hình như ai cũng hút thuốc cả, nên anh mời Vandenbrook một điếu. Cả hai cùng hút khi vở ba lê kết thúc để bắt đầu một tiểu phẩm hài.

Khi rèm kéo xuống, người dẫn chương trình nhắc khán giả số diễn đỉnh cao trong phần hai của chương trình tối nay là của Trelawny Melhuish, “nam diễn viên khu tây London trứ danh”. Ông sẽ ngâm lại những đoạn độc thoại của Hamlet, Hoàng tử Đan Mạch. Lysander và Vandenbrook nối đuôi nhau trên lối đi giữa các dãy ghế, ra phía quầy bar hành lang của gian hàng. Tồn tại hay không tồn tại, Lysander nghĩ.

“Chúng ta sẽ chia nhau ra ở đây”, anh nói khi hai người ra đến ngưỡng cửa buông rèm, dẫn ra hành lang.

Hành lang của gian hàng là một lối đi rộng quanh co và có trần thấp, chiếu sáng mờ mờ bằng các đèn khí lập lòe. Ở đây đông đặc người từ ngoài phố đi vào, người từ khán phòng đi ra. Lysander đi men về phía quầy bar trung tâm, đối diện các cầu thang lên lối ra vào. Đứng lùi xa một quãng là

một bộ ba câm lặng, mặc thường phục như anh yêu cầu trong các điện tín anh gửi cho họ. Đó là Munro, Fyfe-Miller và Massinger. Anh liếc nhìn phía sau để chắc chắn rằng Vandenbrook đâu đó gần anh, không thể bị nhận diện trong đám đông. Tốt rồi.

Anh đến gần ba người kia, lượn mấy vòng quanh họ. Cả ba đều tỏ ra khổ sở, khó chịu khi phải đứng giữa đám đông say xỉn, cười nói bỗ bã này. Lysander nghĩ như thế còn tốt hơn nhiều.

"Các quý ông", anh nói, bất ngờ xuất hiện trước mặt họ. "Cảm ơn vì đã đến".

"Chúng ta đang làm gì ở đây, Rief: Cái hành động ngớ ngẩn này nghĩa là gì?" Massinger càu nhàu.

"Tôi phải chắc chắn mình không bị theo dõi", anh đáp. "Tôi không tin tưởng bất kì ai ở Ban Hậu cần".

"Chuyện gì thế?" Munro hỏi, đôi mắt ông đảo quanh những khuôn mặt trong đám đông. "Trò chơi của cậu là gì, Rief: Chuyện khẩn cấp quái gì mà gọi cả ba chúng tôi đến thế hả?"

"Tôi đã tìm thấy Andromeda", Lysander nói, ngay lập tức khiến họ chú ý.

"Thế sao?" Fyfe-Miller nói với sự mỉa mai không chút giấu giếm, Lysander nghĩ. Qua vai trái của Fyfe-Miller, anh có thể nhìn thấy Vandenbrook đang lượn vòng quanh, rất gần. Hóa trang tuyệt hảo thật - trông hắn ta như một thằng cha kế toán nhút nhát nào đó đang ra phố tìm gái.

"Đúng", Lysander đáp. Anh phải kéo dài chuyện này ra một chút để Vandenbrook có càng nhiều thời gian càng tốt. "Là một người ở vị trí rất

cao".

"Không phải Osborne-Way - đừng phí thời gian nữa".

"Là cánh tay trái của ông ta", Lysander tiếp. "Mansfield Keogh".

Ba người nhìn nhau. Rõ ràng họ biết Keogh là ai.

"Mansfield Keogh", Massinger nói. "Chúa toàn năng ơi".

"Phải, là Keogh", Lysander vừa đáp, vừa thấy Vandenbrook đang di chuyển xung quanh họ. "Mọi thứ đều khớp. Những chuyến đi sang Pháp tính toán hàng hóa. Chỉ hắn mới có được toàn bộ thông tin trong các lá thư Glockner".

"Nhưng tại sao hắn làm thế?" Munro nói, rõ ràng vẫn không tin.

"Thế tại sao lại là người khác?" Lysander hỏi, nhìn thẳng vào cả ba người, "Có ba lí do để ai đó phản bội tổ quốc của họ - hận thù, tiền bạc", anh ngừng lại. "Và bị tống tiền".

"Vô lý", Massinger nói. Munro và Fyfe-Miller vẫn im lặng.

"Nghĩ về chuyện đó đi", Lysander nói.

"Làm sao mà những tiêu chí của chúng ta hợp với Keogh được?" Fyfe-Miller hỏi, nhíu mày.

"Vợ hắn chết khi còn rất trẻ - có thể chuyện đó khiến hắn ngớ ngẩn một chút", Lysander đáp. "Nhưng thế nào thì tôi không biết. Tôi chỉ cung cấp bằng chứng, không phải là đi tìm động cơ".

"Chúng ta có thể tra hỏi khi bắt hắn", Munro nói với một nụ cười mỉm. "Ngày mai - hoặc có thể là đêm nay".

Mọi người cùng im lặng cân nhắc tính khả thi của tình hình này.

“Vậy - Keogh là Andromeda”, Massinger nói, gần như tự lẩm bẩm một mình.

“Làm tốt lắm, Rief”, Munro lên tiếng. “Cậu đã tận dụng thời gian của mình và đến đích. Tôi sẽ giữ liên lạc. Tiếp tục làm việc ở nhà phụ như bình thường nhé”.

“Đúng rồi, chuyến đi săn tốt đấy, Rief”, Fyfe-Miller nói thêm, miệng cười rộng ngoác. “Chúng tôi đã nghĩ anh chính là người sẽ lôi hắn ra, Hoan hô”.

Một tiếng chuông bỗng kêu vang, báo hiệu phần hai của chương trình buổi tối nay sắp bắt đầu. Đám đông đang lục đục đi vào trong khán phòng. Lần đầu tiên Lysander nhận thấy những người phụ nữ mặt bự son phấn đang đứng xung quanh.

“Tôi phải vào trong rồi”, anh nói và mỉm cười. “Tôi đi xem phần còn lại của buổi biểu diễn đây. Tốt hơn là nên đi ra từng người một”. Anh quay lưng bước đi, vui mừng khi không nhìn thấy Vandenbrook

“Chào buổi tối, thưa ngài”, một ả điếm nói với anh, mỉm cười. “Xem xong có làm gì không cưng?”

Anh quay lại thấy Massinger đang rời đi. Fyfe-Miller và Munro đang nói chuyện rất gấp gáp, chụm đầu vào nhau. Anh sẽ cho họ ít nhất là hai mươi tư tiếng, Lysander nghĩ, vui mừng khi mọi chuyện êm xuôi - sẽ có kịch hay để xem đây.

Vandenbrook đã vào chỗ ngồi, hút thuốc, đang đợi rèm kéo lên. Lysander ngồi xuống bên cạnh và trao cho hắn một cốc bia lớn, Anh cũng có một cốc cho mình.

“Làm tốt lắm”, anh nói, “Cậu thích loại bia này không? Tôi đã bắt đầu yêu thích nó từ hồi ở Vienna đấy”.

“Cảm ơn anh”. Hắn nói chuyện hơi khẽ khàng, nhấp môi vào lớp bọt trên miệng cốc bia.

“Thế nào?”

“Tôi không nhận ra được ai trong số họ. Ngoại trừ một người cổ áo đeo nơ, chả hiểu sao trông quen lắm”.

“Massinger à?”

“Tôi nghĩ có thể trước kia tôi đã gặp ông ta. Trong những ngày ở Văn phòng Chiến tranh. Ông ta có ở trong quân ngũ không?”

“Có. Vậy - có thể cho là ông ta biết cậu là ai”.

“Có khả năng - trông ông ta có vẻ quen quen”.

Lysander nghĩ - đây không thể là bằng chứng. Dàn nhạc vừa chơi một bản quân hành, rèm kéo lên, hiện ra một dàn đồng ca các cô gái, mặc áo nịt bằng vải kaki và quần buộc túm mang những khẩu súng trường bằng gỗ. Những tiếng reo hò, la hét và huýt gió vang lên từ hàng ghế khán giả. Đây đúng là thứ họ muốn thấy - hơn là xem ngài Trelaway Melhuish ngâm thơ.

“Vậy Massinger có thể là Andromeda”, Lysander nói.

“Andromeda? Là gì?”

“Đó là mật danh chúng tôi đặt cho những kẻ như cậu, khi bắt đầu cuộc tìm kiếm này”.

“À, phải rồi”, Vandenbrook trông hơi khó chịu với ý nghĩ mình được đặt mật danh như thế, anh nghĩ vậy.“Tại sao lại là Andromeda?”

“Thực ra đó là lựa chọn của tôi. Trích từ một vở opera của Đức. *Andromeda và Perseus* của Gottlieb Toller”.

“À phải. Đó là một vở kịch rất gợi tình, đúng không?”

“Tôi chưa hề xem”, Lysander nói. Bất ngờ một nàng vũ công dáng người cao, chân dài lọt vào mắt, khiến anh nhớ đến Blanche. Anh bỏ vào rãnh một đồng sáu xu, cái móc bật trên các cặp ống nhòm gắn cố định ở lưng ghế trước. Anh đeo kính lên để xem cho rõ hơn và nghĩ có lẽ mình cũng thích màn diễn này.

60

Không phải là lúc ăn mừng

LYSANDER THỨC GIẤC vào khoảng ba, bốn giờ sáng. Anh đi xuống bếp uống một ít clo hydrat, Thuốc an thần của Bensimon chẳng hề hiệu quả, anh nghi ngờ đó chỉ là loại thuốc trấn an đơn thuần. Anh pha một nửa chỗ bột tinh thể bằng thìa uống trà vào cốc nước, khuấy mạnh và uống cạn. Anh thấy trong gói không còn nhiều nữa - anh sẽ uống hết chỗ đó sớm thôi. Dấu hiệu không tốt.

Trong khi chờ tác dụng quen thuộc của thuốc phát huy, anh điểm lại các sự kiện của cuộc gặp gỡ đã lên kế hoạch kĩ càng tại nhà hát London mới ở Varieties. Về mặt nào đó thì anh thất vọng không phải là lúc ăn mừng, chẳng thấy đâu sự thấu hiểu, thông suốt - mà là một điều được tiết lộ đêm nay, một cách vô tình, mà anh không hoàn toàn nắm bắt được. Chưa được. Có lẽ điều đó sẽ đến với anh. Anh ngày càng tin rằng Vienna nắm giữ chìa khóa - mấy tháng cuối cùng trước chiến tranh... Anh biết clo bắt đầu phát huy tác dụng - căn phòng chao đảo, anh cảm thấy mất thăng bằng. Rốt cuộc đã đến lúc ngủ được rồi. Anh thận trọng quay về phòng ngủ, một tay vịn vào tường cho khỏi ngã. Chúa ơi, cái thứ này mạnh thật - anh ngã gục xuống giường, sung sướng thấy mình chìm vào vô thức. Vienna. Chính là nó. Chắc chắn là...

“Ngài có sao không?” Tremlett hỏi. “Trông ngài như có vẻ không khỏe”.

“Tôi hoàn toàn ổn, cảm ơn Tremlett. Hoàn toàn minh mẫn”.

“Tôi e là ngài sẽ cần phải minh mẫn nhiều hơn đấy ạ. Đại tá muốn gặp ngài”.

Lysander hút vội điếu thuốc, xem xét lại một lượt bộ quân phục để Osborne-Way không có cớ kêu ca anh “ăn mặc không nghiêm chỉnh”. Xong xuôi anh bước nhanh xuống hành lang dẫn đến văn phòng Giám đốc Ban Hậu cần.

Thư ký của Osborne-Way tránh nhìn thẳng vào mắt anh khi dẫn anh vào. Lysander đứng nghiêm chào và bỏ mũ xuống, đứng ở tư thế nghỉ. Ông ta đứng sau bàn nhìn anh, không thèm mời anh ngồi.

“Đại úy Keogh đã bị bắt tại nhà vào sáng nay, lúc sáu giờ. Hiện anh ta đang bị giữ tại Cục Điều tra Tội phạm của Cảnh sát London”.

Lysander không nói gì.

“Không có câu trả lời hả Rief?”

“Ngài vẫn chưa hỏi tôi, thưa ngài, Ngài mới thông báo thôi. Tôi đang đợi câu hỏi đi theo sau”.

“Những người như anh khiến tôi tự hỏi tại sao chúng ta lại tham gia cuộc chiến này, Rief ạ. Anh khiến tôi thấy khó chịu”.

“Tôi rất tiếc khi nghe điều đó, thưa ngài”.

“Làm sao mà một tay diễn viên hợm hĩnh như cậu lại trở thành sĩ quan, một nỗi sỉ nhục đối với quân đội Anh như thế”.

“Tôi đang cố làm tốt việc của mình, thưa ngài. Giống như ngài”. Anh chỉ tay vào tấm huy hiệu thương binh khi chiến đấu trên tay áo anh. “Tôi đã làm xong phần việc của mình trên chiến tuyến, những vết sẹo này là bằng chứng”. Anh thích thú với vẻ khó chịu thoáng qua trên mặt Osborne-

Way - người suốt đời làm sĩ quan tham mưu, có một chỗ trú chân nhàn hạ, hưởng thụ những ngày nghỉ cuối tuần được bao toàn bộ ở Paris.

“Mansfield Keogh là một trong những người tốt nhất mà tôi biết. Anh không thể sánh được với cậu ta đâu”.

“Nếu ngài nói thế, thưa ngài”.

“Anh có bằng chứng gì chống lại cậu ta? Cái trò thẩm vấn nhỏ mọn, hèn hạ của cậu moi ra được những gì thế?”

“Tôi không có quyền nói cho ngài biết, thưa ngài”.

“Được, mẹ kiếp, ta ra lệnh cho mày phải nói! Tên rác rưởi! Mày là thằng cặn bã!”

Lysander đợi một vài giây trước khi đáp trả - Cố nhấn mạnh giọng nói lè nhè, dù vẫn nhẹ nhàng.

“Tôi e rằng ngài sẽ phải nói chuyện với Tổng Tham mưu Đế chế Thứ nhất về chuyện này, thưa Đại tá”.

“Cút ra khỏi đây ngay!”

Lysander đội mũ, đứng nghiêm chào rồi bỏ đi.

Quay về phòng 205, anh thấy một bức điện tín đang chờ.

ANDROMEDA, NHÀ TRỌ SPANIARDS, 7 GIỜ SÁNG MAI

Thậm chí còn chưa đến hai mươi tư tiếng, ấn tượng thật. Thế là mọi chuyện đã xảy ra vào đêm qua. Anh còn đủ thời gian để chắc chắn mọi thứ đã được chuẩn bị.

61

Chờ Mặt trời Lên

CHIẾC TAXI CHỞ LYSANDER DỪNG LẠI đầu phố Heath ở Humpstead, cạnh một cái hồ và mấy cột cờ. Anh suy nghĩ xem có nên đi bộ đến quán trọ Spaniards không. Bây giờ là 5 giờ 30 phút sáng, trời vẫn còn tối, như người Pháp vẫn nói. Anh đang mặc chiếc áo mưa màu đen, đeo khăn quàng cổ và mũ nỉ mềm tối màu. Trời lạnh nên hơi thở ngưng tụ nhanh chóng trước mặt anh, khi đang trên đường đến quán trọ từ chỗ cột cờ, dọc theo những ngọn cây thạch nam. Anh hầu như chẳng thấy gì - những ngọn đèn đường đặt cách nhau một khoảng rất rộng trên đường Spaniards - nhưng anh biết London ở phía nam, anh có thể nghe thấy tiếng gió rì rào trên những cây sồi giả trong rừng Caen bên phải - tiếng mấy cành cây cổ thụ kêu răng rắc và chà xát giống tiếng mấy quả sồi và những thanh ngang trên con tàu gỗ ngoài khơi - oằn xuống dưới sức nặng của hàng hóa. Gió đang mạnh lên, ngày càng dữ dội. Anh giữ chặt cái mũ trên đầu, tiếp tục đi và tự nhủ, yếu tố quan trọng nhất vào lúc này là bình tĩnh - bình tĩnh bằng mọi giá, cho dù xảy ra chuyện gì đi nữa. Mọi thứ đều có kế hoạch hết rồi, mọi thứ đều đâu vào đấy rồi.

Chẳng bao lâu, anh đến trạm nhỏ thu lệ phí cầu đường, nơi con đường hẹp đi đối diện với quán trọ Spaniards, và anh hút thuốc, chờ mặt trời lên. Mặt trời và ánh sáng, anh nghĩ - cuối cùng, rồi cũng đến. Lạ lùng là những phút cuối cùng trong bóng tối, anh cảm thấy chắc chắn hơn, lưng tựa vào tường, nhìn quán trọ phía bên kia - cửa sổ trên mái nhà lúc này đã sáng

đèn. Nơi này Charles Dickens đã từng thích thú uống vài cốc. Trong túi anh có cây đèn pin cùng một chai nhỏ đựng rượu rum và nước giặt bên hông. Một sự tôn vinh nho nhỏ cho cuộc đời chinh chiến của mình - chút rượu rum trước giờ báo động buổi sáng trong các con hào - một cuộc sống anh sắp từ bỏ mãi mãi, hi vọng thế.

Anh chiếu đèn pin vào đồng hồ đeo tay - 5 giờ 55 phút - còn một tiếng nữa. Anh cảm thấy những ánh chớp yếu ớt - những thân cây trong cánh rừng rậm sau lưng bắt đầu hiện ra, đông đặc trong bóng tối mỏng manh. Nhìn lên phía trên, các cành cây với những chiếc lá thu còn sót lại, anh nghĩ mình có thể nhìn thấy cả những đám mây to, mang màu xám sắc chanh nhạt nhòa, trên bầu trời kia. Cơn gió nhẹ miền tây không ngừng vội vã thổi bay chúng đi.

Anh nhấp ít rượu rum, hưởng thụ vị ngọt, vị cay ấm áp trong cổ họng và ngực. Một con ngựa, một chiếc xe bò và một người bán than lọc cọc đi qua. Rồi một thằng bé phát điện báo lái mô tô ầm ĩ chạy qua. Ngày mới đã bắt đầu. Cả đêm qua anh thậm chí còn thức trắng - không dùng clo - nhưng thay vào đó anh đã viết ra một báo cáo dài về cuộc điều tra vụ Andromeda, lịch sử của nó, những giả thiết và kết luận của anh. Nó khiến anh bận rộn. Anh chắc chắn rằng tâm trí mình vẫn minh mẫn, ngay cả khi anh hoàn toàn hiểu tài liệu anh đang soạn chỉ là đề phòng - phòng khi anh mất mạng trong vài giờ nữa.

Anh quyết định không đi theo dòng suy nghĩ ấy - mọi thứ rồi sẽ đi đến thắng lợi và thành công - anh sẽ không mạo hiểm cả mạng sống nếu không đạt được điều ấy. Bây giờ đó chính là một điều an ủi nhất định nào đó. Anh bước ra khỏi trạm thu phí, đi vài bước vào trong rừng. Những tia nắng mặt trời rồi sẽ chiếu xiên xuống Alexandra Palace, qua những đám

mây đang vội vã bay xa, chậm rãi tỏa sáng các ngôi làng Hornsey và Hinghgate, Finchley và Barnet về phía đông. Bây giờ anh có thể thấy những cành cây trên đầu nhấp nhô, đu đưa, hay cảm thấy những cơn gió bất ngờ giật mạnh khăn quàng cổ. Quán trọ hiện ra trước mắt anh, ở phía đối diện. Mặt tiền trát vữa xtucô trắng bừng sáng một cách kì lạ; những ngọn đèn thắp sáng trên các ô cửa sổ, anh có thể nghe thấy tiếng leng keng từ sân sau. Anh náu mình thêm chút nữa sau các ngọn cây. Ai đến đây cũng sẽ nghĩ rằng anh là người đến đầu tiên - anh không muốn ai nhận ra mình.

Anh hút thêm điếu thuốc nữa và nhấp ngụm rượu rum. Bây giờ anh có thể xem đồng hồ mà không cần đèn pin - còn hai mươi phút nữa. Trong giây lát anh lại nảy sinh một mối nghi ngờ khác - nếu anh sai thì sao? - anh lục lại những suy luận của mình trong nỗi ám ảnh. Dường như đối với anh, nó hoàn toàn thuyết phục - anh chỉ tiếc mình không có cơ hội và thời gian để thử áp dụng lí thuyết này với bất kì ai. Cơ sở pháp lí và sự đánh giá phải dựa trên những điều kiện của riêng nó, sự độc lập về lòng tin cố hữu của riêng nó.

Một chiếc mô tô taxi tiến lên đồi từ làng Highgate và tiếp tục đi. Trên đường Spaniards - tuy giao thông có vẻ hơi nhộn nhịp - một người đàn ông đang đẩy chiếc xe ba gác, hai chàng trai đang lái xe chở chó - nhưng khung cảnh vẫn thanh bình đến lý tưởng. Anh chợt thấy buồn đi tiểu, nhanh chóng tháo khuy quần. Sống lại cuộc sống trên chiến hào, anh nghĩ - một chút rượu rum và đi tiểu trước khi lên một chiến hào. Hãy nhớ đến những cuộc tấn công lớn - hàng chục nghìn người lính bất ngờ cùng nhau đi tiểu xem. Anh mỉm cười với hình ảnh được gợi lên và...

Một chiếc taxi tấp vào sân bên cạnh quán trọ.

Anh thấy người đàn ông đội mũ mềm trong xe cúi về phía trước trả tiền.

Christian Vandenbrook bước ra, chiếc xe rời đi.

Vandenbrook nhanh chóng sang đường. Hắn mặc một chiếc áo choàng dài bằng vải tuýt gần chấm mắt cá chân.

“Tôi đã gửi điện tín cho anh!” hắn hét lên, dòm vào trong rừng vẫn không thấy chỗ Lysander đang đứng. “Rief? Tôi biết Andromeda là ai! Anh đang ở đâu?” Khi trông thấy anh, hắn thở hổn hển. “Tôi biết điều này sau buổi xem hát - Tôi chỉ cần khẳng định vài thứ trước khi nói chuyện với anh”. Anh bước ra từ phía sau một cái cây, nhìn xuống đường Spaniards dẫn xuống Highgate, “Có người đang theo dõi tôi, chắc chắn thế. Cùng biến khỏi đây thôi”.

“Được rồi, được rồi, bình tĩnh lại đi”, Lysander nói, rồi cùng đi xuống con đường đất mòn để tiến sâu hơn vào trong rừng Caen. Vandenbrook trông căng thẳng và cảnh giác khác thường. Đến một chỗ hắn kéo Lysander ra khỏi đường mòn, đợi chờ sau một cái cây. Chẳng có gì cả. Chẳng có ai hết.

“Chuyện gì thế hả?” Lysander hỏi.

“Tôi chắc chắn mình đang bị theo dõi. Có một tên lảng vảng bên ngoài nhà tôi sáng nay. Chắc chắn hắn đã bám theo taxi của tôi”.

“Tại sao lại có người theo dõi cậu? Cậu đang tưởng tượng ra đấy thôi. Nào cho tôi biết những gì cậu biết đi”.

Đến lúc này họ đã đi sâu vào rừng. Trong ánh bình minh xám như ngọc trai, Lysander thấy rõ hơn lùm cây xung quanh họ - cây dẻ gai, tần bì và cây sồi - già và cao. Những cây nhựa ruồi mọc lấp xấp bên chân họ và

bụi cây thấp sum suê mọc ven lối đi. Có thể họ đã vào một cánh rừng nguyên sơ - thật không thể tin họ lại đang ở một thành phố phía bắc London. Gió đang thổi ngày càng mạnh, cây cối rì rào, than vãn trên đầu họ khi những cành cây bị gió bẻ cong, rụng xuống đất. Lysander giữ chặt hai đầu khăn quàng đang bay phần phật, nhét vào trong áo choàng.

"Có muốn làm một ngụm không?" anh chìa cái chai nhỏ ra. "Rượu rum đấy".

Vandenbrook uống hai ngụm lớn rồi trả lại anh.

"Nói tôi nghe", Lysander nói. "Vậy ai là Andromeda?"

"Không phải hắn ta - mà là bà ta. Chính điều đó khiến anh bối rối".

"Và?"

"Người đang tống tiền tôi là một phụ nữ - một người tên là Anna Faulkner. Đừng nhầm lẫn vì cái tên. Bà ta là người Áo. Là kẻ thù".

"Bà ta chết rồi. Tự sát".

"Tôi biết nhưng..." Vandenbrook dừng lại, bất ngờ trông hắn hốt hoảng. "Làm sao anh biết chuyện này?"

"Vì bà ấy là - đã từng là mẹ tôi".

Vandenbrook nhìn anh chằm chằm. Lysander thấy nét mặt hắn biến đổi từ trạng thái gần như hốt hoảng kích động đến lạnh lùng hơn, băng giá hơn. Không ra vẻ nữa. Hai người đàn ông trong một khu rừng hoang lúc bình minh, một cơn gió mạnh đang thổi trên đầu họ.

Vandenbrook thọc tay vào túi áo choàng, rút ra một khẩu súng ngắn. Hắn chĩa súng vào Lysander,

"Anh đã bị bắt", Vandenbrook nói.

“Bị bắt? Cậu điên à?”

“Anh và mẹ của anh - cả hai cùng một giuộc - hai tên gián điệp người Áo. Cả hai người đang tống tiền tôi”.

Lysander không định cười nhưng đúng lúc ấy anh không thể ngăn một tràng cười bật ra.

“Tôi phải nộp mình cho cậu thôi, Vandenbrook - cậu là ngoại lệ đấy. Cậu là diễn viên tốt nhất tôi từng thấy. Tốt hơn tất cả chúng tôi. Tốt nhất. Cậu đã bỏ lỡ năng khiếu của mình rồi”.

Vandenbrook nhếch mép.

“Cả hai chúng ta đều là diễn viên, đúng không?” hắn nói. “Chừng nào còn sống chúng ta còn diễn. Anh, tôi, mẹ anh, Munro và những người khác. Vài người diễn xuất tốt, vài người thì diễn dở ẹc. Nhưng chẳng ai thật sự biết cái gì là thực, cái gì là đúng. Chẳng thể nói chắc được”.

“Tại sao cậu làm thế, Vandenbrook? Vì tiền à? Có phải cậu đang hết sạch tiền không? Có muốn quay về với bố vợ cậu không? Cậu có căm hận ông ta nhiều không? Hay cậu chỉ muốn cảm thấy mình là người quan trọng, là nổi bật?”

“Anh biết tại sao mà”, Vandenbrook đáp, giọng đều đều, không chút kích động. “Bởi vì tôi bị tống tiền - bị tên khốn Andromeda đó tống tiền”.

Một cơn gió cực mạnh thổi bay mũ Lysander. Ngay sau đó, đầu của Vandenbrook như nổ tung trong đám sương mù màu hồng của máu. Cơ thể hắn đổ gục xuống đất bởi một sức mạnh vô hình.

Lysander nhắm mắt lại, đếm đến ba rồi lại mở ra. Vandenbrook vẫn còn nằm đó, nửa sọ bên trái đã mất, tóc bết lại, óc đùn lên, chảy tràn lênh láng, dòng máu đặc sệt chảy ra trông như dầu. Lysander cúi xuống nhặt

mũ đội lên đầu, và vì đang quay lưng lại nên anh không thấy được. Khi quay người lại, anh thấy Hamo đang đi qua lùm cây, trên vai vác khẩu súng trường Martini-Henri,

“Cháu không sao chứ?” Hamo hỏi.

“Đại loại thế ạ”.

“Lẽ ra chú nên kết liễu hắn sớm hơn - ngay khi hắn rút súng ra nhưng chú đợi tín hiệu của cháu. Sao cháu lâu vậy chứ?”

Lúc này, Lysander thật sự không tập trung. Anh đang nhìn Vandenbrook. Từ góc này, anh chỉ thấy được một cái lỗ nhỏ, màu đỏ ngay dưới tai phải hắn.

“Cháu xin lỗi, chú Hamo. Chú đang nói gì thế?”

“Tại sao cháu chờ lâu thế mới bỏ mũ ra?”

“Cháu đang cố thu thập thêm nhiều thông tin từ hắn. Thêm vài câu trả lời nữa”.

“Khi có người đang chĩa súng vào mũi cháu, làm thế nguy hiểm lắm đấy biết không. Phải bắn trước, Lysander, bóp cò thật mạnh vào. Phương châm của chú đấy. Thế nên chú mới dùng đạn đum đum*. Một phát là xong, khỏi cần lôi thôi”.

Hamo bước đến kiểm tra cái xác, xem xét những tác động từ viên đạn nổ của ông. Lysander rút ra một quyển sổ tay trong túi và xé đi một trang trong đó.

“Vậy đây là kẻ chịu trách nhiệm về cái chết của mẹ cháu”, Hano nói, vẫn nhìn Vandenbrook.

“Vâng. Và hắn đã cố giết bà mà không cần đụng một ngón tay lên người bà. Hắn sắp lợi dụng mẹ cháu - và cả cháu nữa - để đổi lấy một tấm

vé tự do cho mình".

"Để rồi vì mấy sự thật bất di bất dịch, hắn có thể mục rữa ở địa ngục", Hamo đáp. "Chú phải nói đây là công việc tốt lành cho buổi sáng đấy".

Lysander viết gì đó nguệch ngoạc trên tờ giấy, rút chiếc ghim chưa cài đằng sau ve áo. Anh cúi người, ghim mảnh giấy lên ngực Vandenbrook Mẫu giấy viết "ANDROMEDA".

"Chú cho rằng cháu biết mình đang làm gì", Hamo nói.

"À, vâng".

Lysander khẽ lấy khẩu súng ngắn từ trong tay Vandenbrook, bước ra xa một chút và bắn một phát xuống đất. Rồi anh lại nhét khẩu súng vào tay Vandenbrook, đặt ngón trỏ lên cò súng.

"Khẩu súng bé tẹo ấy chẳng làm được trò trống gì đâu", Hamo nói, gần như có ý giễu cợt.

"Họ sẽ chẳng quan tâm đâu. Andromeda đã tự sát - đó là tất cả những gì họ cần, họ muốn. Chúng ta sẽ chẳng còn nghe gì về chuyện này nữa. Xe chú đâu?"

"Góc đường Hampstead Lane. Chú nghĩ hắn cho rằng mình bị theo dõi - nên hắn bắt taxi quẹo hết chỗ này lại ngoặt chỗ kia. Chú không thể mạo hiểm đến mức để hắn phát hiện ra".

Lysander vòng hai tay quanh vai và ngực ông chú. Những giọt lệ ngân ngấn trong mắt anh.

"Chú đã làm một điều cực kì đúng đắn, chú Hamo. Chỉ cảm ơn chú thôi là không đủ".

"Chú đã bảo mày cứ gọi chú mà, con trai. Bất kì lúc nào".

"Cháu biết, bây giờ giữa hai chúng ta có bí mật rồi".

“Chú sẽ giữ *im lặng như nấm mồ*”

Hai chú cháu rời khỏi chỗ xác Vandenbrook, đi qua rừng, ra đường Hampstead Lane. Ánh mặt trời yếu ớt cố gắng xiên những tia nắng qua đám mây. Trong một vài giây, ánh sáng mang một màu vàng bóng loáng, nhợt nhạt.

MỘ MẸ TÔI nằm ở góc phía bắc của nghĩa trang St Botolph, nhà thờ xứ đạo Claverilegh. Đó là một khoảng đất trơ trọi và khá lạnh lẽo, cách xa những cây thủy tùng trải rộng viền quanh đến cổng vòm. Điều đó khiến nơi này trở nên tối tăm, đầy sát khí. Tôi muốn có ánh sáng chiếu lên mộ mẹ. Hugh Faulkner đã trồng hai cây anh đào nở hoa trên một trong hai bên bia mộ. Mùa xuân tôi sẽ lại đến khi hoa anh đào bừng nở, tưởng nhớ về mẹ trong những phút giây yên tĩnh hơn. Trên mộ bà có ghi:

PHU NHÂN ANNA FAULKNER

1864 - 1915

Góa phụ của Nam tước đời thứ 5 Crickmay Faulkner

1838 - 1915

Trước là vợ của

Halifax Rief

1840 - 1899

Mẹ của Lysander Rief

“Mãi mãi được ghi nhớ, mãi mãi được yêu thương”

Vậy là lịch sử cá nhân phức tạp của chúng tôi đã biến thành những thông tin, những con số và từ ngữ lạnh lùng thế này.

Tôi không bao giờ quay về khu nhà phụ nữa - tôi không để lại gì phòng 205 - và thấy mừng khi thoát khỏi cái mùi thuốc khử trùng đầy ám ảnh

dai dẳng ấy. Tôi đã ghé về khách sạn Cung điện Trắng Pimlico để nhận thư từ được gửi tới đó và cung cấp cho nhân viên quản lí địa chỉ mới để ông ta có thể chuyển tiếp tới tôi. Tôi ngày càng thấy thích chung cư Travelyan House 3/12 đến lạ lùng. Sau khi nghe tin về cái chết tội nghiệp của Greveille Varley tại Kut-al-Amara, Lưỡng Hà, do bệnh lị, tôi đã bỏ hợp đồng thuê ở Chandos Place, Thư gửi cho tôi - chủ yếu là các giấy báo và những lời mời kinh doanh (tai họa của cuộc sống tài chính đối với sĩ quan phục vụ lâu năm) - là thư của Hettie,

Lysander, anh yêu

Anh có thể tha thứ cho em không? Em nổi đóa với anh bởi vì em rất buồn. Tuy nhiên, lẽ ra em không bao giờ nên nói những điều ấy (đặc biệt là về Lothar - em có gửi ảnh kèm theo đây). Em cảm thấy xấu hổ, đành trông chờ vào bản chất dễ thông cảm và khoan dung của anh thôi. Em đã quyết định li dị Jago và sang Mỹ. Em muốn sống tại một đất nước thanh bình, trung lập - em mệt mỏi với cuộc chiến khủng khiếp, bất tận này rồi. Một người bạn của em điều hành một "khu nghệ sĩ" tại New Mexico. Bất kể nơi ấy ở đâu, em cũng sẽ đến tham gia cùng anh ta và trở thành giáo viên.

Em phải cho anh biết rằng Jago không dễ chấp nhận chuyện này. Ông ta cho rằng nguyên nhân là do anh. Rõ ràng ông ta đã đến London và theo dõi anh. Khi anh trông thấy ông ta vào cái đêm Zeppelin tấn công ấy, ông ta đã hốt hoảng và thú nhận hết với em,

Em biết chúng ta sẽ luôn là bạn. Em xin chúc anh mọi điều may thắn trong cuộc hôn nhân sắp tới (một cô nàng may mắn!). Trao anh mọi tình yêu tốt đẹp nhất của em, Hettie (không còn Venora nữa).

Tái bút: Nếu anh có thể tìm cách gửi cho em 50 bảng đến Bưu điện Trung tâm tại Liverpool , em sẽ vô cùng biết ơn anh. Em sẽ khởi hành sang "Mỹ" trong hai tuần.

NHỮNG DÒNG ĐƯỢC VIẾT RA DƯỚI ẢNH HƯỞNG CỦA CLO HYDRAT

> Hơi nóng mùa hè ấy tại Vienna, cường độ lớn
> Tỏa xuống từ bầu trời trắng xóa, nặng như thủy tinh
> Tôi không hi vọng
> Tôi không hi vọng được thấy
> Tôi không hi vọng cũng như không thấy
> Tại sao mấy ban nhạc ấy lại chơi trong công viên Prater?
> Chẳng ai nói cho tôi biết chuyện gì xảy ra
> Cô ấy thật xinh đẹp
> Cô ấy thật tốt
> Chúng tôi không thể bị bỏ lại
> Ở khách sạn Hotel Sport và Riche
> Tôi không thấy hi vọng
> Hi vọng chẳng thấy tôi
> *Đenđenđenđentrắngđenđenđen*
> Chúng tôi trở mình trong bộ đồ vải lanh
> Chúng tôi cố gắng trong bóng tối rừng táo
> Chúng tôi tìm thấy hạnh phúc dưới giàn mắt cáo cây ông lão

> Hãy xoay anh lại đi, đặt anh xuống và hãy làm lại đi
> Một màu đen, than ôi - tôi chẳng thấy gì hết
> Tara-loo, thưa bà, tara-lee, tara-loo-di-do
> Tôi mơ về một người đàn bà.

Blanche và tôi đã định ngày cưới vào mùa xuân - tháng Năm năm 1916. Hamo sẽ là phù rể tốt nhất của tôi. Blanche và tôi qua đêm với nhau nhiều lần nhưng tôi vẫn cần clo hydrate để ngủ. Tôi đến thăm bác sĩ Bensimon tại Highgate tuần một lần, nói về câu chuyện của hai năm trước. Trạng thái song song đang có hiệu quả, chậm rãi - tôi đang bắt đầu sống với một phiên bản những sự kiện, trong đó hình ảnh người đàn ông có râu và cậu bé tóc vàng hoe bò ra khỏi con hào trước khi lựu đạn của tôi phát nổ. Cả hai đều bị thương nhẹ nhưng vẫn bò về được phòng tuyến quân Đức. Tôi càng tập trung vào câu chuyện này, càng sáng tạo thêm các chi tiết chính xác nhiều hơn, sự hợp lí của nó càng đánh lừa được tôi. Có lẽ vào một đêm nào đó, tôi sẽ ngủ được một giấc yên bình, không cần dùng đến thuốc.

Tôi viết thư cho Trung sĩ Foley tại bệnh viện Mắt Stoke Newington, nhưng đến giờ vẫn không được hồi âm. Có thể sẽ tốt hơn nếu tôi không biết thêm chuyện gì nữa về đêm đó - khó khăn lắm mới gạt được chuyện này ra khỏi đầu - nhưng tôi cảm thấy cần phải gặp Foley và nghe giải thích về chuyện đã thực sự diễn ra.

Ngày mai tôi có buổi thử giọng- cuộc sống của chính tôi đang trở lại. Một bản dựng lại vở *Con người và Siêu nhân* của George Bernard Shaw,

Tôi ngồi đây nhìn bức ảnh chụp Lothar mà Hettie gửi. Tấm ảnh chụp thằng bé đang nhăn nhó ở studio - có vẻ sắp khóc đến nơi - nó ăn mặc

như con gái với chiếc áo khoác ngoài giả nông dân. Mái tóc xoăn đen và dài. Trông nó có chút nào giống tôi không? Tôi nghĩ một phút - có giống đấy. Phút sau tôi lại nghĩ - không, chả giống gì cả. Nó có thật sự là, có đúng là con tôi không? Hettie đã phản bội Udo Hoff để yêu tôi - lẽ nào Cô ta lại không phản bội tôi để yêu một ai đó khác? Liệu có thể chắc chắn được không?

Về chuyện này, tôi hay nghĩ đi nghĩ lại, như tôi thường xuyên nghĩ về cái buổi bình minh tháng Mười ấy ở Hampstead Heath, khi tôi chờ mặt trời lên, đợi Vandenbrook đến. Tôi biết hắn sẽ đến và hi vọng rằng ánh mặt trời ngày hôm ấy sẽ gợi lên sự thấu hiểu, minh bạch - một tầm nhìn rõ ràng nhất. Khi ghim dòng chữ "Andromeda" lên áo khoác của Vandenbrook, tôi nghĩ mình đã có được điều ấy. Mọi thứ đều được giải quyết, giải thích rõ ràng. Nhưng khi từng ngày qua đi, những câu hỏi khác lại bám lấy tôi, quấy rối tôi và khiến tôi nghĩ lại. Cho đến lúc trời tối thì tôi đã lẫn lộn hết cả. Có thể cuộc sống chính là thế - chúng ta cố gắng nhìn cho rõ một vấn đề, nhưng rốt cuộc chẳng thấy gì rõ ràng hết, sẽ chẳng bao giờ rõ ràng. Chúng ta càng cố gắng bao nhiêu, mọi chuyện lại càng trở nên tối tăm bấy nhiêu. Tất cả những gì còn lại cho chúng ta chỉ là những phỏng đoán, sắc thái và vô số lời giải thích hợp lí. Hãy chọn lấy một trong số này.

Sau tất cả những gì đã trải qua, tôi cảm thấy bây giờ tôi đã hiểu thêm một chút về thế giới mới mẻ này. Và có lẽ tôi đã có được cái nhìn thoáng qua về tương lai của thế giới. Tôi có cơ hội tận mắt chiêm ngưỡng những công nghệ công nghiệp kì vĩ của cả hai cỗ máy chiến tranh thế kỷ XIX, cả hai đều có nguồn tài nguyên khổng lồ, từ bộ máy quan liêu, mục tiêu của chúng là những dân thường bé nhỏ, yếu ớt. Thế nhưng bất chấp cái nhìn

cận cảnh ưu tiên và kiến thức quý báu thu lượm được, tôi cảm thấy như mình càng biết nhiều, thì sự minh bạch và chắc chắn ngày càng lu mờ và tan đi hết. Khi chúng ta tiến vào tương lai, điều nghịch lý sẽ trở nên rõ ràng hơn - trắng và đen, trong trắng có đen. Càng biết nhiều thì càng hiểu ít, Quá đủ khôi hài rồi, tôi có thể sống thật hạnh phúc với ý tưởng đó. Nếu đây là thế giới hiện đại của chúng ta, tôi thấy mình là một người rất hiện đại.

Tôi gặp Munro vào buổi trưa, cạnh bức tượng con sư tử ở hướng đông nam, dưới chân tượng đài Nelson Column trên quảng trường Trafalgar. Hôm nay là một ngày xám xịt, lạnh lẽo với những cơn mưa liên tiếp, rồi lại mưa bụi. Chúng tôi đều mặc áo choàng tráng cao su, trông như một cặp vợ chồng đi du lịch. Một cơn mưa rào nặng hạt suốt mười phút trước đó khiến những viên đá lát trở nên bóng nhoáng, những mặt tiền ám khói ẩm ướt của các tòa nhà xung quanh - trường Cao đẳng Phẫu thuật Hoàng gia, Gallery Quốc gia, Nhà thờ St Martin - gần như khoác một màu đen mượt như nhung. Tia nắng yếu ớt cố gắng trong vô vọng xuyên qua những đám mây đen dày đặc, chỉ rọi được qua vài khe hở nhờ những khi gió thổi. Kết hợp với nét u sầu của những trận mưa màu tím sắp dâng đầy cửa sông Thames, khung cảnh như được khoác một lớp ánh sáng uể oải vàng vọt gợi sự hiếu kì. Quang cảnh những con đường dẫn xuống Pall Mall, Whitehall và Northumberlan được thắp sáng bằng ánh hồ quang, nhân tạo và lạ lùng. Trông những khối nhà thành phố như có thể bừng sáng giống khung cảnh trên sân khấu, được lắp ráp lại ở nơi nào đó. Tôi cảm thấy khó chịu và bực mình, vì thời tiết và thứ ánh sáng như trêu ngươi kia, như thể tôi đang ở trong nhà hát và đang diễn kịch vậy.

MUNRO: Tại sao chúng ta lại gặp nhau thế này, hả Rief? Tất cả không cần thiết đâu.

LYSANDER: Cho phép tôi đi. Vào lúc này, tôi thích những chỗ đông người.

MUNRO: Chúng tôi đã tìm thấy "Andromeda", dĩ nhiên rồi, đi lên chỗ cây thạch nam, thấy mảnh giấy cậu để lại trên người hắn. Cảnh sát gọi cho chúng tôi. Mọi thứ đều rất gọn gàng. Phải nói là chúng tôi rất biết ơn cậu,

LYSANDER: Vandenbrook, hắn ta rất thông minh. Rất thông minh đấy.

MUNRO: Không đủ thông minh đâu. Cậu đã tóm được hắn và giải quyết hắn. Tôi đã đọc những bằng chứng cậu cung cấp rồi - rất chi tiết.

LYSANDER: Tốt. Hắn chưa bao giờ bị tống tiền, ông biết đấy. Đây là ý tưởng đầu tiên trong những ý tưởng thông minh của hắn. Hắn đã chuẩn bị sẵn mọi thứ để phòng khi bị phát hiện. Chẳng có con bé mười tuổi nào hết, không có lời khai xác thực nào, không có ngọc trai gì hết... Việc đó tạo cho hắn một cái cớ - và có thể nó đã cứu hắn khỏi giá treo cổ nếu hắn không tự bắn vào chân mình.

MUNRO: Phải... Đến cuối cùng làm thế nào cậu biết đó là hắn?

LYSANDER: Tôi phải thừa nhận - tôi đã hoàn toàn bị thuyết phục trước câu chuyện tống tiền của hắn. Thế rồi hắn lại để lộ bản thân - chỉ một chút thôi. Thậm chí khi hắn nói tôi còn không nhận ra - tôi chỉ nhớ ra điều đó vài tiếng sau khi đang cố gắng ngủ lại.

MUNRO: Tôi chắc chắn cậu sẽ nói cho tôi biết điều đó chứ.

LYSANDER: Đêm đó tất cả chúng ta gặp nhau tại nhà hát, Vandenbrook đã nói đến vở nhạc kịch *Andromeda và Perseus*.

MUNRO: Văn bản nguồn của Glockner...

LYSANDER: Chính xác. Tôi đã nói đến nó - vở opera ấy - và hắn bảo hắn nghe nói đó là một vở "mùi mẫn". Làm sao hắn biết được? Hắn chưa bao giờ xem nó. Mà là hắn đã xem lời vở nhạc kịch với ảnh bìa khiêu khích. Hắn đã ăn cắp nó trong văn phòng của mẹ tôi và sử dụng nó làm văn bản nguồn cho mật mã Glockner.

MUNRO [suy nghĩ]: Đúng. Thế còn cuộc gặp mặt mọi người tại nhà hát là thế nào?

LYSANDER: Tôi muốn Vandenbrook nhìn thấy các ông - ông Fyfe-Miller và Massinger. Để xem hắn có nhận ra các ông không. Đến lúc ấy tôi vẫn tin rằng hắn đang bị tống tiền.

MUNRO:Cậu đang nói rằng cậu nghi ngờ một trong số chúng tôi?

LYSANDER: Tôi e là thế. Dường như vào lúc ấy đó là một kết luận rõ ràng. Tôi tin rằng một trong số ba người các ông - một trong số các ông là Andromeda thật sự. Cho đến khi hắn phạm sai lầm.

MUNRO: Tôi không hiểu...

LYSANDER: Khi còn ở Vienna, tôi đã quen một sĩ quan quân đội người Áo bị buộc tội ăn cắp tiền ăn của các sĩ quan. Bây giờ tôi chắc chắn ông ta có tội nhưng có đến mười một nghi phạm khác nhau. Thế nên ông ta đã ẩn đằng sau những nghi phạm khác và khéo léo lợi dụng họ - giống hệt như Vandenbrook. Và như thế ông ta đã thoát lưới an toàn. Khi có nhiều nghi phạm, người ta sẽ thiên về hướng nghi ngờ bất kì người nào và tất cả mọi người - điều đó có nghĩa bạn sẽ không thể tìm ra nghi phạm thật.

Một mánh khóe rất thông minh. Nhưng tôi có cảm nhận mạnh mẽ rằng toàn bộ chuyện này một mặt nào đó liên quan đến Vienna. Ông đã ở Vienna, Fyfe-Miller cũng thế - và Massinger cũng đã đến Vienna, rõ ràng là thế.

MUNRO Đúng, Massinger đã đến Vienna. Và cậu cũng ở Vienna.

LYSANDER: Tôi cũng thế. Và Hettie Bull cũng thế. Bác sĩ John Bensimon cũng vậy. Người duy nhất chưa đến đó là Vandenbrook, Chính điều này khiến hắn bị lộ. Hắn chưa từng tới Vienna, thế mà lại biết đến vở *Andromeda và Perseus.* Và quan trọng hơn hết, chi tiết này nằm trên tấm bìa lời nhạc kịch diễn ở Vienna, Bìa vở nhạc kịch diễn ở Dresden của Glockner không "gợi cảm" như thế. Chỉ là một dòng chữ đen bình thường trên nền trắng. Một lỗi rất nhỏ nhưng chết người. Và tôi là người duy nhất biết điều đó. Người duy nhất.

Munro trầm tư suy nghĩ, ngón tay giữa mân mê bộ râu cắt tỉa gọn gàng, một cử chỉ theo thói quen. Tôi có cảm giác ông đang tuyệt vọng tìm kiếm sai sót trong lí luận của tôi, một lỗi nào đó về logic - gần như đây là vấn đề về lòng kiêu hãnh của trí tuệ và lòng tự trọng. Như thể ông giận dữ trước tình huống tôi nêu ra và muốn đánh gục tôi, bằng cách nào đó.

MUNRO: Tất cả những lá thư Glockner đều được gửi tại London.

LYSANDER: Đúng.

MUNRO: Vậy ý cậu là Vandenbrook mang thư đến một khách sạn trên bờ biển phía nam. Để thư ở đó. Vài ngày sau cho một nhân viên đường sắt đến nhận thư rồi mang về London cho hắn. Hắn mã hóa rồi gửi thư đến Geneve.

LYSANDER: Đó là một phần trong vỏ bọc của hắn. Hắn chu đáo đến không thể tin nổi. Mọi thứ đều được suy tính kĩ càng. Mọi thứ phải phù hợp với câu chuyện tống tiền thống thiết của hắn rằng có một người khác đang khống chế hắn. Một Andromeda khác, nếu ông thích, Một người quan trọng hơn.

MUNRO: Chắc hắn phải kì công lắm.

LYSANDER: Và suýt nữa hắn đã thành công. Mà làm sao ông biết các lá thư Glockner có dấu bưu điện London?

MUNRO: Thì cậu nói mà.

LYSANDER: Tôi nói sao? Tôi không nhớ.

MUNRO: Vậy thì chắc là bà Duchesne rồi,

LYSANDER: Chắc thế...

MUNRO: Làm sao cậu dám chắc Vandenbrook là Andromeda?

LYSANDER: Làm sao ông có thể dám chắc về mọi thứ? Đó là phán đoán tốt nhất của tôi. Suy luận cẩn trọng nhất của tôi. Lời giải thích chín chắn nhất của tôi. Vandenbrook rất khôn ngoan - à mà hắn còn là một diễn viên tài năng hiếm có, vượt xa cả tôi. Tôi ước gì mình có được một nửa tài năng của hắn. Hắn đã tạo nên một lớp quyền lực vô hình trên đầu, khiến hắn trở thành một nạn nhân, một kẻ bị lừa bịp, một con tốt thí. Đừng nhìn tôi. Tôi là miếng thịt rán nhỏ, hắn nói thế - rằng kẻ điều khiển thật sự nằm ở đâu đó. Tôi đã tin hắn trong suốt một thời gian nhưng tất cả hoàn toàn là bịa đặt.

MUNRO: Thế tại sao hắn còn cố gửi lá thư cuối cùng?

LYSANDER: Đó là khởi đầu cho mánh khóe của hắn. Hắn thấy tôi đến Ban Hậu cần và biết chính xác tôi đang tìm cái gì - rằng tôi có thể đang

thu rất hẹp phạm vi các nghi phạm và sẽ sờ đến hắn - thế nên hắn khởi động kế hoạch đào thoát. Dĩ nhiên chính hắn đã mã hóa các thư Glockner. Hắn có văn bản nguồn mà. Nhưng hắn phải tự khoác một vỏ bọc phòng khi tôi tìm ra hắn. Và dĩ nhiên tôi có thể không bao giờ bắt được lá thư cuối cùng, nhưng hắn không thể mạo hiểm như thế được.

MUNRO: Chẳng phải như thế hơi quá tinh vi sao? Tinh vi quá mức ấy? Ngay cả đối với Vandenbrook?

LYSANDER: Đây là thế giới của ông Munro, không phải của tôi. Tôi nghĩ "quá tinh vi" hay "tinh vi quá mức" là những đặc tính mặc định của thế giới này, đúng không? Lừa đảo với ba lá bài à? Lừa đảo với bốn lá bài à? Hay trò đố chữ của học sinh lớp ba? Hay lớp mười? Tôi không giỏi về mặt tiền nong. Tại sao ông không hỏi chuyên gia như bà Duchesne? Tốt hơn ông nên tự hỏi mình đi?

Munro nhíu mày. Trông ông như không tin vào cuộc tranh luận.

LYSANDER: Ông không tin à?

MUNRO: Những cuộc tấn công mùa hè sang năm sẽ cho chúng ta câu trả lời cuối cùng, tôi nghĩ vậy. Về việc liệu chúng ta có chặn được thông tin bị rò rỉ không.

LYSANDER: Tôi cho rằng ông nên dành vài ngày đến Ban Hậu cần và các bộ phận liên quan trong ban đi. Ở đó cả đấy. Các thông tin tầng tầng lớp lớp không thể chối cãi - rất dễ đọc. Nó quá lớn, Munro. Cỗ máy chiến tranh này rõ ràng quá vĩ đại, quá khổng lồ - ông không thể giấu bất kì cái gì có quy mô lớn đến thế, và khi ông ở quá gần như tôi. Bất kì ai cũng có thể là Andromeda - chỉ tình cờ đó là Vandenbrook thôi.

Munro nhìn tôi vẻ giễu cợt, như thể tôi là tên học trò hư đốn phá rối lớp học của ông.

LYSANDER: Hãy nghĩ những kẻ thù của chúng ta như các thành phố. Có một thành phố Anh, một thành phố Pháp, một thành phố Đức và một thành phố Nga. Rồi tiếp theo là thành phố Áo, thành phố Italia và thành phố Thổ Nhĩ Kỳ. Chúng cần mọi thứ mà một thành phố cần - nhiên liệu, giao thông vận tải, nguồn điện, thực phẩm, nước, vệ sinh, hành chính, bệnh viện, công an, tòa án, ban lễ tang và nghĩa trang. Vân vân và vân vân. Hãy suy nghĩ mỗi ngày trôi qua, các thành phố này cần nhiều đến thế nào, mỗi năm qua đi chúng tiêu thụ đến bao nhiêu. Các thành phố này có dân số đến hàng triệu người, bằng mọi giá họ phải được nuôi sống.

MUNRO: Tôi hiểu ý cậu. Đúng...

LYSANDER: Và còn một thành phần cuối cùng, độc đáo nữa.

MUNRO: Đó là gì?

LYSANDER: Vũ khí. Từng loại vũ khí có thể hình dung được. Những thành phố này đang cố gắng tiêu diệt lẫn nhau.

MUNRO: Phải... Điều đó khiến cậu nghĩ...

Ông im lặng một lúc, chân đá vào chú chim bồ câu đang đứng mổ mổ ngay cạnh chiếc giày bóng bẩy của ông. Con chim vỗ cánh bay cách đó vài bước.

MUNRO: Tại sao cậu lại giết Vandenbrook?

LYSANDER: Tôi không giết hắn. Hắn tự sát thôi. Khi tôi đe dọa hắn với bằng chứng về lời vở nhạc kịch. Hắn rút súng ra và tự bắn mình. Khám xét nhà hắn đi - ông sẽ tìm được bằng chứng sinh tử. Lời vở nhạc kịch *Andromeda và Perseus* là chìa khóa của mọi chuyện.

MUNRO: Chúng tôi không thể khám xét nhà hắn. Sẽ không làm được. Người góa phụ đau khổ, mấy đứa con gái mất cha kêu khóc. Người sĩ quan xuất chúng dâng hiến cả cuộc đời mình, từng bị thương trong cuộc chiến, đang phải hứng chịu những sức ép khủng khiếp và bị căng thẳng vì cuộc chiến tranh hiện đại... Không, không Và bố vợ hắn chắc sẽ có chuyện để nói nếu chúng tôi cử người đến xé nát cái nhà ấy ra.

LYSANDER: Vậy thì ông sẽ phải tin những gì tôi nói, đúng không?

Im lặng. Chúng tôi nhìn nhau, chẳng trao cho nhau cái gì.

MUNRO: Tôi rất tiếc khi nghe chuyện mẹ cậu.

LYSANDER: Vâng. Đó là bi kịch thật sự. Chỉ là bà không thể đối mặt, tôi nghĩ vậy. Nhưng đó là việc bà muốn làm. Tôi tôn trọng bà.

MUNRO: Dĩ nhiên... Dĩ nhiên rồi... Còn cậu thì sao, Rief: Bây giờ cậu muốn làm gì?

LYSANDER: Tôi muốn được xuất ngũ trong danh dự. Không vào quân đội nữa. Cuộc chiến của tôi đã kết thúc rồi.

MUNRO: Tôi nghĩ chúng tôi có thể thu xếp chuyện đó. Đó là điều tối thiểu nhất cậu đáng được nhận.

Chúng tôi bắt tay, nói lời chào tạm biệt đơn giản và chia tay nhau. Munro quay về phía đại lộ Northumberland đến khách sạn Whitehall, còn tôi đi lên phố Strand đến phố Surrey và khu chung cư Trevelyan House 3/12, Tôi không hề nhìn lại và cho rằng Munro cũng thế. Mọi chuyện đã kết thúc rồi.

63

Những Bóng đen

ĐÓ là một đêm tối om, đầy sương mù và có mưa phùn tại London, gần cuối năm 1945. Làn sương mù màu ngọc trai và màu khói, có vẻ như cuộn tròn lại và lơ lửng - như thể bay ra từ một triệu ngọn nến bị thổi tắt - xung quanh các khối nhà trong thành phố gần như một thứ cỏ dại đang lớn và mọc ngoằn ngoèo, len lỏi vào những bậu cửa và cầu thang, ngõ hẻm và phố nhỏ hay những tầng mái hoàn toàn không thể nhìn thấy. Mấy ngọn đèn đường tỏa xuống một quầng sáng hình nón màu vàng ẩm ướt không ngừng bật rồi tắt. Có vẻ ngay khi vừa chạm đến mặt đường sáng bóng quầng sáng ấy, chúng chợt thu mình lại thành một vòng tròn nhỏ mơ hồ. Như thể quầng sáng này chỉ làm được một việc, cố xuyên thủng bóng tối ẩm ướt đang bao trùm và rồi bị nhấn chìm.

Bạn đang đứng run rẩy trong góc tường trên phố Archer, dòm ra ngoài, cố gắng nhìn cho rõ thế giới đêm muộn đang trôi qua. Bạn chợt thấy một đám khán giả hăng hái hát và đợi chờ dàn diễn viên vở *Con người và Siêu nhân* ra về sau buổi diễn để xin chữ kí. Những tiếng cười sung sướng, tràng pháo tay lác đác bất ngờ. Dần dần đám người tản đi khi các diễn viên ra ngoài, kí tên, nói chuyện phiếm và ra về.

Ánh sáng đã tắt nhưng bạn vẫn thấy cánh cửa lại mở ra một lần nữa, một người đàn ông xuất hiện mặc áo mưa, mũ cầm trên tay. Anh ta nhìn lên bầu trời đêm tối đen, xem xét cái thời tiết ảm đạm này. Bạn có thể nhận ra anh ta là Lysander Rief. Anh đang đóng vai chính John Tanner

trong vở kịch này của George Bernard Shaw. Trông Lysander Rief mệt mỏi - anh ta có vẻ như bị mất ngủ. Có phải vì thế anh ta mới rời khỏi nhà hát bí mật như vậy, là người cuối cùng ra về? Anh ta đội mũ lên, cất bước - với sự tò mò mơ hồ - bạn đi theo anh ta, rẽ trái vào phố Wardour rồi nhanh chóng rẽ phải vào phố Old Compton, Bạn giữ khoảng cách nhưng vẫn đủ để nhìn thấy anh đi về nhà, xuyên qua màn đêm cô đặc, Anh chốc chốc lại dừng lại, nhìn xung quanh. Và khi đi tiếp, anh chuyển hướng đi dọc theo con phố, sang đường rồi lại sang đường, như thể cố tránh những vòng tròn vàng lờ mờ của mấy ngọn đèn đường. Sau một phút bạn bỏ cuộc - bạn còn nhiều việc hay hơn để làm - bỏ mặc Lysander Rief cứ thế đi về nhà hay có thể đi đâu cũng được. Chúc anh may mắn - rõ ràng anh ta là người yêu thích những đường viền, mép các con phố trong thành phố, những đường viền mờ mờ - ở những nơi ấy rất khó nhìn rõ được mọi thứ, khó phân biệt chính xác cái gì ra cái gì, ai là ai. Lysander Rief trông như một người không chỉ cảm thấy dễ chịu, thoải mái trong màn đêm giá lạnh nhưng an toàn, anh còn hạnh phúc hơn nhiều với sự thoải mái mơ hồ của những bóng đen.

Bà hoàng Âm phủ, nữ thần trong Thần thoại Hy Lạp, là con gái của thần Zeus và nữ thần nông nghiệp Demeter. Nàng là cô gái đẹp như hoa khiến thần Hades say đắm nên đã lấy nàng làm vợ. Tên của nữ thần có nghĩa là "Kẻ phá hoại", Một tên khác của nàng là Kore mang ý nghĩa "đồng trinh". (Các chú thích trong tác phẩm đều của người dịch).

Narcissus là một nam thần rất đẹp trai, Ngày nọ chàng đi lang thang bên bờ suối, soi bóng dưới nước, chợt nhận ra khuôn mặt mình rất đẹp. Đẹp đến nỗi Narcissus không còn có thể yêu ai khác ngoài cái bóng của mình. Cũng vì thế chàng không yêu nổi nữ thần Echo. Cuối cùng cả hai chết trong tuyệt vọng rồi hóa đá, mọc lên loài hoa tên là Thủy tiên.

Truyện kể rằng Euridice, vợ của Orpheus, bị rắn cắn chết trong ngày cưới Đau lòng trước cái chết của nàng, Orpheus cất lên tiếng ca đau thương, khiến cho thiên nhiên, thần tiên phải rơi lệ, Chàng xuống âm phủ thuyết phục được vợ chồng Hades cho mình đưa vợ về. Nhưng vì lỡ một lần quay lưng lại nhìn vợ, nên nàng Euridice mãi mãi phải ở lại nơi địa phủ.

Đồng tiền vàng 21 silinh của Anh thời kì 1663-1813

Còn gọi là khắc nóng bằng cách dùng dao khắc có mũi nhọn để vạch, khía các hình vẽ theo ý muốn lên một tấm kim loại đã được phủ kín hai mặt bằng một loại sơn hay vecni để chống lại sự ăn mòn của axit. Nhúng tấm kim loại vào dung dịch axit, những chỗ kim loại lộ ra sẽ bị axit ăn mòn. Tính thời gian cho đến khi sự thẩm thấu của axit vừa đủ độ sâu thì dừng lại. Sau đó, rửa sạch lớp phủ trên tấm kim loại bằng dầu hỏa hoặc dầu thông để hoàn tất việc chế bản

Tiếng Đức nguyên bản.

Bull là tên riêng và có nghĩa là Bò đực trong tiếng Anh

Nhà soạn kịch nổi tiếng người Anh (1856-1950).

Tiếng Đức nguyên bản (Mời vào).

Tiếng Đức nguyên bản (Xin lỗi).

Niccolo Paganini (1782-1840), nghệ sĩ chơi violin, viola, guitar và là nhà soạn nhạc.

Nguyên văn: Crown (đơn vị tiền tệ Anh bằng 5 silinh).

“Ghệt” là phiên âm từ tiếng Pháp “gueetre”; một miếng vải hay da mà nam giới quấn trên mắt cá chân sau khi mang giày.

Johann Strauss II (1825 - 1899): nhà soạn nhạc người Áo, còn được biết đến với những cái tên như: Johann Baptist Strauss, Johann Strauss, Jr., hay Johann Strauss the Younger. Ông đã sáng tác hơn 500 tác phẩm cho các thể loại nhạc khiêu vũ như van, Polka, diễu hành, và galop.

Năm 1894, nhà văn Anh Anthony Hope in tiểu thuyết Người tù của Zenda lấy bối cảnh là vương quốc tưởng tượng Ruritania. Tác phẩm kể về những cuộc phiêu lưu của Rudolf Rassendyll, một người Anh giả làm vua Ruritania để cứu ông ta khỏi một âm mưu tạo phản.

Breast: (Tiếng Anh nguyên bản ngực, vú.

Prest: (Tiếng Anh nguyên bản) vị thầy tu.

Oedipus là một trong những anh hùng nổi tiếng nhất trong thần thoại Hy Lạp. Chàng là người giết cha, cưới mẹ, thắng con nhân sư quái ác rồi trở thành vua xứ Thebes (Hy Lạp). Nhà phân tâm học Sigmund Freud đã mượn truyền thuyết này để đặt tên cho một đặc điểm tâm lí ở trẻ nhỏ từ ba đến năm tuổi mang tên mặc cảm Oedipus: đứa trẻ thể hiện sự quý mến người sinh thành ra mình, thuộc giới tính khác mình nhưng lại đố kị và căm ghét bậc phụ huynh cùng giới tính với mình.

Andromeda là một công chúa trong thần thoại Hy Lạp. Do thói khoe khoang của Cassiopeia, mẹ cô, Chúa trời đã phạt Công chúa Andromeda bằng cách lột trần và xích cô vào một tảng đá làm vật hiến tế cho một con quái vật biển. Cô được Perseus cứu thoát, sau đó hai người trở thành vợ chồng.

Vô điệu thức theo nghĩa rộng nhất mô tả một thể loại nhạc không có một chính âm, hay được gọi là khóa. Vô điệu thức theo nghĩa này, thường mô tả các tác phẩm được sáng tác từ khoảng năm 1908 đến nay, khi sự phân chia các cao độ tập trung vào một âm chính không được dùng và các nốt có chức năng gam nửa cung độc lập với nhau. Theo nghĩa hẹp hơn, thuật ngữ này nói về một thể loại nhạc không tuân theo hệ thống phân chia âm làm nên đặc trưng âm nhạc châu Âu từ thế kỷ XVII đến XIX.

Thực tại vật lí hay thực tại thể lí, theo quan điểm siêu hình, thường mang nghĩa là “không thực” hoặc “là một ảo ảnh”.

Một loài động vật quý hiếm nhất hành tinh

Tên của loại thảm trải sàn đặc sắc và tinh tế của thành phố Shiraz Iran.

Một loại hồng trà nổi tiếng từ Ấn Độ.

Từ cũ chỉ người dân của Cộng hòa Séc.

Nguyên văn: “Cakewalk”.

Tiếng Italia: Xin lỗi.

Tiếng Italia: Xin chú ý.

Tiếng Italia: Cho qua nào.

Tên một vở kịch của Shakespeare (Measure for Measure).

Franz Joseph I Karl - tiếng Đức, I. FerencJozséf theo tiếng Hungary, còn viết là Franz Josef l (1830-1916) là Hoàng đế Áo đồng thời là vua Hungary-Croatia và Bohemia từ năm 1848 tới năm 1916, Ông cai trị tới 68 năm, đứng thứ ba trong danh sách các vua chúa trị vì lâu dài nhất châu Âu (sau Louis XIV của Pháp và Johann II xứ Liechtenstein) và lâu hơn Nữ hoàng Victoria của Anh 4 năm.

Vữa dùng để trát tường, đắp tạo hình nổi.

Kiến trúc lấy theo tên ngài John Soane (1753-1837) là một kiến trúc sư người Anh với phong cách Bán cổ điển. Ông trở thành giáo sư kiến trúc tại Học viện Hoàng gia, là kiến trúc sư chính của Văn phòng Xây dựng và được phong tước hiệp sĩ năm 1831, Ông ưa thích sử dụng các mái vòm thấp.

D,H, Lawrence (1885 - 1930) là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà phê bình, họa sĩ nổi tiếng của Anh, được đánh giá là một trong những nhân vật vĩ đại nhất trong nền văn học Anh thế kỷ XX. Tiểu thuyết của Lawrence thường viết về những tình yêu lãng mạn, mãnh liệt của những số phận đầy sóng gió. Trong đó, tình yêu, tình dục đan xen vào nhau như hai mảng màu chính.

Viết tắt của East Sussex Light Infantry: Trung đoàn Bộ binh Đông Sussex

Vào năm 1915, con tàu Lusitania của nước Anh bị tàu ngầm Đức đánh đắm bằng thủy lôi, mang theo 1.198 sinh mạng xuống đáy biển, trong đó có 124 người Mỹ.

Dải vải chéo dài quấn kín ống chân, hoặc ống vải hở hai đầu may sẵn, bao lấy ống chân hoặc ống quần cho gọn gàng để bảo vệ chân. Có loại một

màu, có loại hai màu xen kẽ. Xà cạp bằng da có thể thay cho ghệt, ủng. Có tác dụng tránh đỉa, vắt, bùn, gai, bảo vệ chân, tạo dáng gọn, khỏe,

Một loại bàn gồm hai mảnh ghép bằng bản lề, có thể gấp lại khi không sử dụng.

Tiếng Pháp nguyên bản

Một loại pháo sáng phổ biến nhất, thường gọi là Very (đôi khi là Verey) đặt theo tên của Edward Wilson Very(1847-1910). Ông là sĩ quan hải quân Mỹ đã sáng chế và phổ biến kiểu súng mũi hếch, nạp đạn ở khóa nòng bắn phát một, chuyên dùng bắn pháo sáng (Very fare: rất sáng).

, [43] Tất cả các câu trong đoạn hội thoại này Lysander nói bằng tiếng Pháp, nhưng bị hiểu nhầm là lính Đức.

Hiện tượng xuất hiện ánh sáng hồng trên đỉnh núi lúc mặt trời mọc hay lặn.

Massinger muốn nói đây là khách sạn Grand Beau gián điệp, không phải Grand Beau trên bờ sông.

Tiếng Đức nguyên bản

Tên viết tắt theo tiếng Anh: Page - Line - Word - Letter: trang dòng từ, chữ.

Đơn vị đo lường Anh, bằng 8,2kg.

Nhân vật trong vở Vua Lear.

Dân tộc du mục từ miền bắc Ấn Độ di cư sang Tây Âu thế kỷ XV.

Bằng một phần trăm của một frăng (đơn vị tiền tệ Pháp).

Tiếng Pháp: Kẻ phản bội

Tiếng Pháp: Đối đãi, đối xử

Khinh khí cầu ném bom của Đức mang tên người sáng tạo ra nó. London bị ném bom tháng 5 và tháng 7 năm 1916. Trong năm này, 23 cuộc đột kích đường không thả 125 tấn bom khiến 293 người chết, 691 người bị thương.

Hãng xe hơi của Đức.

Một loại dầu hắc ín lỏng

Đạn súng đầu có rãnh khía hoặc khoang rỗng, dễ vỡ hoặc biến dạng khi vào trong cơ thế, làm vết thương nặng hơn, Đum Đum là tên gọi một địa điểm ở ngoại ô thành phố Calcutta (Ấn Độ) - nơi sản xuất loại đạn này, theo đơn đặt hàng của Anh. Sau đó thành tên gọi của cả những loại đạn súng có đầu phát nổ. Hội nghị quốc tế lần thứ nhất ở La Hay (1899) đã tuyên bố cấm sử dụng đạn đum đum, nhưng quân đội Pháp vẫn sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam (1946 - 1954).

Table of Contents

TÁC GIẢ
GIỚI THIỆU TÁC PHẨM
PHẦN I: VIENNA, 1913 – 1914
1. Một Anh chàng khá Điển trai
2. Quý cô Bull
3. Bức Phù điêu châu Phi
4. Wiener Kunstmaterialien (WKM)
5. Dòng sông Tình dục
6. Đứa con trai của Halifax Rief
7. Thủ Dâm - Thói nghiện Nguyên thủy
8. Ngài Sĩ quan Kị binh sôi nổi
9. Những cuộc điều tra Tự thuật
10. Cảm nhận Lạ lùng về sự Khác biệt
11. Trạng thái Song song
12. Andromeda
13. Những cuộc điều tra Tự thuật
14. Chức năng Kể chuyện Ngụ ngôn
15. Studio Ottakring
16. Kế hoạch của Quỷ
17. Những cuộc điều tra Tự thuật
18. Những Kích động Thần kinh
19. Vòng cung một Chuyện tình
20. Con Trai hay Con Gái ?
21. Biệt thự Nhỏ theo Phong cách Cổ điển
22. Những cuộc Điều tra Tự thuật
23. Chiếc Chìa khóa mới bằng Đồng
24. Sự Khéo léo
25. Trieste
PHẦN HAI: LONDON, 1914
26. Ăn miếng trả miếng
27. Buổi tối Mùa hè
28. Chuyến Đi bộ đến Winchelsea
29. Một Thằng bé Ngọt ngào

30. Lời Lăng mạ lố bịch đối với Thi sĩ
31. Những cuộc điều tra Tự thuật
32. Những Kẻ Xa lạ và Thù địch
33. Những cuộc Điều tra Tự thuật
34. Quỹ Chiến tranh Tòa Thị chính Claverleigh
35. Mật mã Một - Một
36. Những cuộc Điều tra Tự thuật
37. Sĩ quan người Anh
PHẦN BA: GENEVE, 1915
38. Những Lá thư Glockner
39. Quán bia Bastions
4025. .000 Frăng, Khoản Trả góp Đầu tiên
41. Kẻ Tàn ác
42. Tom O'Bedlam
PHẦN BỐN: LONDON, 1915
43. Những Cuộc Điều tra Tự thuật
44. Chiếc xe Thể thao Hai chỗ Mui xếp
45. Ngôi nhà phụ trên con đường đắp
46. Sự can đảm của người Anh
47. Những cuộc Điều tra Tự thuật
48. Những Nghi phạm
49. Khách sạn Dene, Hythe
50. Chiếc xe Daimler của ngài Đại tá
51. Những cuộc điều tra Tự thuật
52. Chuỗi Kết quả Không ngờ
53. Cảm giác Chẳng có gì Thay đổi
54. Những cuộc Điều tra Tự thuật
55. Chung cư Trevelyan House số 3/12, phố Surrey
56. Những cuộc điều tra Tự thuật
57. Mười hai con Sò và một Khoanh thịt Chân giò
58. Những cuộc Điều tra Tự thuật
59. Một Tách trà và một chai Rượu thuốc Brandy
60. Không phải là lúc ăn mừng
61. Chờ Mặt trời Lên
62. Những cuộc điều tra Tự thuật
63. Những Bóng đen